



# HƯỚNG DẪN CÔNG VIỆC

## SỬ DỤNG ỨNG DỤNG FPT CAMERA

**Mã hiệu** 2-SEL.4.0.1.1-HD/KD/HDCV/FTEL

**Phiên bản**

**Ngày có hiệu lực** \_\_/\_\_/2023

<u>Người phê duyệt</u>	<u>Người xem xét</u>	<u>Người lập</u>
Nguyễn Anh Đức (FSS)	Đinh Cao Sơn (FSS)	Trương Thị Thủy (FSS)

Mục	Nội dung	
<b>I</b>	<b>THÔNG TIN CHUNG</b>	<u><a href="#">6</a></u>
1	MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG	<u><a href="#">6</a></u>
<b>II</b>	<b>HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN</b>	<u><a href="#">7</a></u>
<b>A</b>	<b>MOBILE (ANDROID, IOS)</b>	<u><a href="#">7</a></u>
<b>I</b>	<b>FAMILY PLATFORM</b>	<u><a href="#">8</a></u>
1	CÀI ĐẶT ỨNG DỤNG FPT CAMERA	<u><a href="#">10</a></u>
2	ĐĂNG KÍ TÀI KHOẢN SỬ DỤNG	<u><a href="#">11</a></u>
3	HƯỚNG DẪN THÊM MỚI VÀ CÀI ĐẶT CAMERA	<u><a href="#">13</a></u>
4	ĐĂNG KÍ GÓI CLOUD	<u><a href="#">45</a></u>
5	ÁP DỤNG MÃ DỊCH VỤ CLOUD	<u><a href="#">46</a></u>
6	HƯỚNG DẪN XEM CAMERA	<u><a href="#">74</a></u>
7	CHIA SẺ CAMERA	<u><a href="#">100</a></u>
8	KHÔI PHỤC TÀI KHOẢN ĐÃ ĐĂNG KÍ (RESET MẬT KHẨU)	<u><a href="#">104</a></u>
9	QUẢN LÝ THIẾT BỊ KẾT NỐI (PAIRED DEVICES MANAGEMENT)	<u><a href="#">106</a></u>
10	QUẢN LÝ CAMERA (CAMERA MANAGEMENT)	<u><a href="#">110</a></u>
11	CẢNH BÁO VÙNG (GUARD ZONE)	<u><a href="#">111</a></u>

Mục	Nội dung	Trang
12	CHẨN ĐOÁN TÌNH TRẠNG CAMERA (DIAGNOSTIC)	<a href="#">121</a>
13	NHẬN DIỆN CON NGƯỜI (HUMAN DETECTION)	<a href="#">123</a>
14	XEM THÔNG BÁO	<a href="#">126</a>
15	XEM THÔNG TIN CAMERA	<a href="#">130</a>
16	GÓI DỊCH VỤ CƠ BẢN	<a href="#">132</a>
17	XEM TRANG CÁ NHÂN	<a href="#">148</a>
18	KIỂM TRA QUYỀN RIÊNG TƯ	<a href="#">156</a>
19	CÀI ĐẶT THÔNG BÁO	<a href="#">165</a>
20	GIỚI THIỆU BẠN BÈ	<a href="#">168</a>
21	TÍNH NĂNG KHÔNG LÀM PHIỀN (DO NOT DISTURB)	<a href="#">172</a>
22	KHOẢNH KHẮC	<a href="#">180</a>
23	ĐIỀU KHIỂN TRÊN TRÌNH PHÁT VIDEO	<a href="#">216</a>
24	QUẢN LÝ ĐỊA ĐIỂM	<a href="#">228</a>
25	DI CHUYỂN CAMERA	<a href="#">237</a>
26	CÁC CHỨC NĂNG ROBOTIC	<a href="#">242</a>
27	XÓA THIẾT BỊ	<a href="#">256</a>
28	QUẢN LÝ THẺ NHỚ	<a href="#">263</a>

Mục	Nội dung	Trang
29	MỞ ÂM THANH KHI PHÁT VIDEO	<a href="#">267</a>

Mục	Nội dung	Trang
<b>II</b>	<b>SME PLATFORM (Small and Medium Enterprise)</b>	<a href="#">270</a>
1	CHUYỂN ĐỔI CHẾ ĐỘ NGƯỜI DÙNG	<a href="#">271</a>
2	QUẢN LÝ ĐỊA ĐIỂM	<a href="#">281</a>
3	HƯỚNG DẪN XEM CAMERA	<a href="#">301</a>
4	HƯỚNG DẪN THÊM MỚI VÀ CÀI ĐẶT CAMERA	<a href="#">311</a>
5	CHIA SẺ CAMERA	<a href="#">322</a>
6	QUẢN LÝ QUYỀN TRUY CẬP	<a href="#">337</a>
7	ÁP DỤNG MÃ DỊCH VỤ CLOUD	<a href="#">360</a>
<b>B</b>	<b>FPT PLAY BOX</b>	<a href="#">382</a>
1	CÀI ĐẶT ỨNG DỤNG FPT CAMERA	<a href="#">383</a>
2	ĐĂNG NHẬP APP FPT CAMERA BẰNG QR CODE TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG	<a href="#">385</a>
3	HƯỚNG DẪN XEM CAMERA	<a href="#">387</a>
4	XEM THÔNG TIN TÀI KHOẢN (USER PROFILE)	<a href="#">402</a>
5	CÀI ĐẶT CƠ BẢN (SETTINGS)	<a href="#">407</a>
<b>C</b>	<b>DESKTOP (WINDOWS)</b>	<a href="#">412</a>
1	ĐĂNG NHẬP TÀI KHOẢN (LOGIN)	<a href="#">413</a>

Mục	Nội dung	Trang
2	CHỨC NĂNG QUÊN MẬT KHẨU (FORGOT PASSWORD)	<a href="#">426</a>
3	TRANG CHỦ (HOME)	<a href="#">439</a>
4	CHUYỂN ĐỔI CHẾ ĐỘ XEM	<a href="#">447</a>
5	THIẾT LẬP CHẾ ĐỘ XEM TÙY CHỈNH	<a href="#">455</a>
6	XEM TRỰC TIẾP (LIVESTREAM)	<a href="#">473</a>
7	CHẾ ĐỘ XEM LƯỚI (GRIDVIEW)	<a href="#">476</a>
8	CHỤP HÌNH, GHI HÌNH VIDEO (CAPTURED)	<a href="#">489</a>
9	XEM VIDEO FULL RECORDING (24/7)	<a href="#">507</a>
10	TẢI VIDEO FULL RECORDING (24/7)	<a href="#">518</a>
11	QUẢN LÝ DANH SÁCH CAMERA (MANAGEMENT)	<a href="#">531</a>
12	HƯỚNG DẪN XEM KHOẢNH KHẮC (MOMENT)	<a href="#">535</a>
13	XEM THÔNG BÁO (NOTIFICATIONS)	<a href="#">549</a>
14	XEM HỘP THƯ (INBOX) (CHƯA ÁP DỤNG)	<a href="#">557</a>
15	GỬI YÊU CẦU HỖ TRỢ (SUPPORT) (CHƯA ÁP DỤNG)	<a href="#">561</a>
16	XEM GIỚI THIỆU CHUNG (ABOUT US) (CHƯA ÁP DỤNG)	<a href="#">569</a>
17	THAY ĐỔI MẬT KHẨU (CHANGE PASSWORD) (CHƯA ÁP DỤNG)	<a href="#">570</a>
18	GIỮ TRẠNG THÁI ĐĂNG NHẬP	<a href="#">582</a>

Mục	Nội dung	Trang
19	ĐĂNG XUẤT TÀI KHOẢN – THOÁT ỨNG DỤNG (LOGOUT)	<a href="#">593</a>
20	GIẤY PHÉP SỬ DỤNG & QUYỀN TRUY CẬP	<a href="#">598</a>
<b>C1</b>	<b>CÀI ĐẶT APP TRÊN NỀN TẢNG WINDOWS</b>	<a href="#">609</a>
1	HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT APP TRÊN NỀN TẢNG WINDOWS	<a href="#">610</a>
2	TIẾN TRÌNH CÀI ĐẶT APP	<a href="#">611</a>
<b>III</b>	<b>PHỤ LỤC THAY ĐỔI TÀI LIỆU</b>	<a href="#">628</a>

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Mục đích và phạm vi áp dụng

- Mục đích: Hướng dẫn cho nhân viên thao tác đúng khi triển khai - bảo trì dịch vụ FPT Camera và sử dụng các chức năng hỗ trợ khác.
- Phạm vi áp dụng: Công ty Cổ phần Viễn thông FPT



### A. MOBILE (ANDROID, IOS)

### I. FAMILY PLATFORM

## 1. Cài đặt ứng dụng FPT Camera

Truy cập ứng dụng APPStore trên iOS  
hoặc CHPlay trên Android



Tìm kiếm với từ khóa **“FPT Camera”**  
& cài đặt ứng dụng



## 2. Đăng kí tài khoản sử dụng

Mở ứng dụng đã tải

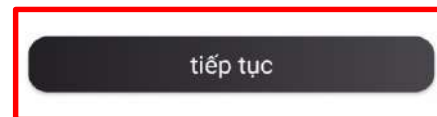


1



Nhập SĐT dùng để tạo tài khoản quản lý camera

2



3



Nhập mật khẩu & xác nhận lại mật khẩu đã nhập

4



Đăng cách nhấn tiếp tục, bạn đã đồng ý với Điều khoản & Chính sách bảo mật của chúng tôi.

## 2. Đăng kí tài khoản sử dụng (tiếp theo)

02:04 📶 📶

< đăng ký

### Xác nhận số điện thoại

Vui lòng nhập mã xác nhận đã được gửi tới số +84 911.385892.

5

Nhập mã xác nhận (đã gửi vào SĐT đăng kí trước đó)

xác nhận


6

Bấm vào đây để yêu cầu gửi lại mã xác nhận sau 37s.  
Bấm vào đây để yêu cầu gửi lại.

03:15 📶 📶

### trang chủ

+



Thêm camera quan sát để bắt đầu

Trang chủ
Khoảnh khắc
Quản lý
Thông báo
Cài đặt

## 3. Hướng dẫn thêm mới và cài đặt camera

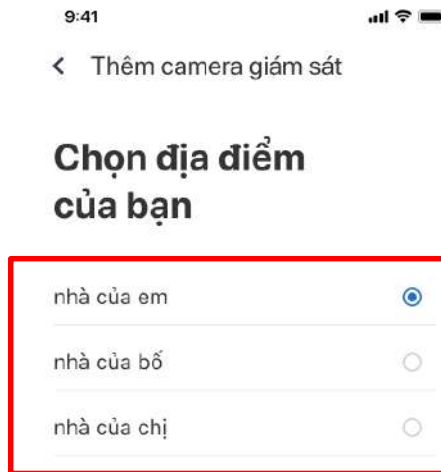
### 3.1. Thêm mới camera có Wi-Fi

#### 3.1.1 Smart Config



1  
Nhấn để bắt đầu thêm camera

2.1



Chọn địa điểm (đã được tạo trước đó) hoặc Thêm địa điểm mới

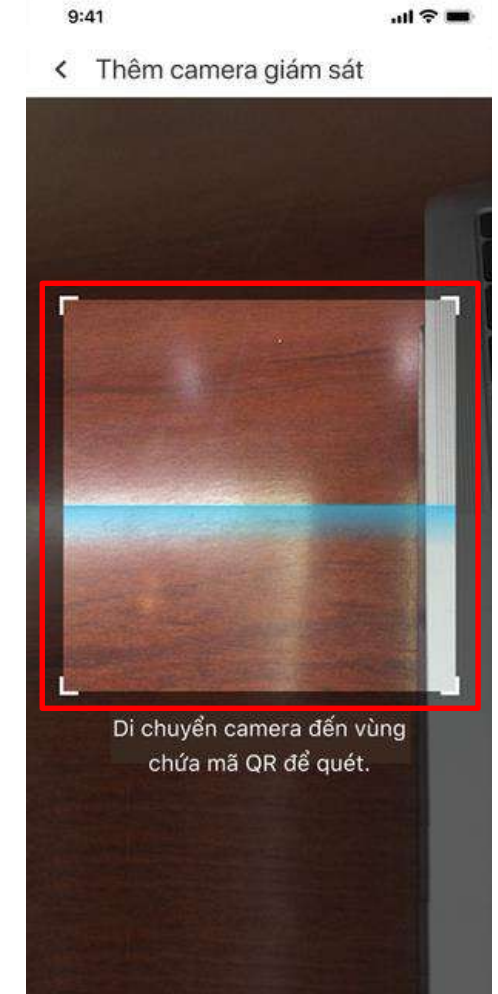
2.2



3

Lưu ý: Nếu KH đã sở hữu 4 địa điểm thì không thể tạo thêm địa điểm mới

Quét mã QR: Đưa mã QR (trên thân camera) đến trước camera của thiết bị di động

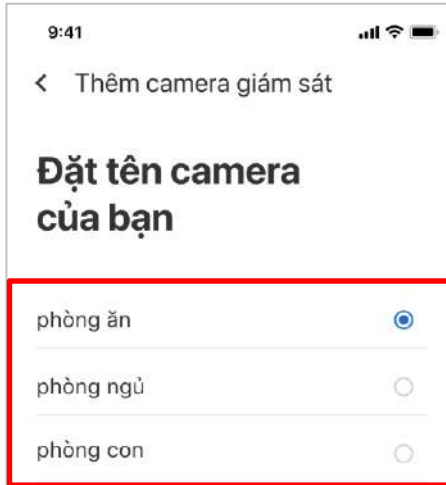


4

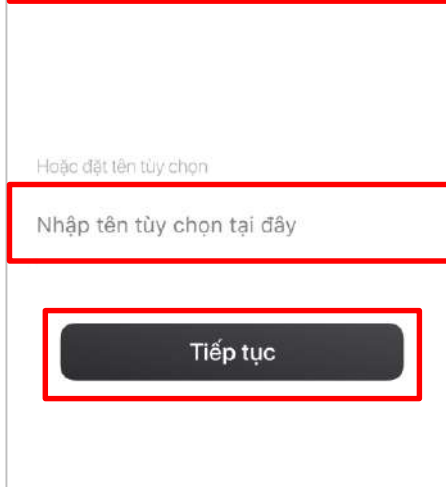
### 3.1.1 Smart Config (tiếp theo)

Chọn **Tên camera** (gợi ý có sẵn) hoặc thêm **Tên tùy ý**

5.1



5.2



6

Nhấn để đi đến Cài đặt Wi-fi của thiết bị di động để mở kết nối Wi-Fi.



Trường hợp: Thiết bị di động đang kết nối với mạng 3/4G

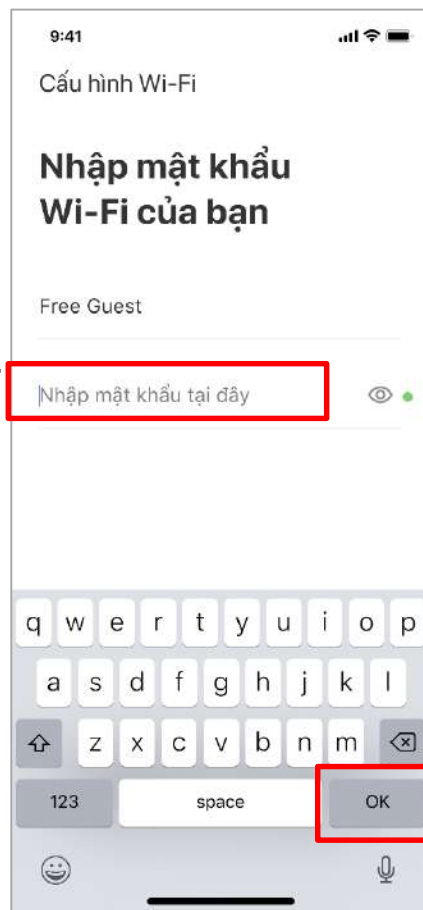
Nhấn để đi đến Cài đặt Wi-Fi trong thiết bị di động để chọn Wi-Fi băng tần 2.4Ghz



Trường hợp: Thiết bị di động đang kết nối với Wi-Fi băng tần 5.0 Ghz (chỉ áp dụng trên Android)

### 3.1.1 Smart Config (tiếp theo)

Màn hình nhập mật khẩu Wi-Fi khi **Wi-Fi** đang được **kết nối** là băng tần **2.4Ghz**

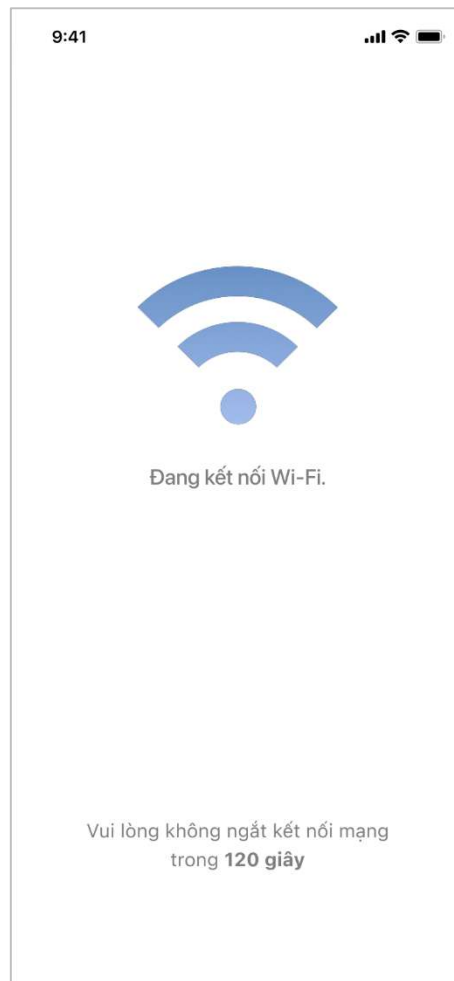


7

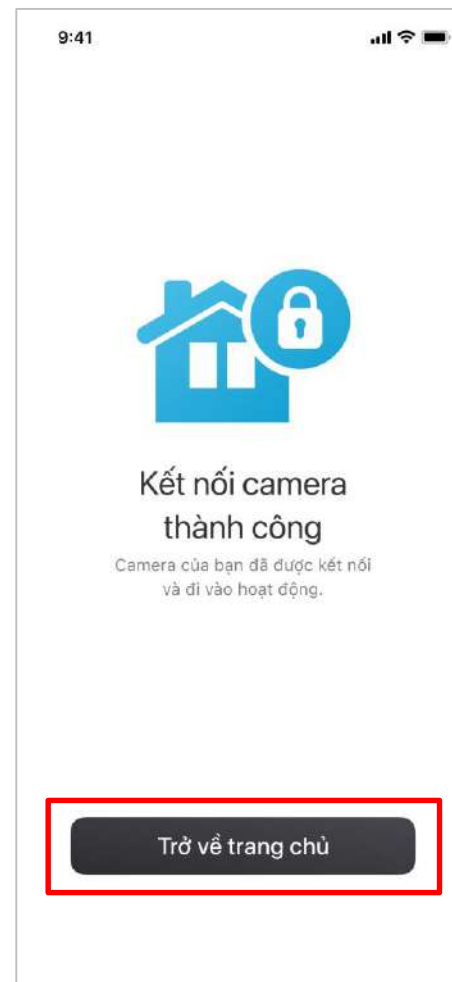
**Nhập mật khẩu Wi-Fi**  
(Wi-Fi đang kết nối với thiết bị di động)

8

Màn hình chờ đang kết nối Wi-Fi cho camera



Trường hợp camera được thêm và cấu hình Wi-Fi thành công



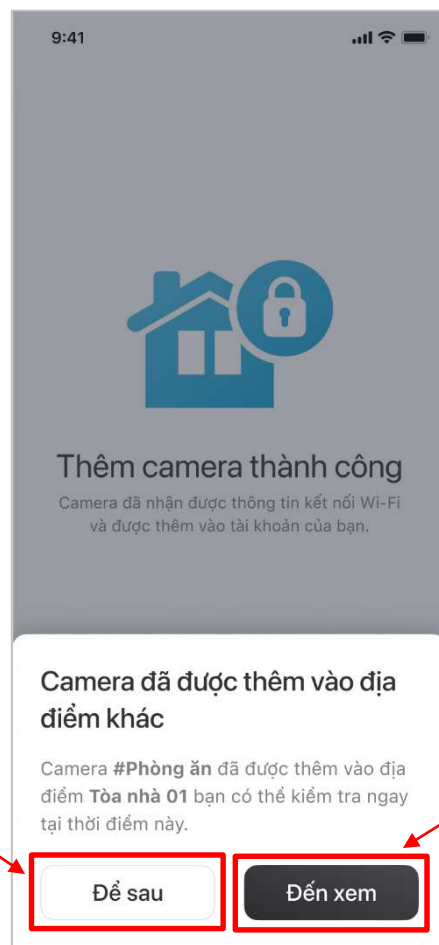
Nhấn để quay về Trang chủ

9.1



## 3.1.1 Smart Config (tiếp theo)

Trường hợp camera đã được thêm vào địa điểm khác với địa điểm đang thao tác



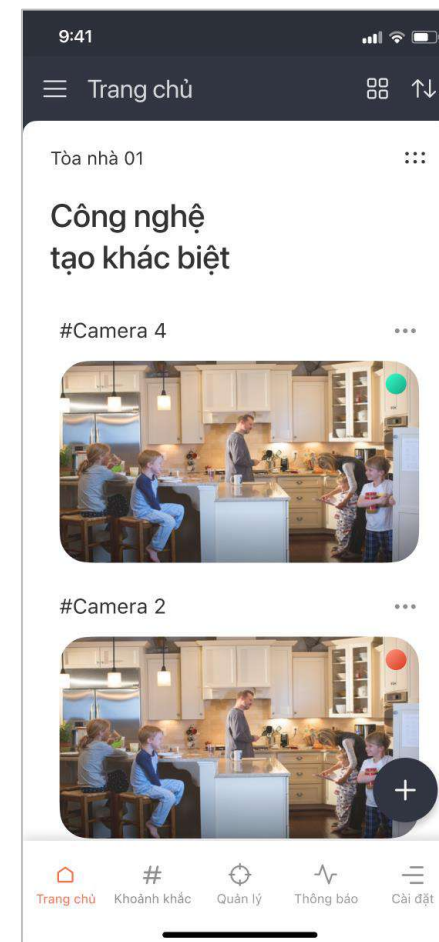
### 10.1.2

Nhấn **Để sau** để về Trang chủ của địa điểm đang thao tác

### 10.1.1

Nhấn **Đến xem** để chuyển sang địa điểm chứa camera vừa thêm và trở về Trang chủ

Hiển thị Trang chủ



## 3.1.1 Smart Config (tiếp theo)

Trường hợp camera chưa kết nối được với Wi-Fi



**9.2.2**  
Nhấn để **Thử lại** quá trình thiết lập Wi-Fi cho camera

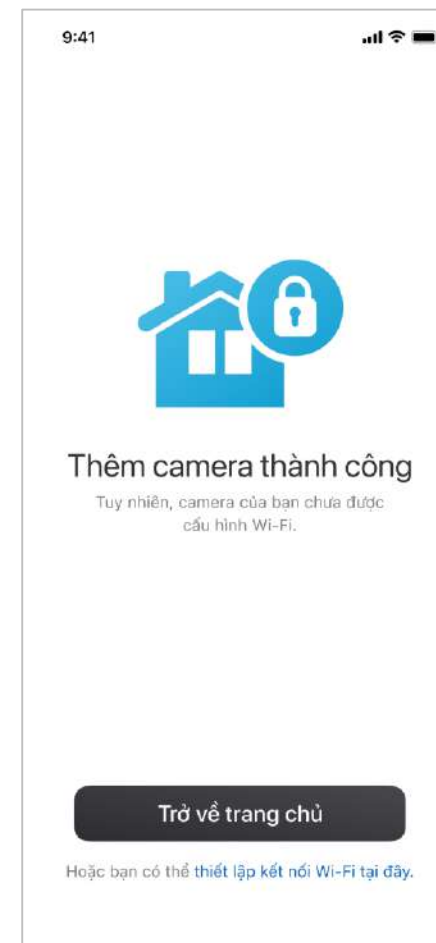
Nhấn **Cấu hình Wi-Fi** để quay về nhập lại mật khẩu Wi-Fi

**9.2.1**

Nhấn để bỏ qua thiết lập Wi-Fi cho camera

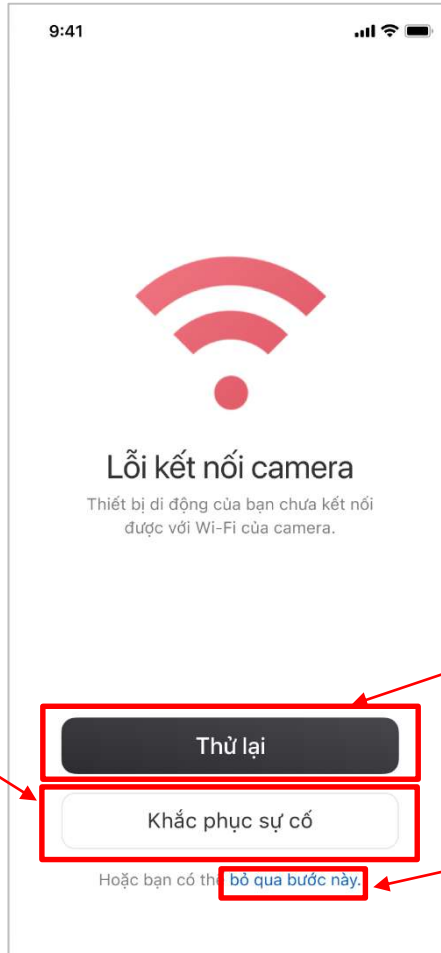
**9.2.3**

Màn hình Thêm camera thành công nhưng chưa thiết lập Wi-Fi



## 3.1.2 AP mode

*Các bước thực hiện từ 1 đến 8: áp dụng như bước 1 đến 8 của mục 3.1.1*



Trường hợp thiết bị di động không kết nối được với AP Wi-Fi của camera

**9.3.2**  
Nhấn để xem hướng dẫn khắc phục sự cố

**Thử lại**

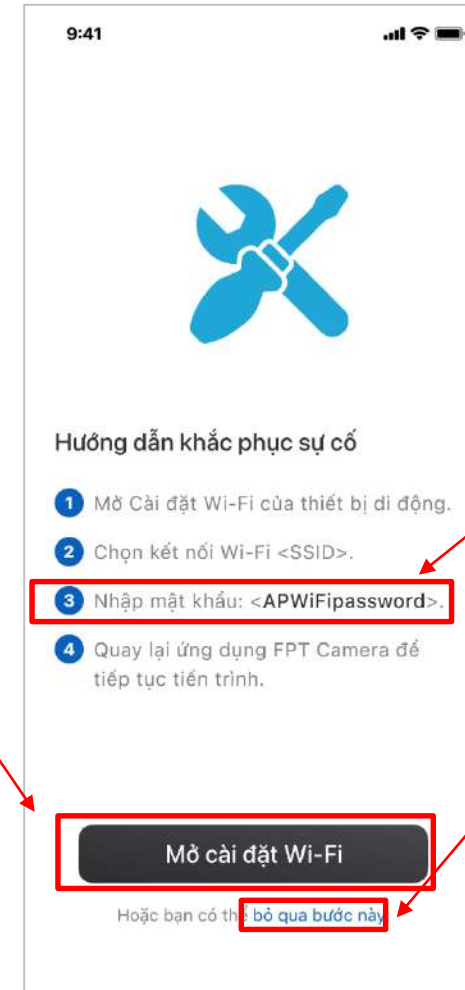
**Khắc phục sự cố**

Hoặc bạn có thể bỏ qua bước này.

**9.3.1** Nhấn để thử lại quá trình thiết lập Wi-Fi cho camera

**9.3.3** Nhấn để hoàn tất thêm camera nhưng không thiết lập Wi-Fi

Màn hình hướng dẫn khắc phục sự cố kết nối AP Wi-Fi



**10.2.2.2**  
Nhấn để mở cài đặt wifi của thiết bị di động

- Hướng dẫn khắc phục sự cố
- 1 Mở Cài đặt Wi-Fi của thiết bị di động.
  - 2 Chọn kết nối Wi-Fi <SSID>.
  - 3 Nhập mật khẩu: <APWiFipassword>.
  - 4 Quay lại ứng dụng FPT Camera để tiếp tục tiến trình.

**Mở cài đặt Wi-Fi**

Hoặc bạn có thể bỏ qua bước này.

**10.2.2.1**  
Nhấn giữ để sao chép password của AP Wi-Fi

**10.2.2.3**  
Nhấn để hoàn tất thêm camera nhưng không thiết lập Wi-Fi

### 3.1.2 AP mode (tiếp theo)

Màn hình hiển thị Thiết bị đã kết nối với AP Wi-Fi của camera

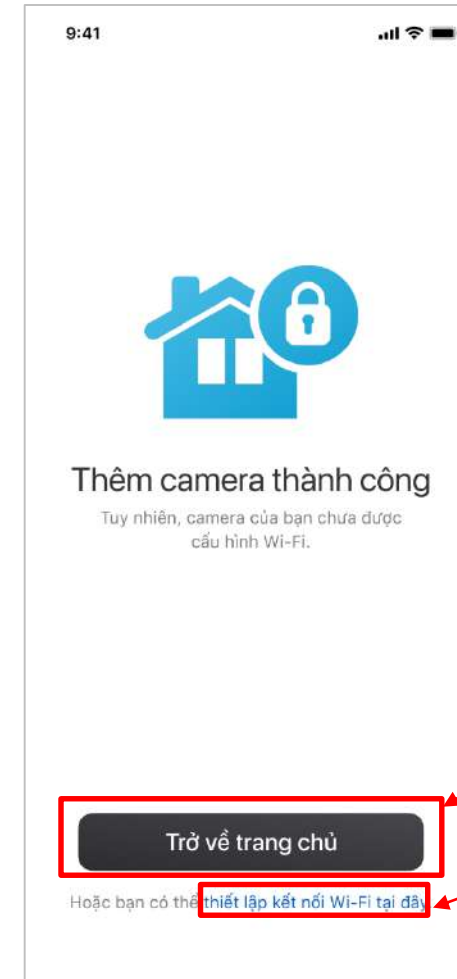


#### 11.2.2.2

Nhấn **Tiếp tục** để tiếp tục thiết lập Wi-Fi cho camera

Áp dụng tiếp tục từ sau bước 8 của mục 3.1.1

*Trường hợp thêm camera thành công nhưng camera chưa được kết nối Wi-Fi.*



#### 10.2.3.1

Nhấn để về **Trang chủ**

#### 10.2.3.2

Nhấn để quay lại thiết lập Wi-Fi cho camera

### 3.1.2 AP mode (tiếp theo)

Trường hợp không xác được tình trạng kết nối Wi-Fi của camera

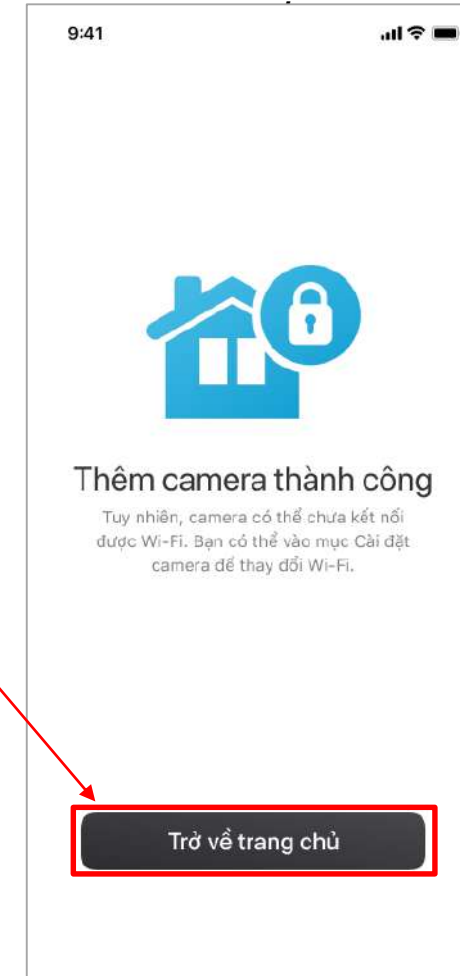


**9.4.2**  
Nhấn để xem hướng dẫn kiểm tra & khắc phục tình trạng kết nối mạng của camera

**9.4.1**  
Nhấn để kiểm tra lại tình trạng kết nối Wi-Fi của camera

**9.4.3**  
Nhấn để trở về Trang chủ

Trường hợp thêm camera thành công nhưng camera có thể chưa kết nối được Wi-Fi.



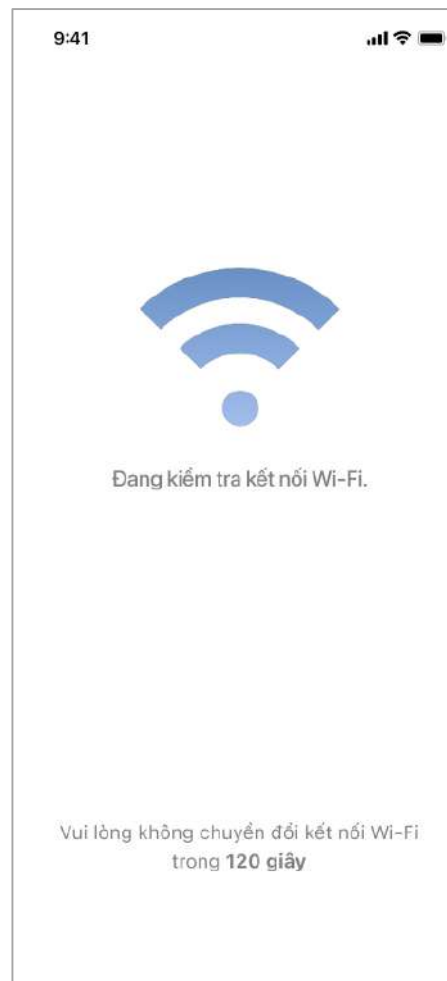
**9.4.4**  
Nhấn để về Trang chủ.

### 3.1.2 AP mode (tiếp theo)



**9.4.1.1**  
 Nhấn để tiếp tục thực hiện quá trình kiểm tra tình trạng kết nối Wi-Fi của camera

Màn hình đang kiểm tra kết nối Wi-Fi của camera.



Màn hình thông báo thêm camera và kết nối Wi-Fi thành công



### 3.1.2 AP mode (tiếp theo)

Hướng dẫn khắc phục sự cố: trường hợp camera đang kết nối không có nút reset Wi-Fi vật lý.



**9.4.2.1**  
Nhấn để đóng hướng dẫn

Hướng dẫn khắc phục sự cố: trường hợp camera đang kết nối có nút reset Wi-Fi vật lý.



**9.4.2.2**  
Nhấn để đóng hướng dẫn

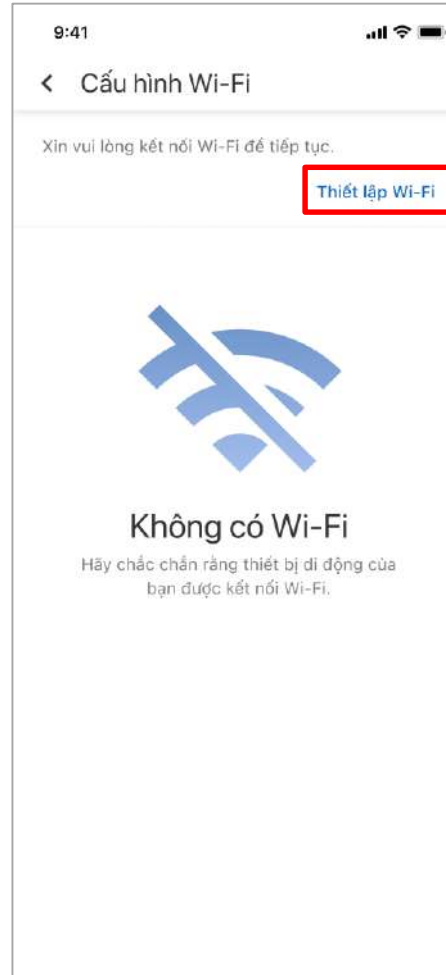
### 3.1.3. Cấu hình Wi-Fi sau khi thêm camera thành công nhưng chưa kết nối Wi-Fi

#### a. Smart config



1  
Nhấn Cấu hình Wi-Fi trong Cài đặt camera

Trường hợp: Thiết bị di động đang kết nối với mạng 3/4G



Nhấn để đi đến Cài đặt Wi-Fi của thiết bị di động để mở kết nối Wi-Fi.

Trường hợp: Thiết bị di động đang kết nối với Wi-Fi băng tần 5.0 Ghz (chỉ áp dụng trên Android)

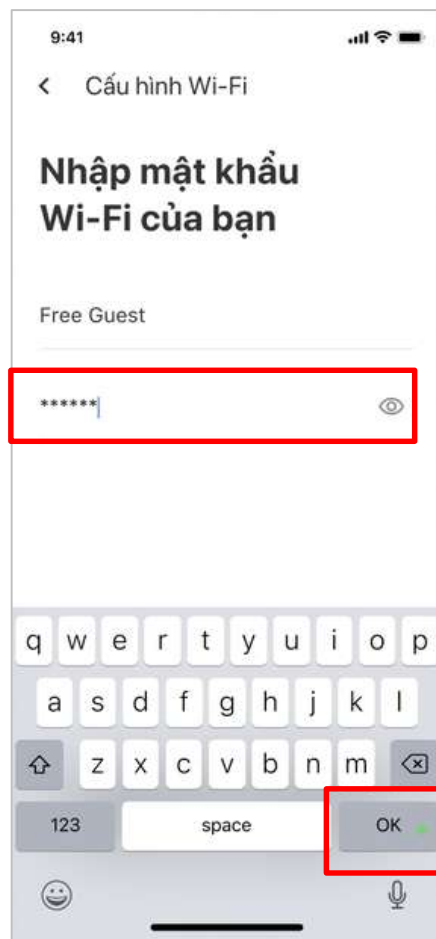


Nhấn để đi đến Cài đặt Wi-Fi trong thiết bị di động để kết nối Wi-Fi băng tần 2.4Ghz



### 3.1.3. Cấu hình Wi-Fi sau khi thêm camera thành công nhưng chưa kết nối Wi-Fi

#### a. Smart config (tiếp theo)



**2**

Nhập mật khẩu Wi-Fi đang kết nối với điện thoại để cấu hình Wi-Fi cho camera (tương tự [khi Add Camera](#))

**3**

Nhấn để tiếp tục quá trình.

Các bước tiếp theo áp dụng tương tự như sau bước 8 của mục 3.1.1 Smart config

### 3.1.3. Cấu hình Wi-Fi sau khi thêm camera thành công nhưng chưa kết nối Wi-Fi

#### b. AP mode

Áp dụng từ bước 1 đến bước 3 của phần  
**a. Smart config**

Màn hình chờ đang kết nối Wi-Fi cho camera



Màn hình thông báo kết nối Wi-Fi cho camera thành công



## b. AP mode (tiếp theo)

Màn hình thông báo lỗi camera chưa kết nối được với AP Wi-Fi của camera



### 4.1.1

Nhấn để **Thử lại** quá trình thiết lập Wi-Fi cho camera

### 4.1.2

Nhấn để xem hướng dẫn khắc phục sự cố về lỗi kết nối Wi-Fi

Màn hình thông báo lỗi thông tin Wi-Fi chưa gửi được tới camera



### 4.2.1

Nhấn để **Thử lại** quá trình thiết lập Wi-Fi cho camera

### 4.2.2

Nhấn để quay về nhập lại mật khẩu Wi-Fi

## b. AP mode

Màn hình hướng dẫn khắc phục sự cố chưa kết nối được AP Wi-Fi



**5.1.2.2**  
Nhấn để copy mật khẩu

**5.1.2.1**  
Nhấn để chuyển mở cài đặt Wi-Fi của thiết bị di động

Màn hình copy mật khẩu thành công



## b. AP mode

Màn hình không xác định được tình trạng kết nối Wi-Fi của camera



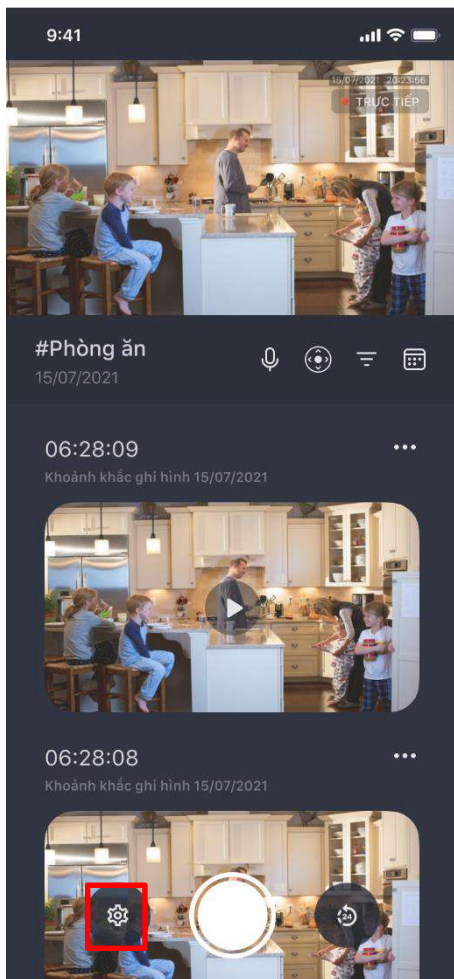
**4.3.1** Nhấn để kiểm tra lại tình trạng kết nối.  
Áp dụng tương tự bước **9.4.1** của **mục 3.1.2 AP mode**

Nhấn để xem hướng dẫn khắc phục sự cố.

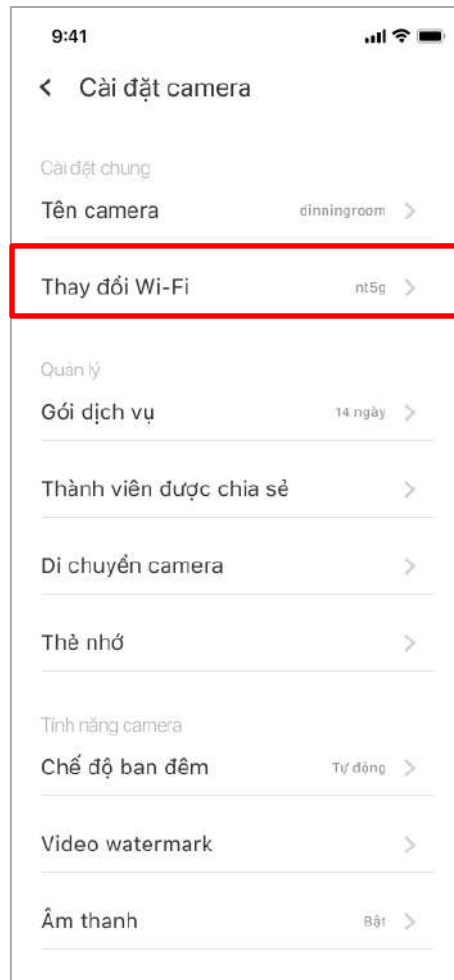
**4.3.2** Áp dụng tương tự bước **9.4.2** của **mục 3.1.2 AP mode**

**4.3.3** Nhấn để bỏ qua kiểm tra tình trạng kết nối Wi-Fi.  
Áp dụng tương tự bước **9.4.3** của **mục 3.1.2 AP mode**

## 3.1.4 Thay đổi Wi-Fi cho camera

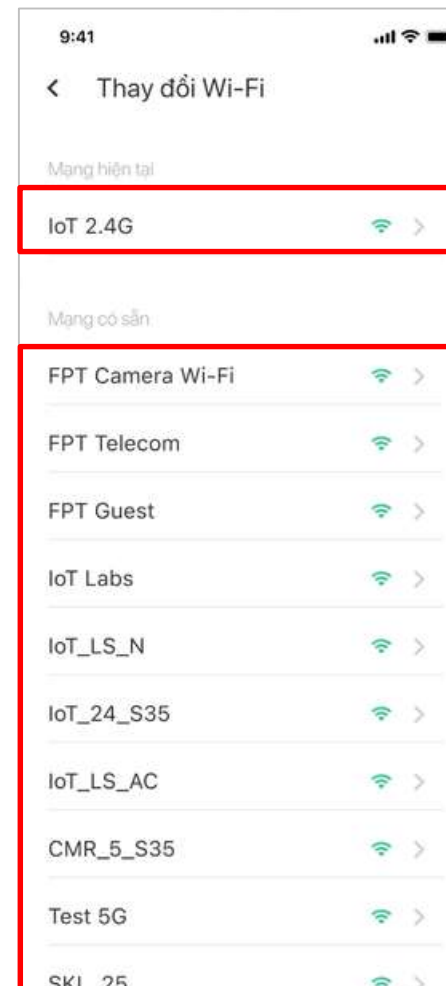


Vào Camera settings để thay đổi Wi-Fi  
**1**



**2**

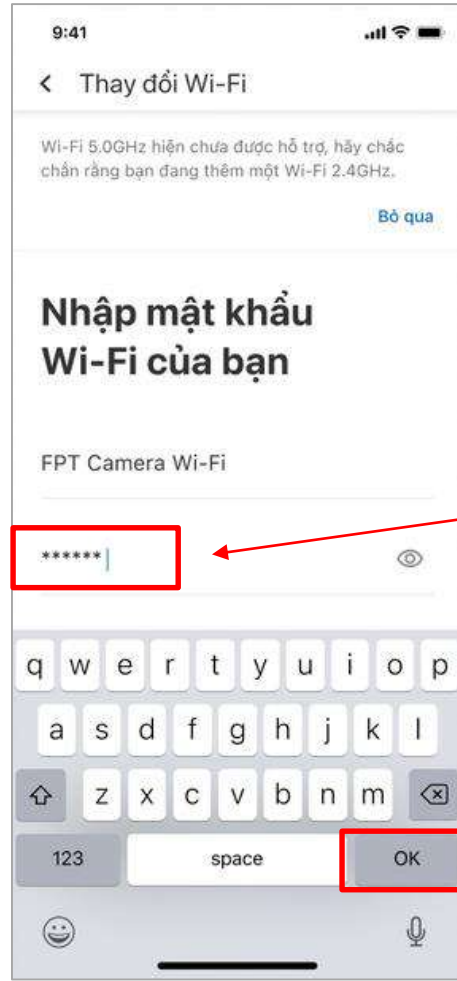
### 3.1.4.1 Camera không có nút reset Wi-Fi vật lý (chỉ có thể đổi Wi-Fi khi camera đang online) a. Chọn Wi-Fi trong danh sách Wi-Fi quét được.



**3**

Chọn Wi-Fi muốn thay đổi

### 3.1.4.1 Trường hợp camera không có nút reset vật lý.



4.1

Nhập mật khẩu Wi-Fi

5.2



Nhấn Tiếp tục để thực hiện tiếp quá trình thay đổi Wi-Fi cho camera

6.2

Trường hợp gửi thông tin Wi-Fi cho camera thành công



## 3.1.4.1 Trường hợp camera không có nút reset vật lý.



### 7.2.1

Nhấn để thực hiện lại quá trình gửi thông tin Wi-Fi

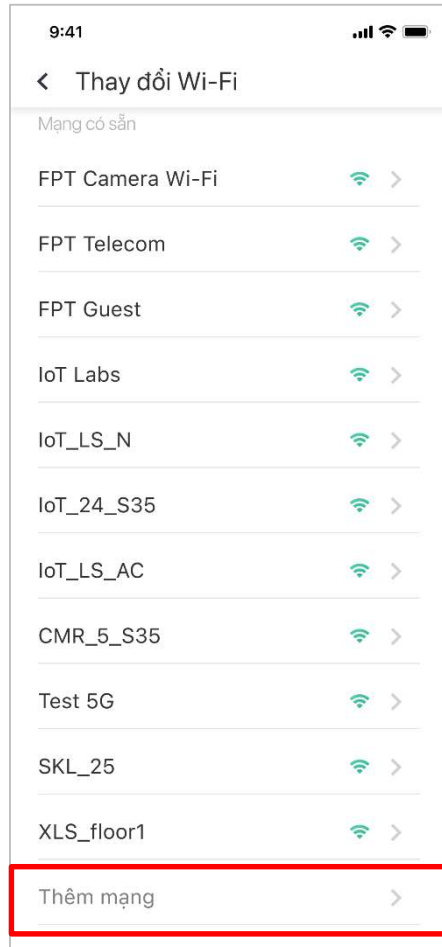
### 7.2.2

Nhấn để chọn lại Wi-Fi khác.  
Áp dụng từ bước 3.1 của mục 3.1.4



### 3.1.4.1 Trường hợp camera không có nút reset vật lý.

#### b. Tự nhập tên Wi-Fi



1



2 Nhập tên Wi-Fi muốn thay đổi cho camera

Nhấn OK để thực hiện các bước kết tiếp.  
 Áp dụng tiếp từ sau bước 5.2 của mục 3.1.4.1a


3

### 3.1.4.2 Trường hợp camera có nút reset vật lý (camera SE, camera Play)

a. Trường hợp: Camera online

Áp dụng tương tự như **3.1.4.1 Trường hợp camera không có nút reset vật lý**. Nhưng sẽ khác ở trường hợp Gửi thông Wi-Fi thất bại.

Màn hình gửi thông tin Wi-Fi thất bại



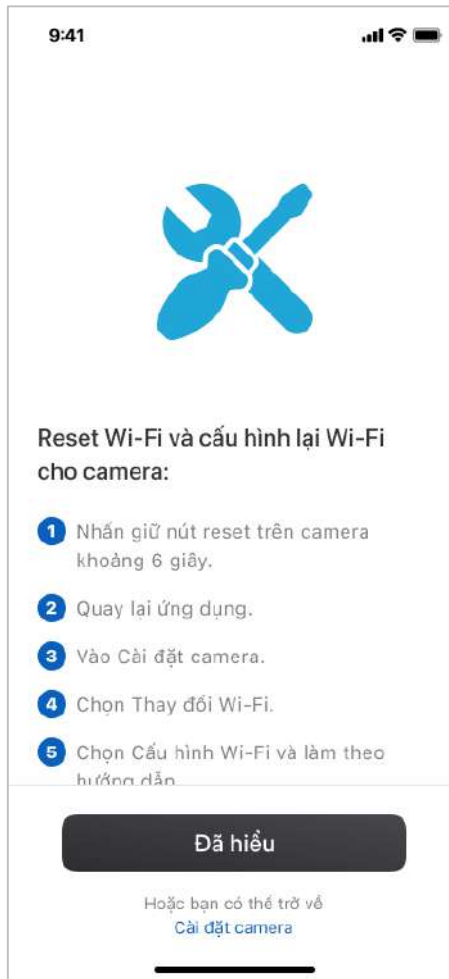
**7.1.2.1** Nhấn để thực hiện lại quá trình gửi thông tin Wi-Fi

**7.1.2.2** Nhấn để chọn Wi-Fi khác. Áp dụng tiếp từ bước 3.1 của mục 3.1.4

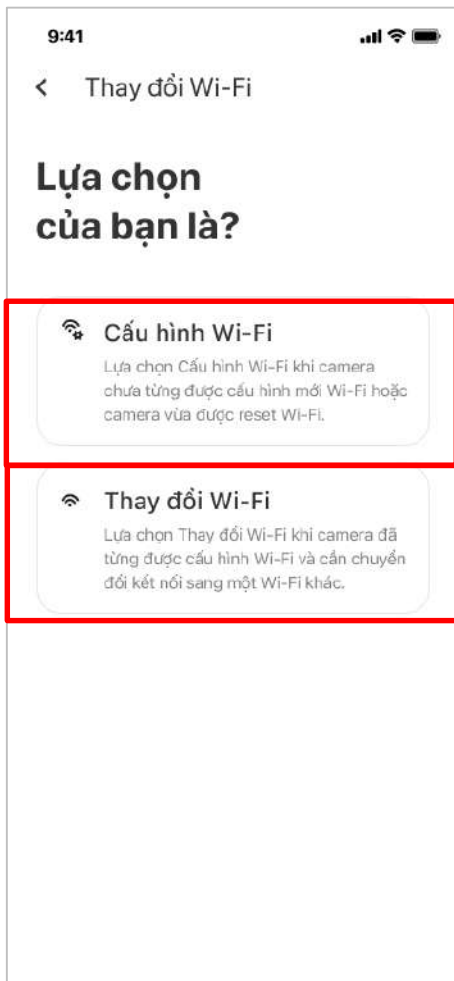
**7.1.2.3** Nhấn để xem hướng dẫn reset Wi-Fi cho camera

## a. Trường hợp: Camera online

Màn hình hướng dẫn reset Wi-Fi cho camera



## b. Trường hợp: Camera offline



**3.2.1** Nhấn để Cấu hình Wi-Fi cho camera

**3.2.2** Nhấn để Thay đổi Wi-Fi cho camera



### 4.2.1.1

Nhấn Tiếp tục để thực hiện cấu hình Wi-Fi cho camera.  
 Áp dụng như mục 3.1.3 phần b. AP mode

### 3.1.4.2 Trường hợp camera có nút reset vật lý (camera SE, camera Play)

#### b. Trường hợp: Camera offline

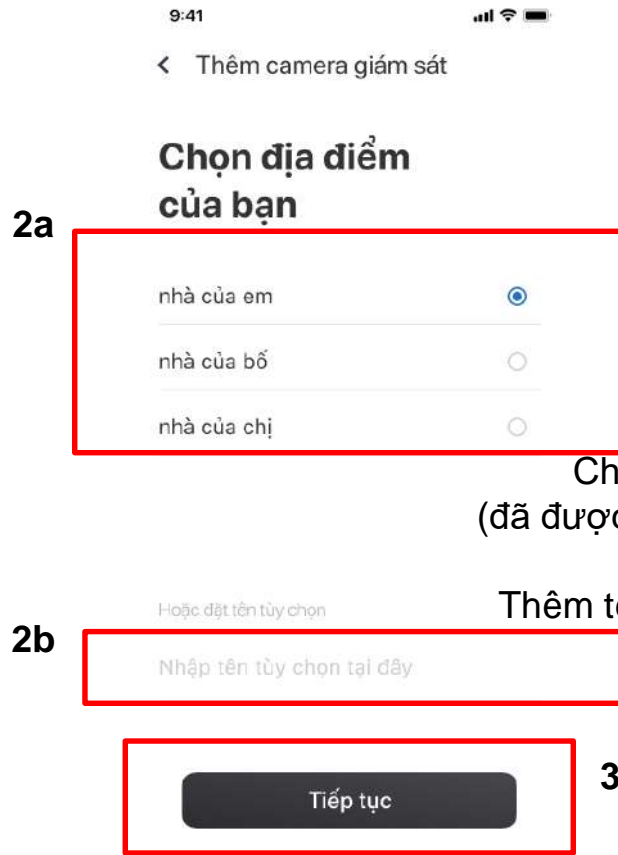
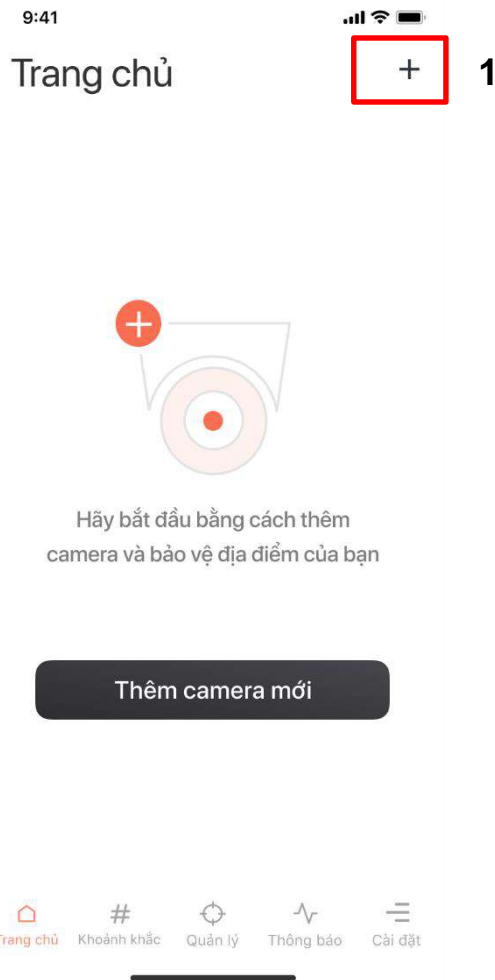


#### 4.2.2.1

Nhấn để tiếp tục Thay đổi Wi-Fi cho camera.

Thực hiện các bước tiếp theo như trường hợp camera online (mục a).

## 3.2. Thêm mới camera với kết nối qua dây LAN



Chọn địa điểm  
(đã được đặt tên trước đó)  
hoặc  
Thêm tên địa điểm mới

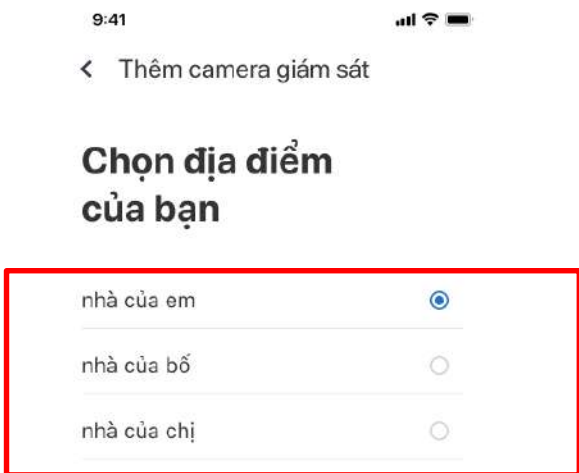
Lưu ý: Nếu KH đã sở hữu 4 địa điểm thì không thể tạo thêm địa điểm mới

Quét mã QR: Đưa mã QR (trên thân camera) vào vùng chứa bên dưới



## 3.2. Thêm mới camera với kết nối qua dây LAN (tiếp theo)

5a

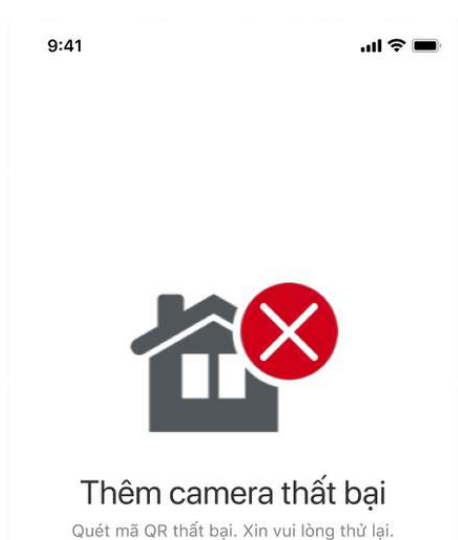


5b

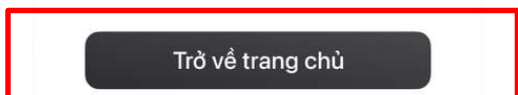


6

### Thông báo lỗi kết nối



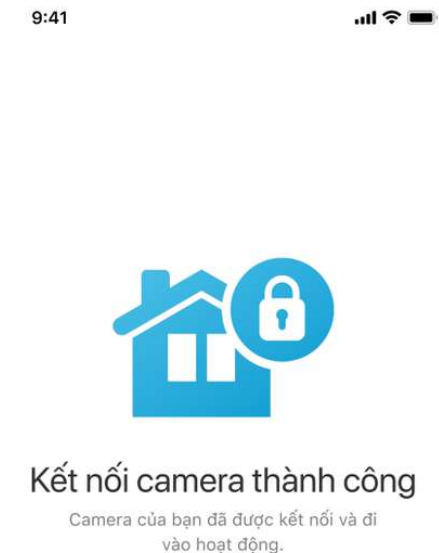
Nhấn để về màn hình chính.  
Nếu muốn cài đặt lại thì thực hiện từ bước 1



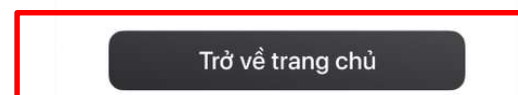
7a

Hoặc bạn có thể thử lại.

### Thông báo kết nối thành công



Nhấn để về màn hình chính



7b

## 3.2. Thêm mới camera với kết nối qua dây LAN (tiếp theo)

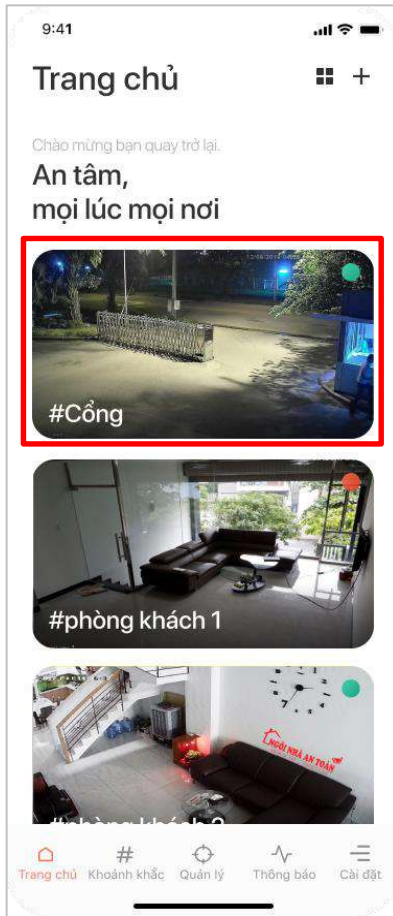
Xem các camera đã được cài đặt



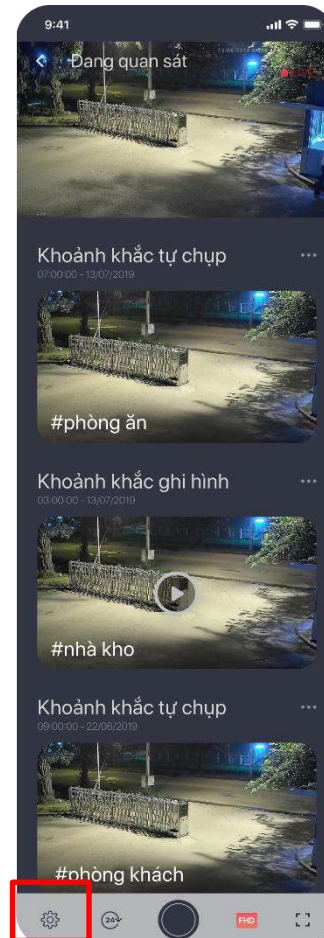


## 3.3. Thêm mới camera bằng cách tải lên QR code

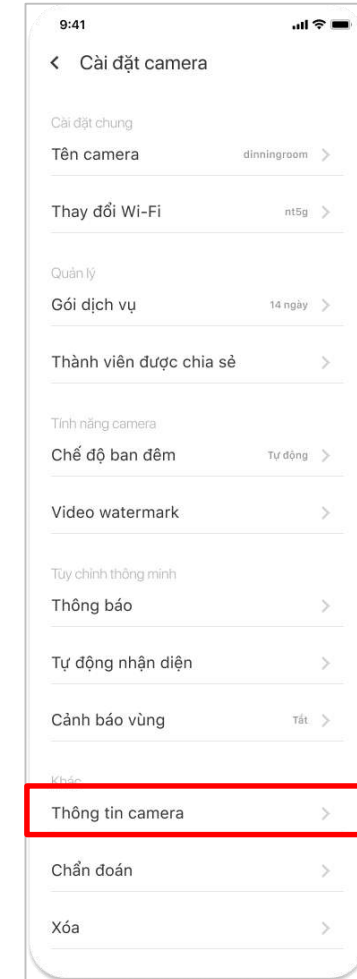
### 3.3.1. Tải QR code về thiết bị



Chọn camera muốn tải QR Code  
**1**



Chọn mục cài đặt camera  
**2**



Chọn mục Thông tin camera  
**3**

### 3.3. Thêm mới camera bằng cách tải lên QR code

#### 3.3.1. Tải QR code về thiết bị

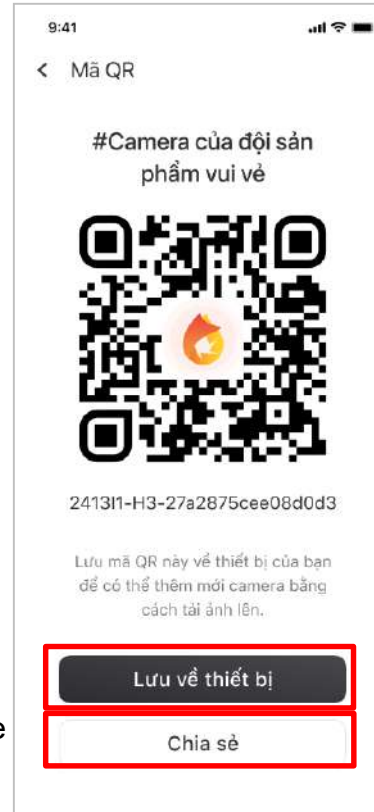
Màn hình hiển thị thông tin camera



4

Chọn Mã QR

Màn hình hiển thị thông tin QR code



5

Tải QR code về thiết bị

5.1

Nhấn **Chia sẻ** để chia sẻ hình ảnh QR code

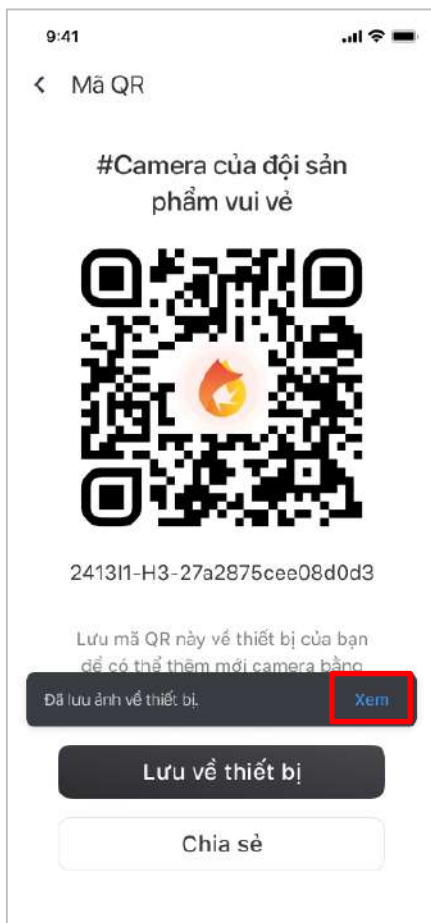
Đang trong quá trình tải QR code về thiết bị



### 3.3. Thêm mới camera bằng cách tải lên QR code

#### 3.3.1. Tải QR code về thiết bị

*Trường hợp tải về QR code thành công*

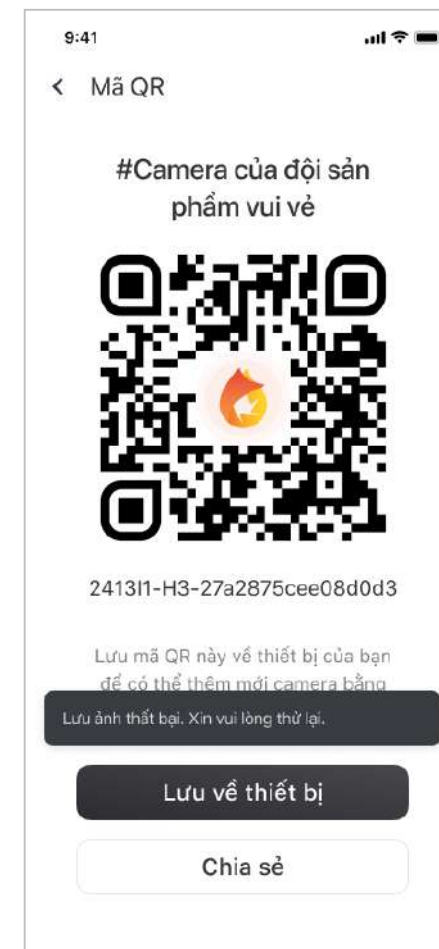


**6**  
Nhấn **Xem** để xem QR code đã tải về

Hình ảnh mã QR code sau khi tải về



*Trường hợp tải về QR code thất bại*



## 3.3. Thêm mới camera bằng cách tải lên QR code

### 3.3.2. Tải lên QR code

*Các bước thêm mới camera  
Xem từ bước 1 đến bước 3, mục 3.1*



**3.1**  
Nhấn để  
bật flash

### Thiết bị đang bật flash



**3.2**  
Nhấn để  
tắt flash

### Thiết bị đang tắt flash



### 3.3. Thêm mới camera bằng cách tải lên QR code

#### 3.3.2. Tải lên QR code



**4.1**  
Nhấn thêm QR code có sẵn từ thiết bị

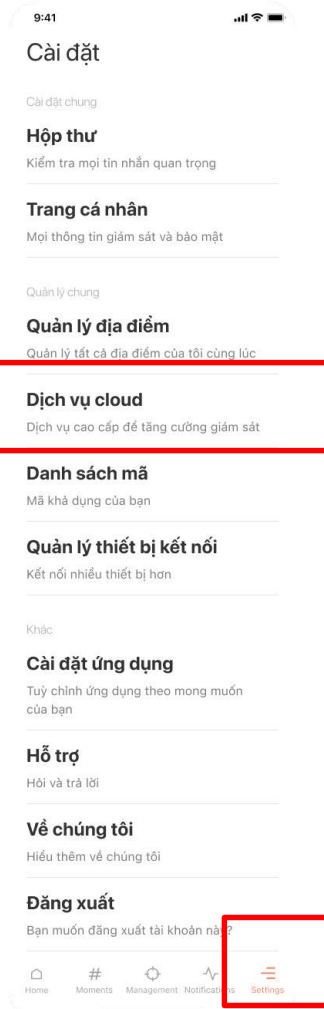
*Trường hợp ảnh không hợp lệ*



*Trường hợp ảnh hợp lệ, tiếp tục quy trình thêm mới camera*

*Xem tiếp từ bước 5, mục 3.1*

## 4. Đăng kí gói Cloud (chưa áp dụng)



2

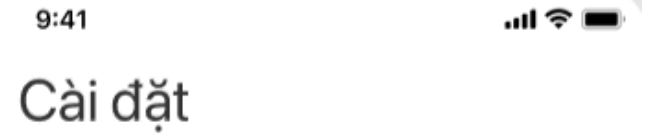
1



3  
Chọn gói Cloud cần mua & thanh toán

3

Vào Hộp thư để kiểm tra Mã kích hoạt cloud đã mua



4

Hộp thư

Kiểm tra mọi tin nhắn quan trọng



5

Bạn vừa nhận được một mã kích hoạt!  
Mã kích hoạt của bạn là Q000YN

Mã kích hoạt cloud

## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud 5.1 Đi từ hộp thư đến

1

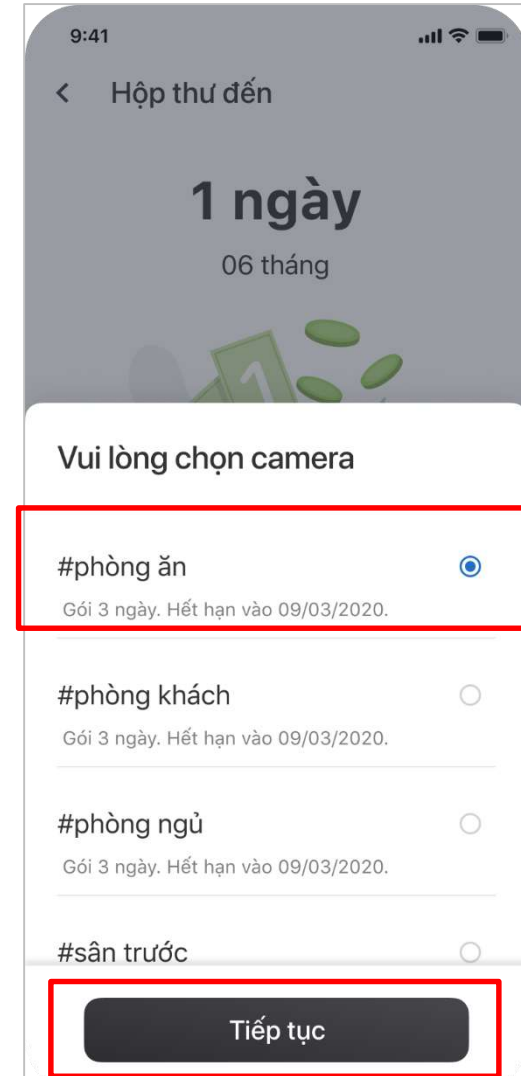


Chọn mã cần áp dụng

2



3



Chọn camera để áp dụng mã

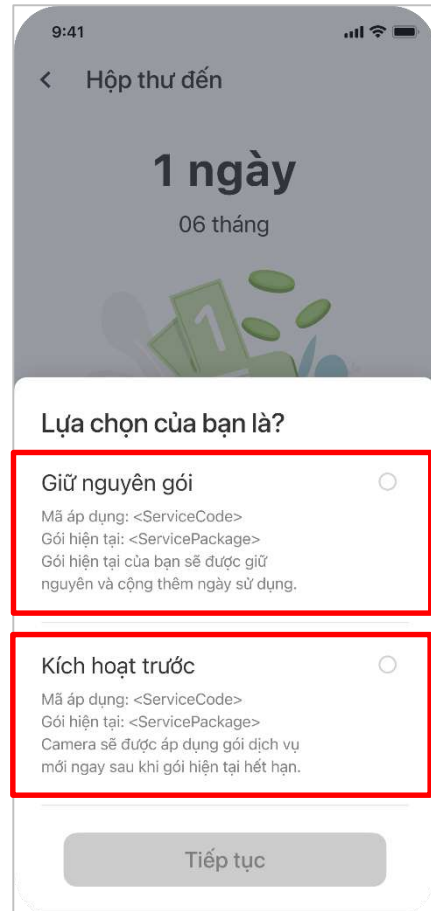
4

## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 5.1 Đi từ hộp thư đến

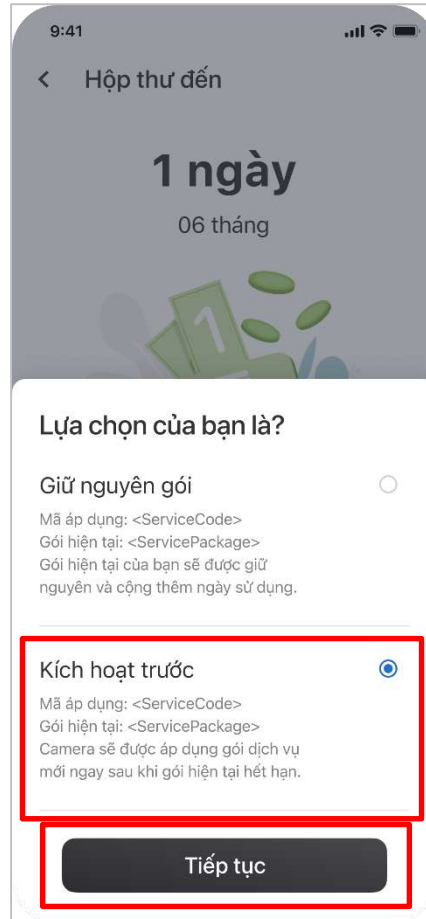
#### a. TH: Mã áp dụng thấp hơn gói hiện tại

Màn hình hiển thị lựa chọn để áp dụng mã

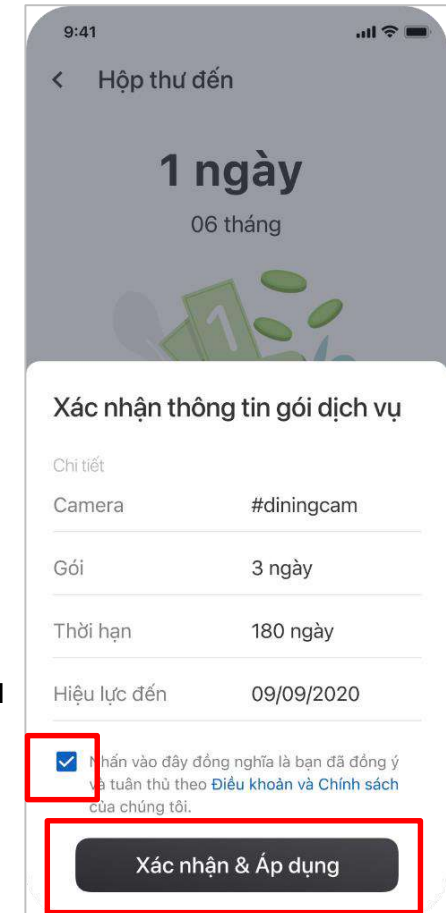


*Giữ nguyên gói:  
Mã áp dụng sẽ  
được quy đổi số  
ngày về gói hiện tại*

*Kích hoạt trước:  
Tự động áp dụng  
gói khi gói hiện tại  
hết hạn*



5  
Nhấn để  
chọn cách  
áp dụng mã  
6  
Nhấn để  
tiếp tục



7  
Chọn  
đồng ý  
với điều  
khoản  
8  
Chọn để  
xác nhận  
và áp  
dụng mã



## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 5.1 Đi từ hộp thư đến

#### a. TH: Mã áp dụng thấp hơn gói hiện tại

*Trường hợp: Áp dụng Kích hoạt trước thành công*



Chọn để xem camera sau khi áp dụng mã thành công

9

*Trường hợp: Camera đã được kích hoạt mã dịch vụ Cloud trước và mã đó chưa tới ngày áp dụng sẽ không thể áp dụng mã dịch vụ khác.*



Hiện tại không thể áp dụng mã cho camera này

Camera không thể áp dụng mã dịch vụ mới do đã được kích hoạt trước mã dịch vụ <Appliedpackage>.

5.1 Nhấn **Đã hiểu** hoặc nhấn bên ngoài thông báo để tắt

Đã hiểu

*Trường hợp: Áp dụng Giữ nguyên gói thành công*



Chọn để xem camera sau khi áp dụng mã thành công

9.1

## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 5.1 Đi từ hộp thư đến

#### a. TH: Mã áp dụng thấp hơn gói hiện tại

*Trường hợp: Áp dụng mã thất bại*



9.2

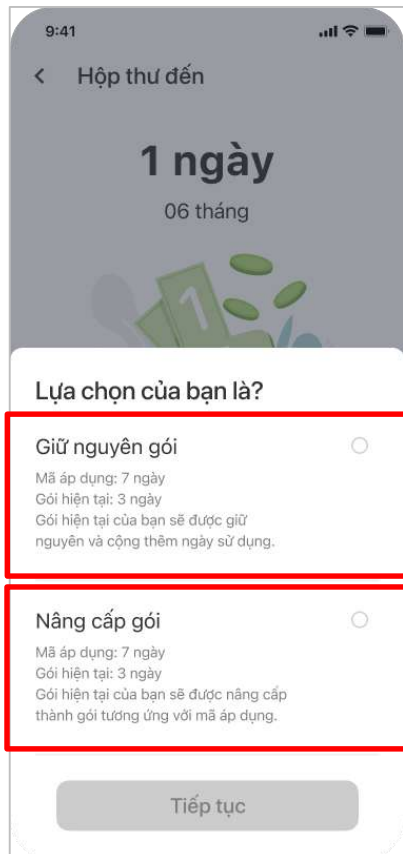
Trường hợp không áp dụng được mã, nhấn **Đóng** hoặc nhấn ngoài thông báo để tắt. Nếu muốn áp dụng lại, thực hiện từ bước 2.

## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 5.1 Đi từ hộp thư đến

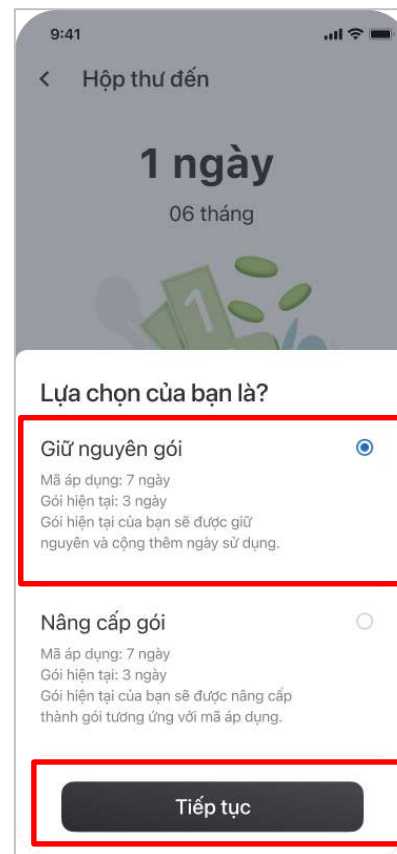
#### b. TH: Mã áp dụng cao hơn gói hiện tại

Sau bước chọn camera, màn hình hiển thị 2 lựa chọn: giữ nguyên gói hoặc nâng cấp gói.



*Giữ nguyên gói:  
Mã áp dụng sẽ được  
quy đổi số ngày về  
gói hiện tại*

*Nâng cấp gói:  
Gói hiện tại sẽ  
được nâng cấp  
lên gói của mã  
được áp dụng*



**5.1**  
Nhấn để  
chọn cách  
áp dụng mã

**6.1** Nhấn để  
tiếp tục



Chọn  
đồng ý  
với điều  
khoản

**7.1**

Chọn để  
xác nhận  
và áp  
dụng mã

**8.1**

## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 5.1 Đi từ hộp thư đến

**b. TH: Mã áp dụng cao hơn gói hiện tại**



Áp dụng mã thành công

Gói dịch vụ của bạn đã được cập nhật thành công.

Đi đến camera

Chọn để xem camera sau khi áp dụng mã thành công

**9.1a**



Áp dụng mã thất bại

Yêu cầu áp dụng mã bị gián đoạn và không thể hoàn thành.

Đóng

**9.1b**

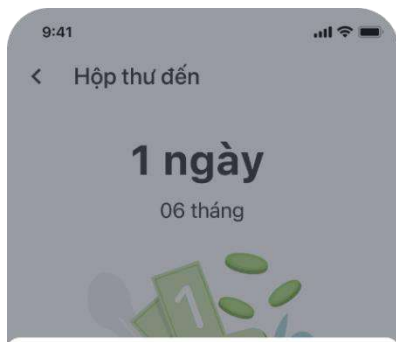
Trường hợp không áp dụng được mã, nhấn **Đóng** hoặc nhấn ngoài thông báo để tắt. Nếu muốn áp dụng lại, thực hiện từ bước 2.

## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 5.1 Đi từ hộp thư đến

**c. TH: Mã áp dụng bằng với gói hiện tại hoặc áp dụng cho camera chưa có gói**

Sau bước chọn camera



Xác nhận thông tin gói dịch vụ

Chi tiết	
Camera	#diningcam
Gói	3 ngày
Thời hạn	180 ngày
Hiệu lực đến	09/09/2020

Chọn đồng ý với điều khoản

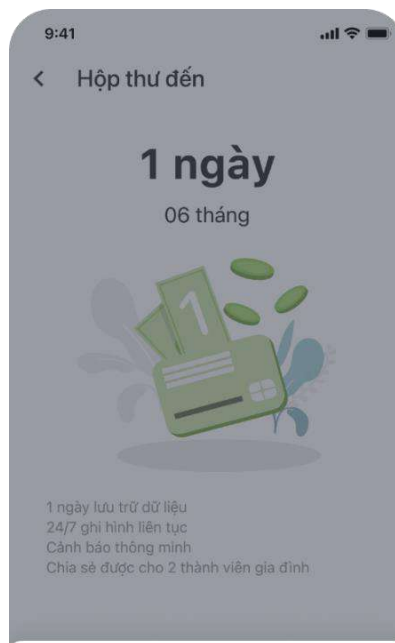
7.2

Nhấn vào đây đồng nghĩa là bạn đã đồng ý và tuân thủ theo Điều khoản và Chính sách của chúng tôi.

Xác nhận & Áp dụng

Chọn để xác nhận và áp dụng mã

8.2



Áp dụng mã thành công

Gói dịch vụ của bạn đã được cập nhật thành công.

Đi đến camera

Chọn để xem camera sau khi áp dụng mã thành công

9.2a



Áp dụng mã thất bại

Yêu cầu áp dụng mã bị gián đoạn và không thể hoàn thành.

Đóng

Trường hợp không áp dụng được mã, nhấn đóng để tắt thông báo. Nếu muốn áp dụng lại, thực hiện từ bước 2.

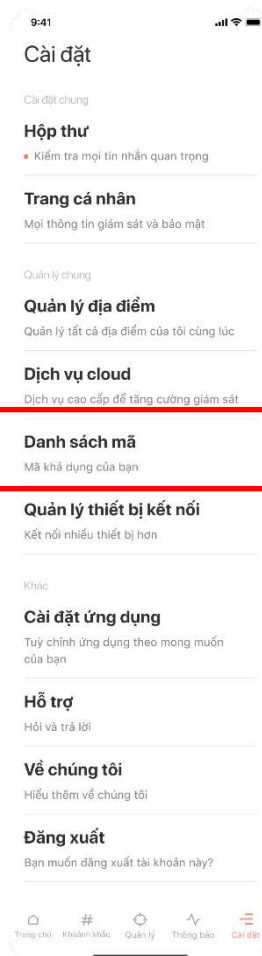
9.2b

## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 5.2 Đi từ danh sách mã

#### a. Trường hợp: Có mã dịch vụ

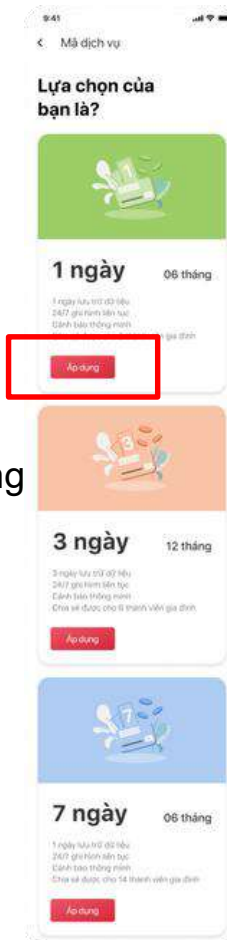
1



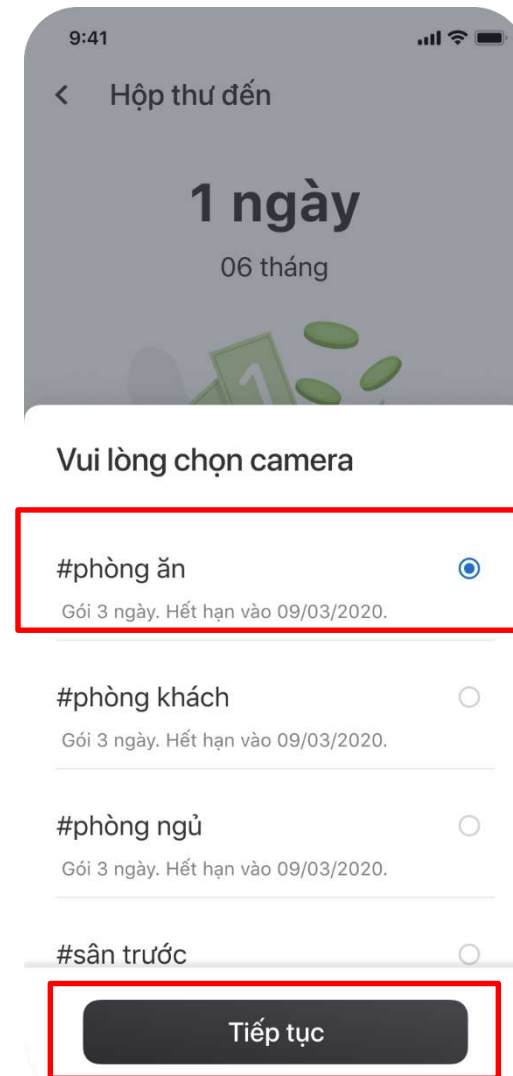
Chọn danh sách mã trong mục cài đặt

2

Chọn mã muốn áp dụng



3



Chọn camera để áp dụng mã

4

### 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

#### 5.2 Đi từ danh sách mã.

##### a. Trường hợp: Có mã dịch vụ

Sau bước chọn camera:

Chia làm 3 trường hợp:

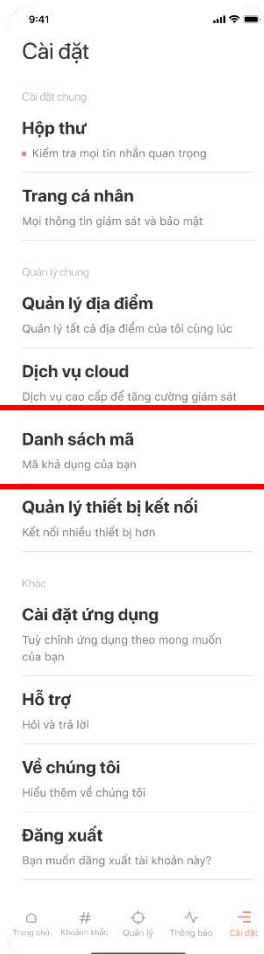
- Mã áp dụng thấp hơn gói hiện tại (Xem mục 5.1, tiểu mục a)
- Mã áp dụng cao hơn gói hiện tại (Xem mục 5.1, tiểu mục b)
- Mã áp dụng bằng gói hiện tại hoặc áp dụng cho camera chưa có gói (Xem mục 5.1, tiểu mục c)

## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

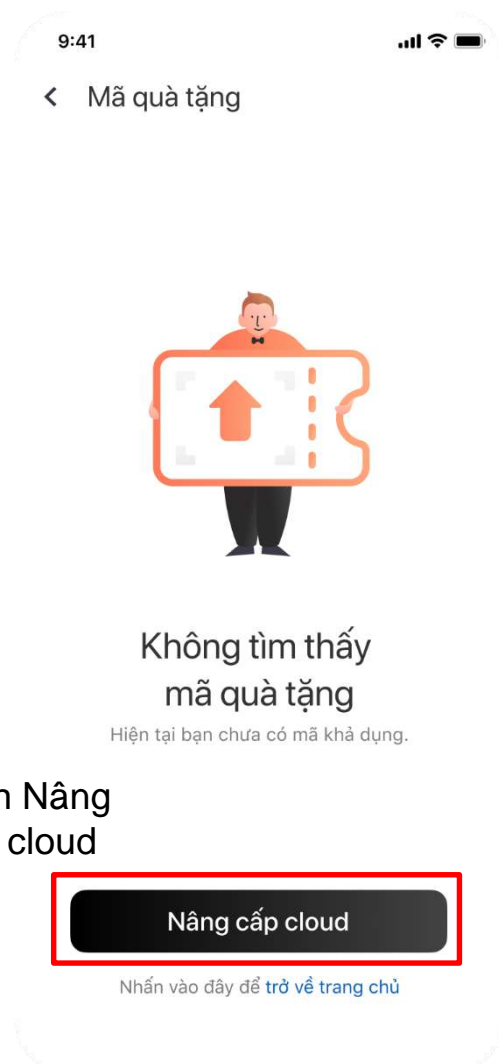
### 5.2 Đi từ danh sách mã

#### b. Trường hợp: Không có mã dịch vụ

1



Chọn danh sách mã trong mục cài đặt

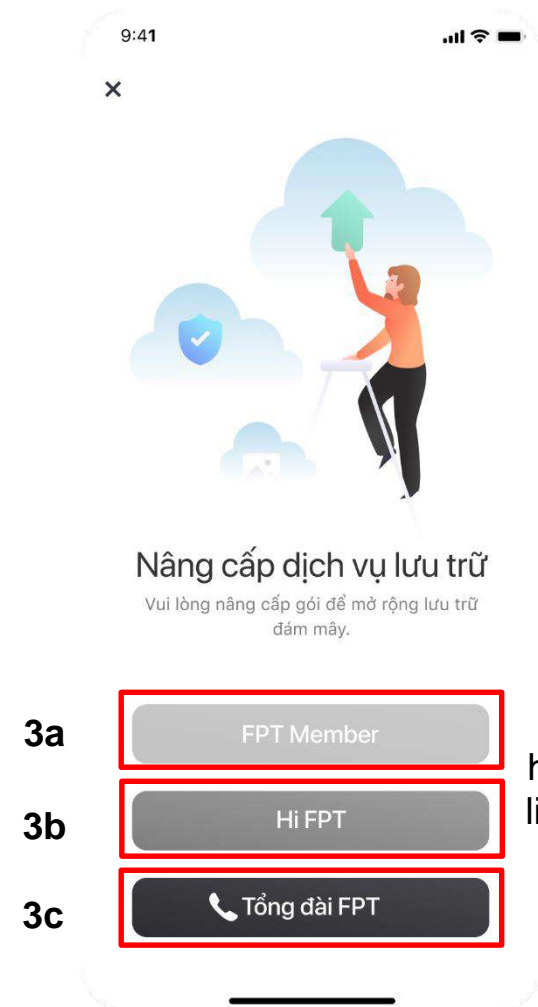


Chọn Nâng cấp cloud

2

Không tìm thấy mã quà tặng  
Hiện tại bạn chưa có mã khả dụng.

Nhấn vào đây để trở về trang chủ



3a

3b

3c

Chọn 1 trong 3 hình thức liên hệ để có thể mua gói cloud



## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud 5.3 Đi từ ứng dụng Hi FPT

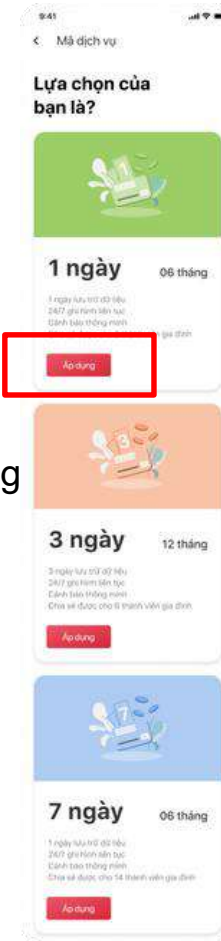
### a. Trường hợp: Có mã dịch vụ

Sau khi thanh toán mua mã dịch vụ trên HiFPT sẽ có link mở app FPT Camera để KH áp dụng mã cho camera.

Tuy nhiên phiên bản hiện tại của HiFPT chưa triển khai chức năng này nên mục này hiện tại chỉ để tham khảo.



1  
Chọn mã  
muốn áp dụng



2



Chọn  
camera để  
áp dụng mã

3

### 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

#### 5.3 Đi từ ứng dụng Hi FPT

##### a. Trường hợp: Có mã dịch vụ

Sau bước chọn camera:

Chia làm 3 trường hợp:

- Mã áp dụng thấp hơn gói hiện tại (**Xem mục 5.1, tiểu mục a**)
- Mã áp dụng cao hơn gói hiện tại (**Xem mục 5.1, tiểu mục b**)
- Mã áp dụng bằng gói hiện tại hoặc áp dụng cho camera chưa có gói (**Xem mục 5.1, tiểu mục c**)

## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 5.3 Đi từ ứng dụng Hi FPT

#### *b. Trường hợp: Không có mã dịch vụ*

Sau khi thanh toán mua mã dịch vụ trên HiFPT sẽ có link mở app FPT Camera để KH áp dụng mã cho camera.

Tuy nhiên phiên bản hiện tại của HiFPT chưa triển khai chức năng này nên mục này hiện tại chỉ để tham khảo.



Các bước tiếp theo để liên hệ mua gói cloud  
**Xem bước 2, 3a, 3b, 3c mục 5.2, tiểu mục b**

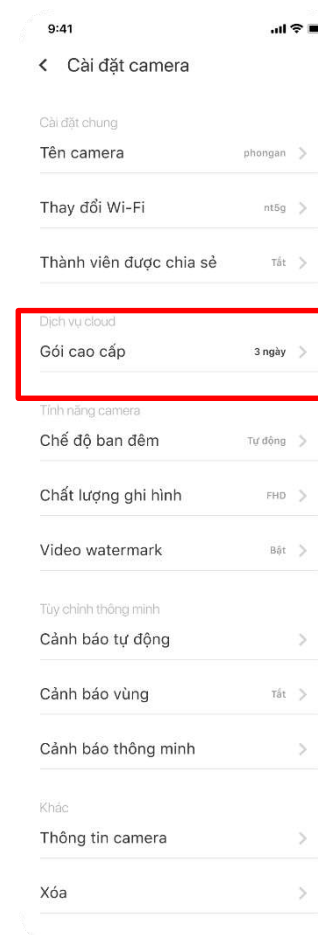
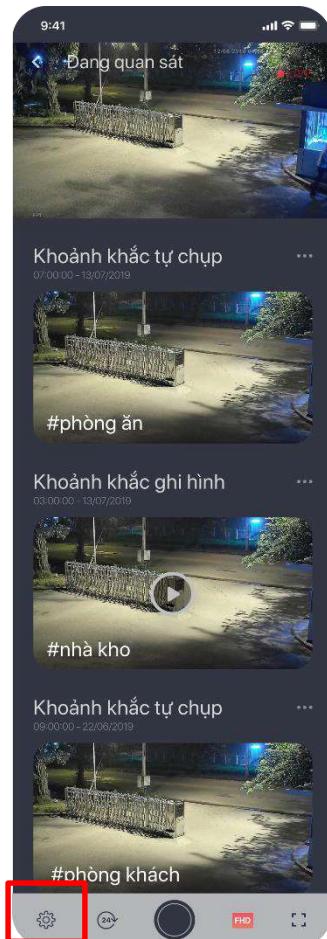
## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 5.4 Đi từ cài đặt camera

#### a. Trường hợp: Có mã dịch vụ

Chọn  
mục cài  
đặt  
camera

1



2

Chọn mục  
gói cao cấp



3

Chọn mã  
muốn áp  
dụng

### 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

#### 5.4 Đi từ cài đặt camera

##### a. Trường hợp: Có mã dịch vụ

Các bước tiếp theo để áp dụng mã:

Chia làm 3 trường hợp:

- Mã áp dụng thấp hơn gói hiện tại (**Xem mục 5.1, tiểu mục a**)
- Mã áp dụng cao hơn gói hiện tại (**Xem mục 5.1, tiểu mục b**)
- Mã áp dụng bằng gói hiện tại hoặc áp dụng cho camera chưa có gói (**Xem mục 5.1, tiểu mục c**)

## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 5.4 Đi từ cài đặt camera

#### b. Trường hợp: Không có mã dịch vụ



Chọn  
mục cài  
đặt  
camera

1



2

Chọn mục  
gói cao cấp

Các bước tiếp theo để liên hệ mua gói cloud  
**Xem bước 2, 3a, 3b, 3c mục 5.2, tiểu mục b**

## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

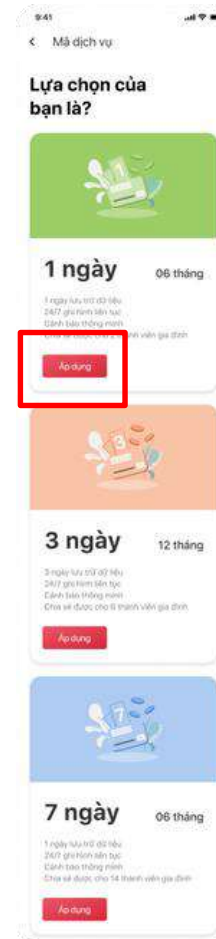
### 5.5 Đi từ mục quản lý

#### a. Trường hợp: Có mã dịch vụ



**2**  
Chọn camera muốn áp dụng mã

**1**  
Chọn mục quản lý



**3**  
Chọn mã muốn áp dụng

Các bước tiếp theo để áp dụng mã:

Chia làm 3 trường hợp:

- Mã áp dụng thấp hơn gói hiện tại (**Xem mục 5.1, tiểu mục a**)
- Mã áp dụng cao hơn gói hiện tại (**Xem mục 5.1, tiểu mục b**)
- Mã áp dụng bằng gói hiện tại hoặc áp dụng cho camera chưa có gói (**Xem mục 5.1, tiểu mục c**)

## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 5.5 Đi từ mục quản lý

#### b. Trường hợp: Không có mã dịch vụ



**2**  
Chọn camera muốn áp dụng mã

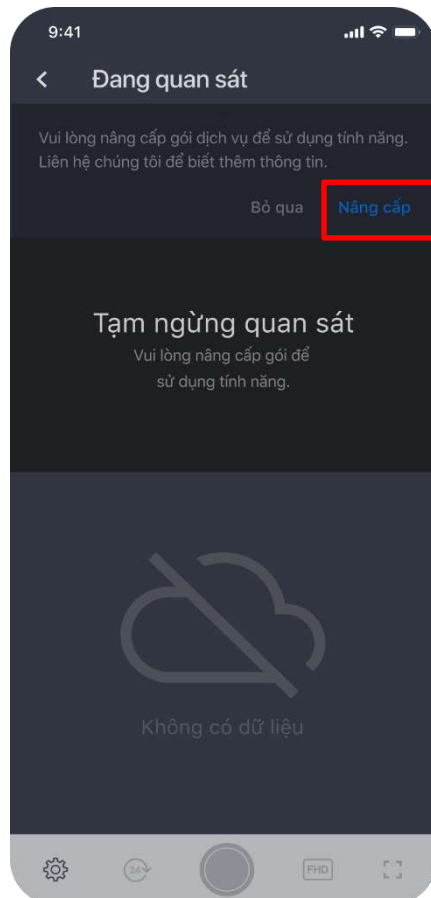
**1**  
Chọn mục quản lý

Các bước tiếp theo để liên hệ mua gói cloud  
 Xem bước 2, 3a, 3b, 3c mục 5.2, tiểu mục b



## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud 5.6 Đi từ thông báo trạng phát trực tiếp a. Trường hợp: Có mã dịch vụ

Camera chưa có gói



1a

Chọn nút  
Nâng cấp  
trên thông  
báo

Camera có gói trong 7 ngày ân hạn



1b

Chọn nút  
Gia hạn  
trên thông  
báo

Camera có gói sắp hết hạn  
(thời hạn sử dụng gói còn  $\leq 10$  ngày)



1c

Chọn nút  
Gia hạn  
trên thông  
báo

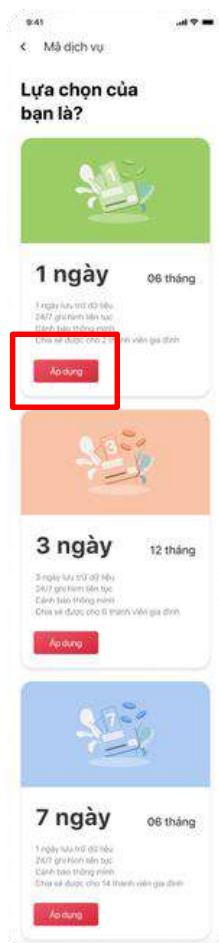
## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 5.6 Đi từ thông báo trang phát trực tiếp

#### a. Trường hợp: Có mã dịch vụ

2

Chọn mã  
muốn áp  
dụng



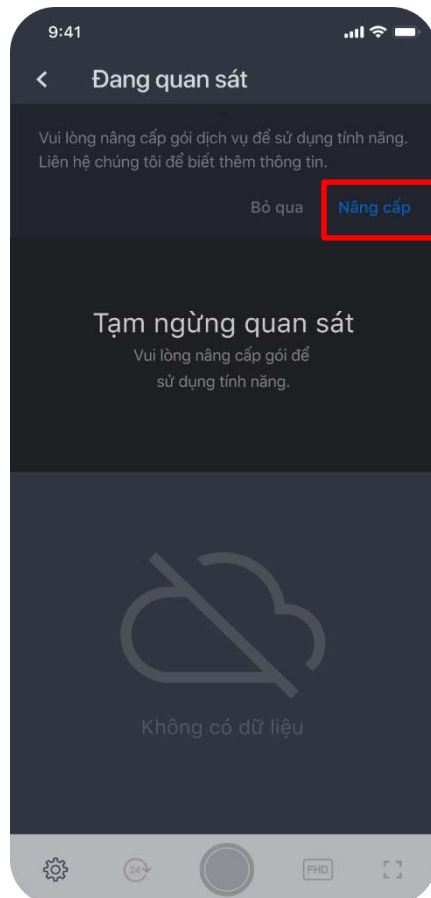
Các bước tiếp theo để áp dụng mã:

Chia làm 3 trường hợp:

- Mã áp dụng thấp hơn gói hiện tại (**Xem mục 5.1, tiểu mục a**)
- Mã áp dụng cao hơn gói hiện tại (**Xem mục 5.1, tiểu mục b**)
- Mã áp dụng bằng gói hiện tại hoặc áp dụng cho camera chưa có gói (**Xem mục 5.1, tiểu mục c**)

## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud 5.6 Đi từ thông báo trạng phát trực tiếp b. Trường hợp: Không có mã dịch vụ

Camera chưa có gói



1a

Chọn nút  
Nâng cấp  
trên thông  
báo

Camera có gói trong 7 ngày ân hạn



1b

Chọn nút  
Gia hạn  
trên thông  
báo

Camera có gói sắp hết hạn  
(thời hạn sử dụng gói còn  $\leq 10$  ngày)



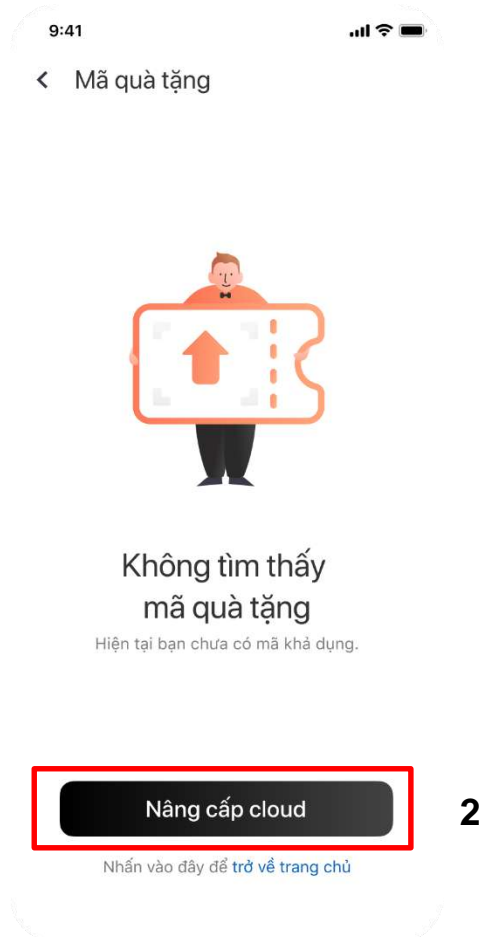
1c

Chọn nút  
Gia hạn  
trên thông  
báo

## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 5.6 Đi từ thông báo trạng phát trực tiếp

**b. Trường hợp: Không có mã dịch vụ**



Các bước tiếp theo để liên hệ mua gói cloud  
 Xem bước 2, 3a, 3b, 3c mục 5.2, tiểu mục b

## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud 5.7 Đi từ nút Full HD

### a. Trường hợp: Có mã dịch vụ

Chỉ hiển thị thông báo khi nhấn nút FHD ở camera sử dụng gói 3 ngày sự kiện



2 Chọn nút  
Nâng cấp  
trên thông  
báo

1 Chọn  
nút FHD



3 Chọn mã  
muốn áp  
dụng

Các bước tiếp theo để áp dụng mã:

Chia làm 2 trường hợp:

- Mã áp dụng cao hơn gói hiện tại (**Xem mục 5.1, tiểu mục b**)
- Mã áp dụng bằng gói hiện tại hoặc áp dụng cho camera chưa có gói (**Xem mục 5.1, tiểu mục c**)

## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 5.7 Đi từ nút Full HD

*b. Trường hợp: Không có mã dịch vụ*



Chọn nút  
2 Nâng cấp  
trên thông  
báo

Chọn  
1 nút FHD

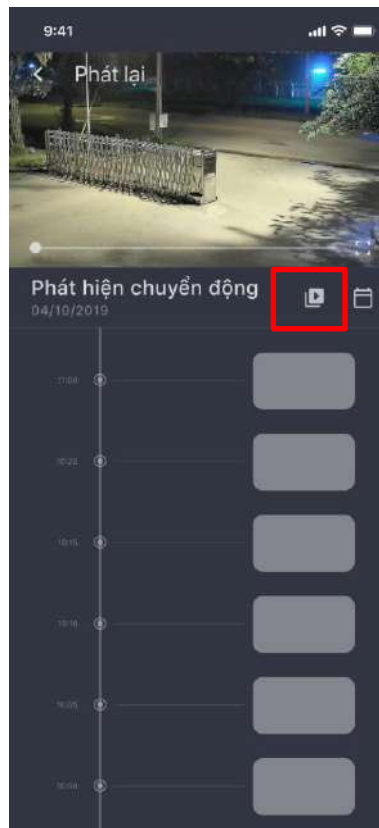
Các bước tiếp theo để liên hệ mua gói cloud  
Xem bước 2, 3a, 3b, 3c mục 5.2, tiểu mục b

## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud 5.8 Đi từ nút xem ghi hình 24/7 a. Trường hợp: Có mã dịch vụ

Chỉ hiển thị thông báo khi nhấn nút xem ghi hình 24/7 ở camera sử dụng gói 3 ngày sự kiện



1  
Chọn nút 24h



2  
Chọn nút xem ghi hình 24/7



3  
Chọn nút Nâng cấp

Với tác nhân là người được chia sẻ, khi nhấn nút ghi hình 24/7 ở camera sử dụng gói 3 ngày sự kiện chỉ hiển thị thông báo, không hiển thị nút Nâng cấp.

## 5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud 5.8 Đi từ nút xem ghi hình 24/7 a. Trường hợp: Có mã dịch vụ



4  
Chọn mã  
muốn áp  
dụng

Các bước tiếp theo để áp dụng mã:

Chia làm 2 trường hợp:

- Mã áp dụng cao hơn gói hiện tại (**Xem mục 5.1, tiểu mục b**)
- Mã áp dụng bằng gói hiện tại hoặc áp dụng cho camera chưa có gói (**Xem mục 5.1, tiểu mục c**)



**5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud**  
**5.8 Đi từ nút xem ghi hình 24/7**  
**b. Trường hợp: Không có mã dịch vụ**



**1**  
 Chọn nút 24h



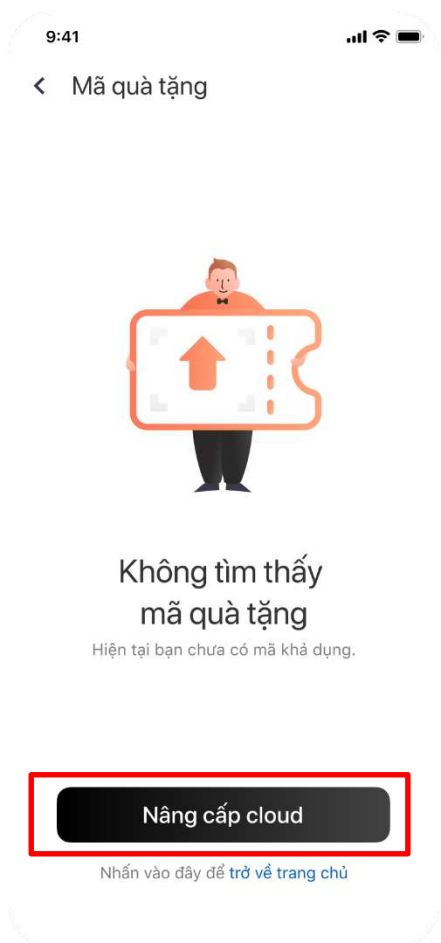
**2**  
 Chọn nút xem ghi hình 24/7



**3**  
 Chọn nút Nâng cấp

Với tác nhân là người được chia sẻ, khi nhấn nút ghi hình 24/7 ở camera sử dụng gói 3 ngày sự kiện chỉ hiển thị thông báo, không hiển thị nút Nâng cấp.

**5. Áp dụng mã dịch vụ Cloud**  
**5.8 Đi từ nút xem ghi hình 24/7**  
**b. Trường hợp: Không có mã dịch vụ**



Các bước tiếp theo để liên hệ mua gói cloud  
 Xem bước 2, 3a, 3b, 3c mục 5.2, tiểu mục b

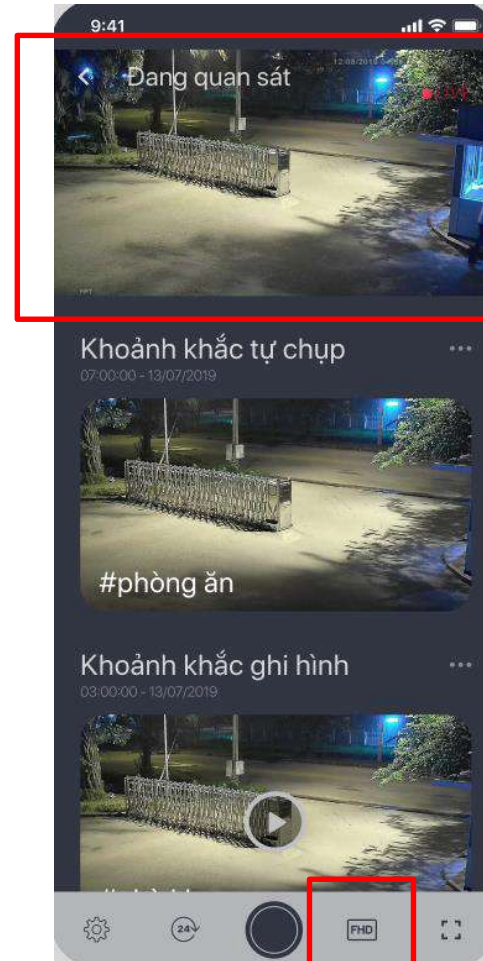
## 6. Hướng dẫn xem camera

### 6.1. Hướng dẫn xem trực tiếp (Livestream)

#### Cách 1. Đi từ trang chủ



#### Màn hình xem trực tiếp

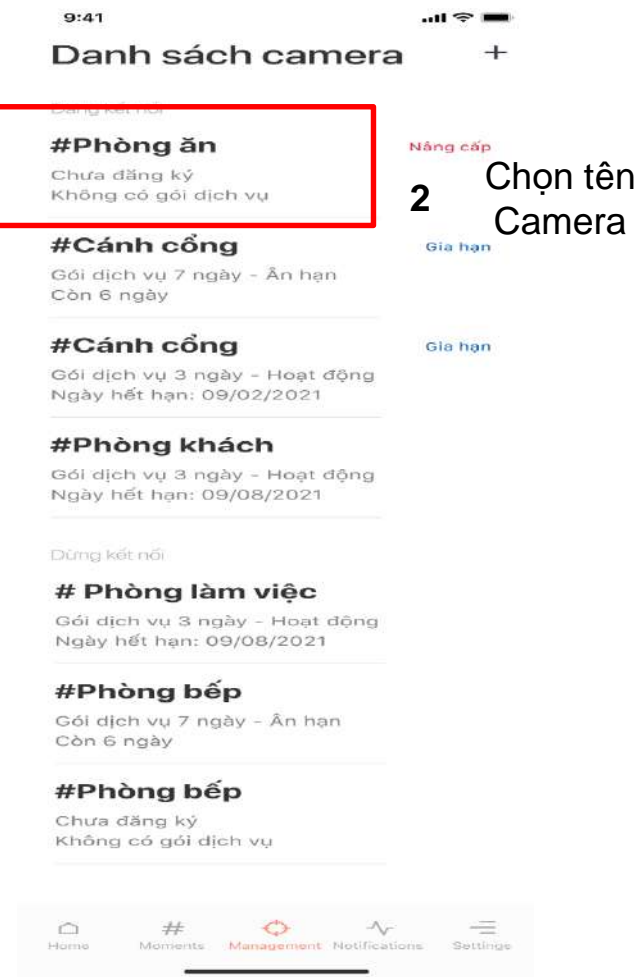


- Nút “FHD” màu cam: đang xem video chất lượng Full HD
- Nút “FHD” màu xám: đang xem video chất lượng HD

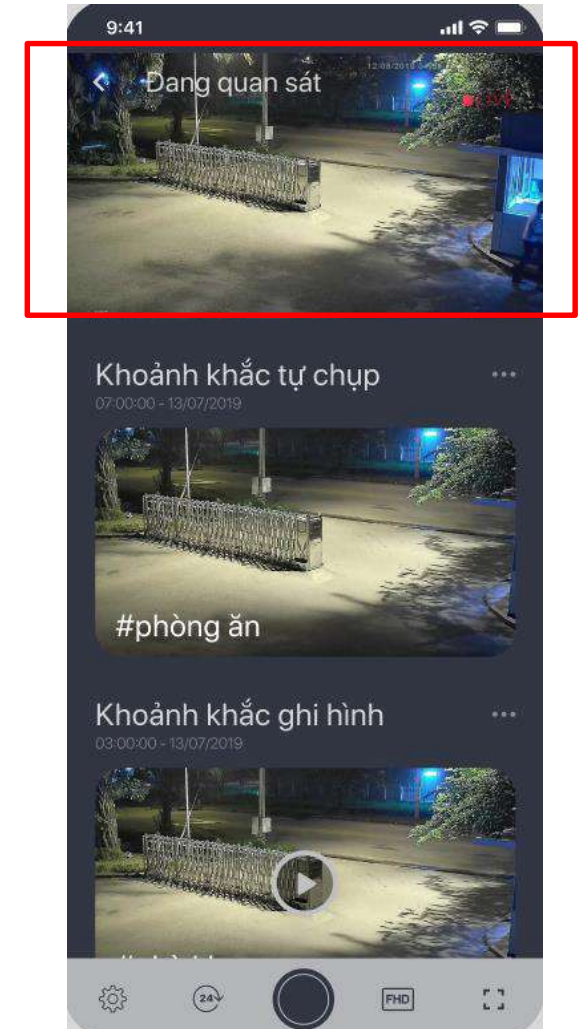
## 6.1. Hướng dẫn xem trực tiếp (tiếp theo) Cách 2. Đi từ danh mục Quản lý Camera (Camera Management)



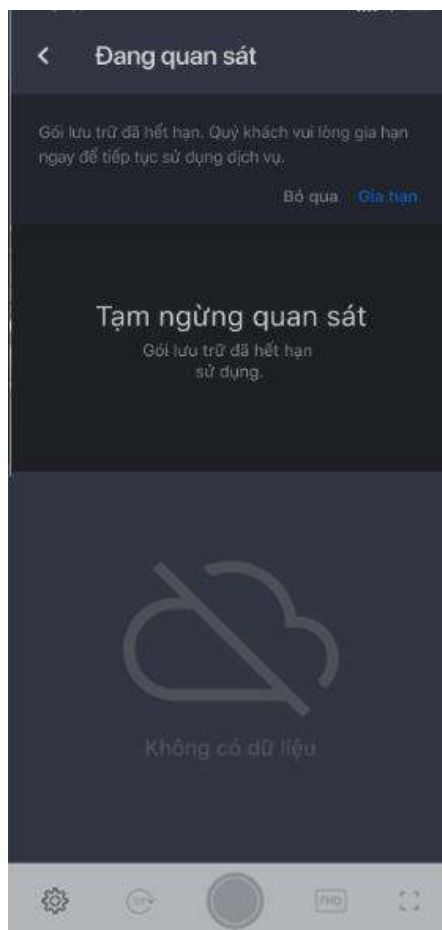
### Màn hình danh sách Camera



### Màn hình Live streaming



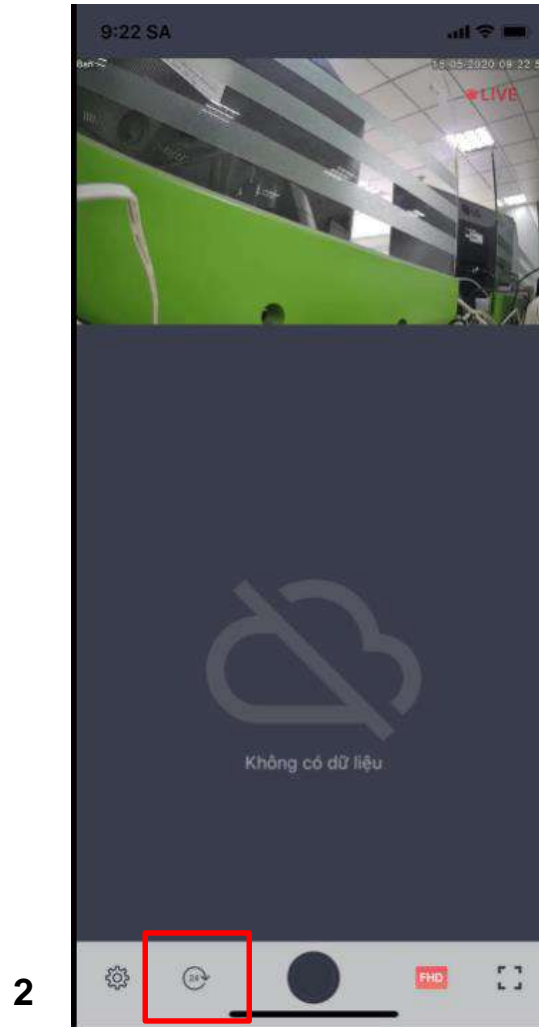
**6.1. Hướng dẫn xem trực tiếp (tiếp theo)**  
**Camera đã hết hạn nhưng được gia hạn thêm 7 ngày để sử dụng:** không xem trực tuyến, được sử dụng chức năng Xem lại.



**Camera chưa kích hoạt gói cloud hoặc đã hết hạn (đã quá 7 ngày ân hạn):** không sử dụng được chức năng Xem lại.

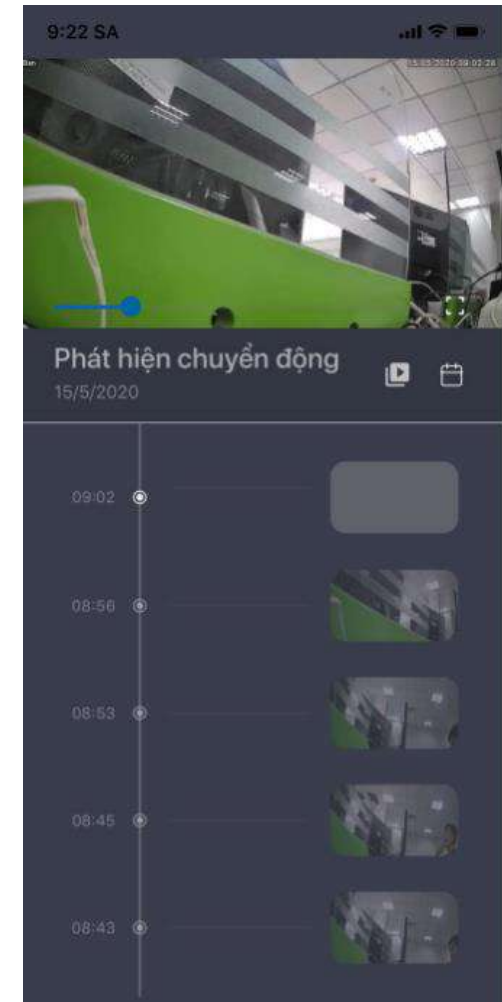


## 6.2. Hướng dẫn xem lại, tải clip dữ liệu



Chọn biểu tượng **Xem lại**

## Màn hình xem chuyển động (của ngày hiện tại)

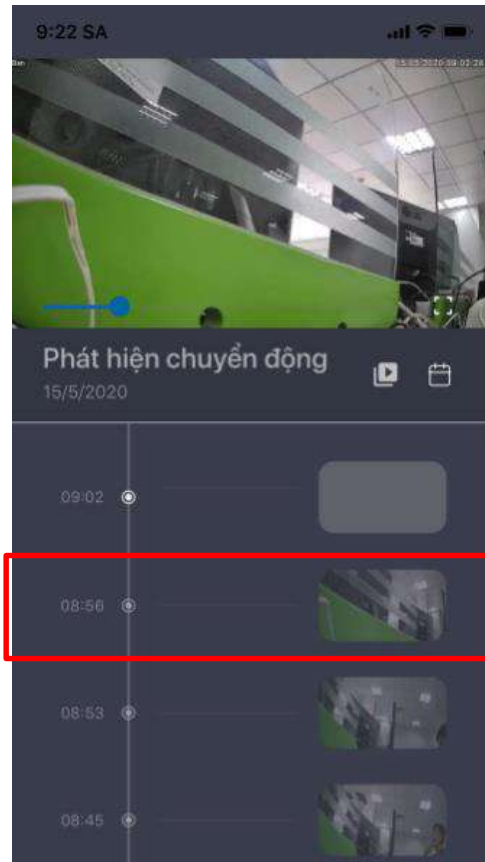


### 6.2. Hướng dẫn xem lại, tải clip dữ liệu (tt)

#### 6.2.1. Xem clip chuyển động:

a. Xem clip chuyển động của ngày hiện tại:

Màn hình xem chuyển động (của ngày hiện tại)

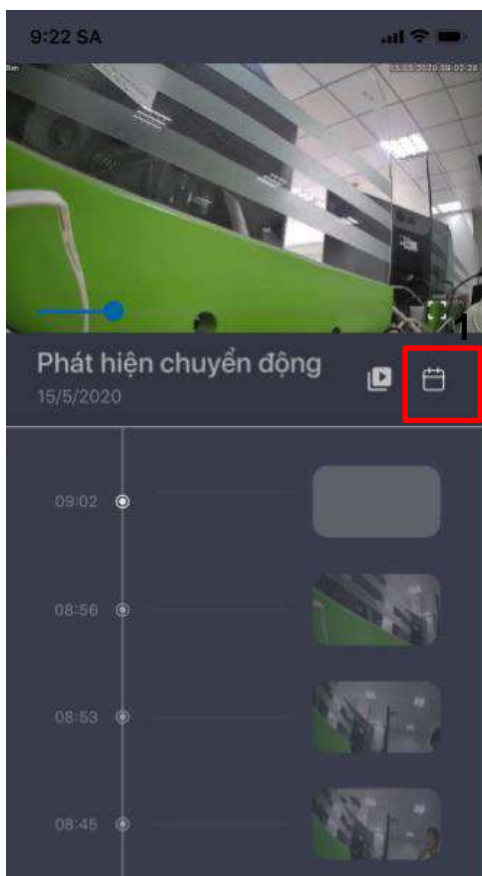


Kéo & chọn  
**khung giờ**  
cần xem lại

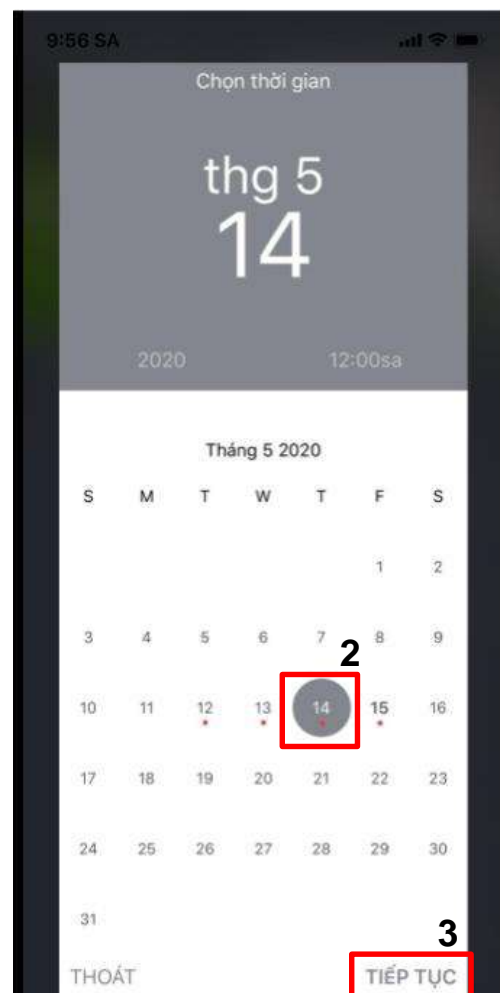
## 6.2. Hướng dẫn xem lại, tải clip dữ liệu (tt)

### 6.2.1. Xem clip chuyển động (tt):

b. Xem clip chuyển động của ngày trong quá khứ:

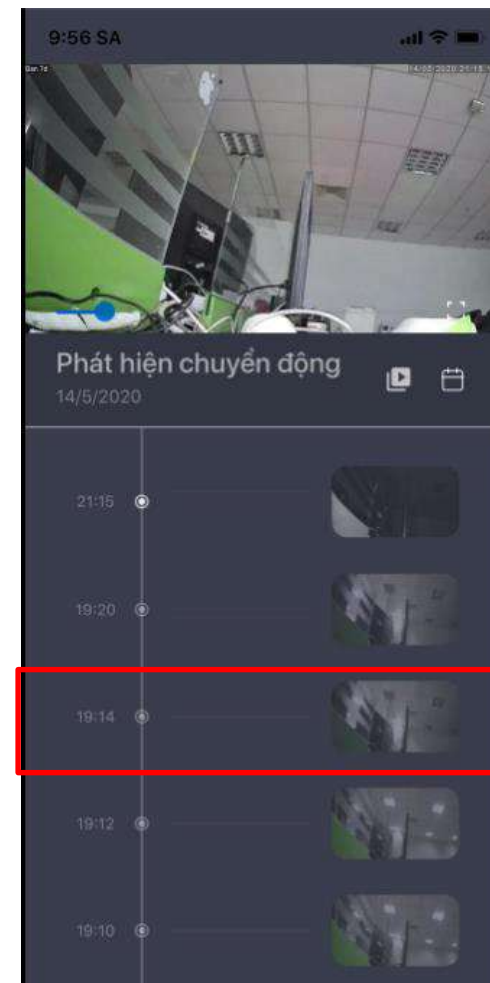


Chọn biểu tượng **Lịch**



Chọn **ngày** cần xem lại

Kéo & chọn **khung giờ** cần xem lại





## 6.2. Hướng dẫn xem lại, tải clip dữ liệu (tt)

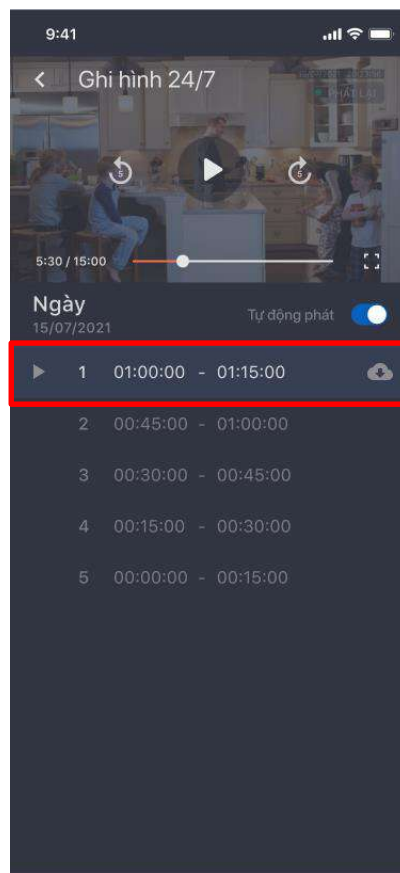
### 6.2.2. Xem full recording:

a. Xem full recording của ngày hiện tại:



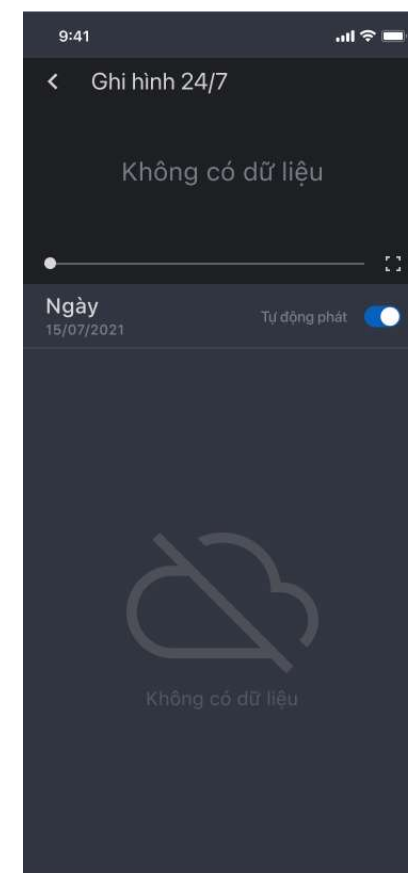
Chọn icon  
24/7  
1

Trường hợp có dữ liệu



2  
Nhấn chọn  
khoảng  
thời gian  
cần xem

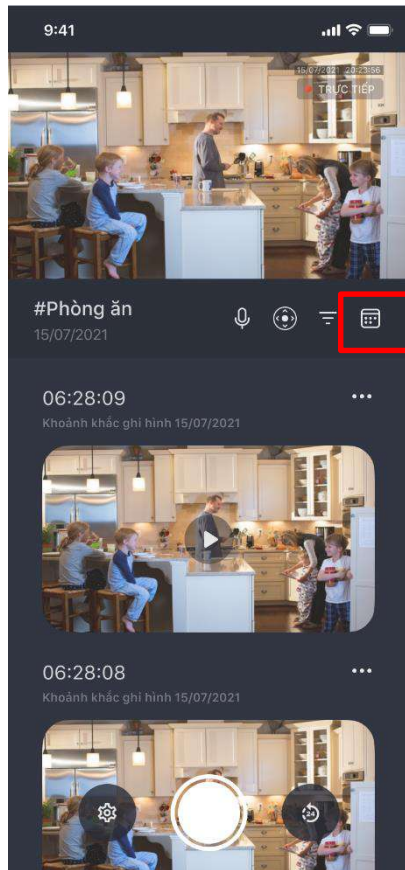
Trường hợp không có dữ liệu



## 6.2.Hướng dẫn xem lại, tải clip dữ liệu (tt)

### 6.2.2. Xem full recording:

b. Xem full recording của ngày quá khứ:

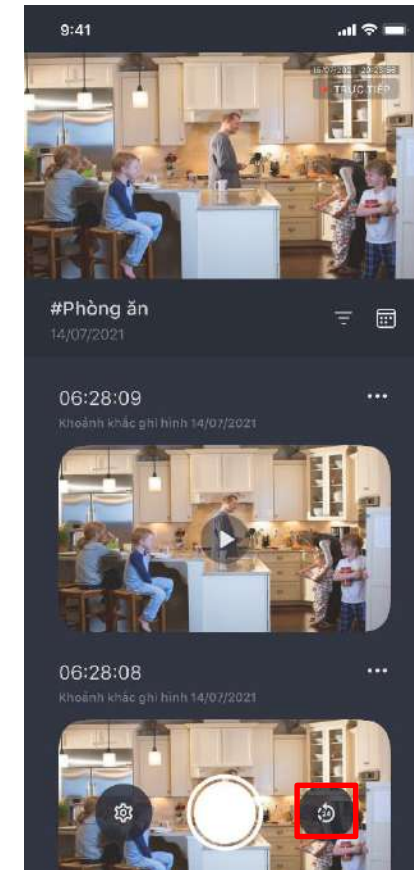


1 Chọn icon Lịch



2 Chọn ngày quá khứ

Chọn Áp dụng  
3



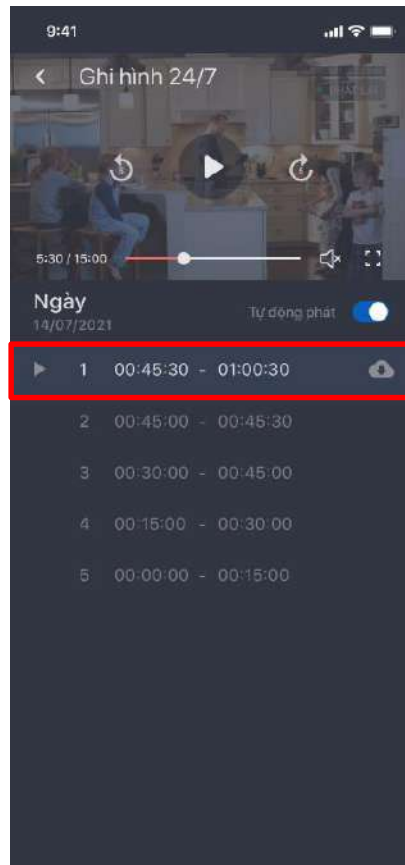
Chọn icon 24/7  
4

## 6.2.Hướng dẫn xem lại, tải clip dữ liệu (tt)

### 6.2.2. Xem full recording:

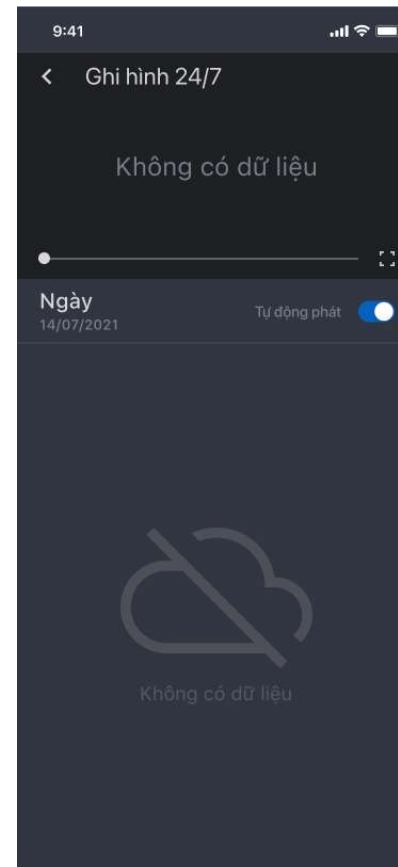
#### b. Xem full recording của ngày quá khứ:

Trường hợp có dữ liệu



**5**  
Nhấn chọn  
khoảng  
thời gian  
cần xem

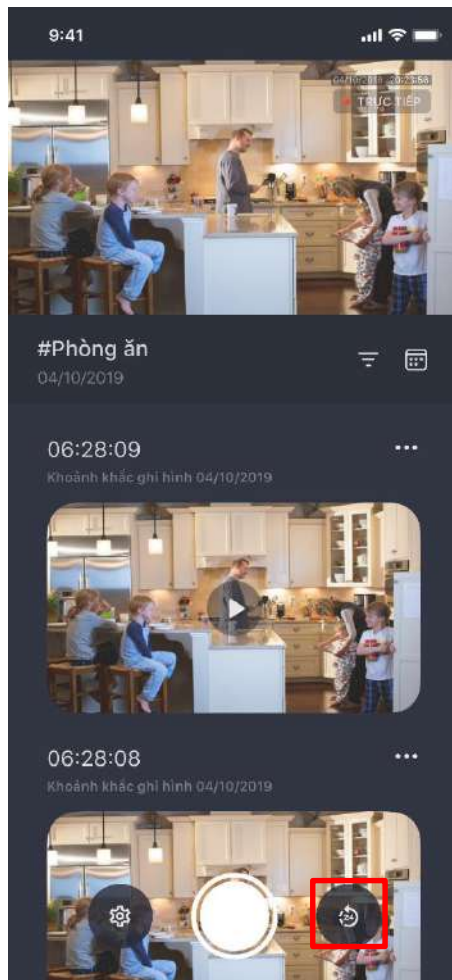
Trường hợp không có dữ liệu



## 6.2. Hướng dẫn xem lại, tải clip dữ liệu (tt)

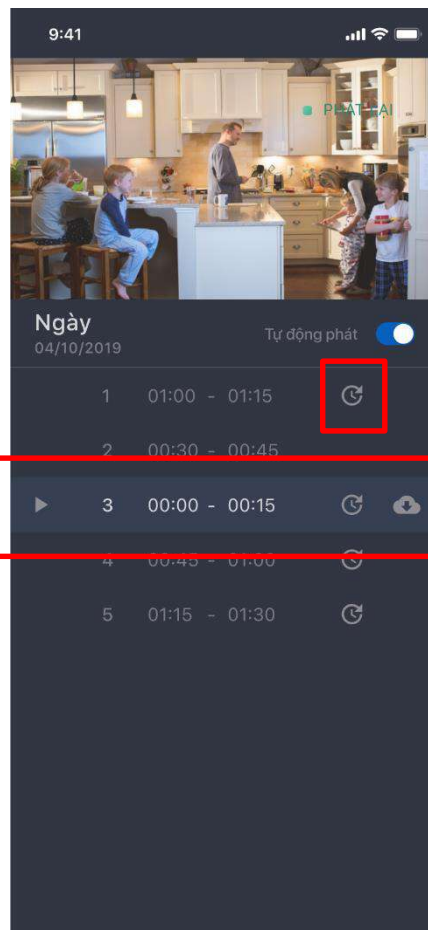
### 6.2.2. Xem full recording (tt):

c. Xem full recording dữ liệu dự phòng (ANR)



Chọn biểu tượng xem 24/7

1

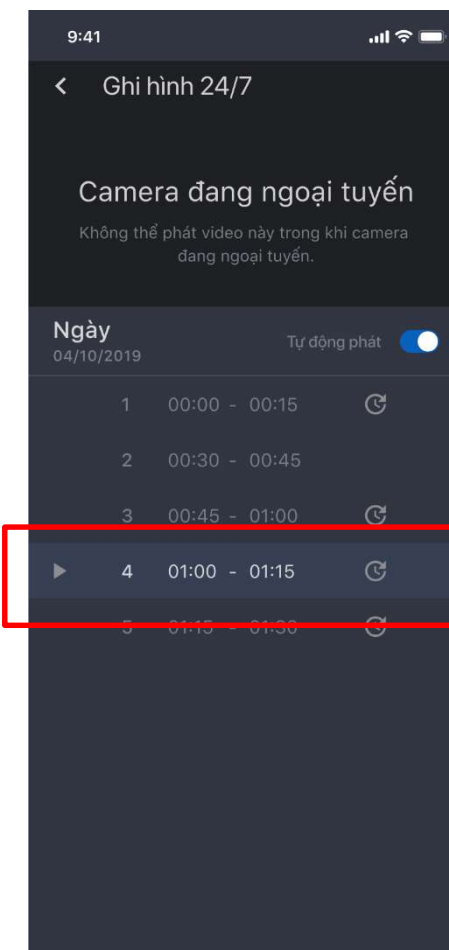


Những video có icon đồng hồ là video dự phòng

2

Chọn khung giờ cần xem

Trường hợp: Camera offline



2.1

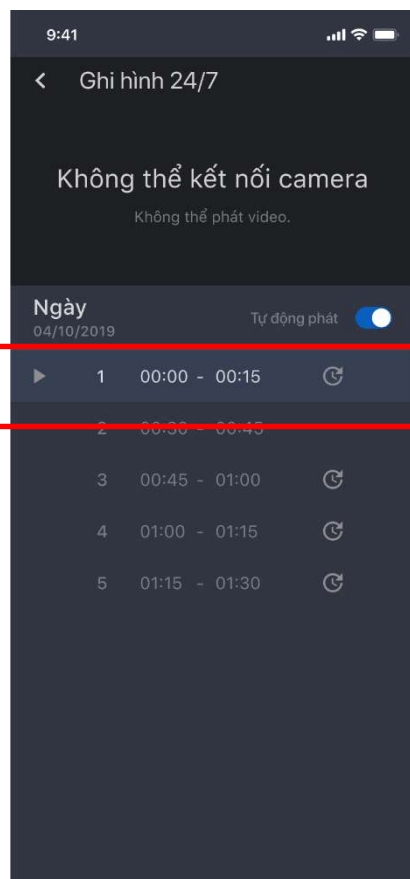
Trong khoảng 24h - tính từ thời điểm hiện tại, nếu xảy ra sự cố (VD: mất internet) dữ liệu ghi hình không được lưu trữ trên Cloud thì user có thể xem và truy xuất dữ liệu này trong vòng 24h bằng các video ANR

## 6.2.Hướng dẫn xem lại, tải clip dữ liệu (tt)

### 6.2.2. Xem full recording (tt):

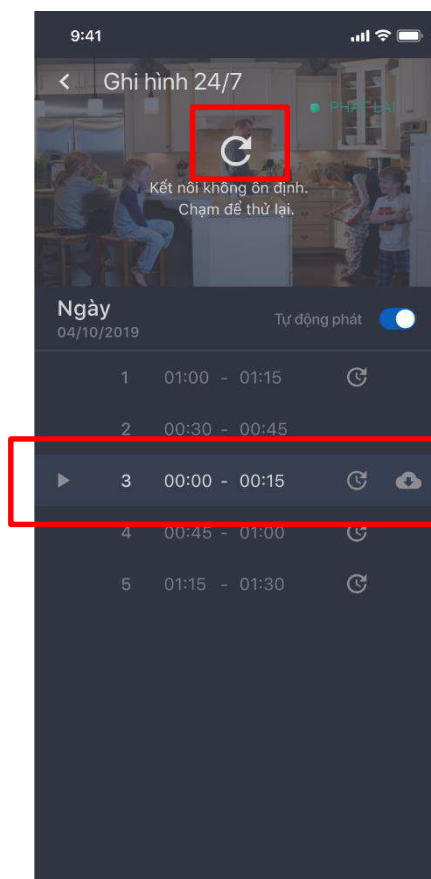
c. Xem full recording dữ liệu dự phòng (ANR)

*Trường hợp: không thể truy xuất tới camera*



**2.2**

*Trường hợp: kết nối internet không ổn định*



**3**

Chạm để tải lại video

**2.3**

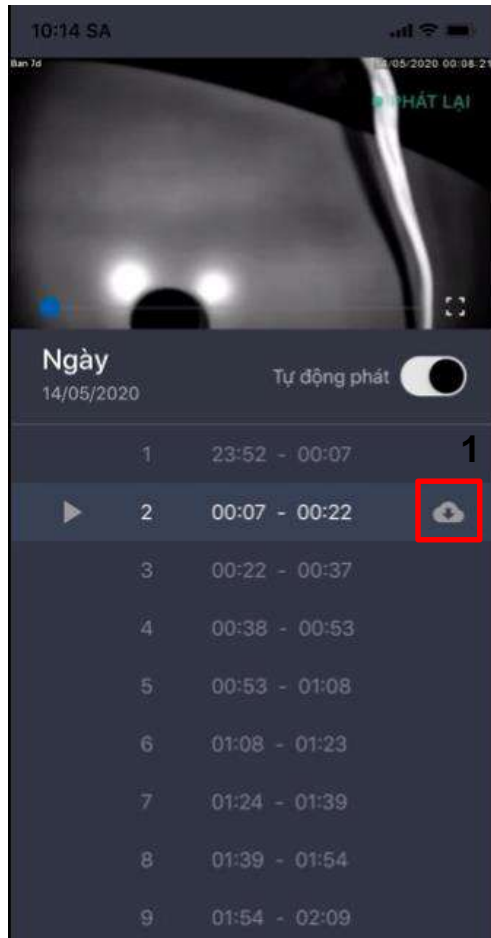
Trong khoảng 24h - tính từ thời điểm hiện tại, nếu xảy ra sự cố (VD: mất internet) dữ liệu ghi hình không được lưu trữ trên Cloud thì user có thể xem và truy xuất dữ liệu này trong vòng 24h bằng các video ANR

## 6.2.Hướng dẫn xem lại, tải clip dữ liệu (tt)

### 6.2.3. Tải clip dữ liệu:

#### a. Tải dữ liệu trên Cloud

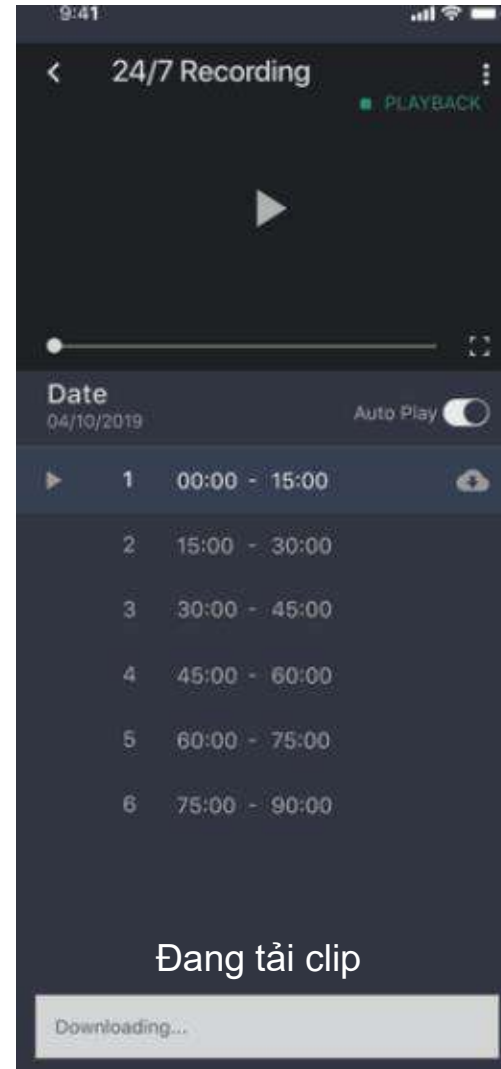
Màn hình xem full clip



Chọn biểu tượng **Tải**

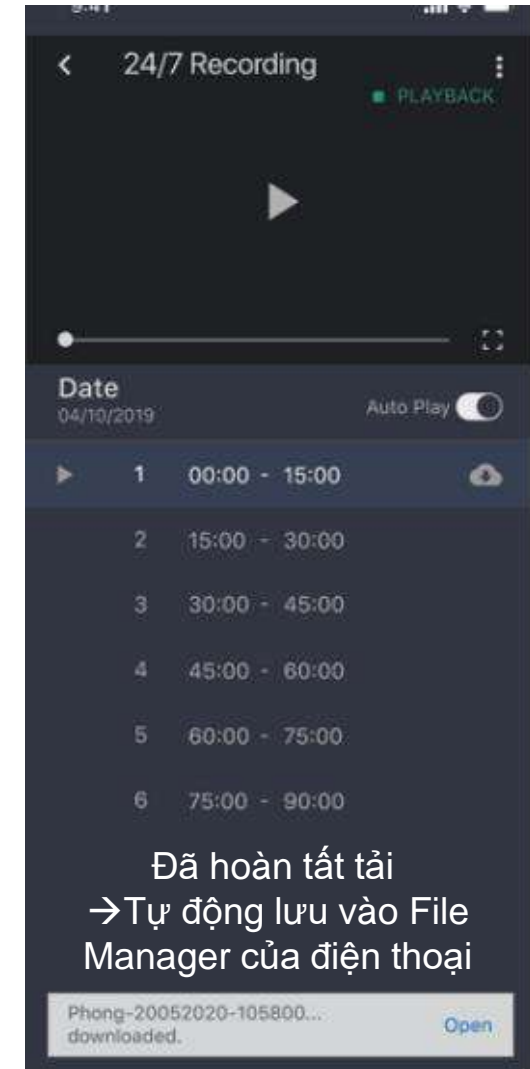
Lưu ý: Chỉ áp dụng với **SĐT chính chủ camera**

HĐH Android: tự động lưu về điện thoại



Đang tải clip

HĐH Android: tự động lưu về điện thoại



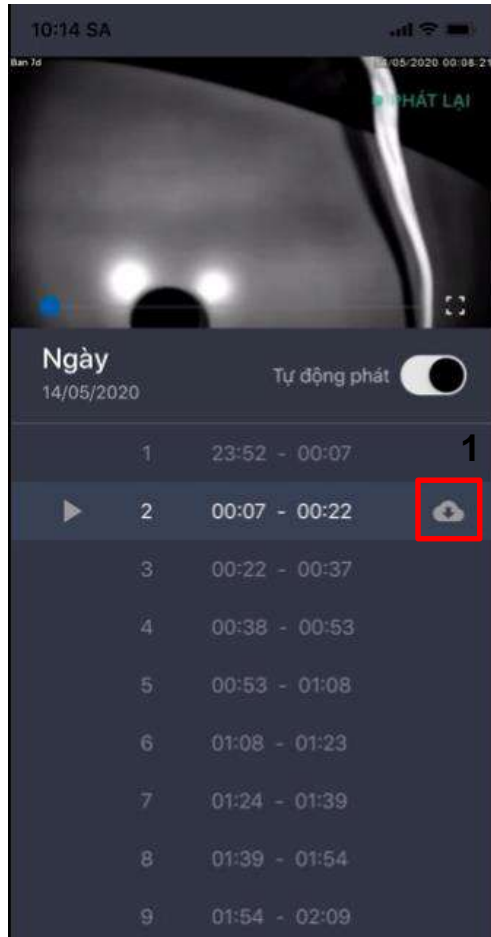
Đã hoàn tất tải  
→ Tự động lưu vào File Manager của điện thoại

## 6.2. Hướng dẫn xem lại, tải clip dữ liệu (tt)

### 6.2.3. Tải clip dữ liệu (tt):

#### a. Tải dữ liệu trên Cloud

Màn hình xem full clip

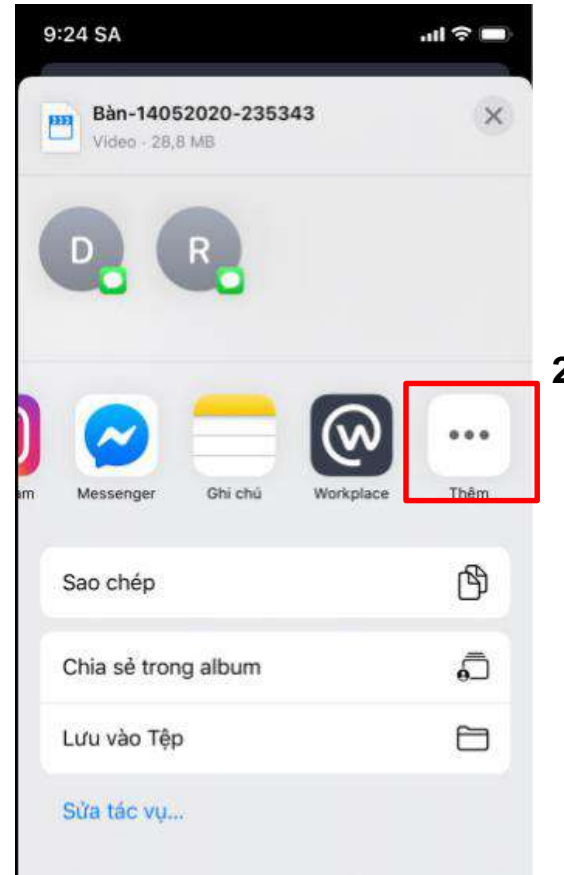


Chọn biểu tượng **Tải**

Lưu ý: Chỉ áp dụng với **SDT chính chủ camera**

HĐH iOS: cần chọn nơi lưu

Ví dụ: lưu clip vào các ứng dụng xem video như VLC, KPM, ...

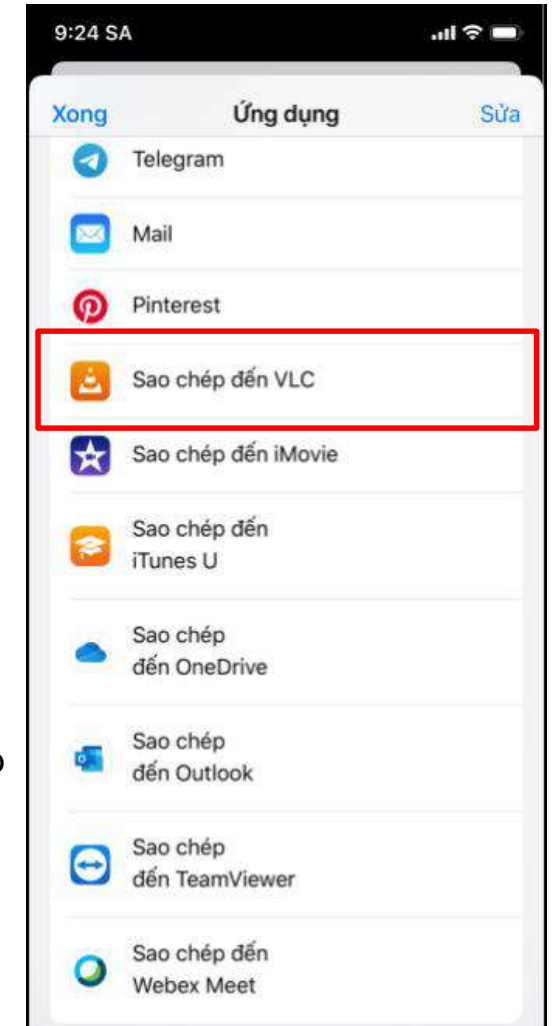


Chọn ứng dụng



Tự động chuyển sang ứng dụng để xem clip vừa tải

HĐH iOS: cần chọn nơi lưu



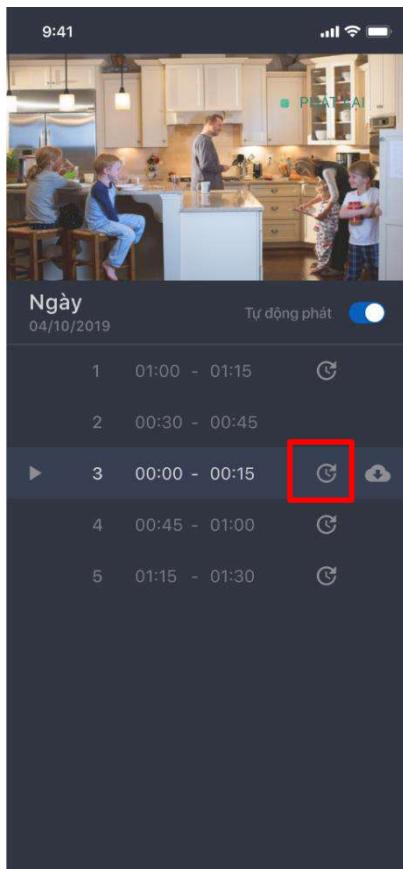
## 6.2.Hướng dẫn xem lại, tải clip dữ liệu (tt)

### 6.2.3. Tải clip dữ liệu (tt):

b. Tải full recording dữ liệu dự phòng (ANR)

Cách 1:

Nhấn biểu tượng ANR (icon đồng hồ)



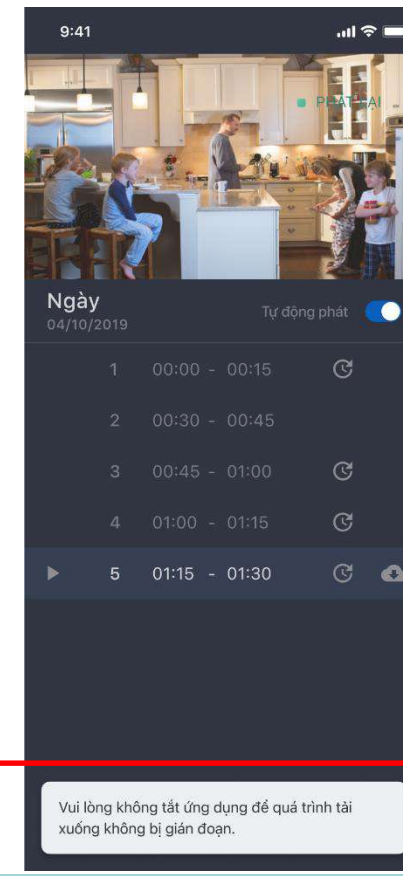
1



Nhấn để tải video

2

Màn hình thông báo không tắt ứng dụng trong quá trình tải





## 6.2.Hướng dẫn xem lại, tải clip dữ liệu (tt)

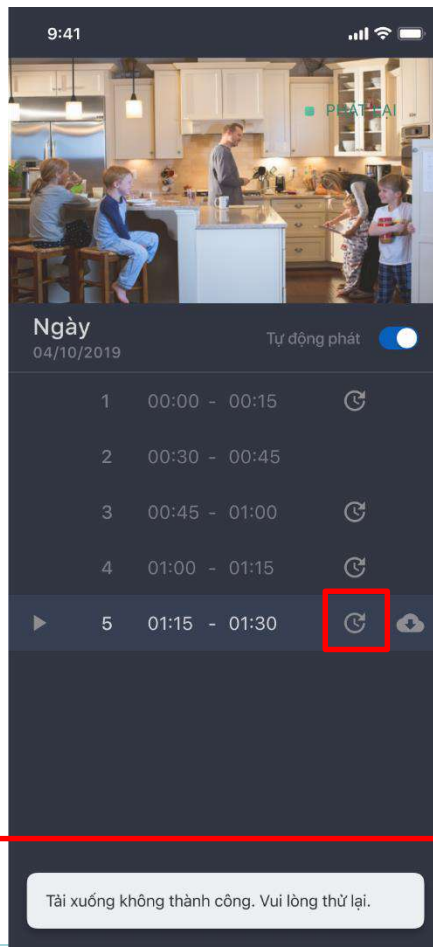
### 6.2.3. Tải clip dữ liệu (tt):

b. Tải full recording dữ liệu dự phòng (ANR)

Trường hợp: tải xuống thành công

Xem mục 6.2.3, tiểu mục a

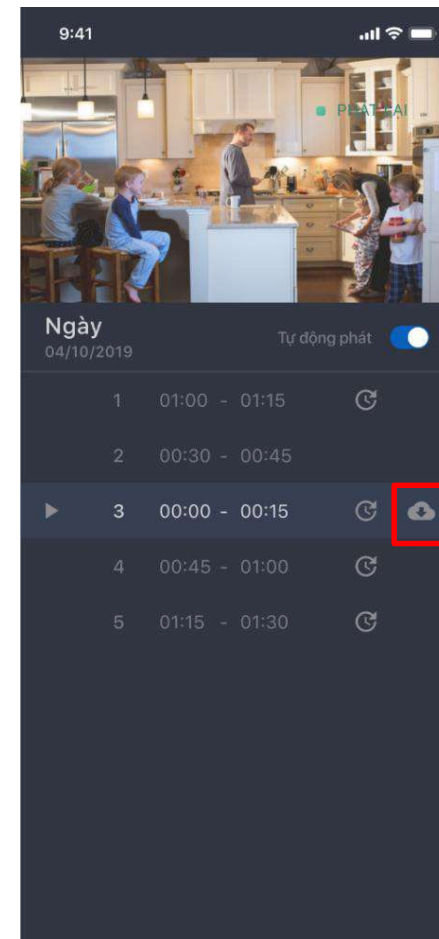
Trường hợp: tải xuống thất bại



Nhấn để tải, thực hiện lại từ bước 1, tiểu mục b

Cách 2: Nhấn biểu tượng Tải (Đám mây)

Xem mục 6.2.3, tiểu mục a

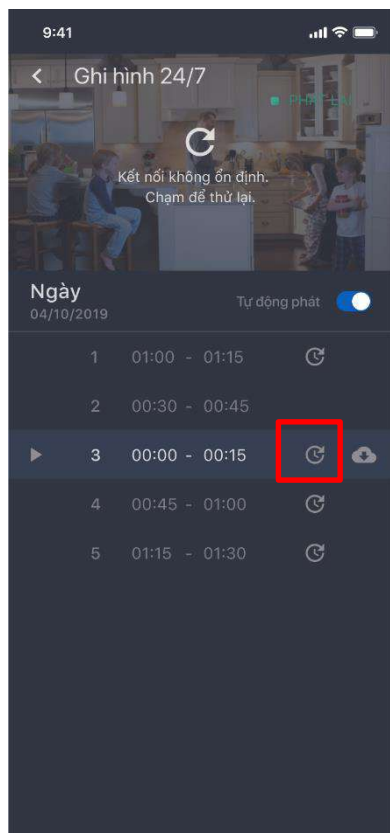


## 6.2.Hướng dẫn xem lại, tải clip dữ liệu (tt)

### 6.2.3. Tải clip dữ liệu (tt):

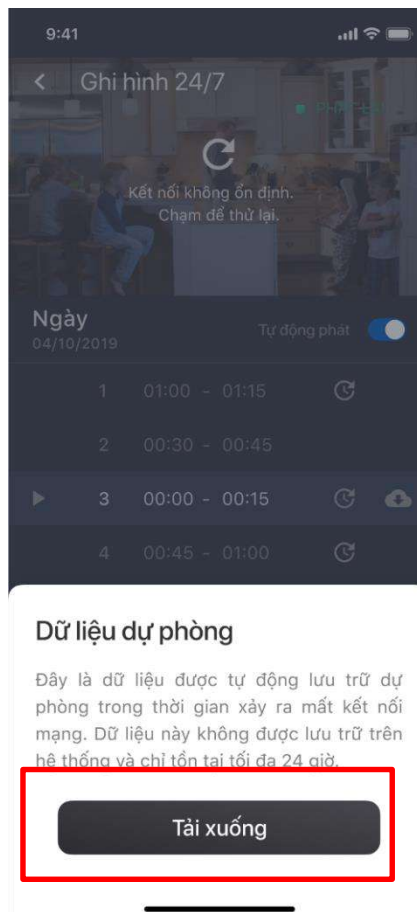
#### b. Tải full recording dữ liệu dự phòng (ANR)

Trường hợp: kết nối internet không ổn định  
-> vẫn có thể tải video



**1**  
Nhấn biểu tượng ANR

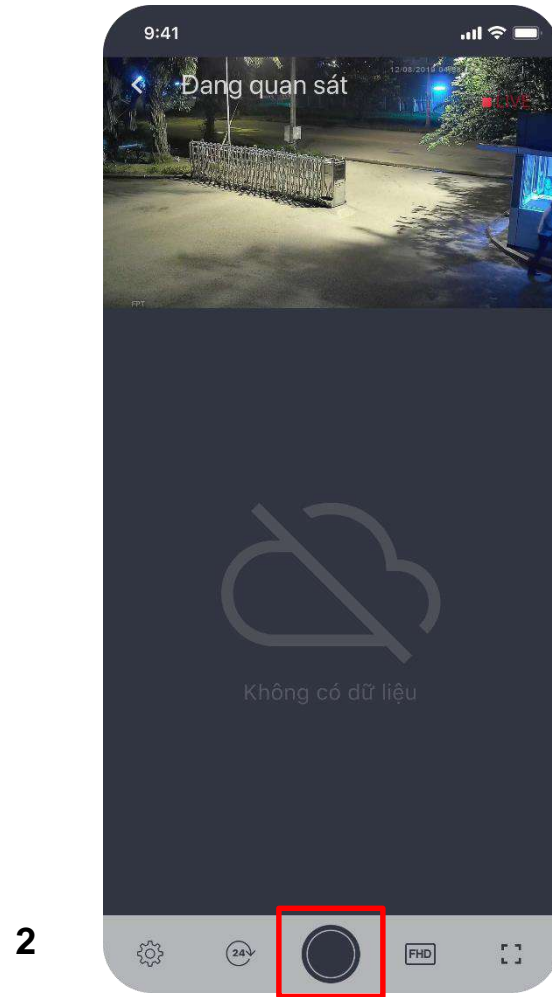
Các bước tiếp theo để tải video trong trường hợp kết nối không ổn định  
**Xem mục 6.2.3, tiểu mục b, cách 1**



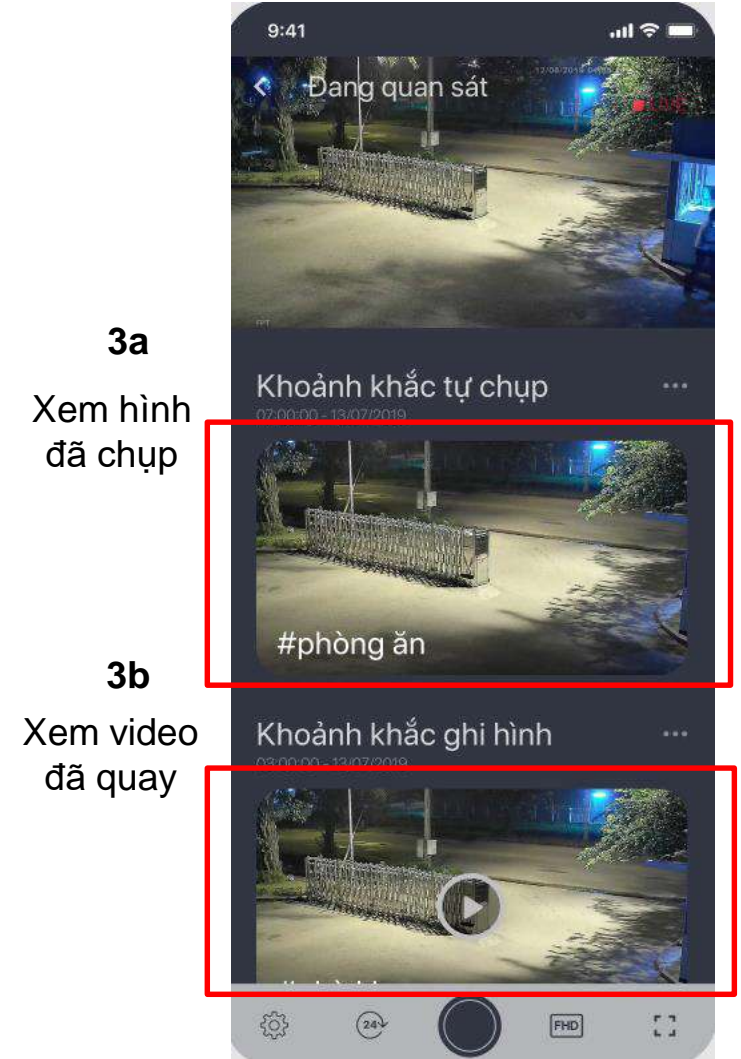
**2**  
Nhấn để tải

Các trường hợp không thể truy xuất tới camera -> Không tải được video dự phòng.

## 6.3. Hướng dẫn chụp hình, quay lại video



- **Chụp hình:** nhấn để chụp
- **Quay video:** nhấn và giữ để quay



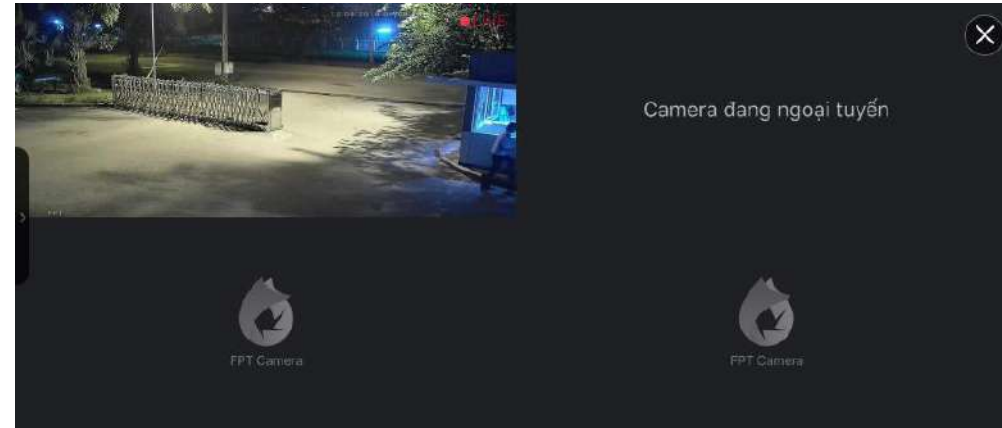
Hướng dẫn sử dụng Grid View áp dụng cho người dùng có từ 2 Camera trở lên

## 6.4. Chế độ xem lưới (Grid View)

- 1 Chọn biểu tượng chế độ xem dạng lưới



Màn hình hiện lưới 4 nếu khách hàng có từ 2 đến 4 camera



Trường hợp Grid View chưa lưu mode theo lựa chọn của người dùng

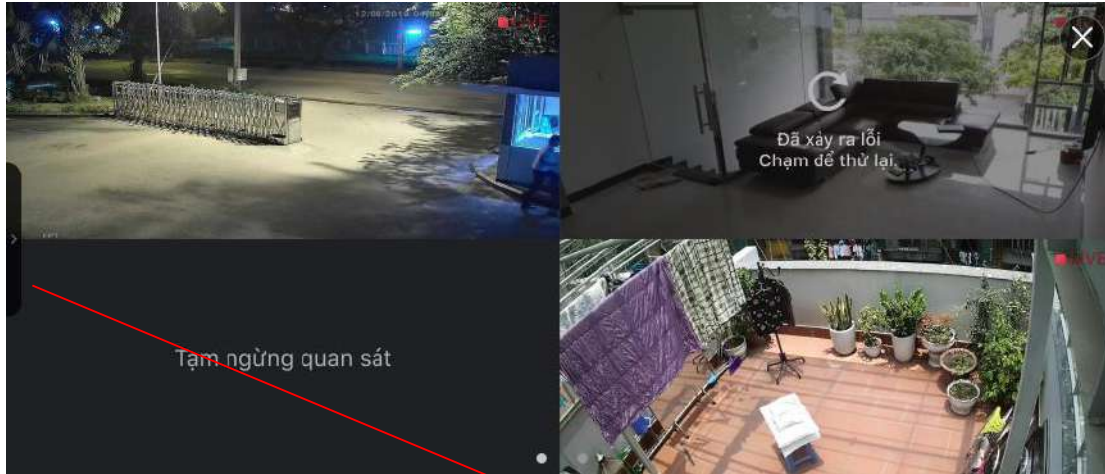
Màn hình hiện lưới 9 nếu khách hàng có hơn 4 camera



Trường hợp Grid View chưa lưu mode theo lựa chọn của người dùng

Hướng dẫn sử dụng Grid View áp dụng cho người dùng có từ 2 Camera trở lên

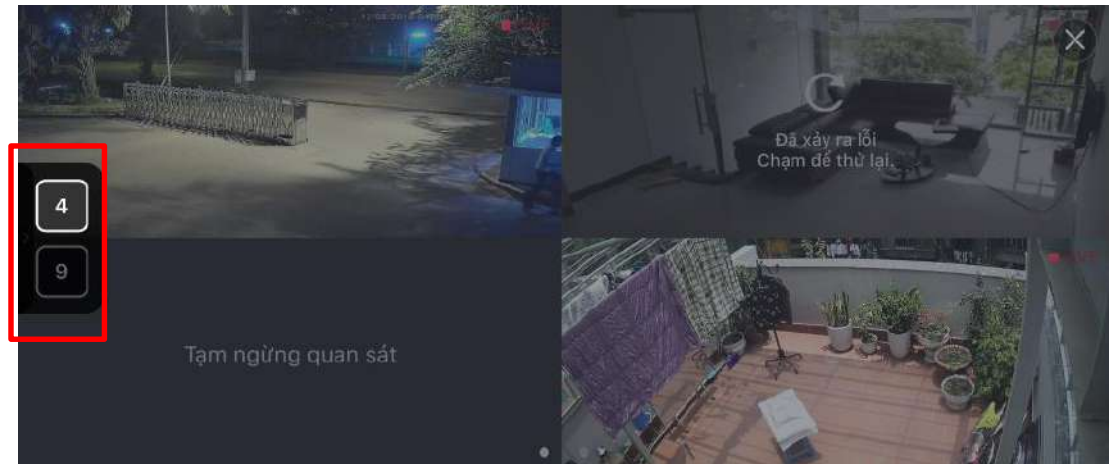
## 6.4. Chế độ xem lưới (tiếp theo)



2 Nhấn vào màn hình để hiển thị chế độ chọn xem lưới

3

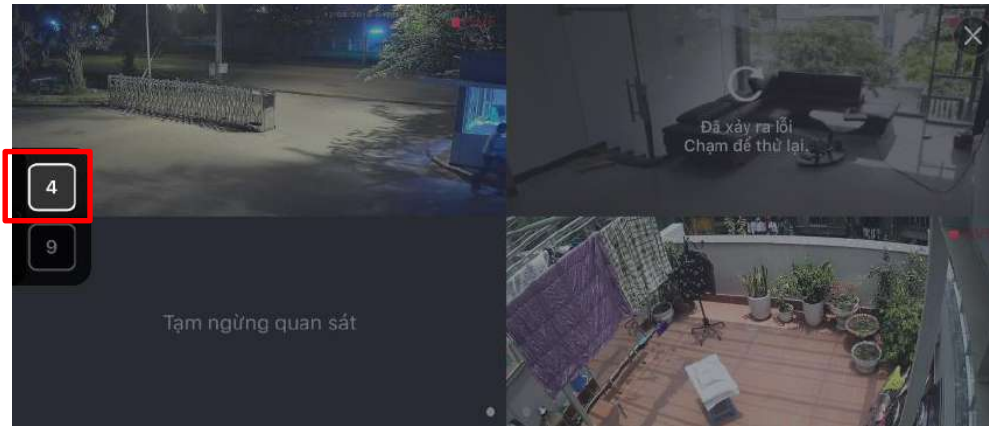
Chọn để xác định số lượng camera hiển thị trên lưới



Hướng dẫn sử dụng Grid View áp dụng cho người dùng có từ 2 Camera trở lên

## 6.4. Chế độ xem lưới (tiếp theo)

Màn hình chọn chế độ 4 camera trên lưới



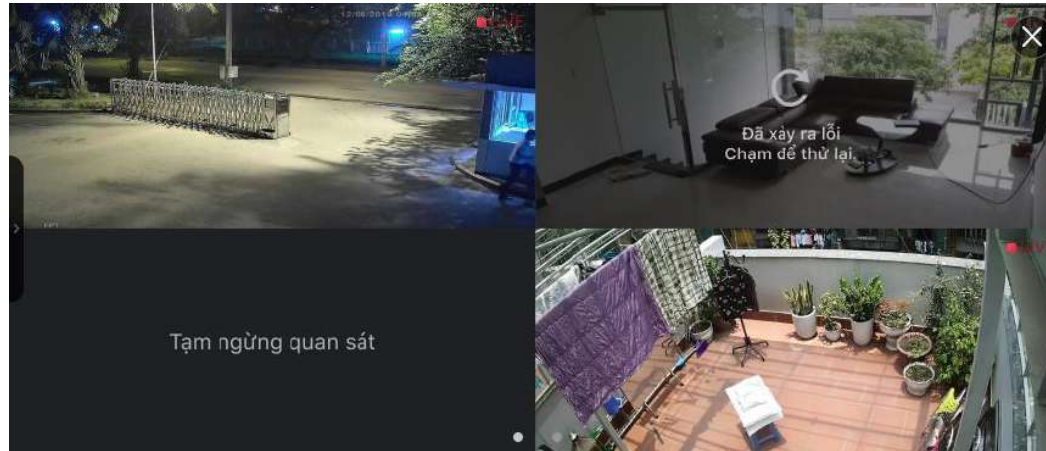
**Lưu ý:** Sau khi chọn chế độ lưới muốn xem, app sẽ tự động lưu lại mode mà người dùng đã chọn.

Màn hình chọn chế độ 9 camera trên lưới



Hướng dẫn sử dụng Grid View áp dụng cho người dùng có từ 2 Camera trở lên

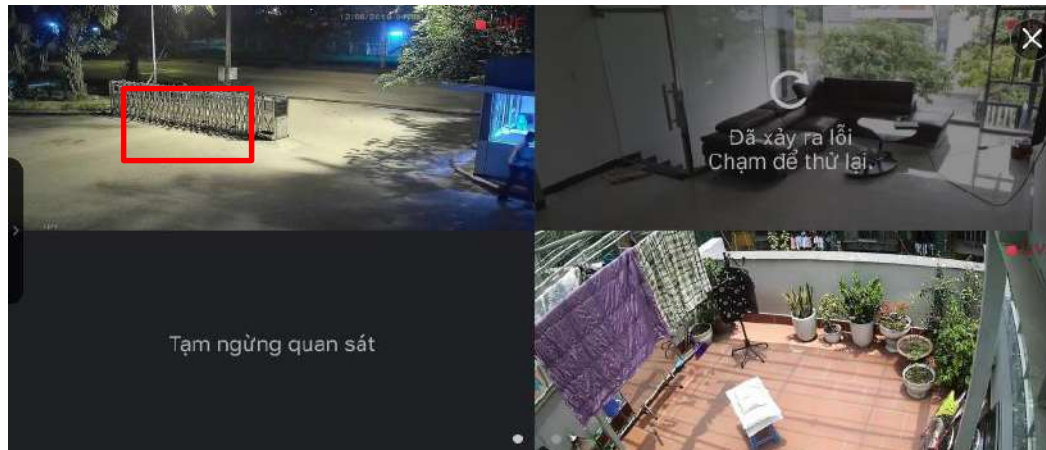
## 6.4. Chế độ xem lưới (tiếp theo)



**Lưu ý:**

- Số chấm tương ứng với số trang hiện có.
- Số trang phụ thuộc vào số camera người dùng đang có.

Lướt để chuyển sang trang khác.



Nhấp hai lần vào màn hình để xem chế độ toàn màn hình (Fullscreen).

Hướng dẫn sử dụng Grid View áp dụng cho người dùng có từ 2 Camera trở lên

## 6.4. Chế độ xem lưới (tiếp theo)

Màn hình chế độ Fullscreen

Nhấn để quay lại chế độ Grid View



Nhấp hai lần vào màn hình để quay lại chế độ Grid View

Dùng hai ngón tay kéo ra kéo vào để zoom in zoom out (phóng to, thu nhỏ)

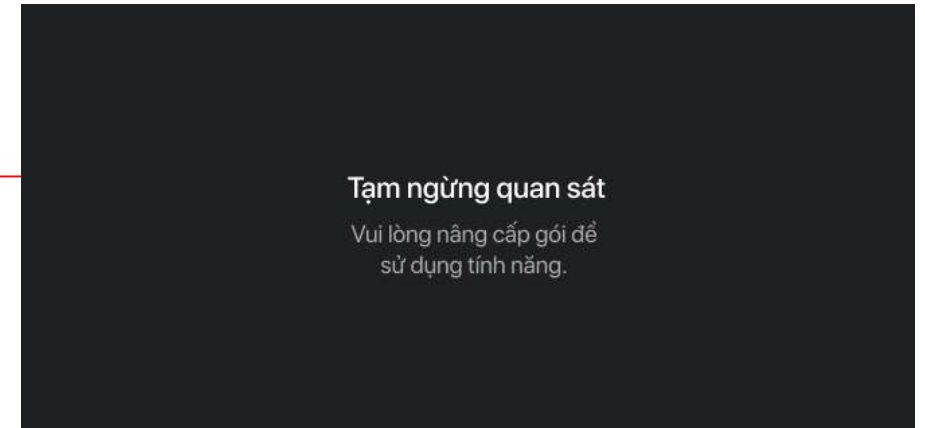


Hướng dẫn sử dụng Grid View áp dụng cho người dùng có từ 2 Camera trở lên

### 6.4. Chế độ xem lưới (tiếp theo)

#### a. Các trường hợp lỗi khi xem livestream trên lưới

Màn hình lưới khi camera chưa có gói

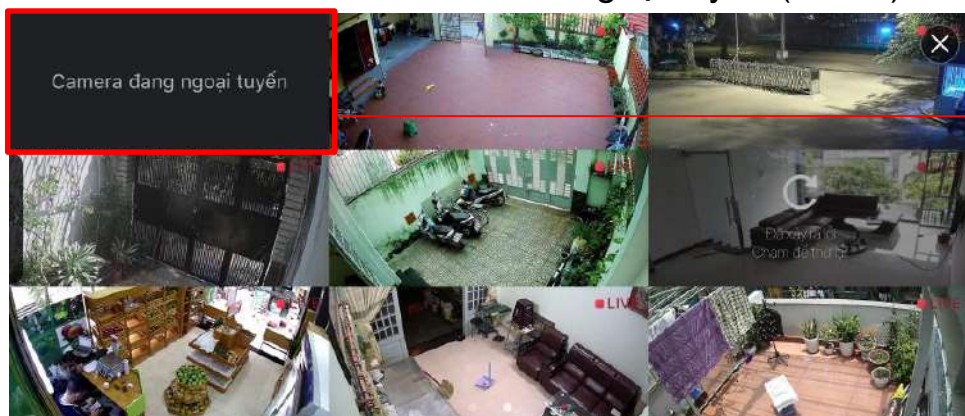


Hướng dẫn sử dụng Grid View áp dụng cho người dùng có từ 2 Camera trở lên

## 6.4. Chế độ xem lưới (tiếp theo)

### a. Các trường hợp lỗi khi xem livestream trên lưới

Màn hình lưới khi có camera ngoại tuyến (offline)



Màn hình lưới khi có camera trong 7 ngày ân hạn



Hướng dẫn sử dụng Grid View áp dụng cho người dùng có từ 2 Camera trở lên

## 6.4. Chế độ xem lưới (tiếp theo)

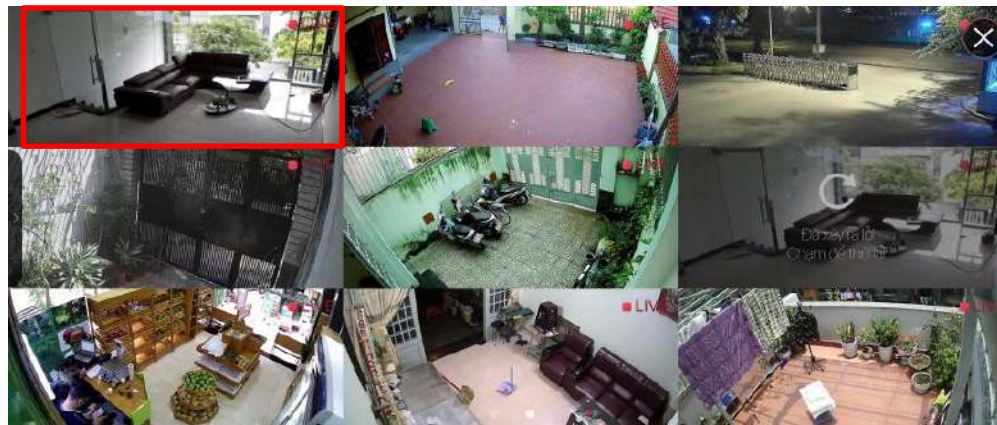
### a. Các trường hợp lỗi khi xem livestream trên lưới

Màn hình lưới khi bị gián đoạn nguồn stream

Nhấn để thử lại



Màn hình lưới sau khi thử lại thành công



Hướng dẫn sử dụng Grid View áp dụng cho người dùng có từ 2 Camera trở lên

### 6.4. Chế độ xem lưới (tiếp theo)

#### a. Các trường hợp lỗi khi xem livestream trên lưới

Màn hình Fullscreen khi bị gián đoạn nguồn stream



Nhấn để thử lại

Màn hình Fullscreen thành công sau khi thử lại



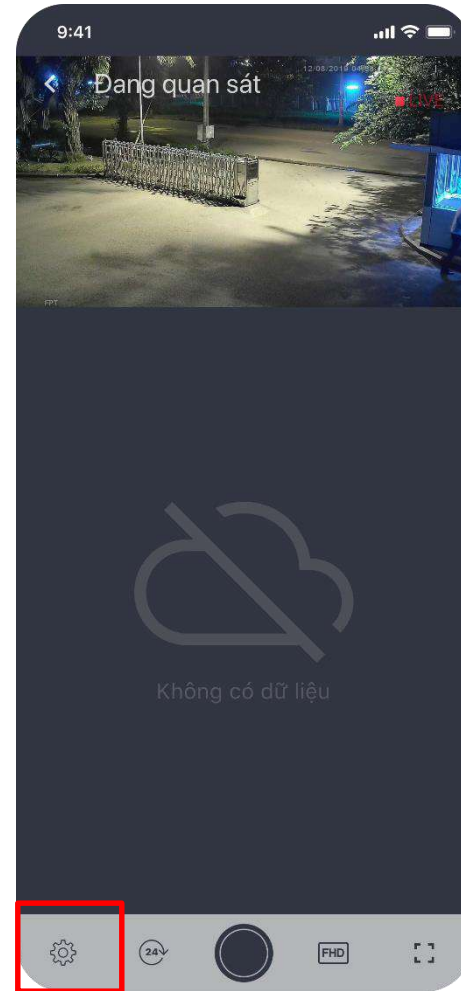
## 7. Chia sẻ camera

### 7.1 Chia sẻ camera cho SĐT khác



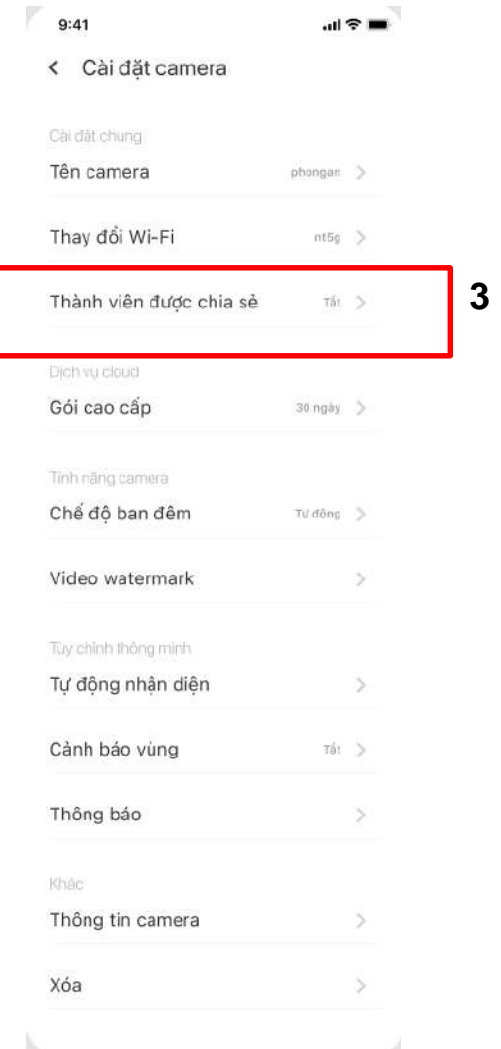
Chọn camera cần chia sẻ

1



2

Chọn biểu tượng Cài đặt



3

## 7.1 Chia sẻ camera cho SĐT khác (tiếp theo)



Nhấn để thêm người được chia sẻ



Hiện không chia sẻ với ai



**Bạn muốn chia sẻ với ai?**

5

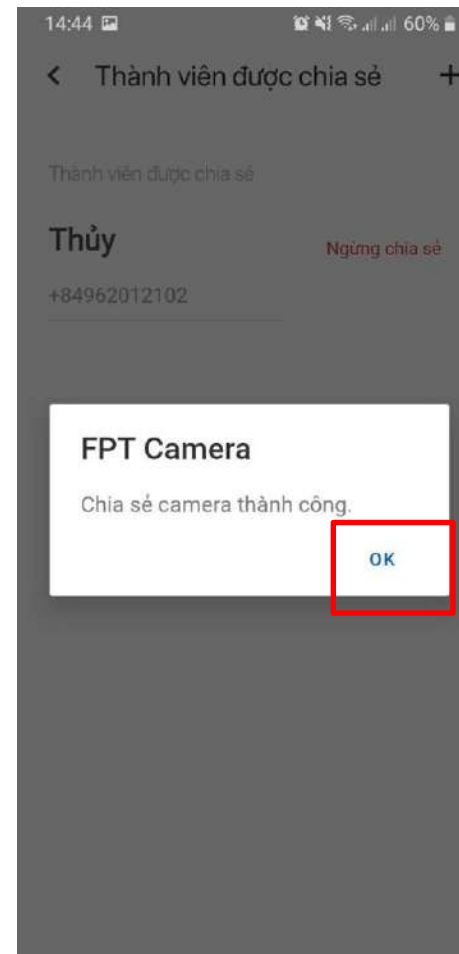
Nhập **tên** & **SĐT** của người được chia sẻ

6

Nhấn để chia sẻ



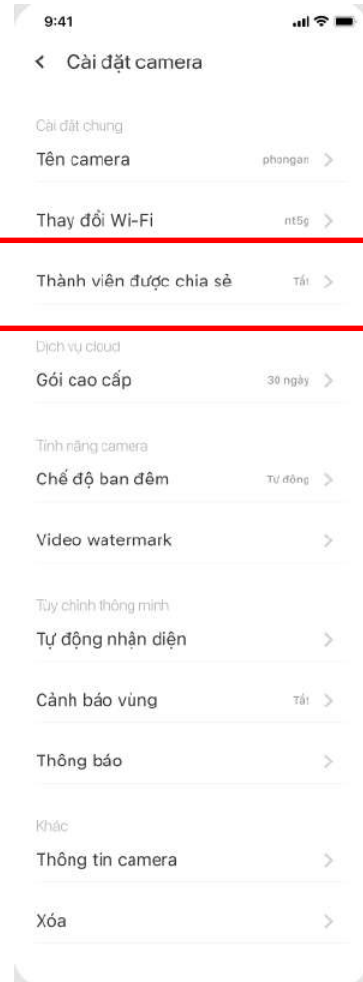
Hoặc nhập trực tiếp từ Danh bạ



7

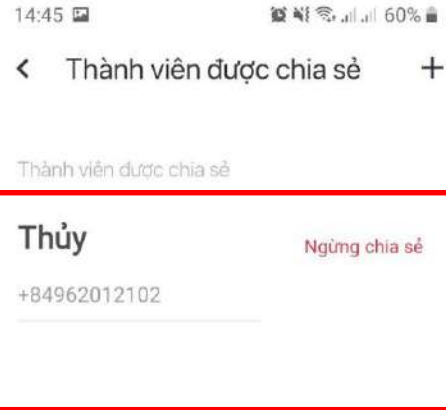
Nhấn OK để tắt thông báo

## 7.1 Chia sẻ camera cho SĐT khác (tiếp theo)



8

Xem lại SĐT đã được chia sẻ



Danh sách SĐT đã được chia sẻ



9

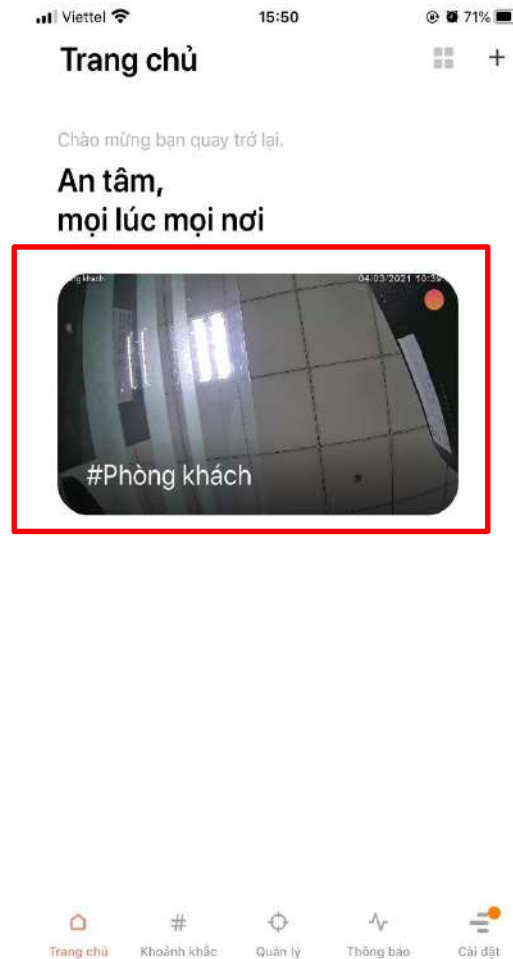
Nhấn Ngừng chia sẻ để dừng chia sẻ cho SĐT này.

## 7.2. Hướng dẫn xem camera được chia sẻ

### Cài đặt ứng dụng FPT Camera



Xem camera đã được chia sẻ

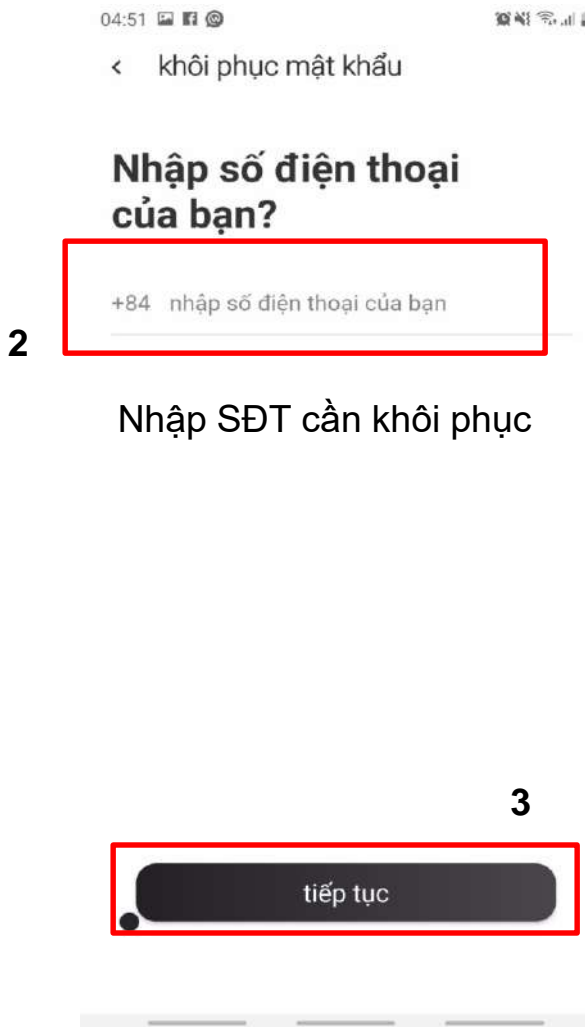




## 8. Khôi phục tài khoản đã đăng kí (reset mật khẩu)

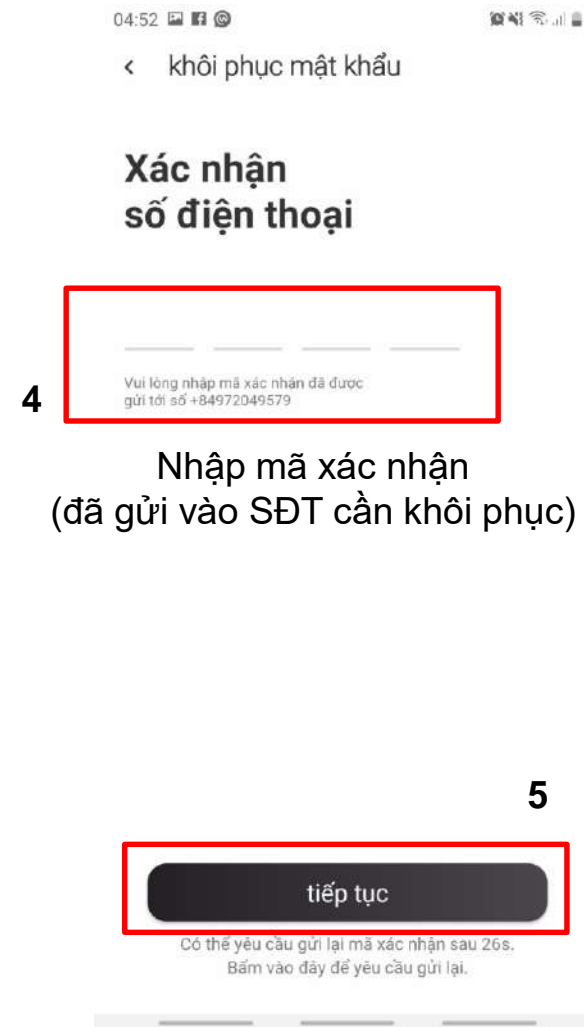


1 Chọn để khôi phục tài khoản



2

3



4

5

## 8. Khôi phục tài khoản đã đăng kí (reset mật khẩu) (tiếp theo)

< khôi phục mật khẩu

**Nhập mật khẩu mới của bạn**

nhập tại đây

6

nhập lại tại đây

Nhập mật khẩu mới & xác nhận lại mật khẩu đã nhập

7

tiếp tục

Màn hình sau khi đã khôi phục mật khẩu thành công

9:27



**trang chủ**

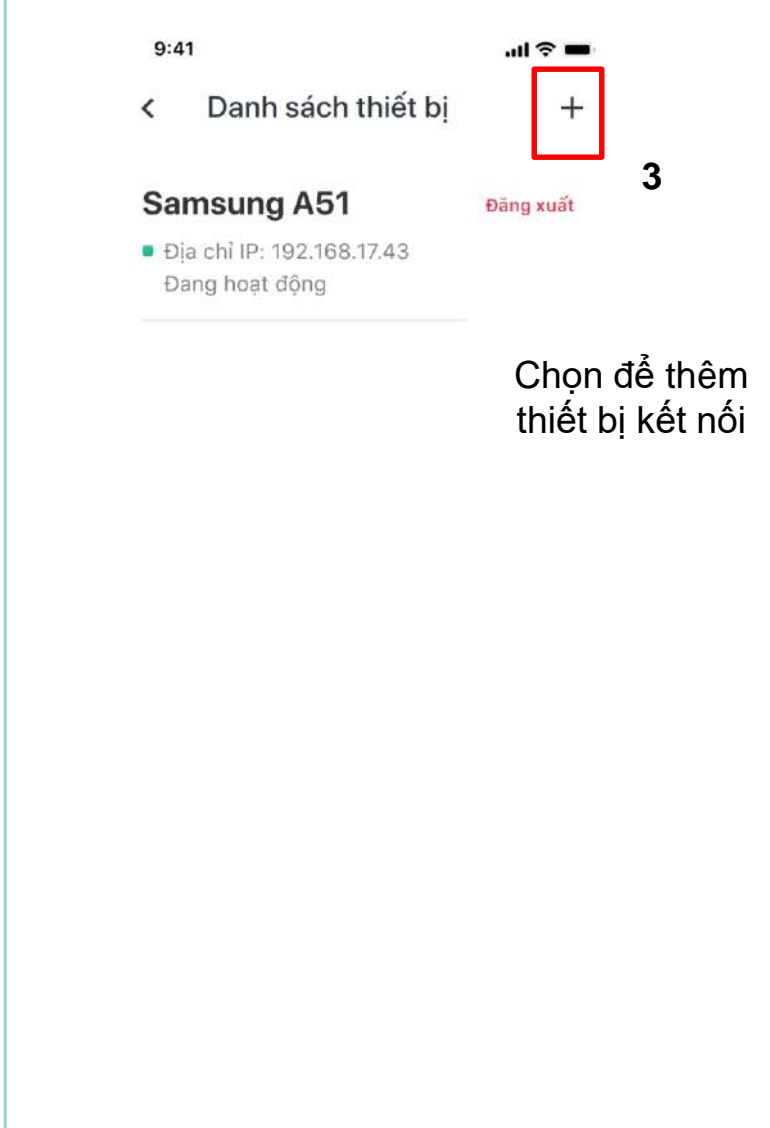
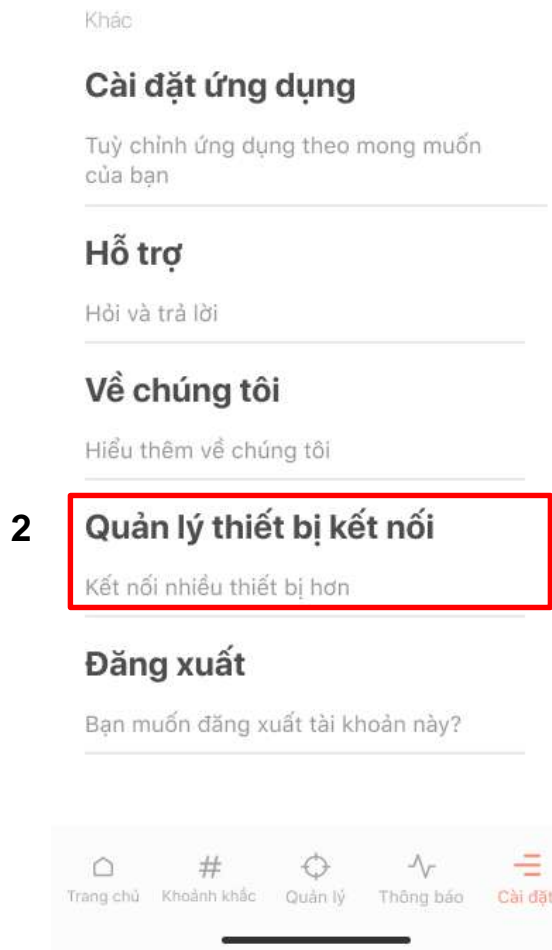


Chào mừng bạn quay trở lại

Sự an toàn lu...



## 9. Quản lý thiết bị kết nối (Paired Device Management)



## 9. Quản lý thiết bị kết nối (tiếp theo)

### 4. Quét QR code để thêm thiết bị mới

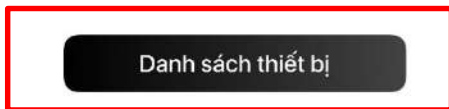


### Màn hình thông báo kết nối thành công

9:41



Chọn để quay lại danh sách quản lý thiết bị

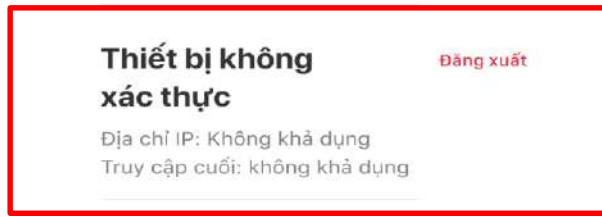


### Màn hình hiển thị thiết bị đã được thêm mới

9:41

< Danh sách thiết bị +

**Samsung A51** Đăng xuất  
 Địa chỉ IP: 192.168.17.43  
 Đang hoạt động



## 9. Quản lý thiết bị kết nối (tiếp theo)

Màn hình thông báo kết nối thất bại

9:41



**Kết nối thiết bị thất bại**

Quét mã QR thất bại.  
Xin vui lòng thử lại.

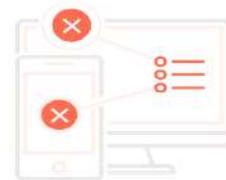
**Danh sách thiết bị**

Nhấn vào đây để thử lại.

Màn hình hiển thị thông báo không thể thêm mới vì đã đủ 5 thiết bị

9:41

< **Kết nối thiết bị mới**



Hiện tại có 5 thiết bị đang kết nối.  
Bạn không thể kết nối thêm được nữa.

**Quản lý thiết bị**

Chọn để quay lại danh sách quản lý thiết bị

9:41

< **Danh sách thiết bị** +

**Samsung A51** **Đăng xuất**

Địa chỉ IP: 192.168.17.43  
Đang hoạt động

**Thiết bị không xác thực** **Đăng xuất**

Địa chỉ IP: Không khả dụng  
Truy cập cuối: Không khả dụng

**Iphone 11** **Đăng xuất**

Địa chỉ IP: 192.168.17.43  
Truy cập lần cuối: 07/05/2020

**Iphone 6** **Đăng xuất**

Địa chỉ IP: 192.168.17.43  
Truy cập lần cuối: 07/07/2020

**Iphone 7** **Đăng xuất**

Địa chỉ IP: 192.168.17.43  
Truy cập lần cuối: 08/08/2020

Chọn để bỏ bớt thiết bị

## 9. Quản lý thiết bị kết nối (tiếp theo)

Màn hình thông báo xác nhận đăng xuất thiết bị



Màn hình thông báo đăng xuất thiết bị thành công



*Trường hợp: Thiết bị được đăng xuất không phải thiết bị hiện tại*

Màn hình thông báo đã đăng xuất thiết bị và trở về màn hình đăng nhập



Tiếp tục

*Trường hợp: Thiết bị được đăng xuất là thiết bị hiện tại*

## 10. Quản lý camera (Camera Management)

Nhấn vào tên camera để xem livestream



Nhấn vào Nâng cấp hoặc Gia hạn  
[Xem mục 5.5](#)

## 11. Cảnh báo vùng (Guard zone)

### 11.1 Đối với camera tiêu chuẩn



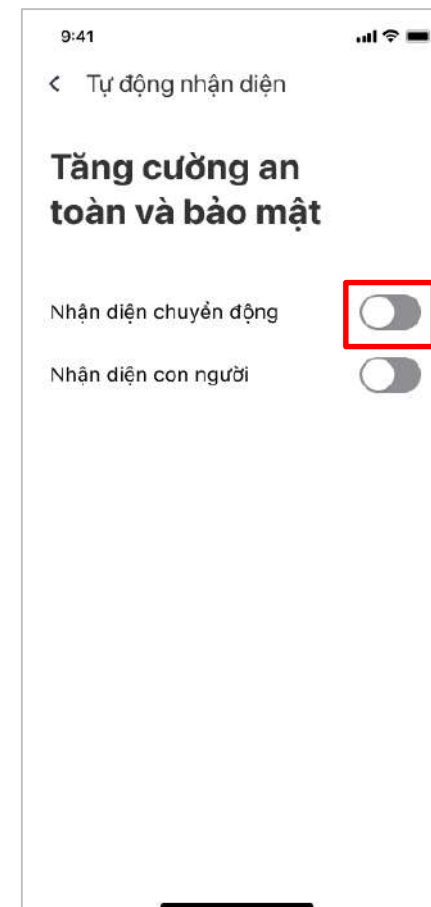
**1**  
Chọn mục Cảnh báo vùng

TH: chưa bật tính năng tự động nhận diện



**2**  
Nhấn để đi đến cài đặt tính năng tự động nhận diện

**2.1**  
Nhấn để đi đến cài đặt chọn phương thức thông báo



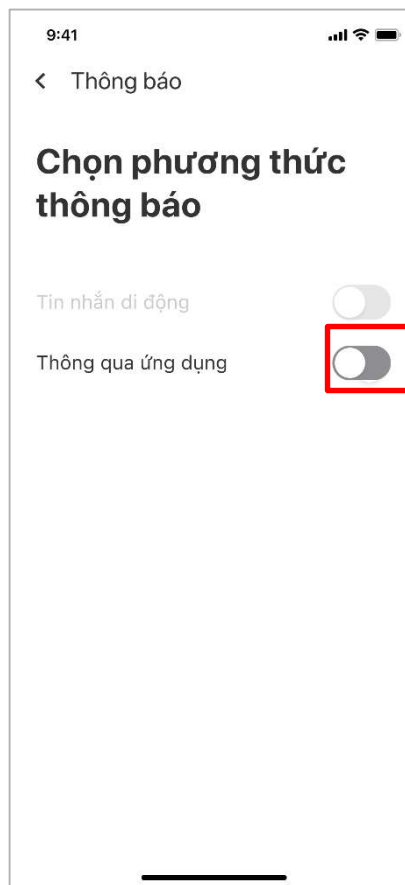
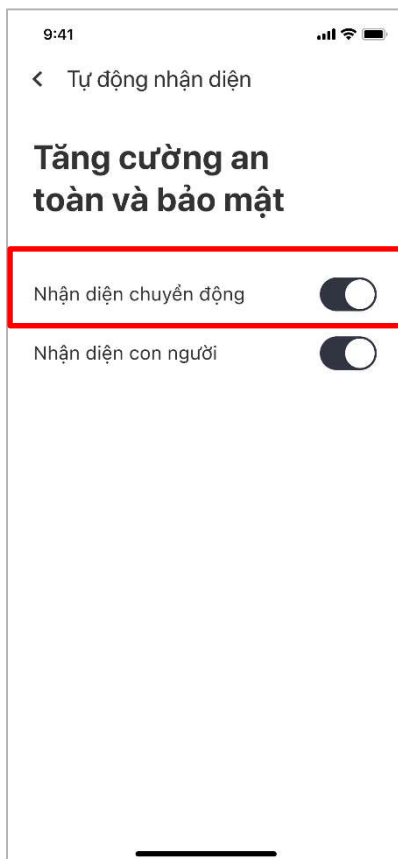
**3**  
Nhấn để bật



## 11. Cảnh báo vùng (Guard zone) (tt)

### 11.1 Đối với camera tiêu chuẩn

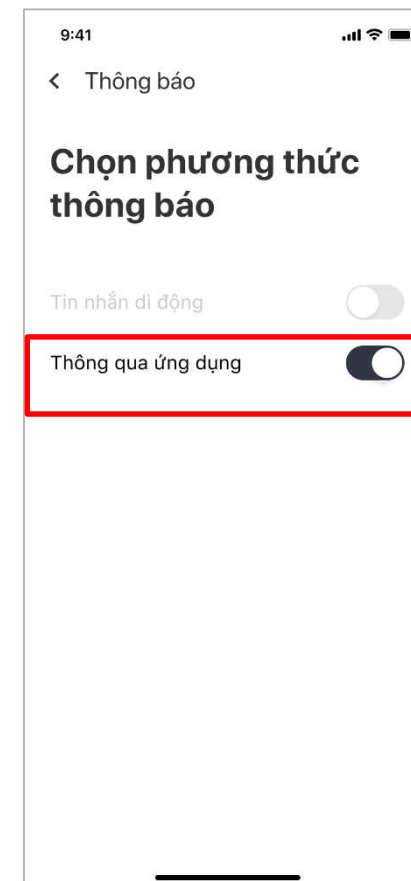
4. **Bật tính năng Nhận diện chuyển động cho phép nhận cảnh báo khi có chuyển động**



3.1

Nhấn để bật

- 4.1 **Bật tính năng Thông báo qua ứng dụng cho phép nhận thông báo khi có chuyển động**



## 11. Cảnh báo vùng (Guard zone) (tt)

### 11.1. Đối với camera tiêu chuẩn



5

Nhấn để mở hướng dẫn

Màn hình hướng dẫn chọn vùng cảnh báo đối với dòng Camera tiêu chuẩn



6.1

Nhấn để xem hướng dẫn đối với Camera IQ

6

Nhấn để tắt hướng dẫn

Màn hình hướng dẫn chọn vùng cảnh báo đối với dòng Camera IQ



7.1

Nhấn để tắt hướng dẫn

## 11. Cảnh báo vùng (Guard zone) (tt)

### 11.1 Đối với camera tiêu chuẩn

Màn hình ở trạng thái mặc định  
(không có vùng được chọn)



7

Chạm hoặc vuốt trên lưới để chọn vùng muốn nhận cảnh báo

*Lưu ý: Dòng camera tiêu chuẩn có thể chọn nhiều vùng cảnh báo trên 1 lưới*



Có thể chạm hoặc vuốt lên vùng cũ để xóa vùng chọn

8

Nhấn để lưu vùng nhận cảnh báo

*TH: Lưu thay đổi thành công*



Hiển thị thông báo lưu cảnh báo vùng thành công

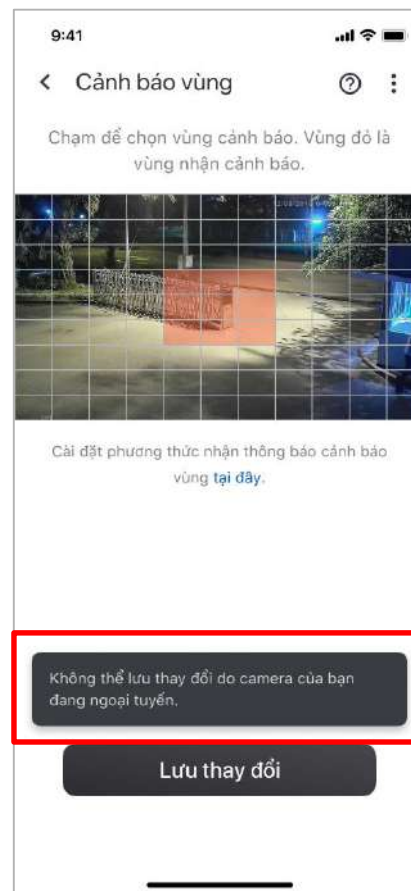
## 11. Cảnh báo vùng (Guard zone) (tt)

### 11.1. Đối với camera tiêu chuẩn

TH: Lưu thay đổi thất bại



Hiện thị thông báo lưu cảnh báo vùng thất bại



Hiện thị thông báo không lưu cảnh báo vùng do camera ngoại tuyến

## 11. Cảnh báo vùng (Guard zone) (tt)

### 11.1. Đối với camera tiêu chuẩn

TH: Thoát khi chưa lưu thay đổi

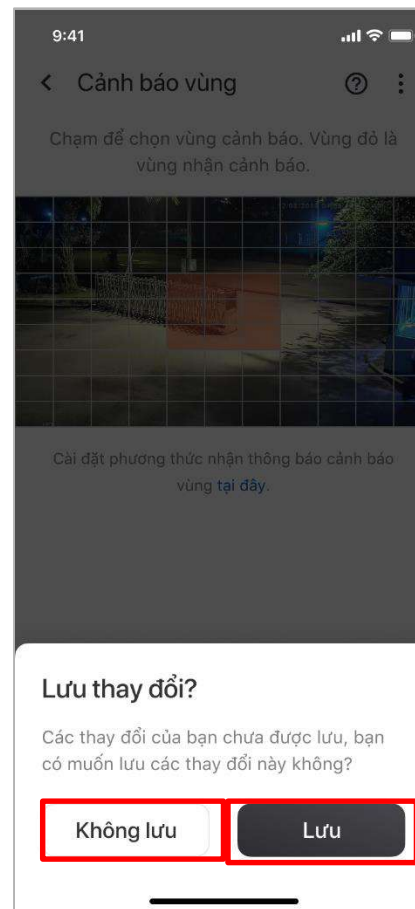
#### 8.1

Nhấn để thoát khỏi trang



Nhấn để không lưu thay đổi và trở về màn hình Cài đặt camera

#### 9.1b



9.1a Nhấn để lưu vùng cảnh báo

Xem TH: Lưu thay đổi thành công & TH: Lưu thay đổi thất bại

## 11. Cảnh báo vùng (Guard zone) (tt)

### 11.1. Đối với camera tiêu chuẩn



**8.2**

Nhấn để mở các tác vụ



**9.2a** Nhấn để xóa các vùng được chọn

**9.2b** Nhấn để hủy thay đổi trong lượt điều chỉnh hiện tại

## 11. Cảnh báo vùng (Guard zone) (tt)

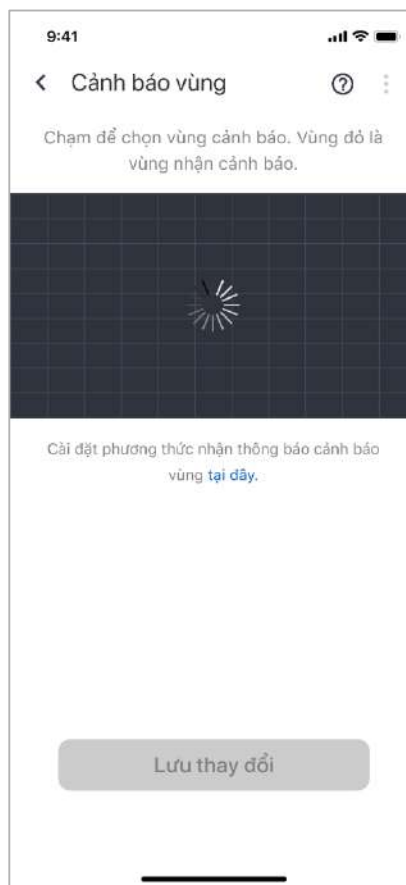
### 11.1 Đối với camera tiêu chuẩn

*TH: Chưa lấy được hình ảnh để chọn vùng cảnh báo*



Nhấn để tải lại dữ liệu

Màn hình trong quá trình tải lại dữ liệu



Màn hình tải lại dữ liệu thành công



## 11. Cảnh báo vùng (Guard zone)

### 11.2 Đối với camera IQ

Cách chọn vùng cảnh báo trên camera IQ  
*Xem từ bước 1 đến bước 6, mục 11.1*



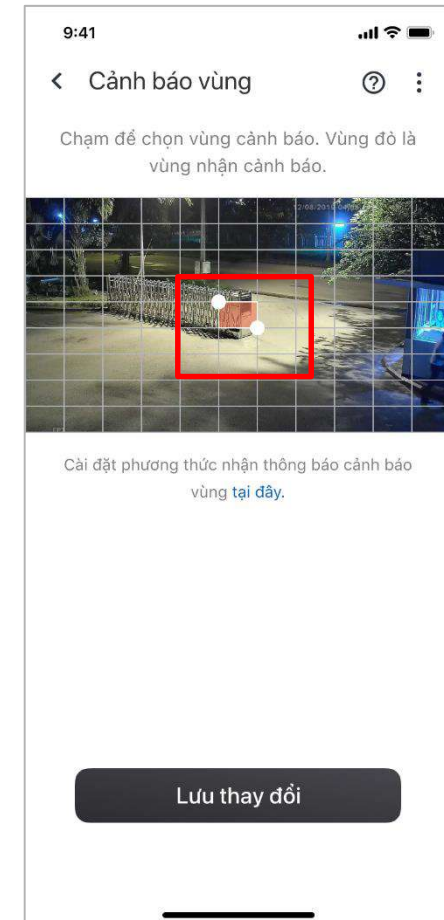
Màn hình ở trạng thái mặc định  
 (không có vùng được chọn)



7

Chạm trên lưới để chọn vùng, giữ 1 điểm neo và kéo để mở rộng vùng muốn nhận cảnh báo

*Lưu ý: Dòng camera IQ chỉ cho phép chọn 1 vùng cảnh báo trên 1 lưới*





## 11. Cảnh báo vùng (Guard zone) 11.2 Đối với camera IQ



### Lưu ý:

- Nếu trên lưới đã có vùng được chọn trước đó, thực hiện chọn vùng mới sẽ bỏ chọn vùng cũ và chọn vùng mới đang thao tác.
- Nếu trên lưới đã có vùng được chọn trước đó, thao tác chạm và kéo 1 trong 2 điểm neo (chấm tròn) để thay đổi vùng chọn cảnh báo.
- Tại một thời điểm chỉ có thể thao tác chạm và kéo trên 1 điểm neo, không thể thao tác đồng thời 2 điểm neo để thay đổi vùng chọn cảnh báo.

**8** Nhấn để lưu vùng nhận cảnh báo

Các trường hợp còn lại  
*Xem từ bước 8, mục 11.1*

## 12. Chẩn đoán tình trạng camera (Diagnostic)



**1**  
 Chọn mục  
 chẩn đoán  
 trong cài đặt  
 camera



**2**  
 Nhấn để  
 kiểm tra

*Trường hợp: chẩn đoán thất bại, không có  
 kết quả trả về*

Nhấn quay về trang trước để thực hiện lại  
 chẩn đoán



## 12. Chẩn đoán tình trạng camera (Diagnostic)

*Trường hợp: chẩn đoán thành công, có kết quả trả về*

9:41 📶 🔋  
 < Chẩn đoán



Kết quả chẩn đoán

Kết nối mạng Internet



NAT



Các kết quả trả về: hoạt động bình thường

3.2a

Trở về trang chủ

9:41 📶 🔋  
 < Chẩn đoán



Kết quả chẩn đoán

Kết nối mạng Internet



NAT



Các kết quả trả về: bị lỗi

3.2b

Trở về trang chủ

9:41 📶 🔋  
 < Chẩn đoán



Kết quả chẩn đoán

Kết nối mạng Internet



NAT



Nhấn để trở về trang chủ

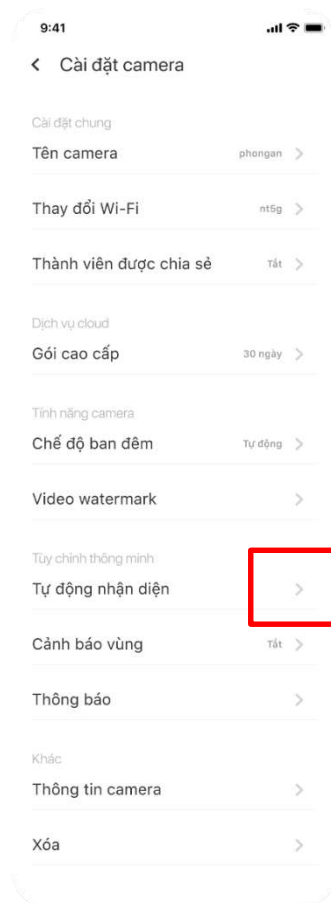
3.2c

Trở về trang chủ

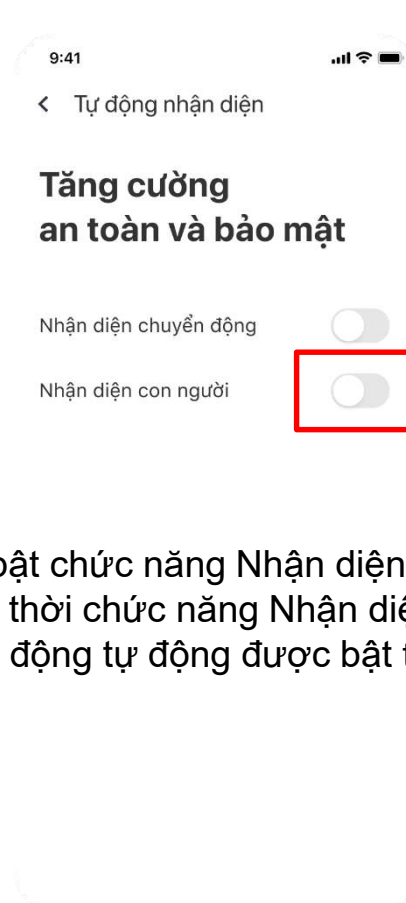
Chức năng Nhận diện con người phụ thuộc vào chức năng Nhận diện chuyển động.

## 13. Nhận diện con người (Human detection)

Trường hợp: cả 2 chức năng Nhận diện chuyển động và Nhận diện con người đều tắt



1



2

Nhấn bật chức năng Nhận diện con người, đồng thời chức năng Nhận diện chuyển động tự động được bật theo

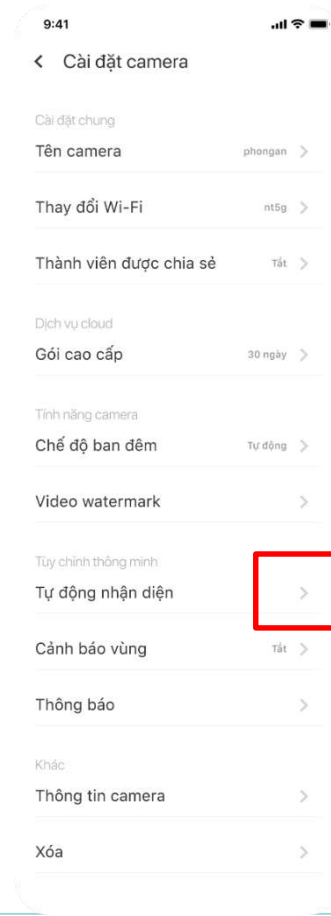


Chỉ chủ sở hữu mới có thể thao tác mục Nhận diện con người, không hiển thị mục này với người được share.  
Đối với camera không phải thế hệ IQ, không thể thao tác mục này.

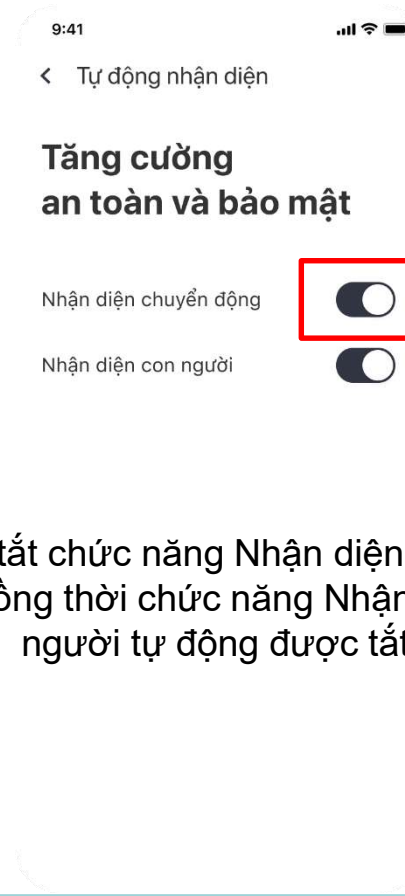
Chức năng Nhận diện con người phụ thuộc vào chức năng Nhận diện chuyển động.

## 13. Nhận diện con người (Human detection)

Trường hợp: cả 2 chức năng Nhận diện chuyển động và Nhận diện con người đều bật

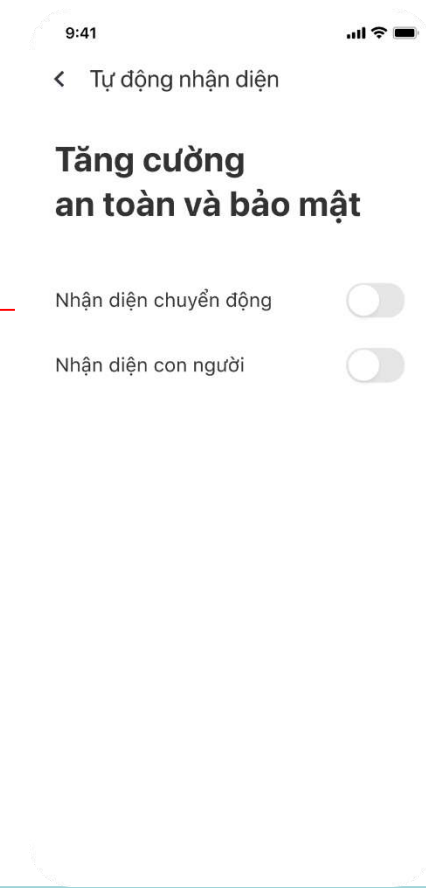


1.1



2.1

Nhấn tắt chức năng Nhận diện chuyển động, đồng thời chức năng Nhận diện con người tự động được tắt

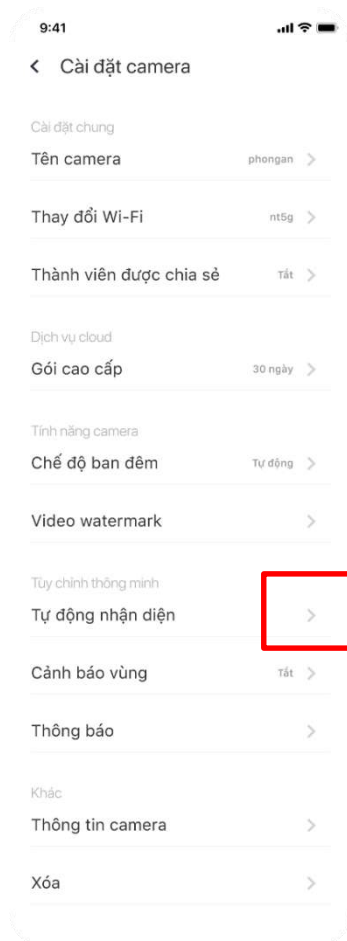


Chỉ chủ sở hữu mới có thể thao tác mục Nhận diện con người, không hiển thị mục này với người được share.  
Đối với camera không phải thế hệ IQ, không thể thao tác mục này.

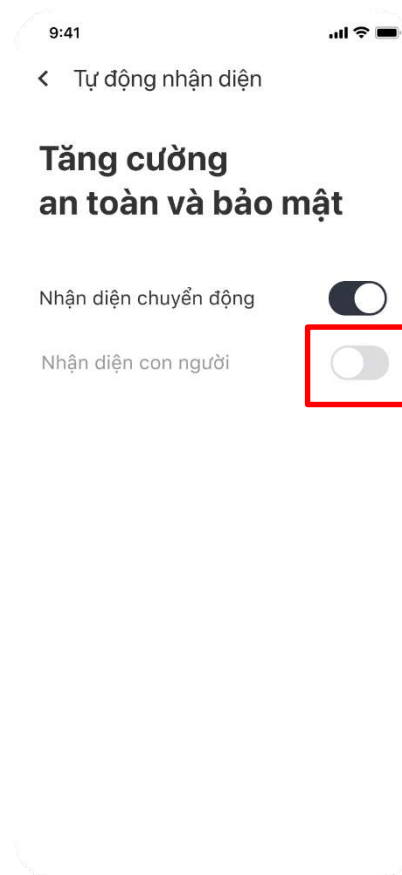
Chức năng Nhận diện con người phụ thuộc vào chức năng Nhận diện chuyển động.

## 13. Nhận diện con người (Human detection)

Trường hợp: không phải là camera thế hệ IQ

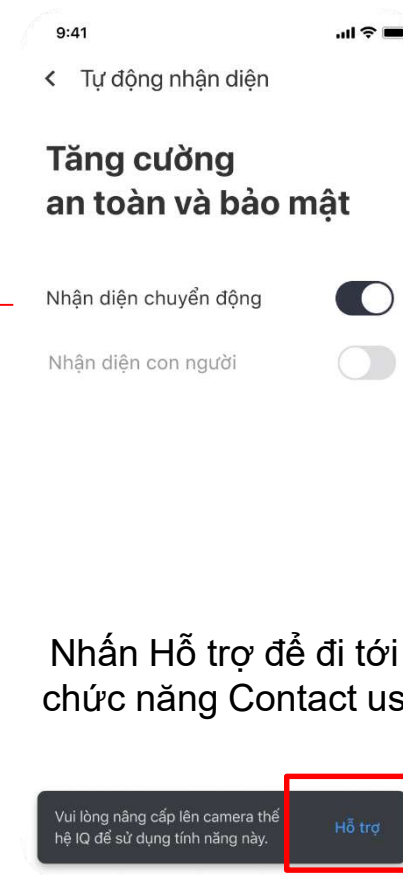


1.2



2.2

Hiện thị thông báo nâng cấp camera lên thế hệ IQ để sử dụng chức năng



3.2

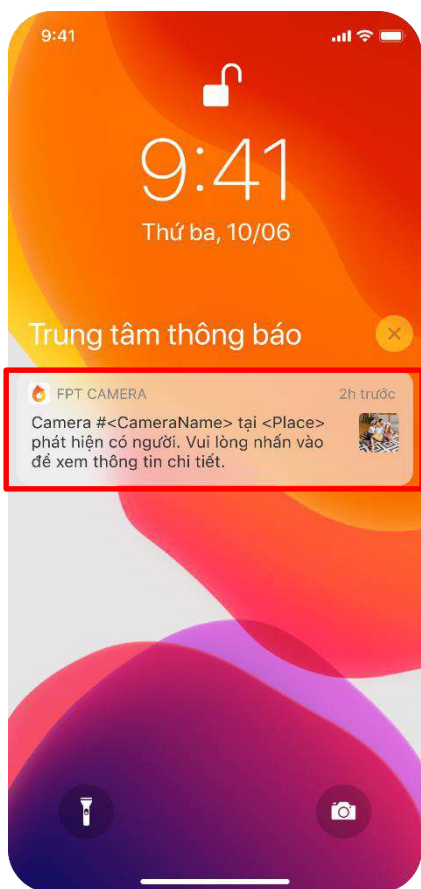
Chỉ chủ sở hữu mới có thể thao tác mục Nhận diện con người, không hiển thị mục này với người được share. Đối với camera không phải thế hệ IQ, không thể thao tác mục này.

Áp dụng cho cả chế độ Gia đình và chế độ Doanh nghiệp.

## 14. Xem thông báo

### 14.1. Xem từ màn hình khóa – Rich notification

Đối với hệ điều hành IOS

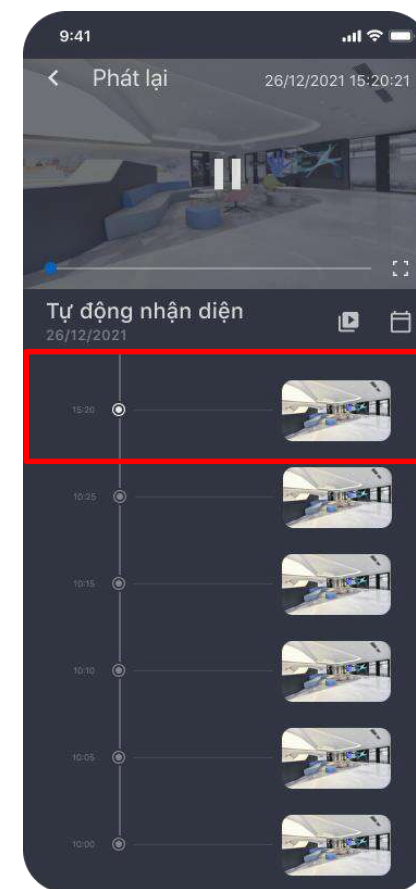


**1**  
Nhấn và giữ để mở rộng thông báo

Màn hình thông báo dạng mở rộng kèm theo hình ảnh của chuyển động



**2**  
Nhấn để xem video



**3**  
Tự động phát video được chọn

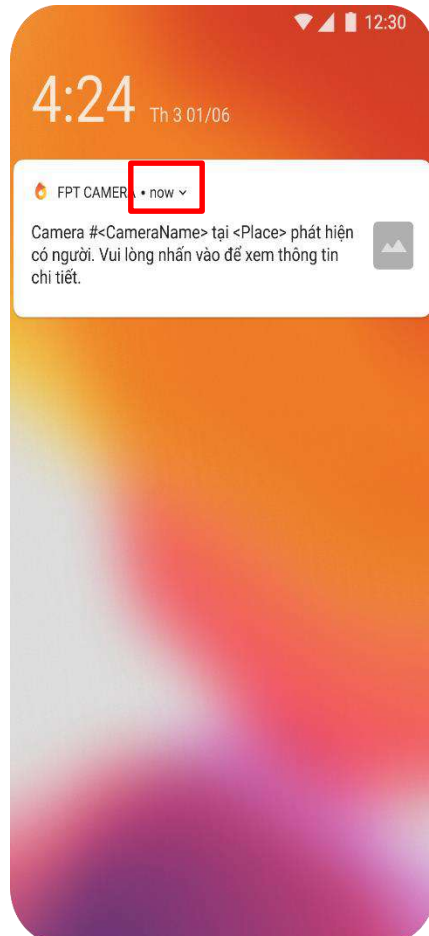
Xem thông báo kèm hình ảnh chỉ áp dụng với thông báo phát hiện chuyển động và thông báo phát hiện có người.

Áp dụng cho cả chế độ Gia đình và chế độ Doanh nghiệp.

## 14. Xem thông báo

### 14.1. Xem từ màn hình khóa – Rich notification

Đối với hệ điều hành Android



1.1

Vuốt xuống thông báo

Hoặc nhấn icon



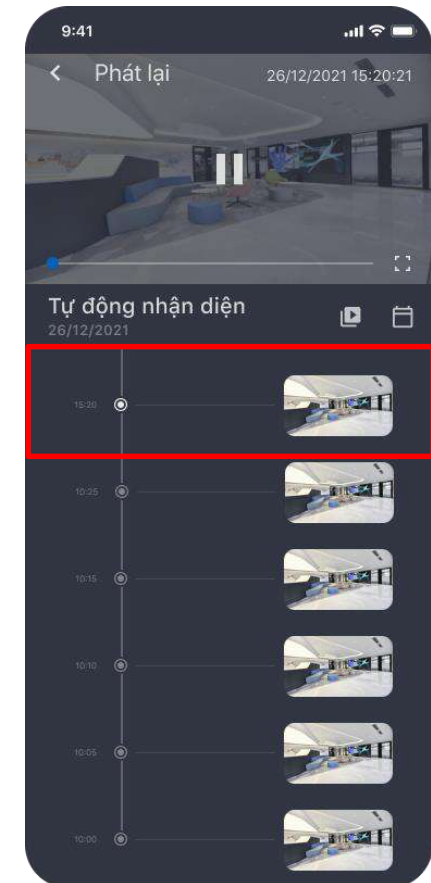
để mở rộng thông báo

Màn hình thông báo dạng mở rộng kèm theo hình ảnh của chuyển động



2.1

Nhấn để xem video



3.1

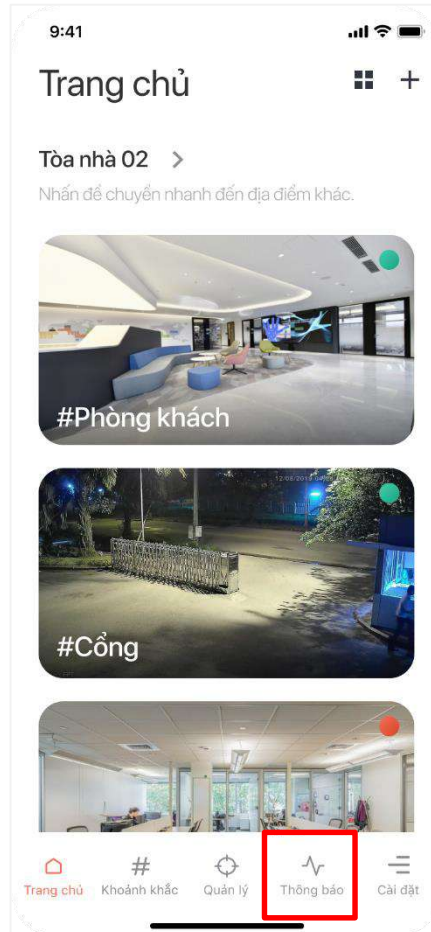
Tự động phát video được chọn



Áp dụng cho cả chế độ Gia đình và chế độ Doanh nghiệp.

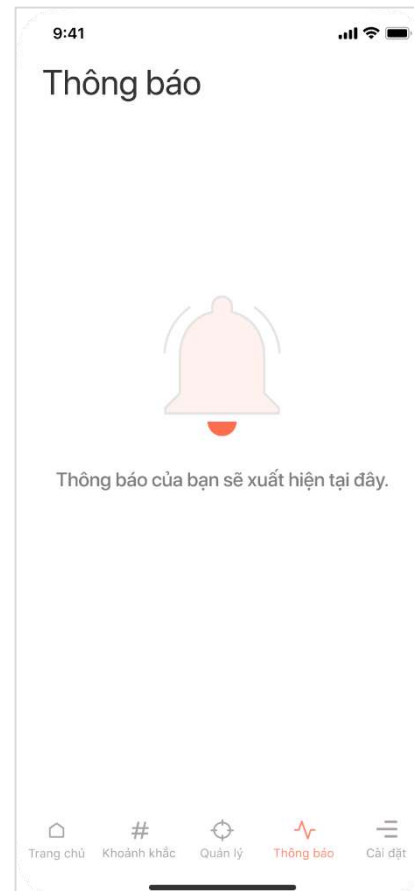
## 14. Xem thông báo

### 14.2. Xem từ trung tâm thông báo

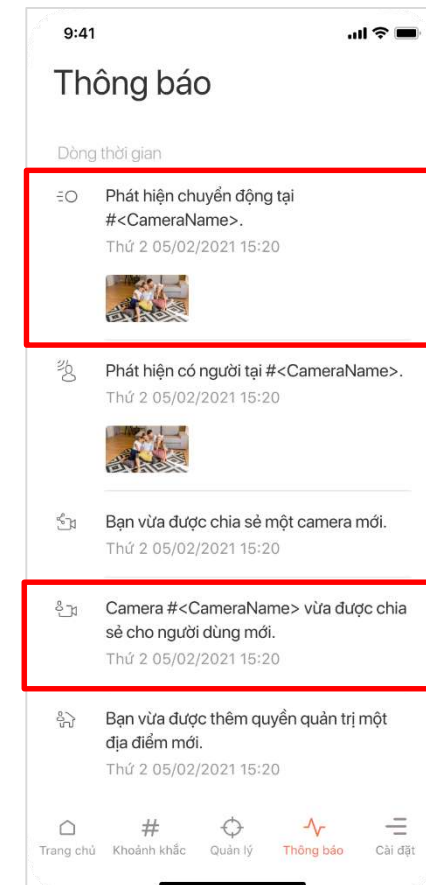


**1**  
Chọn  
Thông báo

*Trường hợp: Tài khoản không có thông báo*



*Trường hợp: Tài khoản có thông báo*



**2**  
Nhấn để đi tới  
xem video

**2.1**  
Nhấn để đi tới  
hộp thư

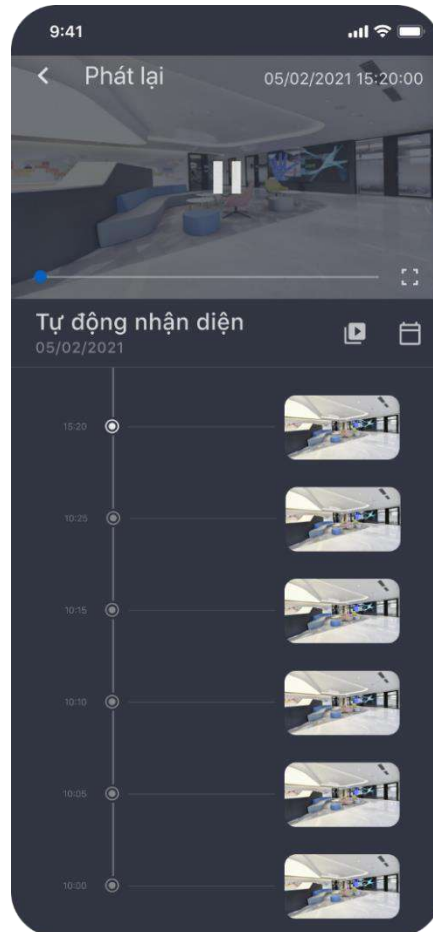
Áp dụng cho cả chế độ Gia đình và chế độ Doanh nghiệp.

## 14. Xem thông báo

### 14.2. Xem từ trung tâm thông báo

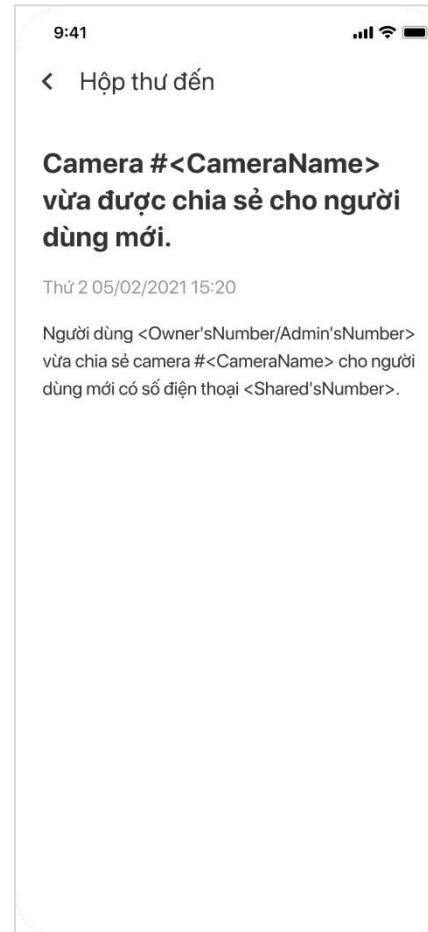
Giao diện xem video sau khi nhấn thông báo

3



Giao diện xem tin nhắn trong hộp thư

3.1



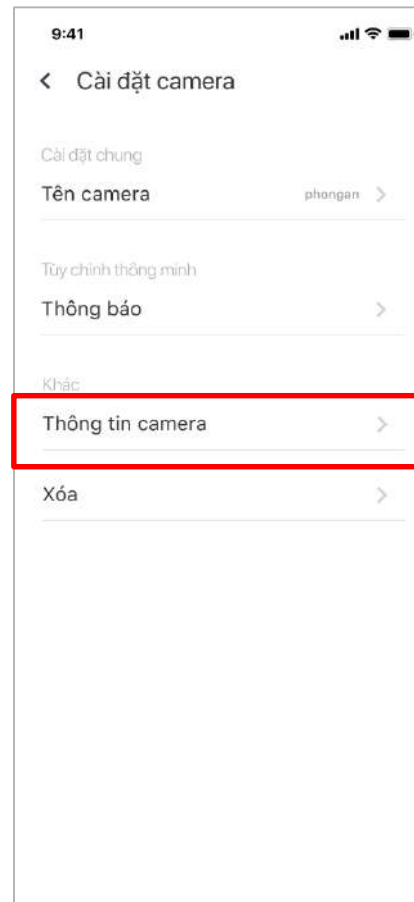
## 15. Xem thông tin camera

Giao diện Cài đặt camera của Chủ sở hữu và Quản trị viên



**1**  
Chọn mục  
Thông tin  
camera

Giao diện Cài đặt camera của Thành viên được chia sẻ



**1.1**  
Chọn mục  
Thông tin  
camera

Lưu ý: có thể sao chép thông tin bằng cách nhấn và giữ 1 mục bất kì



**2**  
Nhấn và giữ  
mục cần  
sao chép

## 15. Xem thông tin camera

Sao chép thành công

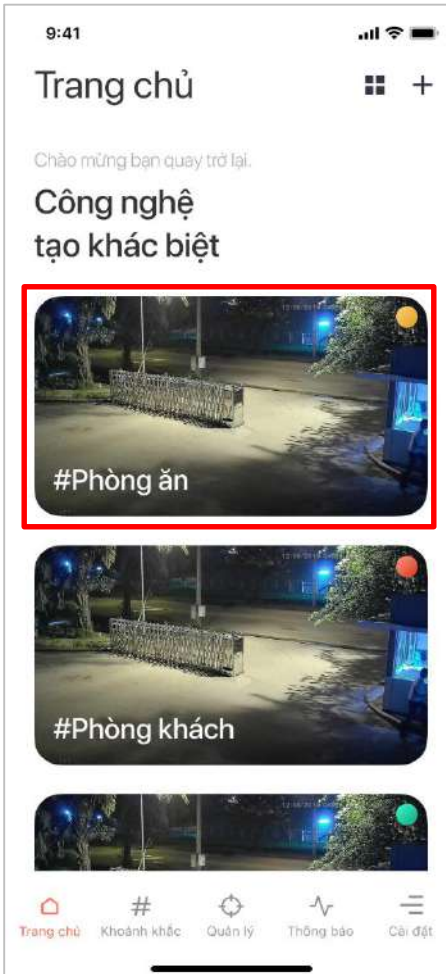


Hiện thị thông báo đã sao chép

## 16. Gói dịch vụ Cơ bản

### 16.1. Xem phát trực tiếp

#### a. Đối với người dùng là Chủ sở hữu



Camera hiển thị chấm vàng là camera đang áp dụng gói Cơ bản

1

Nhấn để xem camera

Hiện thị banner thông báo gói dịch vụ Cơ bản bị giới hạn tính năng



2 Nhấn **Bỏ qua** để tắt thông báo

2.1 Nhấn **Nâng cấp** để tiến hành nâng cấp gói dịch vụ  
*Xem mục 5, tiểu mục 5.6*

## 16. Gói dịch vụ Cơ bản

### 16.1. Xem phát trực tiếp

#### a. Đối với người dùng là Chủ sở hữu

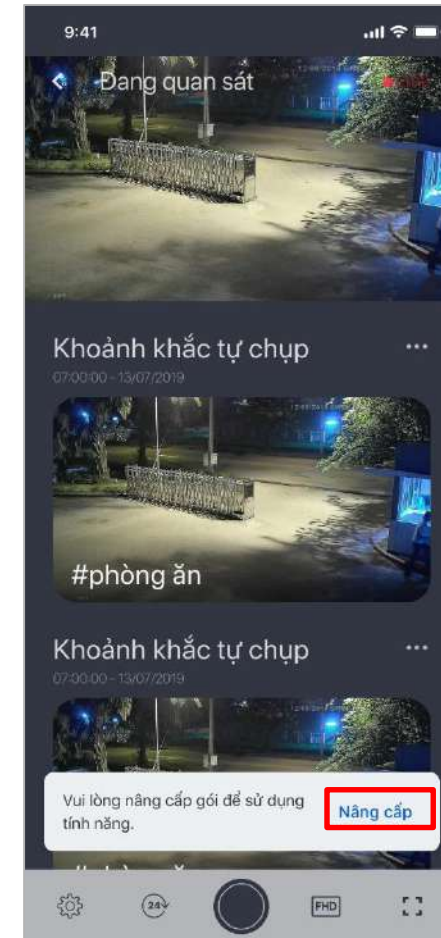


- Người dùng chỉ được xem phát trực tiếp tối đa 5 lần/ngày (bao gồm cả trường hợp xem single livestream và xem grid view).
- Mỗi lần gửi yêu cầu xem phát trực tiếp thành công sẽ được tính là 1 lần xem.
- Chất lượng phát trực tiếp với chế độ HD.

3

Nhấn nút FHD, hiển thị thông báo nâng cấp gói

Màn hình hiển thị thông báo nâng cấp gói



Nhấn để tiến hành nâng cấp gói dịch vụ  
*Xem mục 5, tiểu mục 5.6*

4

## 16. Gói dịch vụ Cơ bản

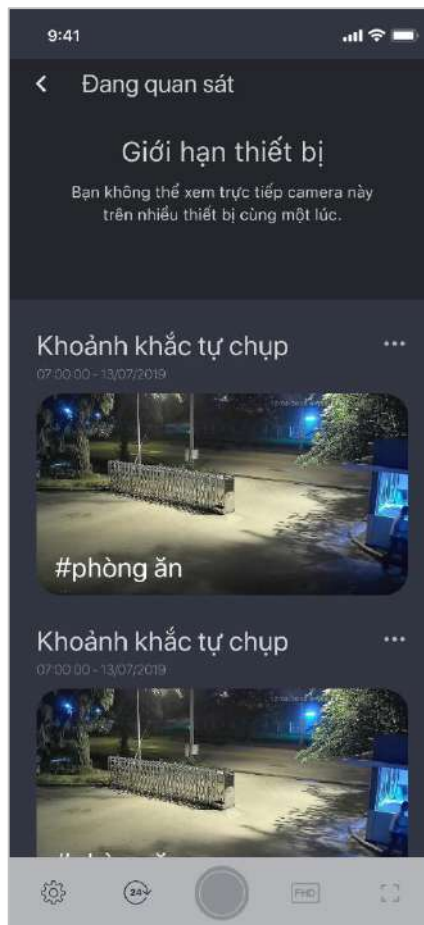
### 16.1. Xem phát trực tiếp

#### a. Đối với người dùng là Chủ sở hữu

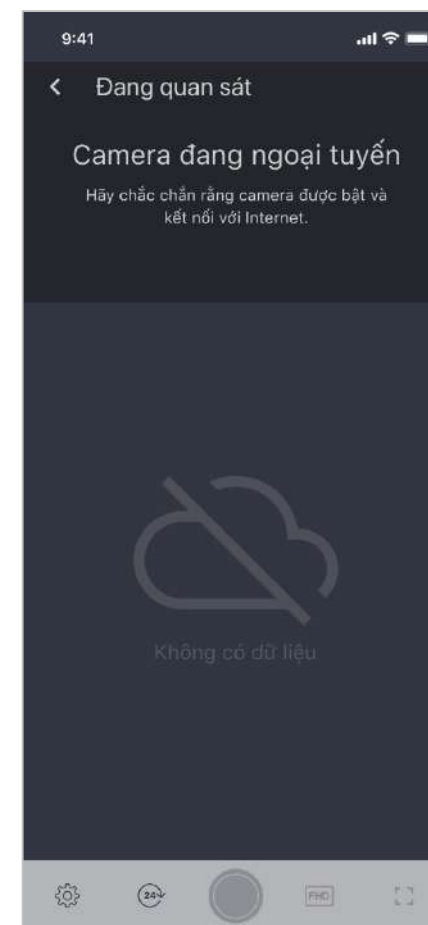
*Trường hợp 1: Vượt quá số lần xem phát trực tiếp trong 1 ngày (5 lần)*



*Trường hợp 2: Vượt quá số lượng thiết bị xem phát trực tiếp đồng thời (1 thiết bị)*



*Trường hợp 3: Camera đang ngoại tuyến*



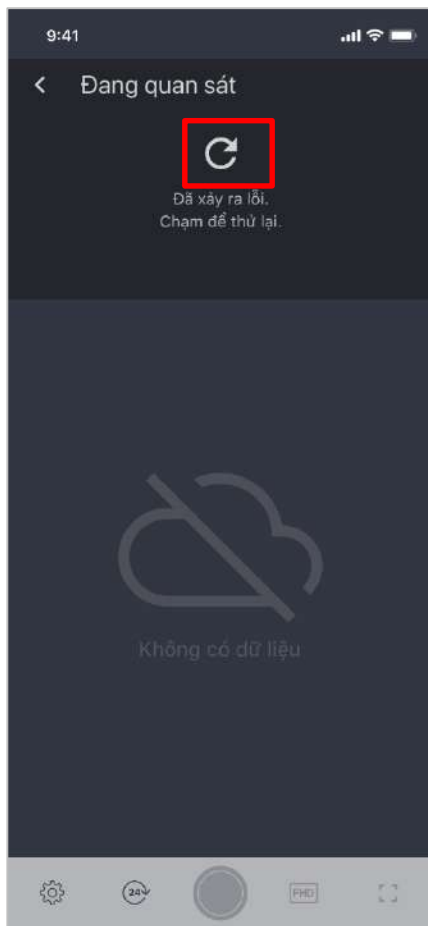
Gói Cơ bản chỉ áp dụng cho camera only ở chế độ Gia đình và tự động áp dụng sau khi hết 7 ngày ân hạn.

### 16. Gói dịch vụ Cơ bản

#### 16.1. Xem phát trực tiếp

##### a. Đối với người dùng là Chủ sở hữu

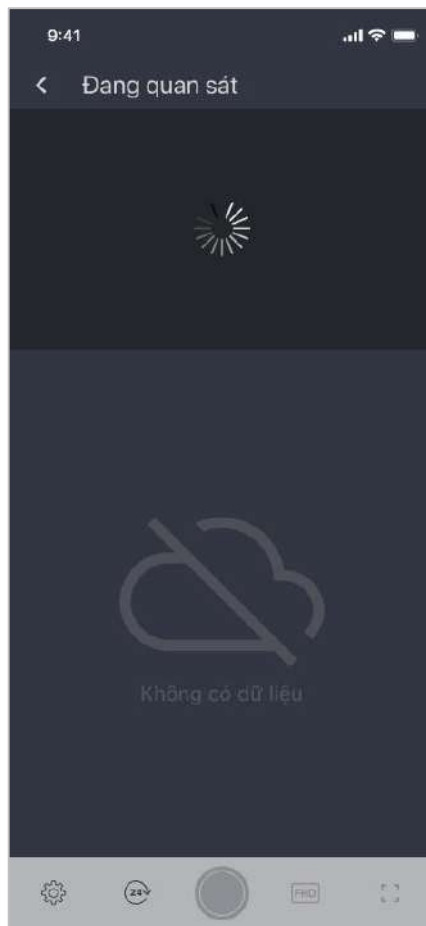
*Trường hợp 4: Camera xảy ra lỗi*



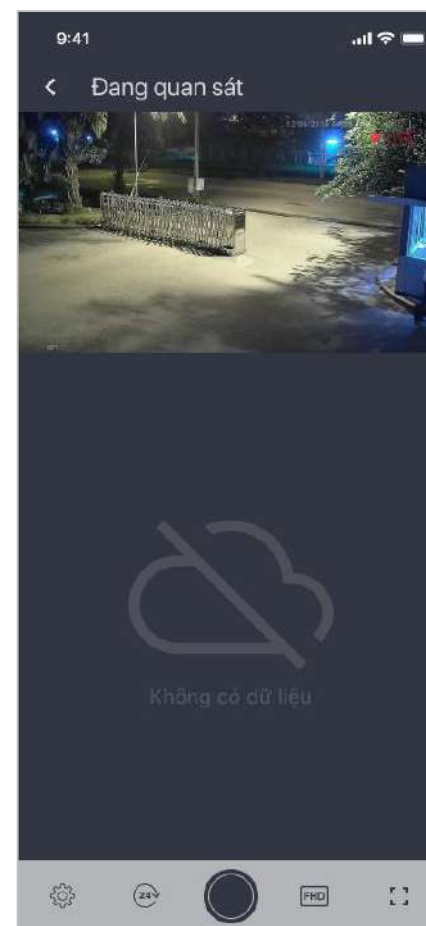
**5**

Nhấn để  
tải lại

Màn hình đang trong quá trình tải lại



Màn hình tải thành công

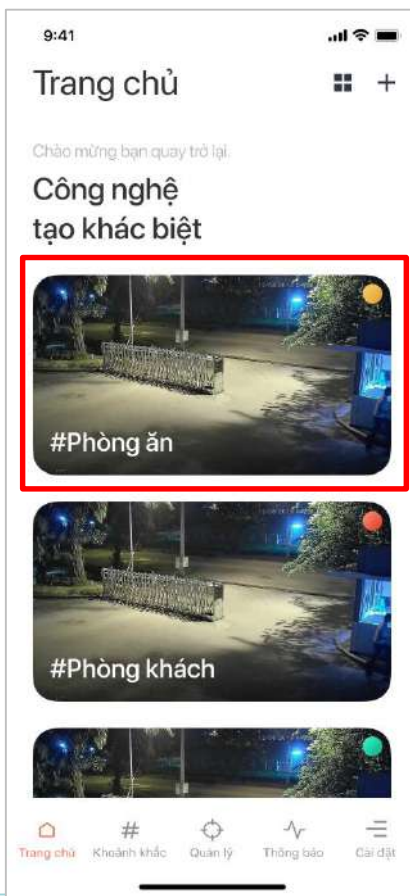




## 16. Gói dịch vụ Cơ bản

### 16.1. Xem phát trực tiếp

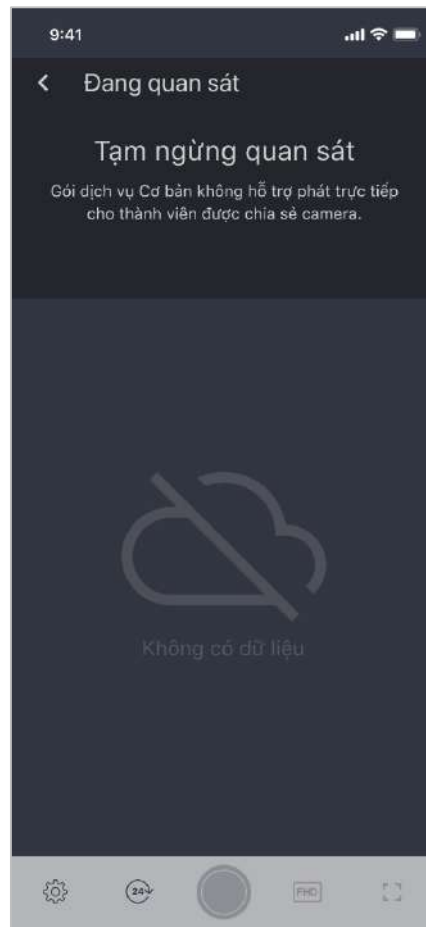
b. Đối với người dùng là Thành viên được chia sẻ



1

Nhấn để xem camera

Thành viên được chia sẻ không thể xem phát trực tiếp

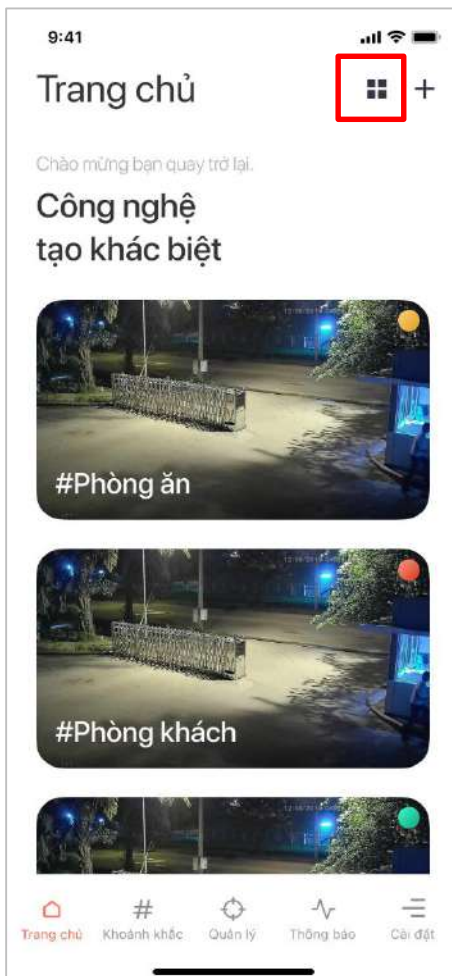


Gói Cơ bản chỉ áp dụng cho camera only ở chế độ Gia đình và tự động áp dụng sau khi hết 7 ngày ân hạn.

## 16. Gói dịch vụ Cơ bản

### 16.2. Xem chế độ lưới

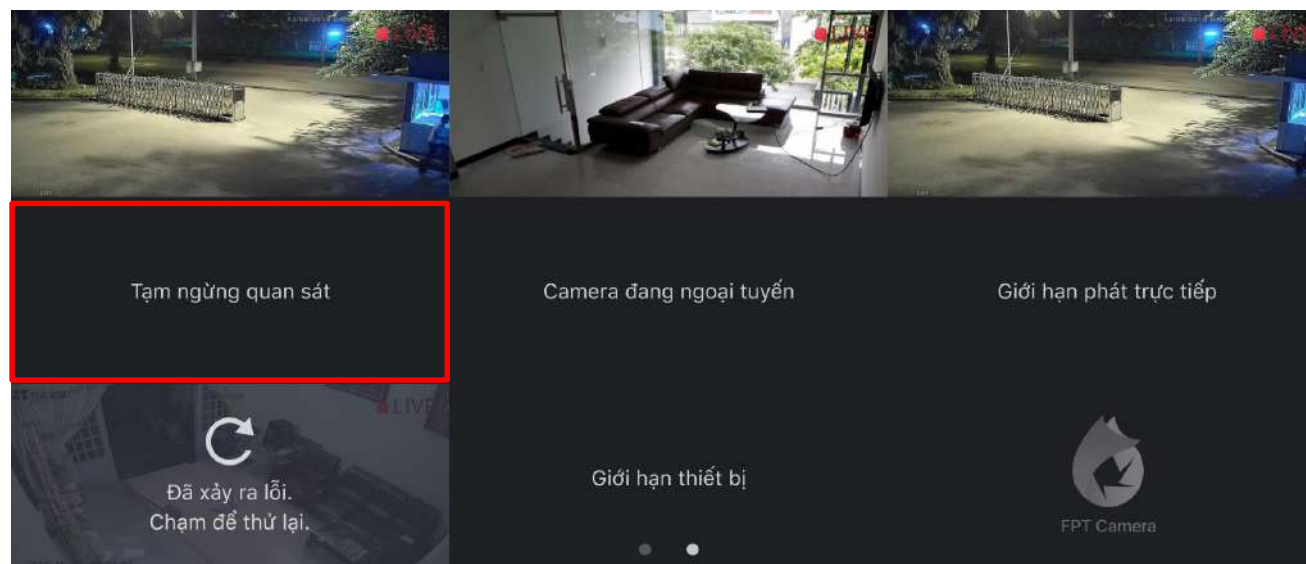
#### a. Đối với người dùng là Chủ sở hữu



1

Nhấn để  
xem chế  
độ lưới

#### Màn hình xem camera ở chế độ lưới



2

Nhấn camera muốn xem để mở chế độ full màn hình

### 16. Gói dịch vụ Cơ bản

#### 16.2. Xem chế độ lưới

##### a. Đối với người dùng là Chủ sở hữu

*Các trường hợp lỗi khi xem từ chế độ lưới*

*Trường hợp 1: Vượt quá số lần xem phát trực tiếp trong 1 ngày (5 lần)*

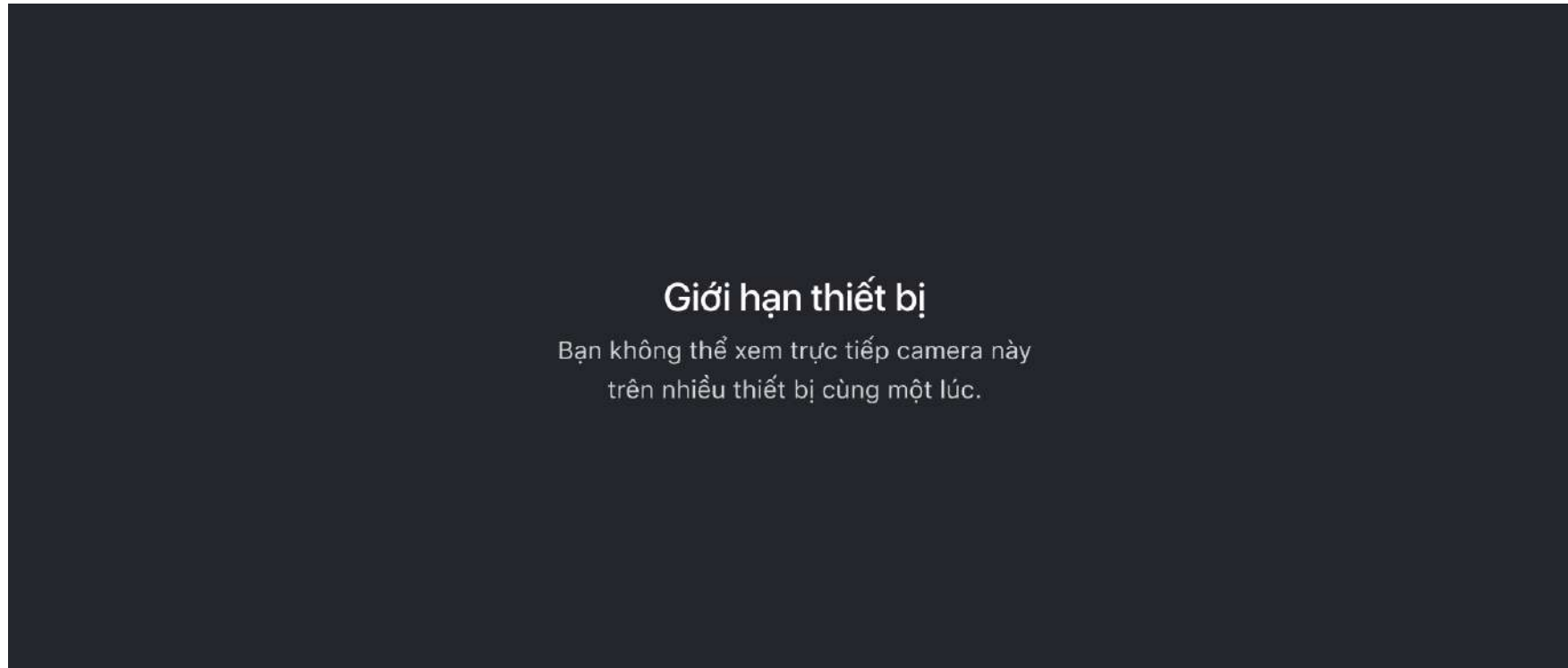


### 16. Gói dịch vụ Cơ bản

#### 16.2. Xem chế độ lưới

##### a. Đối với người dùng là Chủ sở hữu

*Trường hợp 2: Vượt quá số lượng thiết bị xem phát trực tiếp đồng thời (1 thiết bị)*



### 16. Gói dịch vụ Cơ bản

#### 16.2. Xem chế độ lưới

##### a. Đối với người dùng là Chủ sở hữu

*Trường hợp 3: Camera đang ngoại tuyến*

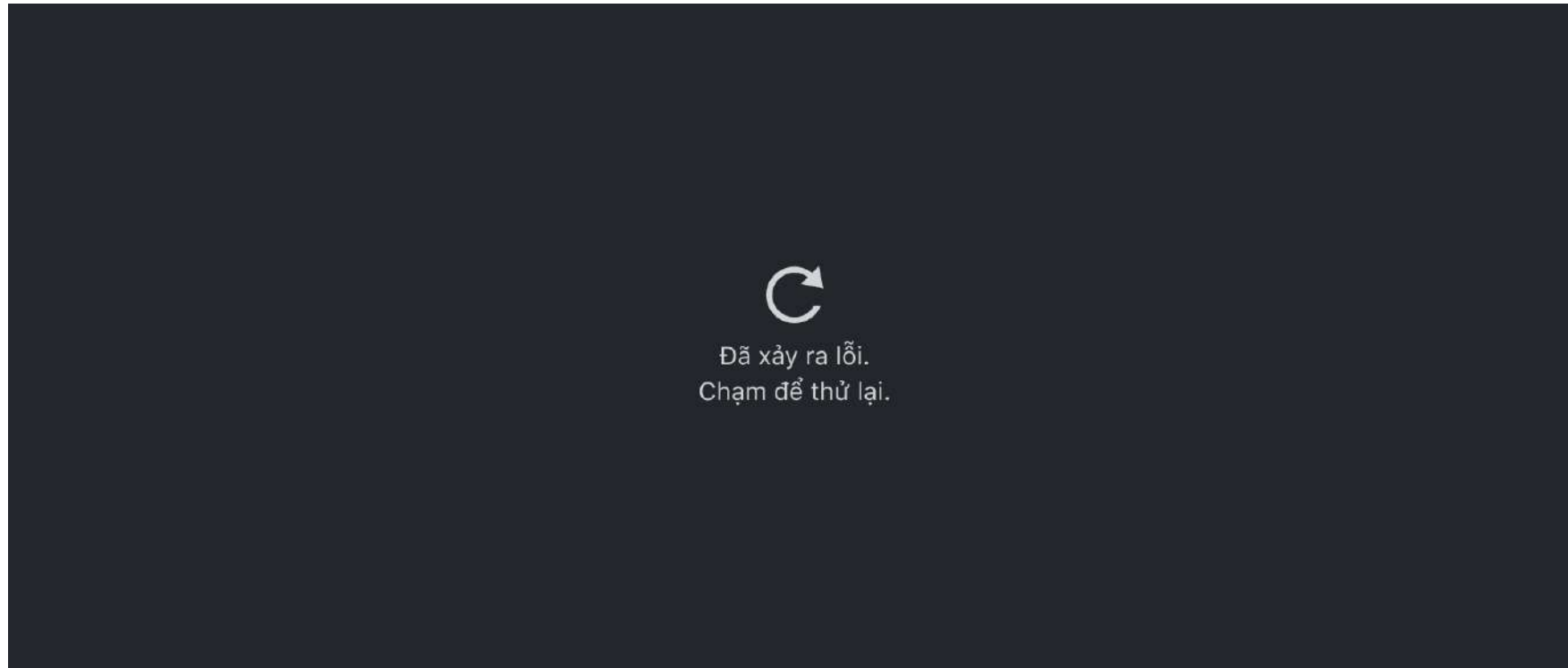


### 16. Gói dịch vụ Cơ bản

#### 16.2. Xem chế độ lưới

##### a. Đối với người dùng là Chủ sở hữu

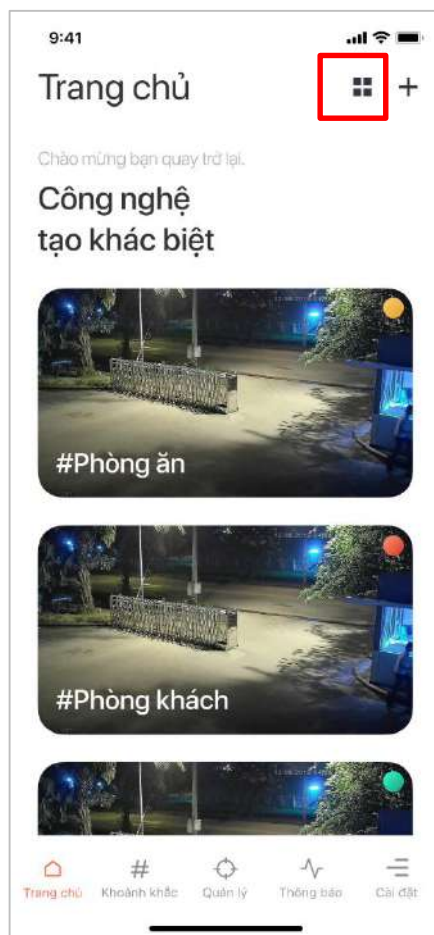
*Trường hợp 4: Camera xảy ra lỗi*



## 16. Gói dịch vụ Cơ bản

### 16.2. Xem chế độ lưới

b. Đối với người dùng là Thành viên được chia sẻ



1

Nhấn để  
xem chế  
độ lưới

Màn hình xem camera ở chế độ lưới



2 Nhấn camera muốn xem để mở chế độ full màn hình

### 16. Gói dịch vụ Cơ bản

#### 16.2. Xem chế độ lưới

##### b. Đối với người dùng là Thành viên được chia sẻ

*Trường hợp: Thành viên được chia sẻ không thể xem phát trực tiếp*

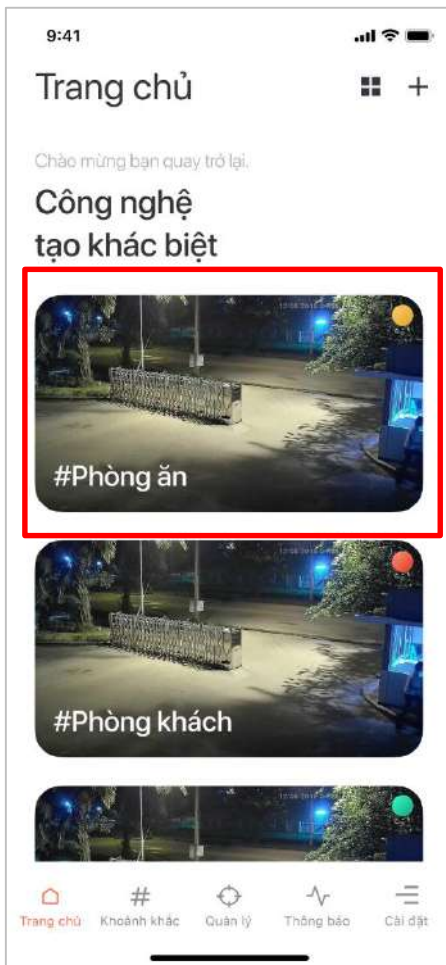




## 16. Gói dịch vụ Cơ bản

### 16.3. Xem hình ảnh nhận diện

#### a. Đối với người dùng là Chủ sở hữu

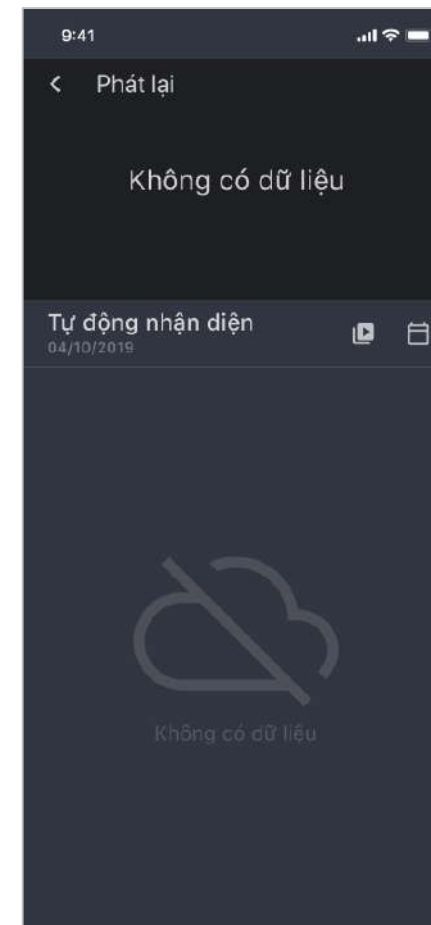


**1**  
Nhấn để xem camera



**2**  
Nhấn để mở danh sách hình ảnh

*Trường hợp: Không có dữ liệu*



Gói Cơ bản chỉ áp dụng cho camera only ở chế độ Gia đình và tự động áp dụng sau khi hết 7 ngày ân hạn.

## 16. Gói dịch vụ Cơ bản

### 16.3. Xem hình ảnh nhận diện

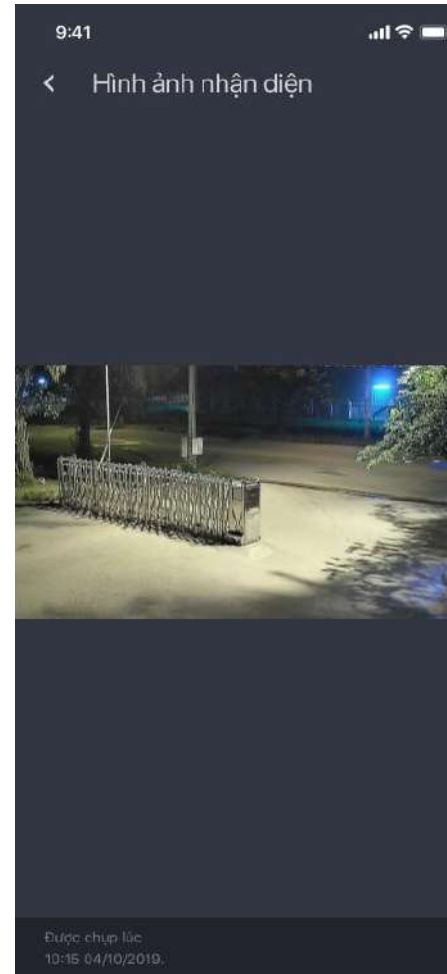
#### a. Đối với người dùng là Chủ sở hữu

*Trường hợp: Có dữ liệu*



**3**

Nhấn trên danh sách hình ảnh muốn xem

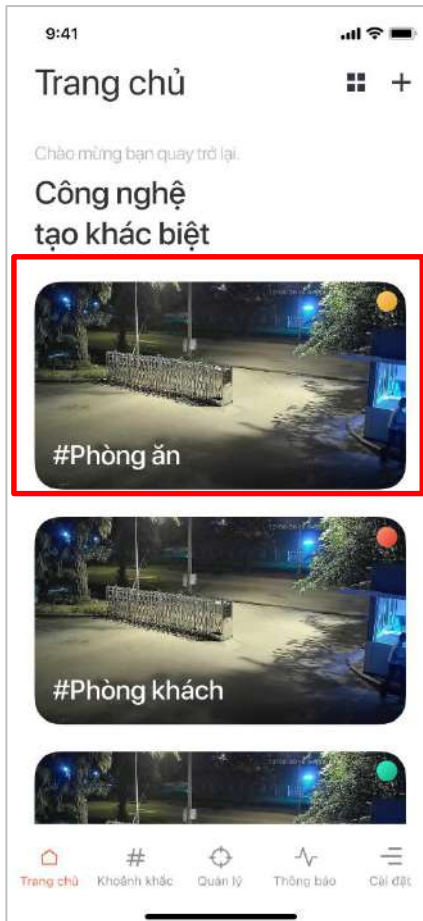


Gói Cơ bản chỉ áp dụng cho camera only ở chế độ Gia đình và tự động áp dụng sau khi hết 7 ngày ân hạn.

## 16. Gói dịch vụ Cơ bản

### 16.3. Xem hình ảnh nhận diện

b. Đối với người dùng là Thành viên được chia sẻ

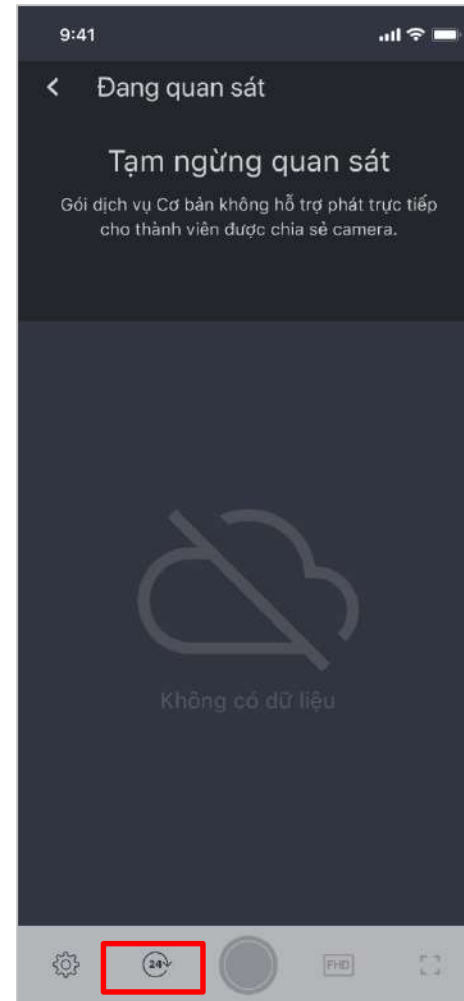


1

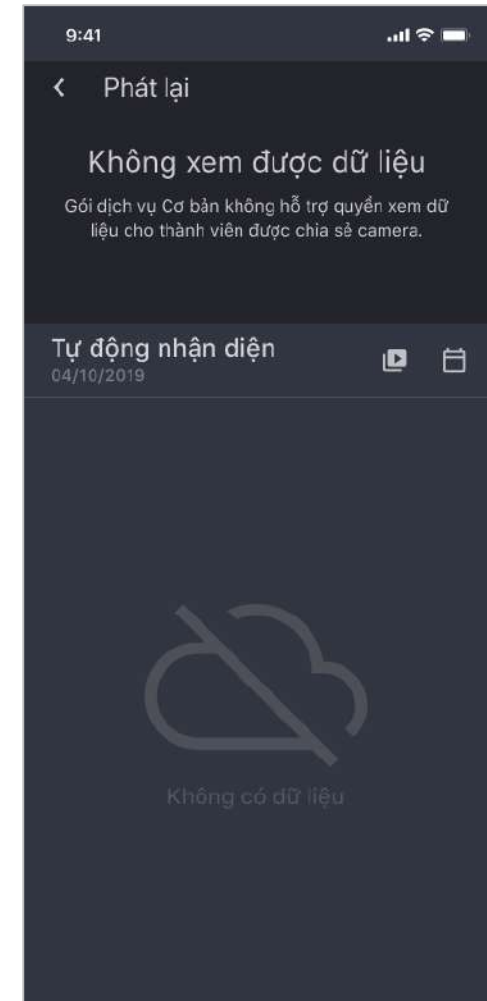
Nhấn để xem camera

2

Nhấn để mở danh sách hình ảnh



Thành viên được chia sẻ không thể xem dữ liệu ghi lại



### 16. Gói dịch vụ Cơ bản

#### 16.4. Xem dữ liệu full recording

*Trường hợp: không thể xem full recording đối với Chủ sở hữu*



##### Ghi hình 24/7

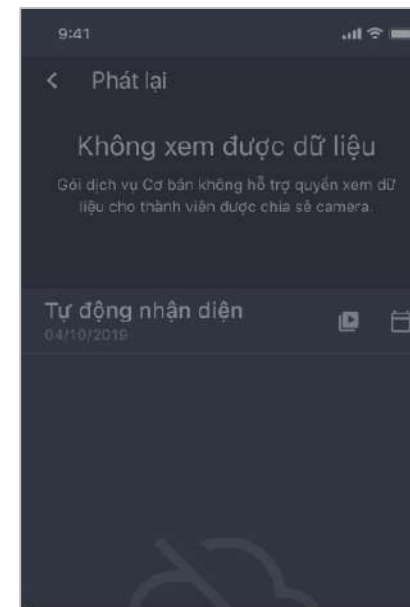
Ghi hình 24/7 cho phép bạn xem lại dữ liệu ghi hình liên tục. Gói dịch vụ của bạn không hỗ trợ tính năng này. Vui lòng nâng cấp lên gói cao hơn để có thể trải nghiệm.

**Nâng cấp**

1

Nhấn để tiến hành nâng cấp gói dịch vụ  
*Xem mục 5, tiểu mục 5.6*

*Trường hợp: không thể xem full recording đối với Thành viên được chia sẻ*



##### Ghi hình 24/7

Ghi hình 24/7 cho phép bạn xem lại dữ liệu ghi hình liên tục. Gói dịch vụ của bạn không hỗ trợ tính năng này. Vui lòng nâng cấp lên gói cao hơn để có thể trải nghiệm.

**Đã hiểu**

Nhấn **Đã hiểu** để tắt thông báo

1.1

## 17. Xem trang cá nhân 17.1. Tài khoản ở chế độ Gia đình



**1**  
Nhấn để xem trang cá nhân

### Màn hình hiển thị thông tin tài khoản Đối với HĐH Android



### Màn hình hiển thị thông tin tài khoản Đối với HĐH iOS



## 17. Xem trang cá nhân

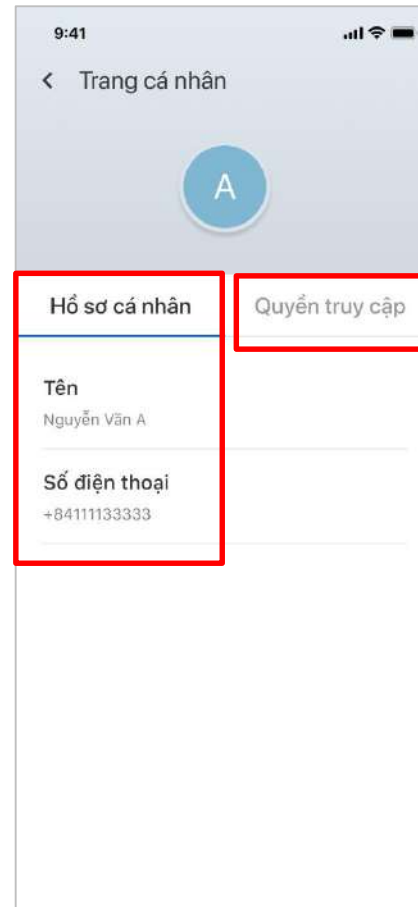
### 17.2. Tài khoản ở chế độ Doanh nghiệp

#### a. Tài khoản đăng nhập với vai trò Chủ sở hữu



**1**  
Nhấn để xem trang cá nhân

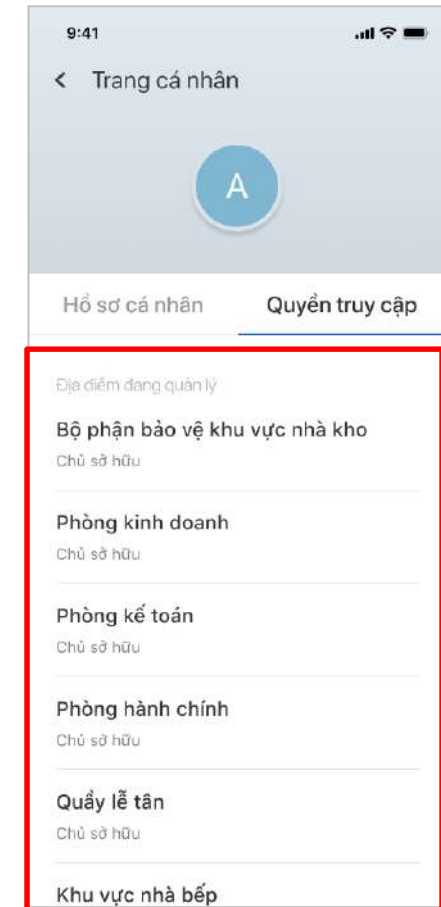
Trang thông tin của chủ sở hữu



Thông tin cá nhân của Chủ sở hữu

**2**  
Nhấn để xem quyền truy cập trong công ty

Danh sách các địa điểm chủ sở hữu đã tạo



## 17. Xem trang cá nhân

### 17.2. Tài khoản ở chế độ Doanh nghiệp b. Tài khoản đăng nhập với vai trò Quản trị viên (QTV)

Trang thông tin của quản trị viên

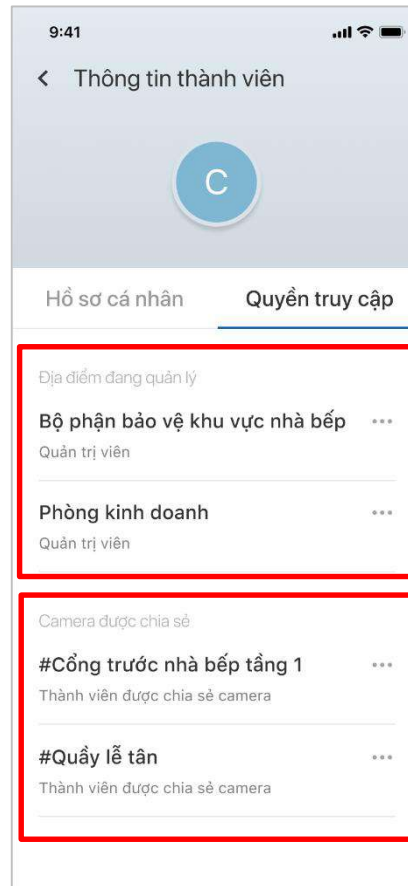
Thông tin cá nhân của QTV



Quyền truy cập

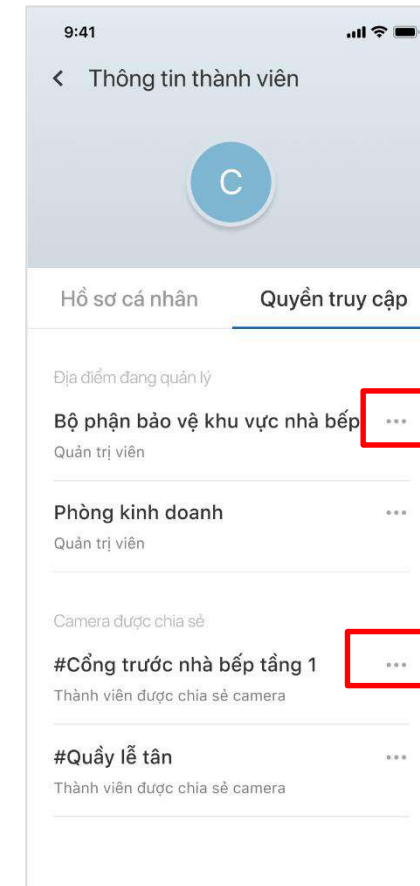
2.1

Nhấn để xem quyền truy cập trong công ty



Địa điểm QTV quản lý

Camera QTV được chia sẻ



3.1a

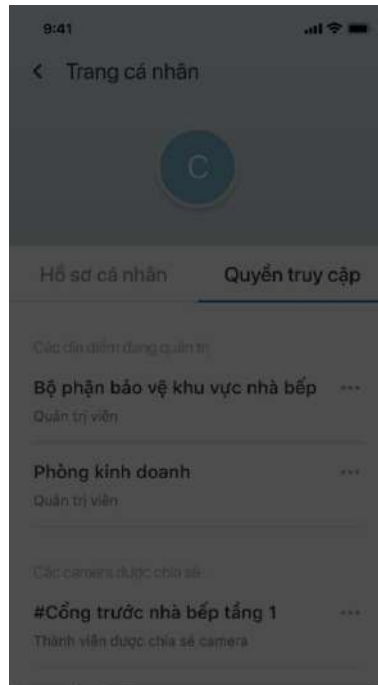
Nhấn để chọn xóa quyền QTV trong địa điểm

3.1b

Nhấn để chọn xóa quyền xem camera

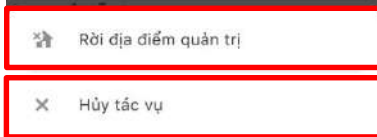
## 17. Xem trang cá nhân

### 17.2. Tài khoản ở chế độ Doanh nghiệp b. Tài khoản đăng nhập với vai trò Quản trị viên (QTV)

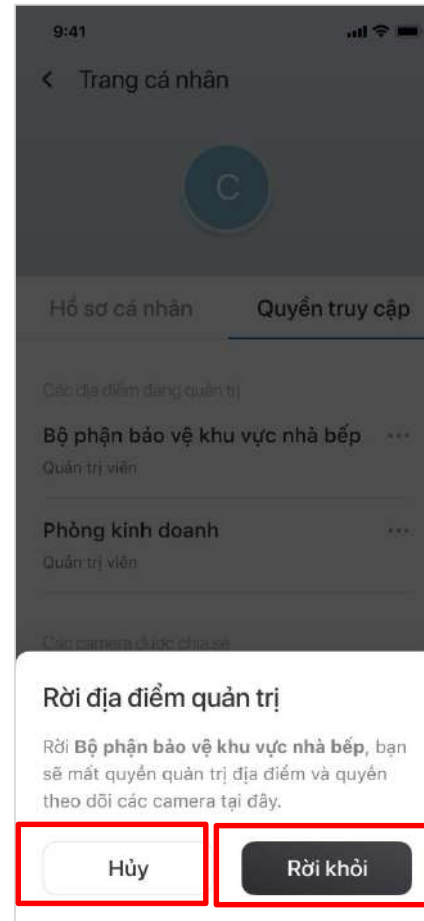


4.1a

Nhấn để  
chọn xóa



Hoặc nhấn "Hủy tác vụ" để đóng thông báo



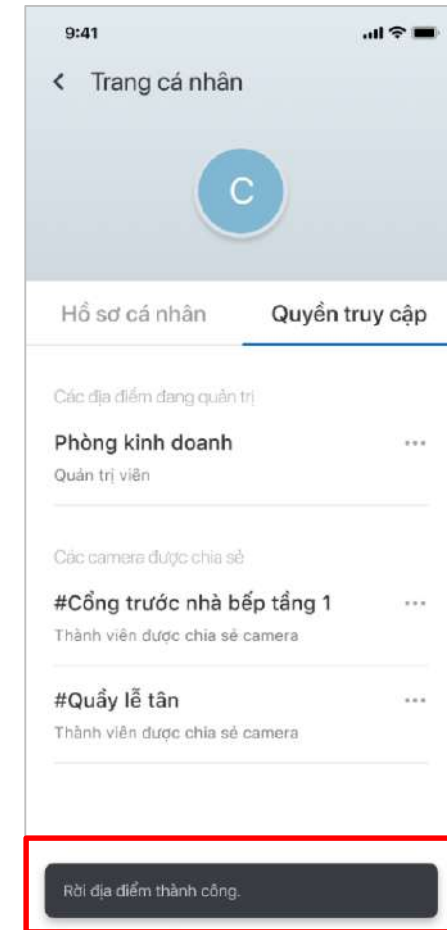
5.1a

Nhấn để  
xóa quyền



Hoặc nhấn "Hủy" để đóng thông báo

### Giao diện xóa quyền truy cập thành công



Hiện thị thông báo thành công



### 17. Xem trang cá nhân

#### 17.2. Tài khoản ở chế độ Doanh nghiệp b. Tài khoản đăng nhập với vai trò Quản trị viên (QTV)

*Giao diện xóa quyền truy cập thất bại*



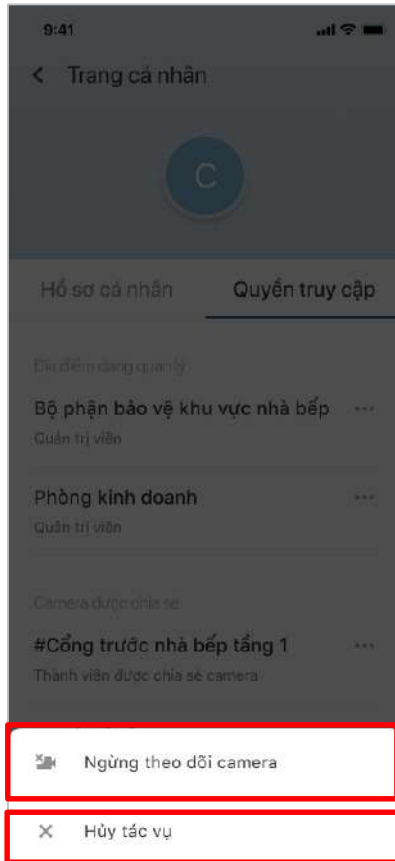
Hiện thị thông báo thất bại

*Trường hợp QTV chỉ quản lý 1 địa điểm duy nhất và không được chia sẻ camera nào, khi xóa quyền thì QTV mất quyền truy cập trong công ty*



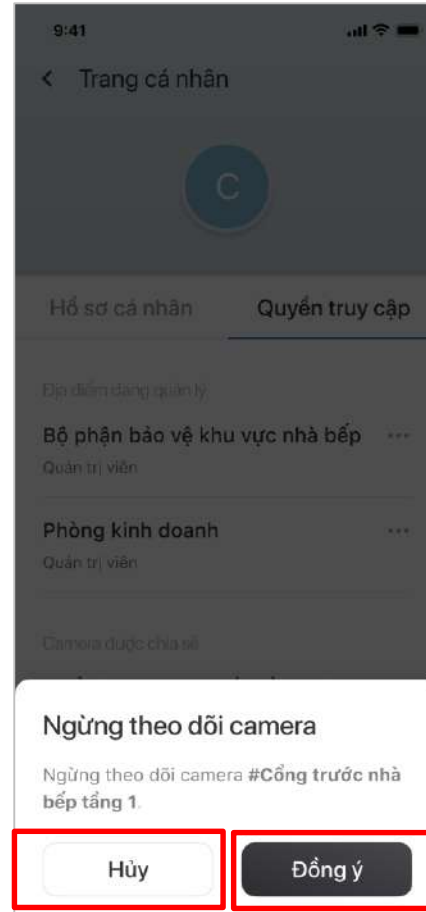
## 17. Xem trang cá nhân

### 17.2. Tài khoản ở chế độ Doanh nghiệp b. Tài khoản đăng nhập với vai trò Quản trị viên (QTV)



Nhấn để  
chọn xóa  
**4.1b**

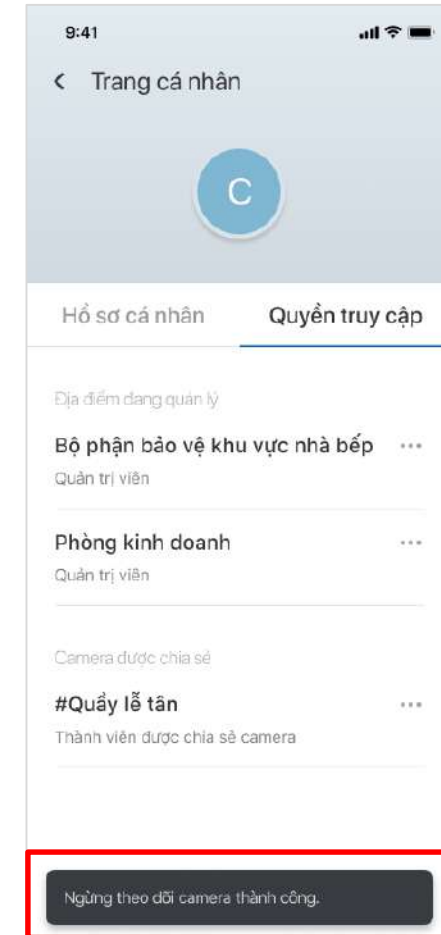
Hoặc nhấn "Hủy tác vụ" để đóng thông báo



**5.1b**  
Nhấn để  
xóa

Hoặc nhấn "Hủy" để đóng thông báo

### Giao diện xóa quyền truy cập thành công



Hiện thị thông báo thành công

## 17. Xem trang cá nhân

### 17.2. Tài khoản ở chế độ Doanh nghiệp b. Tài khoản đăng nhập với vai trò Quản trị viên (QTV)

*Giao diện xóa quyền truy cập thất bại*



Hiện thị thông báo thất bại

## 17. Xem trang cá nhân

### 17.2. Tài khoản ở chế độ Doanh nghiệp

#### c. Tài khoản đăng nhập với vai trò Thành viên được chia sẻ

Trang thông tin của Thành viên được chia sẻ

Thông tin cá nhân của Thành viên được chia sẻ

**2.2**

Nhấn để xem quyền truy cập trong công ty

**3.2**

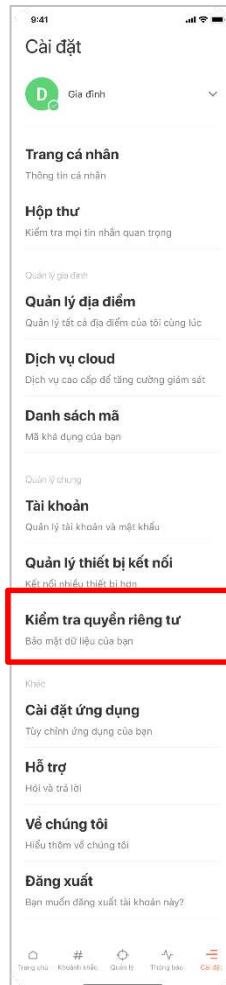
Nhấn để chọn camera muốn xóa

**4.2**

Các bước nhấn để xóa  
*Xem từ bước 4.1b, tiểu mục b*

## 18. Kiểm tra quyền riêng tư

Mở từ trang Cài đặt ở chế độ Gia đình



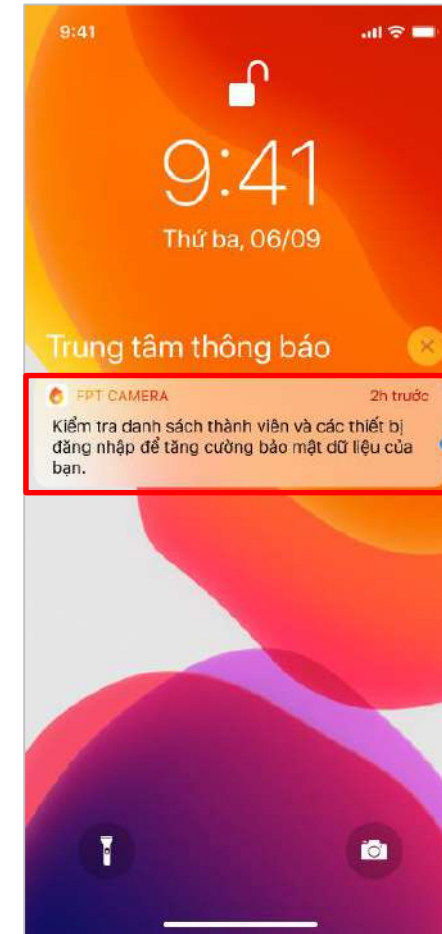
**1**  
Nhấn để kiểm tra quyền

Mở từ trang Cài đặt ở chế độ Doanh nghiệp



**1.1**  
Nhấn để kiểm tra quyền

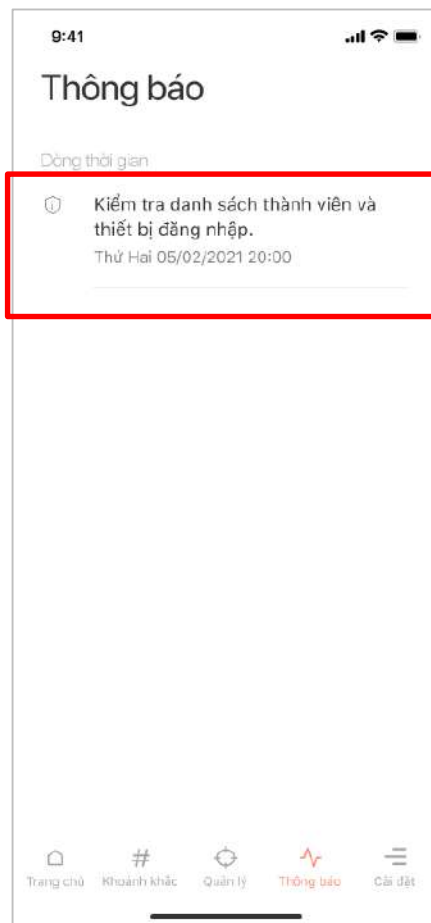
Mở từ trung tâm thông báo của thiết bị



**1.2**  
Nhấn để kiểm tra quyền

## 18. Kiểm tra quyền riêng tư

Mở từ trung tâm thông báo trong ứng dụng

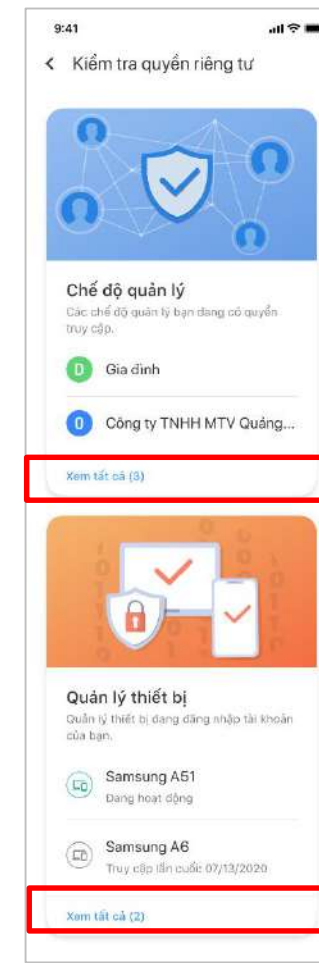


**1.3**  
Nhấn để kiểm tra quyền

*Trường hợp: người dùng chỉ có quyền truy cập ở 1 chế độ và đăng nhập tài khoản ở 1 thiết bị*



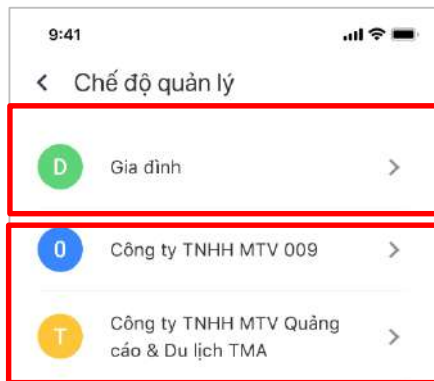
*Trường hợp: người dùng có quyền truy cập nhiều hơn 1 chế độ và đăng nhập tài khoản nhiều hơn 1 thiết bị*



**2**  
Nhấn để xem danh sách chế độ quản lý

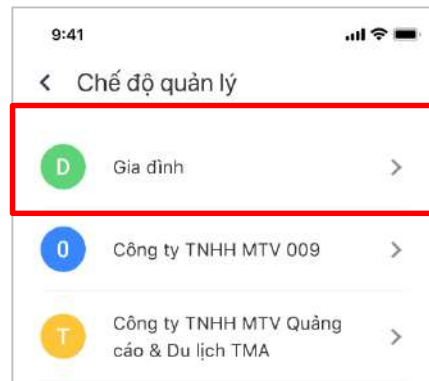
**2.1**  
Nhấn để xem danh sách quản lý thiết bị đăng nhập

## 18. Kiểm tra quyền riêng tư



Chế độ  
Gia đình

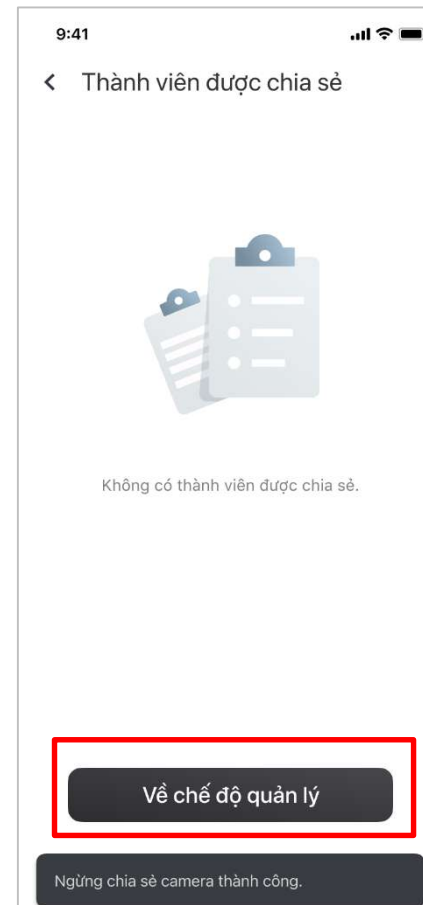
Chế độ  
Doanh nghiệp



3

Nhấn để  
xem thành  
viên được  
chia sẻ

*Trường hợp: Không có thành viên được chia sẻ*

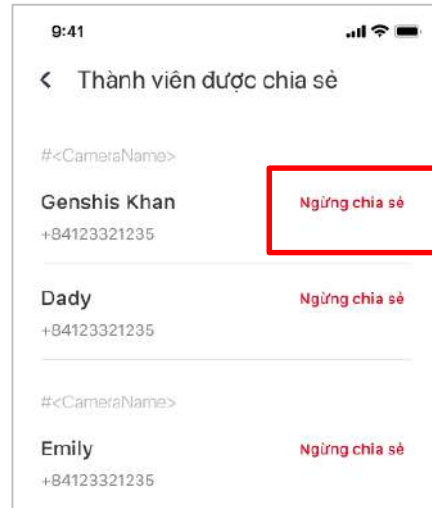


4

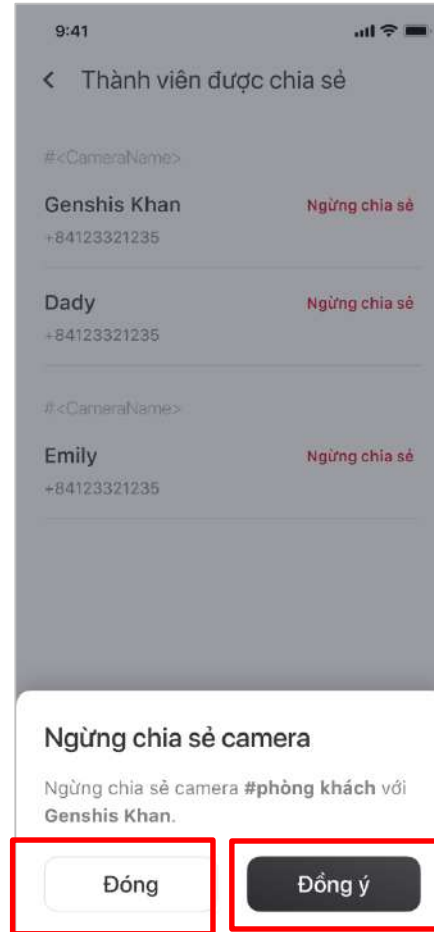
Nhấn để trở  
về trang Chế  
độ quản lý

## 18. Kiểm tra quyền riêng tư

Trường hợp: Có thành viên được chia sẻ và nhiều hơn 1 thành viên



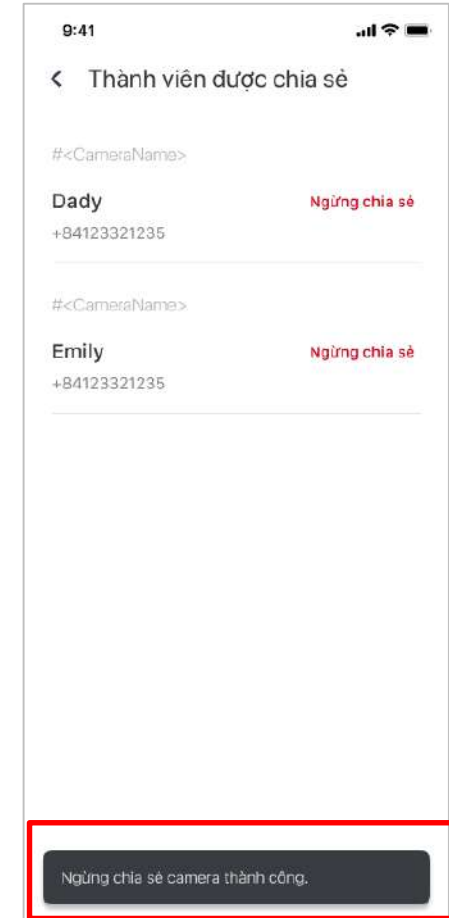
**4.1**  
Nhấn để  
ngừng chia  
sẻ camera



**5.1**  
Nhấn để  
xóa

Nhấn **Đóng** hoặc nhấn vùng ngoài thông báo để tắt

Trường hợp: Ngừng chia sẻ thành công

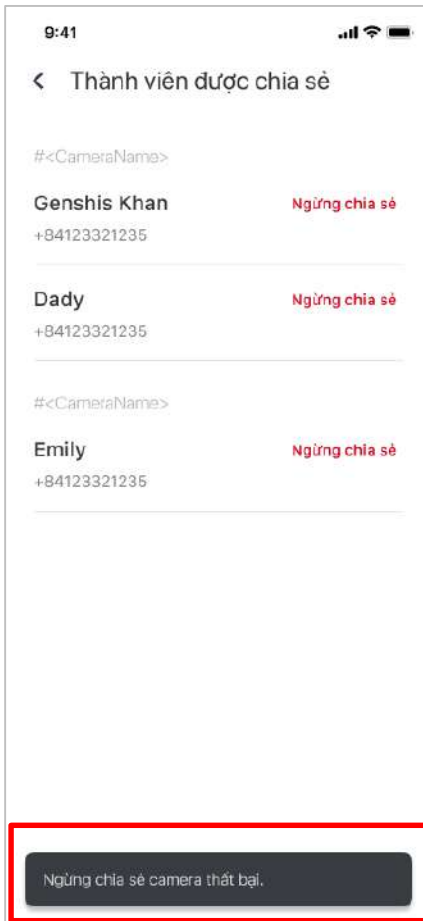


Hiện thị thông báo thành công



## 18. Kiểm tra quyền riêng tư

*Trường hợp: Ngừng chia sẻ thất bại*



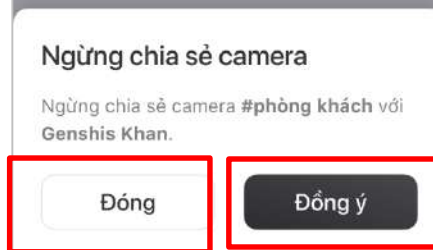
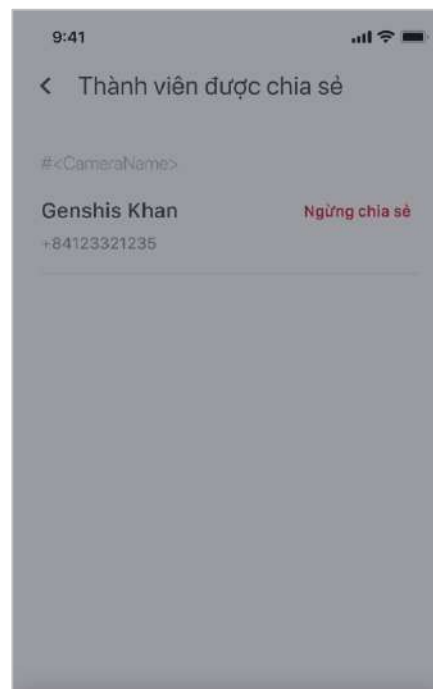
Hiện thị thông báo thất bại

## 18. Kiểm tra quyền riêng tư

Trường hợp: Chỉ có 1 thành viên được chia sẻ



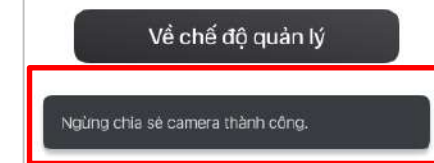
**4.2**  
Nhấn để ngừng chia sẻ camera



**5.2**  
Nhấn để xóa

Nhấn **Đóng** hoặc nhấn vùng ngoài thông báo để tắt

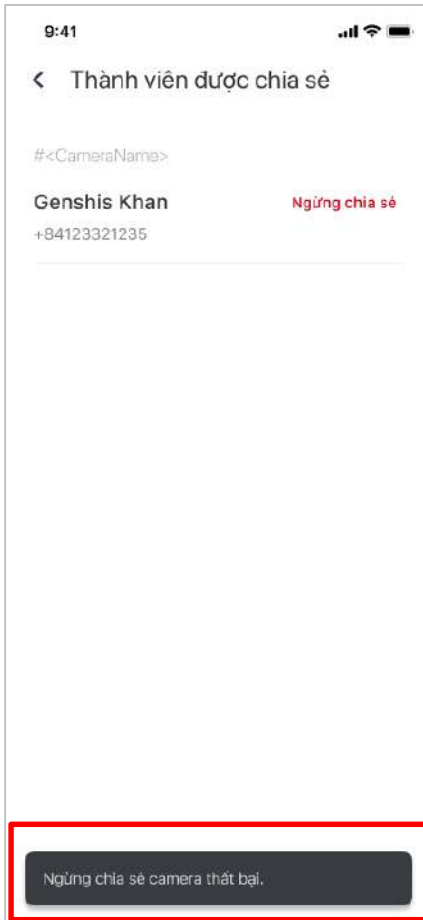
Trường hợp: Ngừng chia sẻ thành công



Hiện thị thông báo thành công

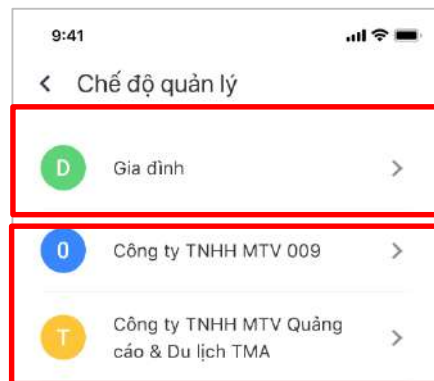
### 18. Kiểm tra quyền riêng tư

*Trường hợp: Ngừng chia sẻ thất bại*



Hiển thị thông báo thất bại

## 18. Kiểm tra quyền riêng tư



Chế độ  
Gia đình

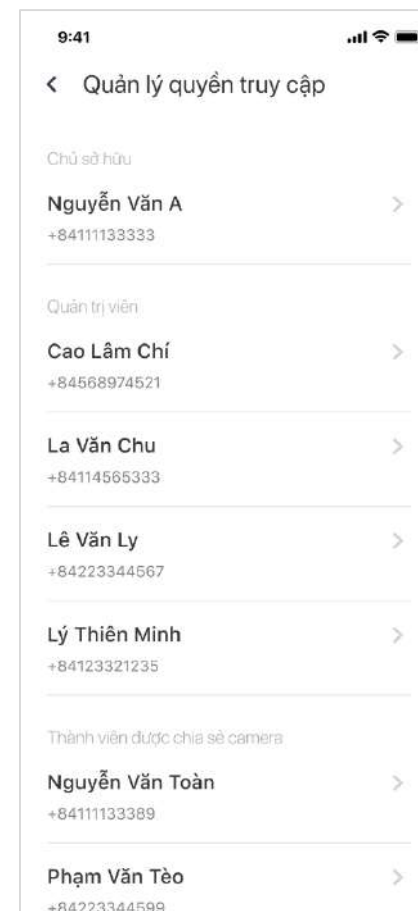
Chế độ  
Doanh nghiệp



### 3.1

Nhấn để  
xem quản lý  
quyền truy  
cập

Màn hình danh sách quyền truy cập  
*Xem mục 6, Phần II: Quản lý quyền truy cập*



## 18. Kiểm tra quyền riêng tư



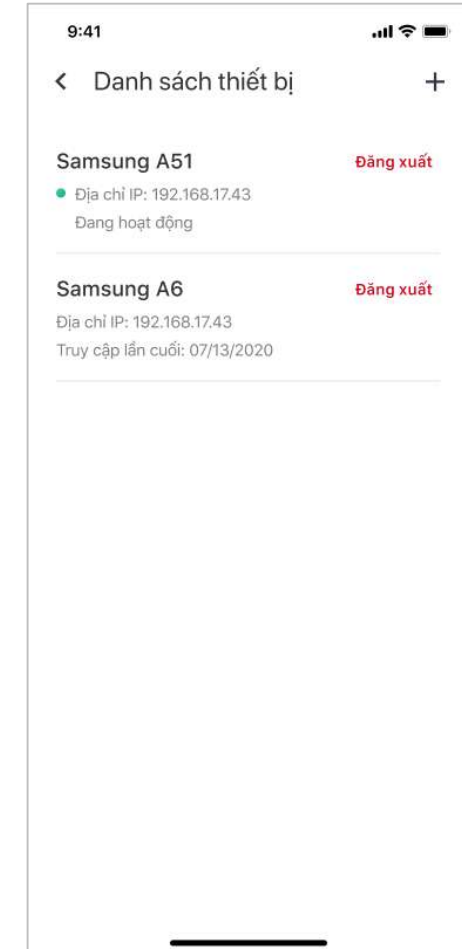
**2.1**

Nhấn để xem danh sách quản lý thiết bị đăng nhập

*Trường hợp: danh sách có 5 thiết bị  
Xem mục 9, Phần I: Quản lý thiết bị kết nối*



*Trường hợp: danh sách có ít hơn 5 thiết bị  
Xem mục 9, Phần I: Quản lý thiết bị kết nối*



## 19. Cài đặt thông báo

Giao diện người dùng ở chế độ Gia đình



1a

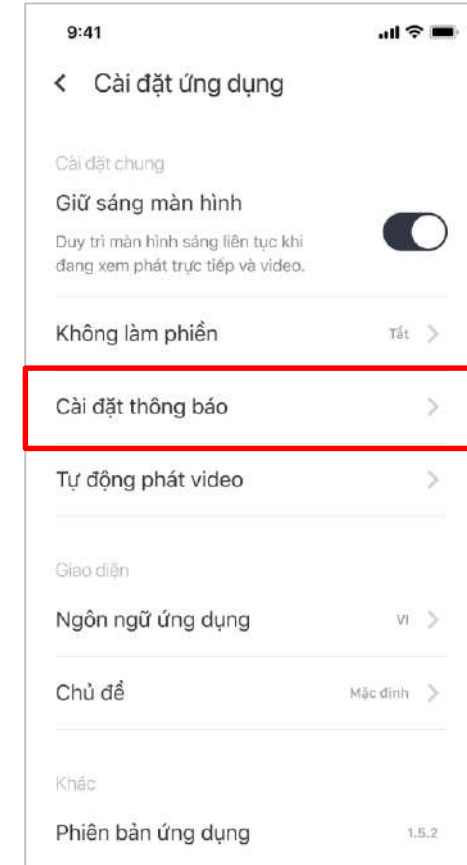
Chọn  
Cài đặt ứng dụng

Giao diện người dùng ở chế độ Doanh nghiệp



1b

Chọn  
Cài đặt ứng dụng

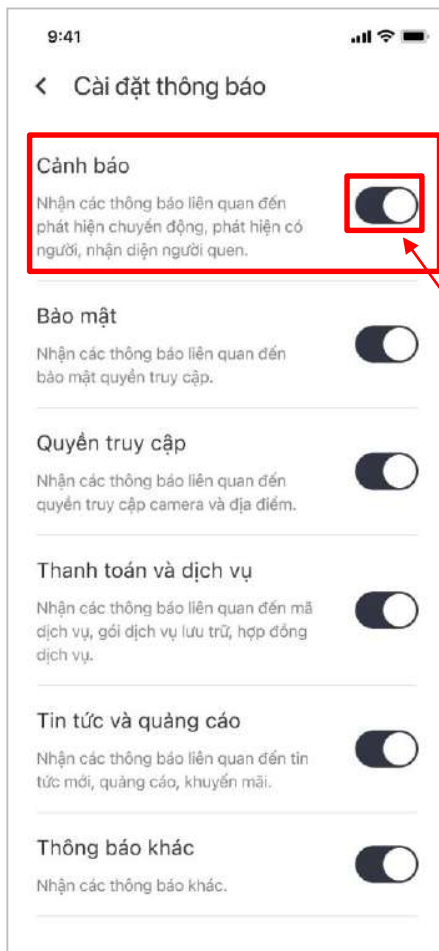


2

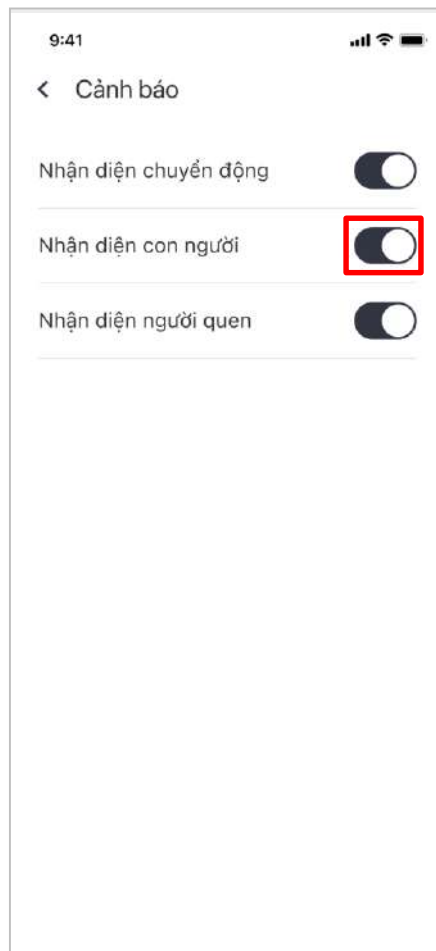
Chọn  
Cài đặt  
thông báo

## 19. Cài đặt thông báo

**3**  
Nhấn để mở danh sách các loại cảnh báo

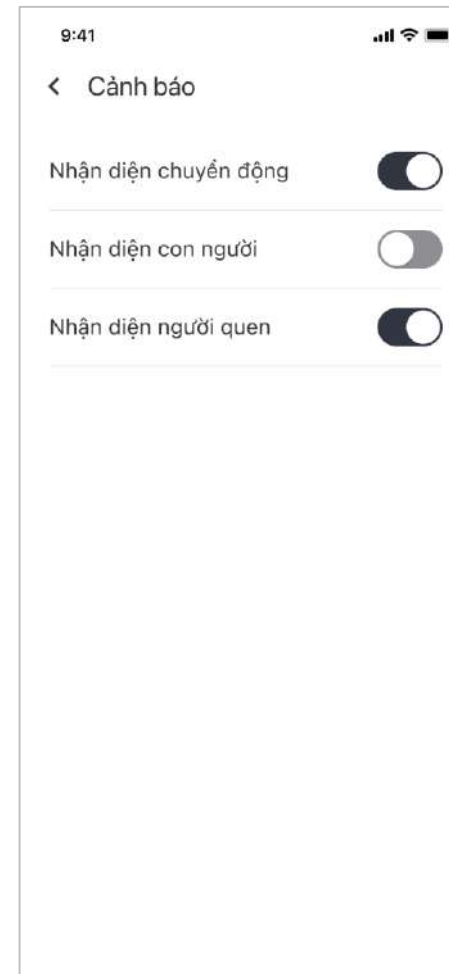


**3.1**  
Nhấn để bật/tắt tính năng nhận thông báo cho các loại cảnh báo

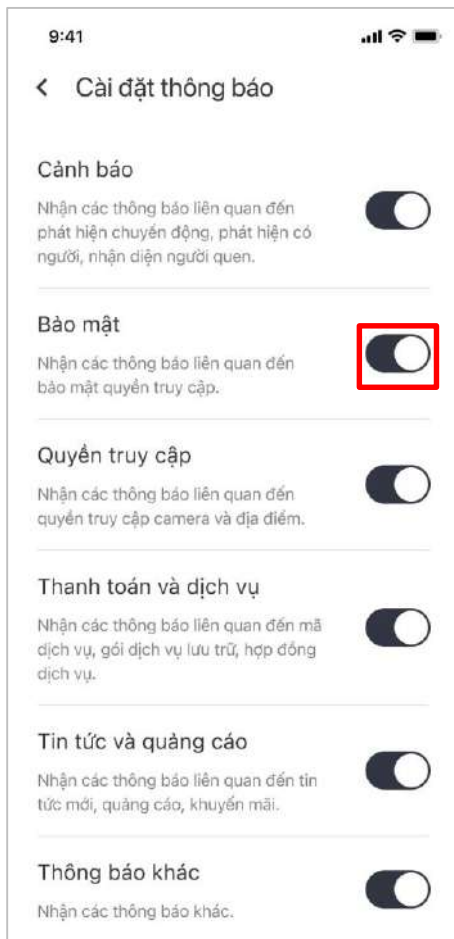


**4**  
Nhấn để bật/tắt tính năng nhận thông báo

Thiết bị sẽ không nhận được thông báo của tính năng tương ứng sau khi tắt.



## 19. Cài đặt thông báo



**3.2**  
 Nhấn để bật/tắt  
 tính năng  
 nhận thông báo

Thiết bị sẽ không nhận được thông báo của tính năng tương ứng sau khi tắt.





## 20. Giới thiệu bạn bè 20.1. Đi từ Hộp thư đến

1

Chọn vào Hộp thư có tiêu đề “Bạn vừa nhận được một mã quà tặng từ chương trình Giới thiệu bạn bè”

*Trường hợp: chưa áp dụng mã quà tặng*



2  
Chọn **Tiếp tục** để áp dụng mã

*Sau khi chọn Tiếp tục trên mã quà tặng, tiếp tục quy trình Áp dụng mã dịch vụ Cloud  
Xem tiếp từ bước 3, mục 5.1 "Áp dụng mã dịch vụ Cloud"*

*Trường hợp: đã áp dụng mã quà tặng*



### 20. Giới thiệu bạn bè

#### 20.1. Đi từ Hộp thư đến

*Trường hợp: đã áp dụng mã quà tặng*



Áp dụng đối với người dùng ở chế độ Gia đình và là người được nhận mã.

## 20. Giới thiệu bạn bè 20.2. Đi từ trang Thông báo

1

Chọn vào Thông báo tiêu đề “Bạn vừa nhận được một mã quà tặng từ chương trình Giới thiệu bạn bè”

Trường hợp: chưa áp dụng mã quà tặng



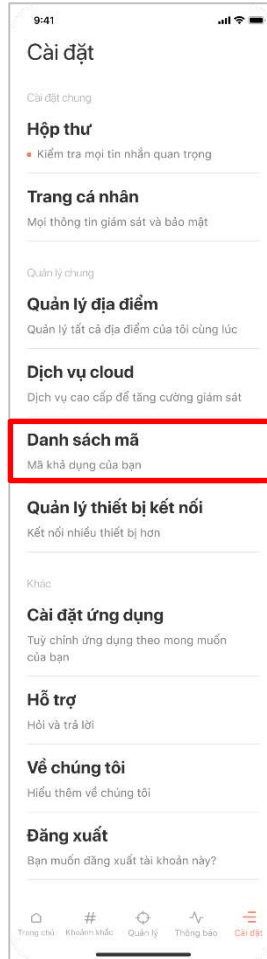
2

Chọn **Tiếp tục** để áp dụng mã

Trường hợp mã chưa áp dụng, tiếp tục quy trình Áp dụng mã dịch vụ Cloud  
*Xem tiếp từ bước 3, mục 5.1 "Áp dụng mã dịch vụ Cloud"*

## 20. Giới thiệu bạn bè 20.3. Đi từ Danh sách mã

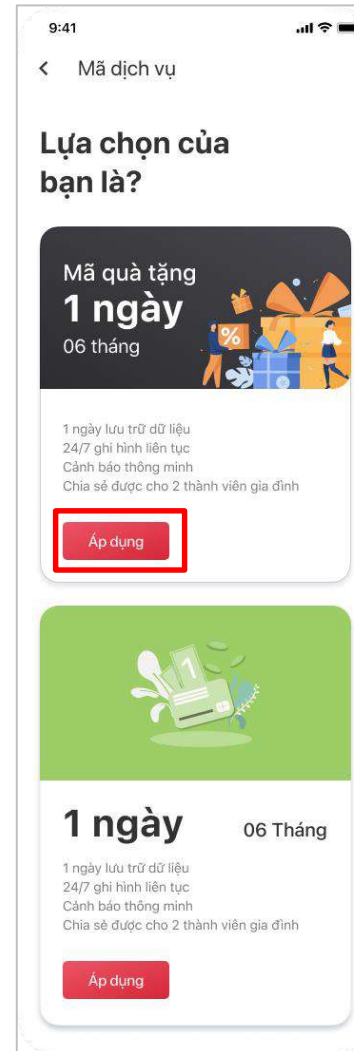
Màn hình hiển thị trang cài đặt



1  
Chọn Danh  
sách mã

2

Chọn **Áp  
dụng** để  
áp dụng  
mã giới  
thiệu



*Trường hợp mã chưa áp dụng, tiếp tục quy trình Áp dụng mã dịch vụ Cloud  
Xem tiếp từ bước 3, mục 5.1  
"Áp dụng mã dịch vụ Cloud"*

### 21. Tính năng Không làm phiền (Do not disturb)

Giao diện người dùng ở chế độ Gia đình



1a

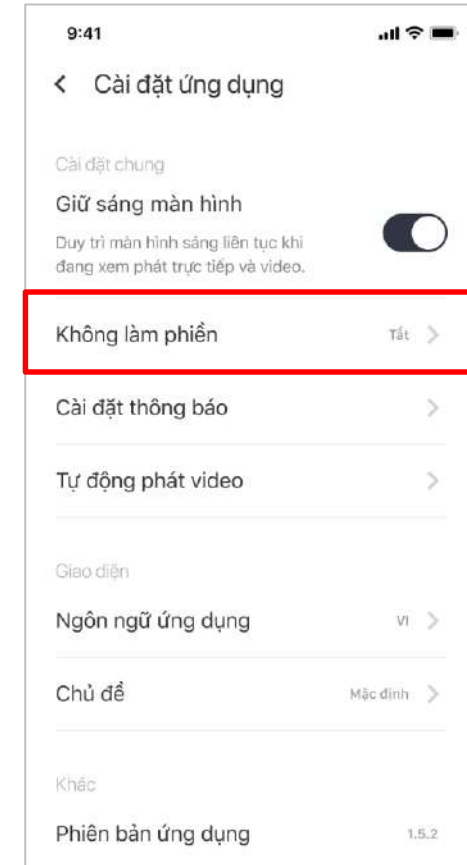
Chọn  
Cài đặt ứng dụng

Giao diện người dùng ở chế độ Doanh nghiệp



1b

Chọn  
Cài đặt ứng dụng

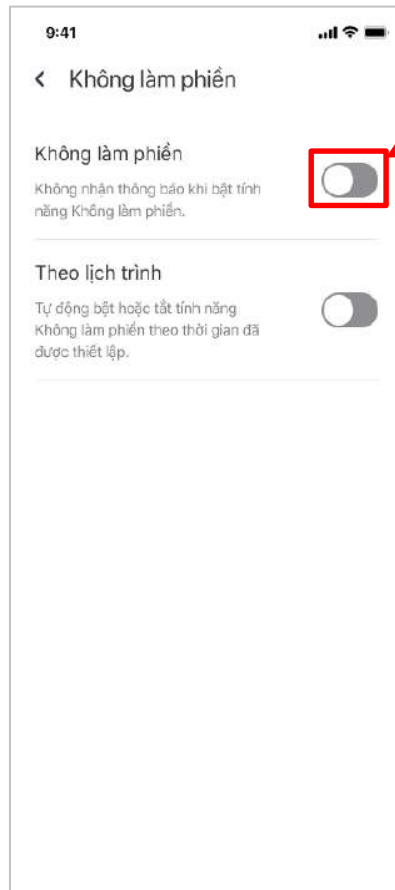


2

Chọn  
Không làm  
phiền

### 21. Tính năng Không làm phiền (Do not disturb)

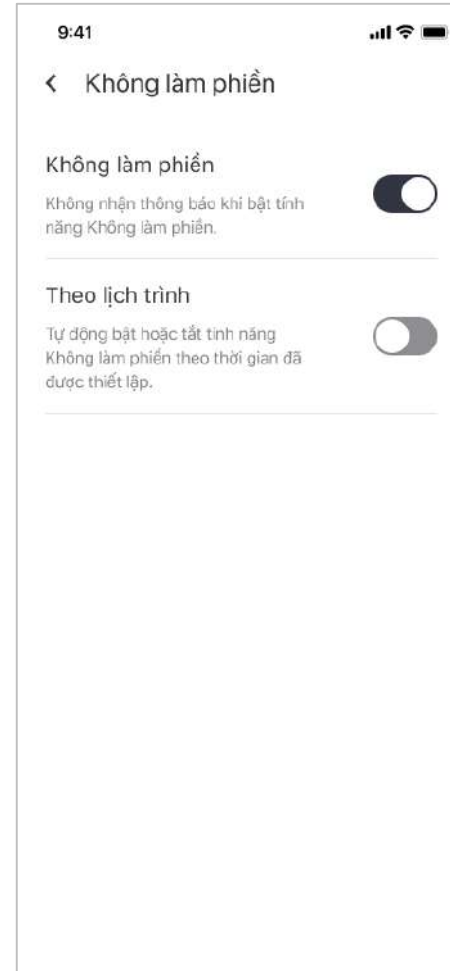
#### 21.1 Bật/ tắt nhanh tính năng Không làm phiền



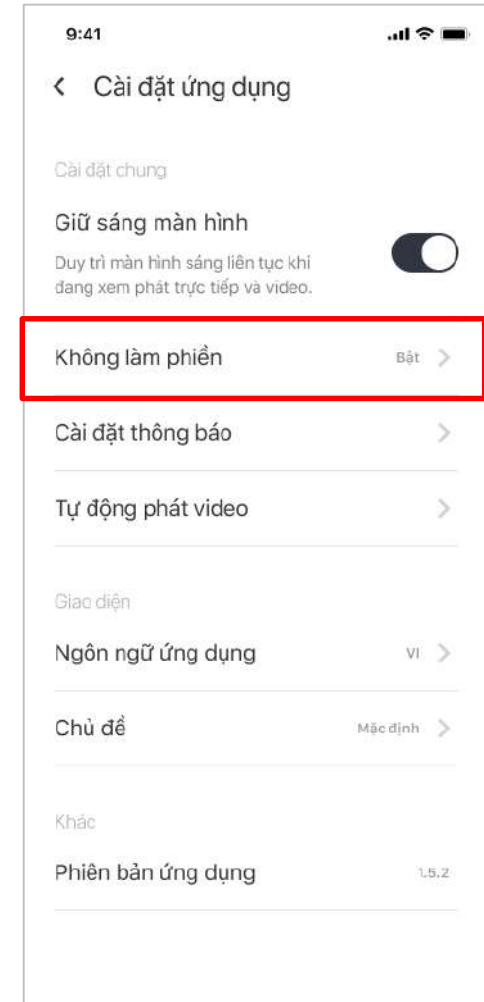
3.1

Nhấn để  
bật/tắt tính  
năng  
Không  
làm phiền

#### Màn hình hiển thị đang bật tính năng Không làm phiền

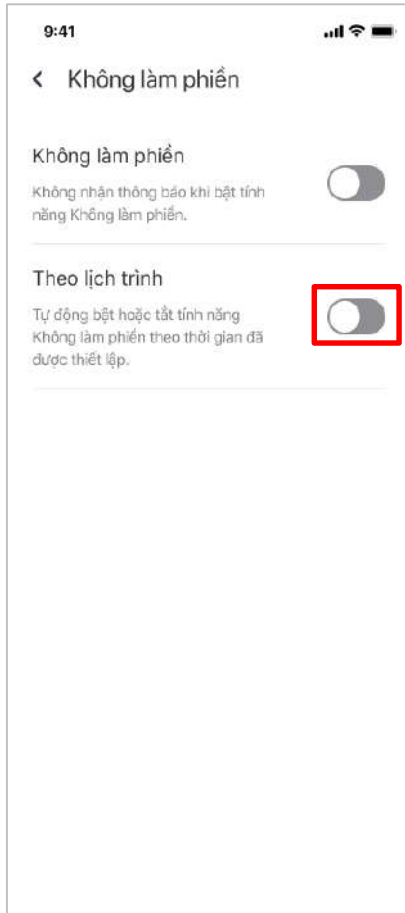


#### Màn hình hiển thị đang bật tính năng Không làm phiền ở trang Cài đặt ứng dụng



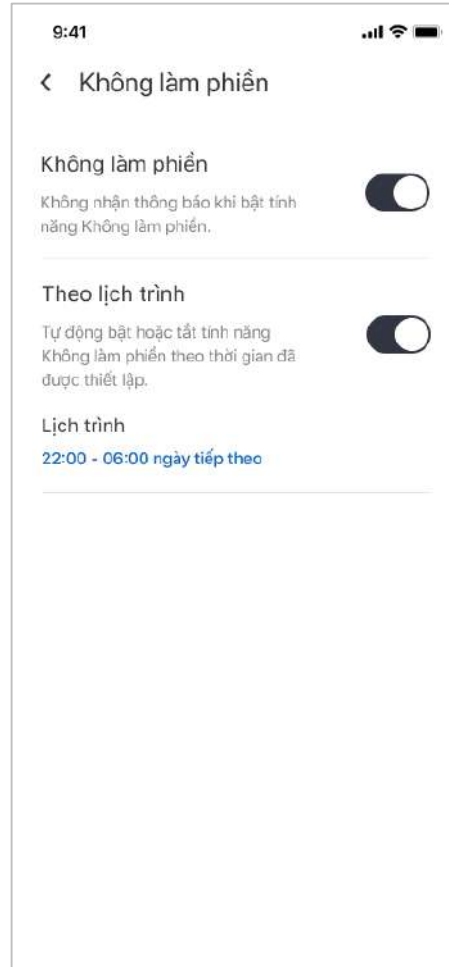
### 21. Tính năng Không làm phiền (Do not disturb)

#### 21.2 Bật/ tắt tính năng Không làm phiền theo lịch trình



**3.2**  
Nhấn để  
bật/tắt tính  
năng theo  
lịch trình đã  
đặt trước

*Trường hợp bật tính năng theo lịch trình có dữ liệu được thiết lập trước.*



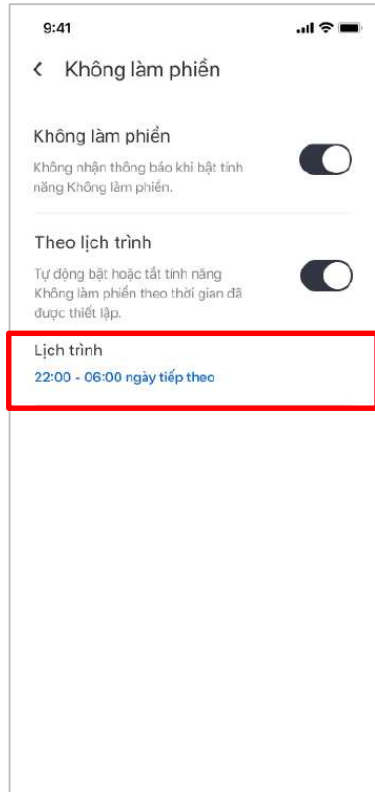
*Trường hợp bật tính năng theo lịch trình không có dữ liệu được thiết lập trước.*



**21. Tính năng Không làm phiền (Do not disturb)**

**21.2 Bật/ tắt tính năng Không làm phiền theo lịch trình**

**22.2.1 Trường hợp có dữ liệu thiết lập trước.**



1

Nhấn để điều chỉnh lịch trình |



2.1

Nhấn để chọn thời gian bắt đầu

2.2

Nhấn để chọn thời gian kết thúc

2.3

Nhấn để chọn ngày lặp lại



### 21. Tính năng Không làm phiền (Do not disturb)

#### 21.2 Bật/ tắt tính năng Không làm phiền theo lịch trình

##### 21.2.1 Trường hợp có dữ liệu thiết lập trước.

Màn hình chọn thời gian bắt đầu

**2.1.1** Cuộn lên/xuống để chọn giá trị giờ

**2.1.2** Cuộn lên/xuống để chọn giá trị phút

**2.1.3** Nhấn **Chọn** để xác nhận thời gian đã chọn

Màn hình chọn thời gian kết thúc

**2.2.1** Cuộn lên/xuống để chọn giá trị giờ

**2.2.2** Cuộn lên/xuống để chọn giá trị phút

**2.2.3** Nhấn **Chọn** để xác nhận thời gian đã chọn

Màn hình hiển thị các thông tin về lịch trình đã thiết lập

**3** Nhấn **Lưu** để lưu thiết lập

## 21. Tính năng Không làm phiền (Do not disturb)

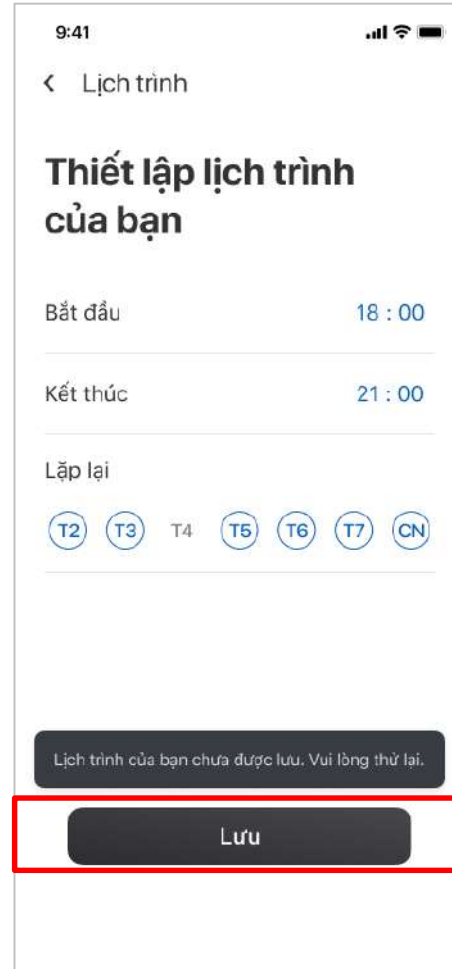
### 21.2 Bật/ tắt tính năng Không làm phiền theo lịch trình

#### 21.2.1 Trường hợp có dữ liệu thiết lập trước.

Trường hợp lưu lịch trình thành công



Trường hợp lưu lịch trình thất bại

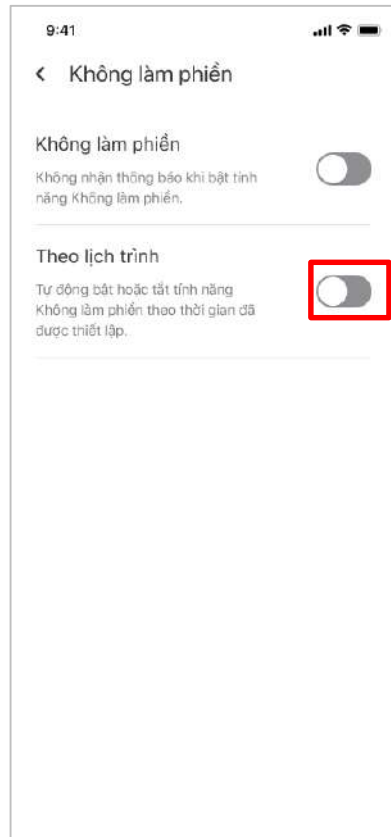


Nhấn **Lưu** để thử lại

**21. Tính năng Không làm phiền (Do not disturb)**

**21.2 Bật/ tắt tính năng Không làm phiền theo lịch trình**

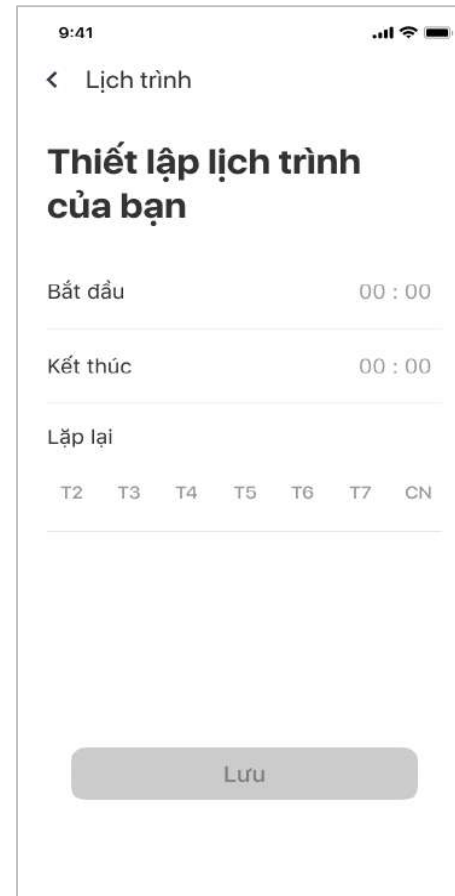
**21.2.2 Trường hợp chưa có dữ liệu thiết lập trước.**



1

Nhấn để điều chỉnh **lịch trình**

Để thiết lập lịch trình bật/ tắt **Không làm phiền** tiếp tục từ **bước 2.1, 2.2 hoặc 2.3 mục 22.2.1**



### 21. Tính năng Không làm phiền (Do not disturb)

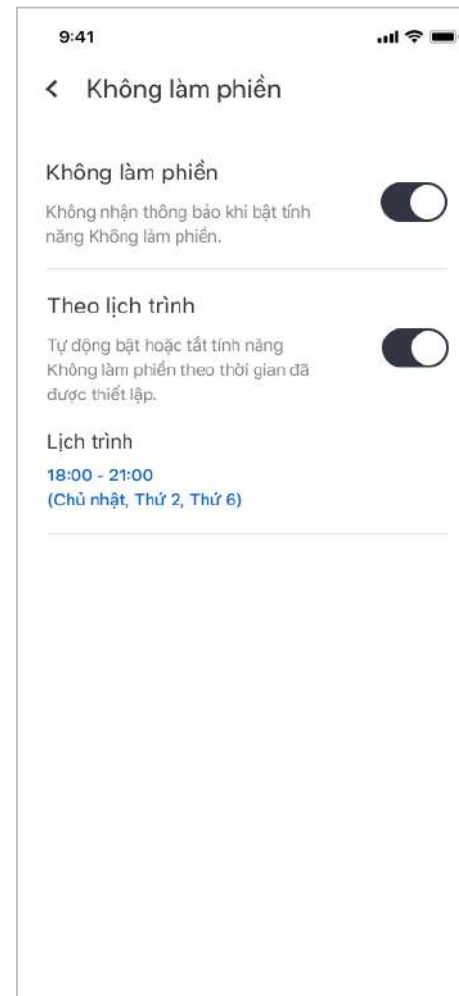
#### 21.2 Bật/ tắt tính năng Không làm phiền theo lịch trình

##### 21.2.2 Trường hợp chưa có dữ liệu thiết lập trước.

*Trường hợp tự động bật tắt theo lịch trình (Lặp lại hằng ngày)*



*Trường hợp tự động bật tắt theo lịch trình (Lặp lại theo ngày cụ thể)*



*Trường hợp tự động bật tắt theo lịch trình (1 lần và không lặp lại)*

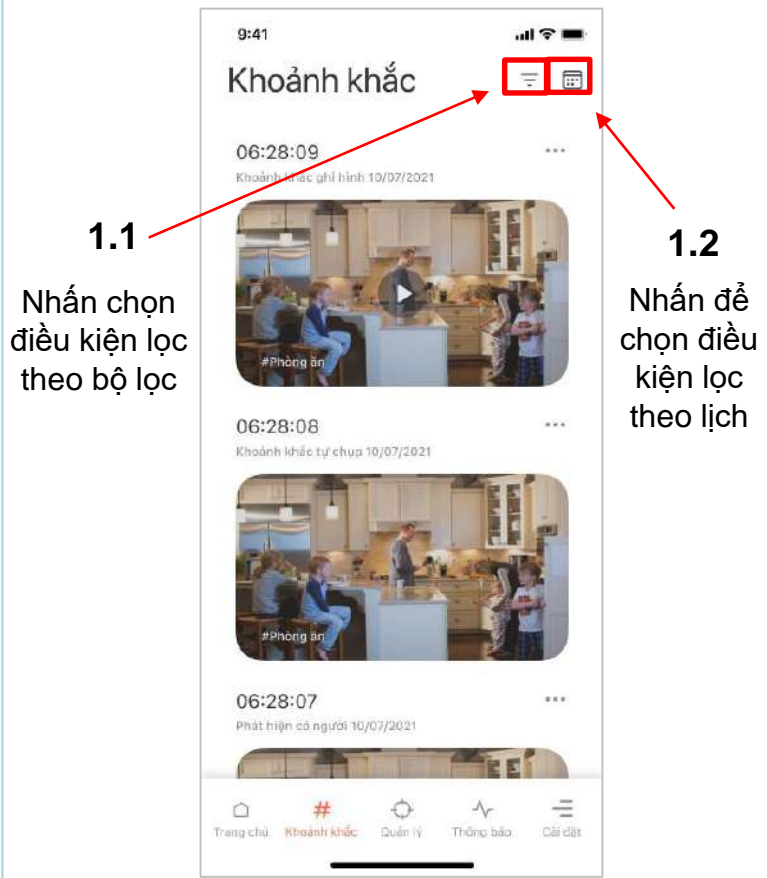


*Tự động bật/tắt toggle ở mục **Không làm phiền** theo lịch trình đã được thiết lập, khi toggle ở mục **Theo lịch trình** đang được bật*

## 22. Khoảnh khắc

### 22.1. Tại trang khoảnh khắc

#### 22.1.1. Lọc dữ liệu



Dữ liệu trang Khoảnh khắc bao gồm các loại dữ liệu được ghi tự động và thủ công của các camera trong địa điểm đang thao tác

## 22. Khoản khắc

### 22.1. Tại trang khoản khắc

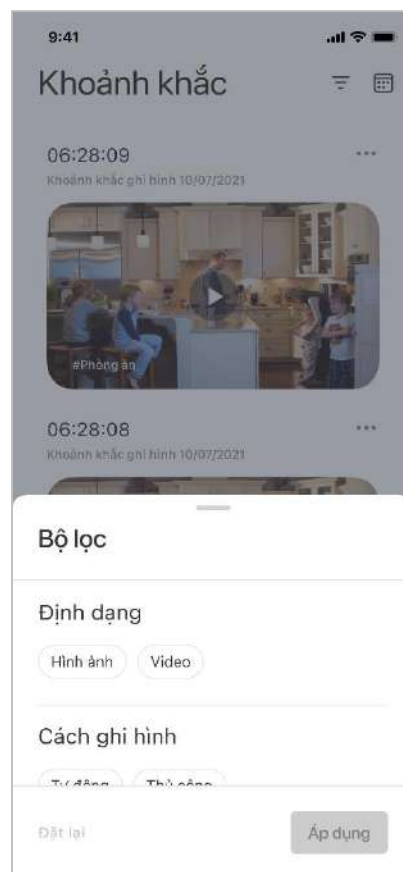
#### 22.1.1. Lọc dữ liệu

##### a. Lọc theo bộ lọc

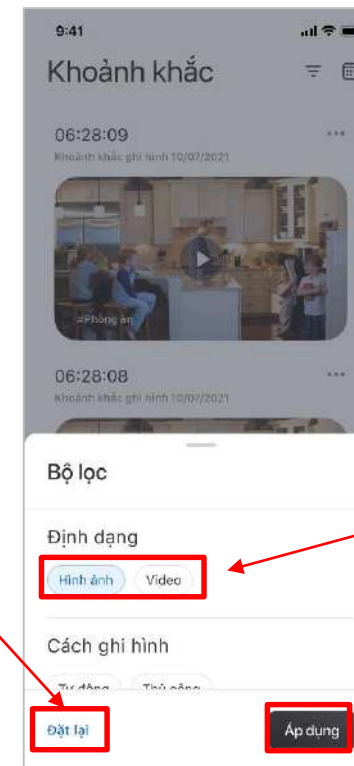


**1.1**  
Nhấn để mở bộ lọc

Màn hình bộ lọc ở trạng thái mặc định khi mở bộ lọc



**3.2.2**  
Chọn **Đặt lại** để xóa điều kiện đã chọn



**2.2**  
Chọn/bỏ chọn điều kiện lọc dữ liệu

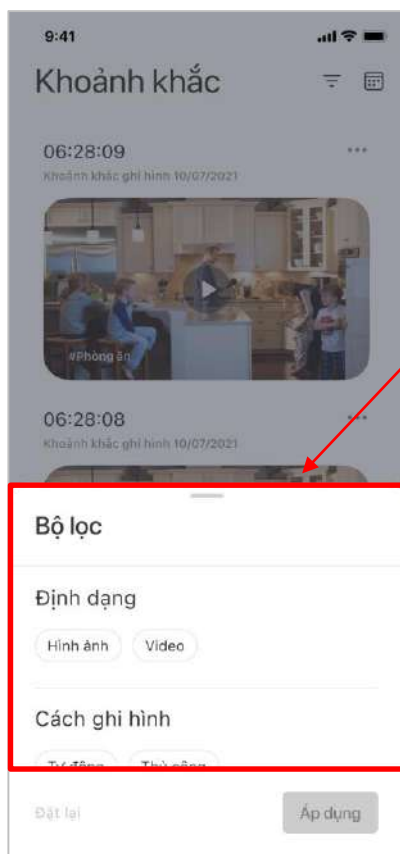
**3.2.1**  
Chọn **Áp dụng** để lọc dữ liệu

## 22. Khoản khắc

### 22.1. Tại trang khoản khắc

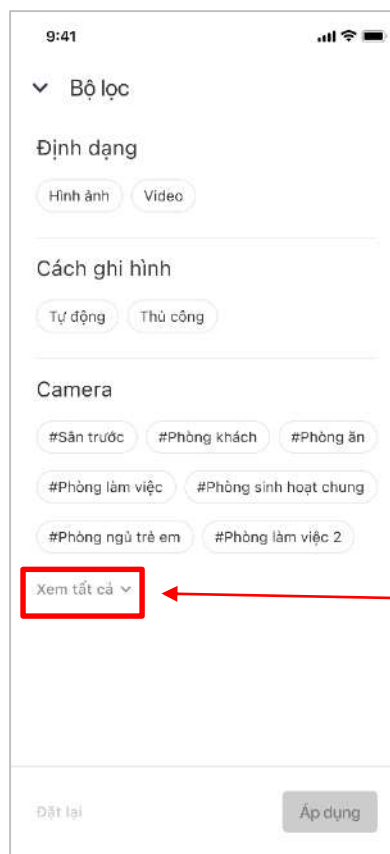
#### 22.1.1. Lọc dữ liệu

##### a. Lọc theo bộ lọc



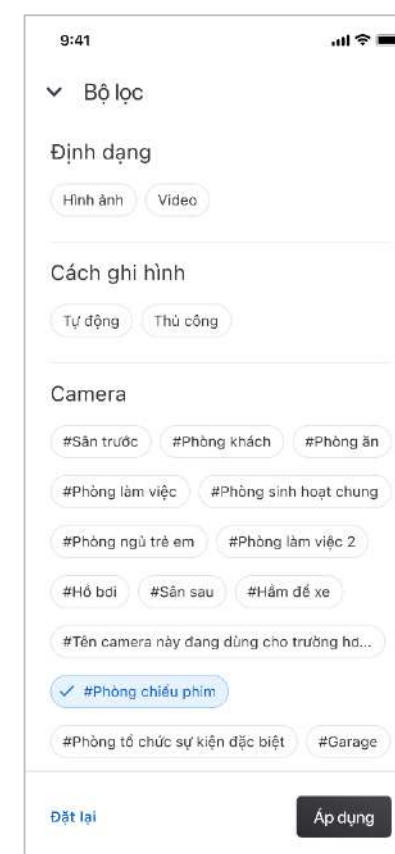
Vuốt lên để mở rộng bộ lọc

Màn hình hiển thị bộ lọc được mở rộng chưa có giá trị lọc được chọn



Nhấn **Xem tất cả** để hiển thị tất cả camera có thể chọn lọc

Màn hình hiển thị bộ lọc được mở rộng có giá trị lọc được chọn

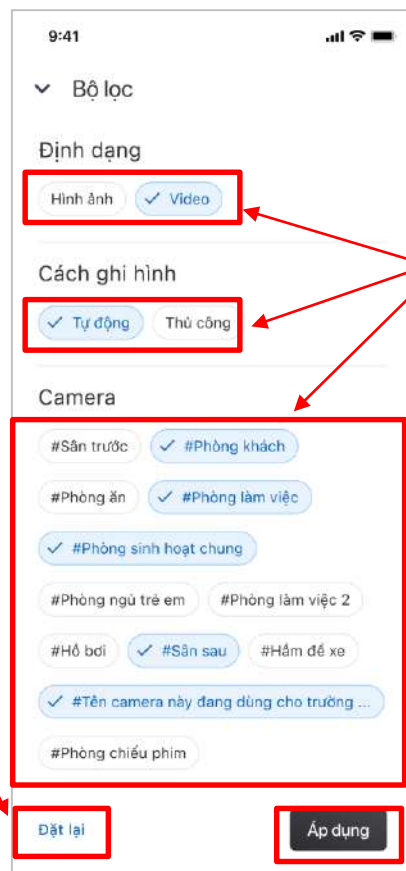


## 22. Khoản khắc

### 22.1. Tại trang khoản khắc

#### 22.1.1. Lọc dữ liệu

##### a. Lọc theo bộ lọc



3.1

Chọn/ bỏ chọn điều kiện lọc

4.1.2  
Chọn  
Đặt lại  
để xóa  
điều kiện  
đã chọn

4.1.1  
Chọn Áp dụng để lọc dữ liệu

Màn hình hiển thị có dữ liệu lọc theo điều kiện



Màn hình hiển thị không có dữ liệu lọc theo điều kiện





## 22. Khoản khắc

### 22.1. Tại trang khoản khắc

#### 22.1.1. Lọc dữ liệu

#### b. Lọc theo ngày



**1.2**  
Nhấn để mở bộ lọc theo lịch

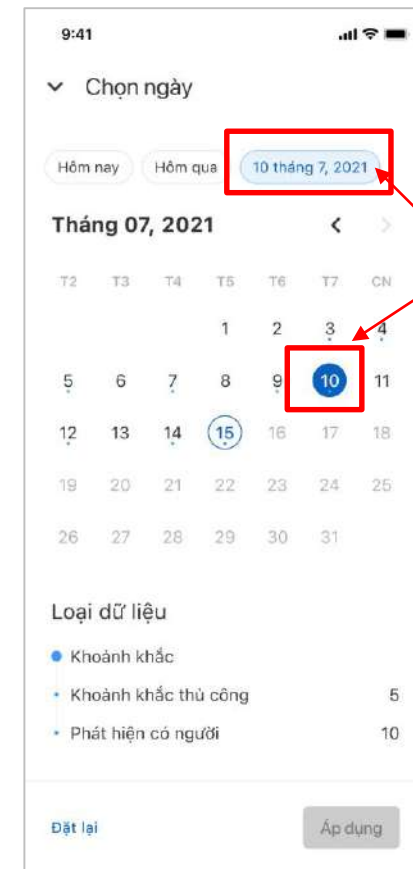


**2.2**  
Chọn vào ngày cần lọc dữ liệu

Thông tin các dữ liệu có trong ngày được chọn

**3.2.2**  
Chọn Đặt lại để xóa ngày đã chọn

**3.2.1**  
Chọn Áp dụng để lọc dữ liệu



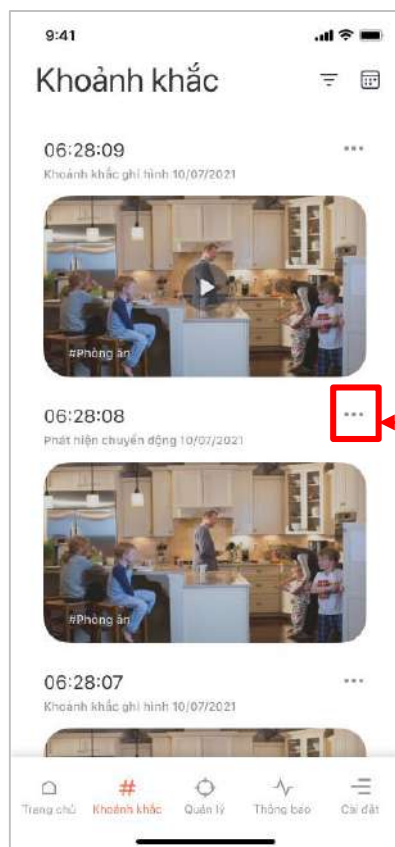
Ngày được chọn

## 22. Khoản khắc

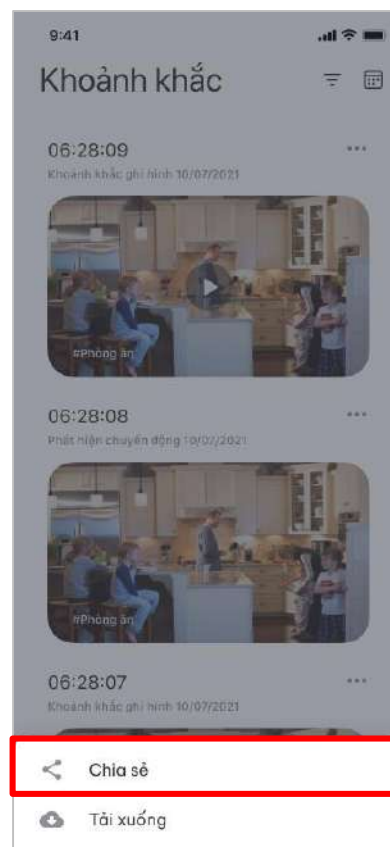
### 22.1. Tại trang khoản khắc

#### 22.1.2. Chia sẻ dữ liệu khoản khắc

##### a. Đi từ trang Khoản khắc



**1** Nhấn để hiển thị thêm tác vụ của file muốn chia sẻ



**2** Nhấn **Chia sẻ** để chia sẻ dữ liệu

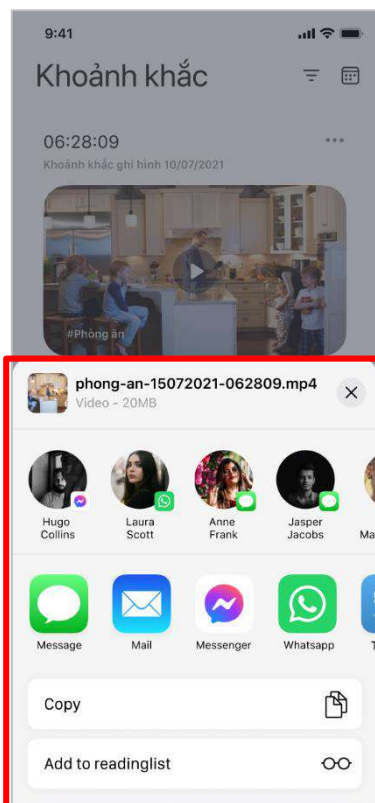
Người dùng là Owner hoặc Admin có quyền chia sẻ các loại dữ liệu được ghi tự động và thủ công.  
Người dùng không phải Owner/Admin chỉ có thể chia sẻ dữ liệu được ghi thủ công.

## 22. Khoản khắc

### 22.1. Tại trang khoản khắc

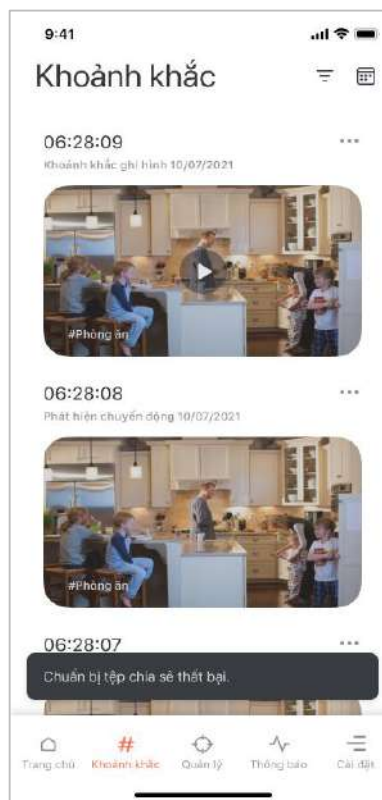
#### 22.1.2. Chia sẻ dữ liệu khoản khắc

##### a. Trang Khoản khắc



**3**  
 Chọn vào app  
 muốn chia sẻ  
 để kết thúc  
 quá trình

*Quá trình chia sẻ thất bại*



Người dùng là Owner hoặc Admin có quyền chia sẻ các loại dữ liệu được ghi tự động và thủ công.  
 Người dùng không phải Owner/Admin chỉ có thể chia sẻ dữ liệu được ghi thủ công.

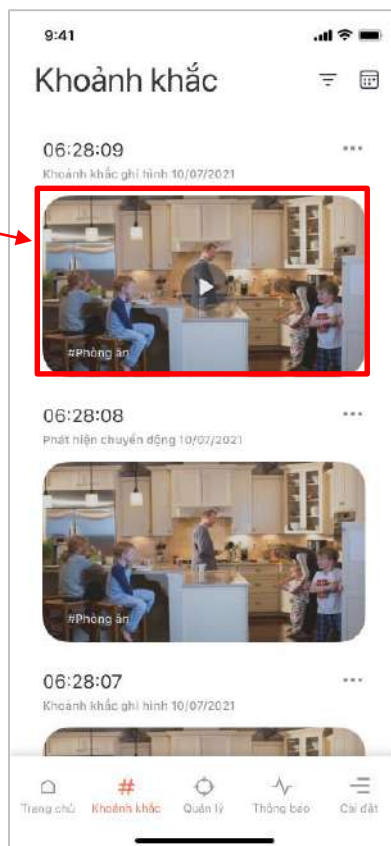
## 22. Khoản khắc

### 22.1. Tại trang khoản khắc

#### 22.1.2. Chia sẻ dữ liệu khoản khắc

##### b. Đi từ xem chi tiết dữ liệu

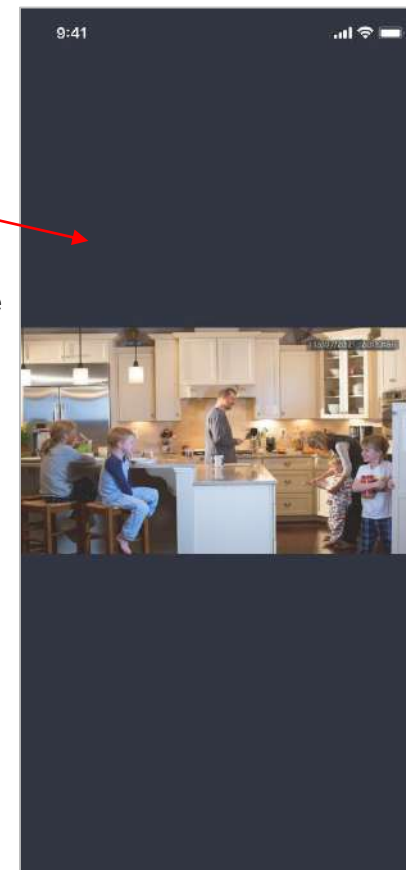
**1**  
Nhấn vào file muốn chia sẻ



**2.1**  
Nhấn vào vị trí bất kì trên màn hình để hiển thị thêm các tác vụ



**2.2**  
Vuốt lên ở vị trí bất kì trên màn hình để xem thông tin ảnh/video



## 22. Khoản khắc

### 22.1. Tại trang khoản khắc

#### 22.1.2. Chia sẻ dữ liệu khoản khắc

##### b. Đi từ xem chi tiết dữ liệu

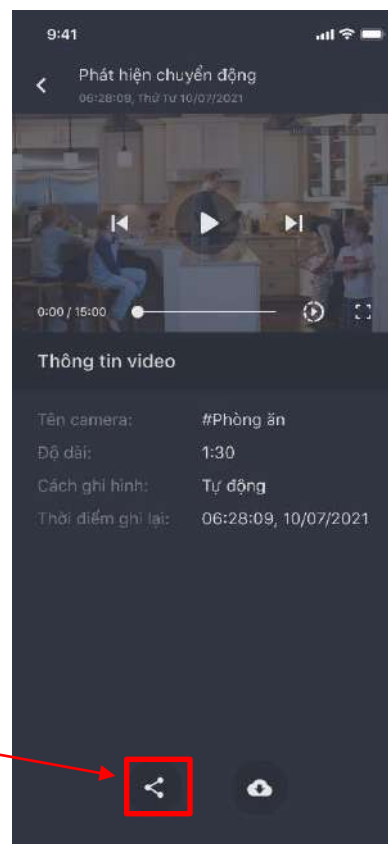
Màn hình hiển thị tác vụ của dữ liệu



**3.1**

Nhấn **Chia sẻ** để chia sẻ dữ liệu

Màn hình hiển thị các thông tin chi tiết của dữ liệu



**3.2**

Nhấn **Chia sẻ** để chia sẻ dữ liệu

*Quá trình chia sẻ dữ liệu  
Áp dụng tiếp tục từ bước 3 mục 22.1.2.a*

## 22. Khoản khắc

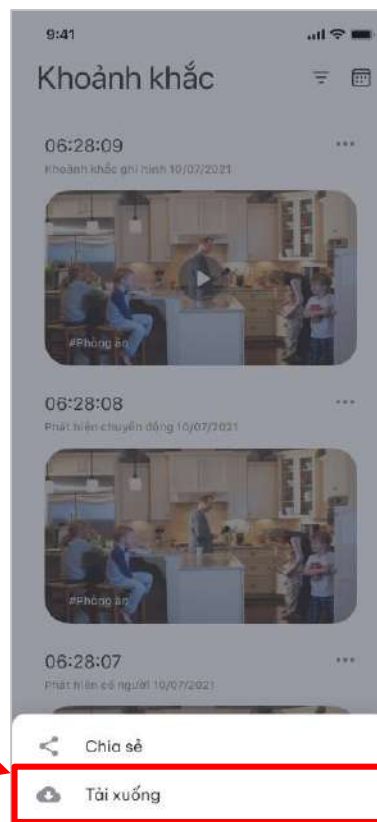
### 22.1. Tại trang khoản khắc

#### 22.1.3. Tải dữ liệu khoản khắc

##### a. Đi từ trang khoản khắc



**1**  
 Nhấn để hiển thị  
 thêm tác vụ của  
 file muốn tải



**2**  
 Nhấn **Tải xuống**  
 để tải dữ liệu

*Chỉ cho phép tải dữ liệu tự động nhận diện  
 Ứng dụng cho người dùng có quyền Owner, Admin.*

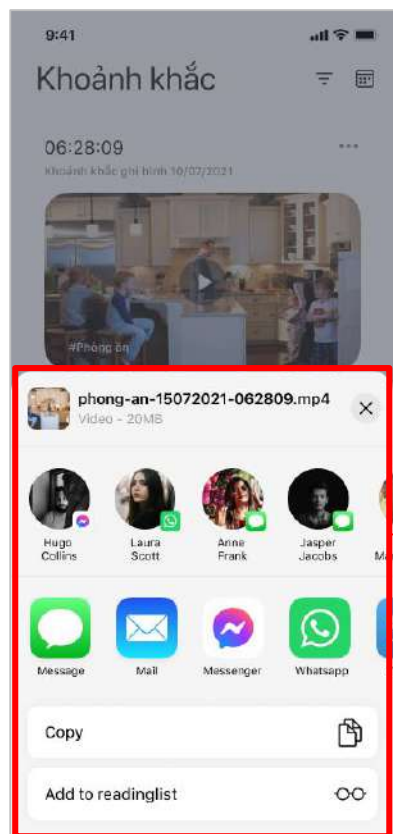
## 22. Khoản khắc

### 22.1. Tại trang khoản khắc

#### 22.1.3. Tải dữ liệu khoản khắc

##### a. Đi từ trang khoản khắc

Trên hệ điều hành IOS



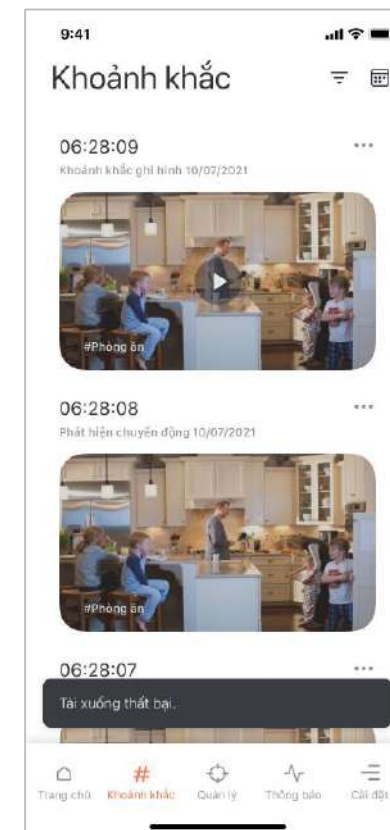
Chọn mục muốn lưu để kết thúc quá trình

Tải dữ liệu thành công trên hệ điều hành Android



Nhấn để xem ảnh tải xuống

Quá trình tải dữ liệu thất bại



## 22. Khoảnh khắc

### 22.1. Tại trang khoảnh khắc

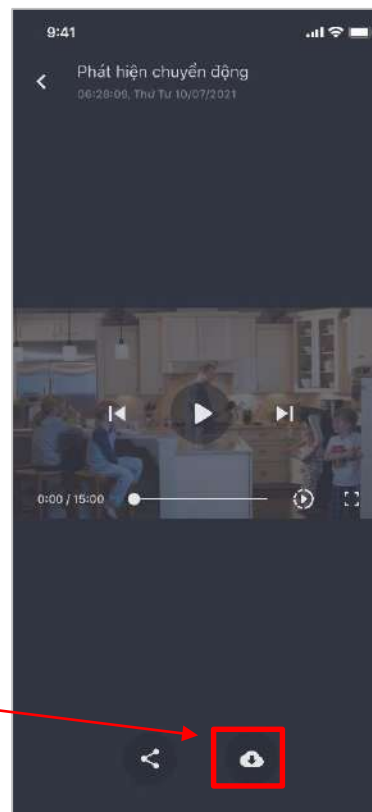
#### 22.1.3. Tải dữ liệu khoảnh khắc

##### b. Đi từ xem chi tiết dữ liệu

Quá trình xem chi tiết dữ liệu

*Xem từ bước 1 đến bước 2 của mục 22.1.2.b*

Màn hình hiển thị tác vụ của dữ liệu



**3.1**  
Nhấn **Tải xuống**  
để tải dữ liệu

Màn hình hiển thị các thông tin chi tiết của dữ liệu



**3.2**  
Nhấn **Tải xuống**  
để tải dữ liệu



### 22. Khoản khắc

#### 22.1. Tại trang khoản khắc

#### 22.1.3. Tải dữ liệu khoản khắc

#### b. Đi từ xem chi tiết dữ liệu

Quá trình xem chi tiết dữ liệu

*Xem tiếp tục quá trình tải dữ liệu của mục 22.1.3.a*

Quá trình tải dữ liệu thất bại



## 22. Khoảnh khắc

### 22.1. Tại trang khoảnh khắc

#### 22.1.4. Xóa dữ liệu khoảnh khắc

##### a. Đi từ trang khoảnh khắc



1

Nhấn để hiển thị thêm tác vụ của file muốn xóa



2

Nhấn **Xóa** để xóa dữ liệu

## 22. Khoảnh khắc

### 22.1. Tại trang khoảnh khắc

#### 22.1.4. Xóa dữ liệu khoảnh khắc

##### a. Đi từ trang khoảnh khắc

*Trường hợp xóa dữ liệu thành công*



← Nhấn để khôi phục dữ liệu đã xóa

*Trường hợp xóa dữ liệu thất bại*



## 22. Khoảnh khắc

### 22.1. Tại trang khoảnh khắc

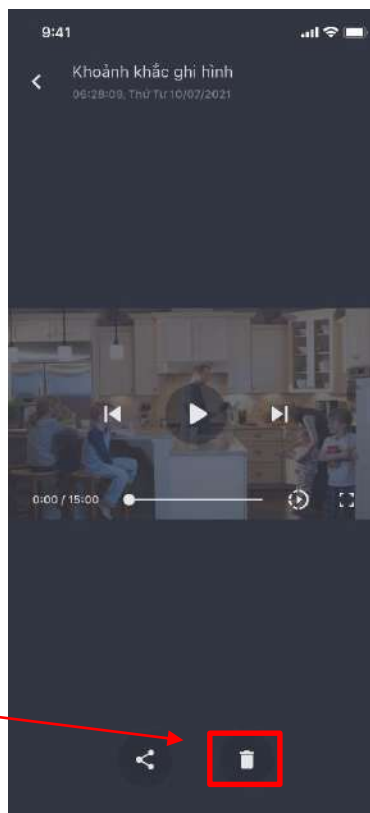
#### 22.1.4. Xóa dữ liệu khoảnh khắc

##### b. Đi từ xem chi tiết

Quá trình xem chi tiết dữ liệu

*Xem từ bước 1 đến 2 của mục 22.1.2.b*

Màn hình hiển thị tác vụ của dữ liệu



**3.1**  
Nhấn **Xóa** để  
xóa dữ liệu

Màn hình hiển thị các thông tin chi tiết của dữ liệu



**3.2**  
Nhấn **Xóa** để  
xóa dữ liệu

### 22. Khoản khắc

#### 22.1. Tại trang khoản khắc

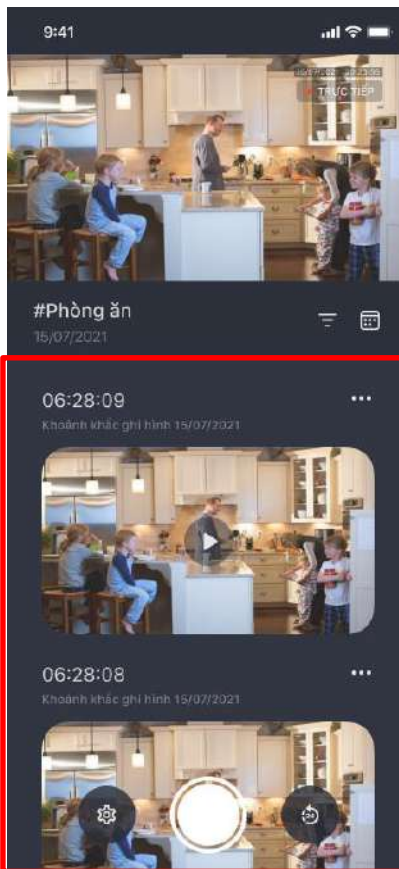
#### 22.1.4. Xóa dữ liệu khoản khắc

##### b. Đi từ xem chi tiết

*Tiếp tục quá trình xóa dữ liệu*

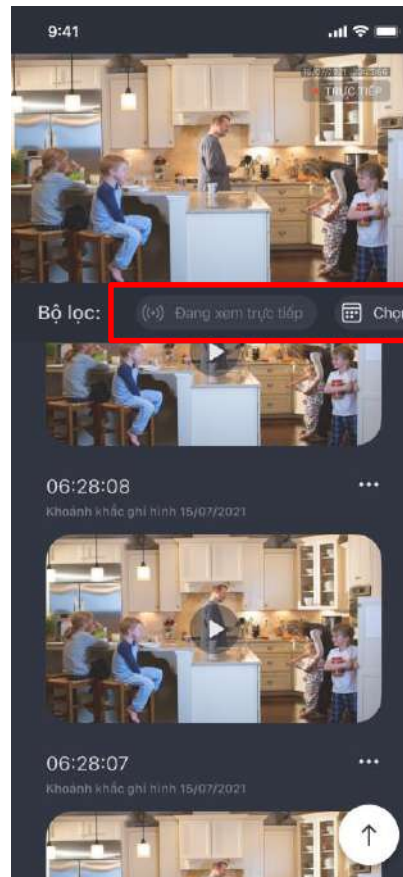
*Xem trường hợp thành công/thất bại ở mục 22.1.4.a*

**22. Khoản khắc**  
**22.2. Tại trang Livestream**  
**22.2.1 Lọc dữ liệu**  
**a. Lọc khi cuộn xem dữ liệu**



**1**  
 Vuốt lên để xem thêm dữ liệu khoảnh khắc

Màn hình hiển thị bộ lọc dưới dạng Chips



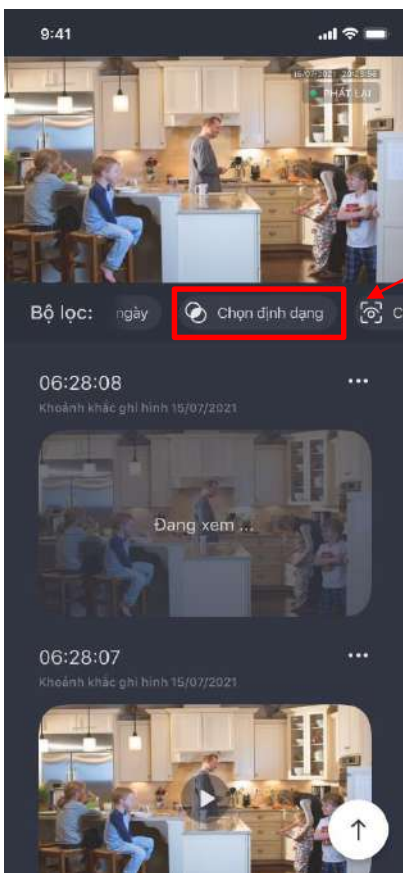
**2**  
 Vuốt qua trái/phải để xem thêm bộ lọc khác

## 22. Khoản khắc

### 22.2. Tại trang Livestream

#### 22.2.1 Lọc dữ liệu

##### a. Lọc khi cuộn xem dữ liệu



3.1

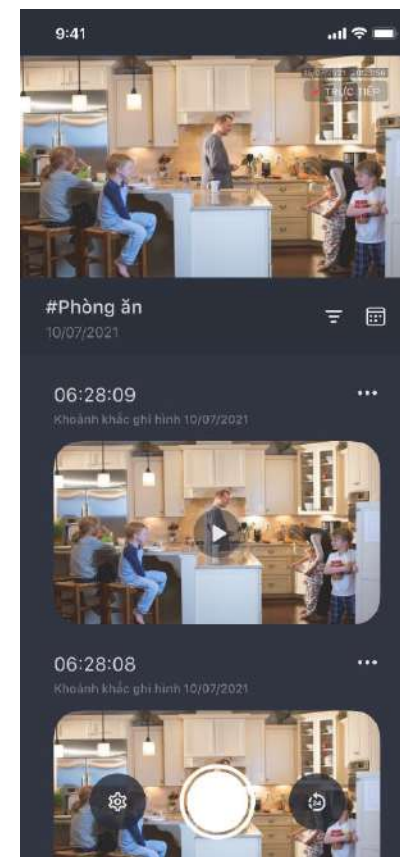
Nhấn **Chọn định dạng** để xem thêm các giá trị lọc (hình ảnh, video)



4.1

Nhấn để chọn điều kiện lọc dữ liệu

Dữ liệu khoản khắc được tải lại theo bộ lọc đã áp dụng

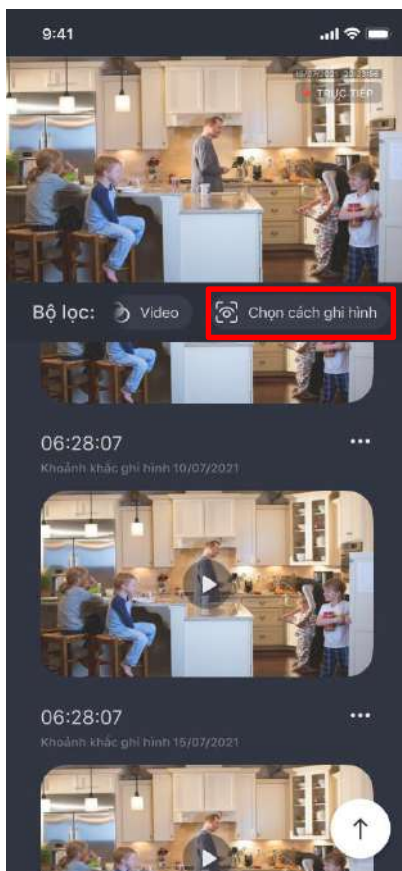


## 22. Khoản khắc

### 22.2. Tại trang Livestream

#### 22.2.1 Lọc dữ liệu

##### a. Lọc khi cuộn xem dữ liệu



3.2

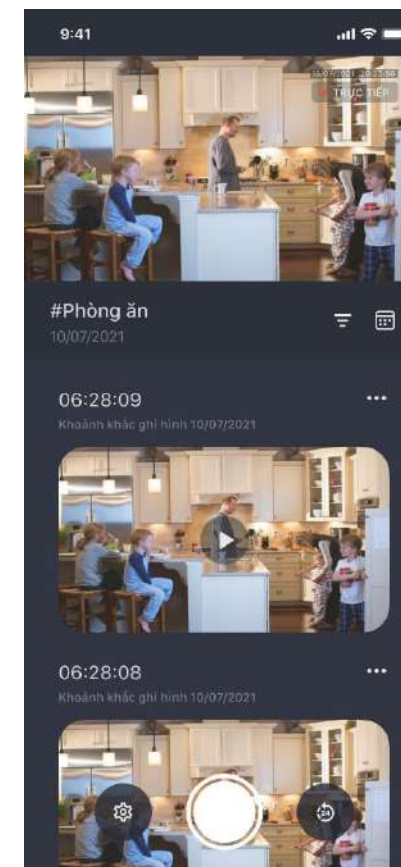
Nhấn **Chọn cách ghi hình** hiển thị các loại ghi hình



4.2

Nhấn để chọn điều kiện lọc dữ liệu

Dữ liệu khoản khắc được tải lại theo bộ lọc đã áp dụng



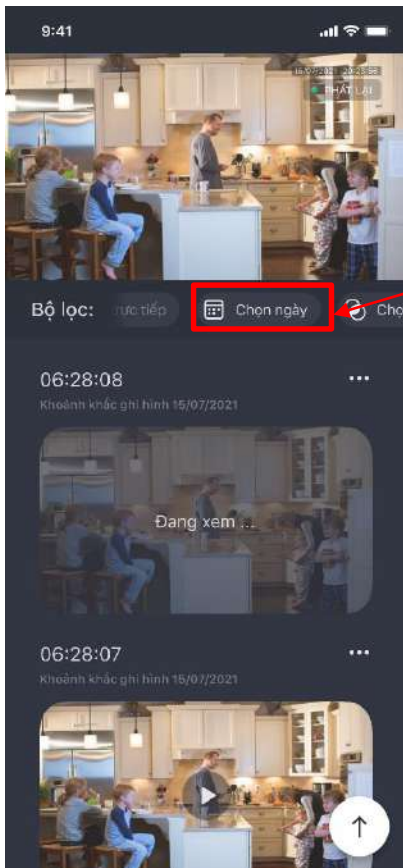


## 22. Khoản khác

### 22.2. Tại trang Livestream

#### 22.2.1 Lọc dữ liệu

##### a. Lọc khi cuộn xem dữ liệu



**3.3**

Nhấn để mở bộ lọc theo lịch

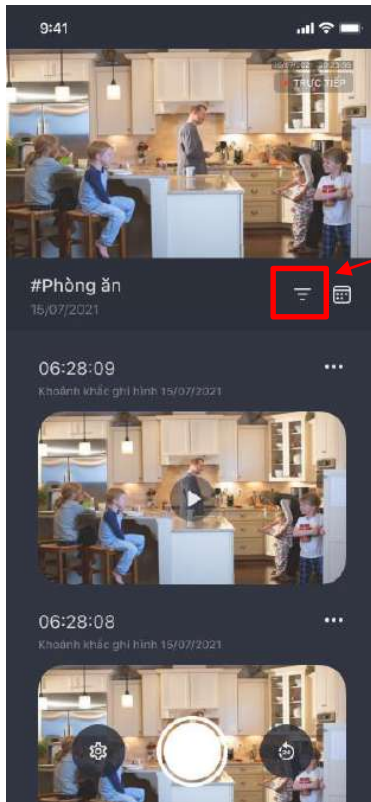
*Các bước lọc dữ liệu theo Lịch  
Xem từ bước 3.1 ở mục 22.1.1.b*

## 22. Khoản khắc

### 22.2. Tại trang Livestream

#### 22.2.1 Lọc dữ liệu

##### b. Lọc khi chưa cuộn xem dữ liệu



1

Nhấn chọn điều kiện lọc theo bộ lọc

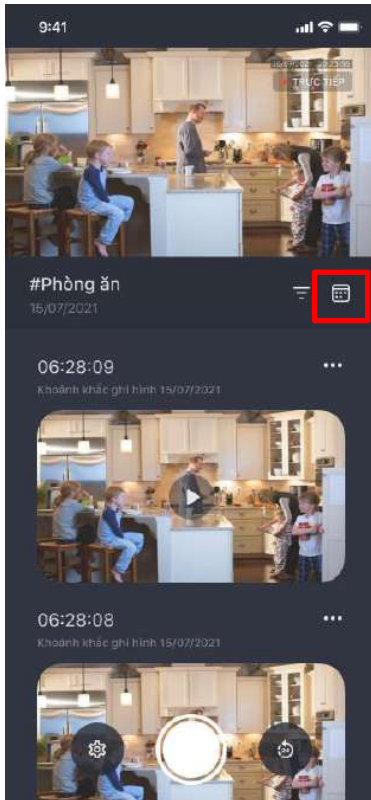
Thực hiện các bước tiếp theo của quá trình lọc dữ liệu theo bộ lọc  
*Xem từ bước 2 ở mục 22.1.1.a*

## 22. Khoản khắc

### 22.2. Tại trang Livestream

#### 22.2.1 Lọc dữ liệu

##### b. Lọc khi chưa cuộn xem dữ liệu



1

Nhấn để chọn điều kiện lọc theo lịch

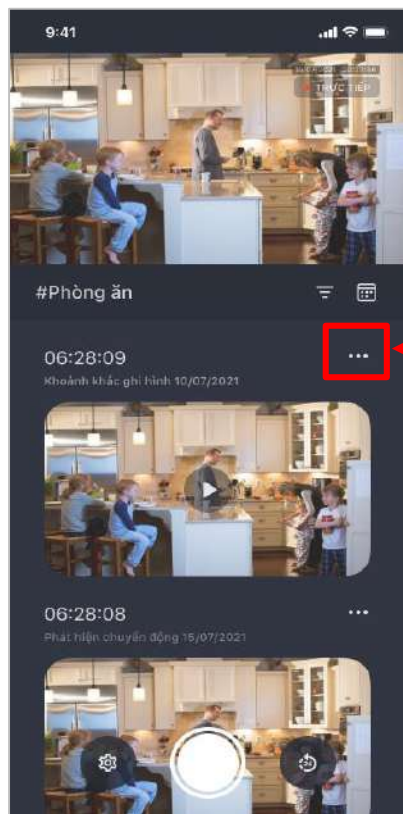
Thực hiện các bước tiếp theo của quá trình lọc dữ liệu theo Lịch  
*Xem từ bước 2.2 ở mục 22.1.1.b*

## 22. Khoảnh khắc

### 22.2. Tại trang Livestream

#### 22.2.2. Chia sẻ dữ liệu

##### a. Đi từ trang xem Livestream



**1** Nhấn để hiển thị thêm tác vụ của file muốn chia sẻ

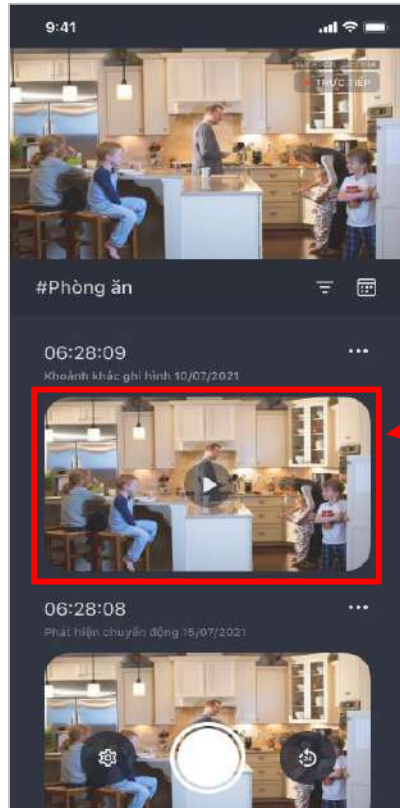
Thực hiện các bước tiếp theo của chia sẻ dữ liệu  
*Xem từ bước 2 của mục 22.1.2.a*

## 22. Khoảnh khắc

### 22.2. Tại trang Livestream

#### 22.2.2. Chia sẻ dữ liệu

##### b. Đi từ xem chi tiết dữ liệu



1

Nhấn vào file  
muốn chia sẻ

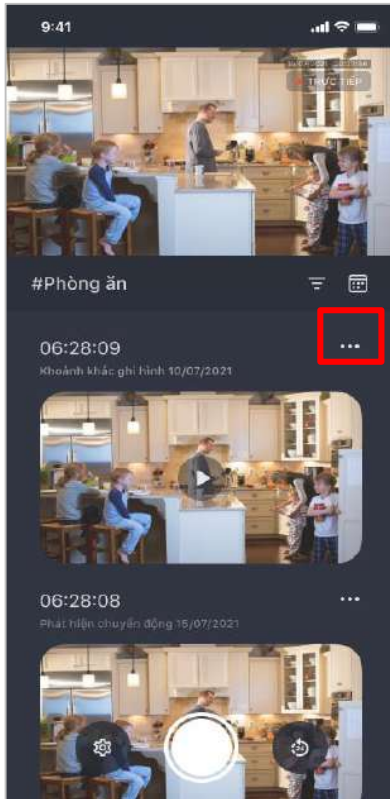
Thực hiện các bước tiếp theo chia sẻ dữ liệu  
*Xem tiếp tục từ bước 2 của mục 22.1.2.b*

## 22. Khoảnh khắc

### 22.2. Tại trang Livestream

#### 22.2.3. Tải dữ liệu khoảnh khắc

##### a. Đi từ trang xem Livestream



1

Nhấn để hiển thị  
thêm tác vụ của  
file muốn tải

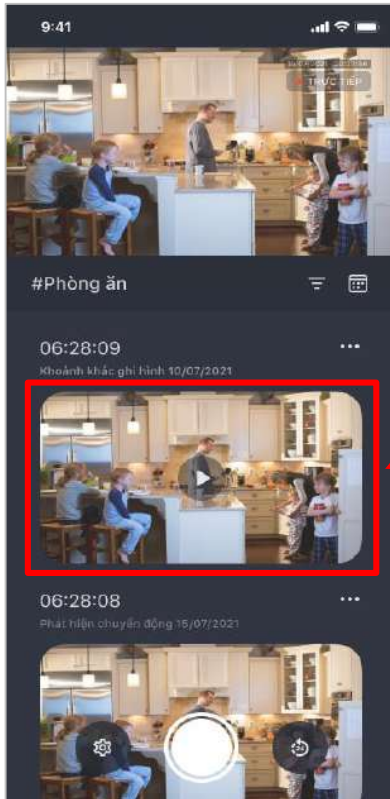
Thực hiện các bước tiếp theo của tải dữ liệu  
*Xem từ bước 2 của mục 22.1.3.a*

## 22. Khoản khắc

### 22.2. Tại trang Livestream

#### 22.2.3. Tải dữ liệu khoản khắc

##### b. Đi từ xem chi tiết dữ liệu



1

Nhấn vào file  
muốn tải xuống

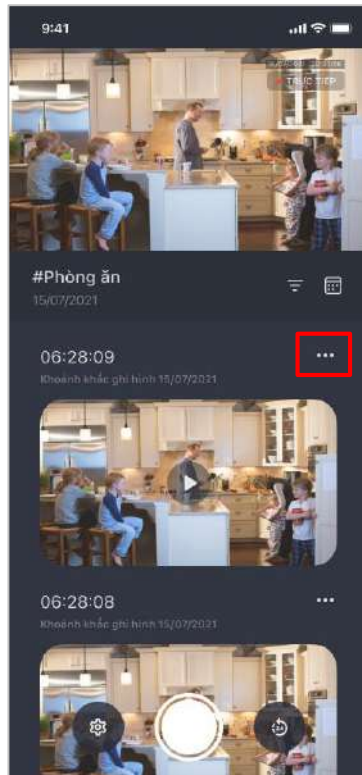
Thực hiện các bước tiếp theo của tải dữ liệu  
*Xem từ bước 2 của mục 22.1.3.b*

## 22. Khoảnh khắc

### 22.2. Tại trang Livestream

#### 22.2.4. Xóa dữ liệu khoảnh khắc

##### a. Đi từ trang Livestream



1. Nhấn để hiển thị thêm tác vụ của file muốn xóa

Thực hiện các bước tiếp theo của xóa dữ liệu  
*Xem tiếp tục từ 2 của mục 22.1.4.a*

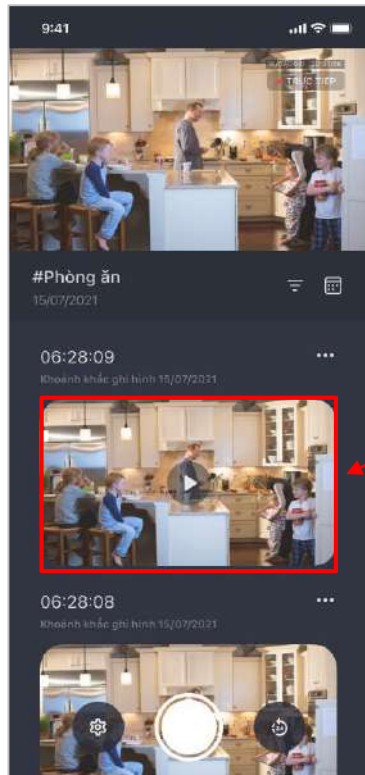


## 22. Khoảnh khắc

### 22.2. Tại trang Livestream

#### 22.2.4. Xóa dữ liệu khoảnh khắc

##### b. Đi từ xem chi tiết dữ liệu



**1**  
Nhấn vào file  
muốn xóa

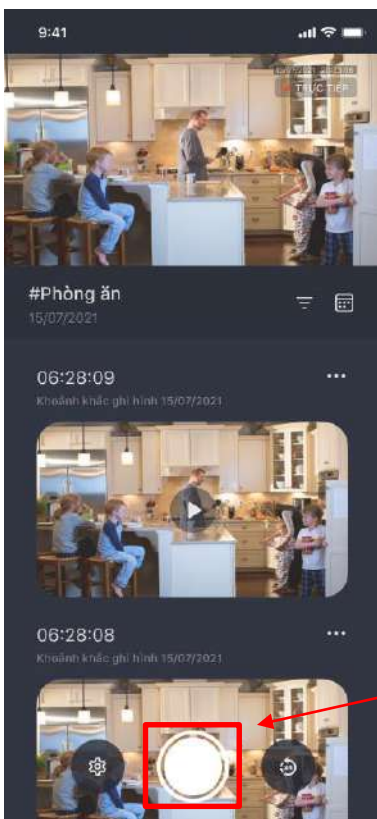
Thực hiện các bước tiếp theo của xóa dữ liệu  
*Xem tiếp tục từ 2 của mục 22.1.4.b*

## 22. Khoản khắc

### 22.2 Tại trang Livestream

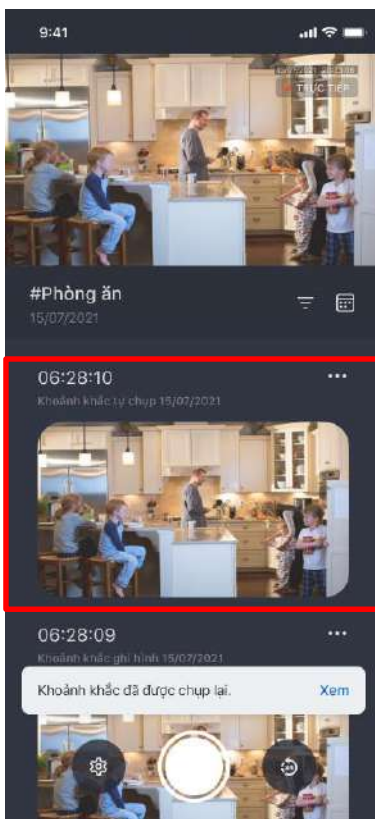
#### 22.2.5. Chụp ảnh và ghi hình của dữ liệu trên trang Livestream

##### a. Chụp ảnh



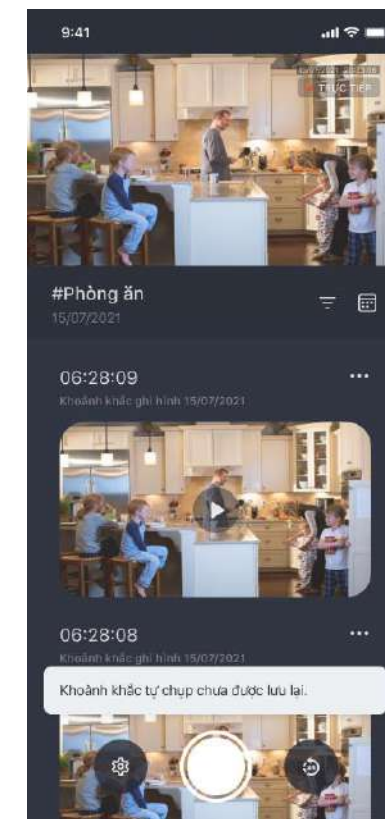
1  
Nhấn vào để chụp ảnh

Màn hình chụp ảnh thành công



Hình ảnh vừa chụp được nằm ở đầu danh sách .

Màn hình chụp ảnh thất bại

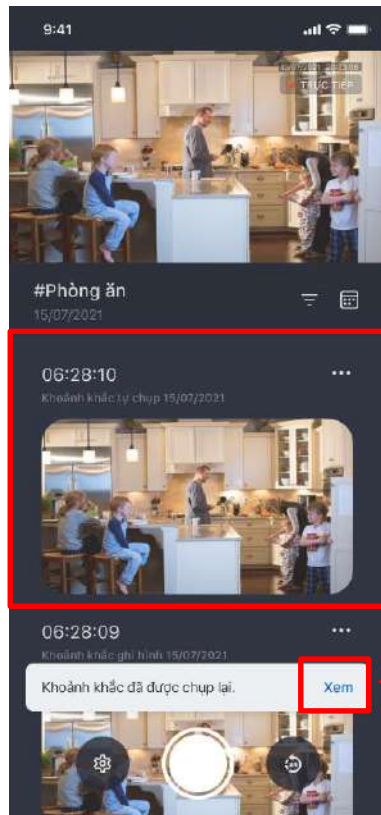


## 22. Khoảnh khắc

### 22.2 Tại trang Livestream

#### 22.2.5. Chụp ảnh và ghi hình của dữ liệu trên trang Livestream

##### a. Chụp ảnh



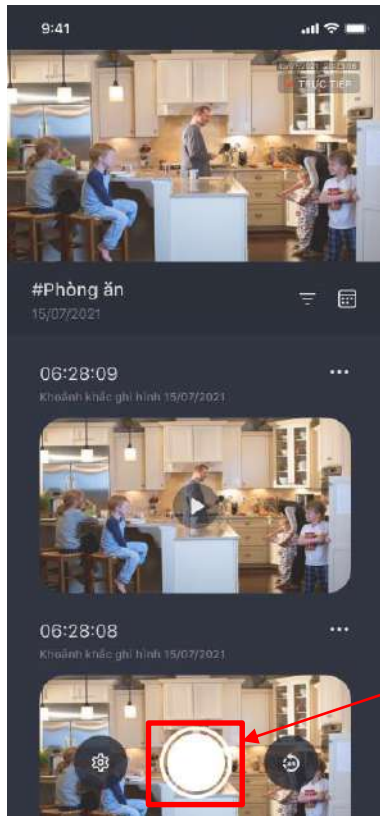
**2**  
Nhấn vào để xem chi tiết ảnh

## 22. Khoản khắc

### 22.2 Tại trang Livestream

#### 22.2.5. Chụp ảnh và ghi hình của dữ liệu trên trang Livestream

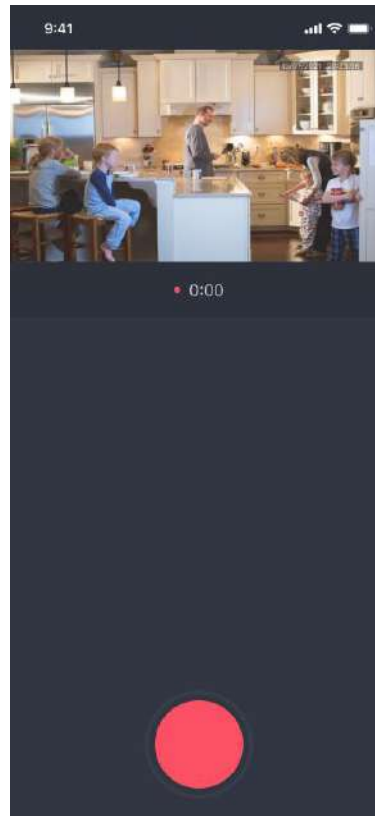
##### b. Ghi hình



1

Nhấn giữ để ghi hình

Màn hình hiển thị trạng thái đang quay video



Thả tay ra hoặc nhấn giữ đến 1p30s sẽ tự động kết thúc ghi hình

Màn hình hiển thị ghi hình thất bại



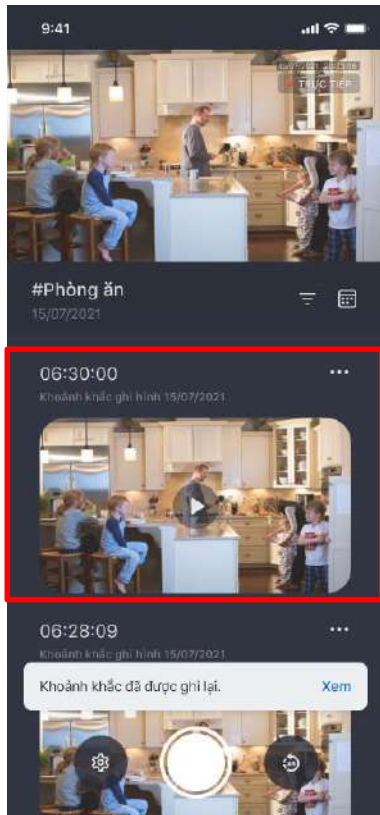
## 22. Khoản khắc

### 22.2 Tại trang Livestream

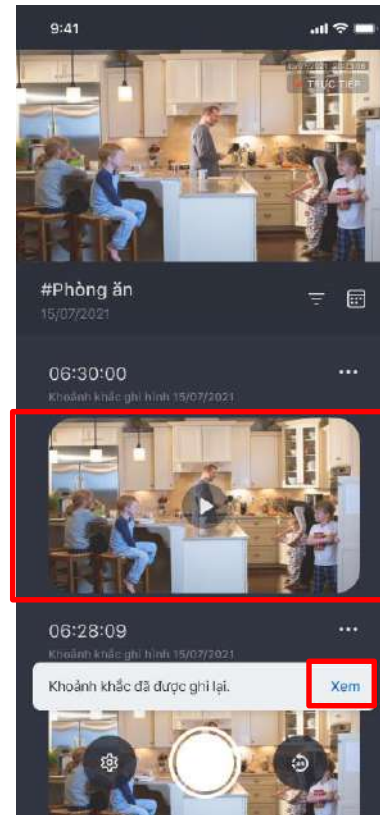
#### 22.2.5. Chụp ảnh và ghi hình của dữ liệu trên trang Livestream

##### b. Ghi hình

Màn hình hiển thị ghi hình thành công

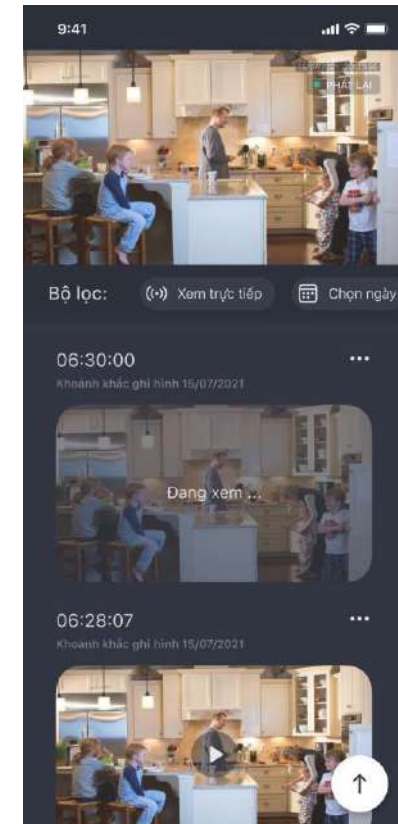


Video vừa ghi được hiển thị ở đầu danh sách



2  
Nhấn vào để xem video

Màn hình hiển thị đang phát video được chọn

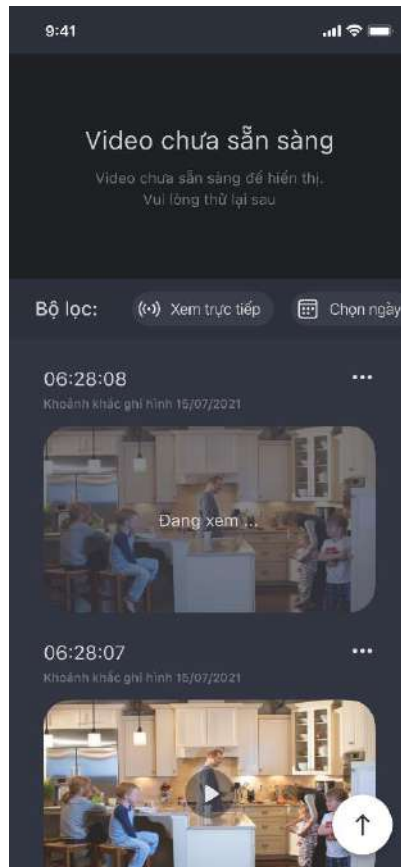


## 22. Khoản khắc

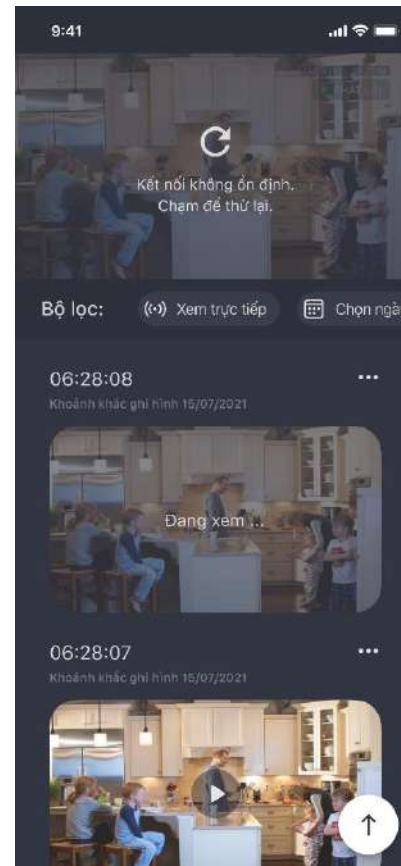
### 22.2 Tại trang Livestream

#### 22.2.6. Trường hợp không phát được video

Trường hợp (1): video chưa được tạo trên hệ thống  
(với video được lưu trên cloud)



Trường hợp (2): kết nối không ổn định

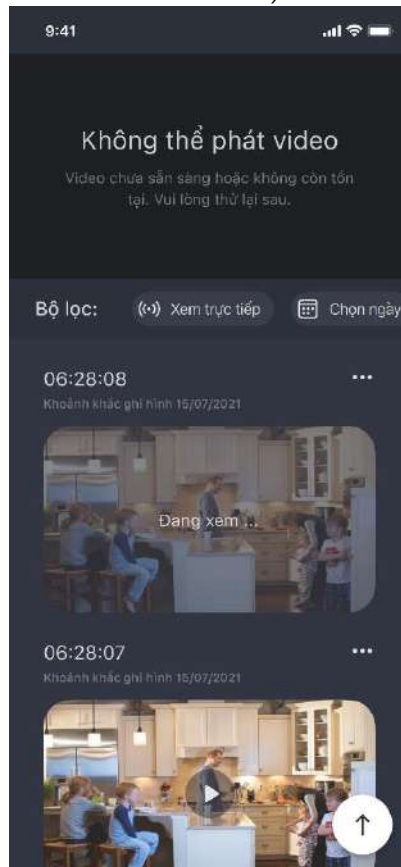


## 22. Khoản khắc

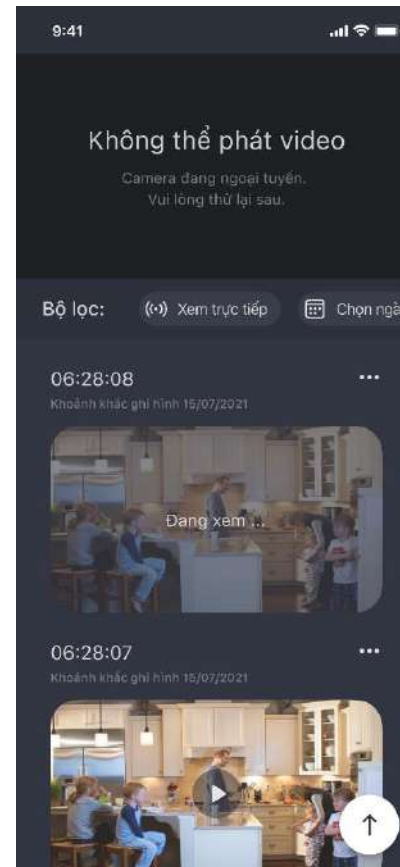
### 22.2 Tại trang Livestream

#### 22.2.6. Trường hợp không phát được video

Trường hợp (3): không truy xuất được dữ liệu  
(Chỉ áp dụng với dữ liệu event được lưu trên SD card của camera SE)



Trường hợp (4): camera offline  
(Chỉ áp dụng với dữ liệu event được lưu trên SD card của camera SE)



**Chú ý:** người dùng không thể tải/chia sẻ dữ liệu của các trường hợp không phát được video (với dữ liệu được lưu trên SD card).

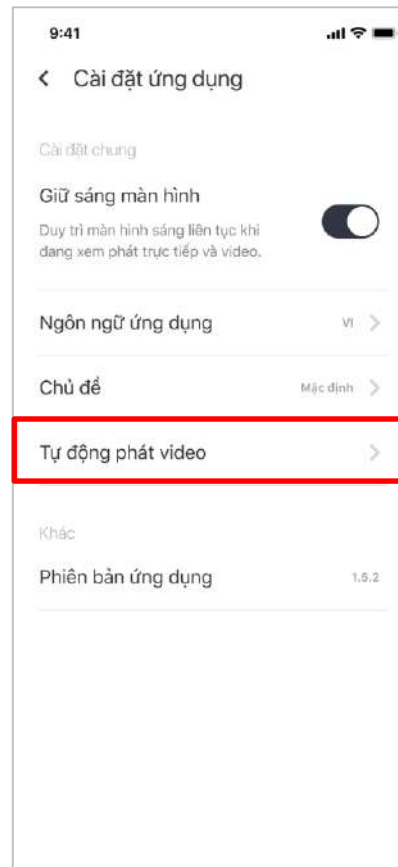
## 22. Khoản khắc

### 22.3. Cài đặt tự động phát video Khoản khắc



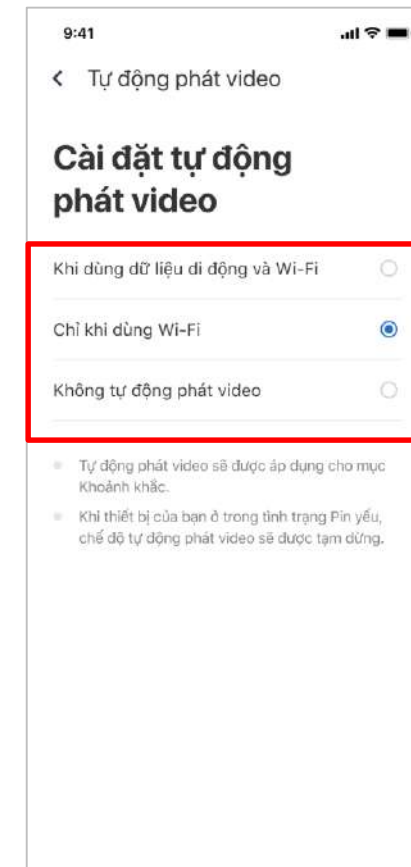
1  
Chọn **Cài đặt ứng dụng**

Màn hình hiển thị trang Cài đặt ứng dụng



2  
Chọn **Tự động phát video**

Màn hình hiển thị trang Cài đặt tự động phát video

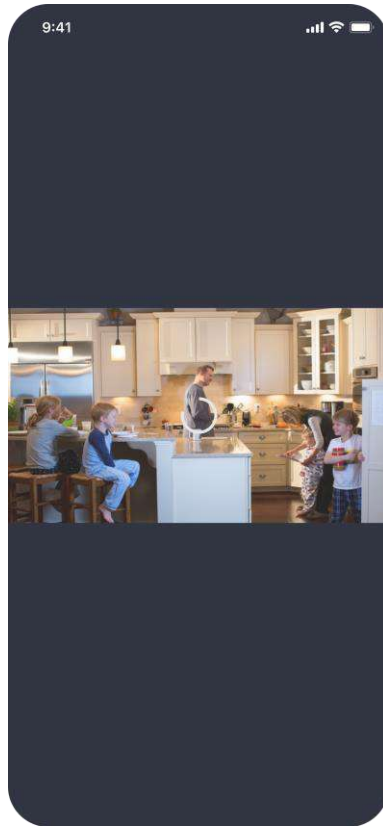


3  
Chọn vào điều kiện để tự động phát video

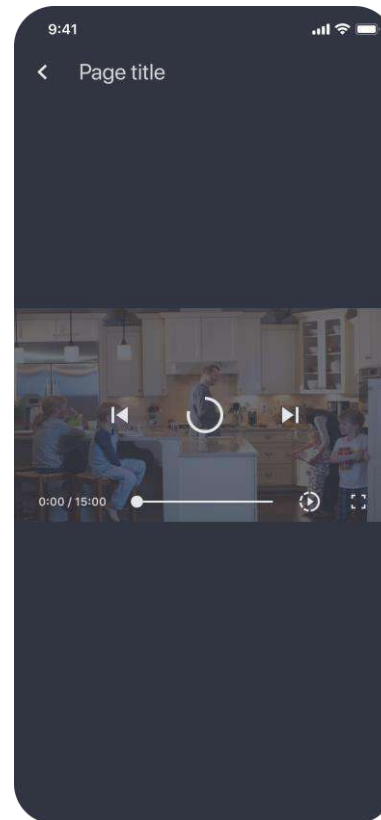


## 23. Điều khiển trên trình phát video

### 23.1. Tải dữ liệu



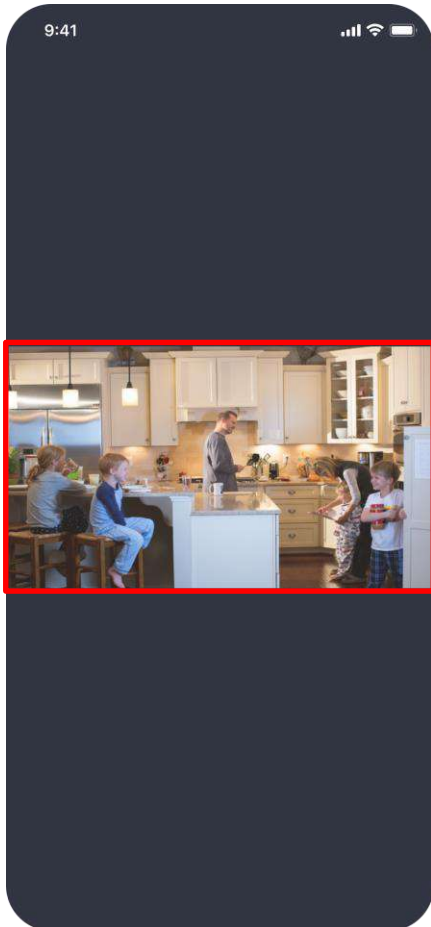
Màn hình hiển thị trạng thái tải dữ liệu của video không có tác vụ điều khiển



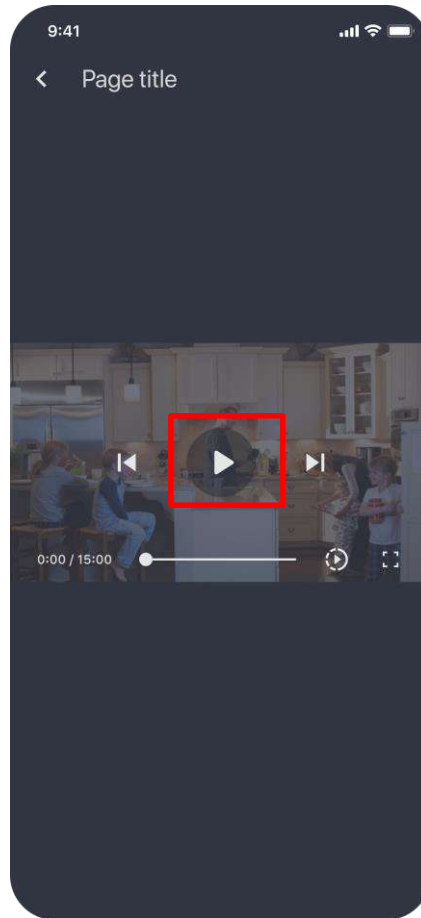
Màn hình hiển thị trạng thái tải dữ liệu của video có tác vụ điều khiển

## 23. Điều khiển trên trình phát video 23.2. Phát và tạm dừng video

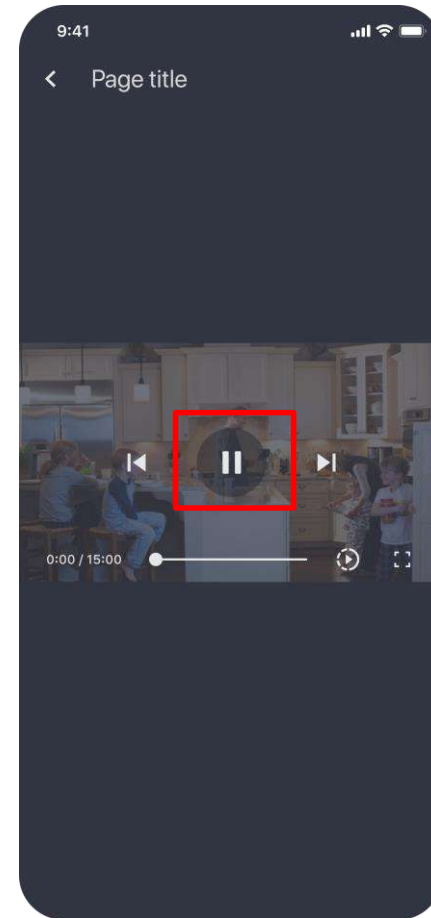
Màn hình có video đang Tạm dừng



**1**  
Nhấn để hiển thị  
thêm tác vụ



**2**  
Nhấn để  
phát video



**3**  
Nhấn để tạm  
dừng video

### 23. Điều khiển trên trình phát video

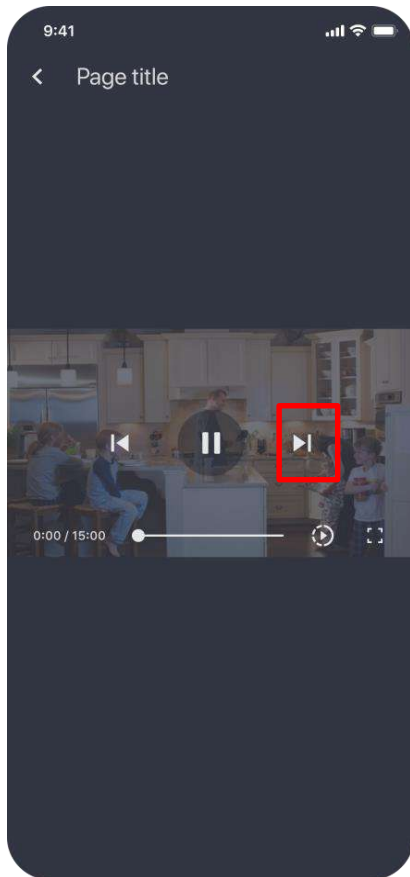
#### 23.2. Phát và tạm dừng video

- Trường hợp video đang phát, sau 3s kể từ khi kết thúc thao tác cuối cùng trên trình điều khiển video, trình điều khiển video tự động ẩn.
- Người dùng có thể nhấn vào trình điều khiển video đang hiển thị để ẩn.
- Trường hợp video đang tạm dừng thì trình điều khiển video không được tự động ẩn.

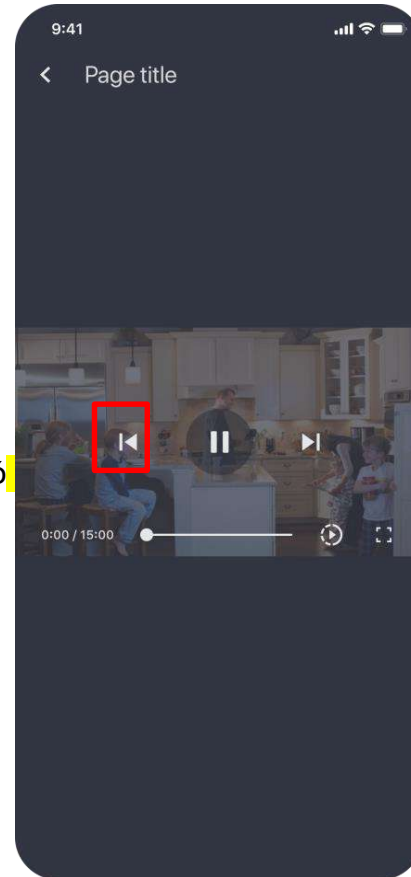
## 23. Điều khiển trên trình phát video

### 23.3. Phát video tiếp theo hoặc trước đó

*Trường hợp có video trước đó và video tiếp theo*



Nhấn để chuyển  
sang video  
tiếp theo

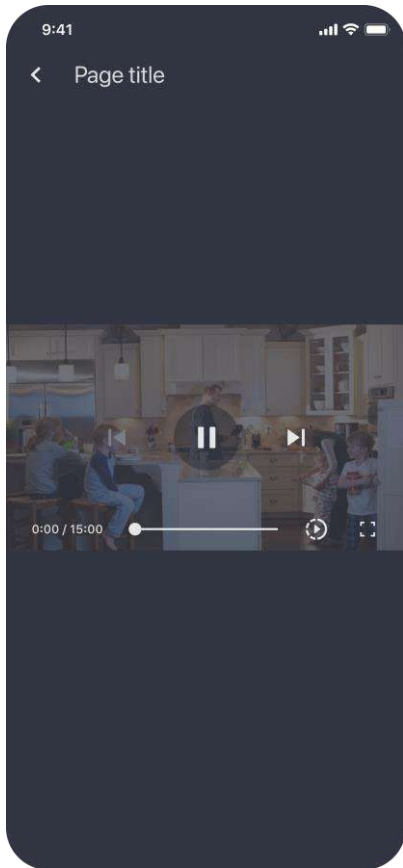


Nhấn để chuyển  
sang video trước đó

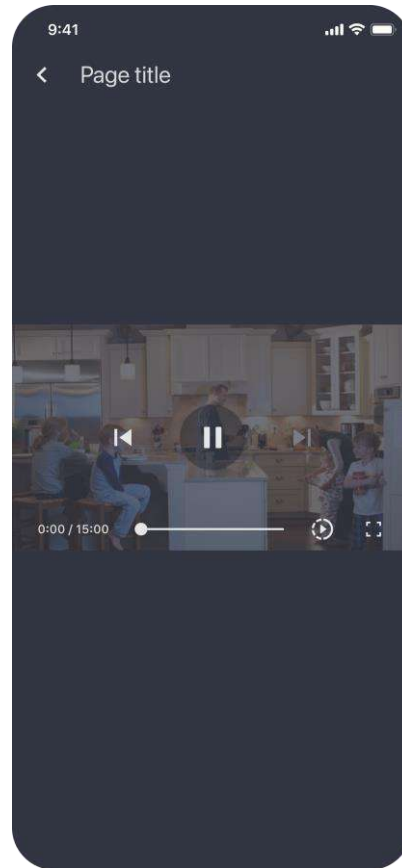
## 23. Điều khiển trên trình phát video

### 23.3. Phát video tiếp theo hoặc trước đó

*Trường hợp không có video trước đó*



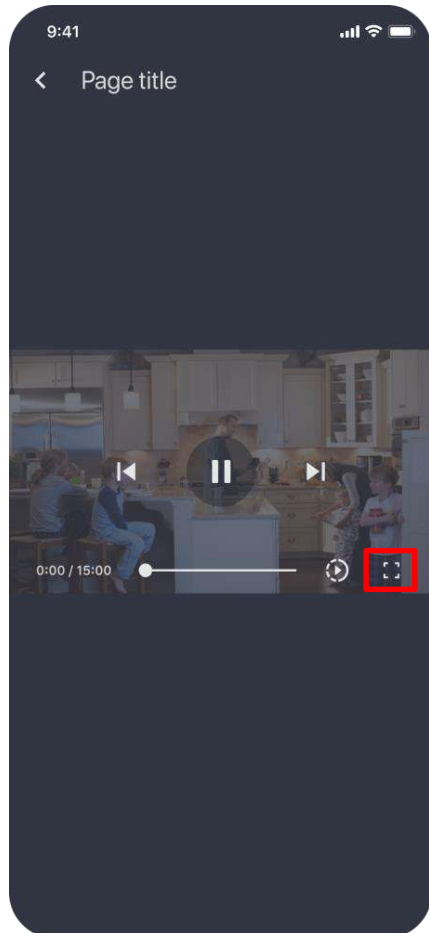
*Trường hợp không có video tiếp theo*



## 23. Điều khiển trên trình phát video

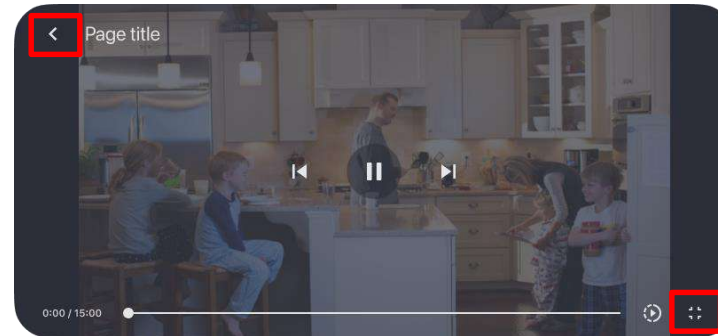
### 23.4. Xem video toàn màn hình

*Trường hợp màn hình ở chế độ xem dọc*



Nhấn để xem  
toàn màn hình

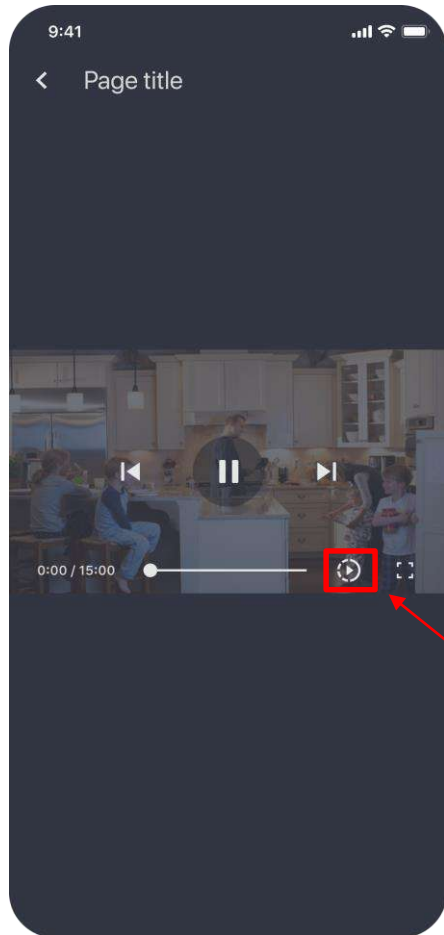
*Trường hợp màn hình ở chế độ xem ngang*



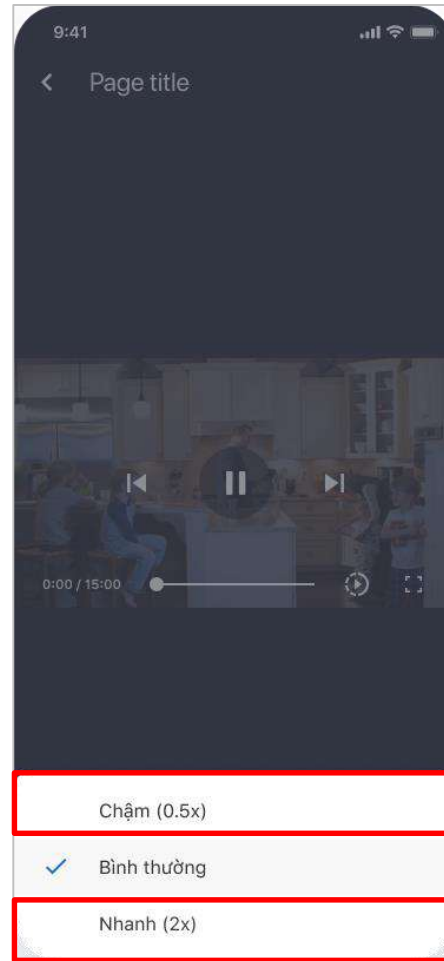
Nhấn để tắt trạng thái xem toàn màn hình

## 23. Điều khiển trên trình phát video

### 23.5. Tốc độ phát video



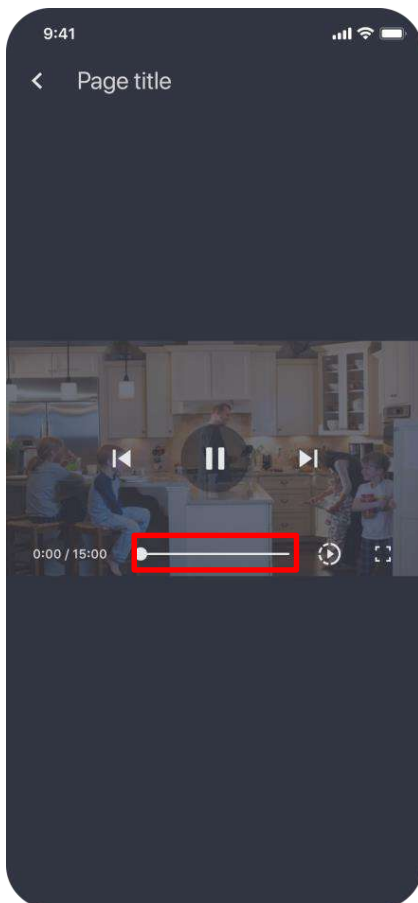
Nhấn để hiển thị tất cả tốc độ phát



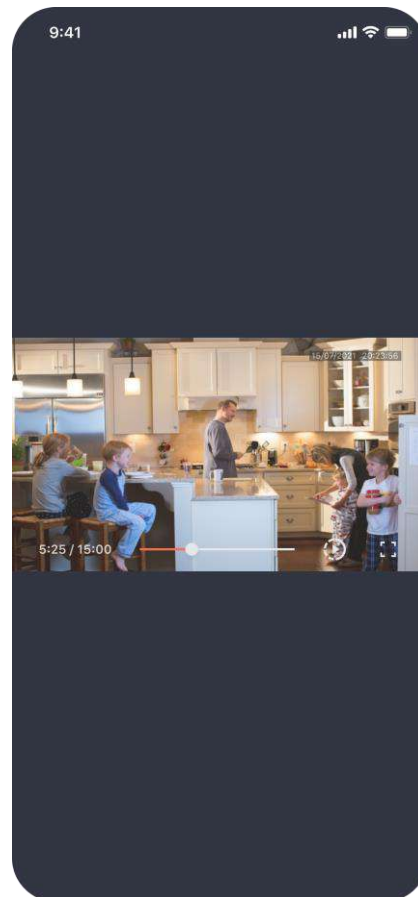
Chọn tốc độ phát khác

**23. Điều khiển trên trình phát video**  
**23.6. Tua video**  
**23.6.1. Nhấn chọn trên thanh Thời gian**

Nhấn chọn  
 một điểm bất kì  
 trên thanh thời gian  
 để phát video



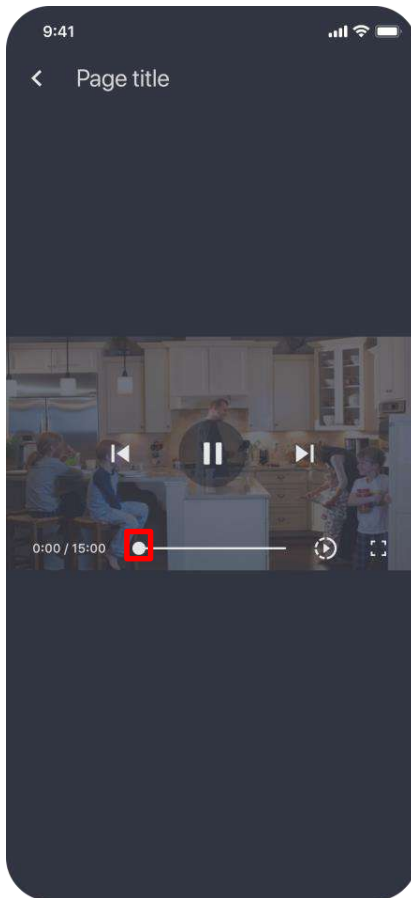
Màn hình hiển thị video tiếp tục phát tại thời điểm đã chọn



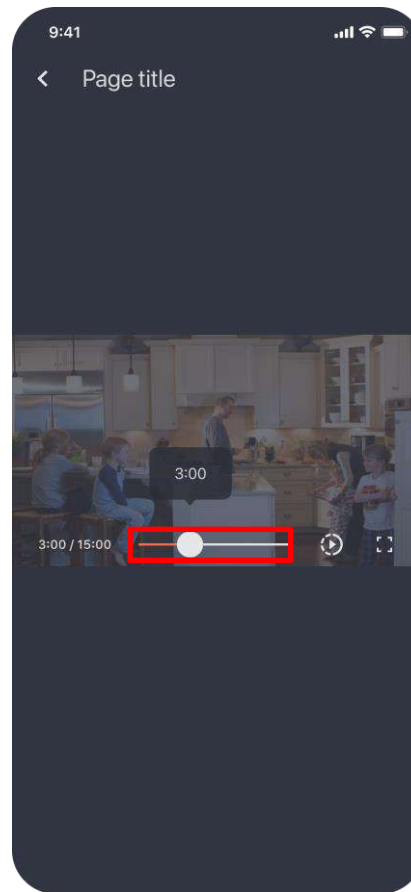


**23. Điều khiển trên trình phát video**  
**23.6. Tua video**  
**23.6.2. Kéo chọn trên thanh Thời gian**

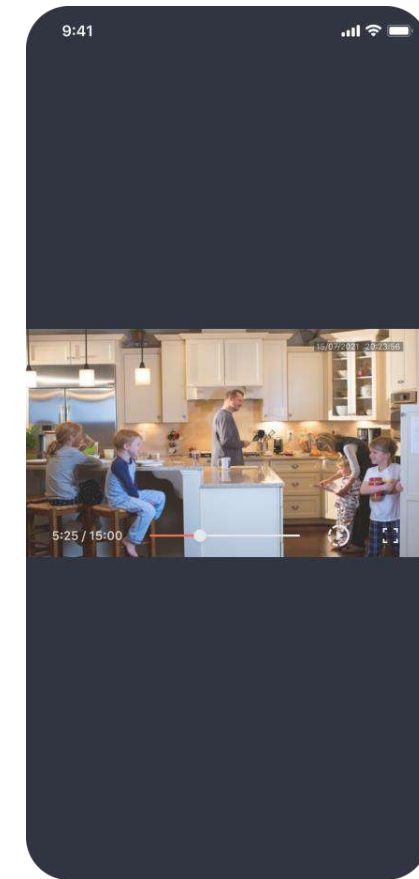
Nhấn và giữ vào dấu tròn.



Kéo dấu tròn trên thanh **Thời gian** đến thời gian muốn tiếp tục video



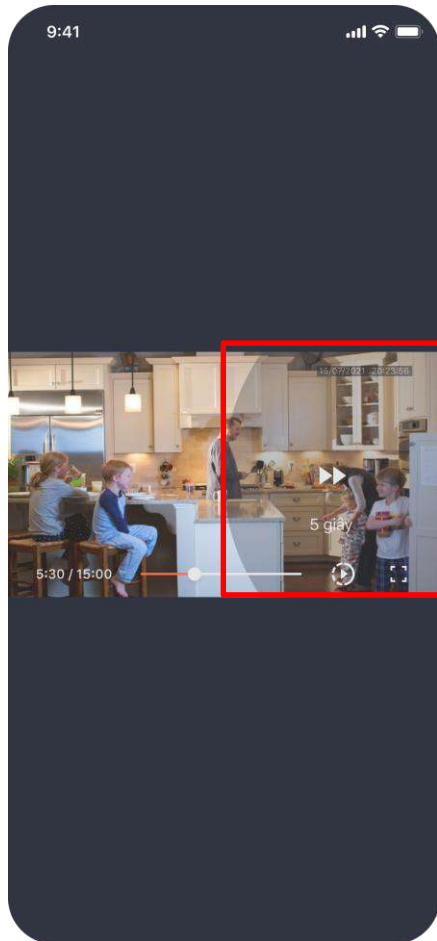
Thả tay ra khỏi thanh thời gian để tiếp tục phát video tại thời điểm đã chọn



## 23. Điều khiển trên trình phát video

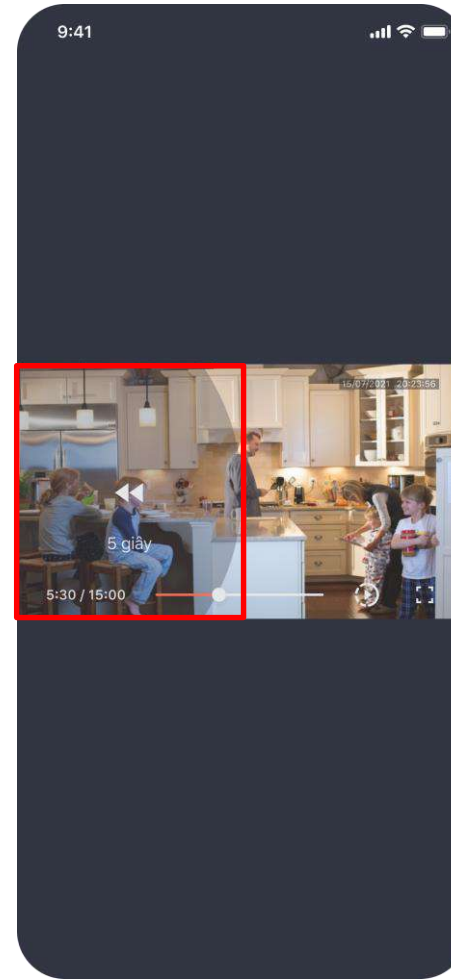
### 23.6. Tua video

#### 23.6.3. Nhấn đúp



Nhấn đúp ở nửa phải màn hình để tua nhanh về sau 5s của video đang xem

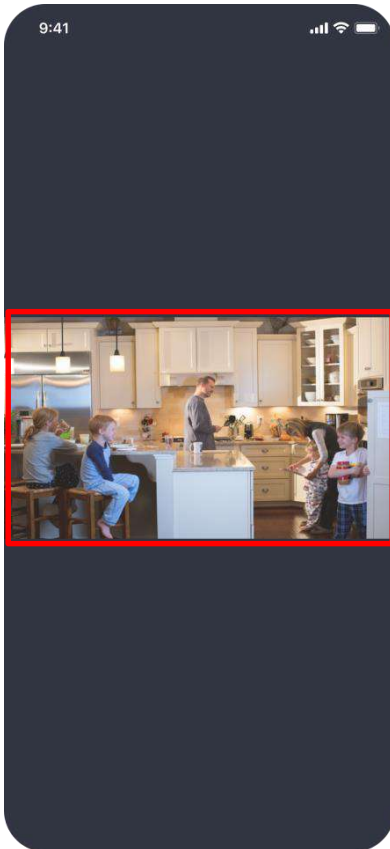
Nhấn đúp ở nửa trái màn hình để tua nhanh tới trước 5s của video đang xem



- Trường hợp người dùng tua nhanh về sau hoặc tới trước có thể thực hiện xen kẽ trong cùng một lượt tua, với điều kiện thời gian giữa các lần nhấn cách nhau nhỏ hơn 0.5s
- Trường hợp cùng hướng với thao tác trước: cộng dồn với giá trị cũ
- Trường hợp ngược hướng với thao tác trước: hiển thị lại từ +5s hoặc -5s theo chiều tua tương ứng tới trước hoặc về sau.

## 23. Điều khiển trên trình phát video 23.7. Phóng to & Thu nhỏ

*Trường hợp: Người dùng thao tác phóng to hoặc thu nhỏ hình ảnh/video khi xem chi tiết*

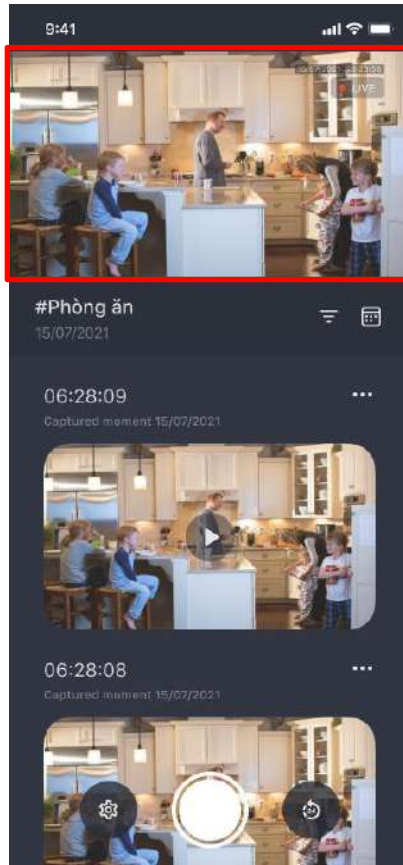


*Có thể phóng to hoặc thu nhỏ toàn màn hình*

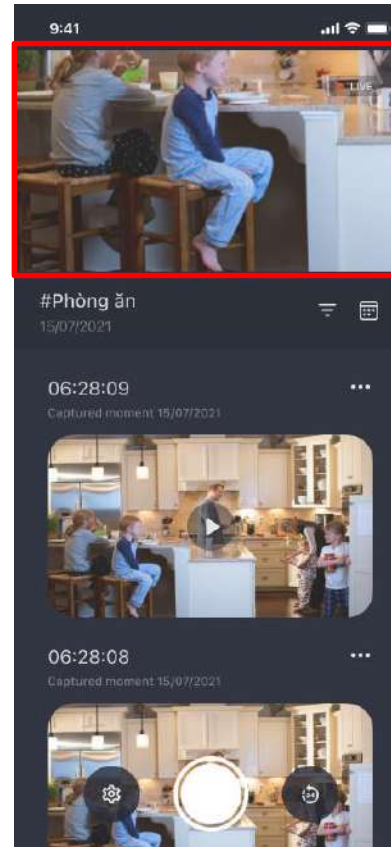


## 23. Điều khiển trên trình phát video 23.7. Phóng to & Thu nhỏ

*Trường hợp: Người dùng thao tác phóng to hoặc thu nhỏ hình ảnh/video trong Livestream hoặc Khoảnh khắc.*



*Chỉ có thể phóng to hoặc thu nhỏ trong trình phát video*



## 24. Quản lý địa điểm

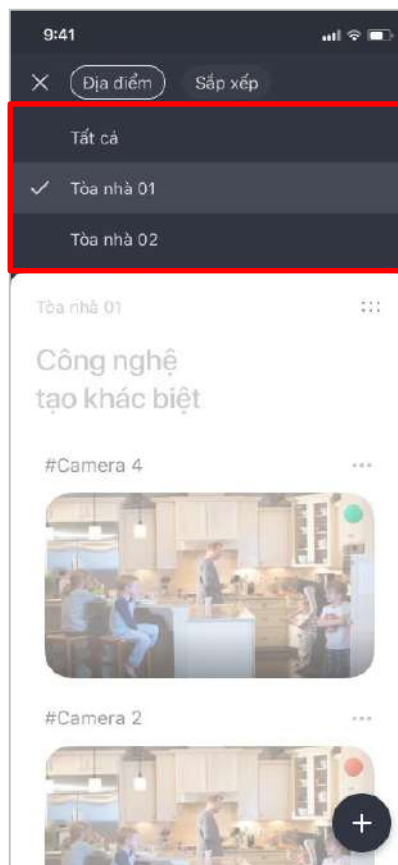
### 24.1. Chuyển đổi địa điểm

#### 24.1.1. Chuyển đổi ở Trang chủ



**1**  
Nhấn vào  
Menu

Màn hình hiển thị danh sách địa điểm người dùng có quyền truy cập



**2**  
Nhấn chọn  
địa điểm  
muốn đổi

*Option **Tất cả** chỉ xuất hiện khi người dùng có nhiều hơn 1 địa điểm*

Trường hợp địa điểm là **Tất cả** sẽ hiển thị tất cả thiết bị có ở tất cả địa điểm

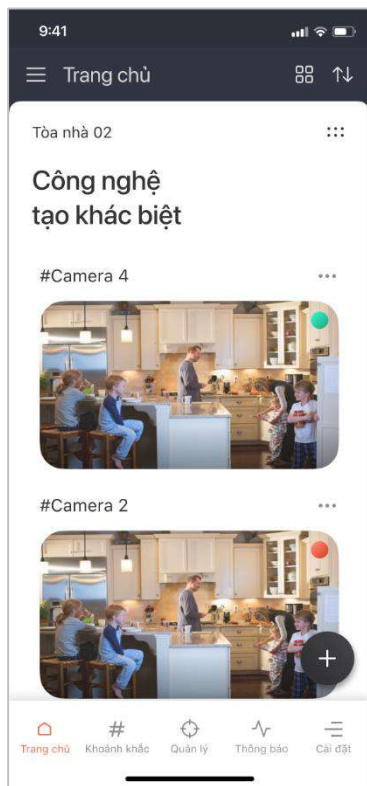


## 24. Quản lý địa điểm

### 24.1. Chuyển đổi địa điểm

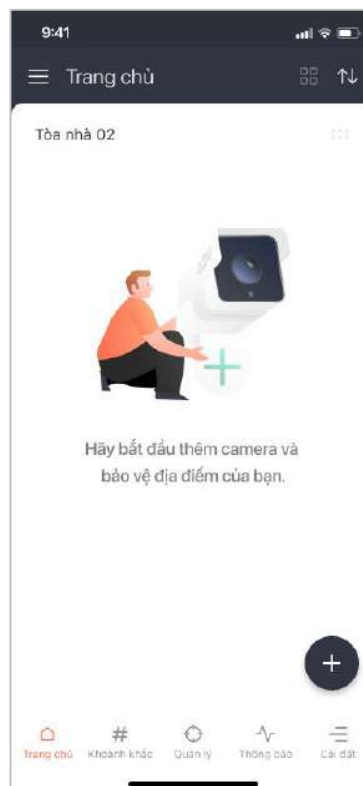
#### 24.1.1. Chuyển đổi ở Trang chủ

*Trường hợp chuyển địa điểm thành công*



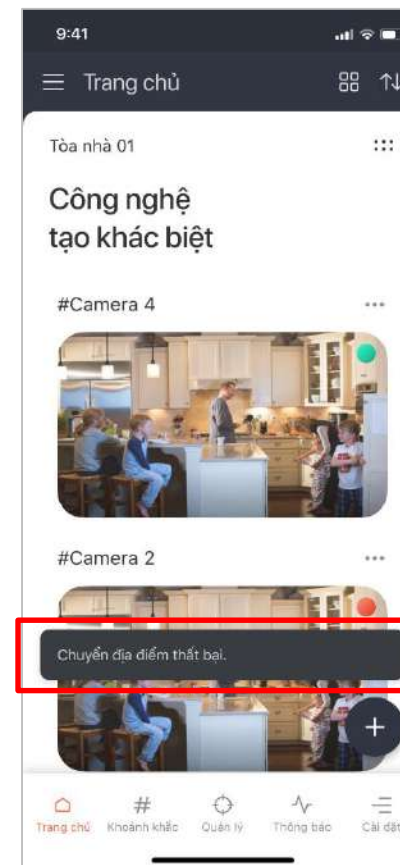
Màn hình hiển thị địa điểm có dữ liệu

*Trường hợp chuyển địa điểm thành công*



Màn hình hiển thị địa điểm chưa có dữ liệu

*Trường hợp chuyển địa điểm thất bại*



Hiện thị thông báo chuyển địa điểm thất bại

## 24. Quản lý địa điểm

### 24.1. Chuyển đổi địa điểm

#### 24.1.2. Chuyển đổi trong Quản lý địa điểm



2

Nhấn để mở danh sách địa điểm

1

Chọn Cài đặt

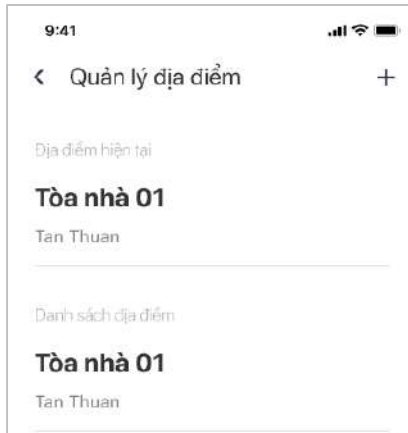
*Chuyển địa điểm chỉ áp dụng khi người dùng có nhiều hơn 1 địa điểm tại chế độ Gia đình*

## 24. Quản lý địa điểm

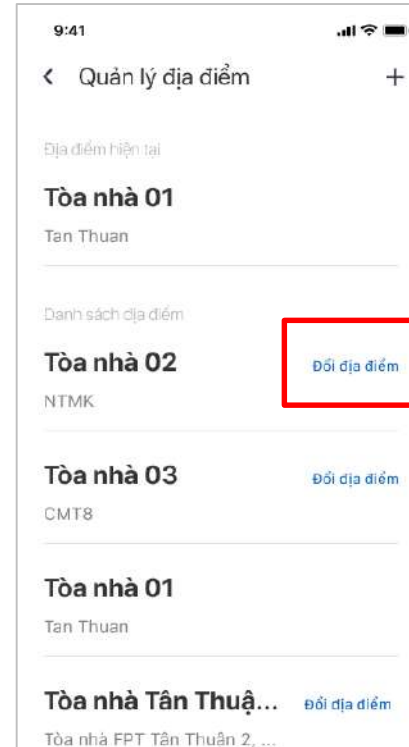
### 24.1. Chuyển đổi địa điểm

#### 24.1.2. Chuyển đổi trong Quản lý địa điểm

*Trường hợp có 1 địa điểm*



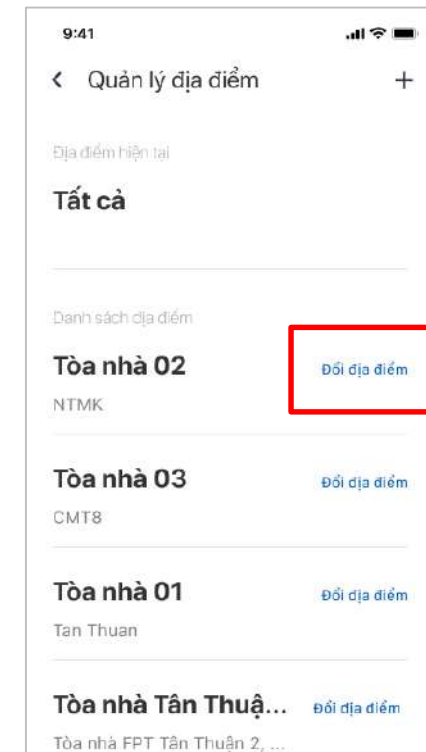
*Trường hợp có nhiều địa điểm*



Nhấn để đổi địa điểm

**3**

*Trường hợp địa điểm hiện tại đang hiển thị là Tất cả*



Nhấn để đổi địa điểm

**3**

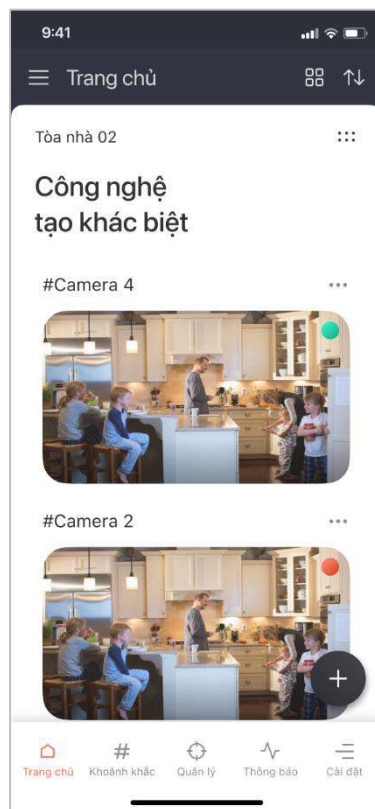


## 24. Quản lý địa điểm

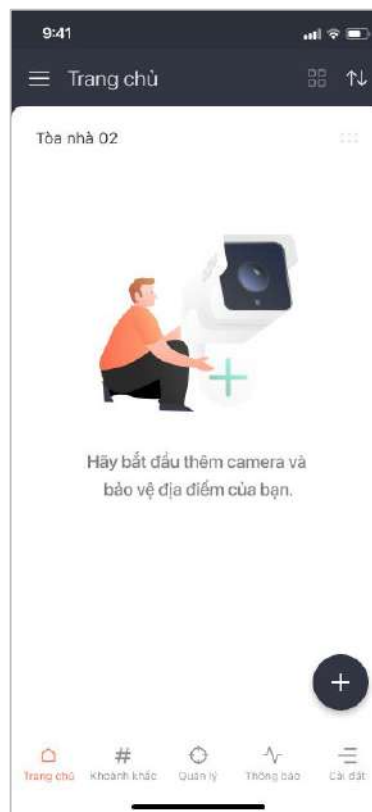
### 24.1. Chuyển đổi địa điểm

#### 24.1.2. Chuyển đổi trong Quản lý địa điểm

*Trường hợp chuyển địa điểm thành công*



Màn hình hiển thị địa điểm có dữ liệu



Màn hình hiển thị địa điểm chưa có dữ liệu

*Trường hợp chuyển địa điểm thất bại*



Hiện thị thông báo chuyển địa điểm thất bại

*Chuyển địa điểm chỉ áp dụng khi người dùng có nhiều hơn 1 địa điểm tại chế độ Gia đình.*

## 24. Quản lý địa điểm

### 24.2. Thêm địa điểm mới



**2**  
Nhấn để mở danh sách địa điểm

**1**  
Chọn Cài đặt



**3**  
Nhấn để thêm địa điểm

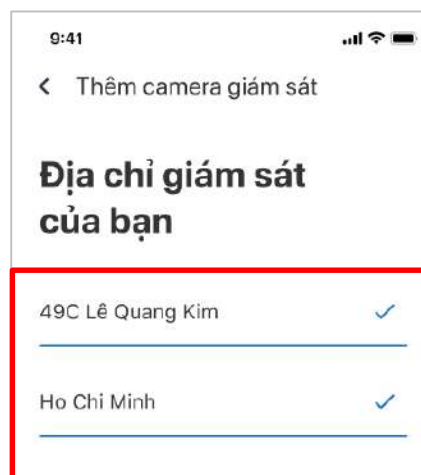
## 24. Quản lý địa điểm

### 24.2. Thêm địa điểm mới



**4** Nhập tên địa điểm

**5**



**6** Nhập địa chỉ

**7**  
Nhấn  
để lưu



Màn hình thêm địa điểm thành công

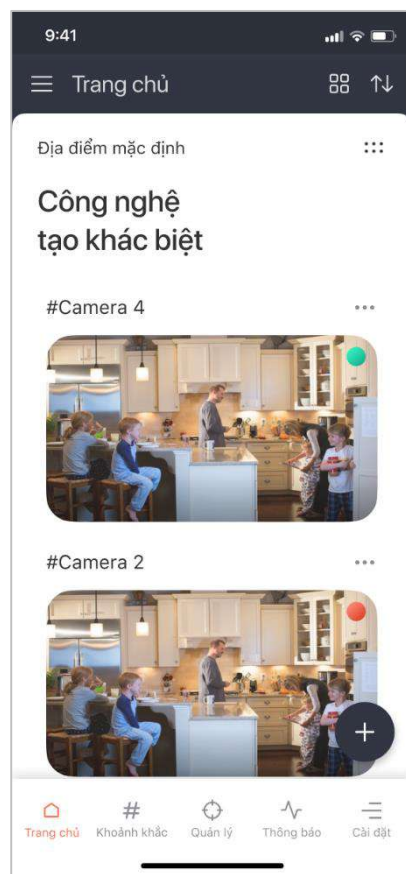


Địa điểm mới vừa tạo

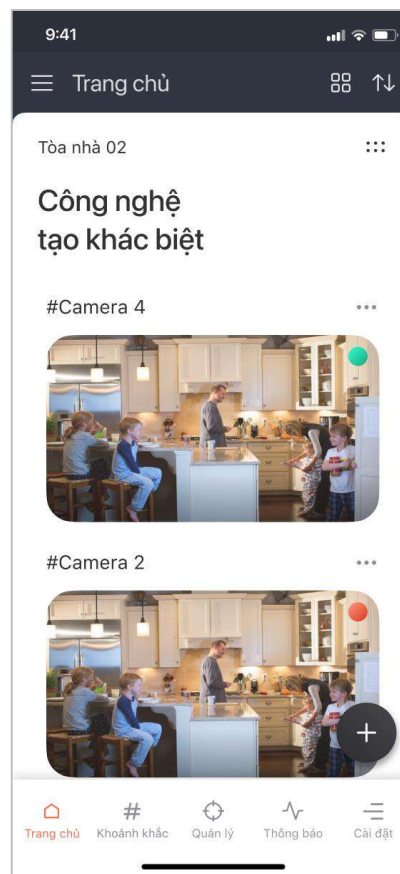
## 24. Quản lý địa điểm

### 24.3. Địa điểm mặc định

*Đối với người dùng mới hoặc người dùng cũ chưa tạo bất kì địa điểm nào thì hệ thống sẽ tạo Địa điểm mặc định*



*Đối với người dùng cũ đã tạo ít nhất 1 địa điểm sẽ chọn địa điểm đầu tiên trong danh sách địa điểm làm địa điểm mặc định.*



*Người dùng có thể đổi tên và thêm địa chỉ đối với Địa điểm mặc định mà hệ thống đã tạo.*

## 25. Di chuyển camera

Màn hình Cài đặt của Camera



1

Nhấn chọn  
mục **Di chuyển camera**

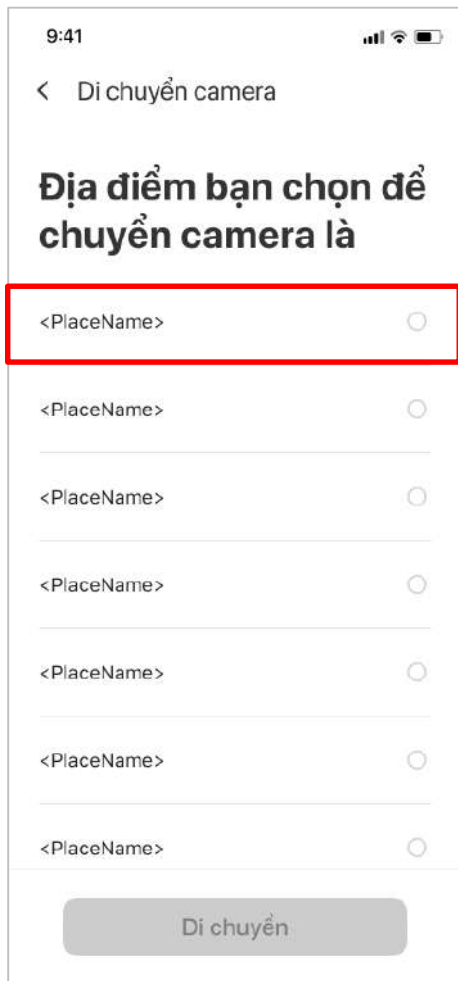
*Trường hợp không thể di chuyển camera vì người dùng chỉ có quyền sở hữu/quản trị một Chế độ hoặc một Địa điểm duy nhất.*



Đối với chế độ Gia đình, người dùng có quyền Chủ sở hữu mới có thể di chuyển camera.

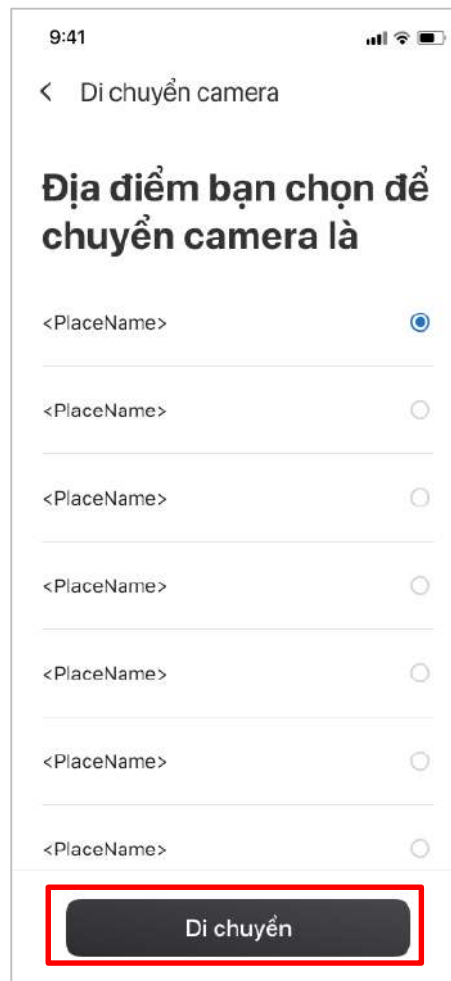
## 25. Di chuyển camera

Trường hợp: Người dùng chỉ có quyền thao tác tại 1 chế độ.



2.1

Chọn địa điểm để di chuyển camera đến



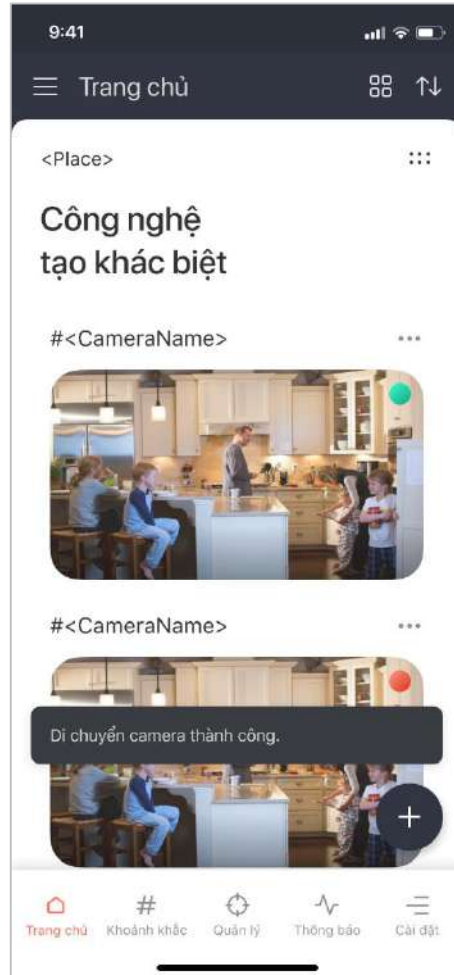
3.1

Nhấn Di chuyển

Đối với chế độ Gia đình, người dùng có quyền Chủ sở hữu mới có thể di chuyển camera.

## 25. Di chuyển camera

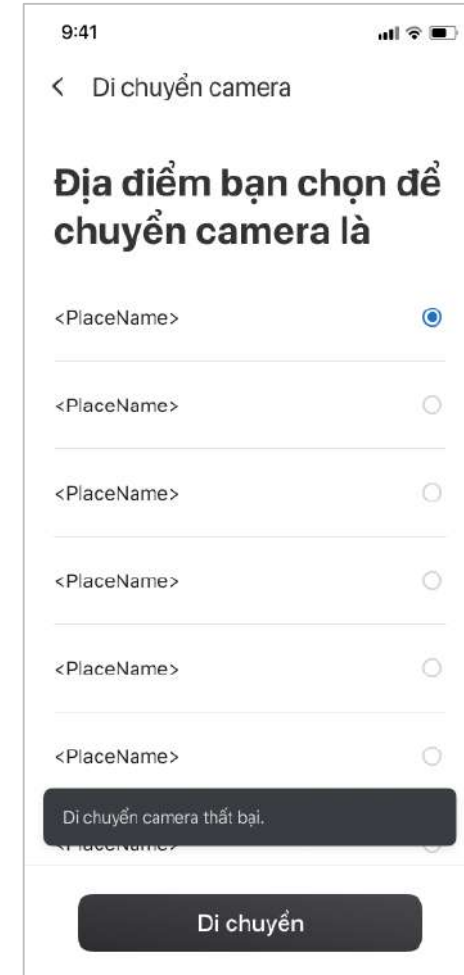
*Trường hợp di chuyển camera thành công*



*Hiện thị thông báo tại trang Thông báo khi di chuyển thành công*



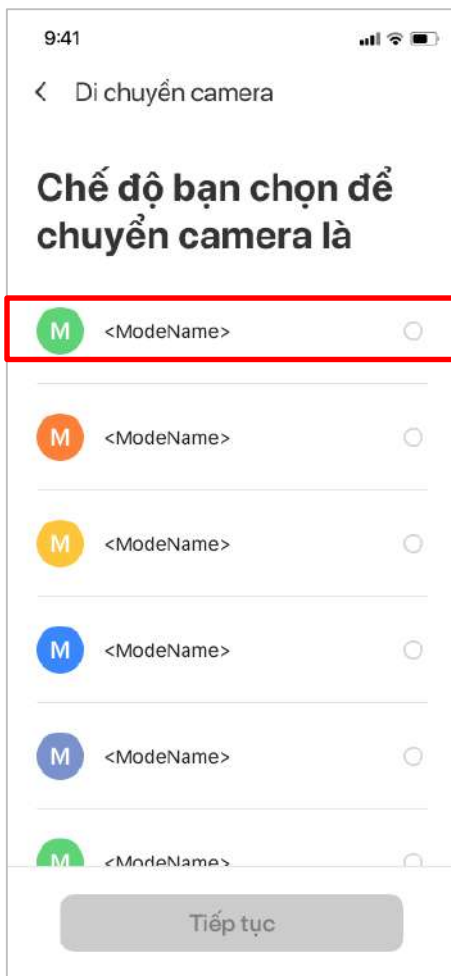
*Trường hợp di chuyển camera thất bại*



*Đối với chế độ Gia đình, người dùng có quyền Chủ sở hữu mới có thể di chuyển camera.*

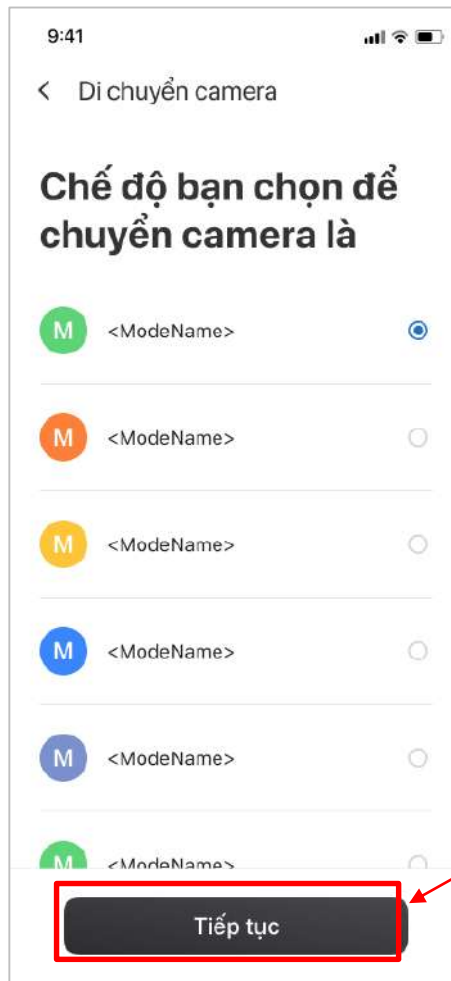
## 25. Di chuyển camera

Trường hợp Người dùng có quyền thực hiện thao tác chuyển camera tới nhiều chế độ



2.2

Nhấn chọn mode cần chuyển camera



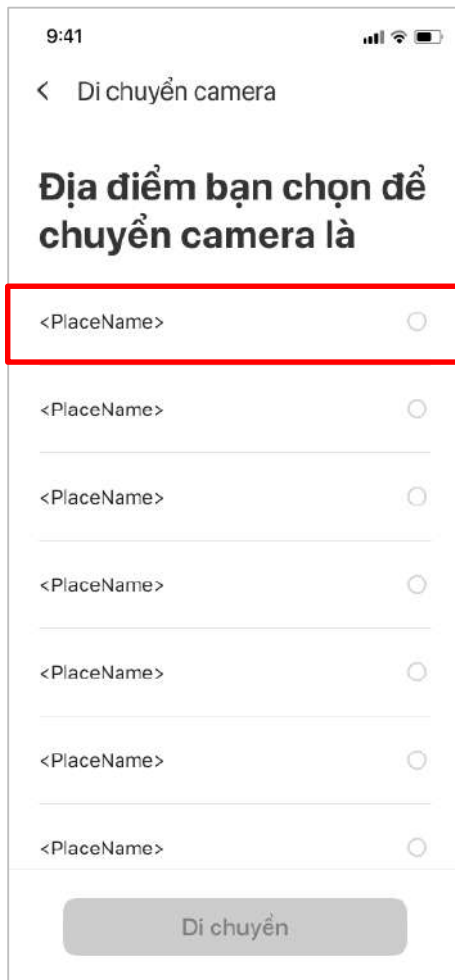
3.2

Nhấn Tiếp tục

Đối với chế độ Gia đình, người dùng có quyền Chủ sở hữu mới có thể di chuyển camera.

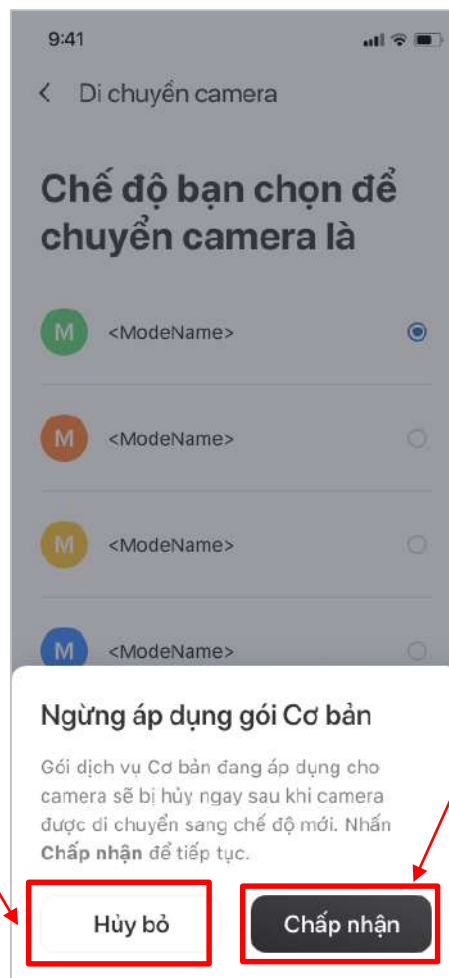


## 25. Di chuyển camera



**4.2.1**  
 Chọn địa điểm để di chuyển camera đến  
*Áp dụng tiếp tục từ bước 2.1 mục 27*

*Trường hợp: Chuyển camera đang áp dụng gói Cơ bản sang chế độ khác*

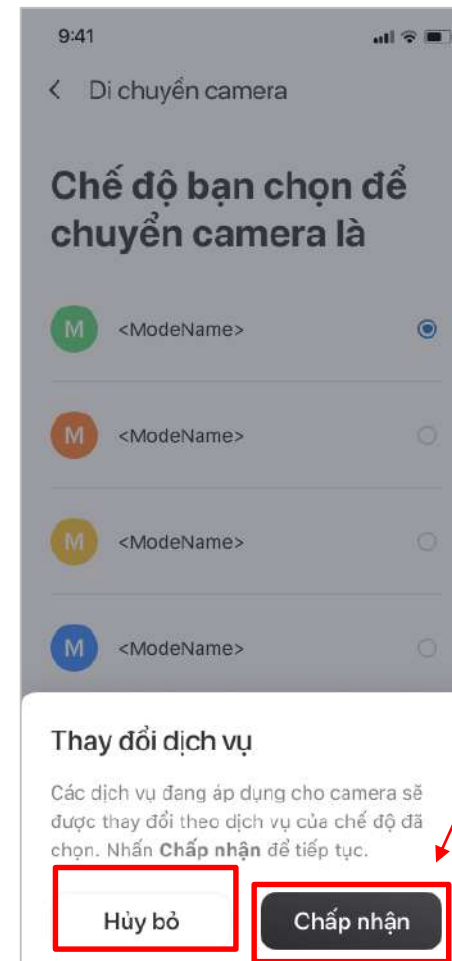


**4.2.2.2**  
 Nhấn Hủy bỏ

**4.2.2.1**

Nhấn **Chấp nhận**  
*Áp dụng tiếp tục từ bước 2.1 mục 27*

*Trường hợp chuyển camera từ chế độ Family sang chế độ SME hoặc ngược lại.*



**4.2.3.2**  
 Nhấn Hủy bỏ

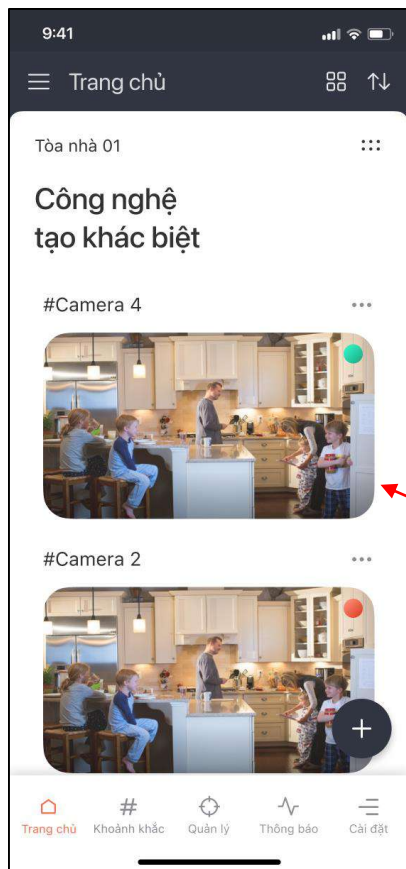
**4.2.3.1**

Nhấn **Chấp nhận**  
*Áp dụng tiếp tục từ bước 2.1 mục 27*

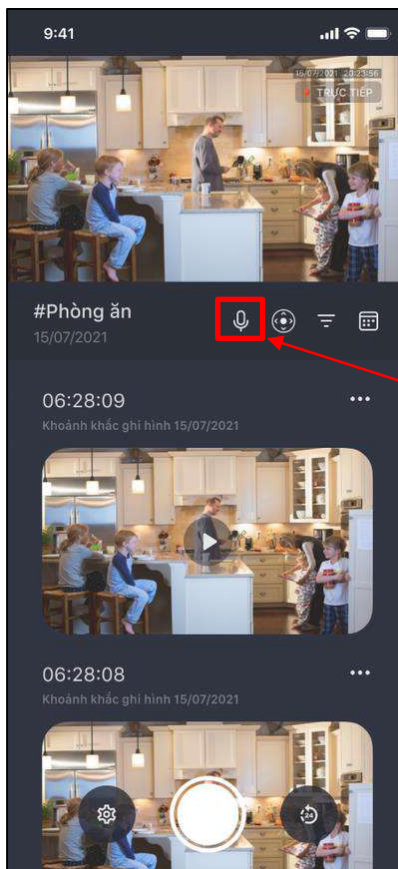
### 26. Các chức năng Robotic

#### 26.1 Đàm thoại

##### 26.1.1 Đàm thoại ở chế độ Portrait



**1**  
Nhấn chọn camera muốn đàm thoại



**2**  
Nhấn icon Đàm thoại để mở tính năng

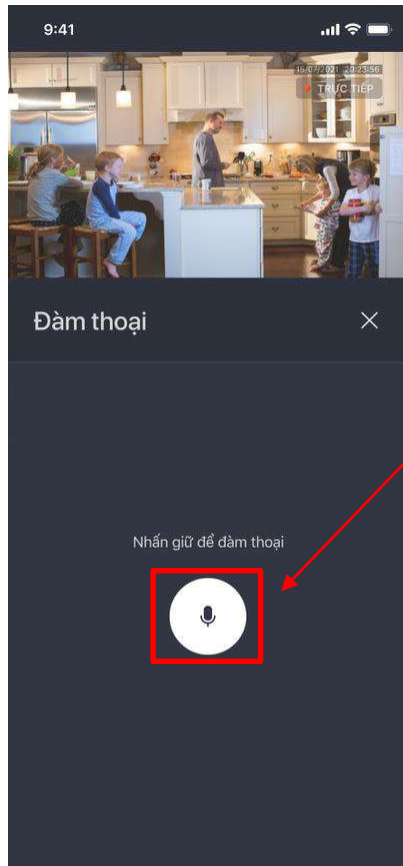
**3**  
Cấp quyền truy cập Micro để sử dụng tính năng vào lần đầu tiên sử dụng

Lần đầu tiên sử dụng chức năng Đàm thoại sẽ hiển thị popup cấp quyền Micro tùy theo hệ điều hành.

## 26. Các chức năng Robotic

### 26.1 Đàm thoại

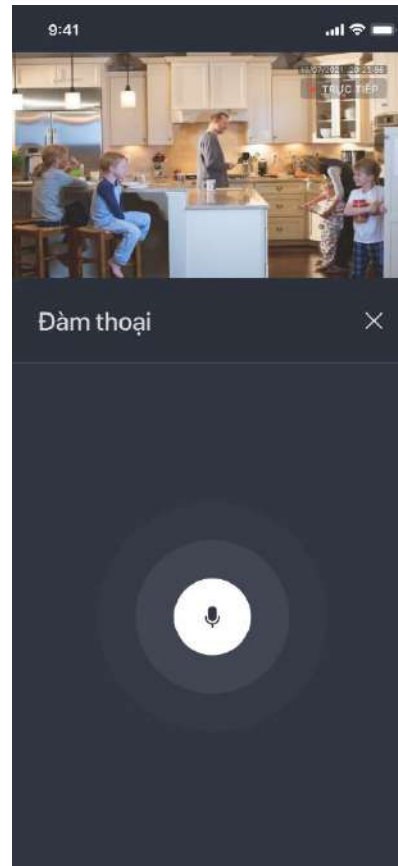
#### 26.1.1 Đàm thoại ở chế độ Portrait



**4**

Nhấn giữ nút Đàm thoại và tiến hành đàm thoại

Màn hình đang thực hiện Push to talk



**5**

Nhấc hoặc di chuyển ngón tay để kết thúc đàm thoại

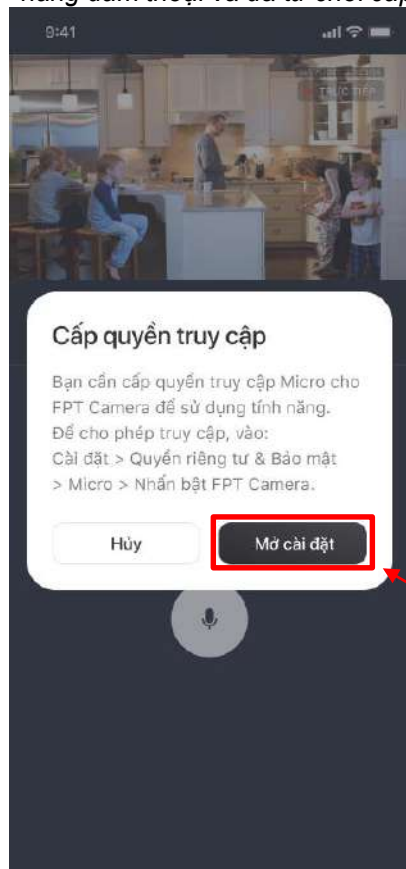
Lần đầu tiên sử dụng chức năng Đàm thoại sẽ hiển thị popup cấp quyền Micro tùy theo hệ điều hành.

## 26. Các chức năng Robotic

### 26.1 Đàm thoại

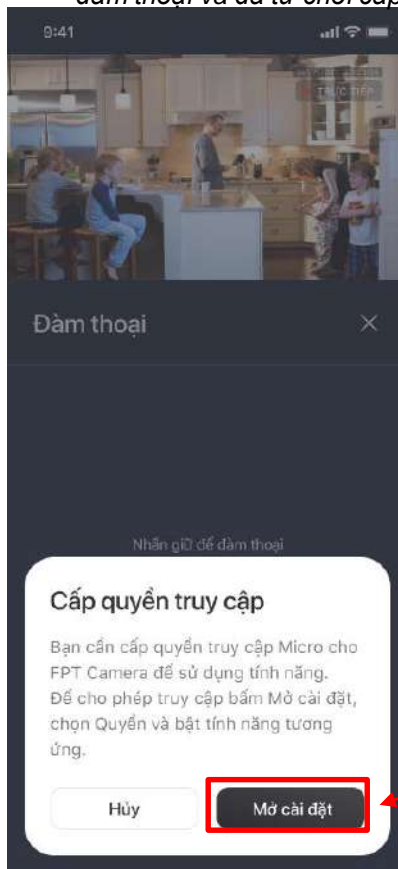
#### 26.1.1 Đàm thoại ở chế độ Portrait

Thông báo cấp quyền truy cập Micro trên IOS  
*(Popup này hiển thị khi người dùng nhấn mở chức năng đàm thoại và đã từ chối cấp quyền lần đầu tiên)*



**2**  
 Nhấn để mở cài đặt và cấp quyền truy cập Micro cho ứng dụng

Thông báo cấp quyền truy cập Micro trên Android  
*(Popup này hiển thị khi người dùng nhấn mở chức năng đàm thoại và đã từ chối cấp quyền lần đầu tiên)*



**2**  
 Nhấn để mở cài đặt và cấp quyền truy cập Micro cho ứng dụng

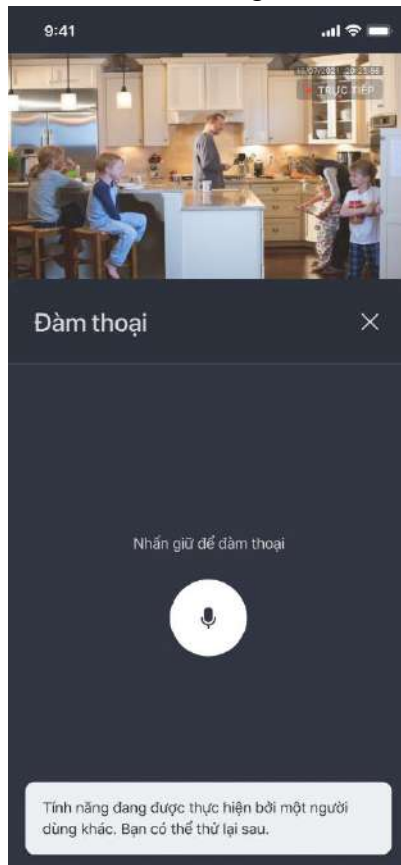
Lần đầu tiên sử dụng chức năng Đàm thoại sẽ hiển thị popup cấp quyền Micro tùy theo hệ điều hành.

## 26. Các chức năng Robotic

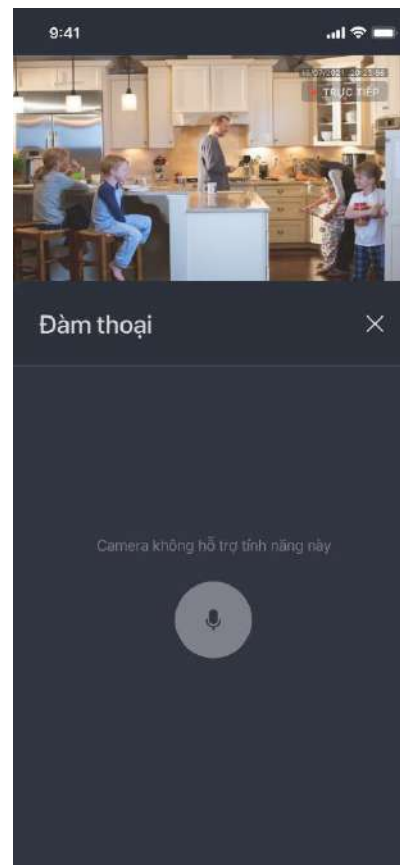
### 26.1 Đàm thoại

#### 26.1.1 Đàm thoại ở chế độ Portrait

Trường hợp có người khác đang sử dụng tính năng



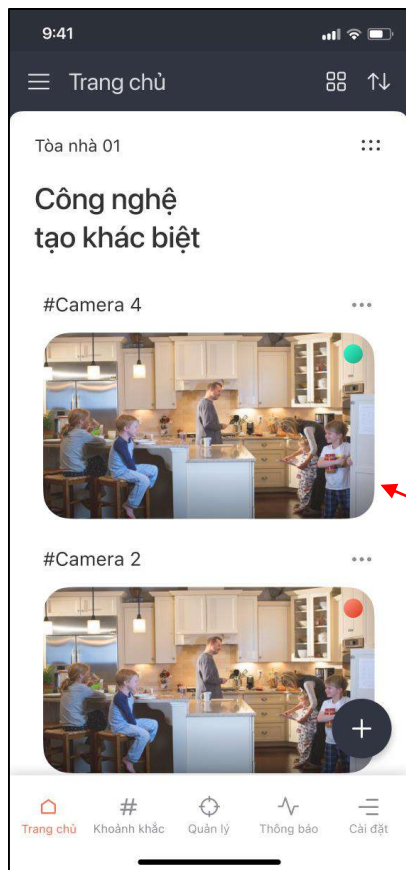
Trường hợp camera không hỗ trợ tính năng



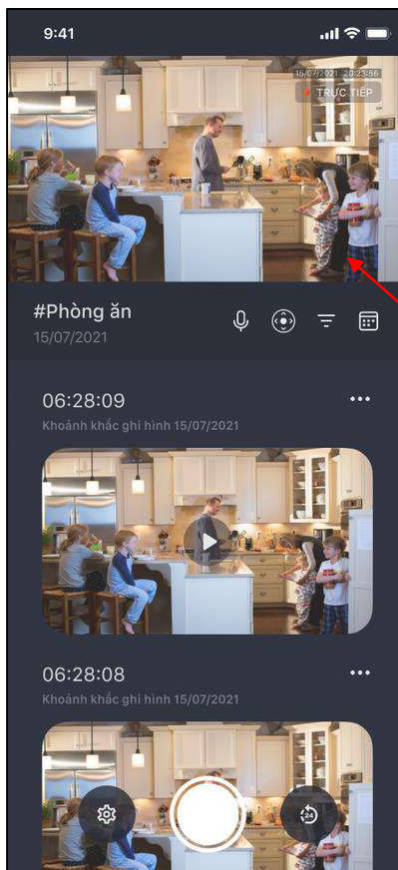
## 26. Các chức năng Robotic

### 26.1 Đàm thoại

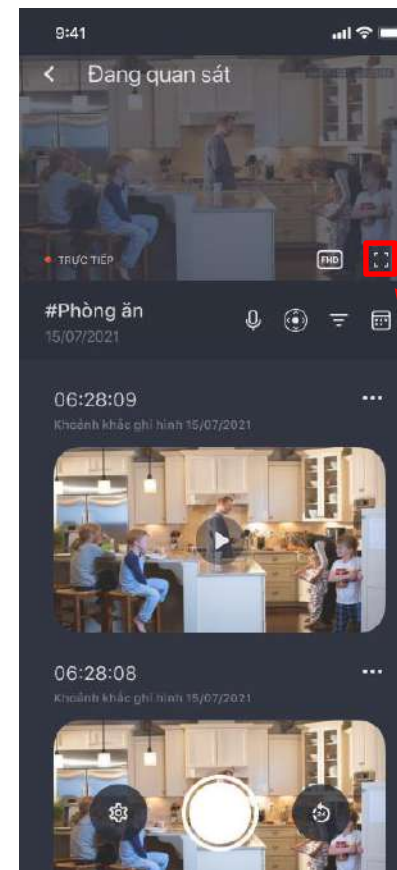
#### 26.1.2 Đàm thoại ở chế độ Landscape



**1**  
Nhấn chọn camera muốn đàm thoại



**2**  
Nhấn vào màn hình livestream để mở overlay



**3**  
Nhấn vào icon toàn màn hình hoặc xoay ngang điện thoại để mở chế độ xem Landscape

## 26. Các chức năng Robotic

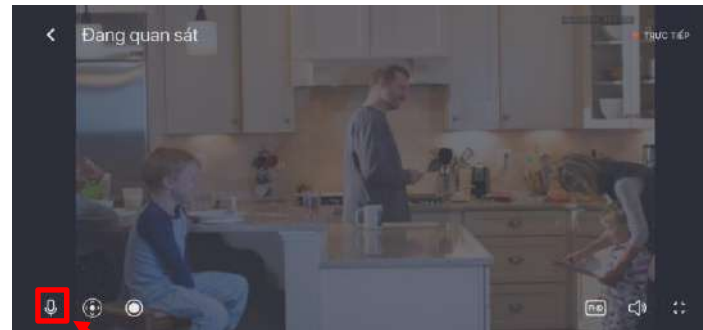
### 26.1 Đàm thoại

#### 26.1.2 Đàm thoại ở chế độ Landscape



**4**

Nhấn vào màn hình  
livestream để mở  
overlay



**5**

Nhấn icon Đàm thoại  
để mở tính năng

## 26. Các chức năng Robotic

### 26.1 Đàm thoại

#### 26.1.2 Đàm thoại ở chế độ Landscape

Màn hình livestream với chức năng Đàm thoại



**6**

Nhấn giữ nút Đàm thoại và tiến hành đàm thoại

Khi chức năng đàm thoại đang hoạt động, lớp overlay sẽ được ẩn đi



**7**

Nhấc hoặc di chuyển ngón tay để kết thúc đàm thoại



## 26. Các chức năng Robotic

### 26.1 Đàm thoại

#### 26.1.2 Đàm thoại ở chế độ Landscape

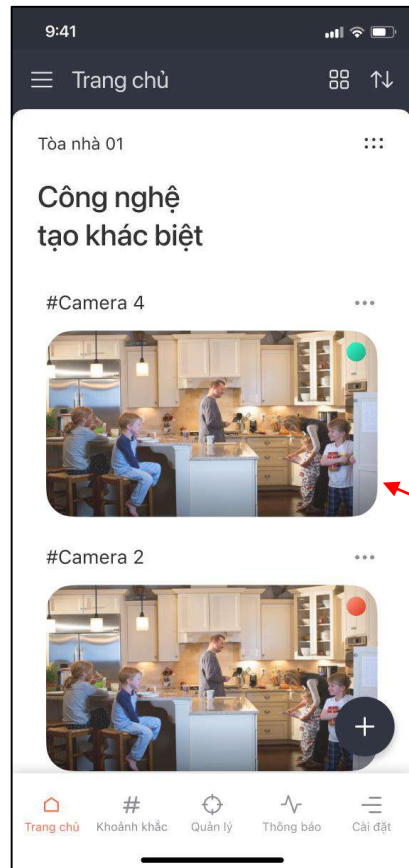
Trường hợp camera không hỗ trợ tính năng



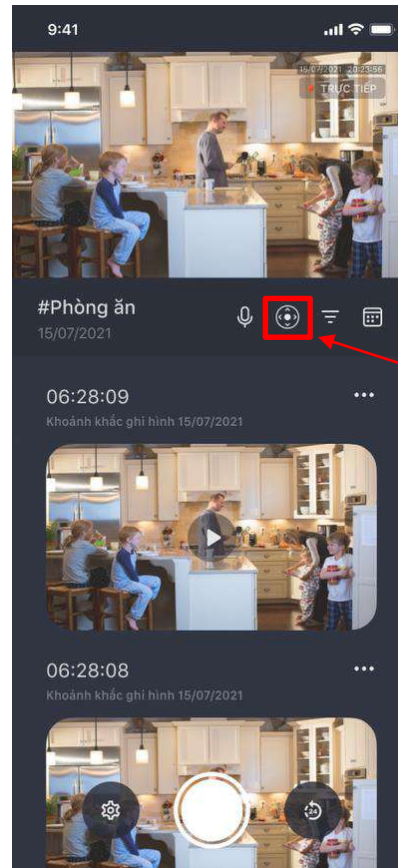
Trường hợp có người khác đang sử dụng tính năng



**26. Các chức năng Robotic**  
**26.2 Quan sát**  
**26.2.1 Quan sát ở chế độ Portrait**

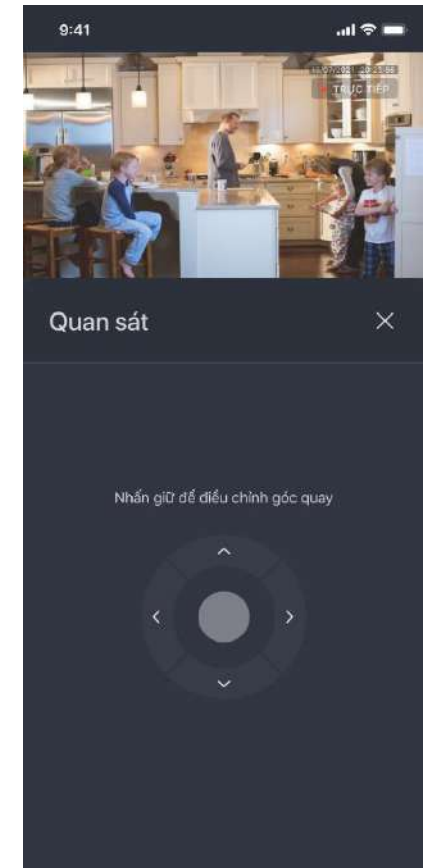


**1**  
 Nhấn chọn camera muốn đàm thoại



**2**  
 Nhấn icon Quan sát để mở tính năng

Màn hình tính năng Quan sát



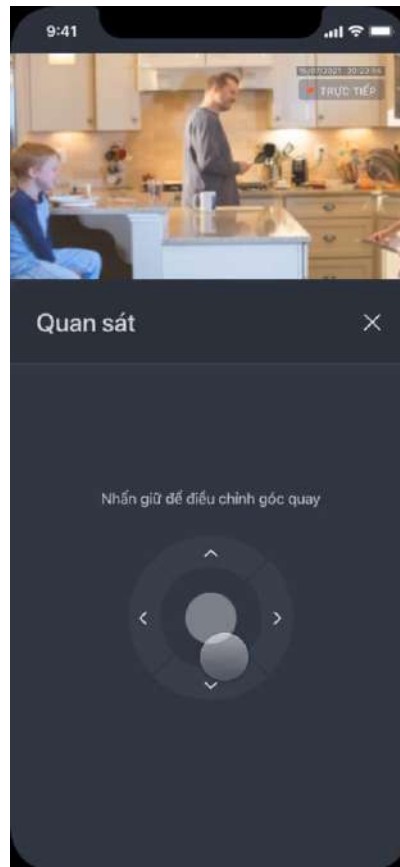
Tính năng này khả dụng với mọi người dùng có quyền thao tác với camera.

## 26. Các chức năng Robotic

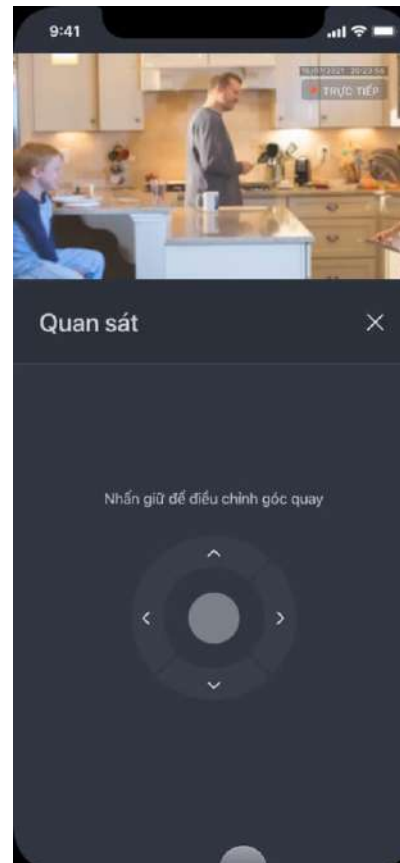
### 26.2 Quan sát

#### 26.2.1 Quan sát ở chế độ Portrait

**Cách 1:** Nhấn giữ và kéo nút tròn di chuyển



**Cách 2:** Nhấn giữ ở mũi tên hướng muốn điều khiển góc quay



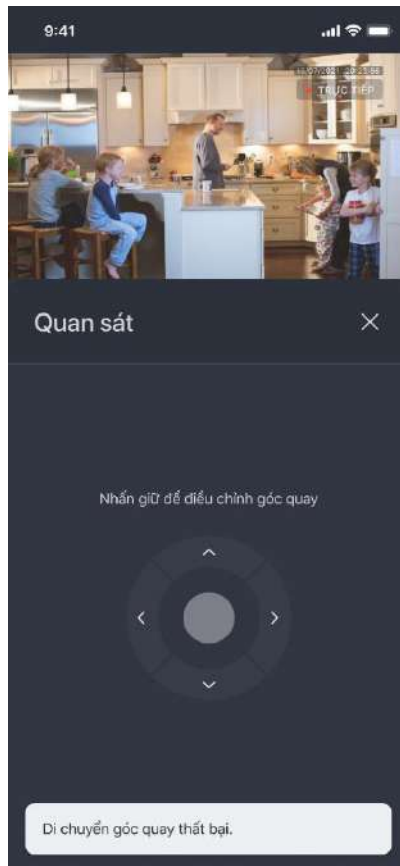
Tính năng này khả dụng với mọi người dùng có quyền thao tác với camera.

## 26. Các chức năng Robotic

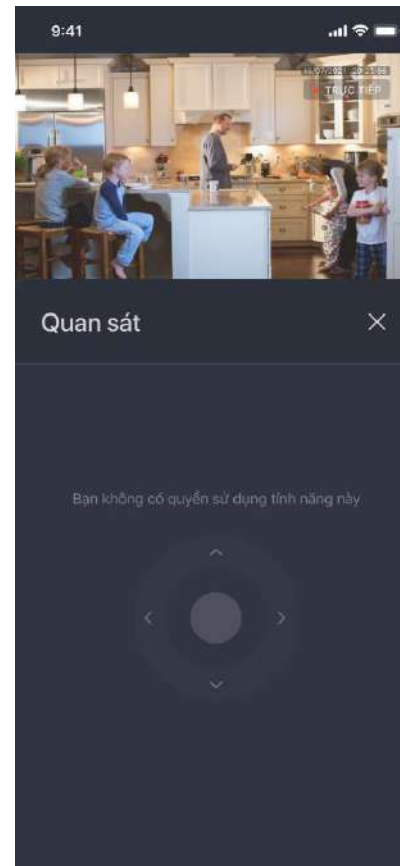
### 26.2 Quan sát

#### 26.2.1 Quan sát ở chế độ Portrait

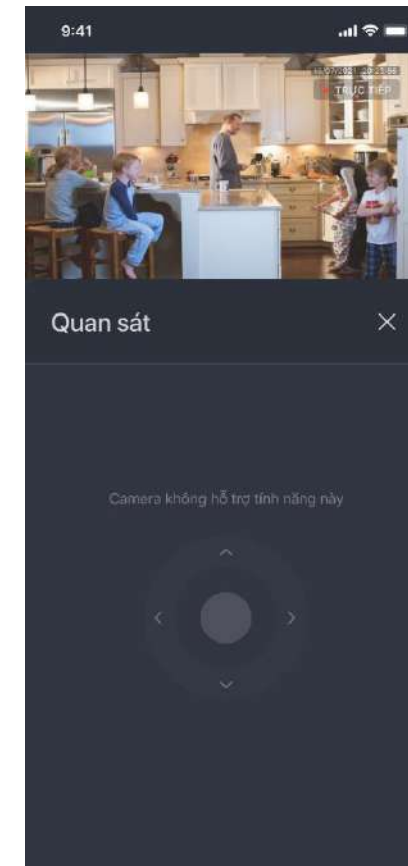
Trường hợp điều chỉnh góc quay thất bại



Trường hợp người dùng không có quyền sử dụng tính năng



Trường hợp camera không hỗ trợ tính năng



Tính năng này khả dụng với mọi người dùng có quyền thao tác với camera.

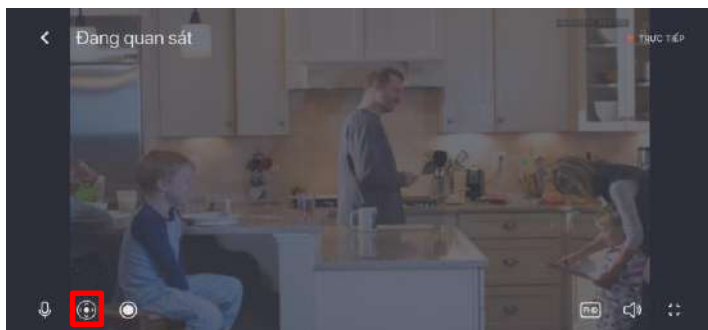
## 26. Các chức năng Robotic

### 26.2 Quan sát

#### 26.2.2 Quan sát ở chế độ Landscape

##### a. Thao tác sử dụng nút điều hướng

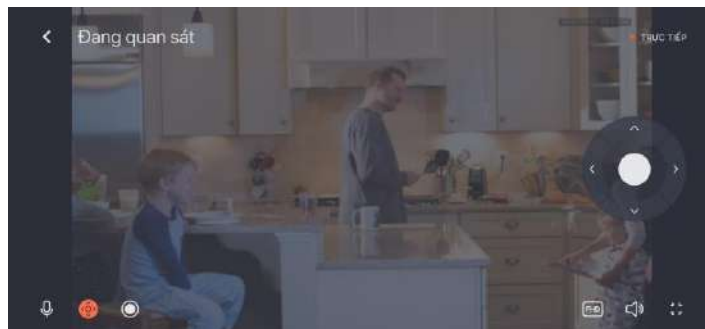
Thực hiện các bước mở livestream landscape tương tự tại mục [25.1.2](#)



**5**

Nhấn icon Quan sát để mở tính năng

Màn hình livestream với chức năng Quan sát



Cách sử dụng nút điều hướng tương tự ở chế độ Portrait ở mục [25.2.1](#)

Khi chức năng Quan sát đang hoạt động, lớp overlay sẽ được ẩn đi



**6**

Nhấc hoặc di chuyển ngón tay để kết thúc quan sát

## 26. Các chức năng Robotic

### 26.2 Quan sát

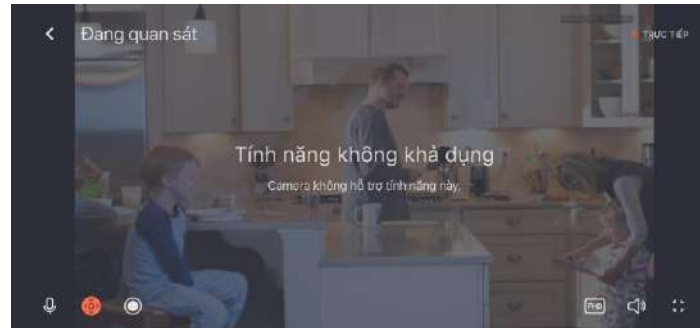
#### 26.2.2 Quan sát ở chế độ Landscape

##### a. Thao tác sử dụng nút điều hướng

Trường hợp camera không hỗ trợ điều hướng lên/xuống: không có hiệu ứng focus khi điều khiển lên/xuống.



Trường hợp camera không hỗ trợ tính năng



Trường hợp người dùng không có quyền sử dụng tính năng



## 26. Các chức năng Robotic

### 26.2 Quan sát

#### 26.2.2 Quan sát ở chế độ Landscape

##### b. Thao tác nhấn giữ trên màn hình

Thực hiện các bước mở livestream landscape tương tự tại mục [25.1.2](#)



4

Nhấn giữ 1 vị trí trên màn hình theo hướng muốn điều khiển

Điều hướng thành công: có hiệu ứng focus ở hướng nhấn giữ và góc quay được dịch chuyển



Điều hướng thất bại: xuất hiện thông báo thất bại

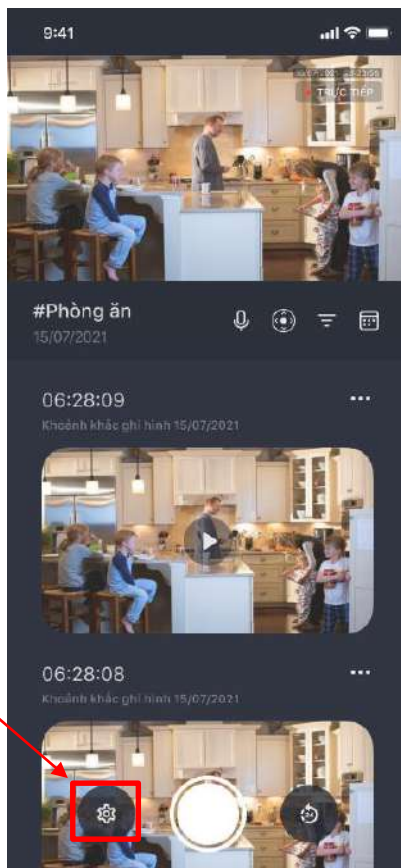


Các trường hợp không thể sử dụng tính năng: sẽ không hiển thị gì khi người dùng thao tác.

## 27. Xóa thiết bị

### 27.1 Camera có thẻ nhớ rời (Camera SE)

#### a. Trường hợp không xóa dữ liệu thẻ nhớ



1

Nhấn mở Cài đặt camera

2

Nhấn Xóa để xóa camera khỏi tài khoản



Chỉ người dùng có quyền Owner/Admin mới có thể xóa dữ liệu.



## 27. Xóa thiết bị

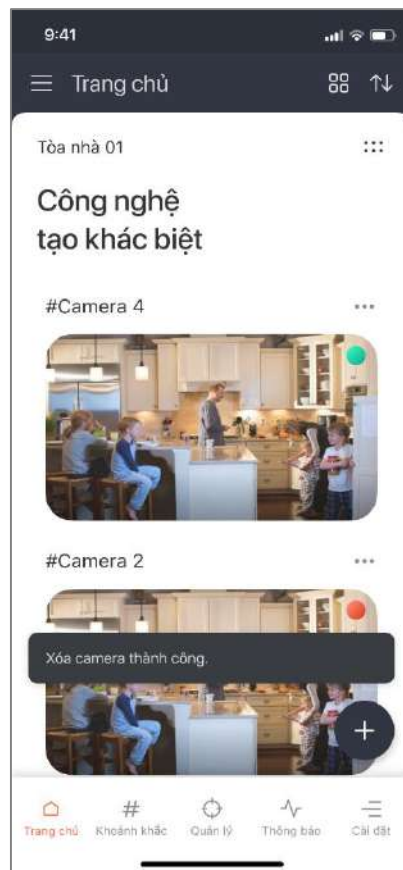
### 27.1 Camera có thẻ nhớ rời (Camera SE)

#### a. Trường hợp không xóa dữ liệu thẻ nhớ



**3**  
Nhấn Xóa

Trường hợp xóa camera thành công



Trường hợp xóa camera thất bại



**4.1**  
Nhấn Thử lại để tiếp tục xóa camera

**4.2**  
Nhấn Đóng để ngừng quá trình xóa camera

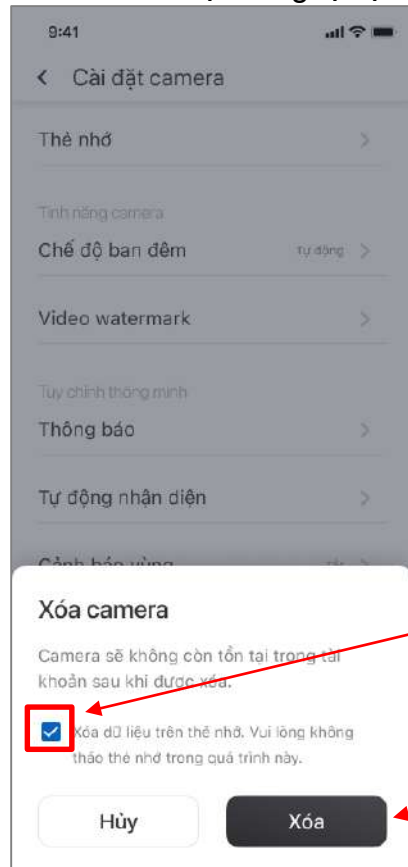
Chỉ người dùng có quyền Owner/Admin mới có thể xóa dữ liệu.

## 27. Xóa thiết bị

### 27.1 Camera có thể nhớ rời (Camera SE)

#### b. Trường hợp chọn xóa dữ liệu thẻ nhớ

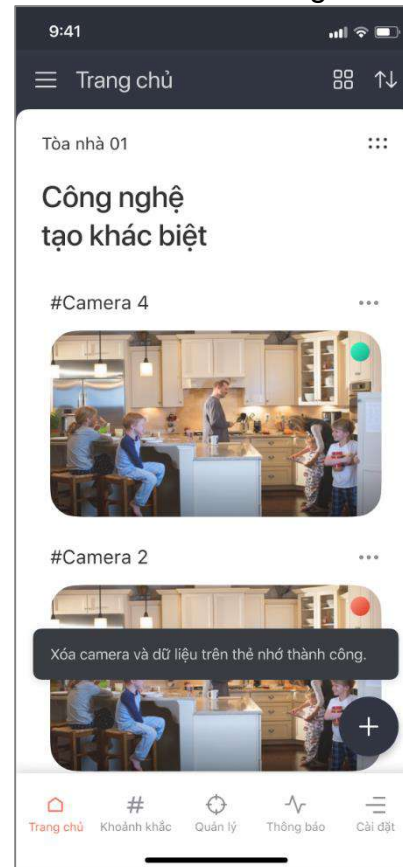
Thực hiện mở cài đặt và chọn xóa thiết bị tương tự tại mục [26.1a](#)



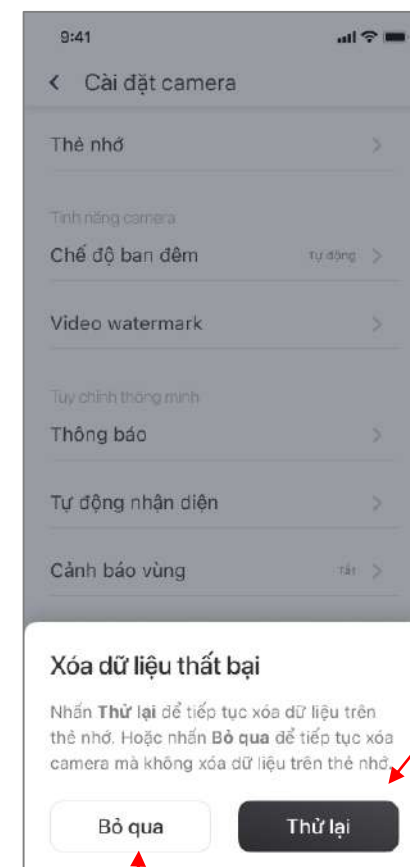
**3**  
Nhấn chọn xóa dữ liệu thẻ nhớ

**4**  
Nhấn Xóa

Trường hợp xóa camera và dữ liệu thẻ nhớ thành công



Trường hợp xóa liệu thẻ nhớ thất bại



**5.1**  
Nhấn Thử lại để tiếp tục xóa dữ liệu thẻ nhớ và camera

**5.2**  
Nhấn Bỏ qua để tiếp tục xóa camera mà không xóa dữ liệu thẻ nhớ.

Chỉ người dùng có quyền Owner/Admin mới có thể xóa dữ liệu.

### 27. Xóa thiết bị

#### 27.1 Camera có thể nhớ rời (Camera SE)

##### b. Trường hợp chọn xóa dữ liệu thẻ nhớ

Trường hợp xóa liệu thẻ nhớ thành công nhưng xóa camera thất bại



**5.1**

Nhấn Thử lại để tiếp tục xóa camera

**5.2**

Nhấn Đóng để ngừng quá trình xóa camera

Chỉ người dùng có quyền Owner/Admin mới có thể xóa dữ liệu.

## 27. Xóa thiết bị

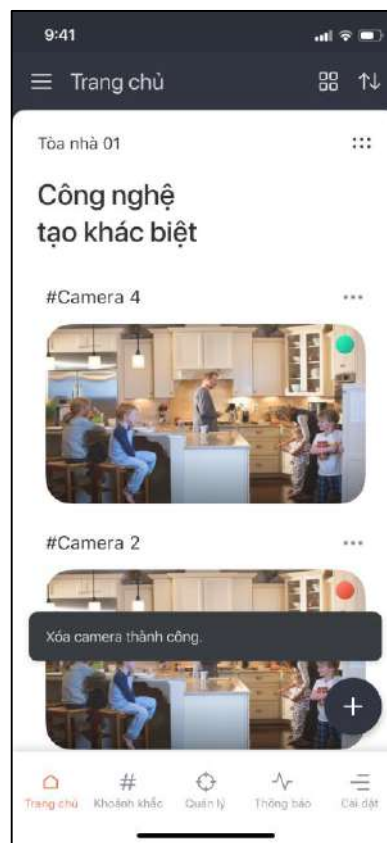
### 27.2 Camera không có thẻ nhớ rời

Thực hiện mở cài đặt và chọn xóa thiết bị tương tự tại mục [26.1a](#)

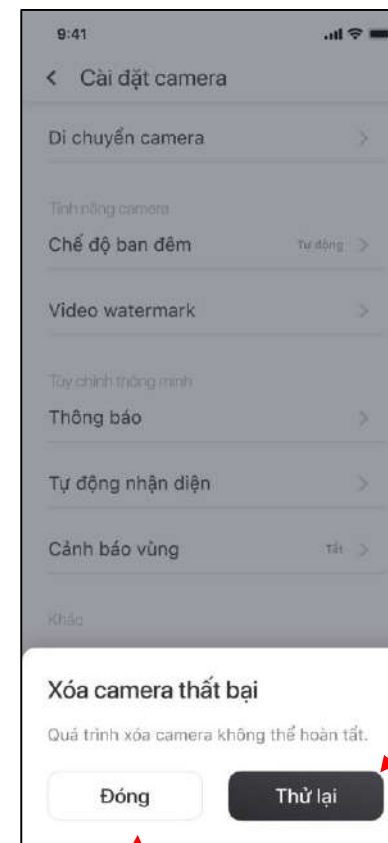


**3**  
Nhấn Xóa

Trường hợp xóa camera thành công



Trường hợp xóa camera thất bại

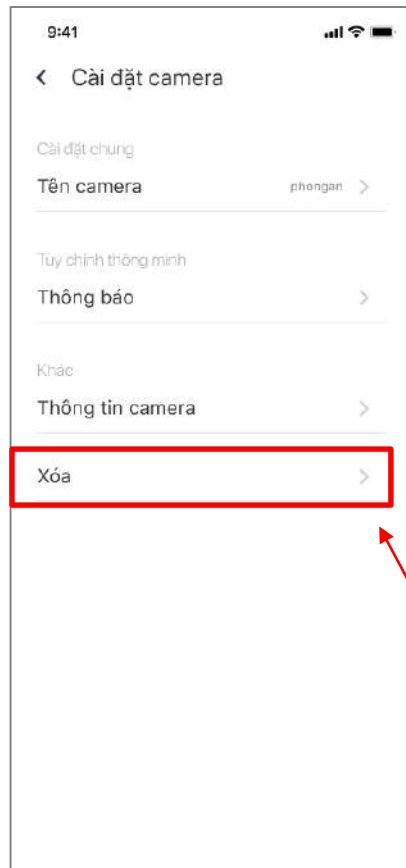


**4**  
Nhấn Thử lại để tiếp tục xóa camera

**5**  
Nhấn Đóng để ngừng quá trình xóa camera

## 27. Xóa thiết bị

### 27.3 Người dùng là Viewer/Shared



**1**  
Nhấn Xóa tại  
trang Cài đặt camera



**2.1**  
Nhấn nút Xóa để xóa  
quyền xem camera

**2.2**  
Nhấn Hủy nếu muốn  
ngừng quá trình xóa  
camera

**Chú ý:** người dùng với quyền Viewer/Shared xóa thiết bị khỏi tài khoản là chỉ xóa quyền xem thiết bị trên tài khoản của họ.

## 27. Xóa thiết bị

### 27.3 Người dùng là Viewer/Shared

Trường hợp xóa camera thành công



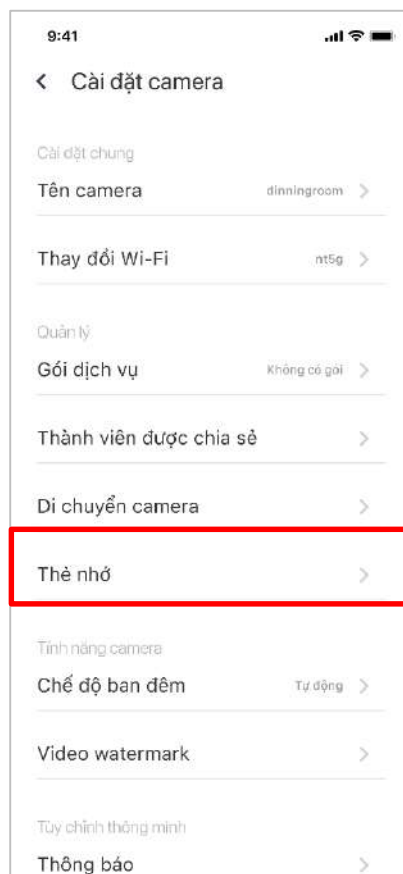
Trường hợp xóa camera thất bại



**3.1**  
Nhấn Thử lại để tiếp tục xóa camera

**3.2**  
Nhấn Đóng để ngừng quá trình xóa camera

## 28. Quản lý thẻ nhớ



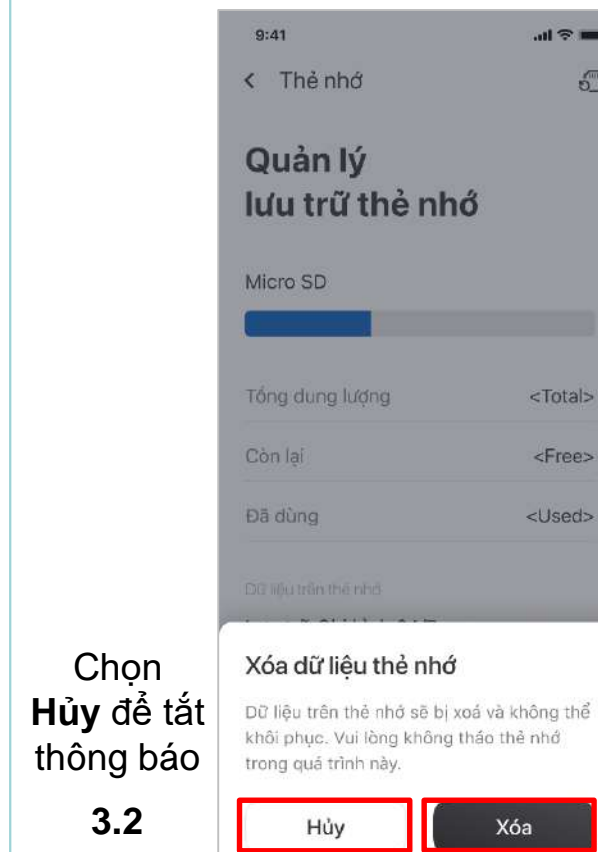
**1**  
Chọn mục  
**Thẻ nhớ**

*Trường hợp camera online*



**2.1**  
Chọn icon Thẻ  
nhớ để chọn xóa  
dữ liệu

**2.2**  
Nhấn để bật/ tắt  
lưu trữ ghi hình  
24/7



Chọn  
**Hủy** để tắt  
thông báo  
**3.2**

Chọn **Xóa**  
để xóa dữ  
liệu thẻ  
nhớ  
**3.1**

## 28. Quản lý thẻ nhớ

*Xóa dữ liệu thất bại*



Chọn **Đóng** để tắt thông báo

4.1.2

Chọn **Thử lại** để thử lại quá trình xóa dữ liệu

4.1.1

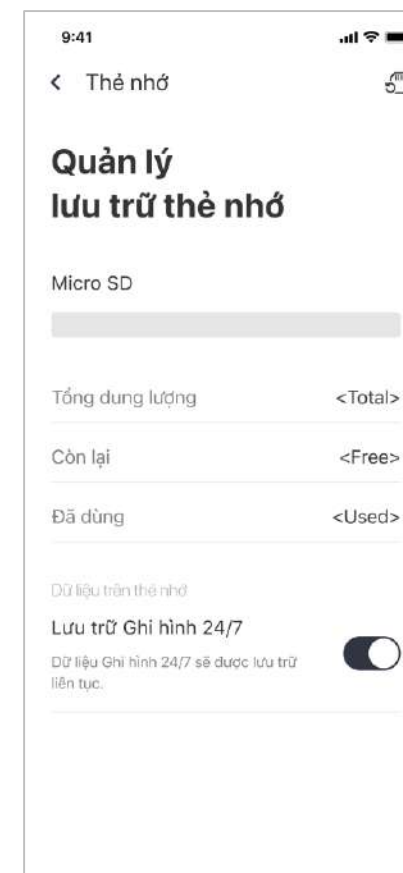
*Xóa dữ liệu thành công*



Chọn **Đóng** để tắt thông báo

4.1

*Giao diện sau khi xóa dữ liệu thành công*





### 28. Quản lý thẻ nhớ

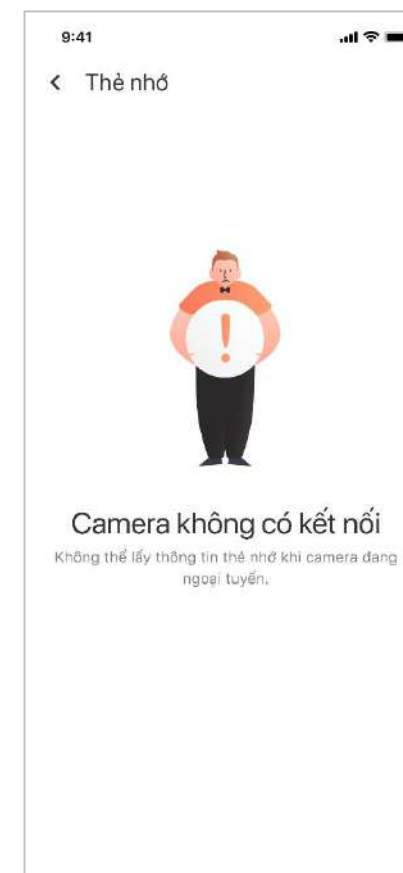
*Trường hợp tắt Lưu trữ ghi hình 24/7 thất bại*



*Trường hợp gắn thẻ nhớ trên 128G*

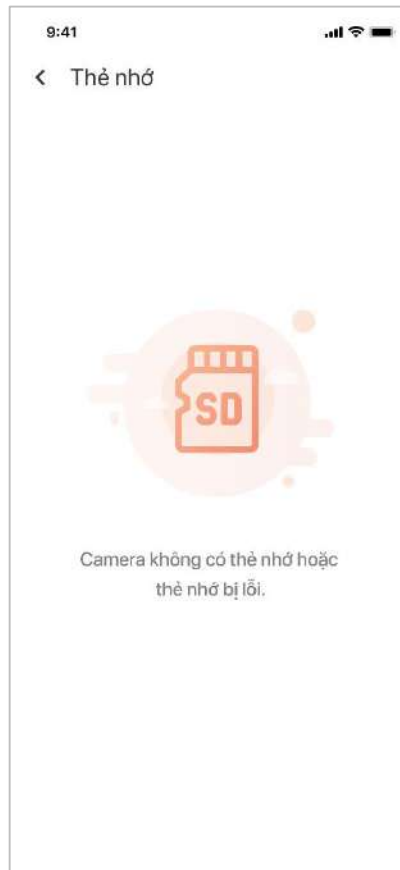


*Trường hợp không lấy được thông tin thẻ nhớ*

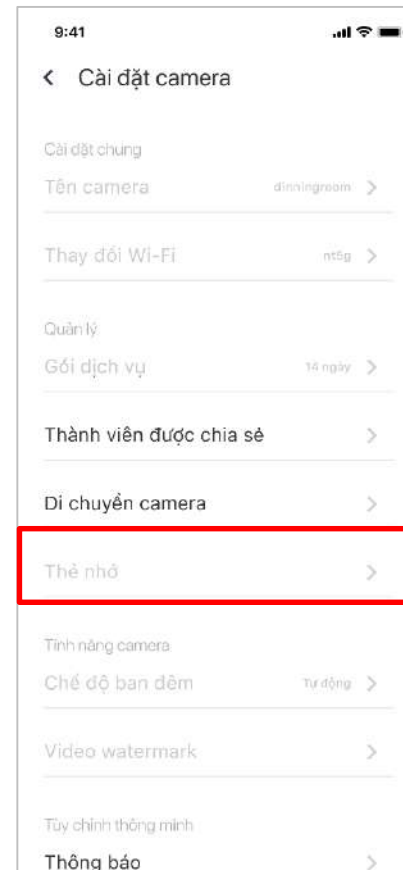


## 28. Quản lý thẻ nhớ

*Trường hợp thẻ bị lỗi/ không có thẻ nhớ*



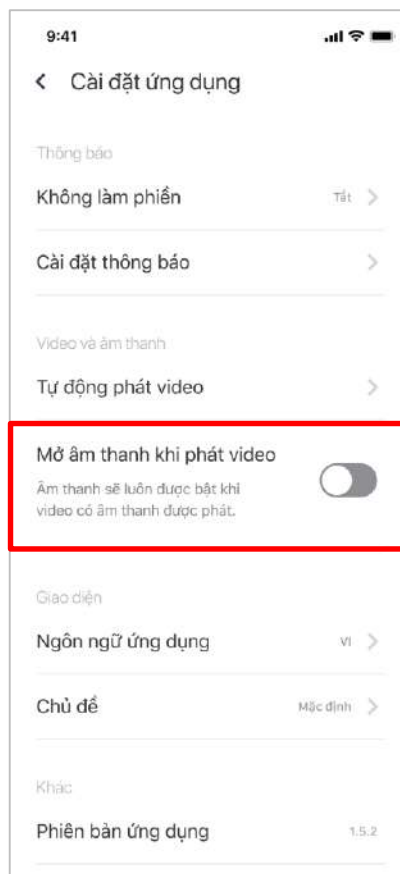
*Trường hợp camera offline*



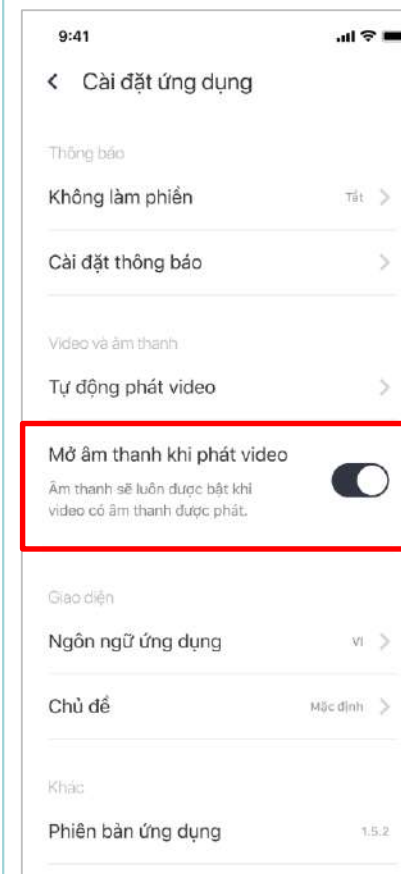
## 29. Mở âm thanh khi phát video



1 Chọn mục **Cài đặt ứng dụng**



2 Nhấn để bật **Mở âm thanh khi phát video**

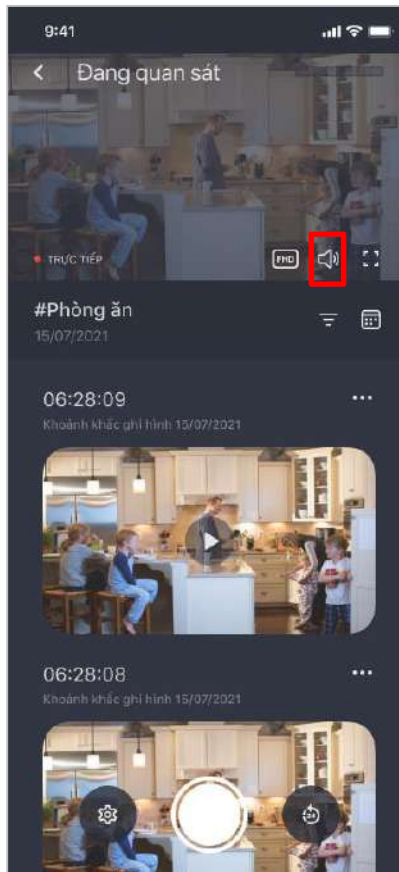


*Bật thành công*

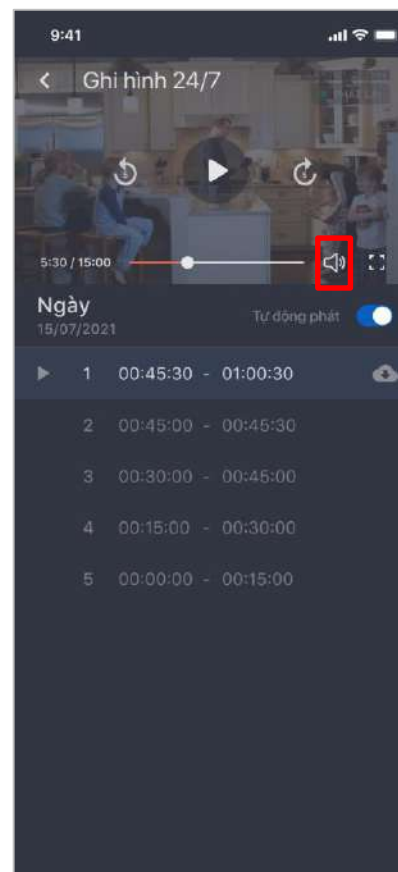
Phát âm thanh cho livestream và video có hỗ trợ âm thanh

## 29. Mở âm thanh khi phát video

Khi vào livestream/video, giá trị âm thanh là: Bật  
Tuy nhiên vẫn có thể thay đổi giá trị âm thanh ngay trên trình điều khiển



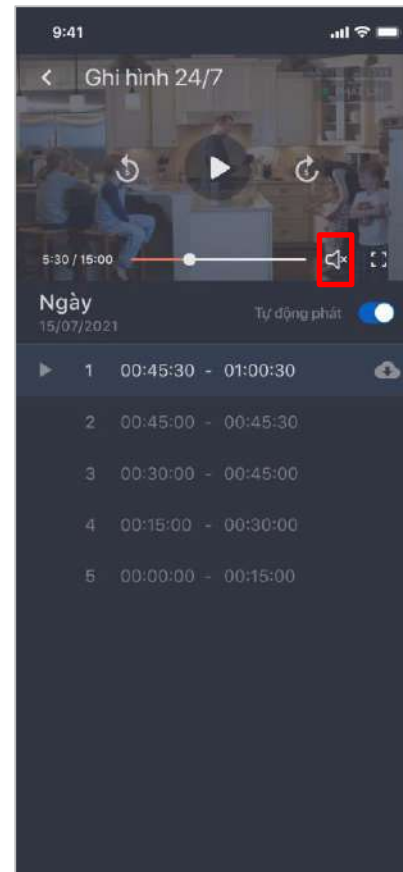
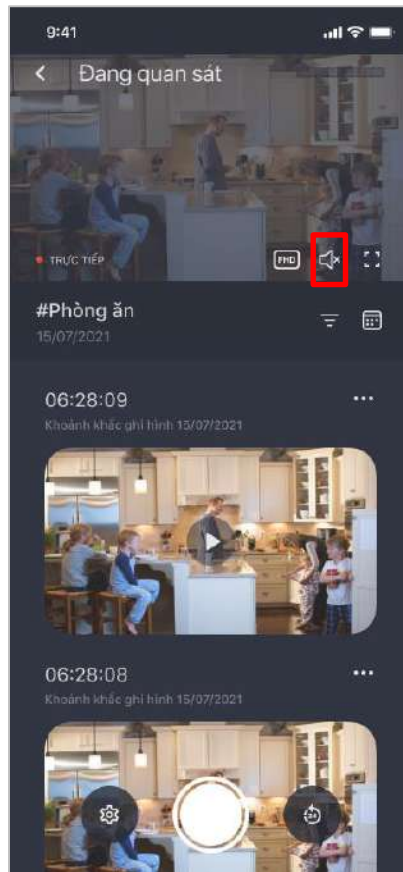
**3.1**  
Nhấn để tắt  
âm thanh



**3.2**  
Nhấn để tắt  
âm thanh

## 29. Mở âm thanh khi phát video

Âm thanh trên livestream/video sẽ được tắt tạm thời



### II. SME PLATFORM (Small and Medium Enterprise)

## 1. Chuyển đổi chế độ người dùng 1.1. Chuyển từ chế độ gia đình sang chế độ doanh nghiệp

Giao diện ở chế độ Gia đình



1  
Chọn  
Cài đặt



2  
Nhấn để mở  
danh sách các  
chế độ

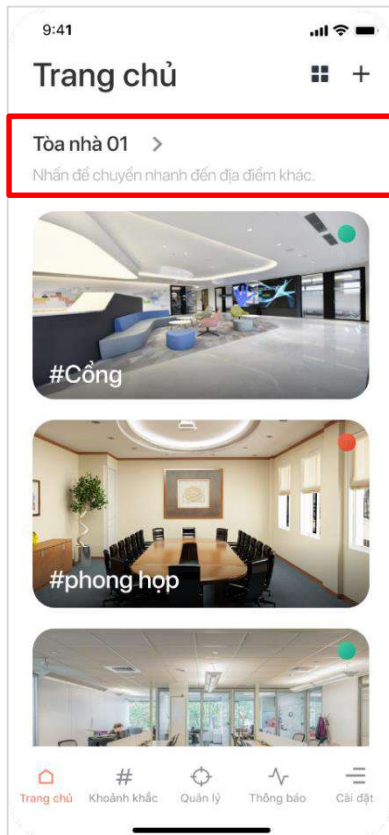


3  
Chọn công ty  
muốn chuyển đổi

**1. Chuyển đổi chế độ người dùng (tt)**  
**1.1. Chuyển từ chế độ gia đình sang chế độ doanh nghiệp**

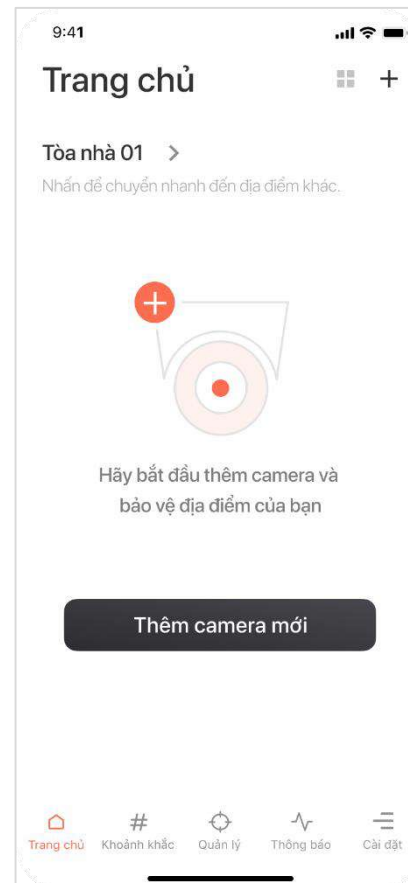
*TH: Chuyển chế độ thành công*

**4** Chuyển về trang chủ, hiển thị dữ liệu của công ty vừa chuyển

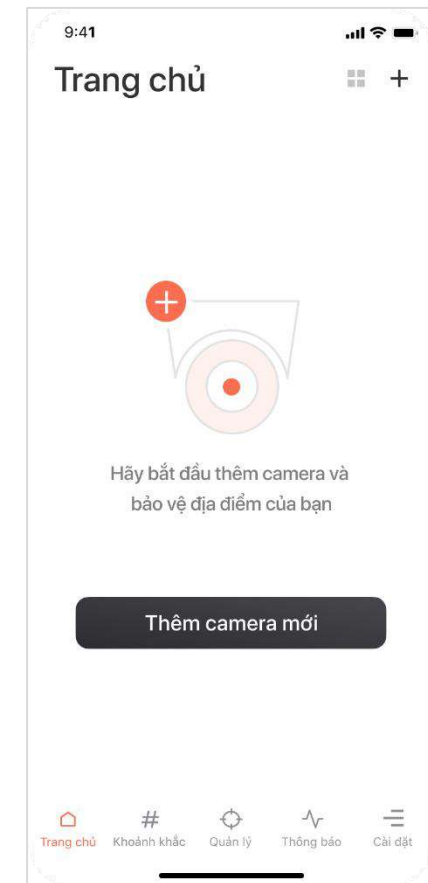


Mặc định hiển thị địa điểm đầu tiên trong danh sách địa điểm

**4.1a** Dữ liệu địa điểm của công ty vừa chuyển chưa có camera



**4.1b** Dữ liệu của công ty vừa chuyển chưa có địa điểm





## 1. Chuyển đổi chế độ người dùng (tt)

### 1.1. Chuyển từ chế độ gia đình sang chế độ doanh nghiệp

*TH: Chuyển chế độ thất bại*

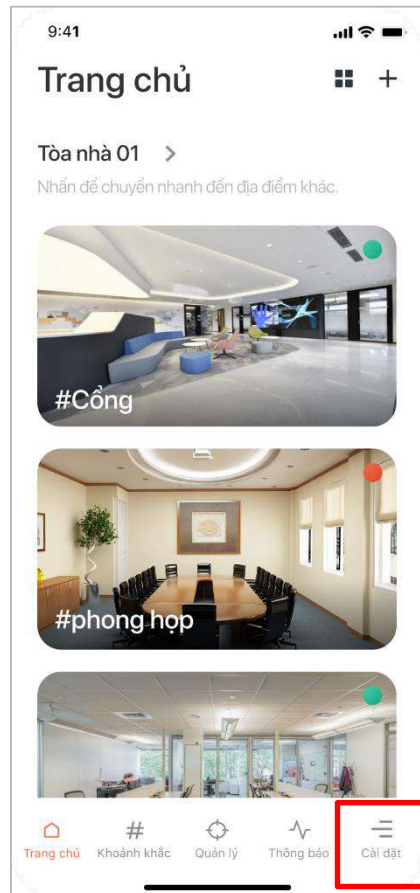


4.2

Hiện thị thông báo chuyển chế độ thất bại

## 1. Chuyển đổi chế độ người dùng (tt) 1.2. Chuyển từ chế độ doanh nghiệp sang chế độ gia đình

Giao diện ở chế độ Doanh nghiệp



**1**  
Chọn Cài đặt



**2**  
Nhấn để mở danh sách các chế độ

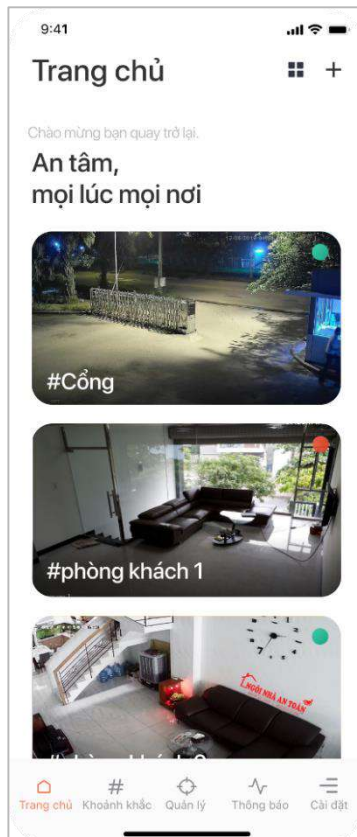


**3**  
Nhấn chọn chế độ Gia đình

1. Chuyển đổi chế độ người dùng (tt)  
 1.2. Chuyển từ chế độ doanh nghiệp sang chế độ gia đình

TH: Chuyển chế độ thành công

4 Chuyển về trang chủ, hiển thị dữ liệu của chế độ Gia đình



TH: Chuyển chế độ thất bại

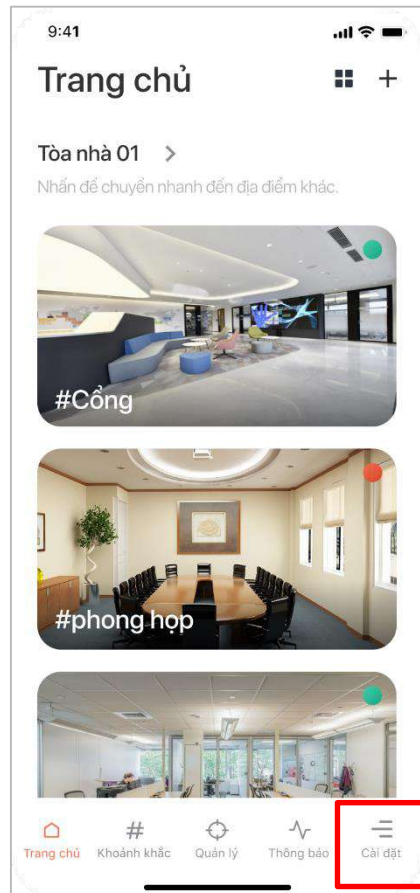


4.1

Hiển thị thông báo chuyển chế độ thất bại

## 1. Chuyển đổi chế độ người dùng (tt) 1.3. Chuyển từ doanh nghiệp này sang doanh nghiệp khác

Giao diện ở chế độ Doanh nghiệp



**1**  
Chọn Cài đặt



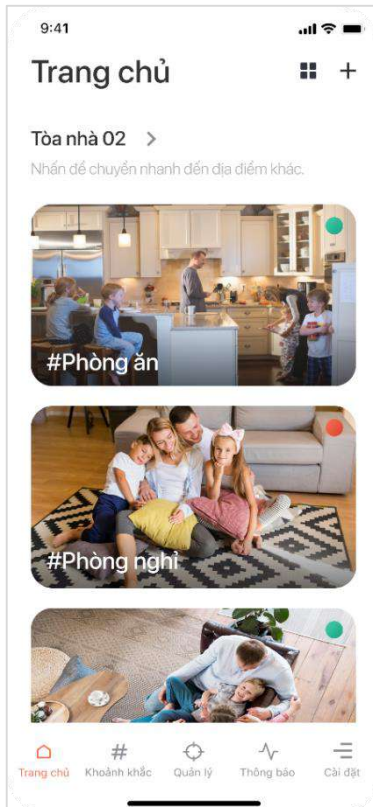
**2**  
Nhấn để mở danh sách các chế độ



**3**  
Nhấn để chọn công ty khác

1. Chuyển đổi chế độ người dùng (tt)  
 1.3. Chuyển từ doanh nghiệp này sang doanh nghiệp khác

4 TH: Chuyển chế độ thành công  
 Chuyển về trang chủ, hiển thị dữ liệu của công ty vừa chuyển



TH: Chuyển chế độ thất bại



4.1  
 Hiển thị thông báo chuyển chế độ thất bại

## 1. Chuyển đổi chế độ người dùng (tt)

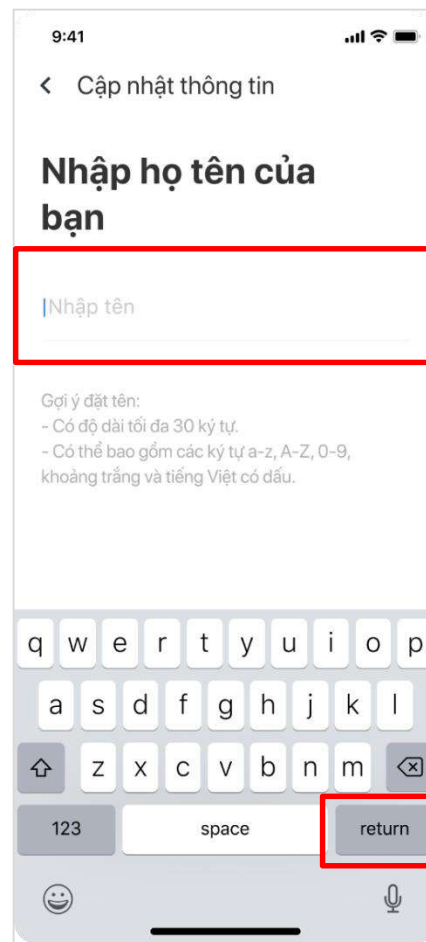
### 1.4. Cập nhật tên của chủ sở hữu

Các bước chuyển đổi chế độ người dùng

*Xem bước 1,2,3 mục 1.3*



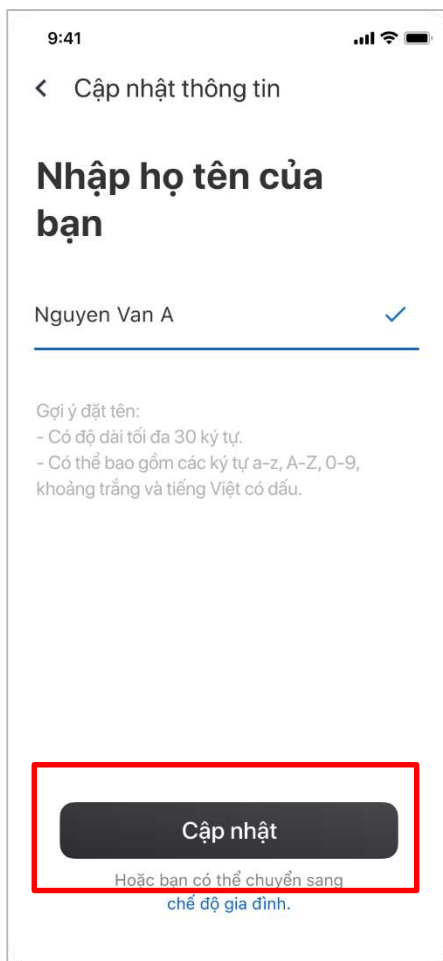
*Bắt buộc cập nhật tên trong trường hợp chuyển chế độ sang công ty bất kỳ nhưng chủ sở hữu chưa tự đặt tên trong công ty đó.*



**4** Nhập họ tên của chủ sở hữu

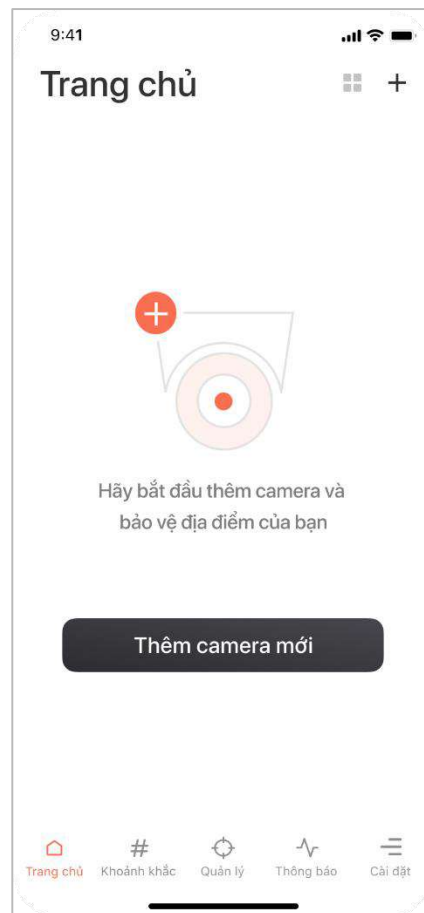
**5** Nhấn để ẩn bàn phím

## 1. Chuyển đổi chế độ người dùng (tt) 1.4. Cập nhật tên của chủ sở hữu



**6**  
Nhấn để  
lưu lại tên

TH: Cập nhật thành công  
Chưa có địa điểm và camera



TH: Cập nhật thất bại



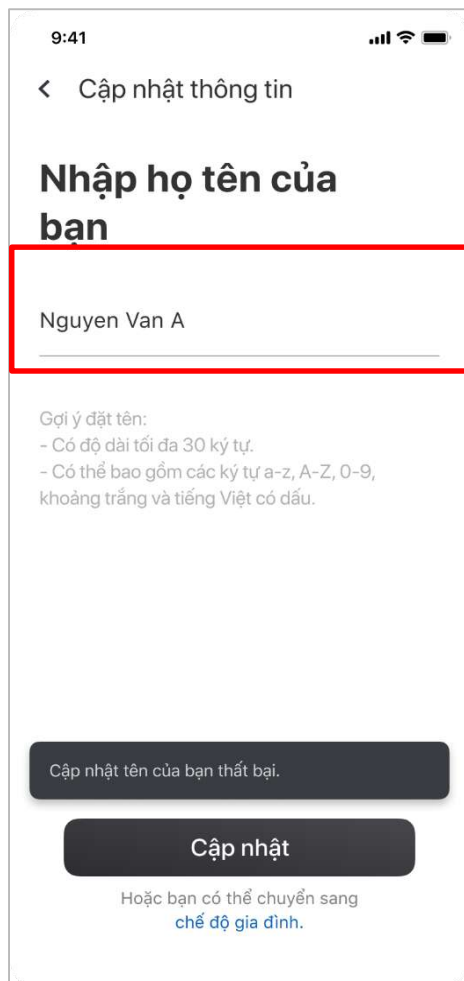
**6.1**

Nhấn "**Cập nhật**"  
để thực hiện lại  
thao tác lưu

## 1. Chuyển đổi chế độ người dùng (tt)

### 1.4. Cập nhật tên của chủ sở hữu

*TH: Cập nhật thất bại*



9:41

< Cập nhật thông tin

**Nhập họ tên của bạn**

Nguyen Van A

Gợi ý đặt tên:  
 - Có độ dài tối đa 30 ký tự.  
 - Có thể bao gồm các ký tự a-z, A-Z, 0-9, khoảng trắng và tiếng Việt có dấu.

Cập nhật tên của bạn thất bại.

**Cập nhật**

Hoặc bạn có thể chuyển sang chế độ gia đình.

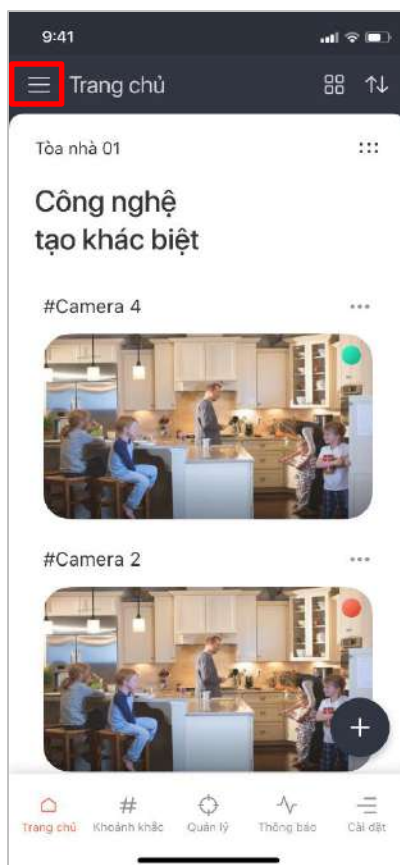
**6.2** Hoặc nhấn để nhập lại tên  
Thực hiện lại từ bước 4



## 2. Quản lý địa điểm

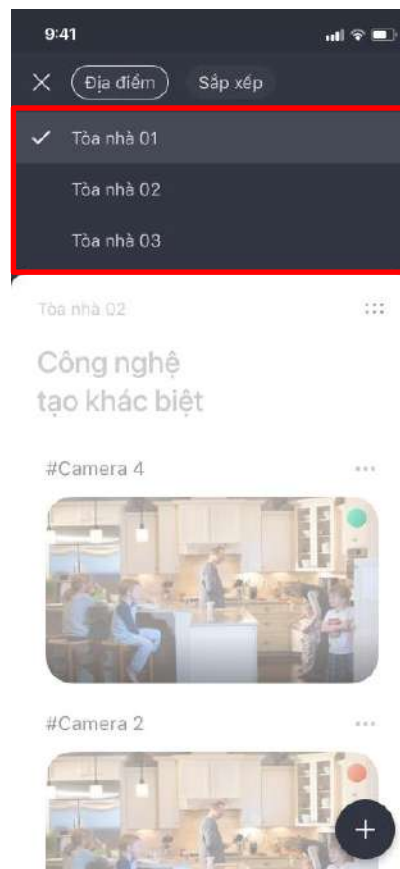
### 2.1. Chuyển đổi địa điểm trong cùng doanh nghiệp

#### 2.1.1. Chuyển đổi ở Trang chủ



**1**  
Nhấn vào  
Menu

Màn hình hiển thị danh sách địa điểm user có quyền truy cập



**2**  
Nhấn chọn  
địa điểm  
muốn đổi

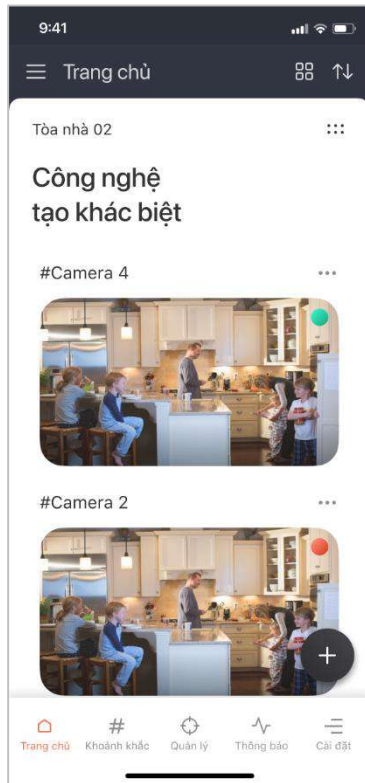
*Chuyển đổi địa điểm áp dụng khi người dùng có quyền truy cập nhiều hơn 1 địa điểm trong cùng doanh nghiệp.*

## 2. Quản lý địa điểm

### 2.1. Chuyển đổi địa điểm trong cùng doanh nghiệp

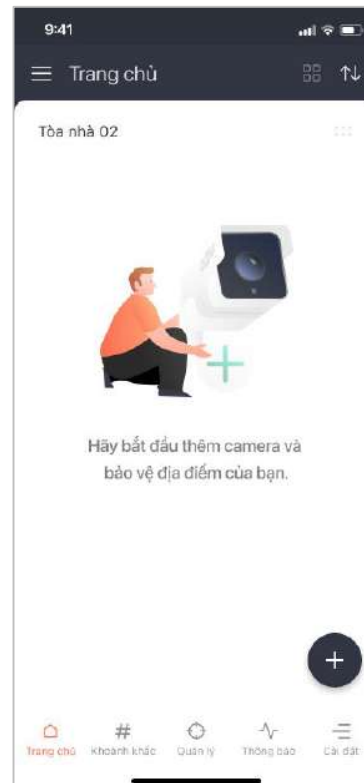
#### 2.1.1. Chuyển đổi ở Trang chủ

*Trường hợp chuyển địa điểm thành công*



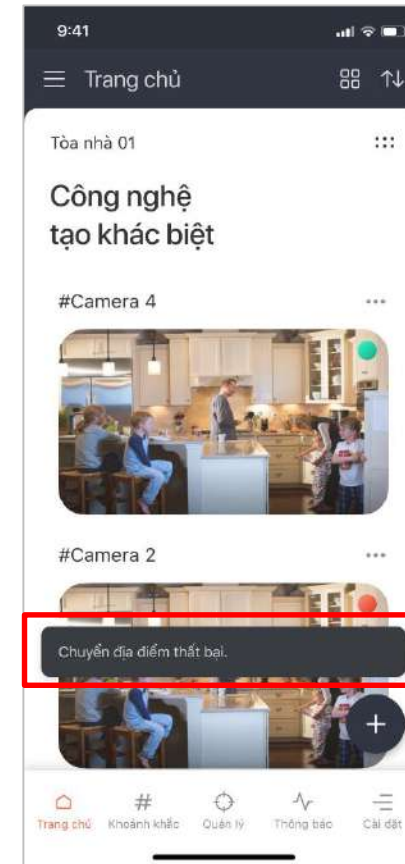
Màn hình hiển thị địa điểm có dữ liệu

*Trường hợp chuyển địa điểm thành công*



Màn hình hiển thị địa điểm không có dữ liệu

*Trường hợp chuyển địa điểm thất bại*



Hiện thị thông báo chuyển địa điểm thất bại

*Chuyển đổi địa điểm áp dụng khi người dùng có quyền truy cập nhiều hơn 1 địa điểm trong cùng doanh nghiệp.*

## 2. Quản lý địa điểm

### 2.1. Chuyển đổi địa điểm trong cùng doanh nghiệp

#### 2.1.2. Chuyển đổi trong Quản lý địa điểm



**2**  
Nhấn để mở  
danh sách  
địa điểm

**1**  
Chọn Cài đặt

*Chuyển đổi địa điểm áp dụng khi người dùng có quyền truy cập nhiều hơn 1 địa điểm trong cùng doanh nghiệp.*

## 2. Quản lý địa điểm

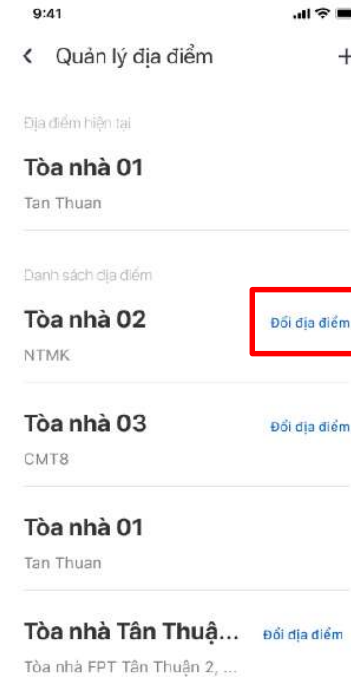
### 2.1. Chuyển đổi địa điểm trong cùng doanh nghiệp

#### 2.1.2. Chuyển đổi trong Quản lý địa điểm

*Trường hợp người dùng có quyền truy cập chỉ 1 địa điểm*



*Trường hợp người dùng có quyền truy cập nhiều địa điểm*



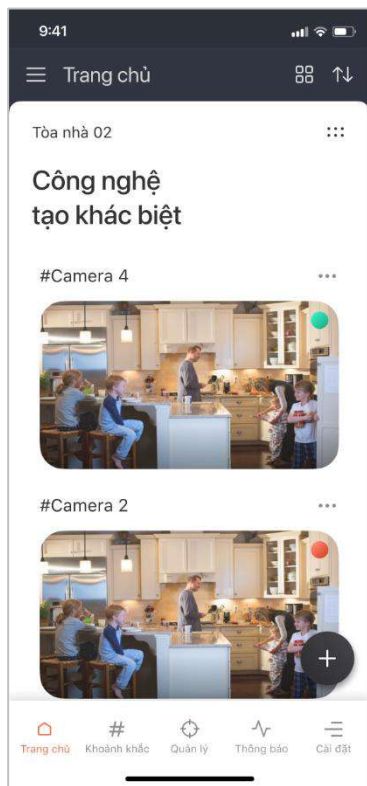
**3**  
Nhấn  
để đổi địa  
điểm

## 2. Quản lý địa điểm

### 2.1. Chuyển đổi địa điểm trong cùng doanh nghiệp

#### 2.1.2. Chuyển đổi trong Quản lý địa điểm

*Trường hợp chuyển địa điểm thành công*



Màn hình hiển thị địa điểm có dữ liệu

Màn hình hiển thị địa điểm không có dữ liệu

*Trường hợp chuyển địa điểm thất bại*



Hiện thị thông báo chuyển địa điểm thất bại

*Chuyển đổi địa điểm áp dụng khi người dùng có quyền truy cập nhiều hơn 1 địa điểm trong cùng doanh nghiệp.*

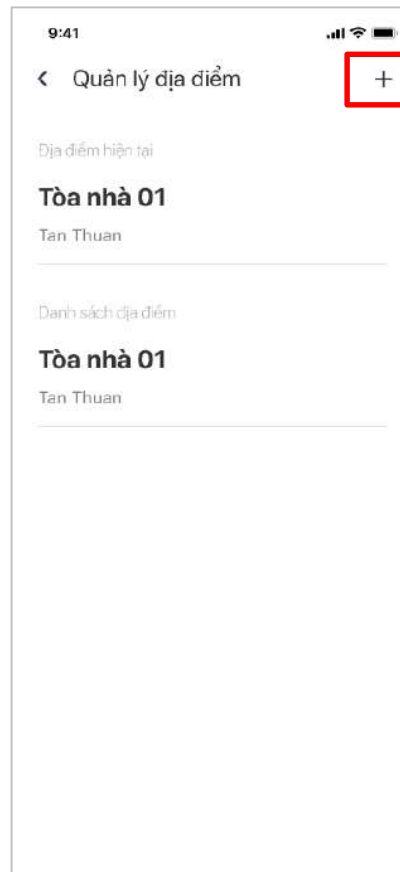
## 2. Quản lý địa điểm

### 2.2. Thêm địa điểm mới

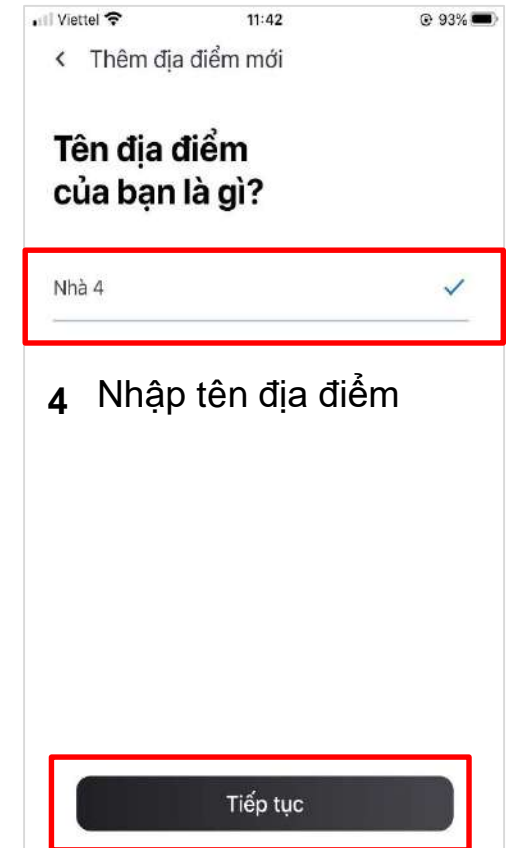


**2**  
Nhấn để mở  
danh sách  
địa điểm

**1**  
Chọn  
Cài đặt



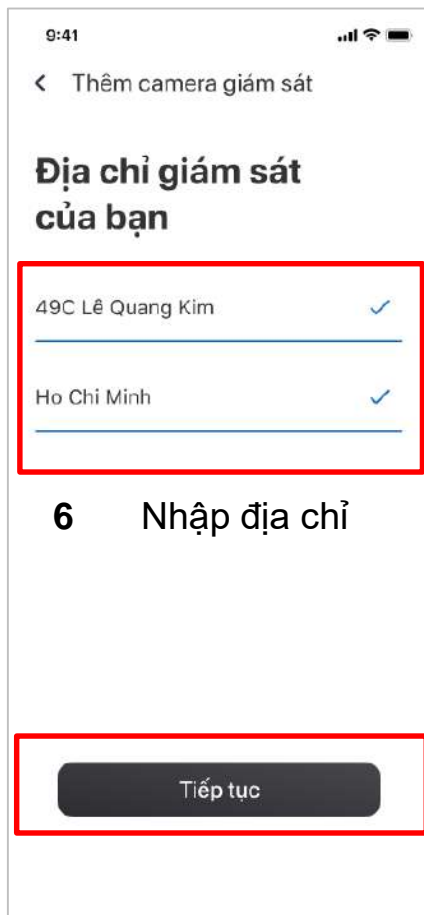
**3**  
Nhấn để  
thêm địa  
điểm



**5**

## 2. Quản lý địa điểm

### 2.2. Thêm địa điểm mới



9:41

< Thêm camera giám sát

**Địa chỉ giám sát của bạn**

49C Lê Quang Kim ✓

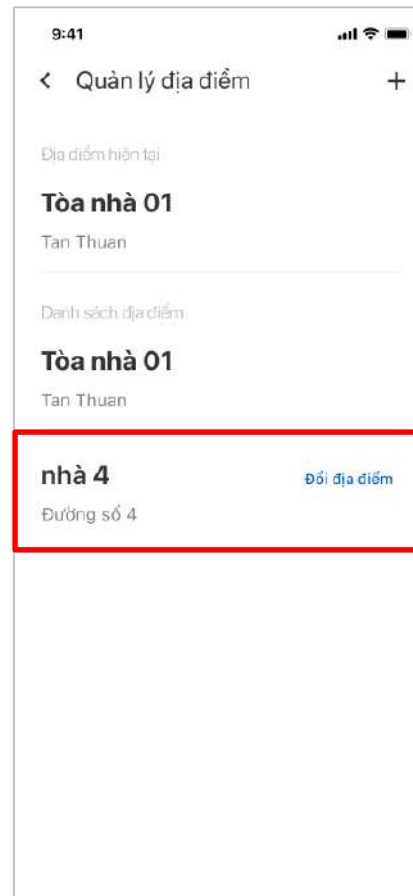
Ho Chi Minh ✓

**6** Nhập địa chỉ

**7** Nhấn để lưu

Tiếp tục

*Màn hình thêm địa điểm thành công*



9:41

< Quản lý địa điểm +

Địa điểm hiện tại

**Tòa nhà 01**  
Tan Thuan

Danh sách địa điểm

**Tòa nhà 01**  
Tan Thuan

**nhà 4** [Đổi địa điểm](#)  
Đường số 4

Địa điểm mới vừa tạo

## 2. Quản lý địa điểm

### 2.2. Thêm địa điểm mới

*Lưu ý: Người dùng là quản trị viên hoặc thành viên được chia sẻ không thể thực hiện tác vụ*



3

Nhấn để thêm địa điểm



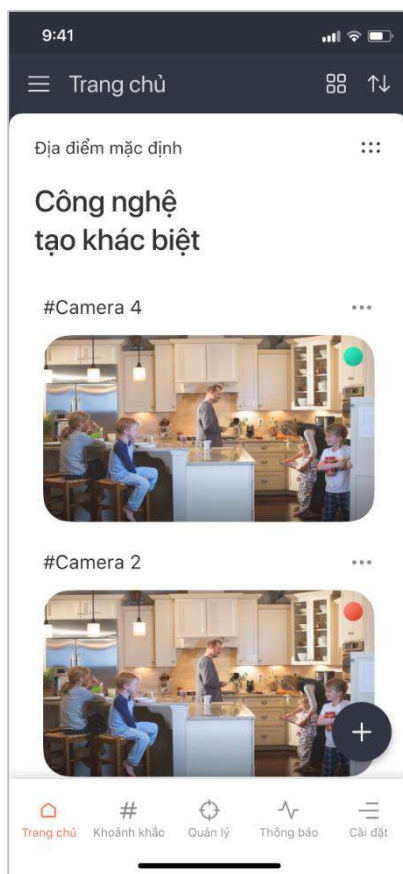
Hiện thị thông báo không thể thêm địa điểm



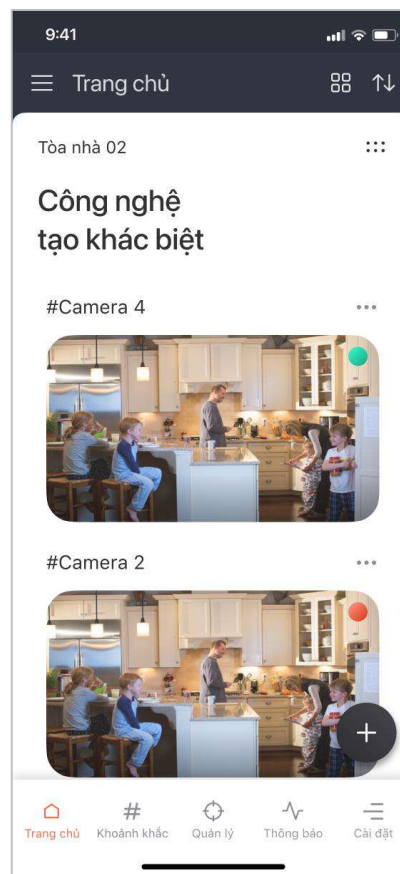
## 2. Quản lý địa điểm

### 2.3. Địa điểm mặc định

*Đối với người dùng mới và người dùng cũ chưa tạo bất kì địa điểm nào thì hệ thống sẽ tạo Địa điểm mặc định*

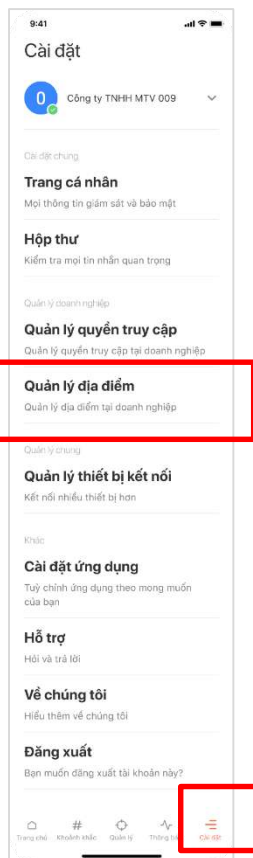


*Đối với người dùng cũ đã tạo ít nhất 1 địa điểm sẽ chọn địa điểm đầu tiên trong danh sách địa điểm làm địa điểm mặc định.*



Địa điểm mặc định chỉ áp dụng với người dùng là Owner, Owner có thể đổi tên và thêm địa chỉ đối với Địa điểm mặc định do hệ thống đã tạo.

**2. Quản lý địa điểm (tt)**  
**2.4. Thêm quản trị viên vào địa điểm**  
**2.4.1. Thêm bằng cách nhập SĐT**

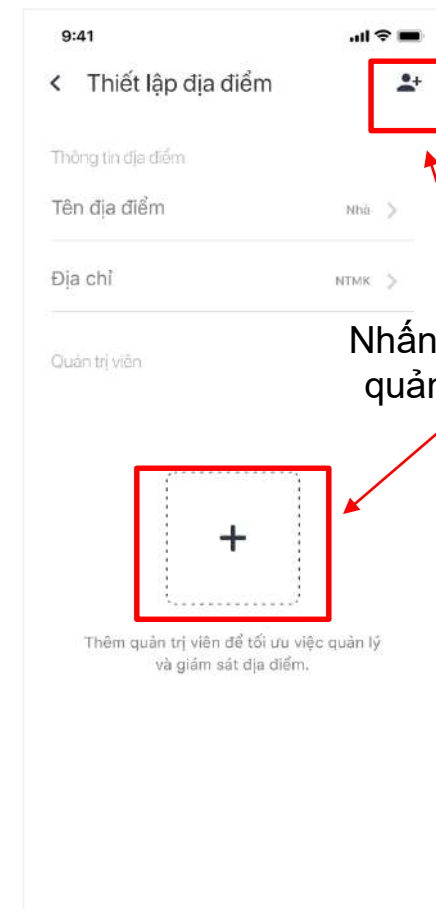


**2**  
 Nhấn để mở danh sách địa điểm

**1**  
 Chọn Cài đặt



**3**  
 Chọn địa điểm muốn thêm quản trị viên



**4**  
 Nhấn để thêm quản trị viên

2. Quản lý địa điểm (tt)  
 2.4. Thêm quản trị viên vào địa điểm  
 2.4.1. Thêm bằng cách nhập SĐT

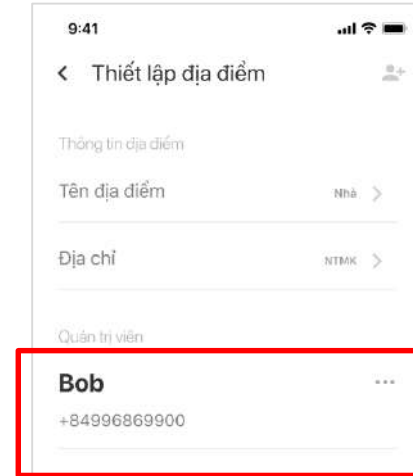


**5**  
 Nhập SĐT của quản trị viên

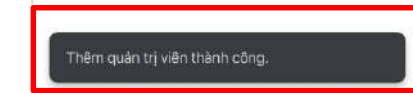


**6**  
 Nhấn để chuyển sang bước sau

*TH: người dùng đã có quyền trong doanh nghiệp -> không cần nhập tên của quản trị viên*



Quản trị viên đã thêm



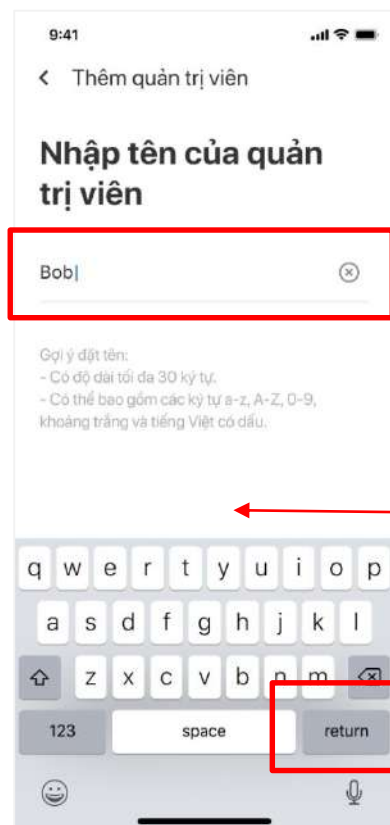
Hiện thị thông báo thêm quản trị viên thành công

## 2. Quản lý địa điểm (tt)

### 2.4. Thêm quản trị viên vào địa điểm

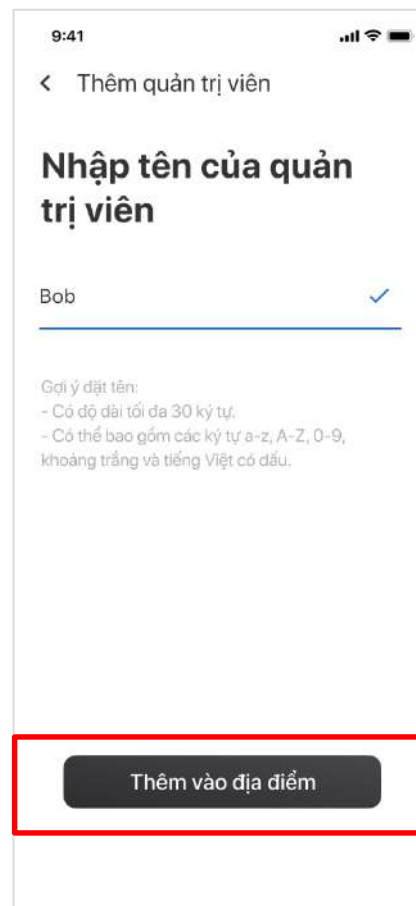
#### 2.4.1. Thêm bằng cách nhập SĐT

TH: người dùng chưa có quyền trong doanh nghiệp -> tự nhập tên của quản trị viên



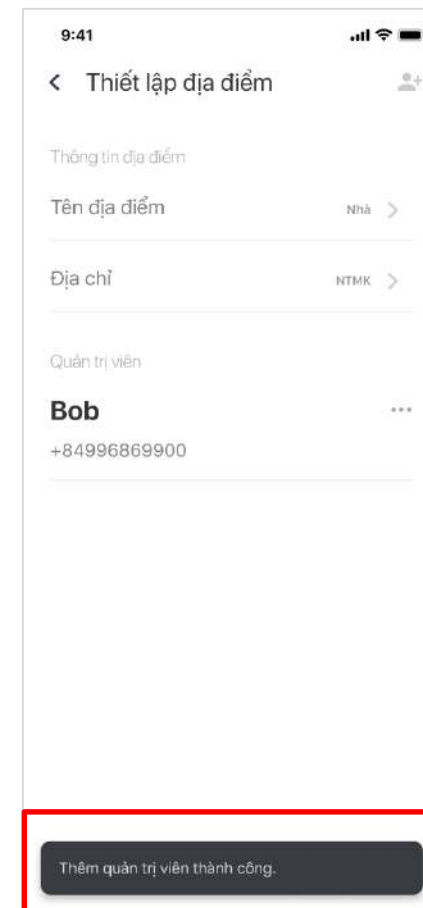
**7**  
Nhập tên

**8**  
Nhấn để ẩn bàn phím



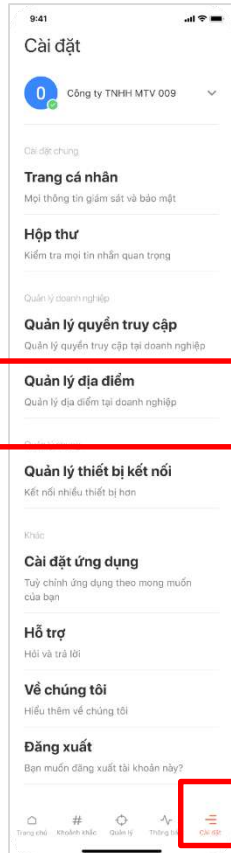
**9**  
Nhấn để thêm quản trị viên vào địa điểm

*Giao diện thêm quản trị viên thành công*



Hiện thị thông báo thêm quản trị viên thành công

**2. Quản lý địa điểm (tt)**  
**2.4. Thêm quản trị viên vào địa điểm**  
**2.4.2. Thêm bằng cách chọn SĐT từ danh bạ**

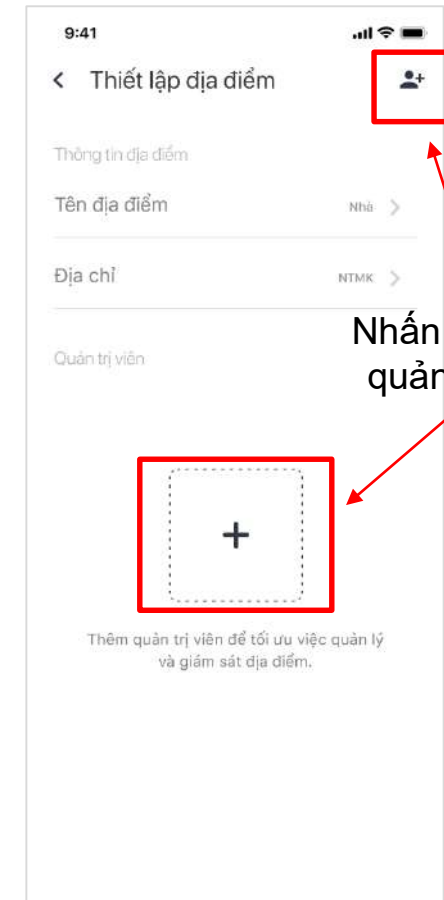


**2**  
 Nhấn để mở danh sách địa điểm

**1**  
 Chọn Cài đặt



**3**  
 Chọn địa điểm muốn thêm quản trị viên

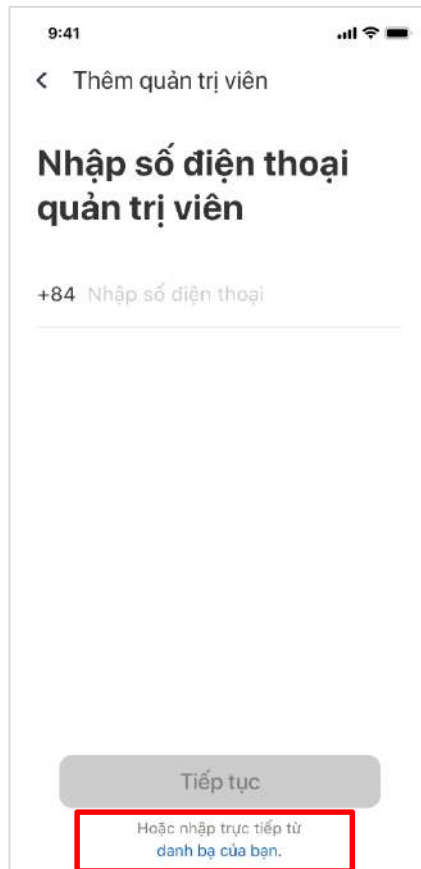


**4**  
 Nhấn để thêm quản trị viên

## 2. Quản lý địa điểm (tt)

### 2.4. Thêm quản trị viên vào địa điểm

#### 2.4.2. Thêm bằng cách chọn SĐT từ danh bạ



**5**  
Nhấn để  
truy cập  
danh bạ

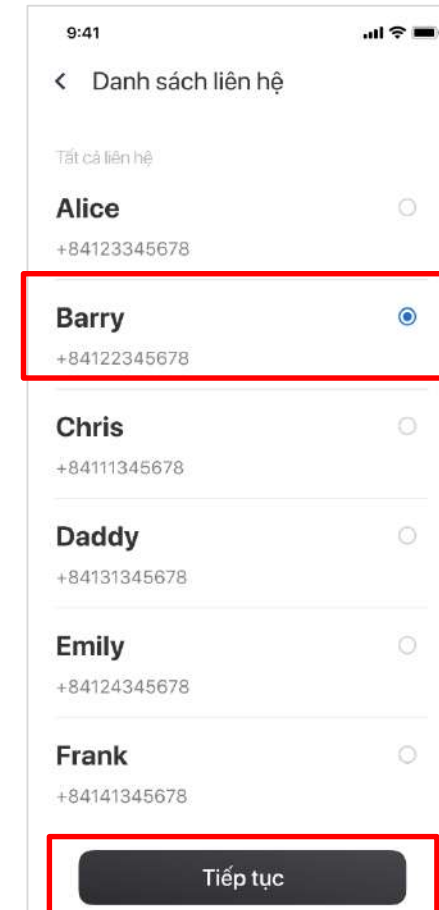
*TH: người dùng chưa cấp quyền truy cập danh bạ cho ứng dụng*



Nhấn để đi tới mục  
cài đặt trên thiết bị

**6**

*TH: người dùng đã cấp quyền truy cập danh bạ cho ứng dụng*



**7**  
Chọn người  
để thêm

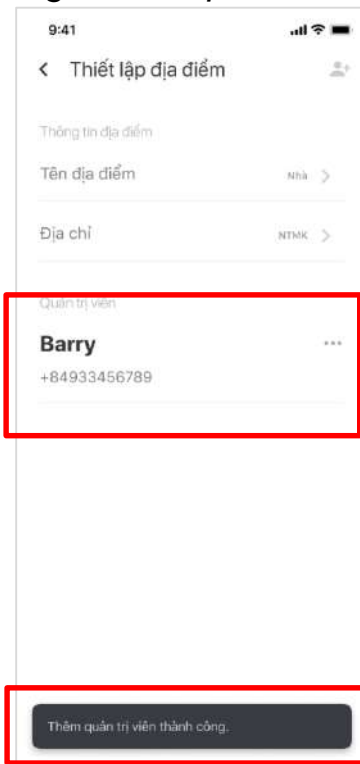
**8**  
Nhấn để  
thêm quản  
trị viên

## 2. Quản lý địa điểm (tt)

### 2.4. Thêm quản trị viên vào địa điểm

#### 2.4.2. Thêm bằng cách chọn SĐT từ danh bạ

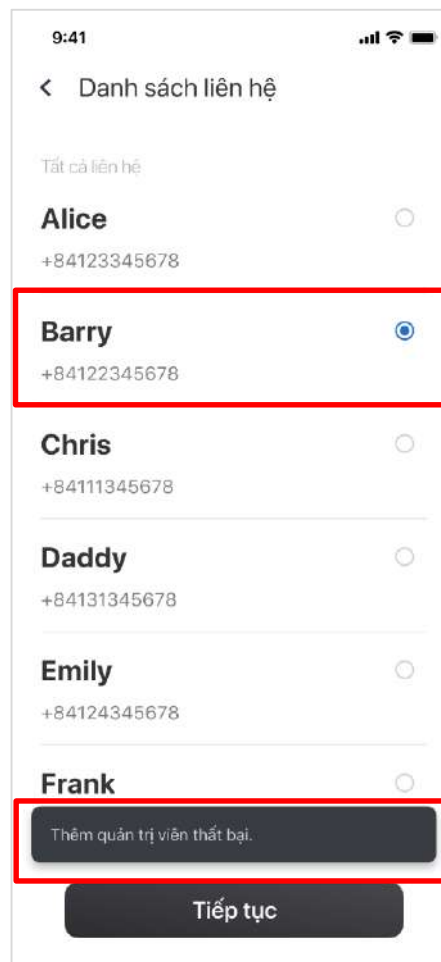
TH: người dùng đã có quyền trong doanh nghiệp -> không cần nhập tên của quản trị viên



Quản trị viên đã thêm

Hiển thị thông báo thêm quản trị viên thành công

#### Giao diện thêm quản trị viên thất bại



8.1

Nhấn để thực hiện lại thao tác chọn người để thêm  
Thực hiện lại từ bước 7

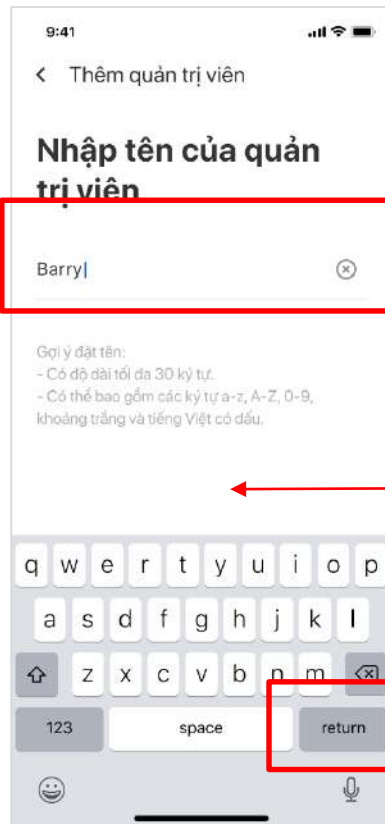
Hiển thị thông báo thêm quản trị viên thất bại

## 2. Quản lý địa điểm (tt)

### 2.4. Thêm quản trị viên vào địa điểm

#### 2.4.2. Thêm bằng cách chọn SĐT từ danh bạ

TH: người dùng chưa có quyền trong doanh nghiệp -> tự nhập tên của quản trị viên



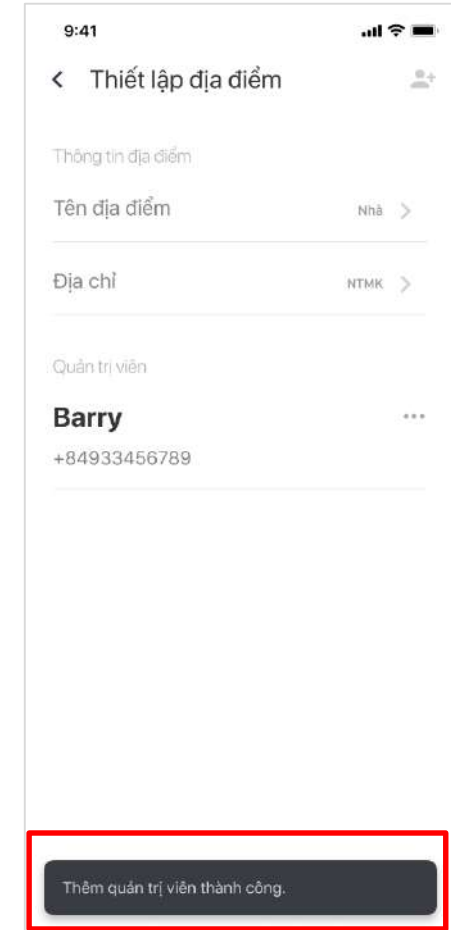
**9**  
Nhập tên

**10**  
Nhấn để ẩn bàn phím



**11**  
Nhấn để thêm quản trị viên vào địa điểm

Giao diện thêm quản trị viên thành công



Hiện thị thông báo thêm quản trị viên thành công

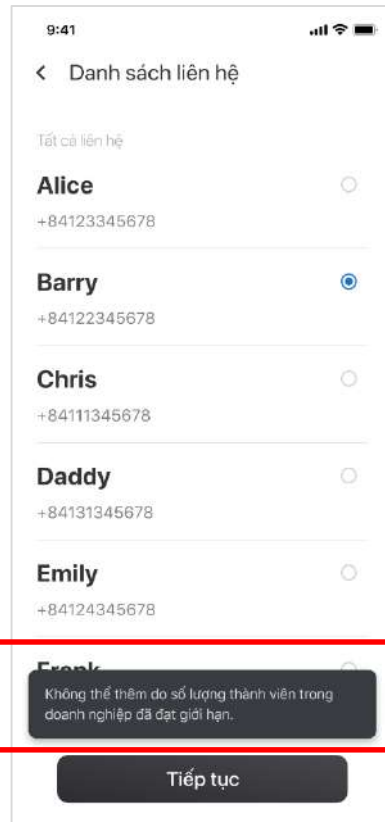


## 2. Quản lý địa điểm (tt)

### 2.4. Thêm quản trị viên vào địa điểm

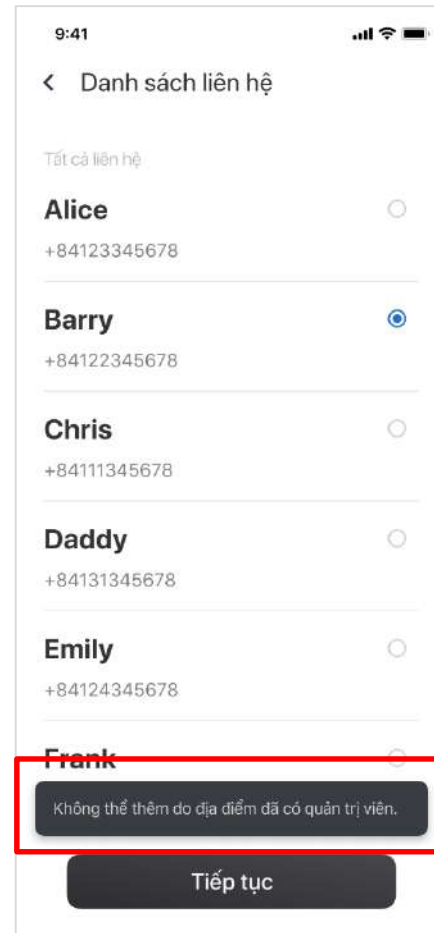
#### 2.4.3. Các trường hợp thêm QTV thất bại

Không thể thêm vì quá giới hạn 15 người trong 1 doanh nghiệp



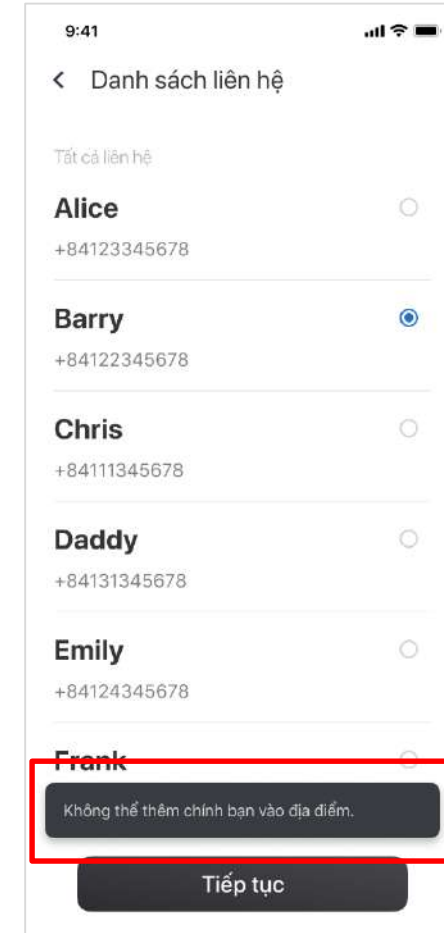
Hiển thị thông báo lỗi

Không thể thêm QTV vì 1 địa điểm chỉ được thêm 1 QTV duy nhất



Hiển thị thông báo lỗi

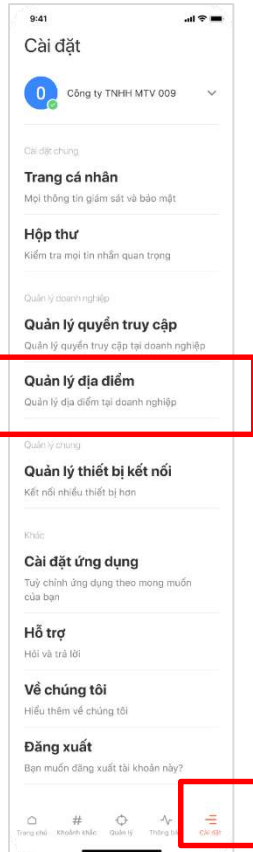
Chủ sở hữu không thể tự thêm chính mình vào vai trò QTV của địa điểm



Hiển thị thông báo lỗi

## 2. Quản lý địa điểm (tt)

### 2.5. Xóa quản trị viên khỏi địa điểm

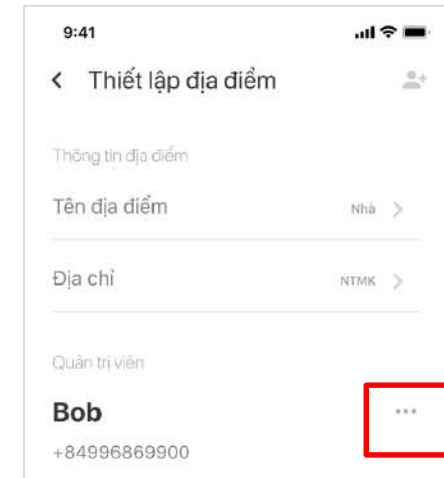


**2**  
Nhấn để mở danh sách địa điểm

**1**  
Chọn Cài đặt



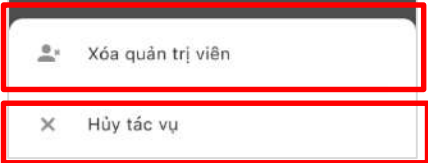
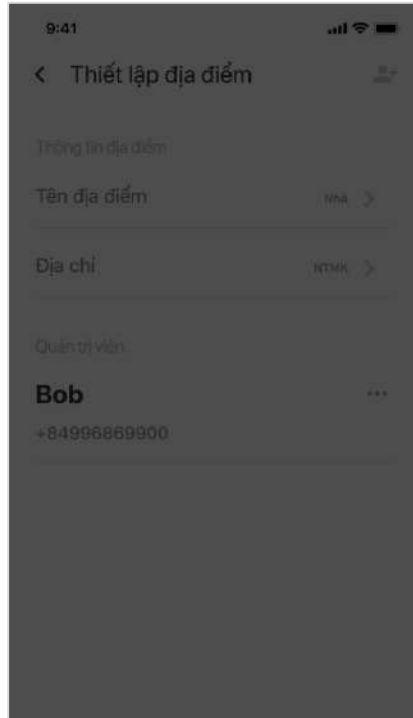
**3**  
Chọn địa điểm muốn xóa quản trị viên



**4**  
Nhấn để mở menu chứa tác vụ xóa

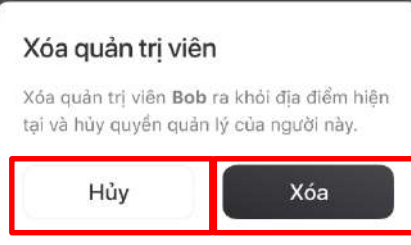
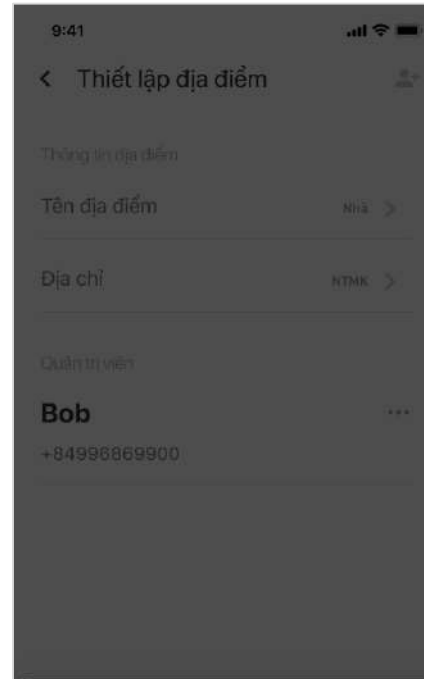
## 2. Quản lý địa điểm (tt)

### 2.5. Xóa quản trị viên khỏi địa điểm



**5** Nhấn để chọn xóa

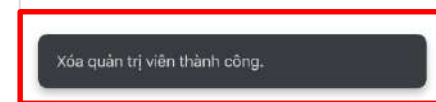
**5.1** Nhấn "Hủy tác vụ"  
Hoặc nhấn vùng bất kỳ bên ngoài để tắt



**6** Nhấn để xóa QTV

**6.1** Nhấn "Hủy"  
Hoặc nhấn vùng bất kỳ bên ngoài để tắt

*Giao diện xóa quản trị viên thành công*

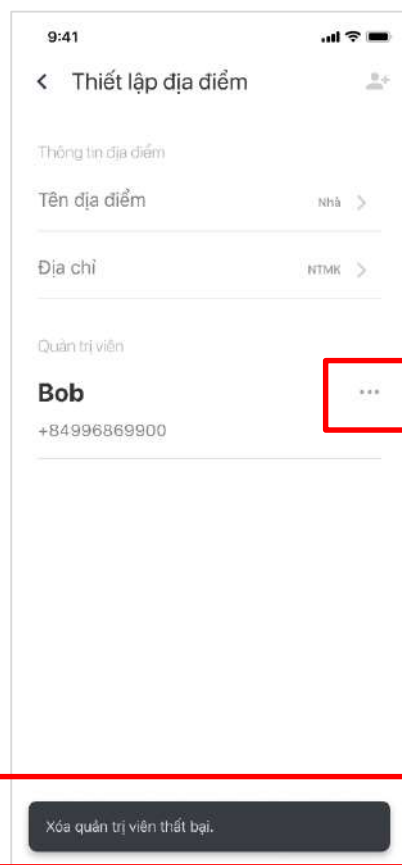


Hiện thị thông báo xóa QTV thành công

## 2. Quản lý địa điểm (tt)

### 2.5. Xóa quản trị viên khỏi địa điểm

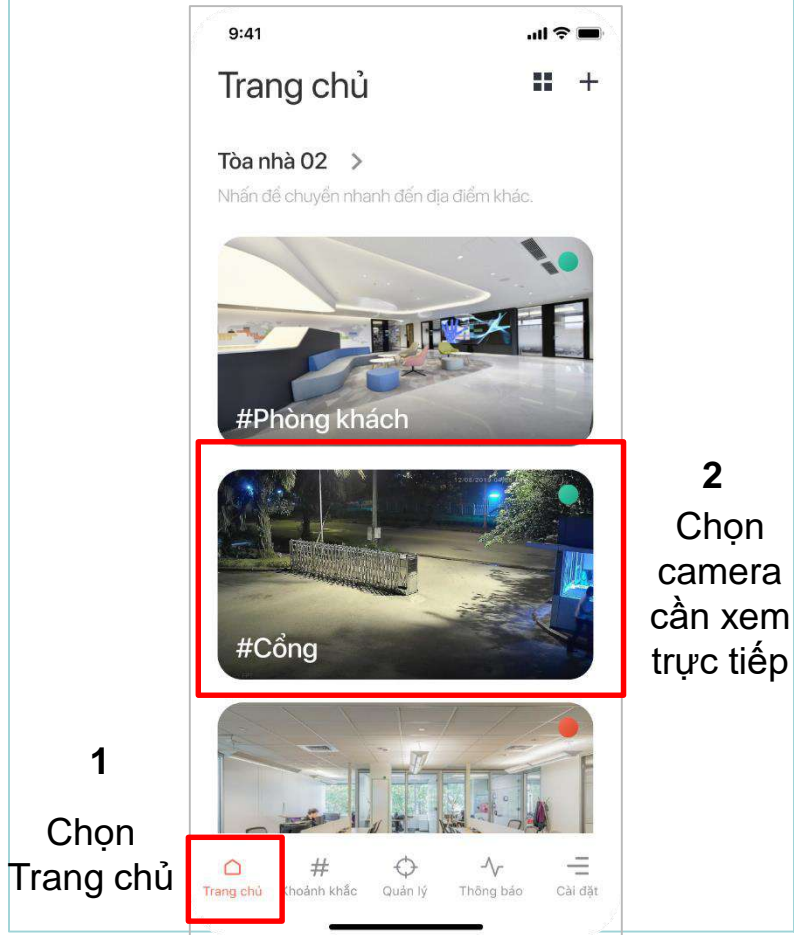
*Giao diện xóa quản trị viên thất bại*



**6.2** Nhấn để thực hiện lại tác vụ xóa  
Thao tác từ bước 4

Hiển thị thông báo xóa QTV thất bại

## 3. Hướng dẫn xem camera 3.1. Xem trực tiếp (Livestream)



### Màn hình xem trực tiếp



Trạng thái nút FHD:

- Màu cam khi xem trực tiếp ở chế độ Full HD
- Màu xám khi xem trực tiếp ở chế độ HD

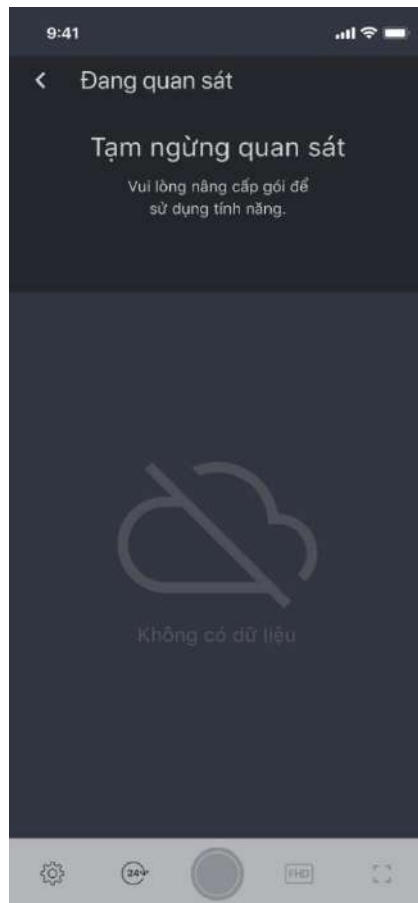


### 3. Hướng dẫn xem camera (tt)

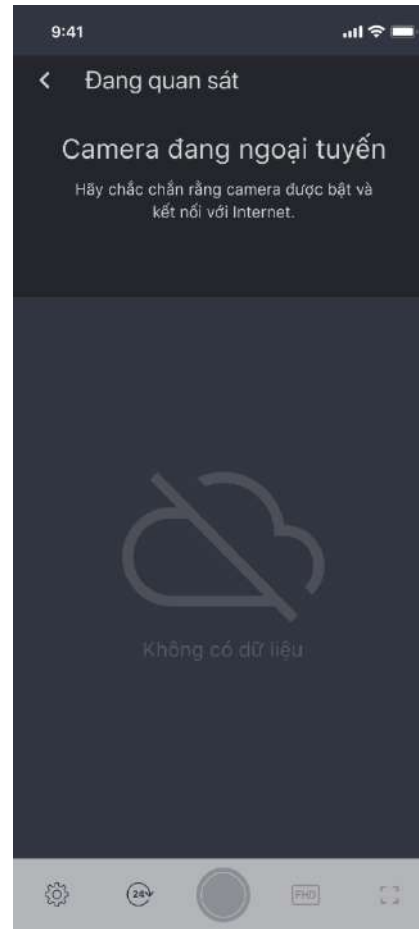
#### 3.1. Xem trực tiếp (Livestream)

#### Các trường hợp lỗi khi xem trực tiếp

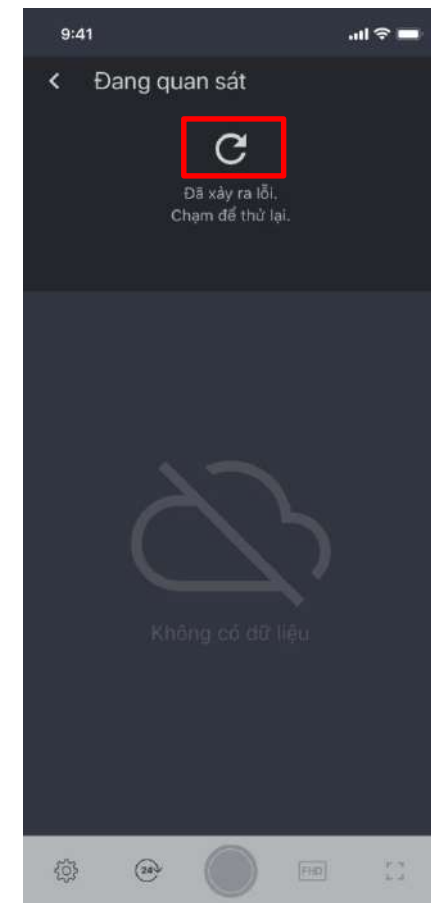
*TH1: Camera không có gói dịch vụ*



*TH2: Camera offline*



*TH3: Kết nối bị gián đoạn*



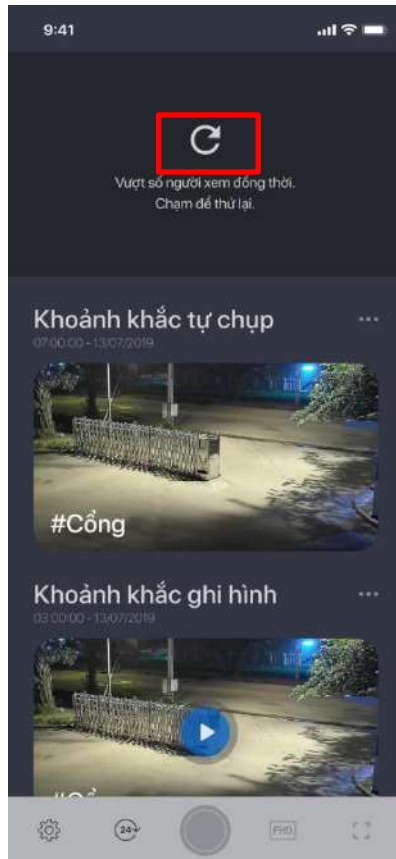
Nhấn để  
tải lại  
livestream

### 3. Hướng dẫn xem camera (tt)

#### 3.1. Xem trực tiếp (Livestream)

##### Các trường hợp lỗi khi xem trực tiếp

*TH4: Vượt số lượng thiết bị xem đồng thời - CCU\* (10+1)\*\* cho phép trên 1 camera*



Nhấn để tải lại livestream

(\*) CCU: Số lượng thiết bị xem đồng thời tại cùng một thời điểm trên livestream của 1 camera

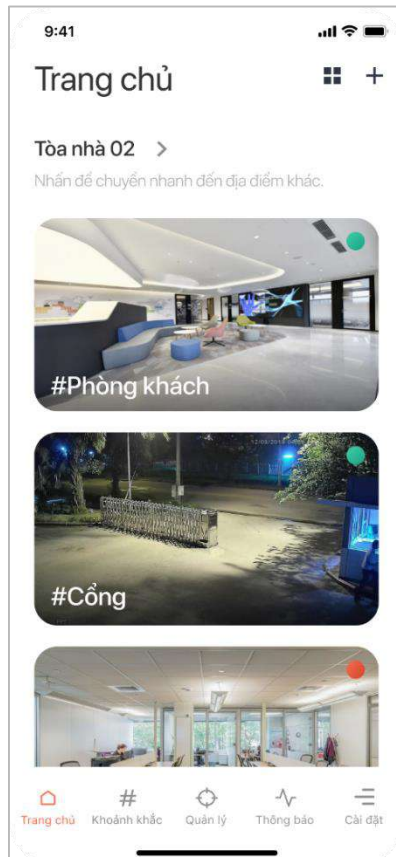
(\*\*) Quy tắc 10+1:

- Nếu CCU của camera là 10 và không có chủ sở hữu trong tổng số 10 thiết bị đó thì sẽ ưu tiên thêm chủ sở hữu vào luồng xem livestream. Lúc này, tổng CCU = 11.
- Nếu CCU của camera là 10 và đã có chủ sở hữu trong tổng số 10 thiết bị đó thì sẽ không thêm bất cứ người dùng nào vào luồng xem livestream. Lúc này tổng CCU = 10.

## 3. Hướng dẫn xem camera (tt)

### 3.2. Xem và tải dữ liệu full recording (24/7) và dữ liệu chuyển động

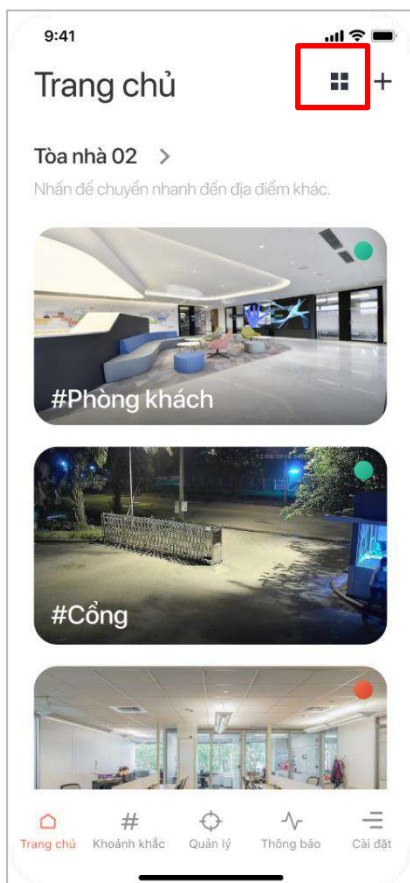
Xem phần A, mục I  
Tiểu mục 6.2



Chỉ hiển thị các camera của địa điểm đang thao tác.

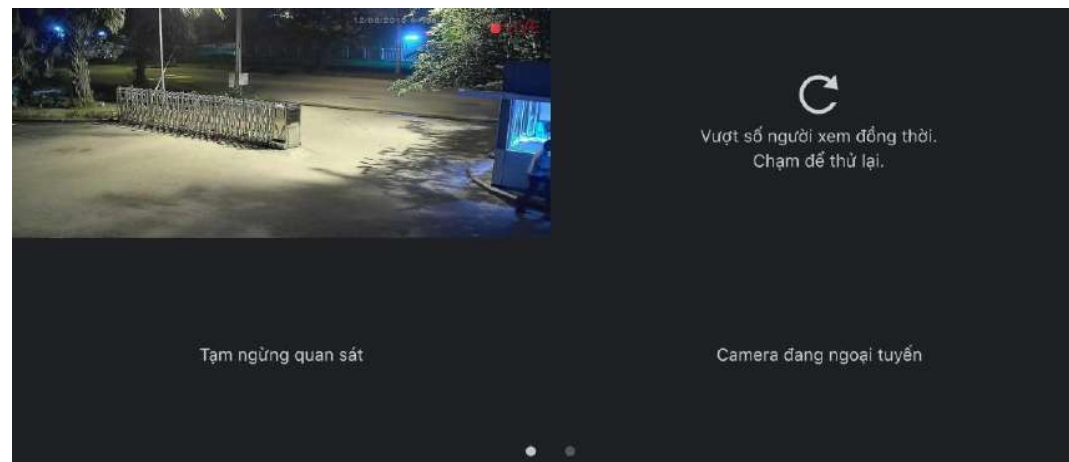


## 3. Hướng dẫn xem camera (tt) 3.3. Chế độ xem lưới (Gridview)

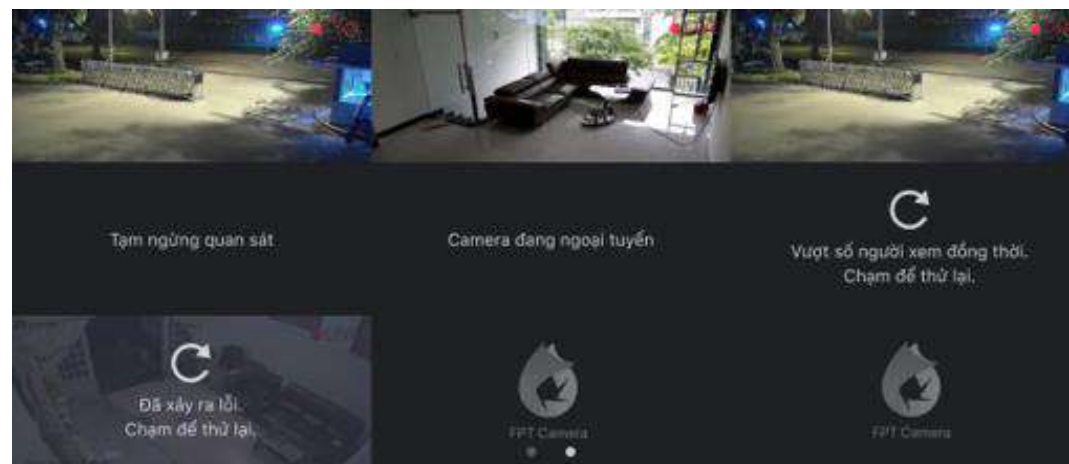


**1**  
Chọn biểu tượng chế độ xem lưới

*Trường hợp: Lần đầu tiên mở Gridview và chưa được lưu chế độ hiển thị trên lưới theo lựa chọn của người dùng*



Màn hình hiện lưới 4 nếu khách hàng có từ 2 đến 4 camera



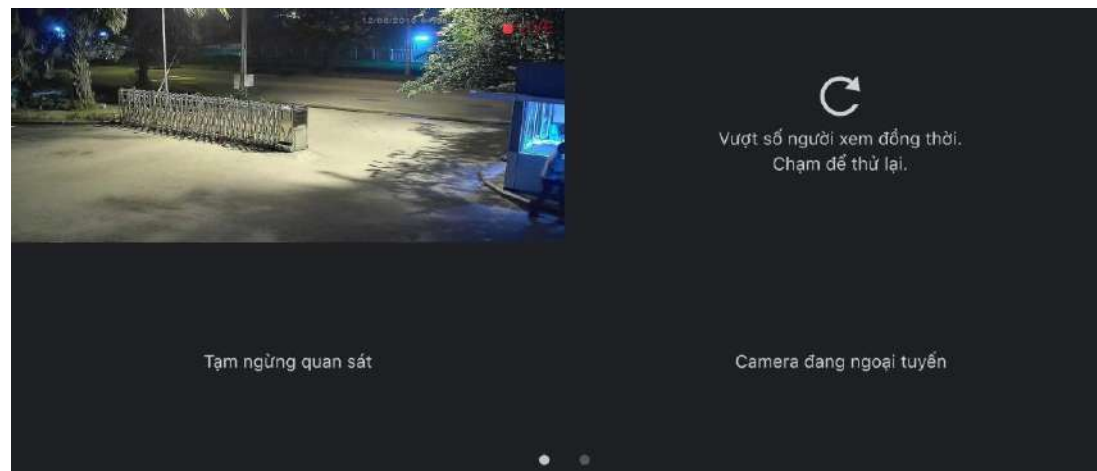
Màn hình hiện lưới 9 nếu khách hàng có hơn 4 camera

### 3. Hướng dẫn xem camera (tt)

#### 3.3. Chế độ xem lưới (Gridview)

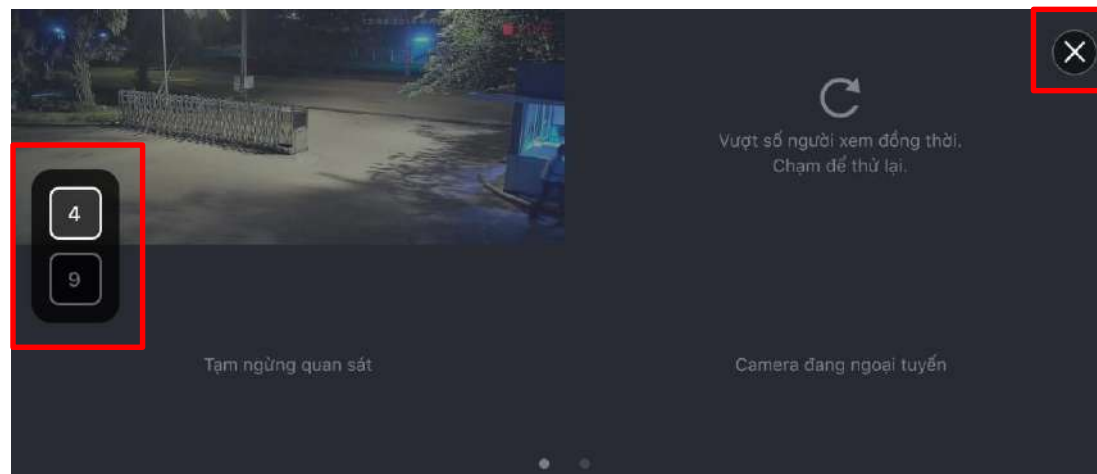
3

Nhấn trên màn hình lưới để hiển thị lớp phủ chứa các tác vụ



4

Nhấn để chọn số lượng camera hiển thị trên lưới



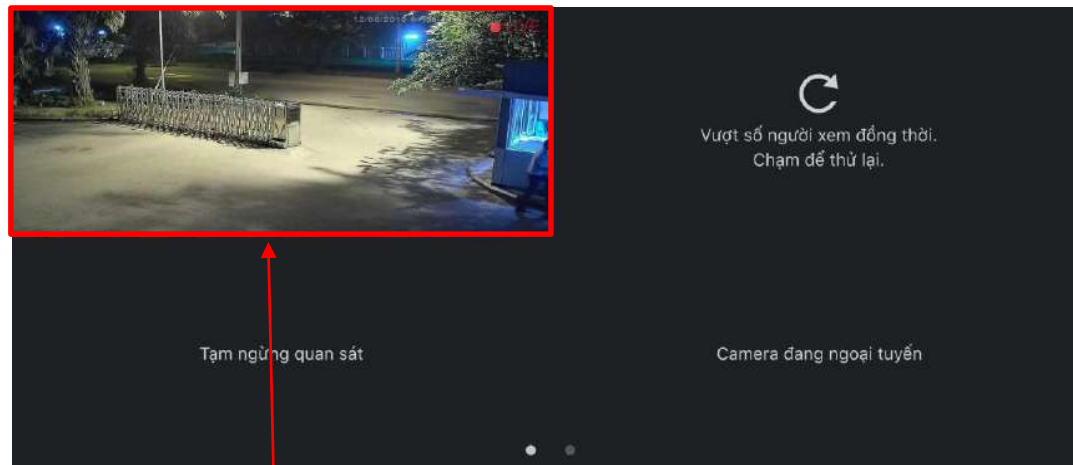
4.1

Nhấn để tắt chế độ xem lưới và trở về trang chủ

## 3. Hướng dẫn xem camera (tt)

### 3.3. Chế độ xem lưới (Gridview)

Màn hình chọn chế độ 4 camera trên lưới

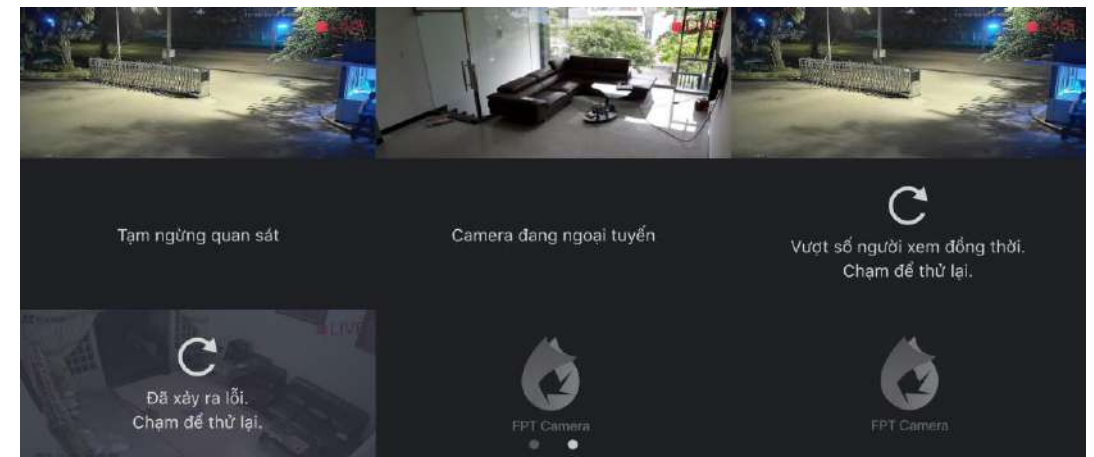


- 5 Nhấp hai lần vào camera trên lưới để xem chế độ toàn màn hình (Fullscreen)

*Lưu ý:*

- Sau khi chọn chế độ lưới muốn xem, app sẽ lưu lại chế độ mà người dùng đã chọn và hiển thị chế độ này cho lần tiếp theo mở lưới.
- Số chấm trên lưới tương ứng với số trang hiện có, số trang phụ thuộc vào số camera người dùng đang có.

Màn hình chọn chế độ 9 camera trên lưới



### 3. Hướng dẫn xem camera (tt)

#### 3.3. Chế độ xem lưới (Gridview)

Màn hình xem trực tiếp chế độ Fullscreen

6

Nhấn để quay lại  
màn hình lưới

**Hoặc** nhấn hai lần vào  
màn hình để quay lại  
màn hình lưới



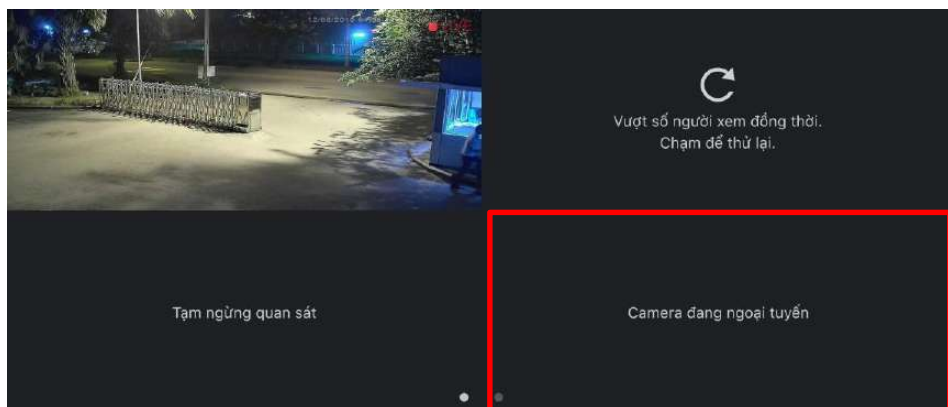
6.1

Dùng hai ngón tay kéo ra kéo vào để zoom  
in zoom out (phóng to, thu nhỏ)

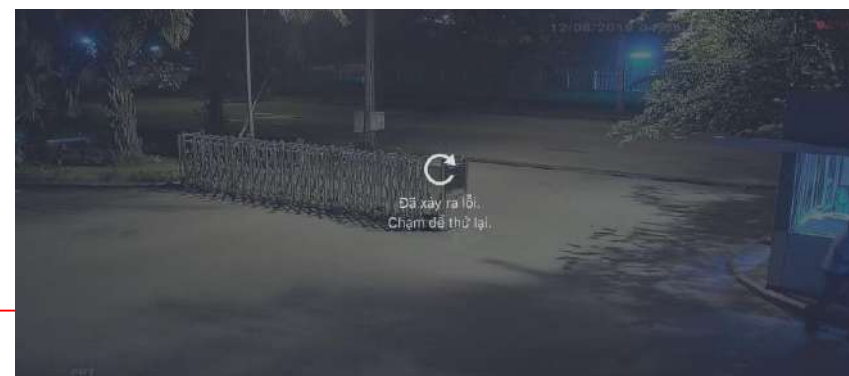
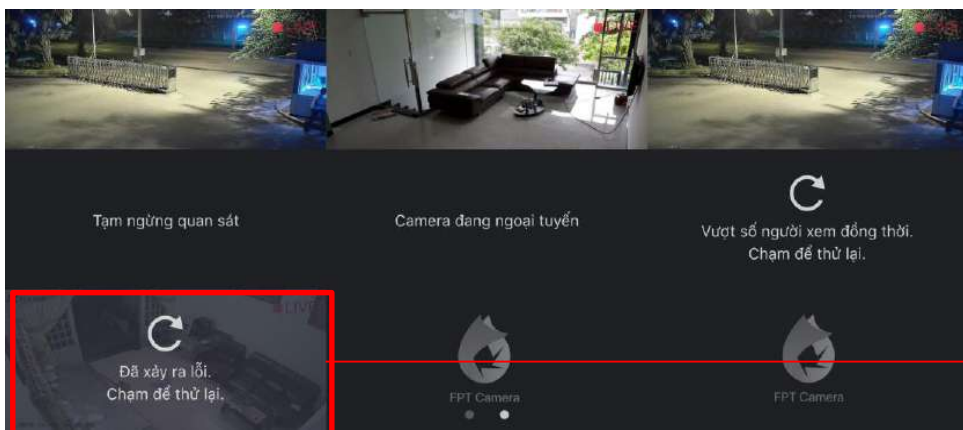
## 3. Hướng dẫn xem camera (tt)

### 3.3. Chế độ xem lưới (Gridview)

Màn hình lưới khi có camera ngoại tuyến (offline)



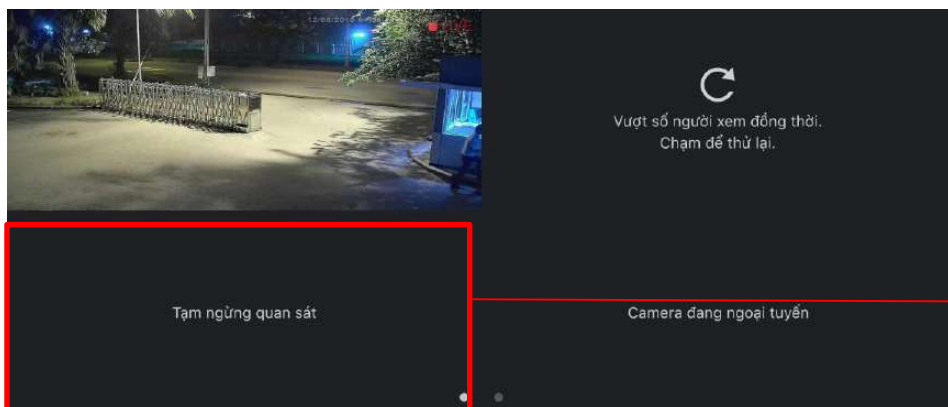
Màn hình lưới khi có camera kết nối bị gián đoạn



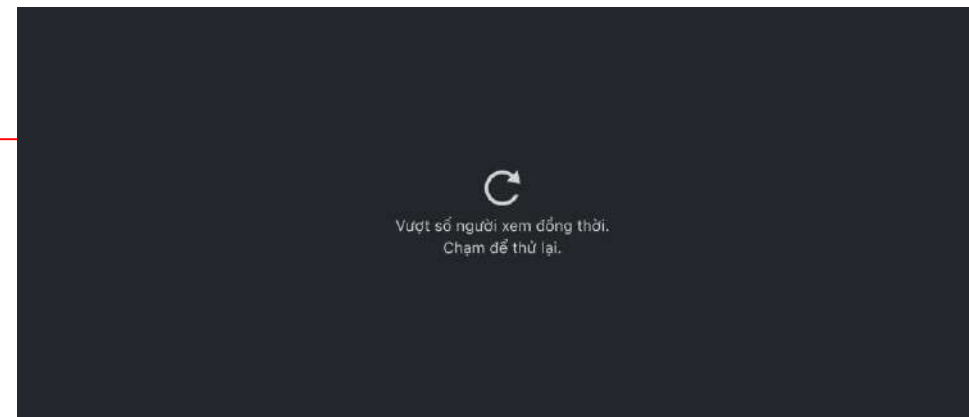
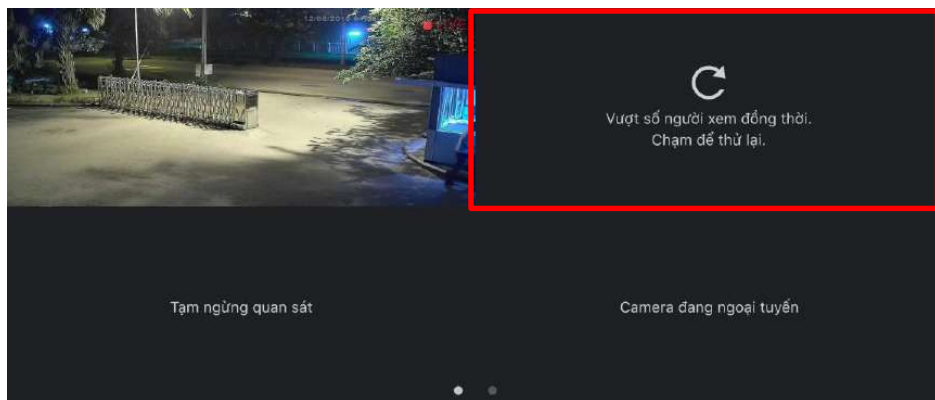
## 3. Hướng dẫn xem camera (tt)

### 3.3. Chế độ xem lưới (Gridview)

Màn hình lưới khi có camera không có gói dịch vụ



Màn hình lưới khi có camera vượt số lượng thiết bị xem đồng thời cho phép trên 1 camera

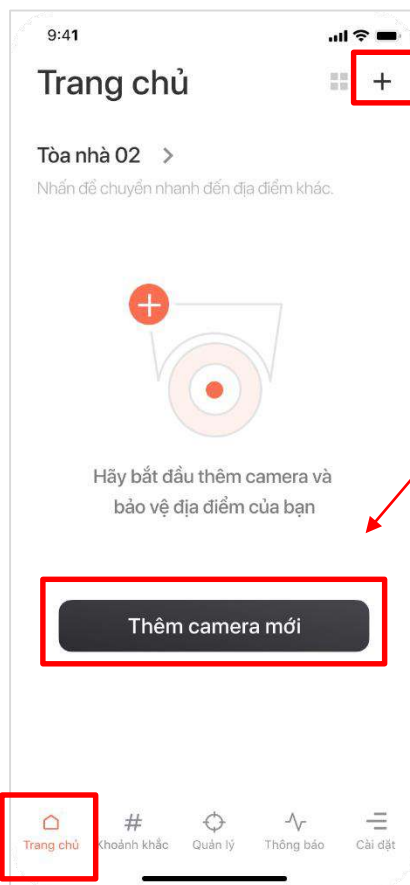


Chỉ hiển thị các camera của địa điểm đang thao tác. Hướng dẫn sử dụng Gridview chỉ áp dụng cho người dùng có từ 2 Camera trở lên

## 4. Hướng dẫn thêm mới và cài đặt camera

### 4.1. Thêm mới camera có Wi-Fi

Thêm camera từ Trang chủ



**1.1**  
Chọn Trang chủ

**2.1**  
Nhấn để thêm camera

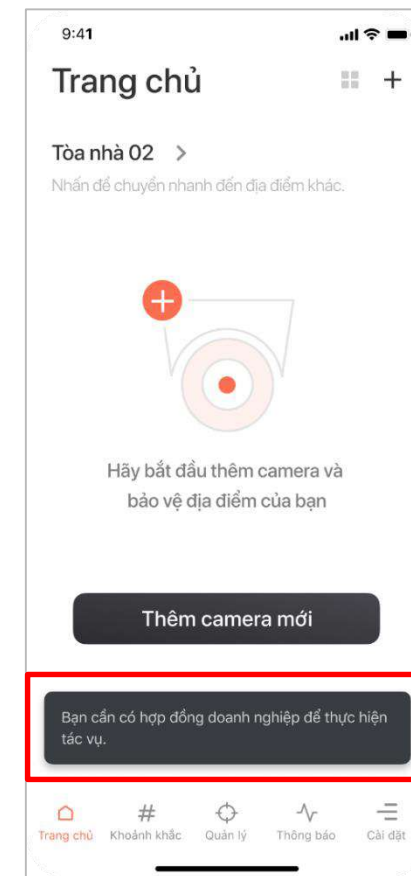
Hoặc thêm camera từ trang Quản lý



**2.2**

**1.2**  
Chọn Quản lý

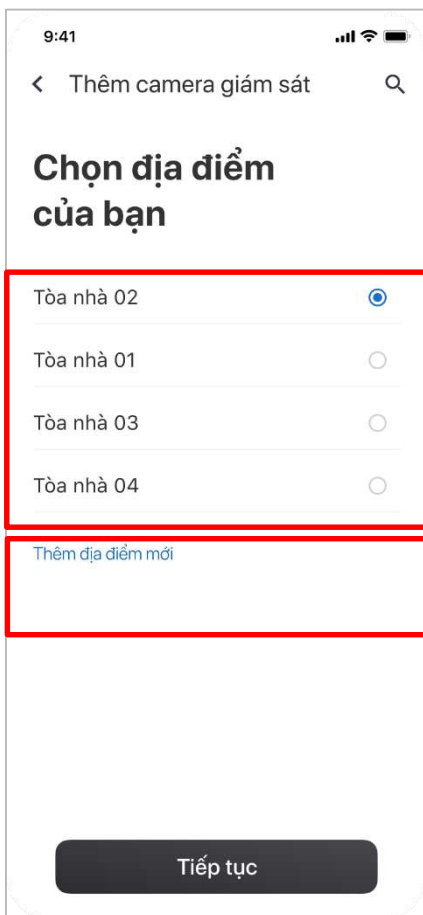
*TH: Người dùng là quản trị viên hoặc thành viên được chia sẻ sẽ không thể thêm mới camera*



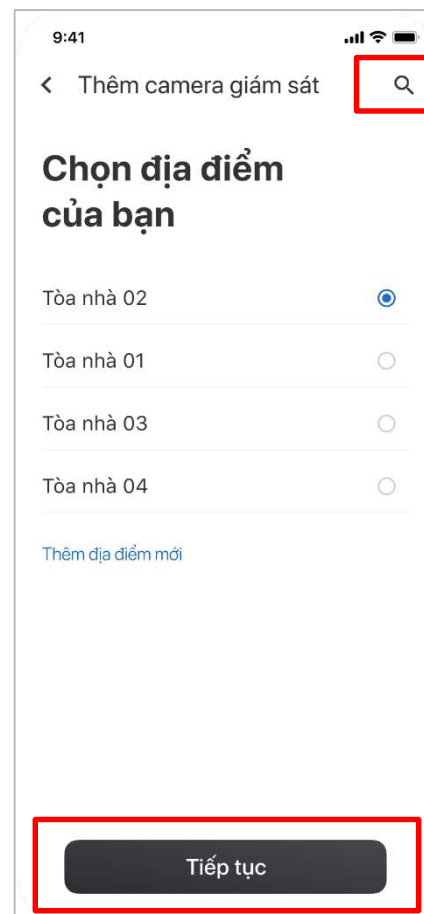
Hiện thị thông báo lỗi

## 4. Hướng dẫn thêm mới và cài đặt camera (tt)

### 4.1. Thêm mới camera có Wi-Fi



**3.1** Chọn địa điểm trong danh sách địa điểm Hoặc thêm địa điểm mới



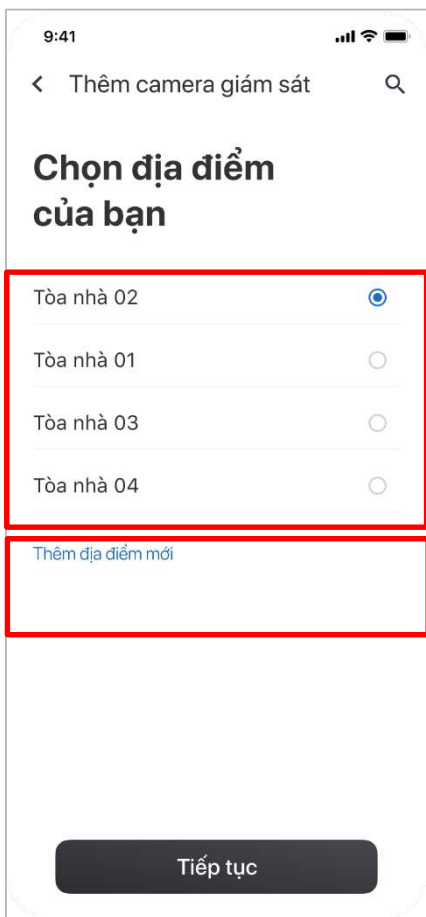
**3.2** Nhấn để tìm kiếm địa điểm trong danh sách địa điểm đã tạo

**4** Nhấn để đi tới quét mã QR

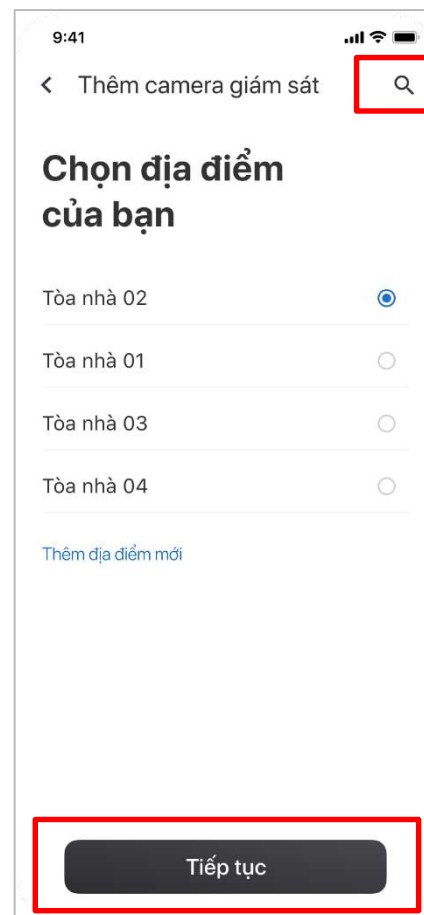


## 4. Hướng dẫn thêm mới và cài đặt camera (tt)

### 4.1. Thêm mới camera có Wi-Fi



**3.1** Chọn địa điểm trong danh sách địa điểm Hoặc thêm địa điểm mới



**3.2** Nhấn để tìm kiếm địa điểm trong danh sách địa điểm đã tạo

**4** Nhấn để đi tới quét mã QR

### 4. Hướng dẫn thêm mới và cài đặt camera (tt)

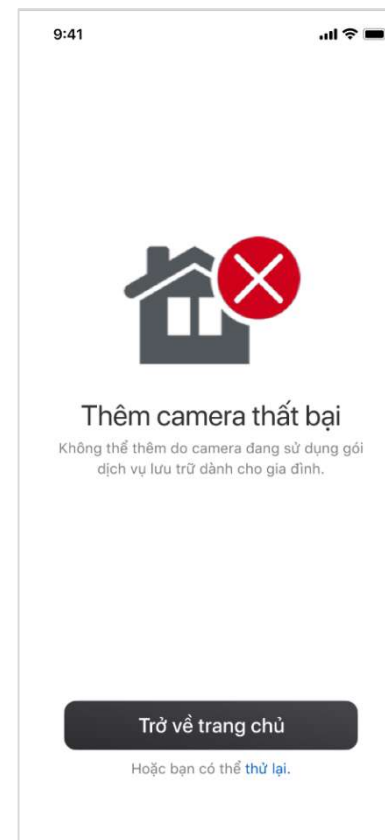
#### 4.1. Thêm mới camera có Wi-Fi

Tiếp tục từ bước 4 của mục 3.1.1  
và 3.1.2

### 4. Hướng dẫn thêm mới và cài đặt camer (tt)

#### 4.1. Thêm mới camera có Wi-Fi

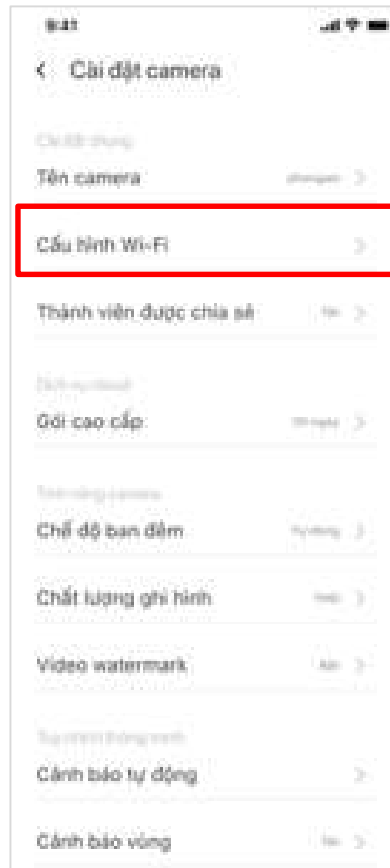
Ngoài ra, người dùng ở chế độ Doanh nghiệp sẽ không thể thêm mới camera khi camera đang sử dụng gói dịch vụ Cloud dành cho gia đình



### 4. Hướng dẫn thêm mới và cài đặt camera (tt)

#### 4.2. Cấu hình Wi-Fi sau khi thêm Camera thành công nhưng chưa kết nối Wi-Fi

Xem phần A, mục I  
Tiểu mục 3.1.3



### 4. Hướng dẫn thêm mới và cài đặt camera (tt)

#### 4.3. Thay đổi Wi-Fi cho camera

Xem phần A, mục I  
Tiểu mục 3.1.4



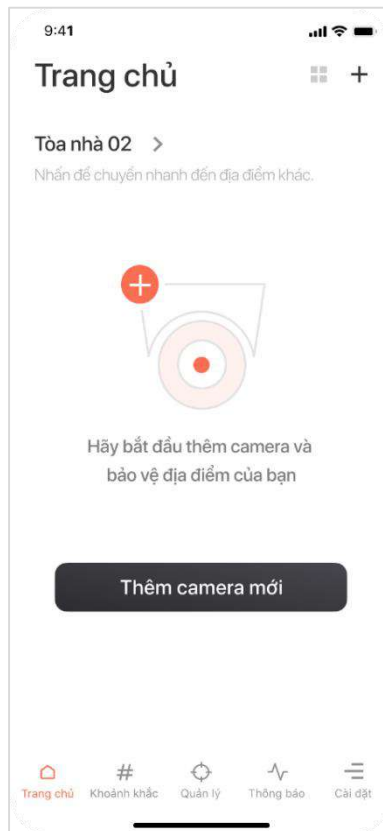
Chỉ áp dụng đối với người dùng là chủ sở hữu hoặc quản trị viên.

## 4. Hướng dẫn thêm mới và cài đặt camera (tt)

### 4.4. Thêm mới camera với kết nối qua dây LAN

Các bước thêm mới camera

*Xem từ bước 1 tới bước 7, Mục 4.1*



TH: Thêm mới camera thất bại



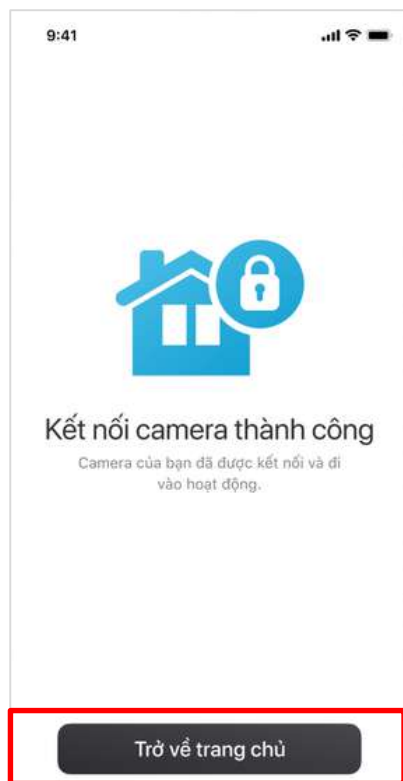
8a

Nhấn để về trang chủ  
**Hoặc** nhấn "**thử lại**" để thực hiện lại thao tác thêm mới camera  
 Thực hiện từ bước 1

### 4. Hướng dẫn thêm mới và cài đặt camera (tt)

#### 4.4. Thêm mới camera với kết nối qua dây LAN

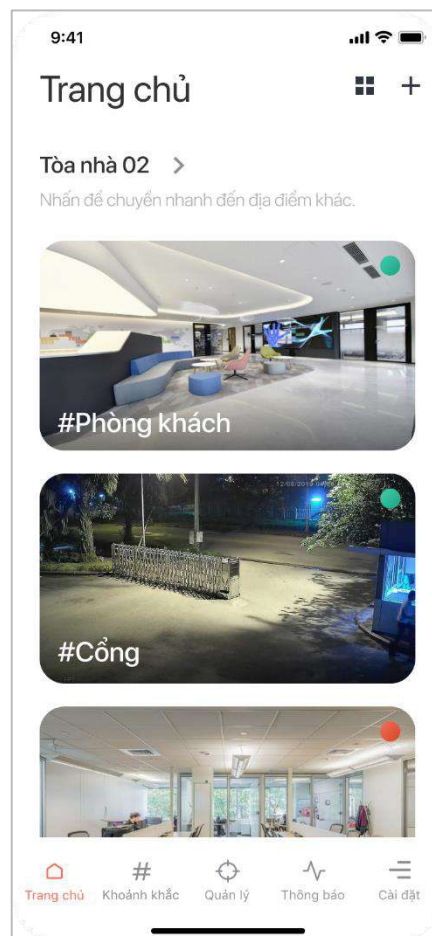
TH: Thêm mới camera thành công



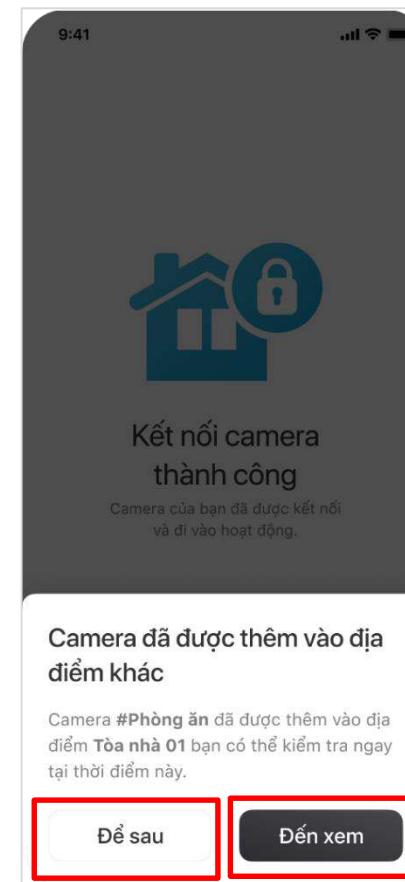
8b

Nhấn để về Trang chủ

Trường hợp: camera được thêm vào địa điểm người dùng đang thao tác thì chuyển về Trang chủ chứa camera vừa thêm



Trường hợp: camera được thêm vào địa điểm khác với địa điểm người dùng đang thao tác



Nhấn để về Trang chủ của địa điểm chứa camera vừa thêm

9a

9b Nhấn "Đến xem" để về Trang chủ của địa điểm đang thao tác

#### 4. Hướng dẫn thêm mới và cài đặt camera (tt)

##### 4.5. Tải QR code về thiết bị

*Các bước tải QR Code về thiết bị*

*Xem tiểu mục 3.3.1, mục 3, Phần I*



## 4. Hướng dẫn thêm mới và cài đặt camera (tt)

### 4.6. Tải lên QR Code

Các bước thêm mới camera

Xem từ bước 1 đến bước 4, mục 4.1



**5.1**  
Nhấn để  
bật flash

### Thiết bị đang bật flash



**5.2**  
Nhấn để  
tắt flash

### Thiết bị đang tắt flash





## 4. Hướng dẫn thêm mới và cài đặt camera a (tt)

### 4.6. Tải lên QR code



**6.1**  
Nhấn thêm QR code có sẵn từ thiết bị

*Trường hợp ảnh không hợp lệ*

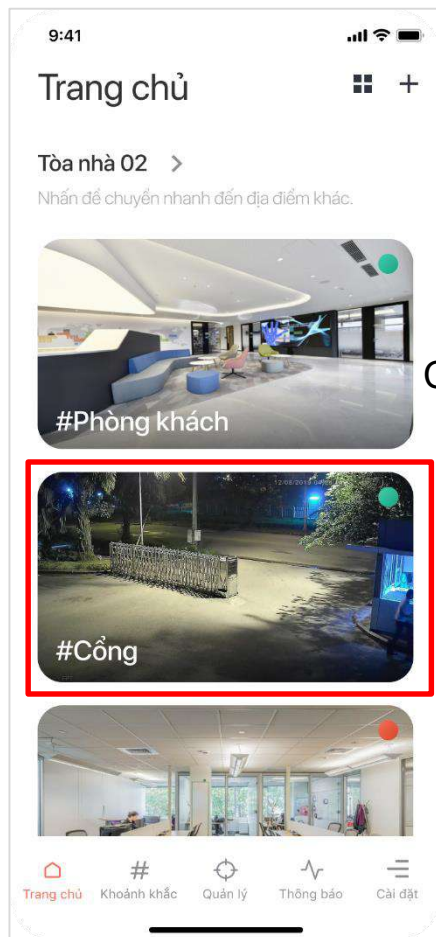


*Trường hợp ảnh hợp lệ, tiếp tục quy trình thêm mới camera*  
*Xem tiếp từ bước 6, mục 4.1*

Thành viên có sẵn trong danh sách là thành viên đã được chia sẻ camera trước đó của các địa điểm khác trong cùng một công ty.

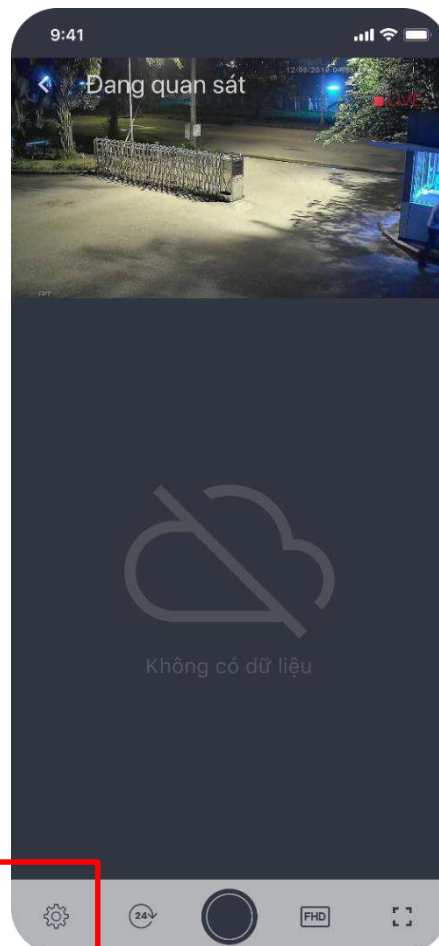
## 5. Chia sẻ camera

### 5.1. Chia sẻ camera cho thành viên có sẵn trong danh sách



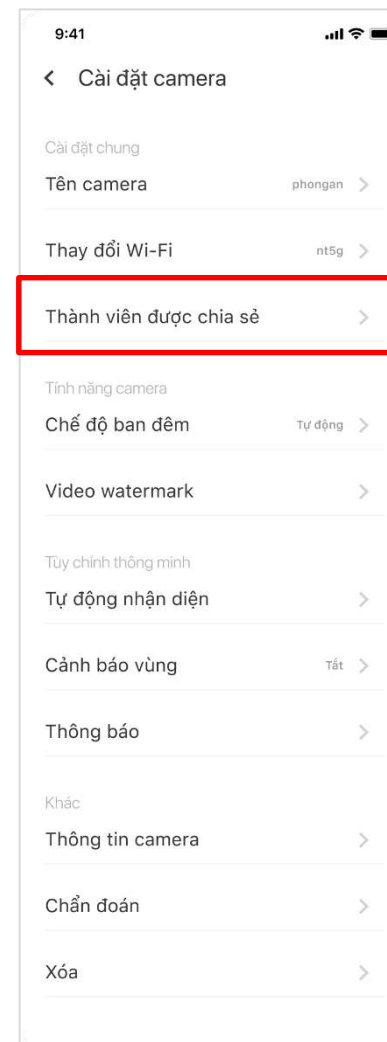
Chọn camera cần chia sẻ

1



Chọn Cài đặt

2



3

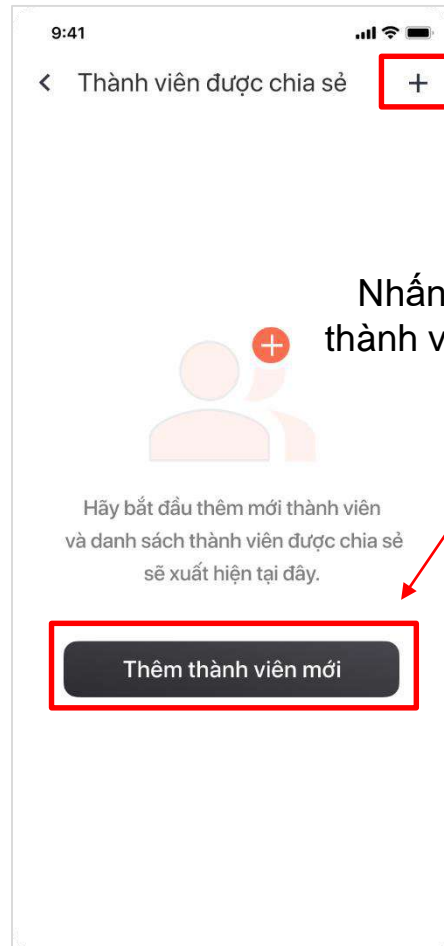
Nhấn để mở danh sách thành viên

Chỉ áp dụng đối với người dùng là chủ sở hữu hoặc quản trị viên.

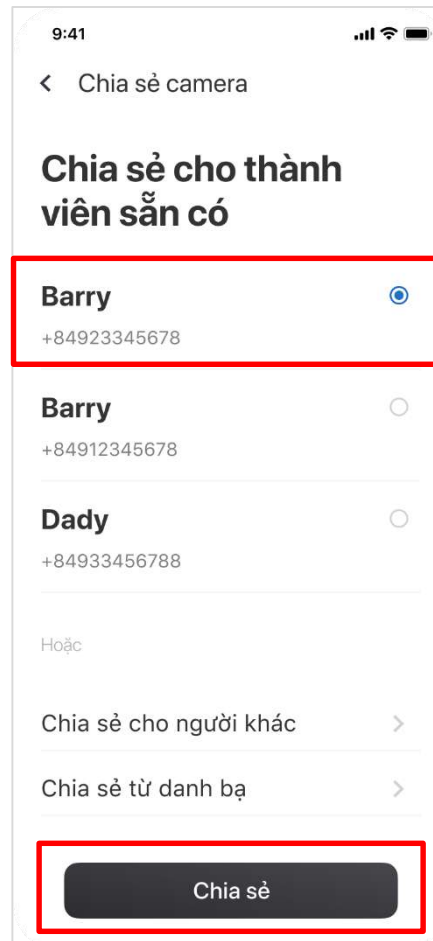
Thành viên có sẵn trong danh sách là thành viên đã được chia sẻ camera trước đó của các địa điểm khác trong cùng một công ty.

### 5. Chia sẻ camera (tt)

#### 5.1. Chia sẻ camera cho thành viên có sẵn trong danh sách



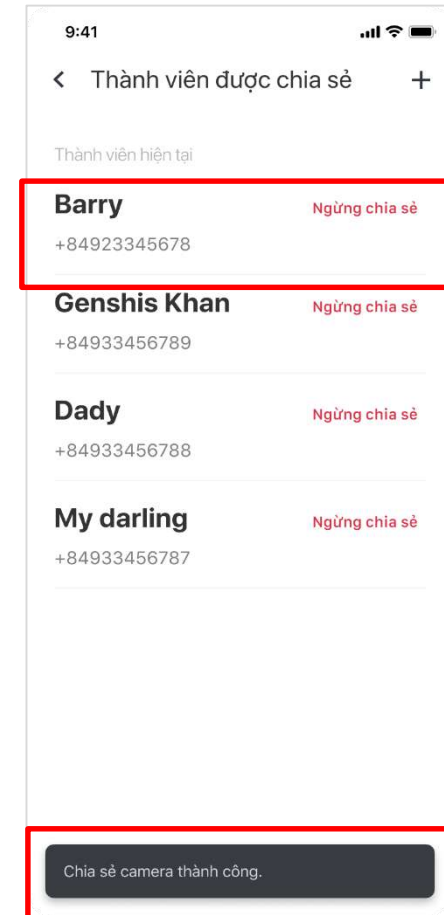
4  
Nhấn để thêm thành viên chia sẻ



5  
Nhấn để chọn người được chia sẻ

Nhấn để chia sẻ  
6

#### Giao diện chia sẻ camera thành công



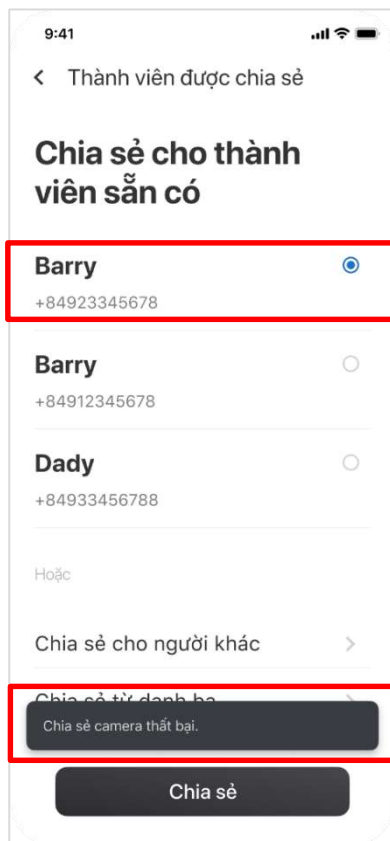
Hiện thị thông báo chia sẻ thành công

Thành viên có sẵn trong danh sách là thành viên đã được chia sẻ camera trước đó của các địa điểm khác trong cùng một công ty.

### 5. Chia sẻ camera (tt)

#### 5.1. Chia sẻ camera cho thành viên có sẵn trong danh sách

*Giao diện chia sẻ camera thất bại*



**6.1**  
Nhấn để  
thực hiện lại  
từ bước 5

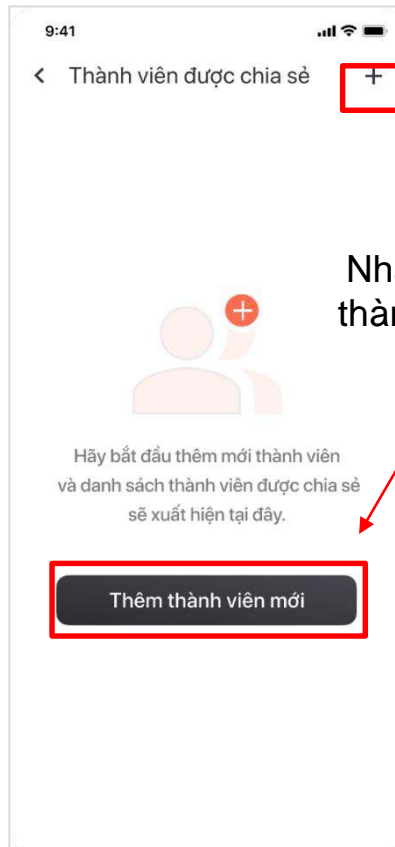
Hiển thị thông báo chia sẻ thất bại

Chỉ áp dụng đối với người dùng là chủ sở hữu hoặc quản trị viên.

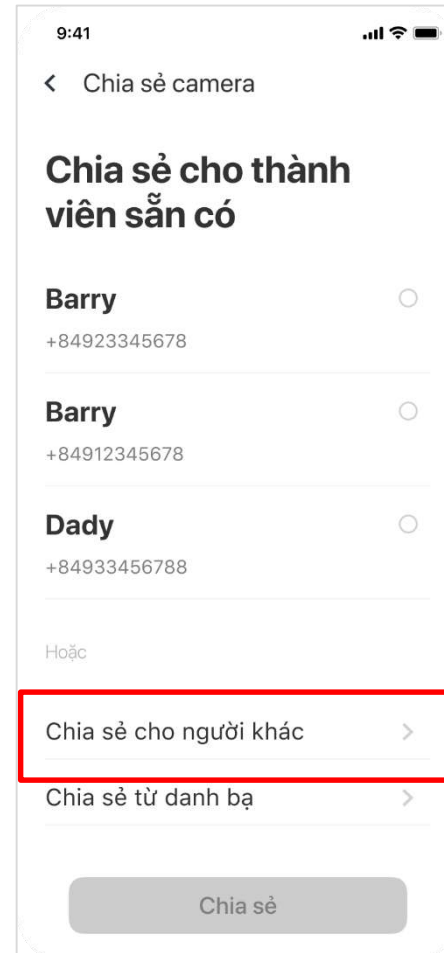
## 5. Chia sẻ camera (tt)

### 5.2. Chia sẻ camera bằng cách nhập SĐT trực tiếp

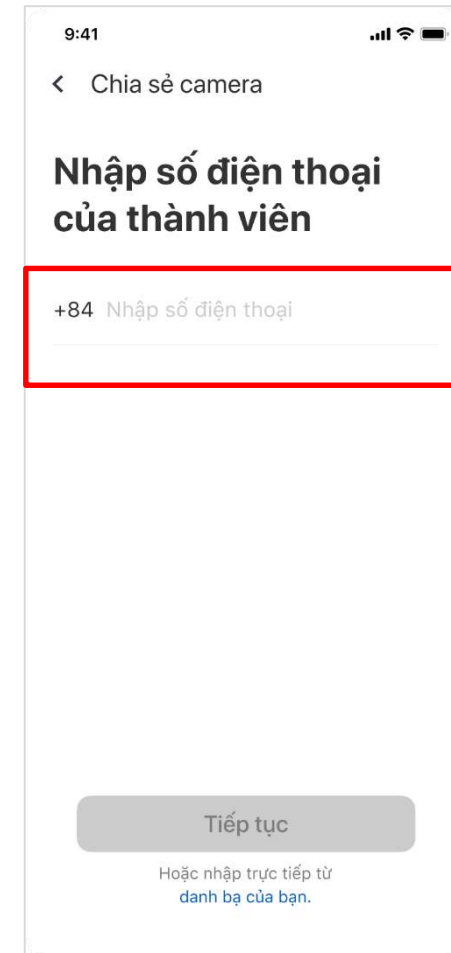
Mở danh sách thành viên được chia sẻ  
*Xem bước 1,2,3 Mục 5.1*



4  
Nhấn để thêm thành viên chia sẻ



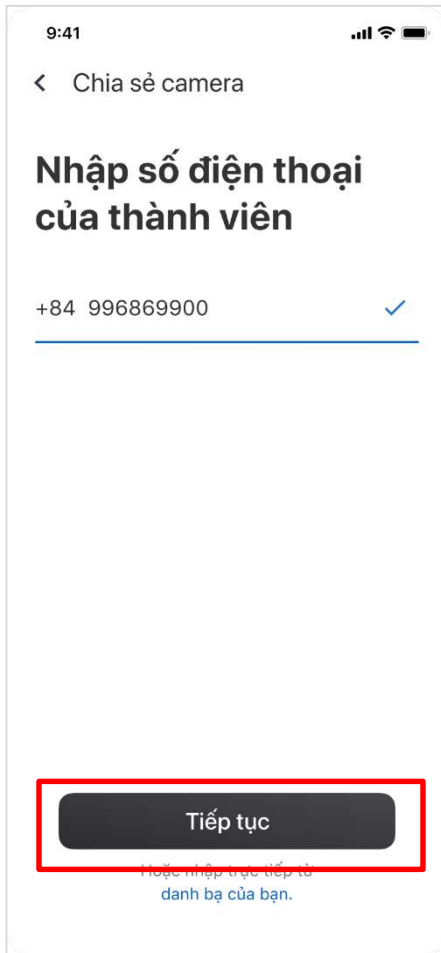
5  
Nhấn để nhập SĐT



6  
Nhập SĐT của người được chia sẻ

### 5. Chia sẻ camera (tt)

#### 5.2. Chia sẻ camera bằng cách nhập SĐT trực tiếp



**7**  
Nhấn để thực hiện bước kế tiếp

Chỉ áp dụng đối với người dùng là chủ sở hữu hoặc quản trị viên.

## 5. Chia sẻ camera (tt)

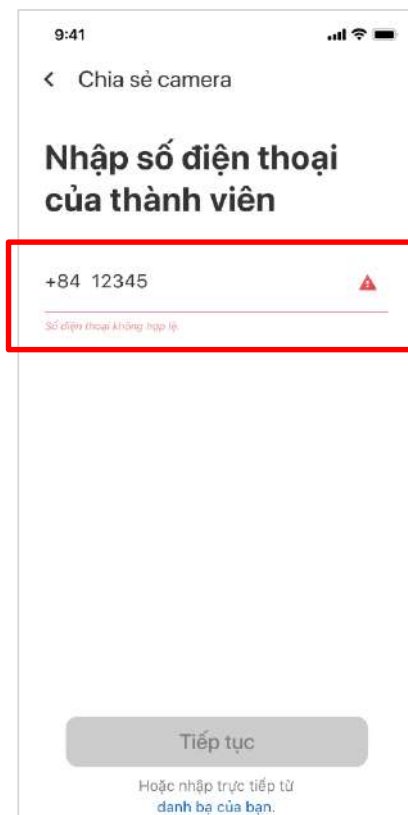
### 5.2. Chia sẻ camera bằng cách nhập SĐT trực tiếp

#### Các trường hợp báo lỗi khi nhập SĐT

Thông báo lỗi khi để ô nhập SĐT trống



SĐT không đúng định dạng số di động 9 hoặc 10 số

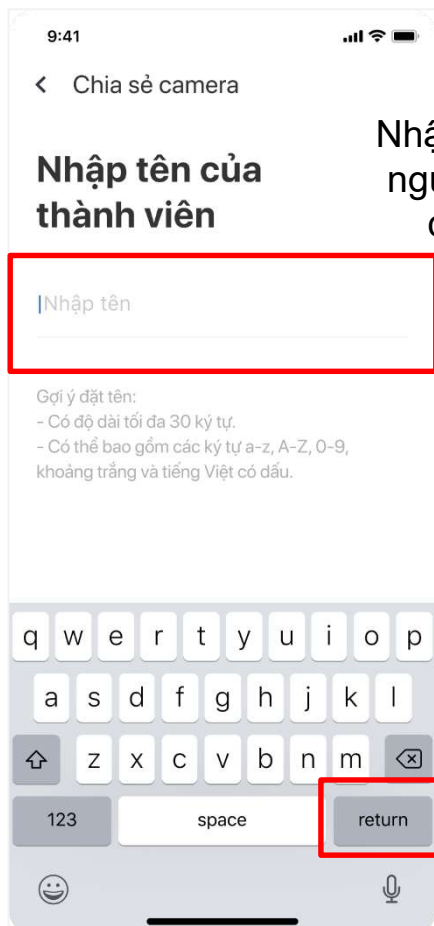


SĐT không đúng định dạng số di động của Việt Nam



## 5. Chia sẻ camera (tt)

### 5.2. Chia sẻ camera bằng cách nhập SĐT trực tiếp

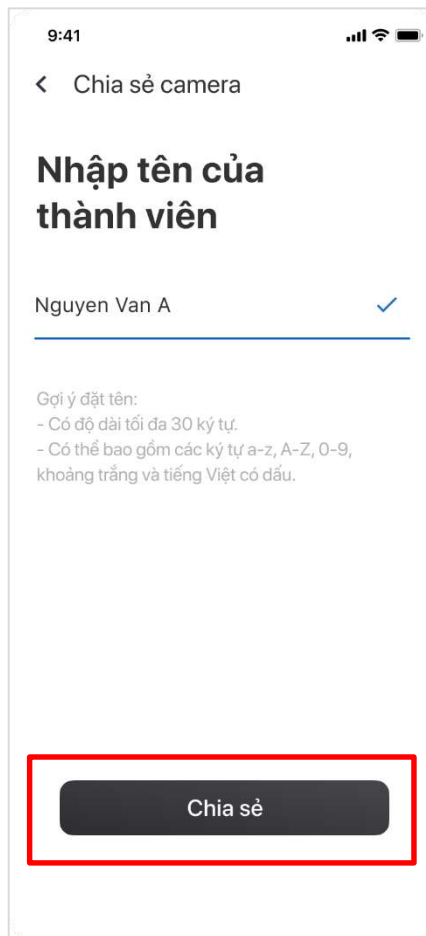


Nhập tên của người được chia sẻ

8

9

Nhấn để ẩn bàn phím



< Chia sẻ camera

Nhập tên của thành viên

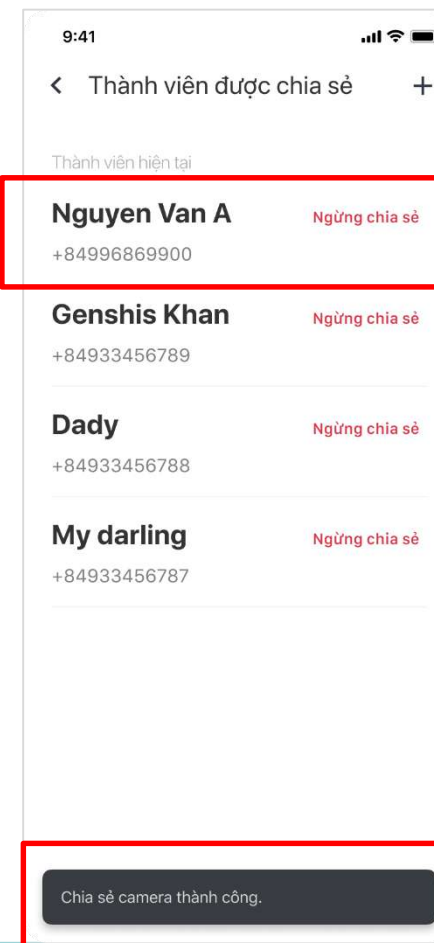
Nguyen Van A ✓

Gợi ý đặt tên:  
- Có độ dài tối đa 30 ký tự.  
- Có thể bao gồm các ký tự a-z, A-Z, 0-9, khoảng trắng và tiếng Việt có dấu.

Chia sẻ

10  
Nhấn để chia sẻ

Giao diện đã chia sẻ camera thành công



< Thành viên được chia sẻ +

Thành viên hiện tại

**Nguyen Van A** Ngừng chia sẻ

+84996869900

**Genshis Khan** Ngừng chia sẻ

+84933456789

**Dady** Ngừng chia sẻ

+84933456788

**My darling** Ngừng chia sẻ

+84933456787

Chia sẻ camera thành công.



### 5. Chia sẻ camera (tt)

#### 5.2. Chia sẻ camera bằng cách nhập SĐT trực tiếp

#### Các trường hợp báo lỗi khi nhập tên

Thông báo lỗi khi để ô nhập tên trống



9:41

< Chia sẻ camera

**Nhập tên của thành viên**

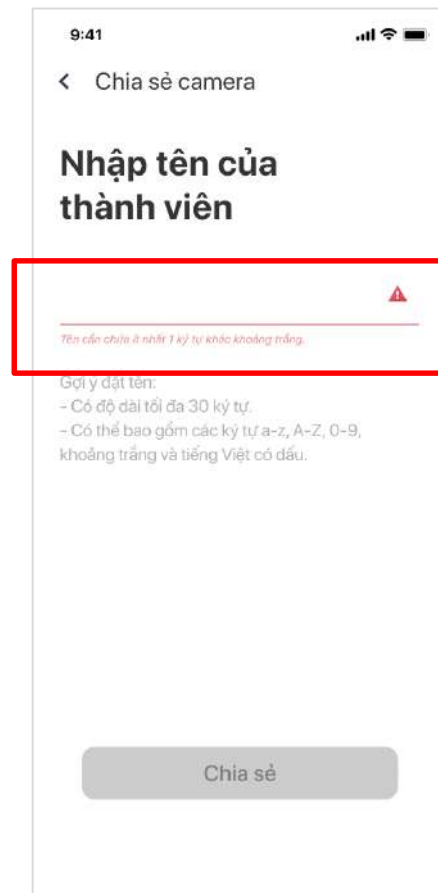
Nhập tên ▲

Vui lòng không để trống ô nhập.

Gợi ý đặt tên:  
 - Có độ dài tối đa 30 ký tự.  
 - Có thể bao gồm các ký tự a-z, A-Z, 0-9, khoảng trắng và tiếng Việt có dấu.

Chia sẻ

Tên nhập chỉ chứa ký tự khoảng trắng



9:41

< Chia sẻ camera

**Nhập tên của thành viên**

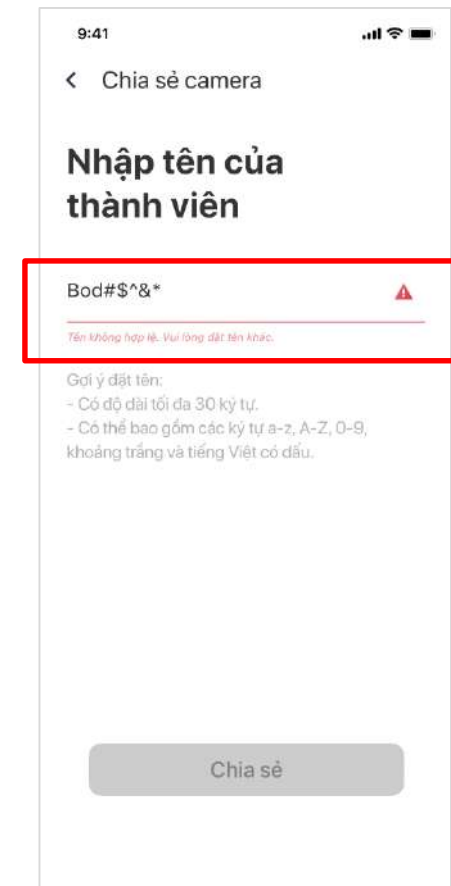
▲

Tên cần chứa ít nhất 1 ký tự khác khoảng trắng.

Gợi ý đặt tên:  
 - Có độ dài tối đa 30 ký tự.  
 - Có thể bao gồm các ký tự a-z, A-Z, 0-9, khoảng trắng và tiếng Việt có dấu.

Chia sẻ

Tên nhập chứa ký tự đặc biệt không thỏa điều kiện



9:41

< Chia sẻ camera

**Nhập tên của thành viên**

Bod#\$^&\* ▲

Tên không hợp lệ. Vui lòng đặt tên khác.

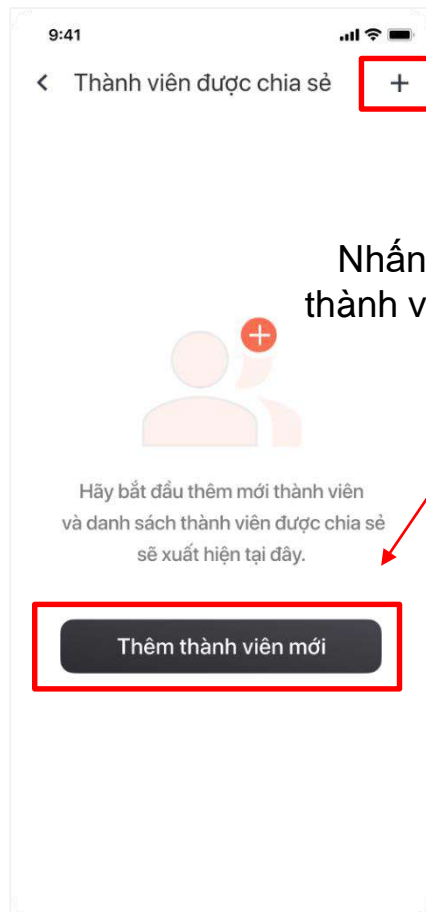
Gợi ý đặt tên:  
 - Có độ dài tối đa 30 ký tự.  
 - Có thể bao gồm các ký tự a-z, A-Z, 0-9, khoảng trắng và tiếng Việt có dấu.

Chia sẻ

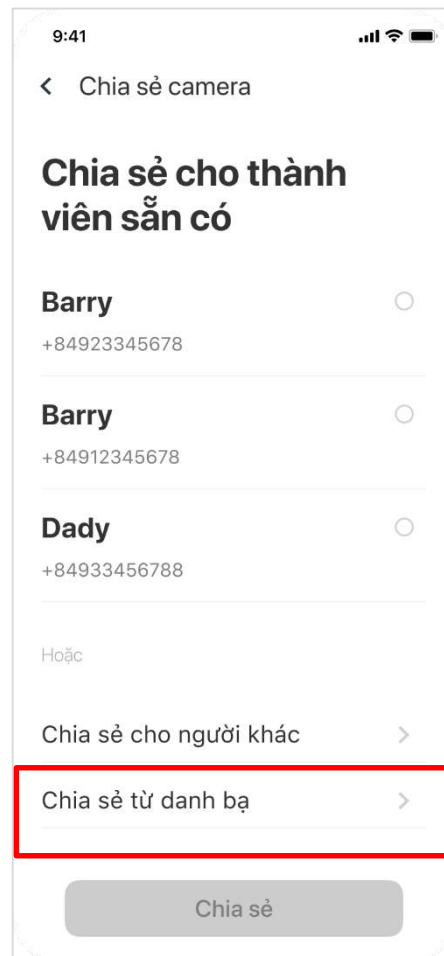
### 5. Chia sẻ camera (tt)

#### 5.3. Chia sẻ camera cho SĐT từ danh bạ

Mở danh sách thành viên được chia sẻ  
*Xem bước 1,2,3 Mục 5.1*



4  
Nhấn để thêm  
thành viên chia sẻ



5  
Nhấn để  
truy cập  
danh bạ

*Trường hợp: người dùng chưa cấp quyền  
truy cập danh bạ cho ứng dụng*

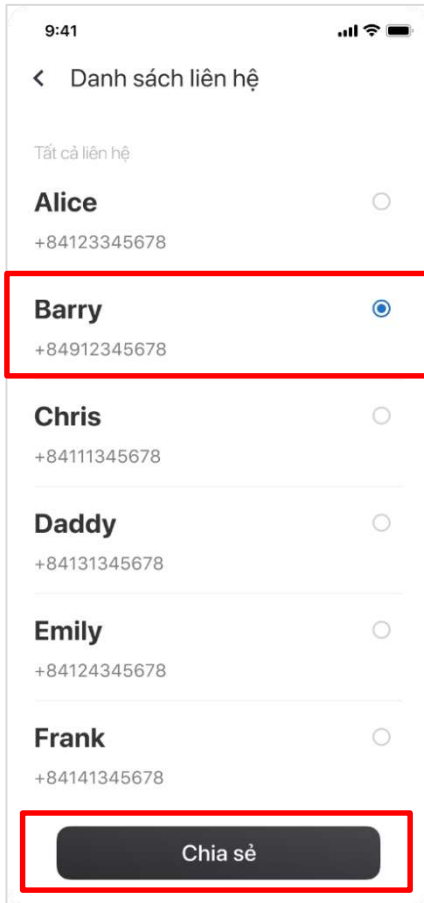


6  
Nhấn để đi tới mục cài  
đặt trên thiết bị

## 5. Chia sẻ camera (tt)

### 5.3. Chia sẻ camera cho SĐT từ danh bạ

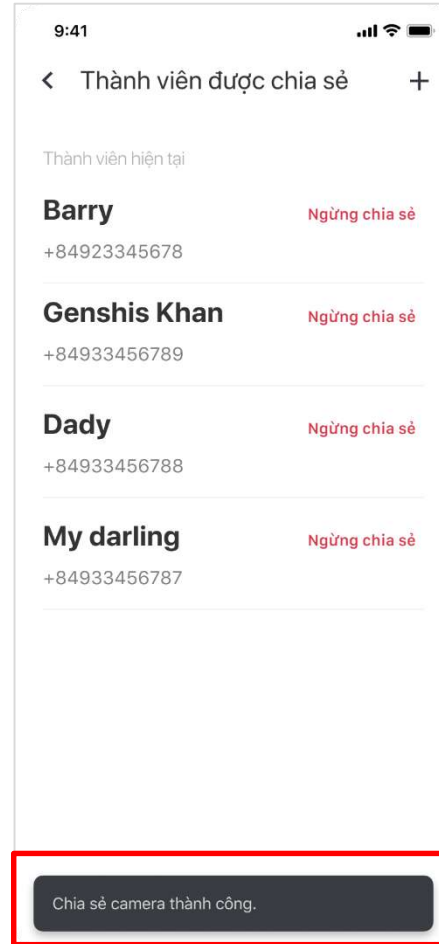
*Trường hợp: người dùng đã cấp quyền truy cập danh bạ cho ứng dụng*



**7**  
Chọn người muốn chia sẻ

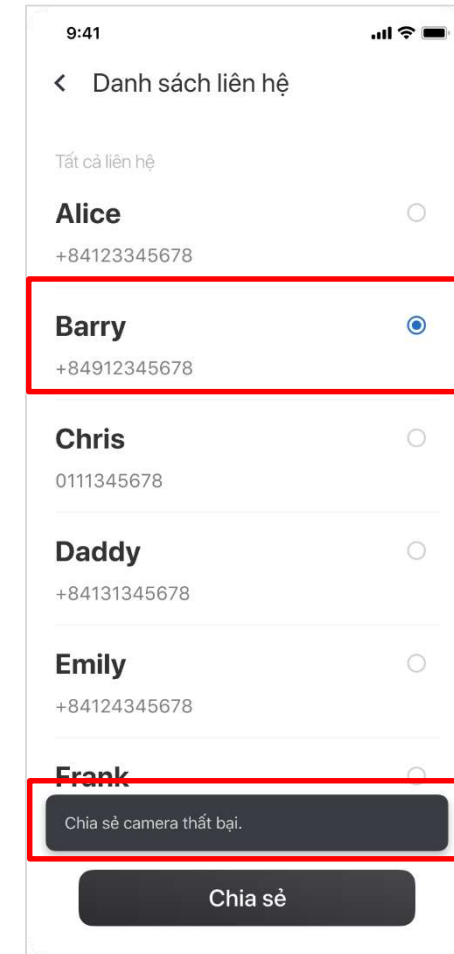
**8**  
Nhấn để chia sẻ

### Giao diện chia sẻ camera thành công



Hiện thị thông báo chia sẻ thành công

### Giao diện chia sẻ camera thất bại



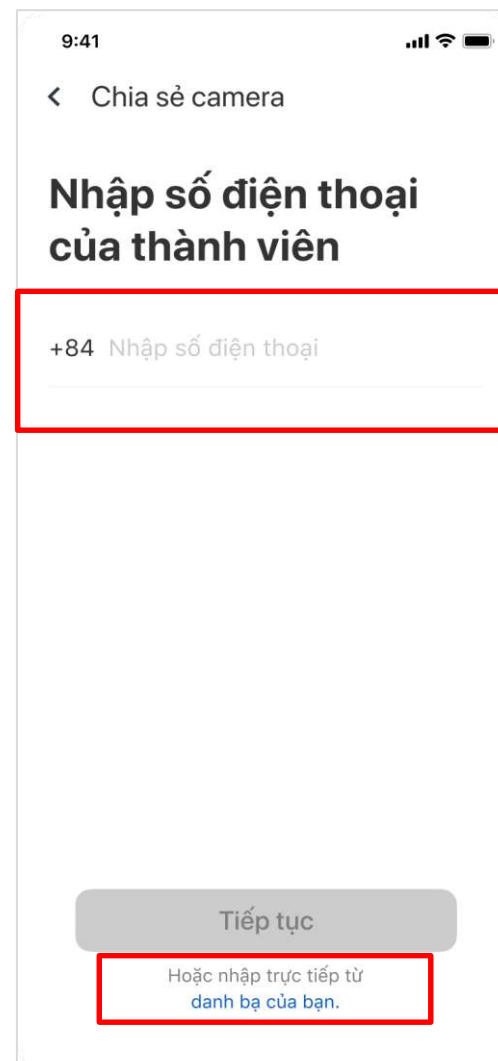
Hiện thị thông báo chia sẻ thất bại

**8.1**  
Nhấn để thực hiện lại từ bước 7

### 5. Chia sẻ camera (tt)

#### 5.4. Chia sẻ camera khi chưa có danh sách thành viên gợi ý

Mở danh sách thành viên được chia sẻ  
*Xem bước 1,2,3 Mục 5.1*



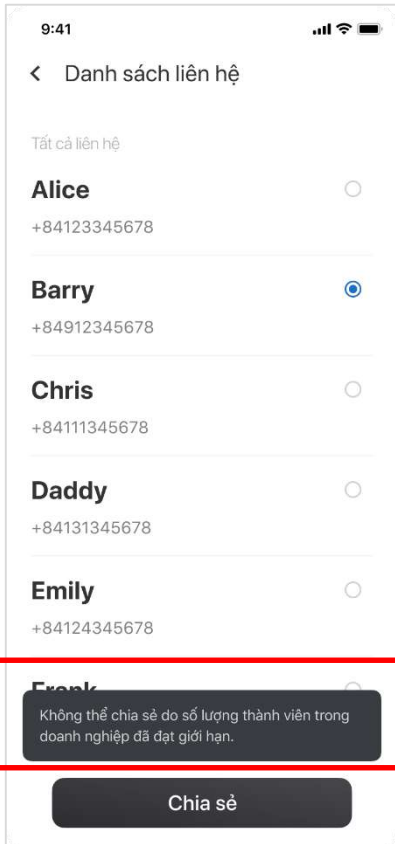
5.1 Nhấn để nhập SĐT  
*Xem từ bước 6, Mục 5.2*

5.2 Nhấn để nhập SĐT  
*Xem từ bước 5, Mục 5.3*

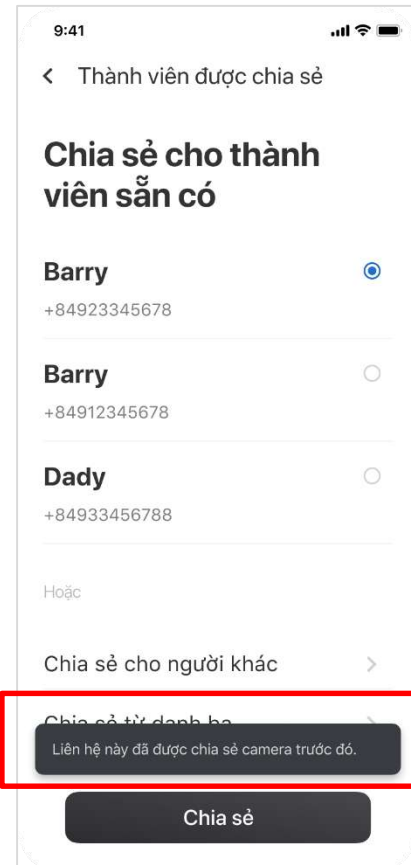
## 5. Chia sẻ camera (tt)

### 5.5. Các trường hợp lỗi không thể chia sẻ

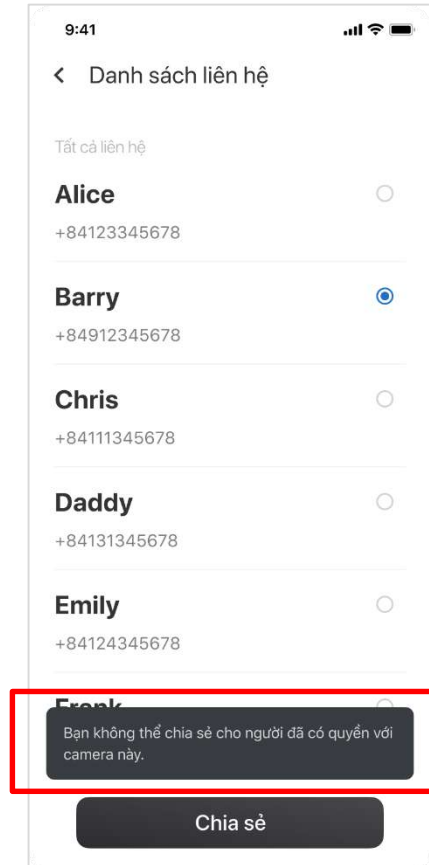
Không thể chia sẻ vì quá giới hạn 15 người trong 1 doanh nghiệp



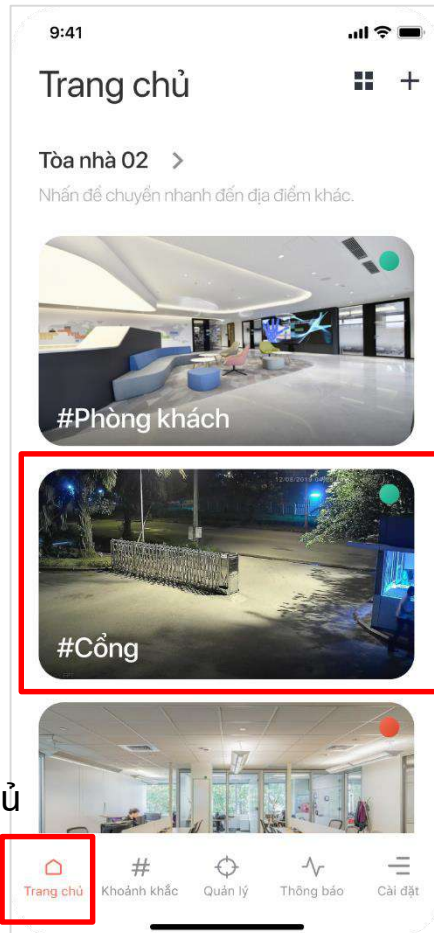
Không thể chia sẻ cho SĐT đã nằm trong danh sách được chia sẻ của camera đang xét



Không thể chia sẻ với chủ sở hữu và QTV đang có quyền với camera



## 5. Chia sẻ camera (tt) 5.6. Xem camera được chia sẻ

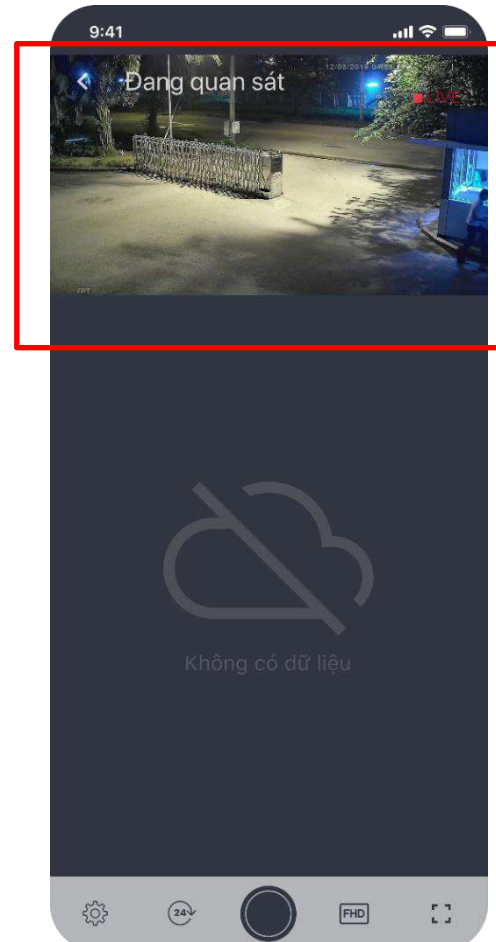


Chọn Trang chủ

1

2  
Chọn camera cần xem

Màn hình xem trực tiếp camera được chia sẻ

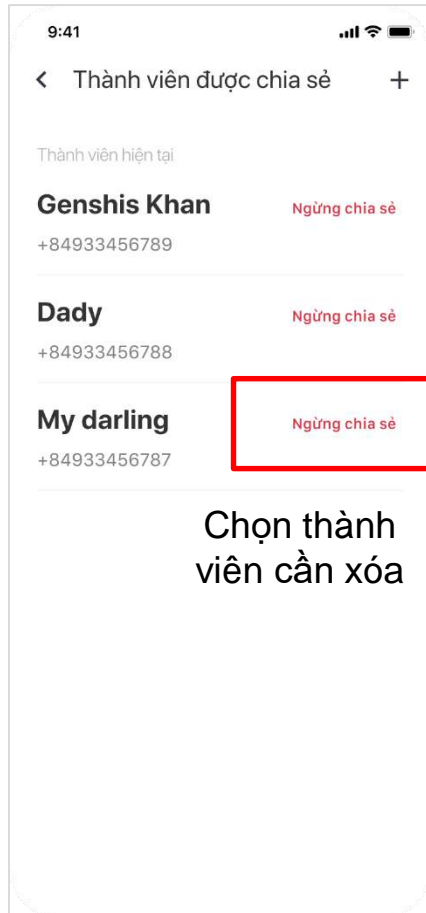


## 5. Chia sẻ camera (tt)

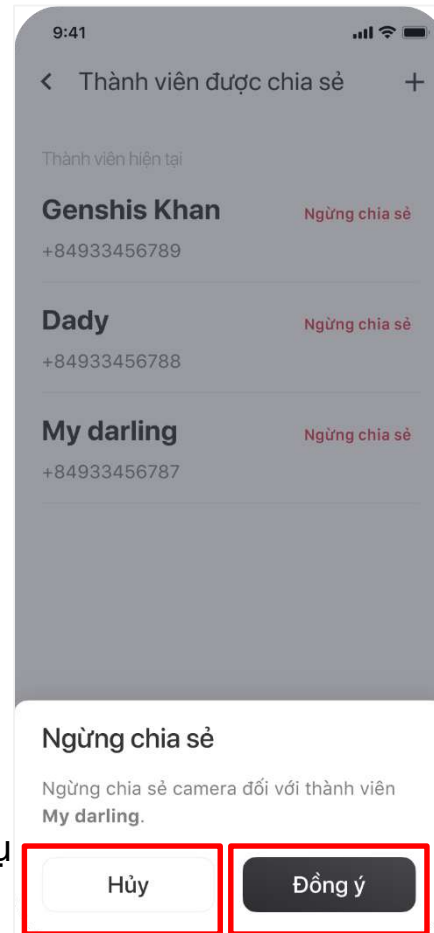
### 5.7. Xóa thành viên được chia sẻ

Mở danh sách thành viên được chia sẻ

*Xem bước 1,2,3 Mục 5.1*



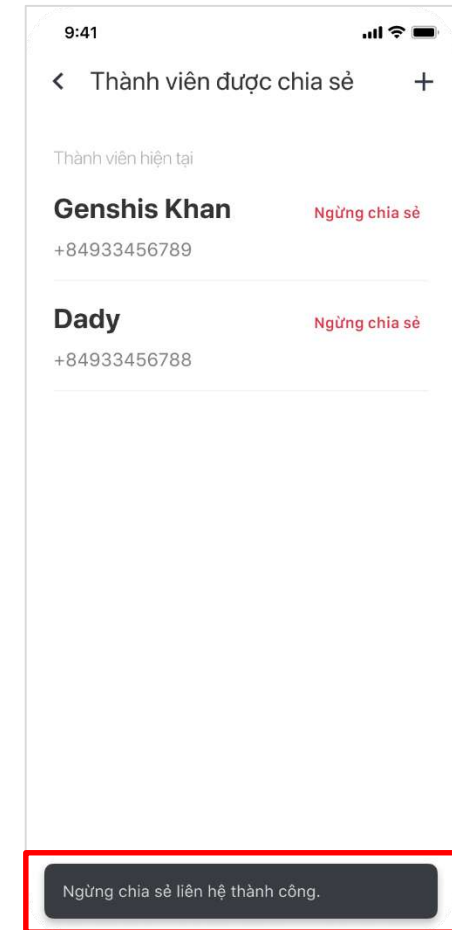
Chọn thành viên cần xóa **4**



Nhấn để hủy tác vụ **5.1**

Nhấn để xóa **5**

*Trường hợp: xóa thành viên thành công*

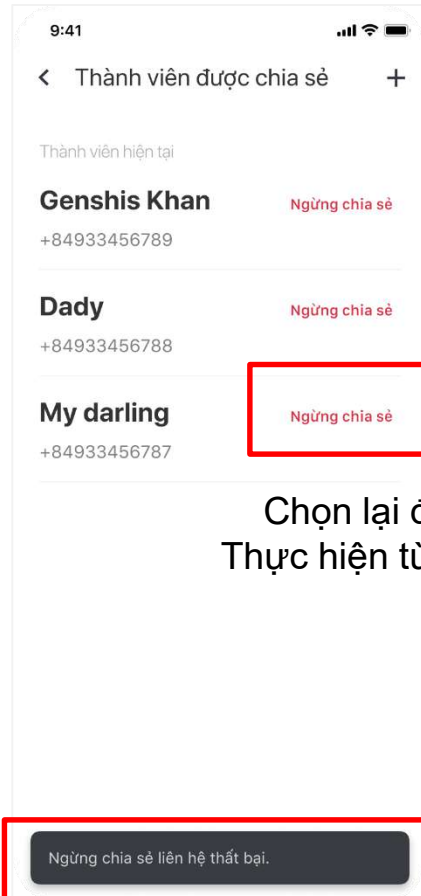


Hiện thị thông báo xóa thành công

### 5. Chia sẻ camera (tt)

#### 5.7. Xóa thành viên được chia sẻ

*Trường hợp: xóa thành viên thất bại*



Chọn lại để xóa  
Thực hiện từ bước 4

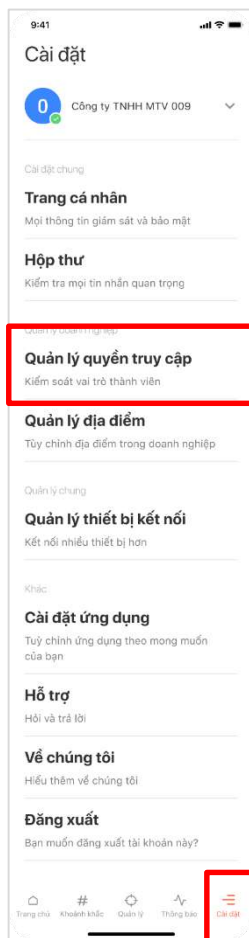
Hiện thị thông báo xóa thất bại



## 6. Quản lý quyền truy cập

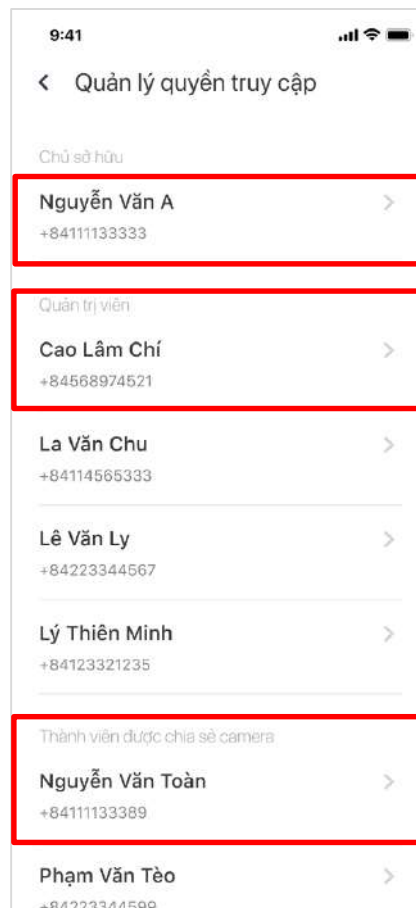
### 6.1. Xem quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác

#### 6.1.1. Xem với vai trò là chủ sở hữu



**2**  
Nhấn để mở danh sách

**1** Chọn Cài đặt

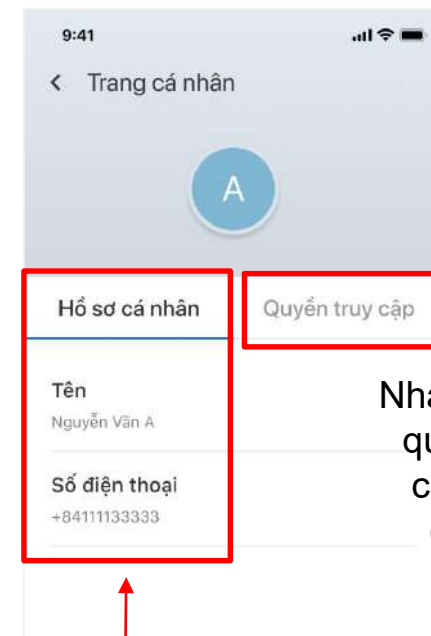


**3**  
Nhấn để xem chính mình

**3.1**  
Nhấn để xem QTV

**3.2**  
Nhấn để xem thành viên được chia sẻ

Trang thông tin của chủ sở hữu



**4**  
Nhấn để xem quyền truy cập trong công ty

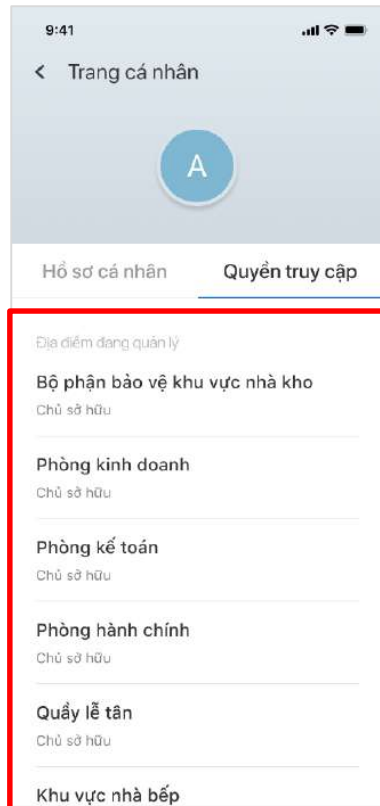
Thông tin cá nhân của chính mình – chủ sở hữu

## 6. Quản lý quyền truy cập

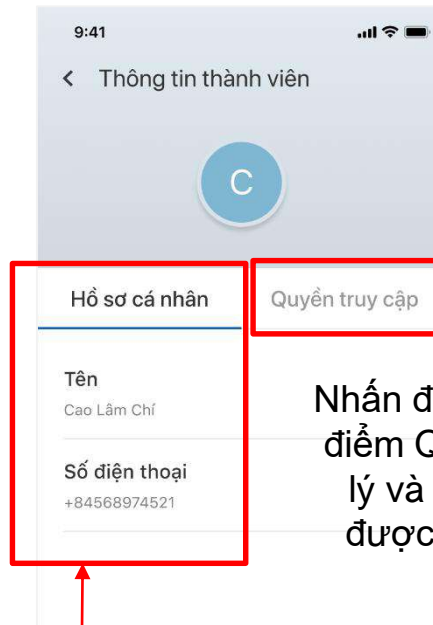
### 6.1. Xem quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác

#### 6.1.1. Xem với vai trò là chủ sở hữu

Danh sách các địa điểm chủ sở hữu đã tạo



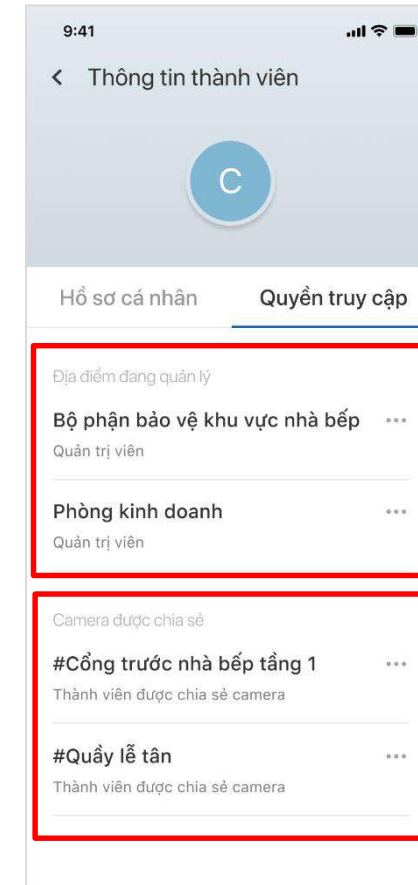
Trang thông tin của quản trị viên



4.1

Nhấn để xem địa điểm QTV quản lý và camera được chia sẻ

Thông tin cá nhân của QTV



Địa điểm QTV quản lý

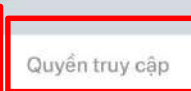
Camera QTV được chia sẻ

## 6. Quản lý quyền truy cập

### 6.1. Xem quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác

#### 6.1.1. Xem với vai trò là chủ sở hữu

Trang thông tin của thành viên được chia sẻ



4.2

Nhấn để xem camera được chia sẻ cho thành viên

Thông tin cá nhân của thành viên

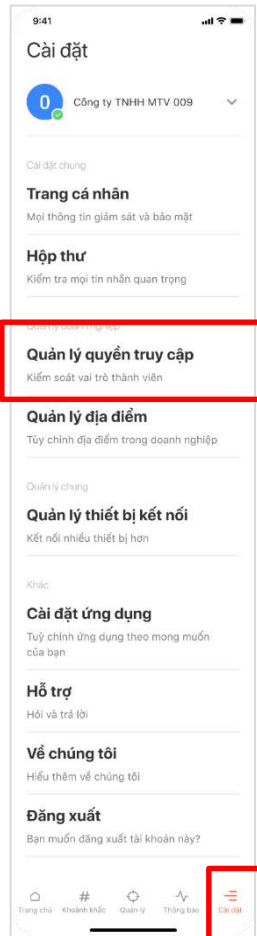


Camera thành viên được chia sẻ

## 6. Quản lý quyền truy cập

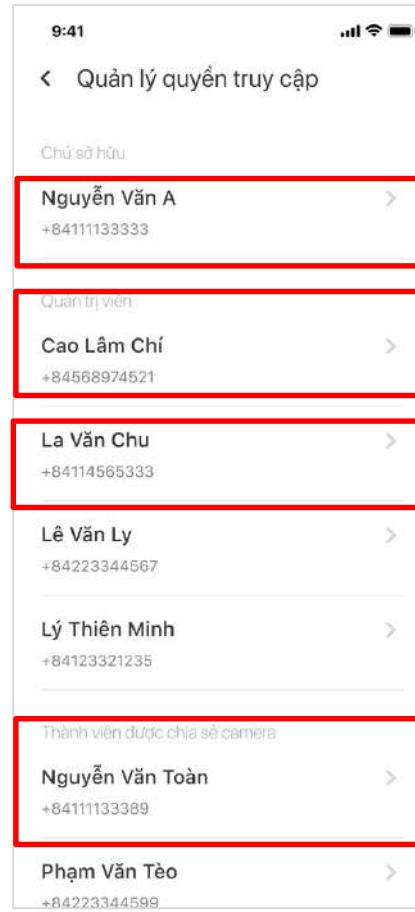
### 6.1. Xem quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác

#### 6.1.2. Xem với vai trò là quản trị viên



**2**  
Nhấn để mở danh sách

**1** Chọn Cài đặt



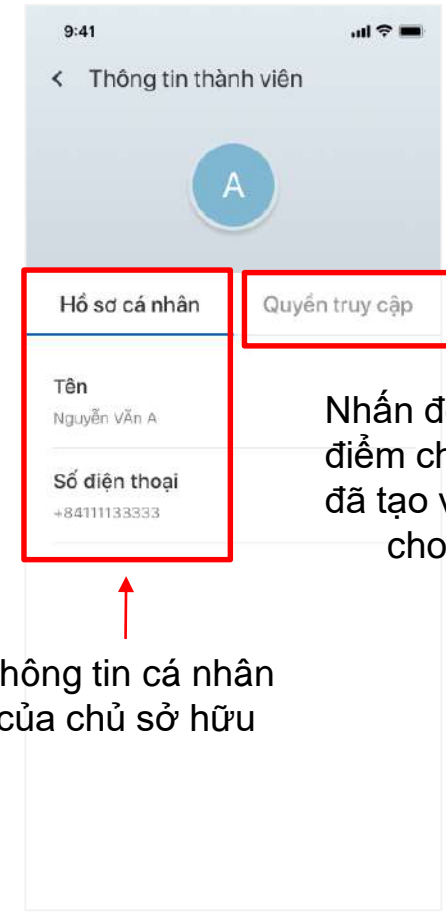
**3**  
Nhấn để xem chủ sở hữu

**3.1**  
Nhấn để xem chính mình

**3.2**  
Hoặc xem QTV khác

**3.3**  
Nhấn để xem thành viên được chia sẻ

Trang thông tin của chủ sở hữu



**4**  
Nhấn để xem địa điểm chủ sở hữu đã tạo và chia sẻ cho QTV

Thông tin cá nhân của chủ sở hữu

## 6. Quản lý quyền truy cập

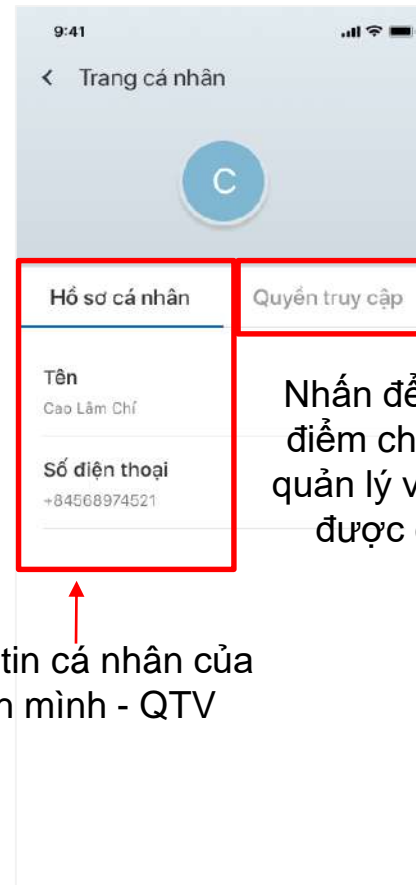
### 6.1. Xem quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác

#### 6.1.2. Xem với vai trò là quản trị viên

Danh sách các địa điểm chủ sở hữu tạo mà QTV được chia sẻ



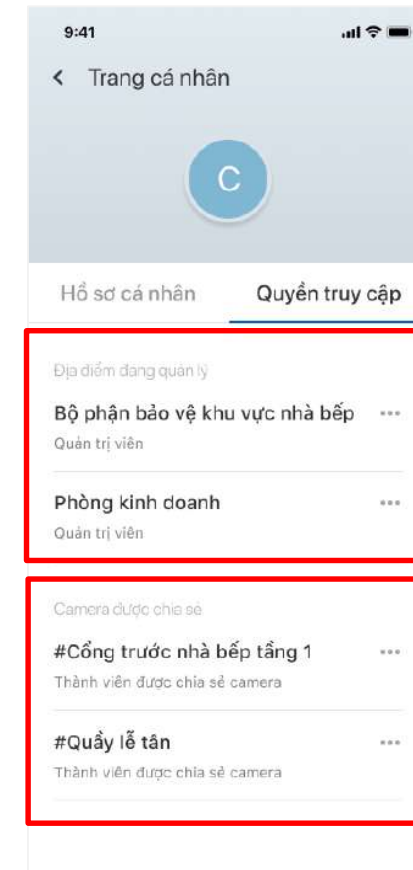
Trang thông tin của quản trị viên



4.1

Nhấn để xem địa điểm chính mình quản lý và camera được chia sẻ

Thông tin cá nhân của chính mình - QTV



Địa điểm đang quản lý

Camera được chia sẻ

## 6. Quản lý quyền truy cập

### 6.1. Xem quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác

#### 6.1.2. Xem với vai trò là quản trị viên

Trang thông tin của quản trị viên khác



Hồ sơ cá nhân

Quyền truy cập

4.2

Nhấn để xem quyền quản lý của QTV khác

Thông tin cá nhân của QTV khác



Hồ sơ cá nhân

Quyền truy cập

Địa điểm đang quản lý

Bộ phận nhà bếp

Quản trị viên

Camera được chia sẻ

#Quầy lễ tân

Thành viên được chia sẻ camera

Địa điểm có camera mình được chia sẻ

Camera nằm trong địa điểm chính mình quản lý

### 6. Quản lý quyền truy cập

#### 6.1. Xem quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác

##### 6.1.2. Xem với vai trò là quản trị viên

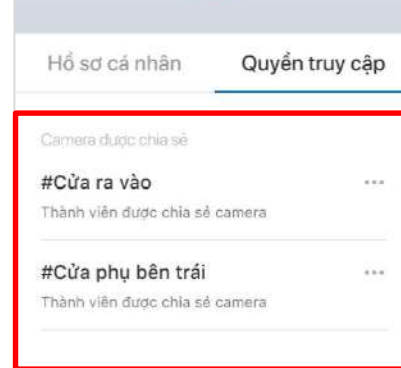
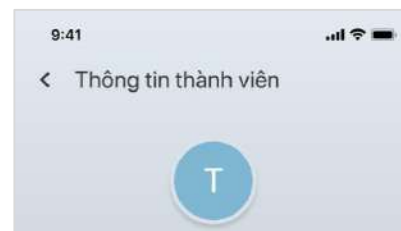
Trang thông tin của thành viên được chia sẻ



**4.3**

Nhấn để xem camera được chia sẻ cho thành viên

Thông tin cá nhân của thành viên

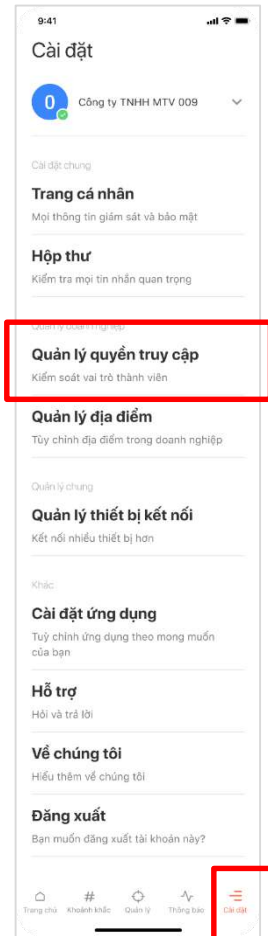


Camera thành viên được chia sẻ

## 6. Quản lý quyền truy cập

### 6.1. Xem quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác

#### 6.1.3. Xem với vai trò là thành viên được chia sẻ



**2**  
Nhấn để mở danh sách

**1** Chọn Cài đặt

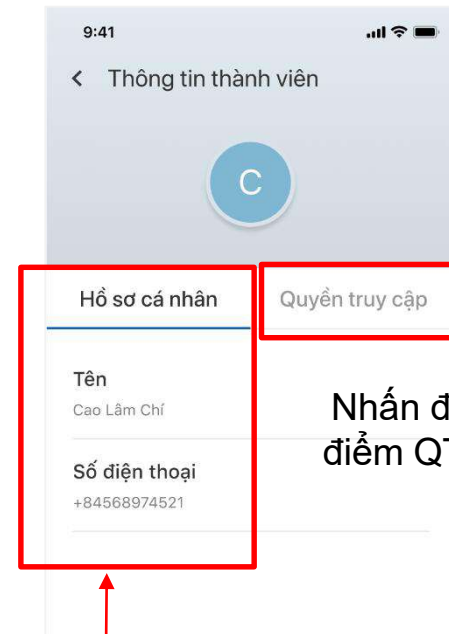
Danh sách QTV quản lý các địa điểm có camera mà mình được chia sẻ



**3**  
Nhấn để xem QTV

**3.1**  
Nhấn để xem chính mình

Trang thông tin của quản trị viên



**4**  
Nhấn để xem địa điểm QTV quản lý

Thông tin cá nhân của QTV



## 6. Quản lý quyền truy cập

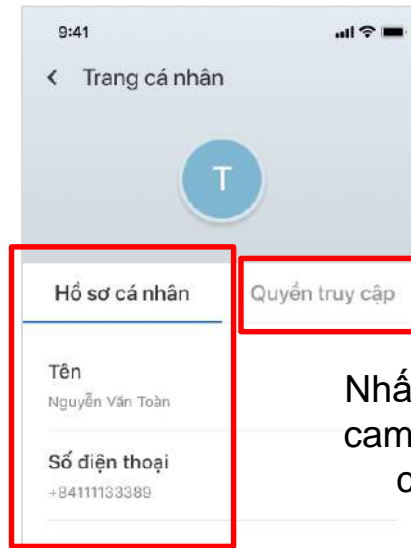
### 6.1. Xem quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác

#### 6.1.3. Xem với vai trò là thành viên được chia sẻ



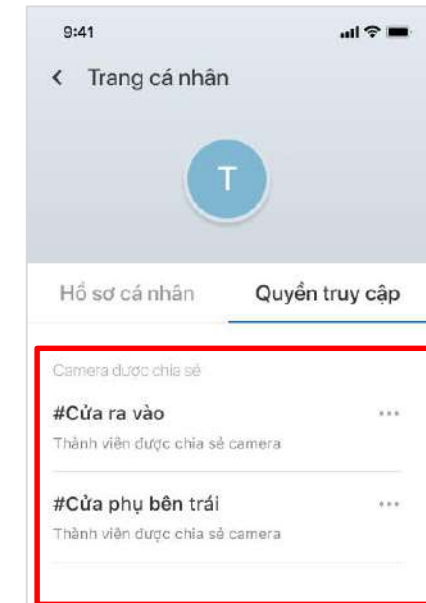
Địa điểm có camera được chia sẻ

Trang thông tin của thành viên được chia sẻ (chính mình)



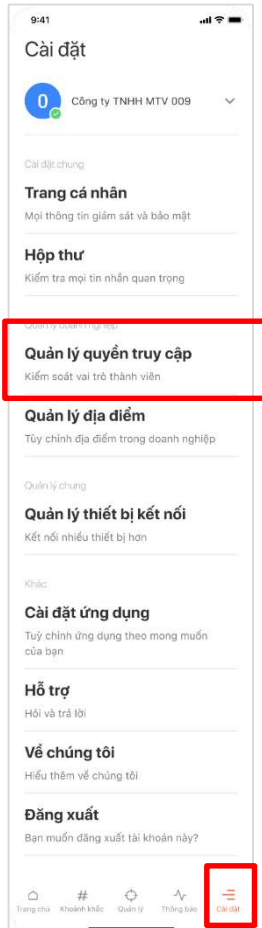
Thông tin cá nhân của chính mình

4.1  
Nhấn để xem camera được chia sẻ



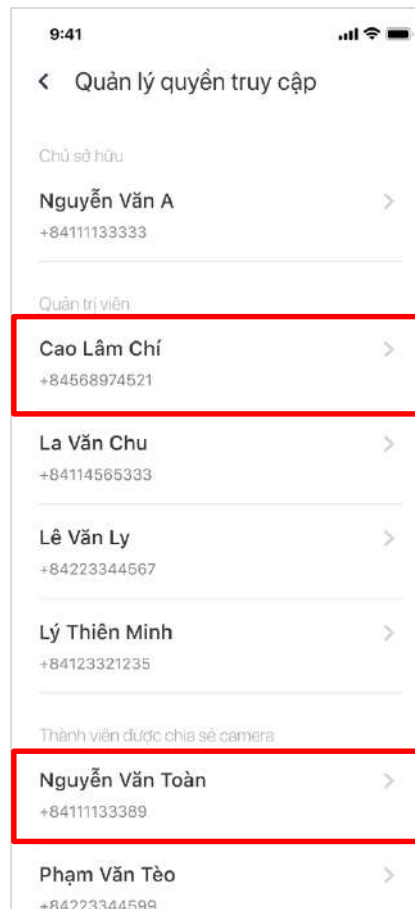
Camera được chia sẻ

**6. Quản lý quyền truy cập**  
**6.2. Xóa quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác**  
**6.2.1. Xóa với vai trò là chủ sở hữu**



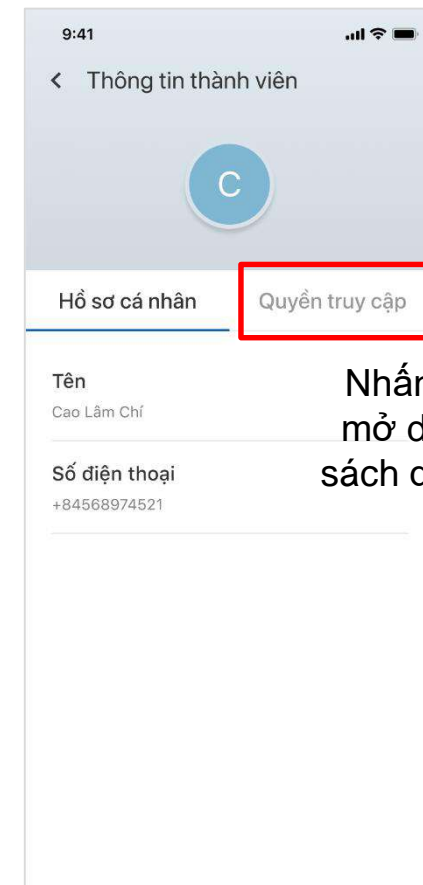
**2**  
 Nhấn để mở danh sách

**1** Chọn Cài đặt



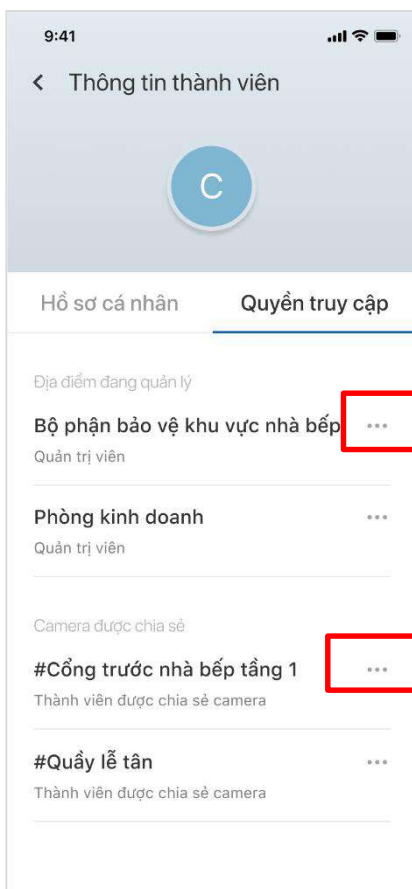
**3.1**  
 Chọn QTV muốn xóa quyền

**3.2**  
 Chọn thành viên muốn xóa quyền



**4.1**  
 Nhấn để mở danh sách quyền

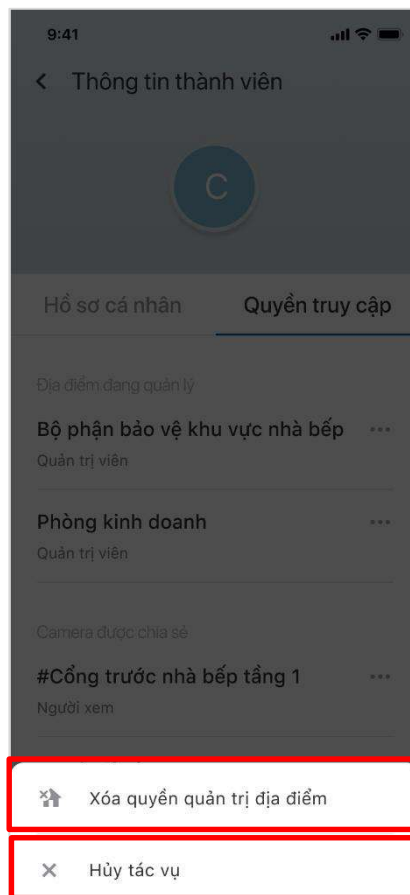
**6. Quản lý quyền truy cập**  
**6.2. Xóa quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác**  
**6.2.1. Xóa với vai trò là chủ sở hữu**



**5.1a**  
 Nhấn để chọn xóa quyền QTV trong địa điểm

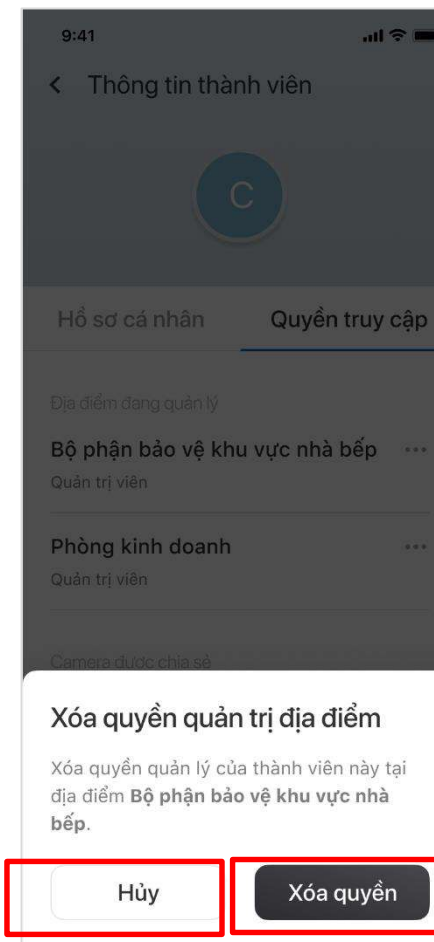
**5.1b**  
 Nhấn để chọn xóa quyền xem camera

*Trường hợp: xóa QTV*



**6.1a**  
 Nhấn để chọn xóa

**Hoặc** nhấn "**Hủy tác vụ**" để đóng thông báo



**7.1a**  
 Nhấn để xóa

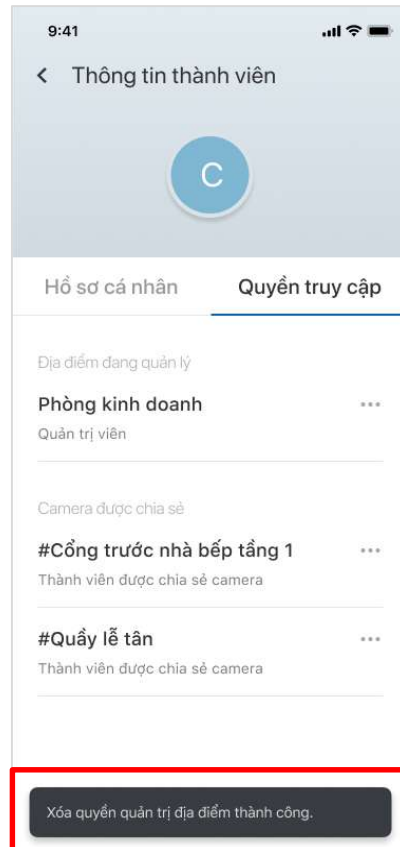
**Hoặc** nhấn "**Hủy**" để đóng thông báo

## 6. Quản lý quyền truy cập

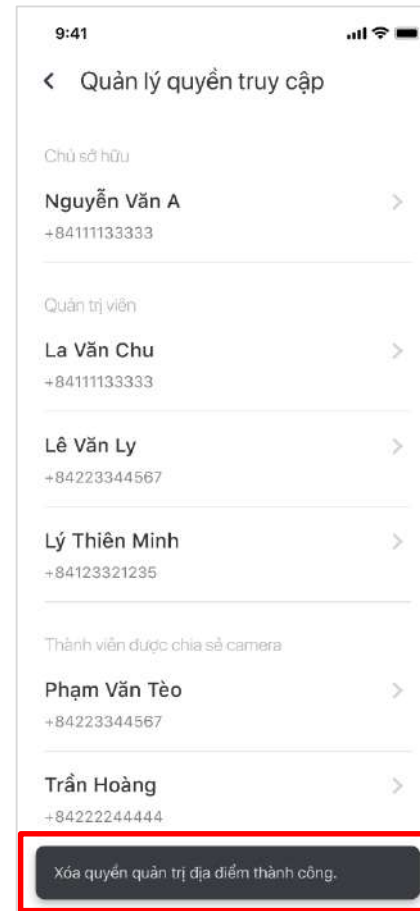
### 6.2. Xóa quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác

#### 6.2.1. Xóa với vai trò là chủ sở hữu

*Giao diện xóa quyền truy cập thành công*



*Trường hợp QTV chỉ quản lý 1 địa điểm duy nhất, khi xóa quyền truy cập thì tên QTV đó sẽ bị xóa khỏi danh sách*



*Giao diện xóa quyền truy cập thất bại*



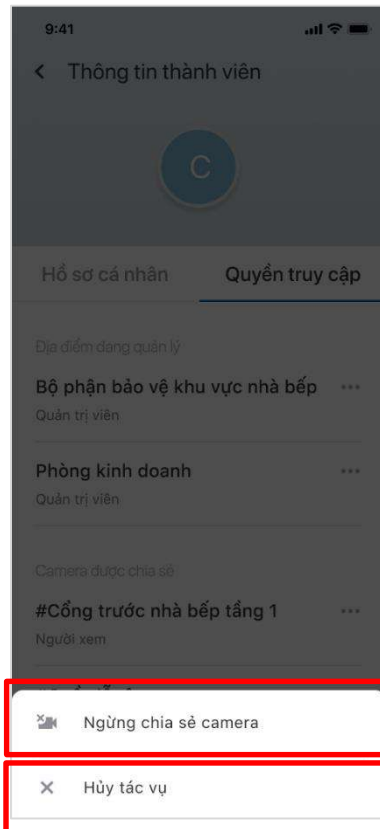
*Chủ sở hữu không thể tự xóa quyền truy cập địa điểm của chính mình.*

## 6. Quản lý quyền truy cập

### 6.2. Xóa quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác

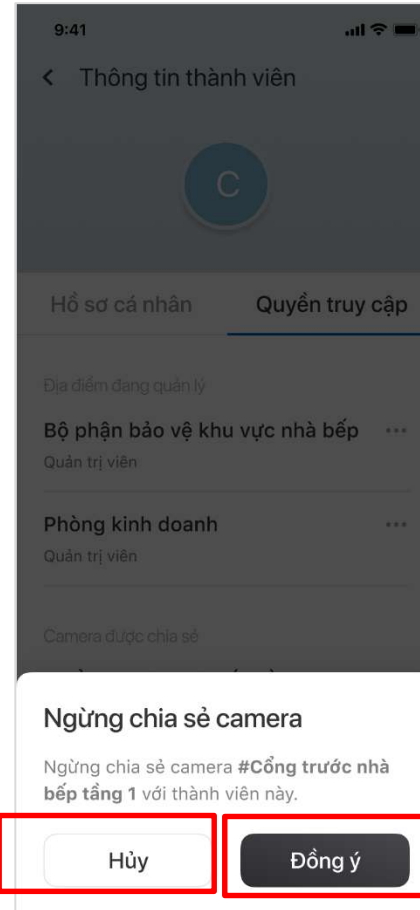
#### 6.2.1. Xóa với vai trò là chủ sở hữu

*Trường hợp: xóa thành viên được chia sẻ*



**6.1b**  
Nhấn để  
chọn xóa

**Hoặc** nhấn "**Hủy tác vụ**" để đóng thông báo



**7.1b**  
Nhấn  
để xóa

**Hoặc** nhấn "**Hủy**" để đóng thông báo

*Giao diện xóa quyền truy cập thành công*

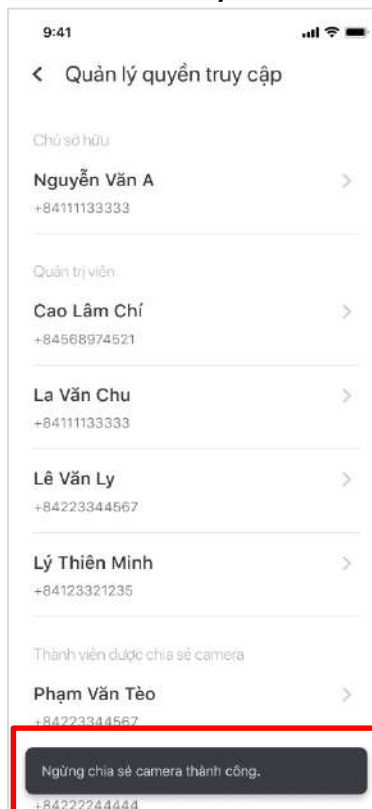


### 6. Quản lý quyền truy cập

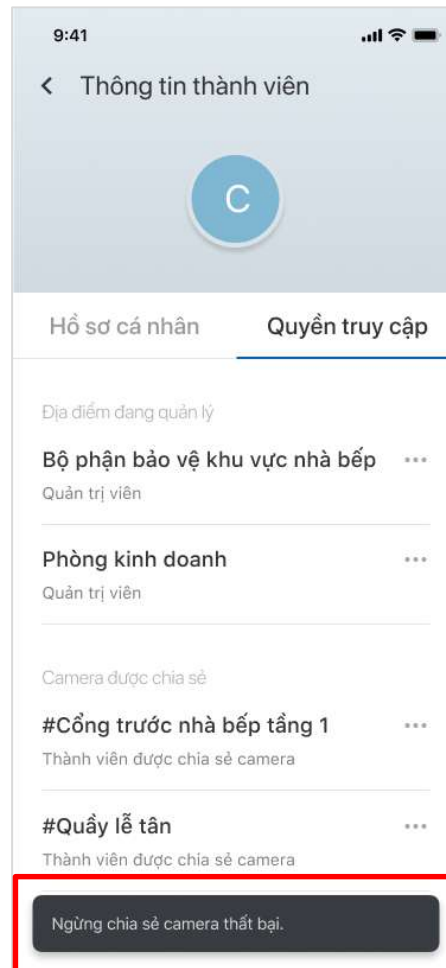
#### 6.2. Xóa quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác

##### 6.2.1. Xóa với vai trò là chủ sở hữu

*Trường hợp thành viên chỉ được chia sẻ 1 camera duy nhất, khi xóa quyền truy cập thì tên thành viên đó sẽ bị xóa khỏi danh sách*

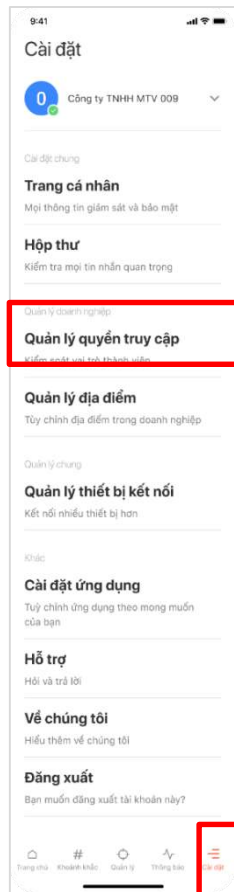


*Giao diện xóa quyền truy cập thất bại*



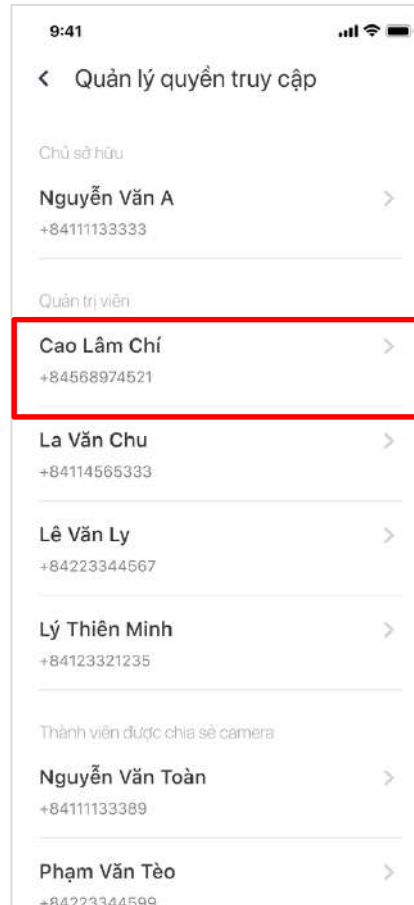
Chủ sở hữu không thể tự xóa quyền truy cập địa điểm của chính mình.

6. Quản lý quyền truy cập  
 6.2. Xóa quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác  
 6.2.2. Xóa với vai trò là quản trị viên  
 a. Xóa quyền của chính mình

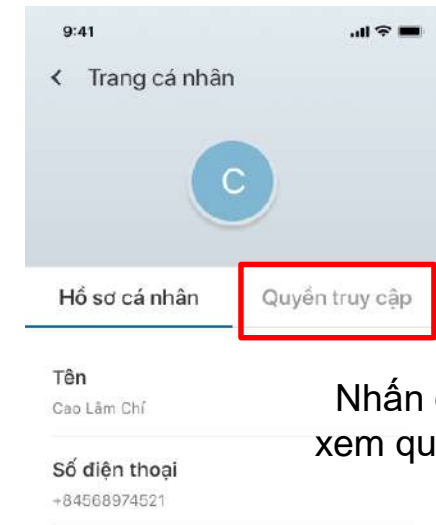


2  
 Nhấn để mở danh sách

1 Chọn Cài đặt



3  
 Chọn SĐT của mình trên danh sách



4  
 Nhấn để xem quyền

**6. Quản lý quyền truy cập**  
**6.2. Xóa quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác**  
**6.2.2. Xóa với vai trò là quản trị viên**  
**a. Xóa quyền của chính mình**



Hồ sơ cá nhân    **Quyền truy cập**

Địa điểm đang quản lý

Bộ phận bảo vệ khu vực nhà bếp ...  
 Quản trị viên

Phòng kinh doanh ...  
 Quản trị viên

Camera được chia sẻ

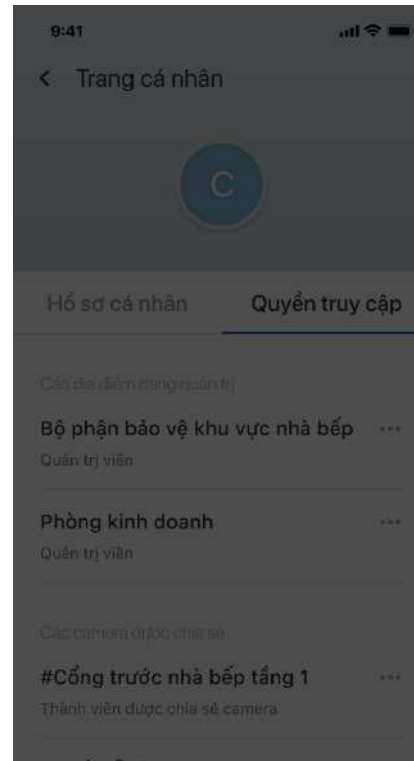
#Cổng trước nhà bếp tầng 1 ...  
 Thành viên được chia sẻ camera

#Quầy lễ tân ...  
 Thành viên được chia sẻ camera

**5**  
 Nhấn để  
 chọn xóa quyền  
 chính mình  
 trong địa điểm

**5.1**  
 Nhấn để chọn  
 xóa quyền  
 xem camera

*Trường hợp: tự xóa quyền QTV của chính mình*

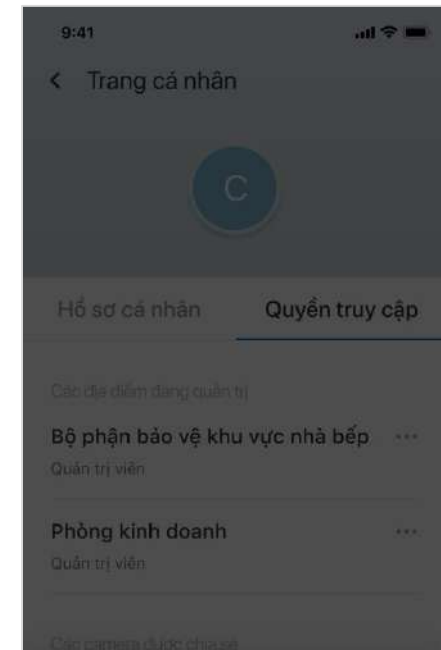


Rời địa điểm quản trị

Hủy tác vụ

**6**  
 Nhấn để  
 chọn xóa

**Hoặc nhấn "Hủy tác vụ" để đóng thông báo**



Rời địa điểm quản trị

Rời Bộ phận bảo vệ khu vực nhà bếp, bạn sẽ mất quyền quản trị địa điểm và quyền theo dõi các camera tại đây.

Hủy

Rời khỏi

**7**  
 Nhấn để tự  
 xóa quyền

**Hoặc nhấn "Hủy" để đóng thông báo**



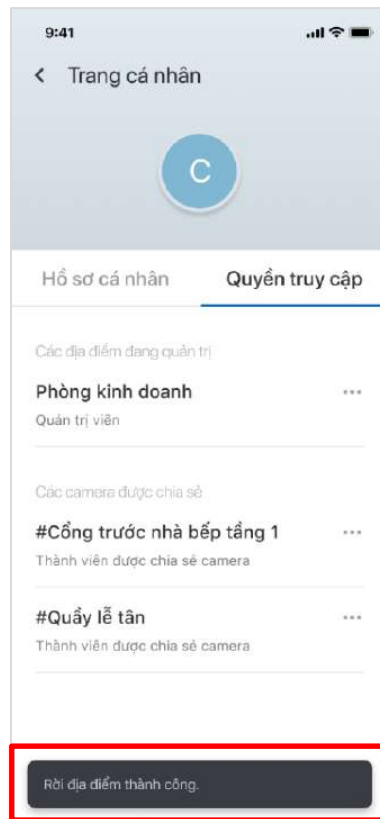
## 6. Quản lý quyền truy cập

### 6.2. Xóa quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác

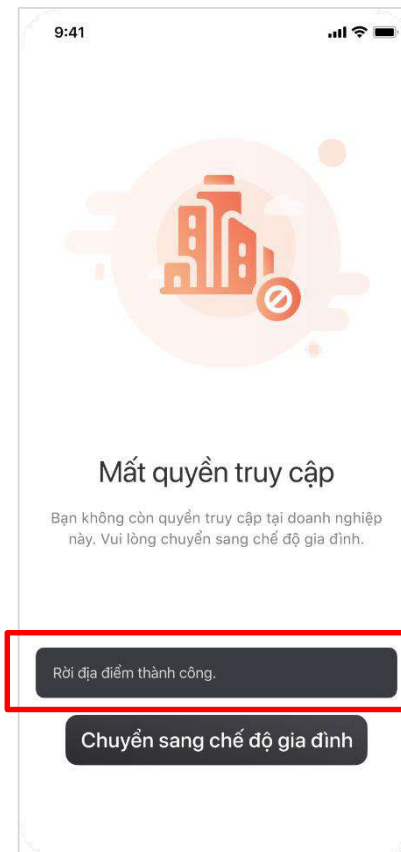
#### 6.2.2. Xóa với vai trò là quản trị viên

##### a. Xóa quyền của chính mình

Giao diện tự xóa quyền truy cập thành công



*Trường hợp QTV chỉ quản lý 1 địa điểm duy nhất và không được chia sẻ camera nào, khi tự xóa quyền thì QTV mất quyền truy cập trong công ty*



*Giao diện tự xóa quyền truy cập thất bại*



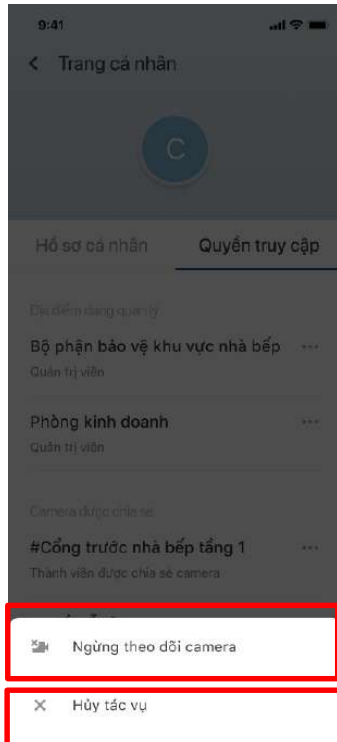
## 6. Quản lý quyền truy cập

### 6.2. Xóa quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác

#### 6.2.2. Xóa với vai trò là quản trị viên

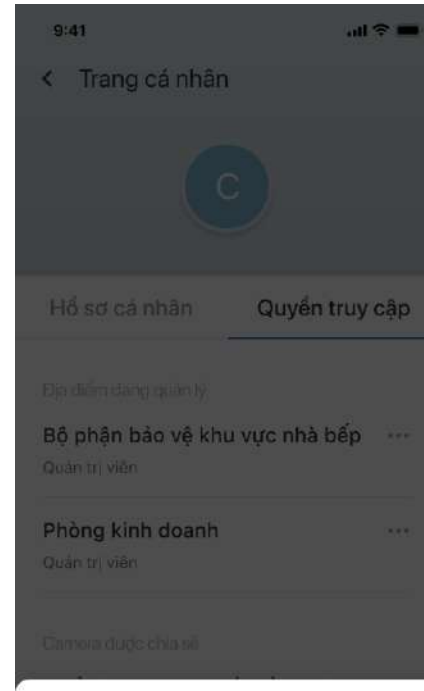
##### a. Xóa quyền của chính mình

*Trường hợp: tự xóa quyền xem camera của chính mình*



**6.1**  
Nhấn để  
chọn xóa

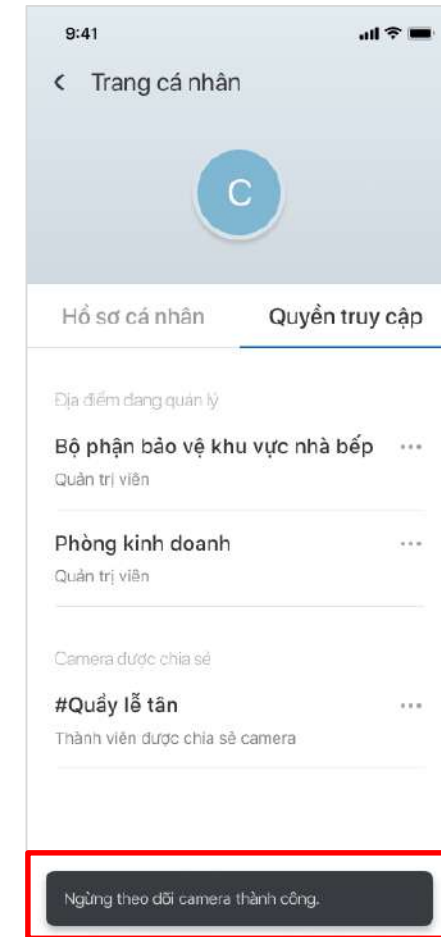
**Hoặc** nhấn "**Hủy tác vụ**" để đóng thông báo



**7.1**  
Nhấn  
để xóa

**Hoặc** nhấn "**Hủy**" để đóng thông báo

*Giao diện xóa quyền truy cập thành công*



### 6. Quản lý quyền truy cập

#### 6.2. Xóa quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác

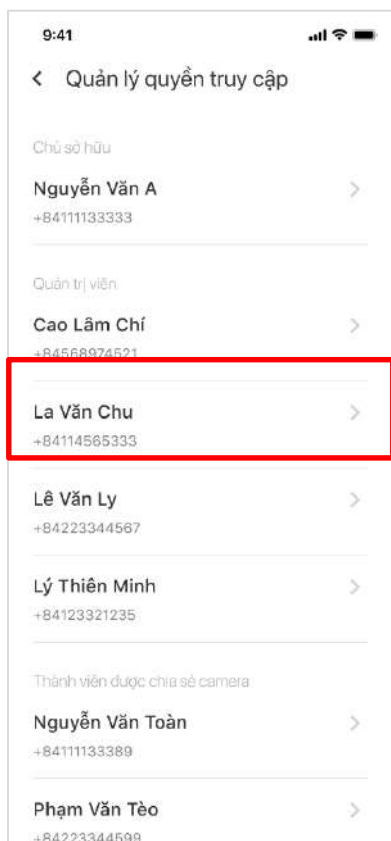
##### 6.2.2. Xóa với vai trò là quản trị viên

##### a. Xóa quyền của chính mình

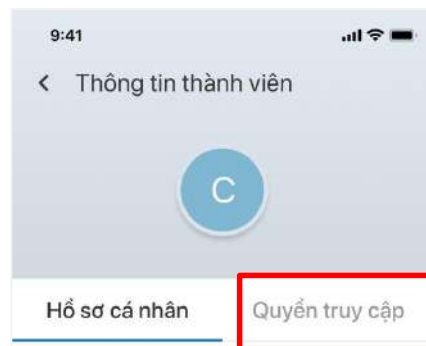
*Giao diện xóa quyền truy cập thất bại*



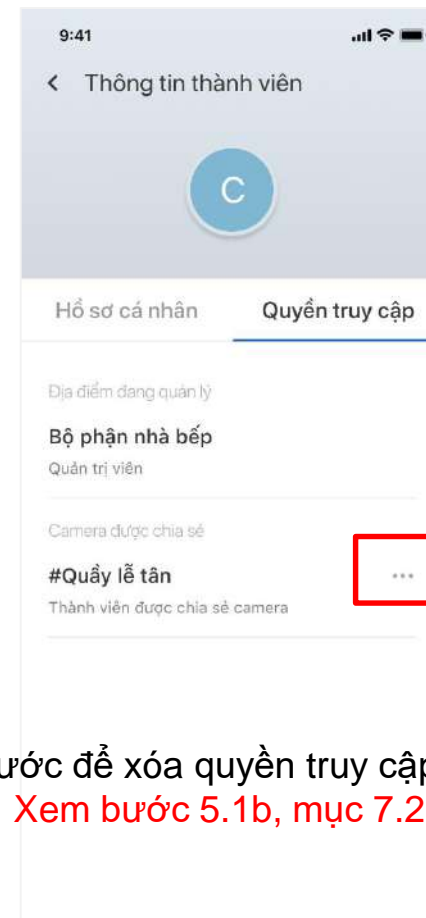
**6. Quản lý quyền truy cập**  
**6.2. Xóa quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác**  
**6.2.2. Xóa với vai trò là quản trị viên**  
**b. Xóa quyền xem camera của quản trị viên khác**



**3.1**  
 Nhấn để  
 chọn QTV  
 khác



**4.1**  
 Nhấn để  
 xem quyền



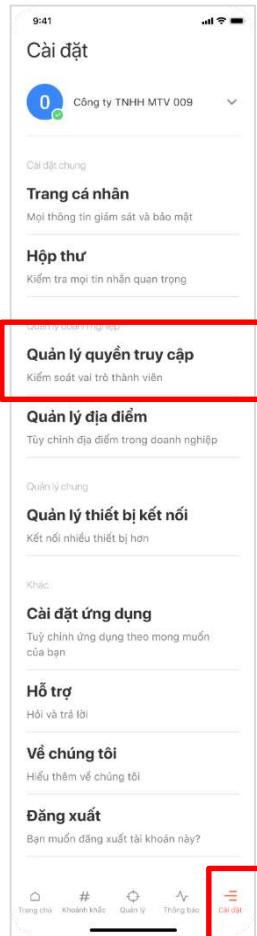
**5.1**  
 Nhấn để  
 chọn xóa

Các bước để xóa quyền truy cập camera  
 Xem bước 5.1b, mục 7.2.1

## 6. Quản lý quyền truy cập

### 6.2. Xóa quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác

#### 6.2.3. Xóa với vai trò là thành viên được chia sẻ



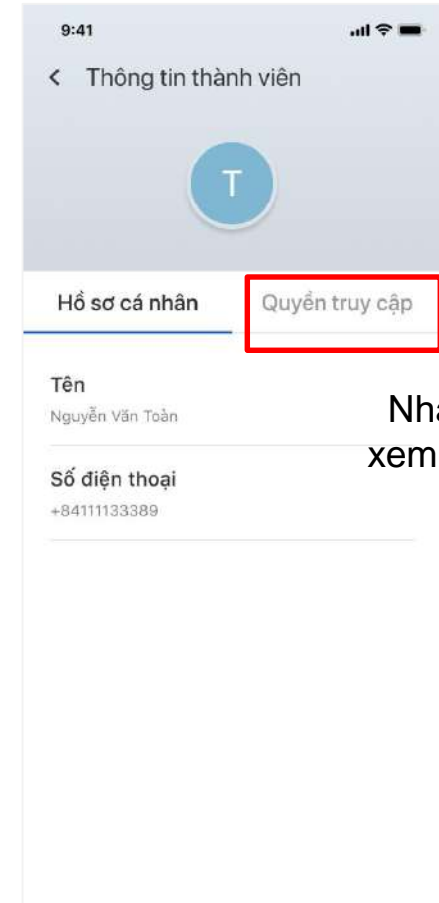
**2**  
Nhấn để mở danh sách

**1**  
Chọn Cài đặt

Danh sách QTV quản lý các địa điểm có camera mà mình được chia sẻ



**3**  
Nhấn để chọn chính mình

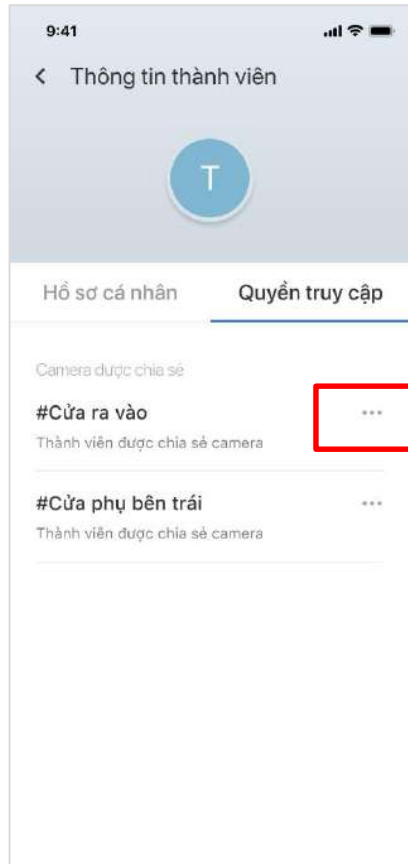


**4**  
Nhấn để xem quyền

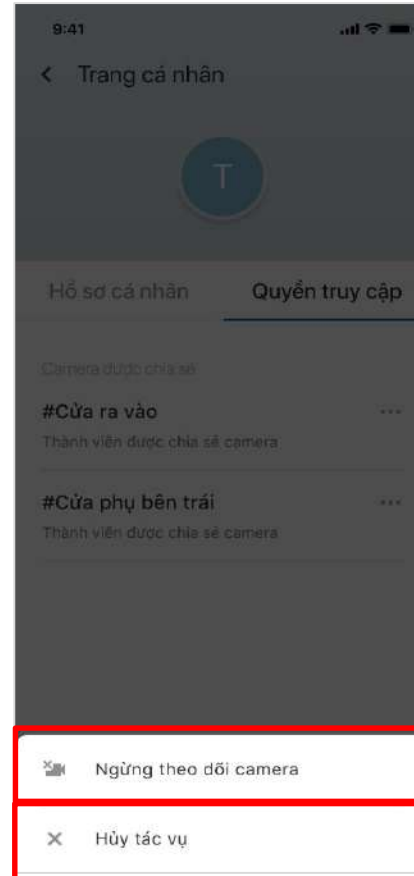
## 6. Quản lý quyền truy cập

### 6.2. Xóa quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác

#### 6.2.3. Xóa với vai trò là thành viên được chia sẻ

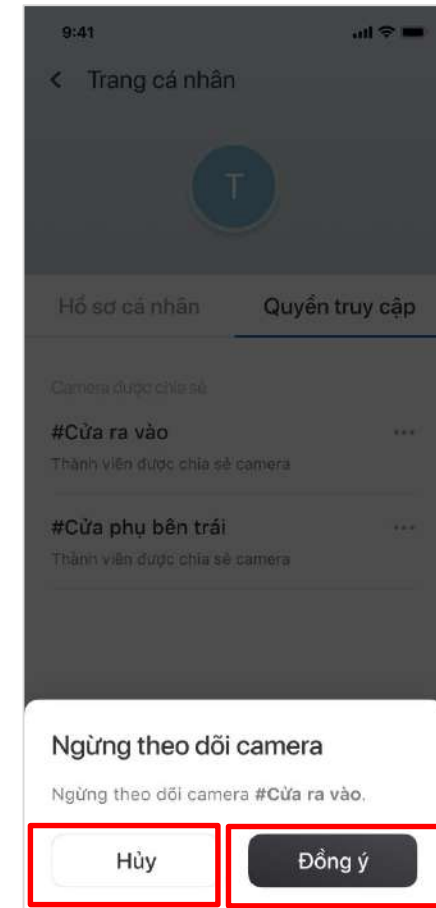


**5**  
Nhấn để  
chọn camera  
muốn xóa



**6**  
Nhấn để  
chọn xóa

Hoặc nhấn "**Hủy tác vụ**" để đóng thông báo



**7**  
Nhấn để tự  
xóa quyền

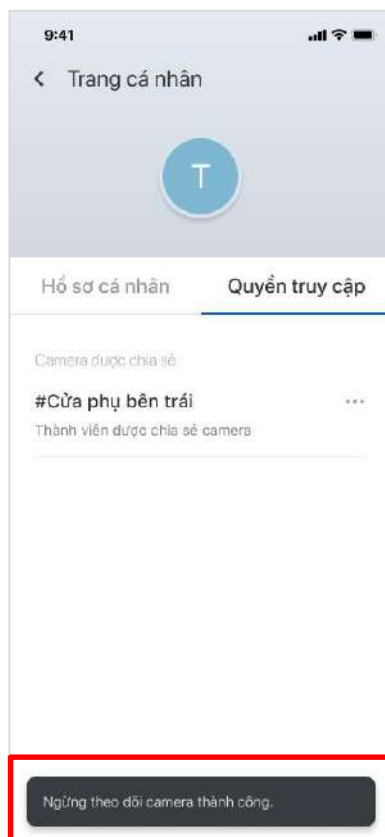
Hoặc nhấn "**Hủy**" để đóng thông báo

### 6. Quản lý quyền truy cập

#### 6.2. Xóa quyền truy cập trong doanh nghiệp đang thao tác

##### 6.2.3. Xóa với vai trò là thành viên được chia sẻ

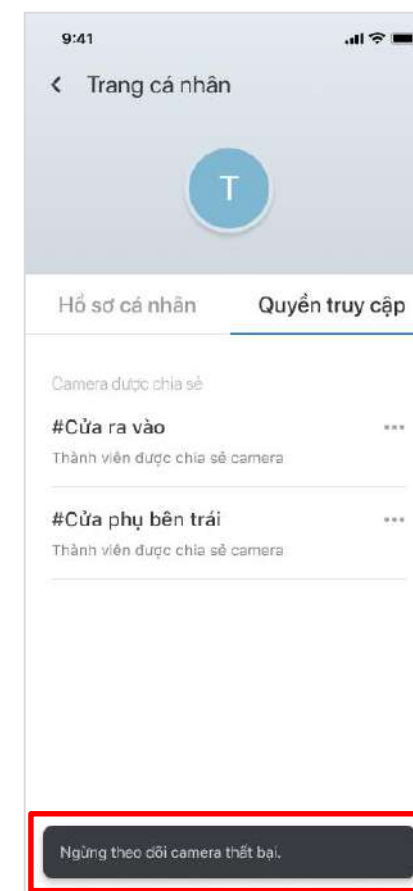
Giao diện tự xóa quyền truy cập thành công



*Trường hợp thành viên được chia sẻ 1 camera duy nhất, khi tự xóa quyền thì thành viên đó mất quyền truy cập trong công ty*



*Giao diện tự xóa quyền truy cập thất bại*



## 7. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 7.1. Đi từ hộp thư đến

a. TH: Mã áp dụng thấp hơn gói hiện tại



**1**  
Chọn mã cần áp dụng



**2**  
Nhấn để chọn mã

TH: Tài khoản chưa có camera



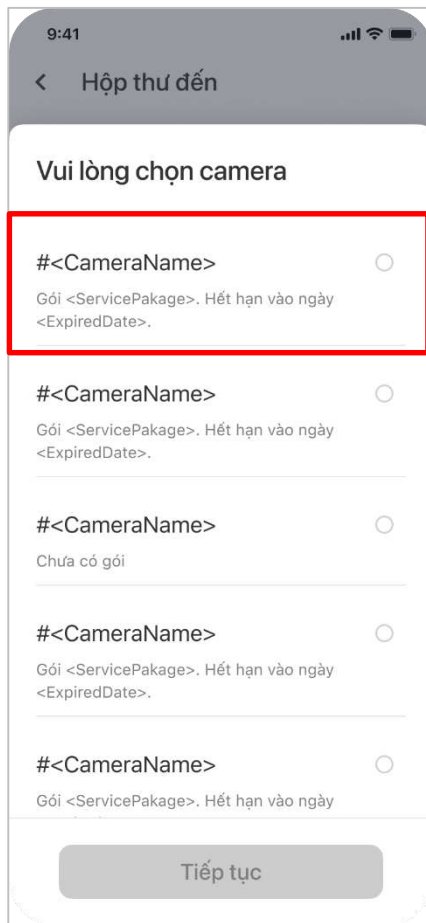


## 7. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 7.1. Đi từ hộp thư đến

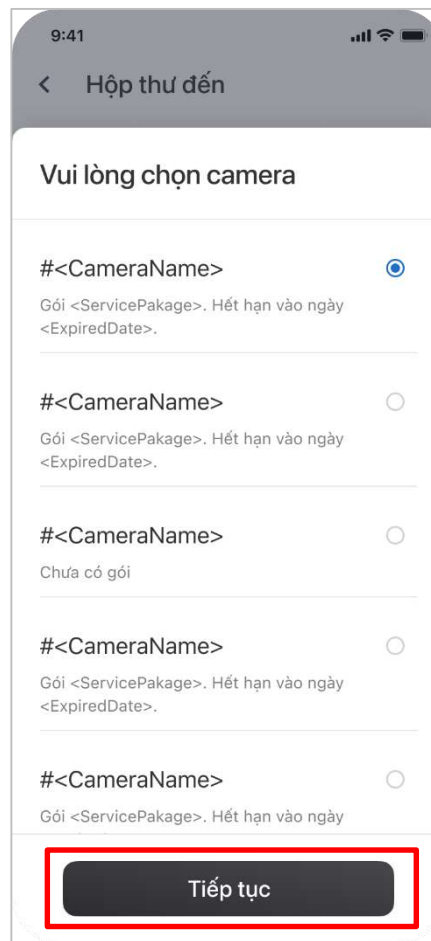
#### a. TH: Mã áp dụng thấp hơn gói hiện tại

TH: Tài khoản có camera



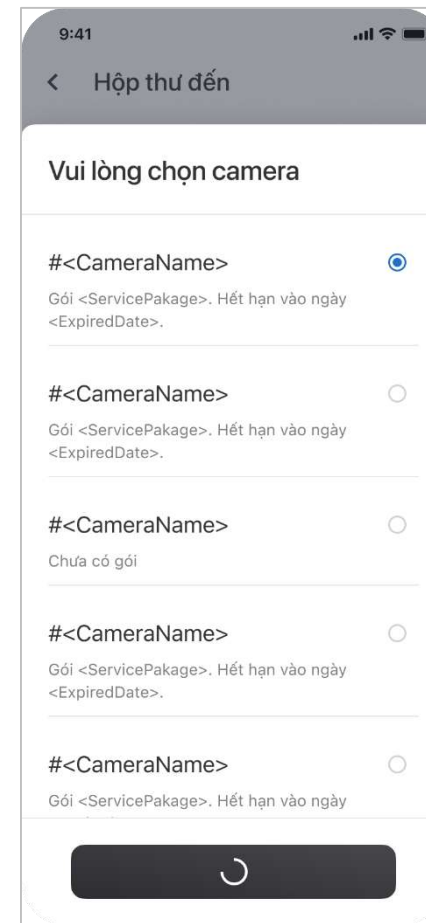
3

Chọn camera muốn áp dụng mã



4

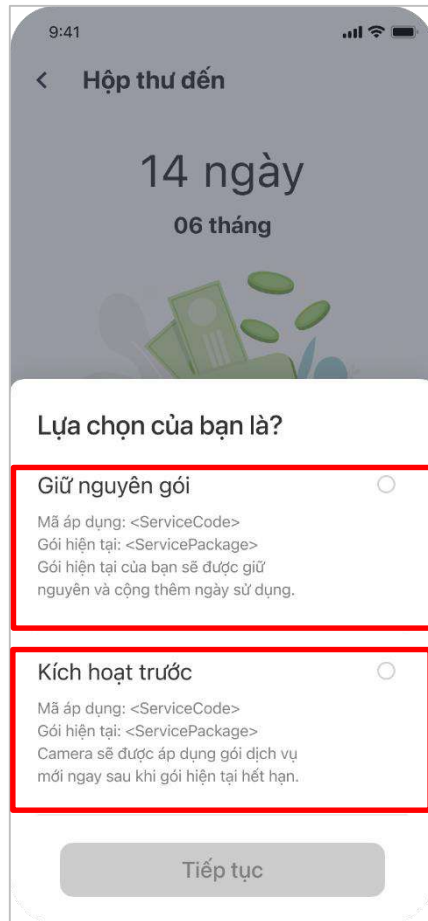
Nhấn để tiếp tục



## 7. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

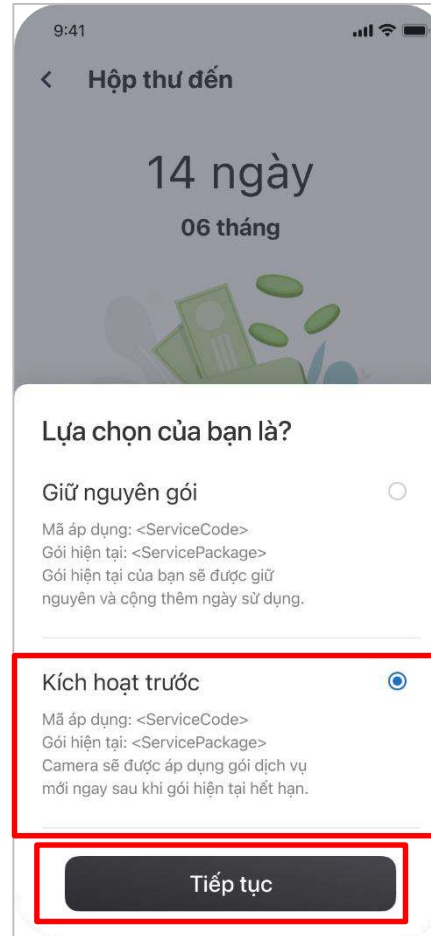
### 7.1. Đi từ hộp thư đến

#### a. TH: Mã áp dụng thấp hơn gói hiện tại

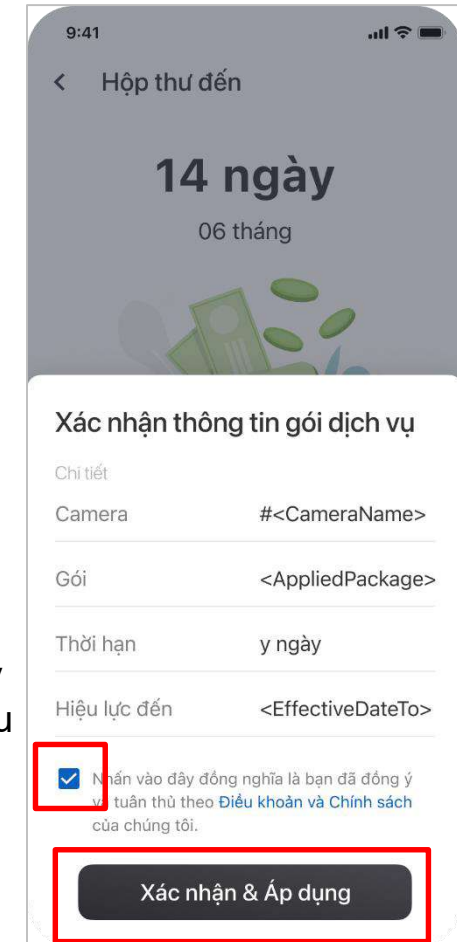


*Giữ nguyên gói:  
Mã áp dụng sẽ  
được quy đổi số  
ngày về gói hiện tại*

*Kích hoạt trước:  
Tự động áp dụng  
gói khi gói hiện tại  
hết hạn*



5 Nhấn để  
chọn cách  
áp dụng mã  
6 Nhấn để  
tiếp tục



7 Chọn  
đồng ý  
với điều  
khoản  
8 Chọn để  
xác nhận  
và áp  
dụng mã

## 7. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 7.1. Đi từ hộp thư đến

#### a. TH: Mã áp dụng thấp hơn gói hiện tại

*Trường hợp: Áp dụng Kích hoạt trước thành công*



Chọn để xem camera sau khi áp dụng mã thành công

9

*Trường hợp: Camera đã được kích hoạt mã dịch vụ Cloud trước và mã đó chưa tới ngày áp dụng sẽ không thể áp dụng mã dịch vụ khác.*



Hiện tại không thể áp dụng mã cho camera này

Camera không thể áp dụng mã dịch vụ mới do đã được kích hoạt trước mã dịch vụ <Appliedpackage>.

5.1  
Nhấn **Đã hiểu** hoặc nhấn bên ngoài thông báo để tắt

*Trường hợp: Áp dụng Giữ nguyên gói thành công*



Áp dụng mã thành công

Gói dịch vụ của bạn đã được cập nhật thành công.

Chọn để xem camera sau khi áp dụng mã thành công

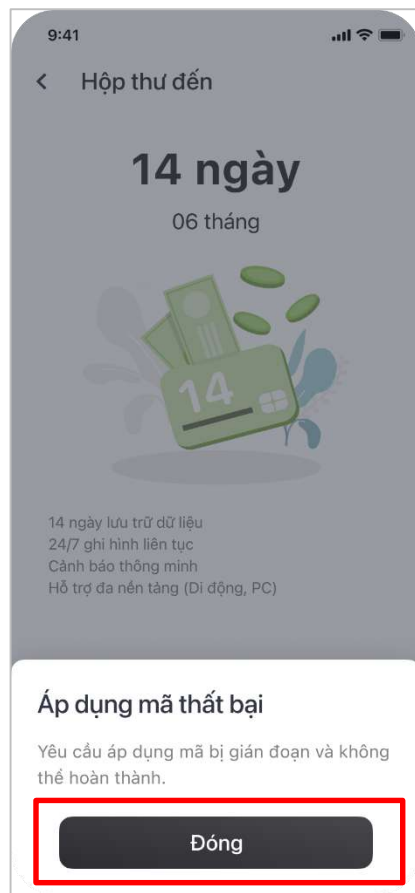
9.1

## 7. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 7.1. Đi từ hộp thư đến

#### a. TH: Mã áp dụng thấp hơn gói hiện tại

TH: Áp dụng mã thất bại



**9.2**

Nhấn **Đóng** hoặc nhấn ngoài thông báo để tắt



**10.2** Để áp dụng lại mã, thực hiện từ bước 2

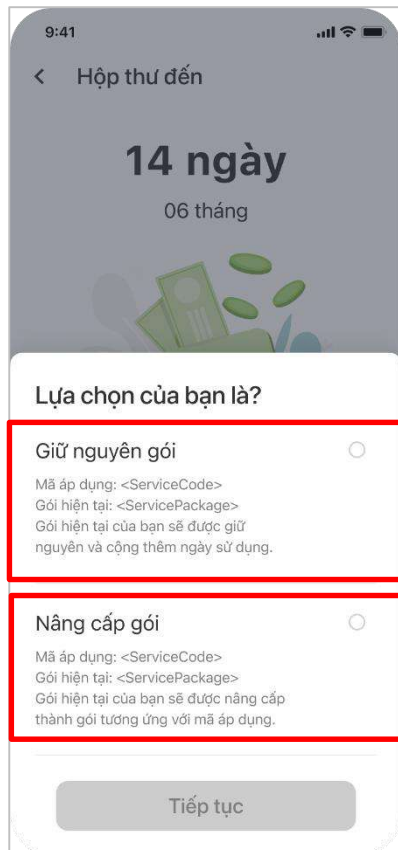
## 7. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 7.1. Đi từ hộp thư đến

#### b. TH: Mã áp dụng cao hơn gói hiện tại

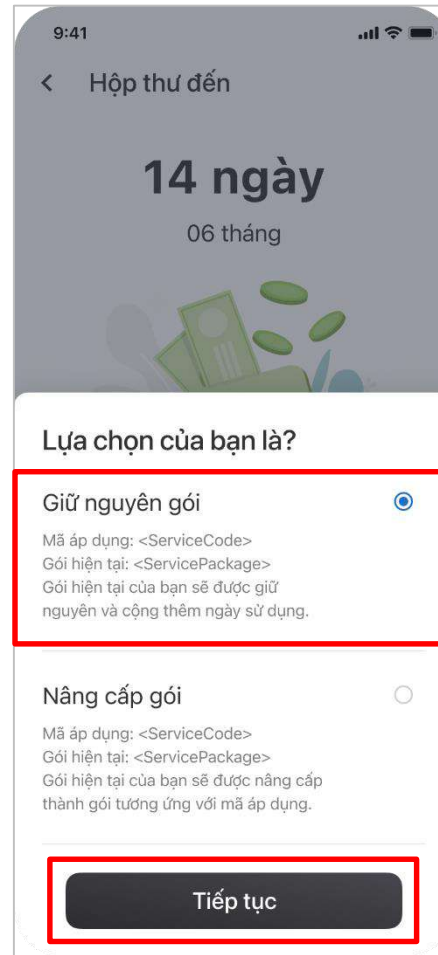
Các bước chọn mã dịch vụ

*Xem từ bước 1 đến bước 4, mục 7.1a*



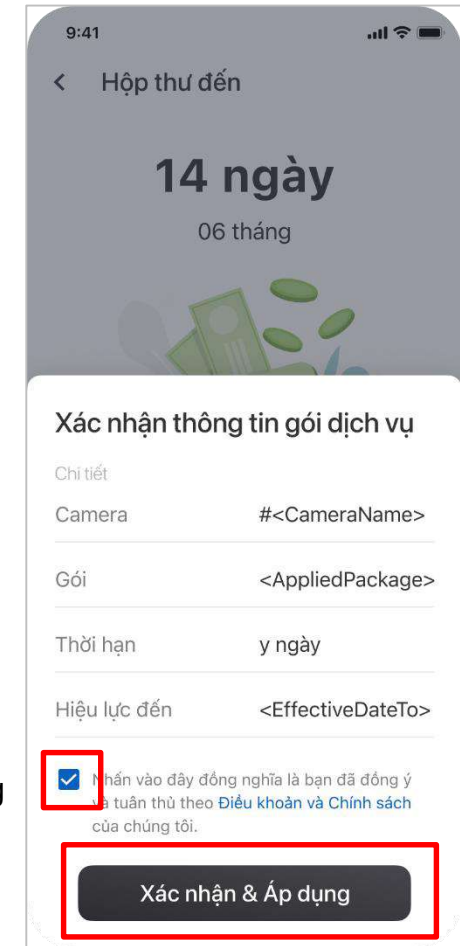
*TH: Mã áp dụng sẽ được quy đổi số ngày về gói hiện tại.*

*TH: Gói hiện tại sẽ được nâng cấp lên gói của mã được áp dụng.*



**5**  
Chọn 1 trong 2 lựa chọn

**6**  
Nhấn để tiếp tục



**7**  
Chọn đồng ý với điều khoản

**8** Chọn để xác nhận và áp dụng mã

## 7. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 7.1. Đi từ hộp thư đến

#### b. TH: Mã áp dụng cao hơn gói hiện tại

TH: Áp dụng mã thành công



9

Chọn để xem camera sau khi áp dụng mã thành công

TH: Áp dụng mã thất bại



9.1

Nhấn **Đóng** hoặc nhấn ngoài thông báo để tắt



10.1

Để áp dụng lại mã, thực hiện từ bước 2

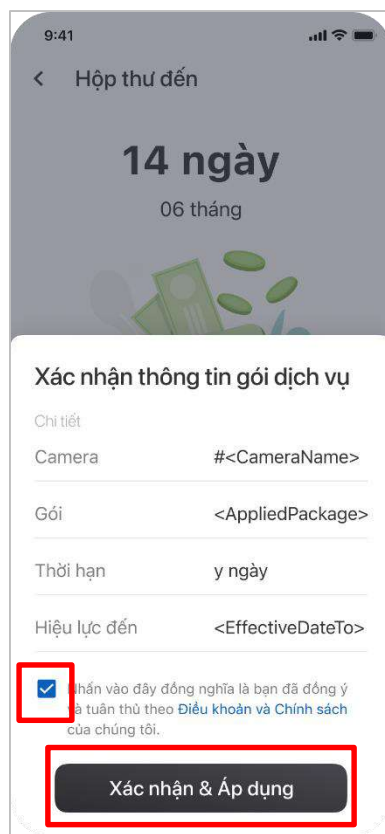
## 7. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 7.1. Đi từ hộp thư đến

**c. TH: Mã áp dụng bằng với gói hiện tại hoặc áp dụng cho camera chưa có gói**

Các bước chọn mã dịch vụ

*Xem từ bước 1 đến bước 4, mục 7.1a*



5

Chọn đồng ý với điều khoản

Chọn để xác nhận và áp dụng mã

6

TH: Áp dụng mã thành công



7

Chọn để xem camera sau khi áp dụng mã thành công

TH: Áp dụng mã thất bại



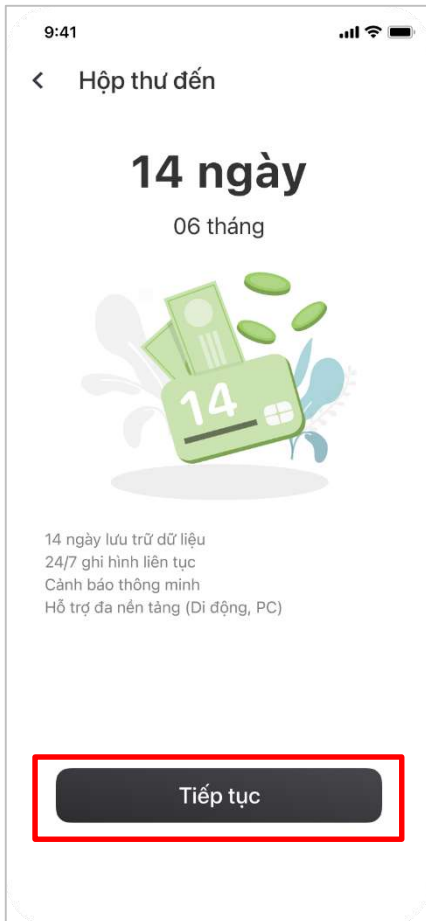
7.1

Nhấn **Đóng** hoặc nhấn ngoài thông báo để tắt

### 7. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

#### 7.1. Đi từ hộp thư đến

**c. TH: Mã áp dụng bằng với gói hiện tại hoặc áp dụng cho camera chưa có gói**



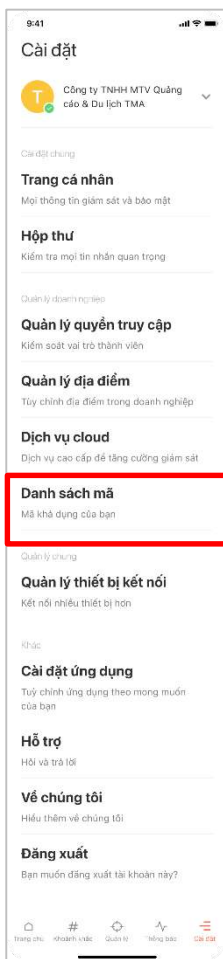
**8.1** Để áp dụng lại mã, thực hiện từ bước 2



## 7. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 7.2. Đi từ danh sách mã

#### a. Trường hợp: Có mã dịch vụ



**1**  
Chọn mục danh sách mã

**2**  
Chọn mã muốn áp dụng



TH: Tài khoản chưa có camera

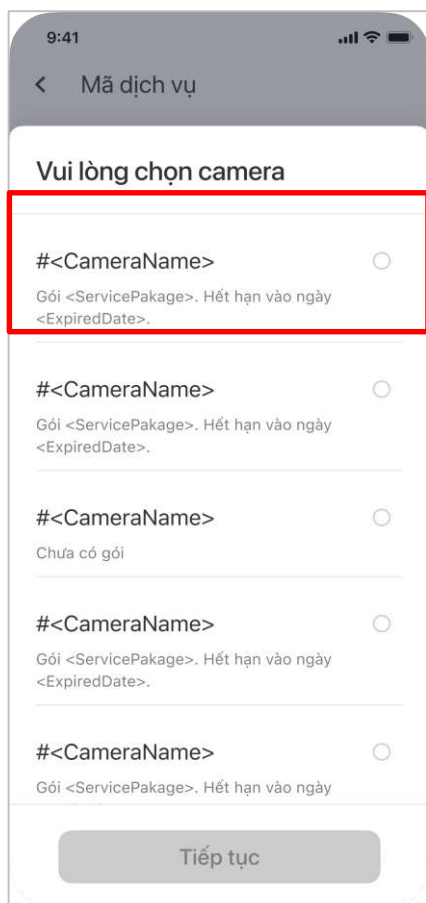


## 7. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 7.2. Đi từ danh sách mã

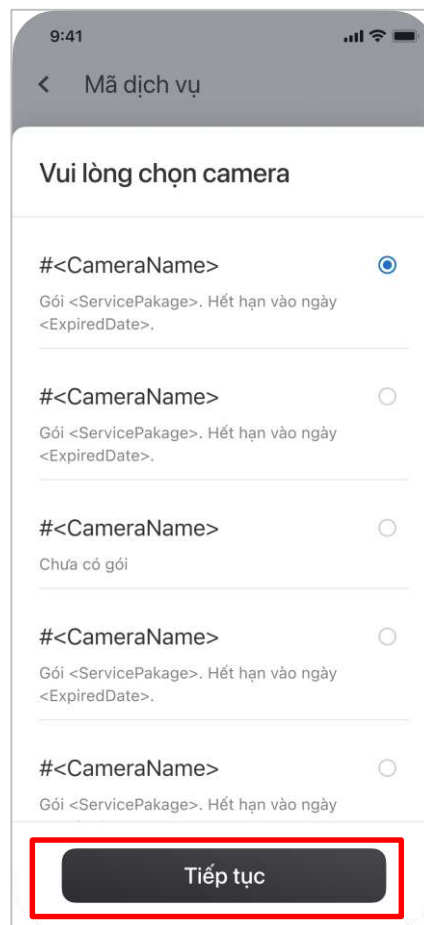
#### a. Trường hợp: Có mã dịch vụ

TH: Tài khoản có camera



3

Chọn camera muốn áp dụng mã



4

Nhấn để tiếp tục



### 7. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

#### 7.2. Đi từ danh sách mã.

##### a. Trường hợp: Có mã dịch vụ

Sau bước chọn camera:

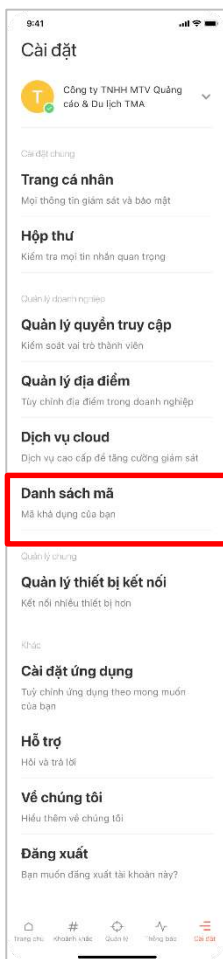
Chia làm 3 trường hợp:

- Mã áp dụng thấp hơn gói hiện tại (**Xem mục 7.1, tiểu mục a**)
- Mã áp dụng cao hơn gói hiện tại (**Xem mục 7.1, tiểu mục b**)
- Mã áp dụng bằng gói hiện tại hoặc áp dụng cho camera chưa có gói (**Xem mục 7.1, tiểu mục c**)

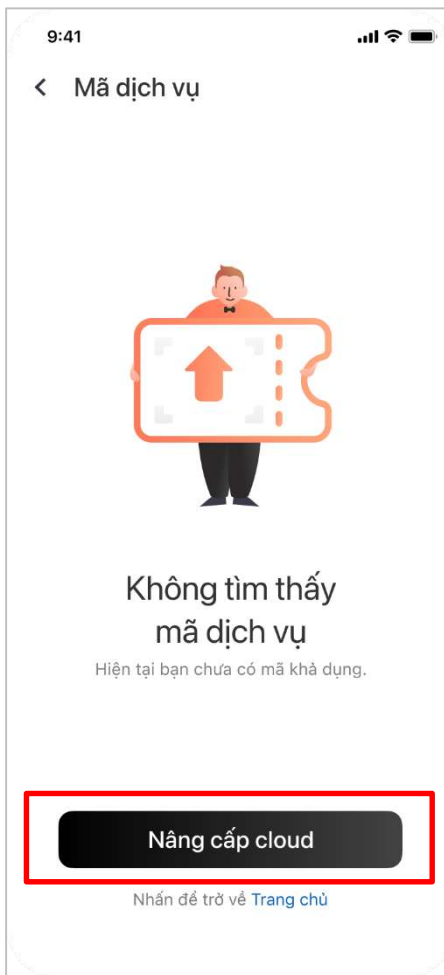
## 7. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 7.2. Đi từ danh sách mã

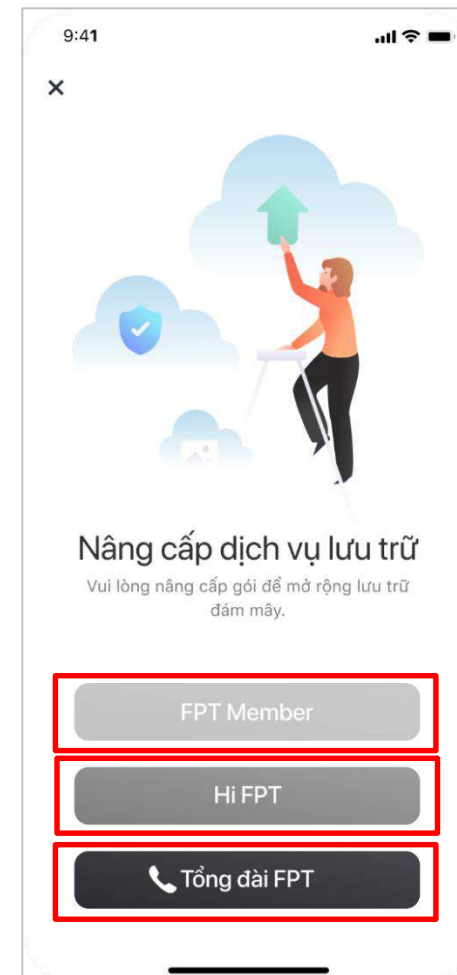
#### b. Trường hợp: Không có mã dịch vụ



**1**  
Chọn mục danh sách mã



**2**  
Chọn Nâng cấp cloud



**3a**

**3b**

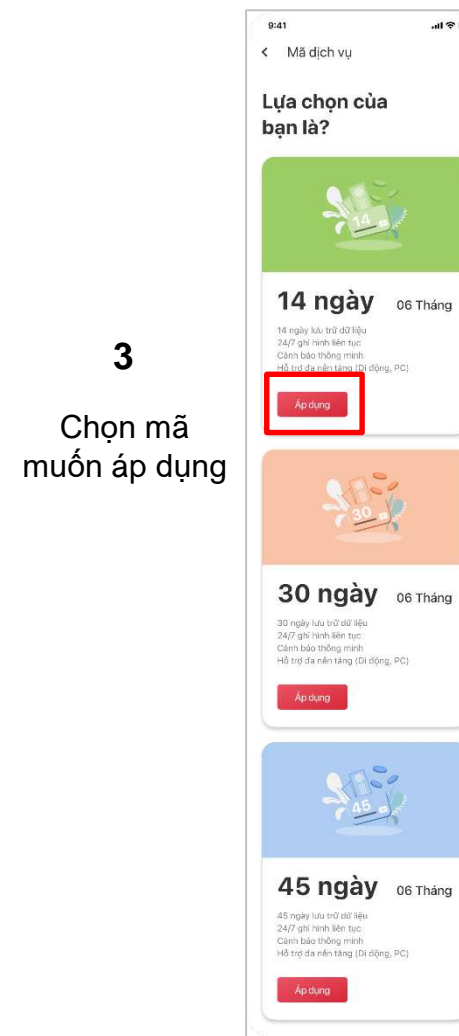
**3c**

Chọn 1 trong 3 hình thức liên hệ để có thể mua gói cloud

## 7. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 7.3. Đi từ cài đặt camera

#### a. Trường hợp: Có mã dịch vụ



### 7. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

#### 7.3. Đi từ cài đặt camera

##### a. Trường hợp: Có mã dịch vụ

Các bước tiếp theo để áp dụng mã:

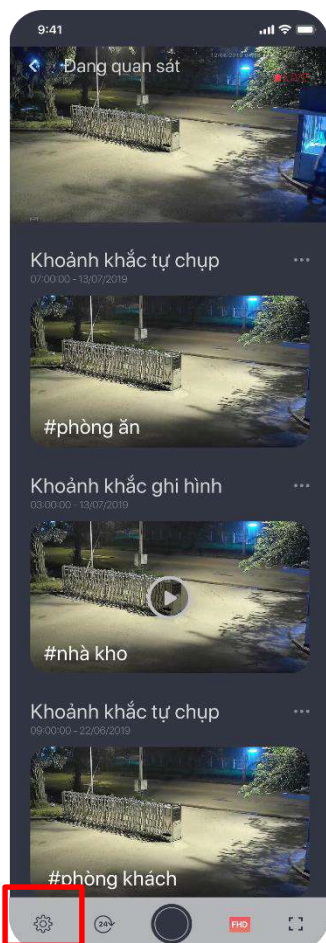
Chia làm 3 trường hợp:

- Mã áp dụng thấp hơn gói hiện tại (**Xem mục 7.1, tiểu mục a**)
- Mã áp dụng cao hơn gói hiện tại (**Xem mục 7.1, tiểu mục b**)
- Mã áp dụng bằng gói hiện tại hoặc áp dụng cho camera chưa có gói (**Xem mục 7.1, tiểu mục c**)

## 7. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 7.3. Đi từ cài đặt camera

#### b. Trường hợp: Không có mã dịch vụ



Chọn mục cài đặt camera

1



2

Chọn mục gói dịch vụ

Các bước tiếp theo để liên hệ mua gói cloud  
 Xem từ bước 2, tiểu mục b, mục 7.2

## 7. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 7.4. Đi từ mục quản lý

#### a. Trường hợp: Có mã dịch vụ



**2**  
Chọn camera muốn áp dụng mã

**1**  
Chọn mục quản lý



**3**  
Chọn mã muốn áp dụng

Các bước tiếp theo để áp dụng mã:

Chia làm 3 trường hợp:

- Mã áp dụng thấp hơn gói hiện tại (**Xem mục 7.1, tiểu mục a**)
- Mã áp dụng cao hơn gói hiện tại (**Xem mục 7.1, tiểu mục b**)
- Mã áp dụng bằng gói hiện tại hoặc áp dụng cho camera chưa có gói (**Xem mục 7.1, tiểu mục c**)



## 7. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 7.4. Đi từ mục quản lý

#### b. Trường hợp: Không có mã dịch vụ



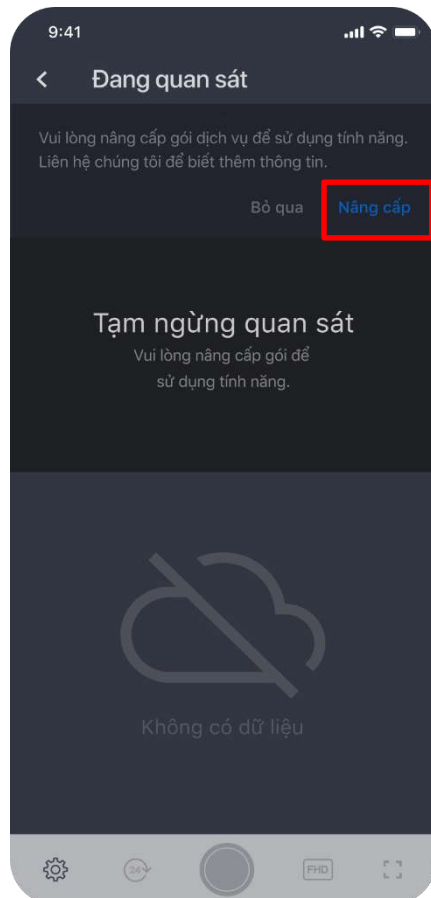
**2**  
Chọn camera  
muốn áp  
dụng mã

**1**  
Chọn mục  
quản lý

Các bước tiếp theo để liên hệ mua gói cloud  
**Xem từ bước 2, tiểu mục b, mục 7.2**

## 7. Áp dụng mã dịch vụ Cloud 7.5. Đi từ thông báo trang phát trực tiếp a. Trường hợp: Có mã dịch vụ

Camera chưa có gói



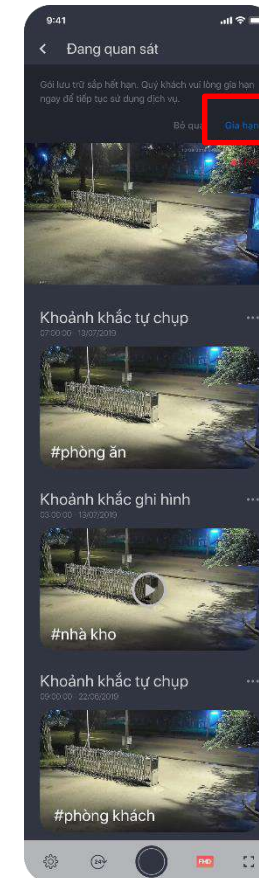
**1a**  
Chọn nút  
Nâng cấp trên  
thông báo

Camera có gói trong 7 ngày ân hạn



**1b**  
Chọn nút Gia  
hạn trên  
thông báo

Camera có gói sắp hết hạn  
(thời hạn sử dụng gói còn  $\leq 10$  ngày)



**1c**  
Chọn nút  
Gia hạn trên  
thông báo

## 7. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

### 7.5. Đi từ thông báo trang phát trực tiếp

#### a. Trường hợp: Có mã dịch vụ

TH: Camera Online

2

Chọn mã muốn áp dụng



TH: Camera Offline  
Không áp dụng được mã



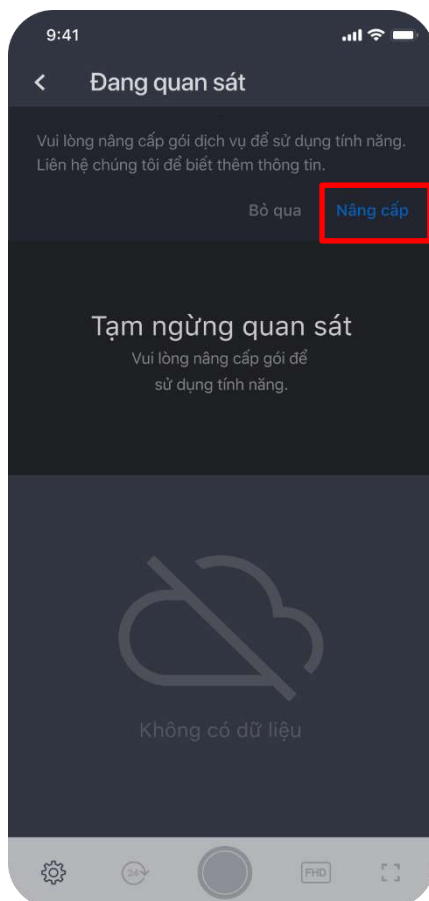
Các bước tiếp theo để áp dụng mã:

Chia làm 3 trường hợp:

- Mã áp dụng thấp hơn gói hiện tại (**Xem mục 7.1, tiểu mục a**)
- Mã áp dụng cao hơn gói hiện tại (**Xem mục 7.1, tiểu mục b**)
- Mã áp dụng bằng gói hiện tại hoặc áp dụng cho camera chưa có gói (**Xem mục 7.1, tiểu mục c**)

## 7. Áp dụng mã dịch vụ Cloud 7.5. Đi từ thông báo trang phát trực tiếp b. Trường hợp: Không có mã dịch vụ

Camera chưa có gói



**1a**  
Chọn nút  
Nâng cấp trên  
thông báo

Camera có gói trong 7 ngày ân hạn



**1b**  
Chọn nút Gia  
hạn trên  
thông báo

Camera có gói sắp hết hạn  
(thời hạn sử dụng gói còn  $\leq 10$  ngày)

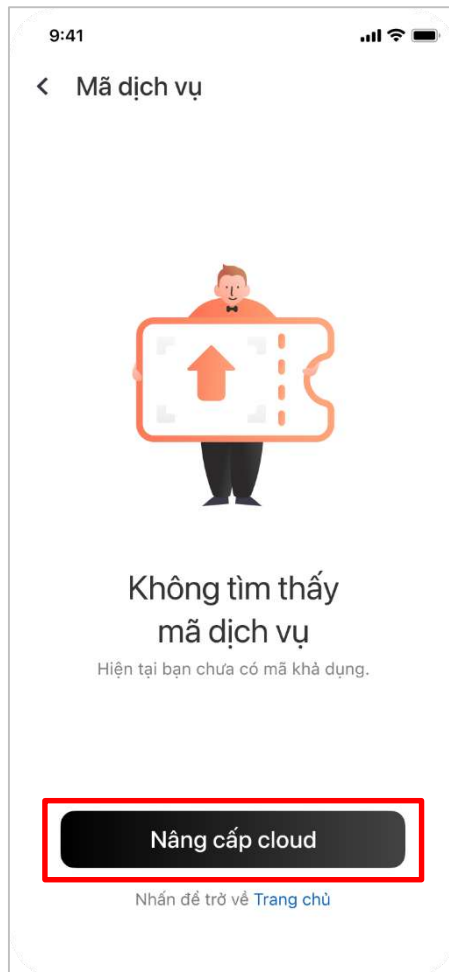


**1c**  
Chọn nút  
Gia hạn trên  
thông báo

### 7. Áp dụng mã dịch vụ Cloud

#### 7.5. Đi từ thông báo trang phát trực tiếp

##### b. Trường hợp: Không có mã dịch vụ



2

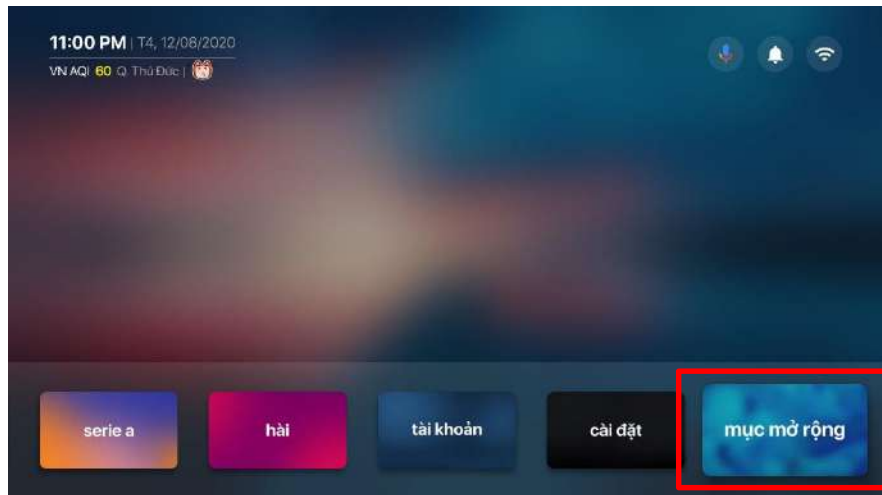
Chọn Nâng cấp cloud

Các bước tiếp theo để liên hệ mua gói cloud

Xem từ bước 2, tiểu mục b, mục 7.2

### B. PLAY BOX

### 1. Cài đặt ứng dụng FPT Camera

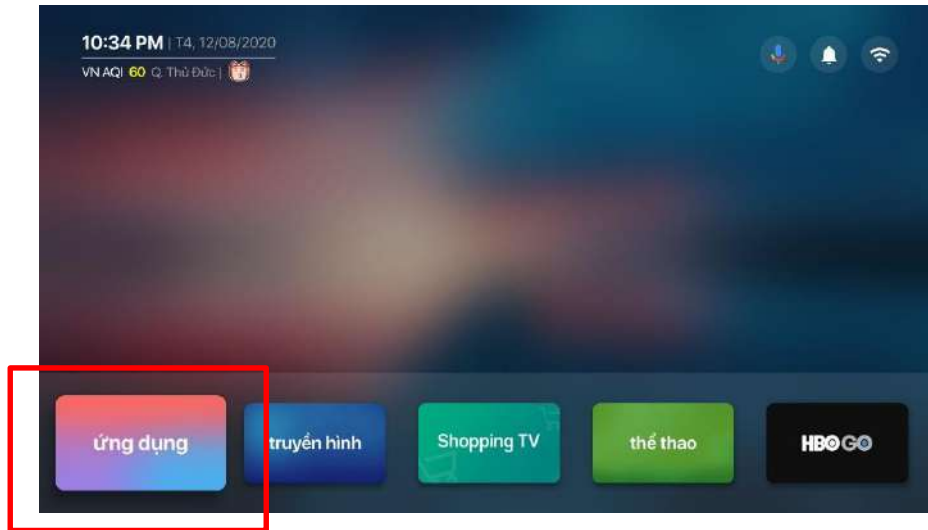


1 Nhấn vào “mục mở rộng”

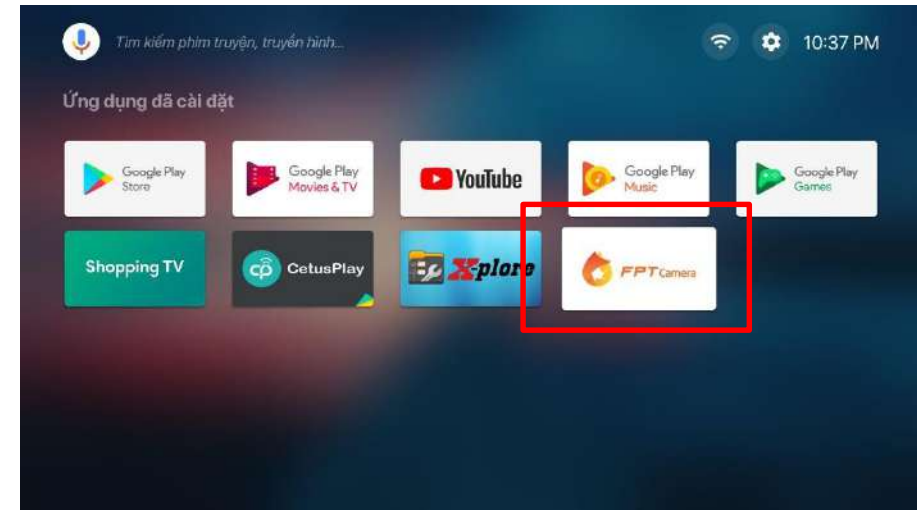


2 Tìm kiếm với từ khóa “**FPT Camera**” & cài đặt ứng dụng

## 1. Cài đặt ứng dụng FPT Camera



**3** Sau khi cài đặt, vào “Ứng dụng” để tìm app



**4** Nhấn vào FPT Camera để mở ứng dụng



## 2. Đăng nhập app FPT Camera bằng QR Code trên thiết bị di động

Sau khi tải app FPT Camera trên Ứng dụng của FPT Play Box



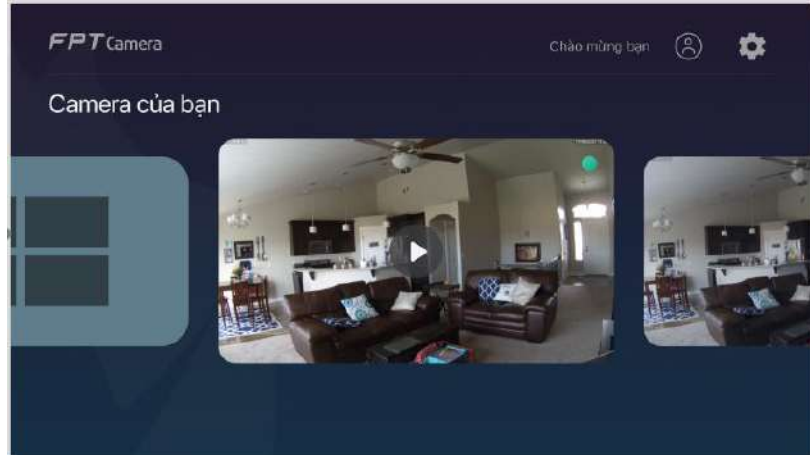
Thực hiện theo như hướng dẫn trên màn hình hoặc tham khảo mục [A.9. Quản lý thiết bị kết nối của Mobile App](#)



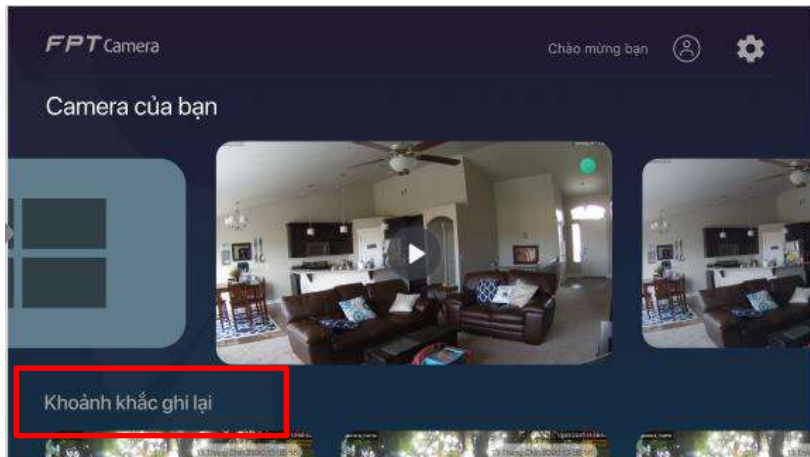
Trường hợp quá 30 giây nhưng vẫn chưa quét được mã QR, nhấn phím OK để lấy lại mã.

## 2. Đăng nhập app FPT Camera bằng QR Code trên thiết bị di động (tiếp theo)

Màn hình sau khi đăng nhập QR code thành công



*Trường hợp người dùng chưa có Motion detection*

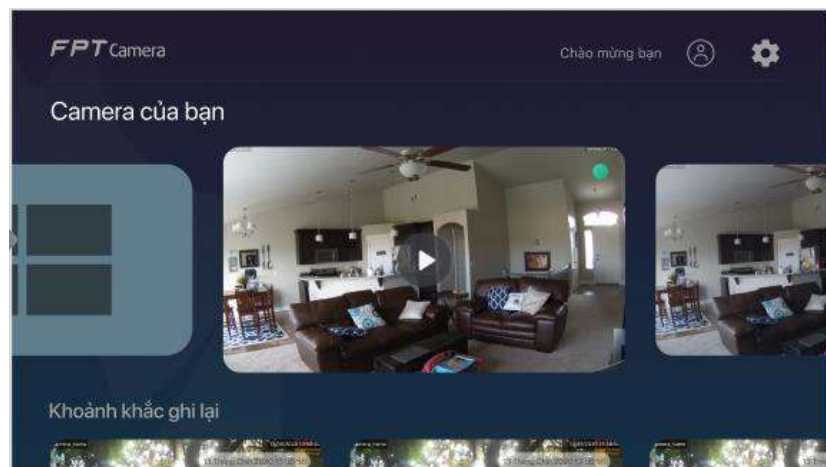


*Trường hợp người dùng có Motion detection*

## 3. Hướng dẫn xem camera

### 3.1. Hướng dẫn xem trực tiếp (Livestream)

Màn hình trang Home khi bắt đầu mở  
FPT Camera



Chọn camera cần  
xem trực tiếp



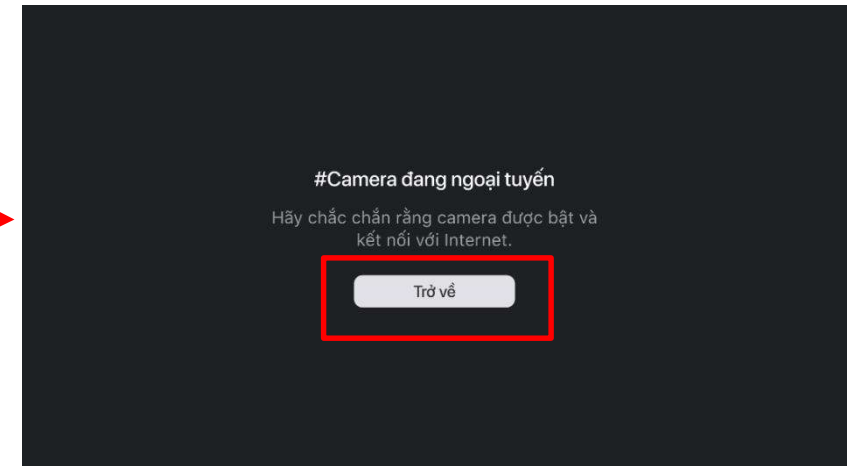
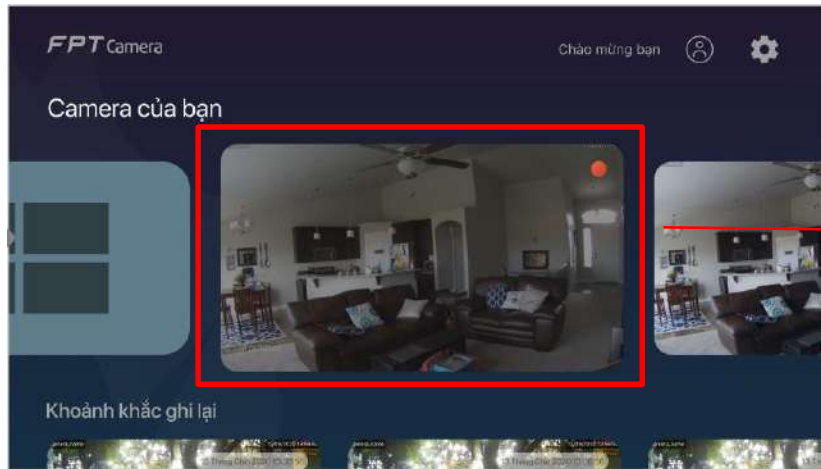
Màn hình xem trực tiếp



*Trường hợp Camera online*

## 3.1. Hướng dẫn xem trực tiếp (tiếp theo)

Màn hình trang Home

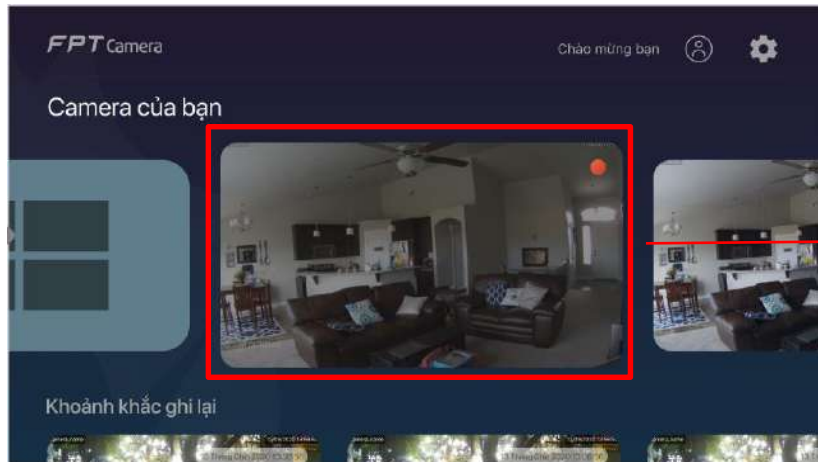


Nhấn OK để trở về home

*Trường hợp Camera offline*

## 3.1. Hướng dẫn xem trực tiếp (tiếp theo)

Màn hình trang Home

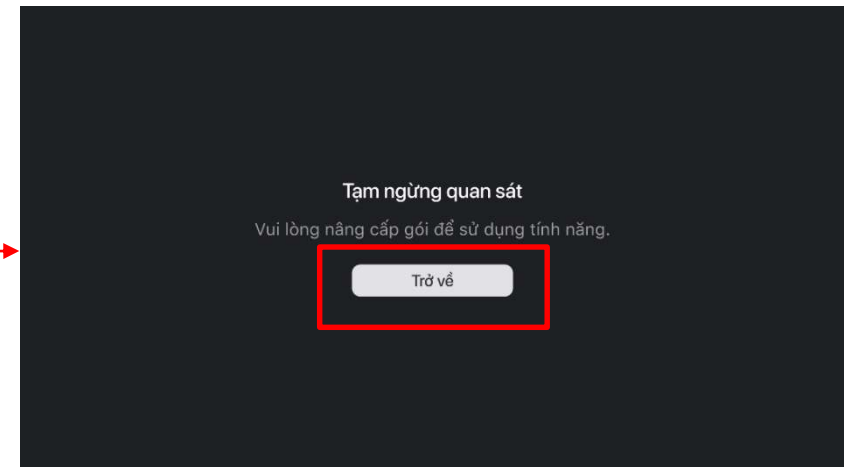
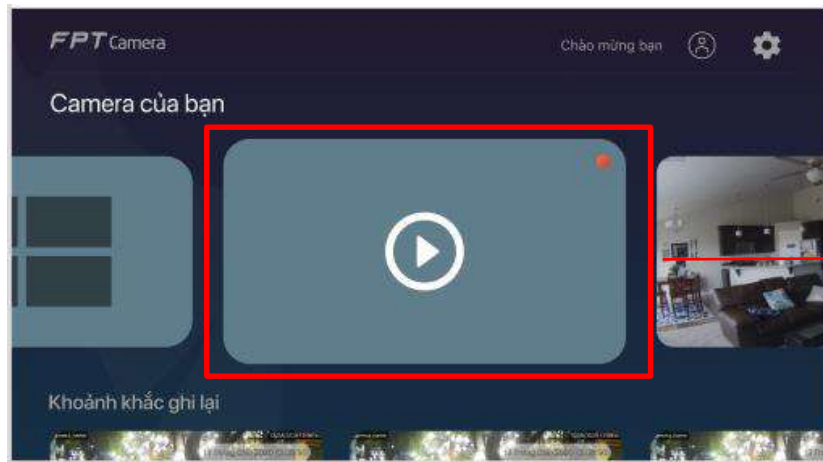


Nhấn OK để trở về home

*Trường hợp Camera trong 7 ngày ân hạn*

## 3.1. Hướng dẫn xem trực tiếp (tiếp theo)

Màn hình trang Home



Nhấn OK để trở về home

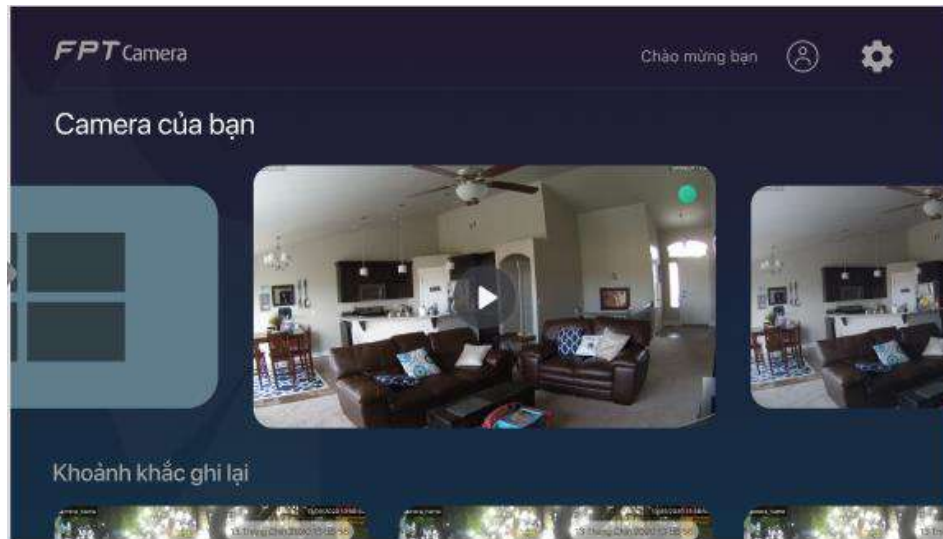
*Trường hợp Camera không có gói*

## 3.2. Hướng dẫn xem dữ liệu chuyển động (Motion Detection)

Có hai cách để đi vào danh mục Motion Detection: Trang Home, Trang Livestream

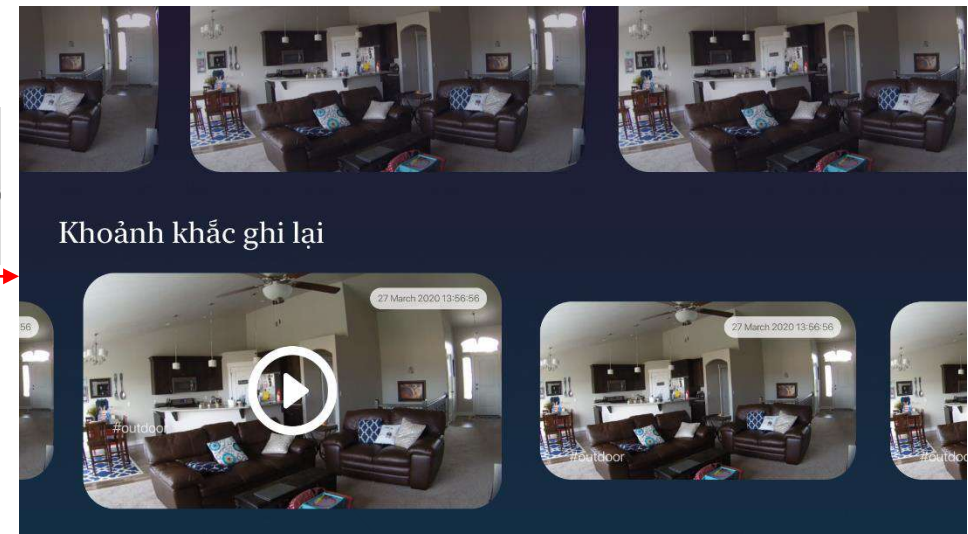
Cách 1

Trang Home



1

Motion Detection của tất cả camera



2

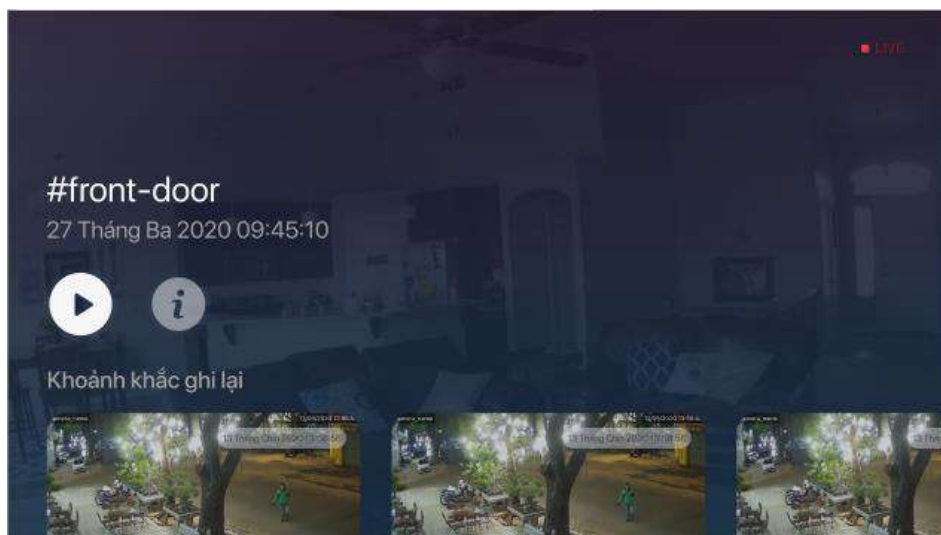


Nhấn OK để xem fullscreen

## 3.2. Hướng dẫn xem dữ liệu chuyển động (Motion Detection) (tiếp theo)

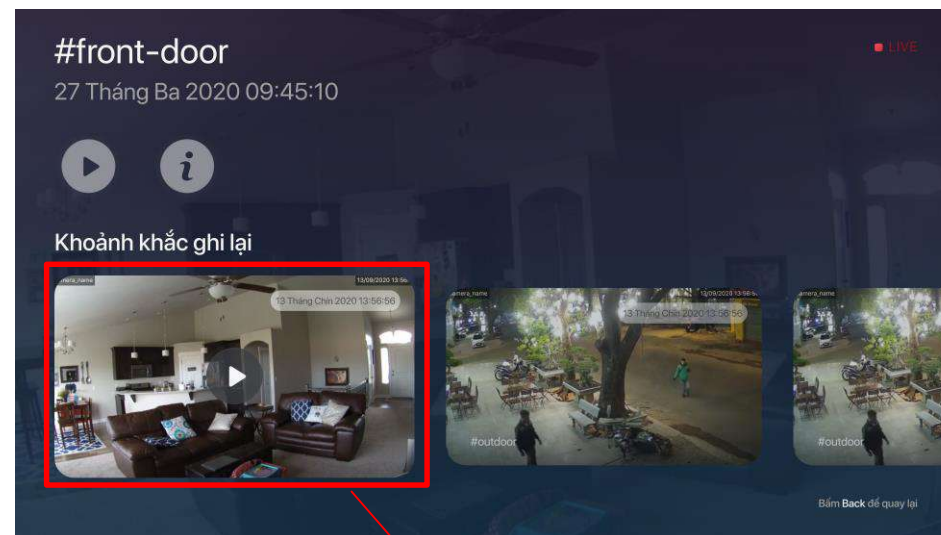
Cách 2

Trang Livestream\*



Nhấn phím đi xuống của remote

Motion Detection của chỉ một camera đang xem Livestream



Nhấn OK để xem Fullscreen của camera

(\* Cách vào trang livestream xem lại mục B.3.1. Hướng dẫn xem trực tiếp trên FPT Play Box

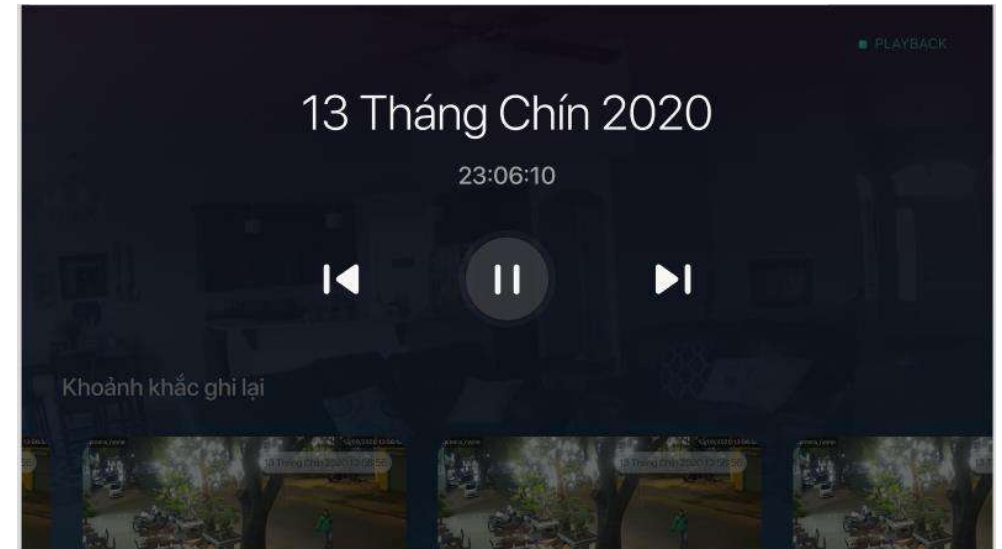


## 3.2. Hướng dẫn xem dữ liệu chuyển động (Motion Detection) (tiếp theo)

Màn hình Fullscreen



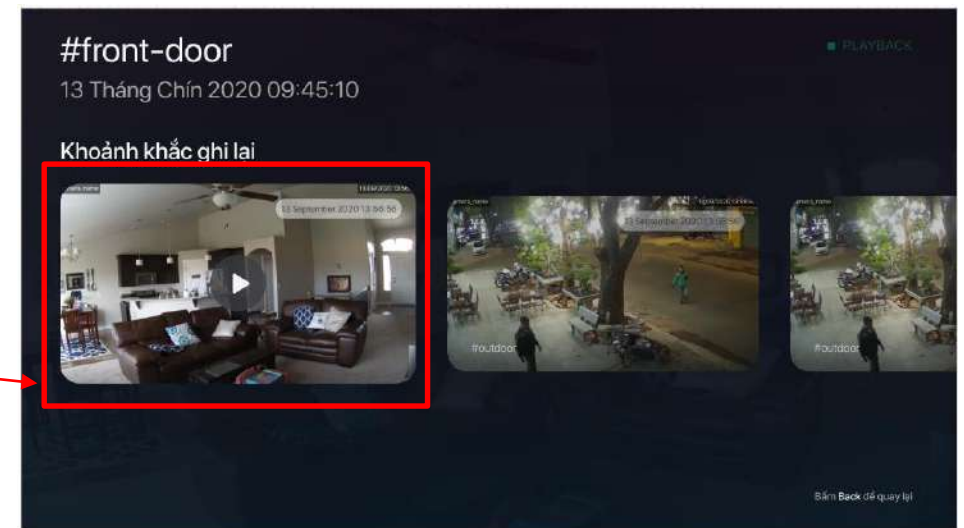
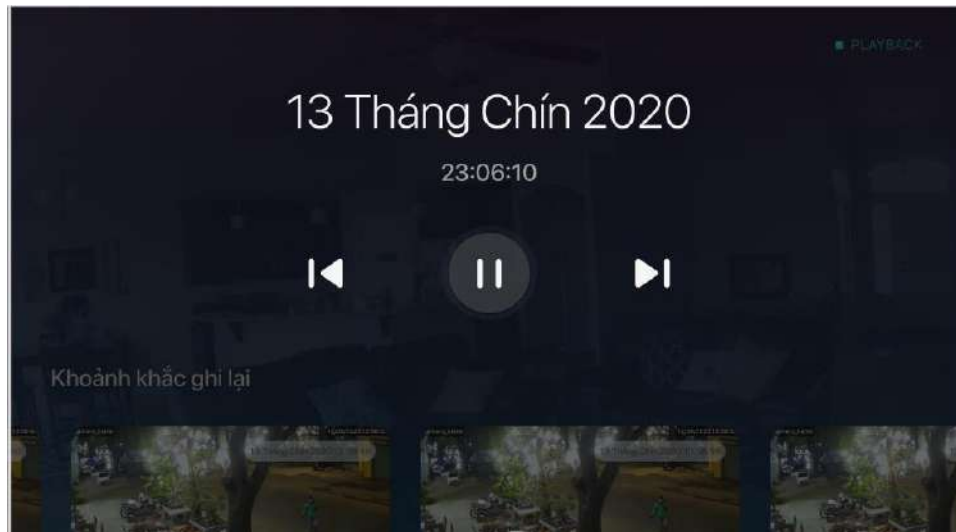
Màn hình hiển thị trang Overlay



Mọi nút điều hướng và nút OK đều dẫn đến màn hình Overlay

## 3.2. Hướng dẫn xem dữ liệu chuyển động (Motion Detection) (tiếp theo)

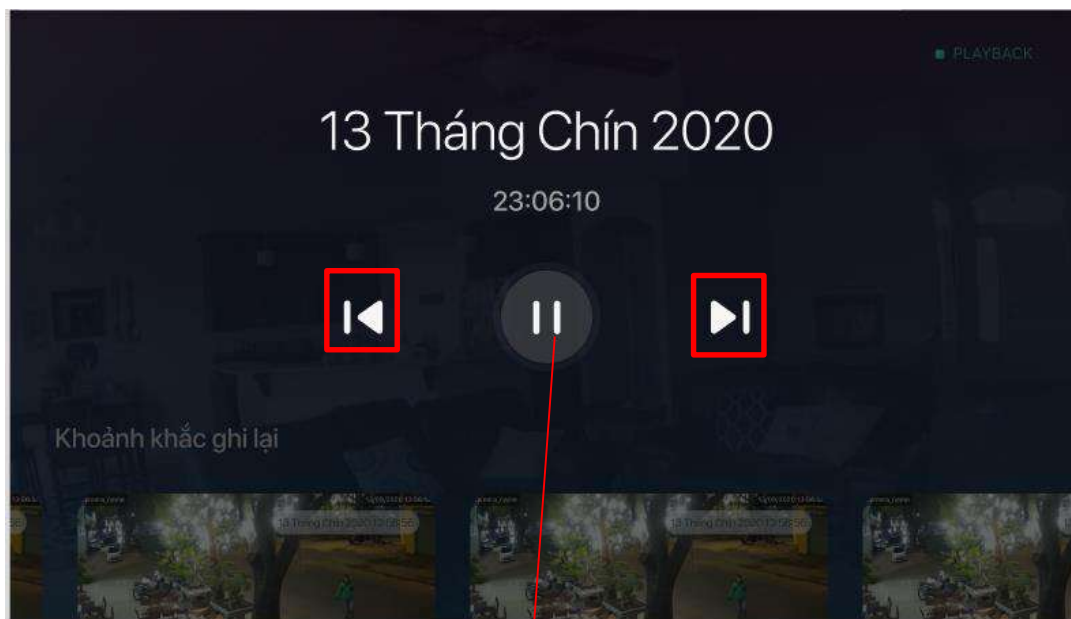
Màn hình hiển thị trang Overlay



Nhấn phím điều hướng đi xuống để chuyển tiếp và chọn video Motion Detection khác

## 3.2. Hướng dẫn xem dữ liệu chuyển động (Motion Detection) (tiếp theo)

Màn hình hiển thị trang Overlay



Nhấn qua phải hoặc trái để chọn xem video trước hoặc sau



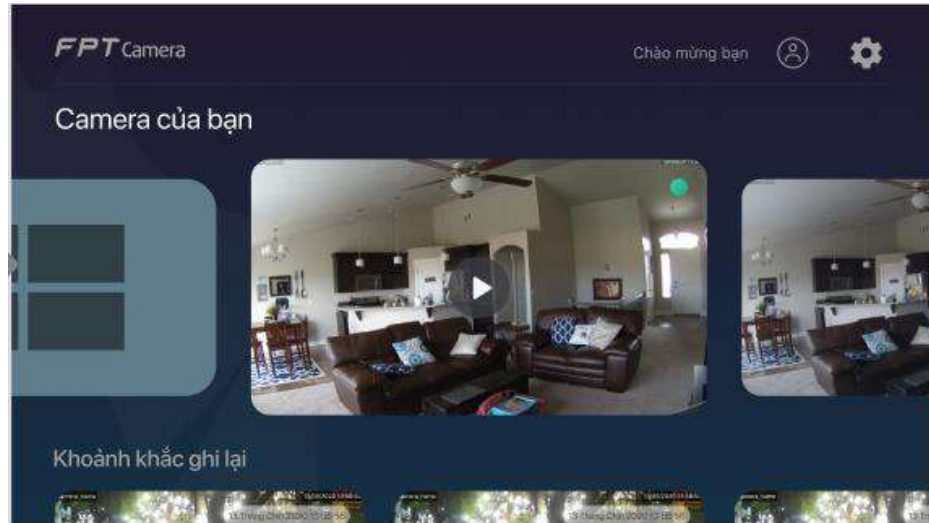
Nhấn Back để quay lại màn hình Fullscreen



Nhấn OK để dừng hoặc tiếp tục phát video

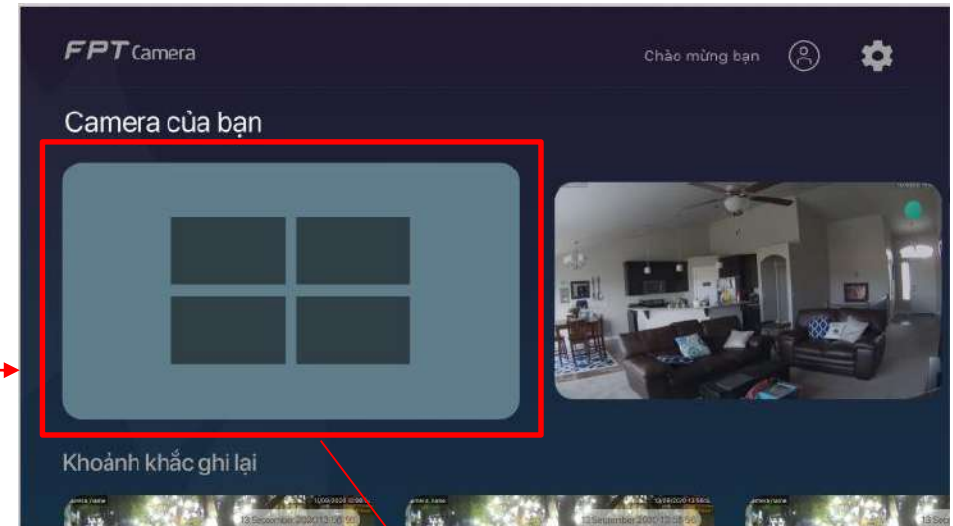
## 3.3. Hướng dẫn xem chế độ lưới (Grid View)

Trang Home



1

Nhấn phím điều hướng trái để chọn biểu tượng dạng lưới

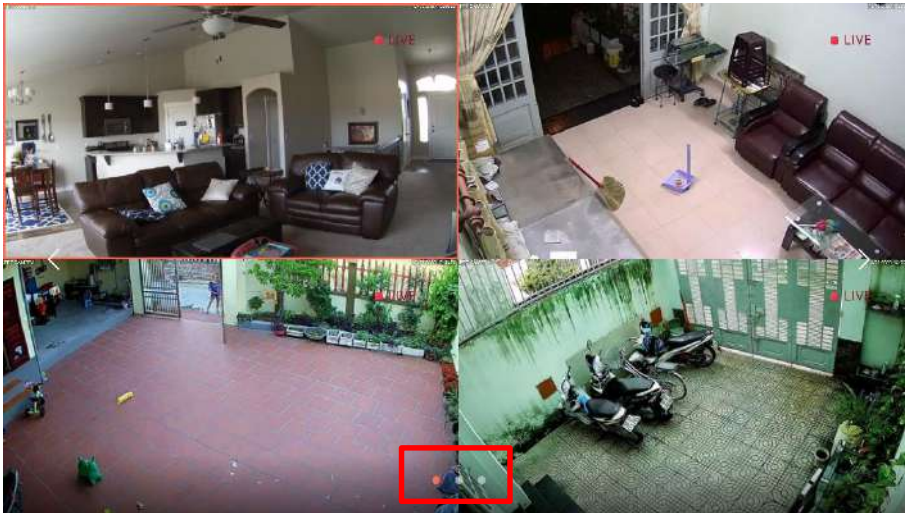


2

Nhấn OK để đến màn hình xem dạng lưới

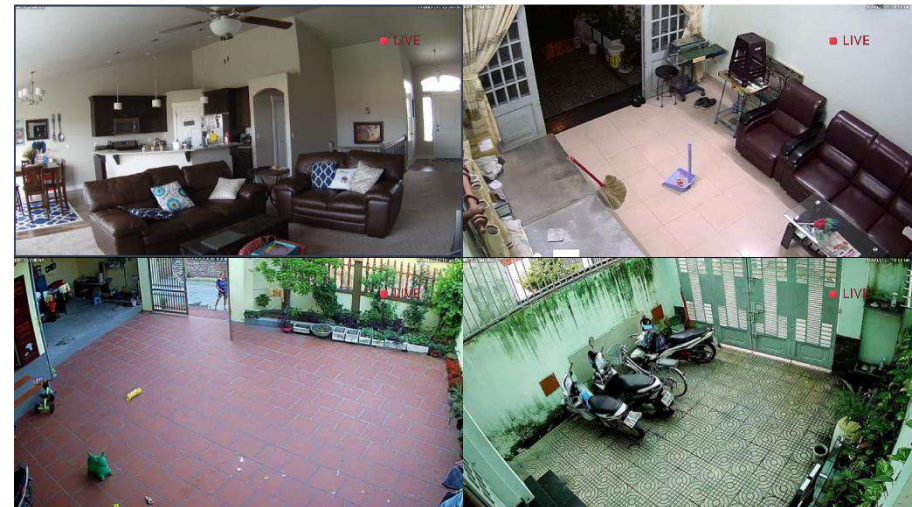
## 3.3. Hướng dẫn xem chế độ lưới (tiếp theo)

Đường viền màu cam hiển thị camera đang được trở tới



Số chấm biểu hiện cho số trang hiện có trên lưới

Sau 20 giây nếu người dùng không có thêm thao tác thì đường viền màu cam chuyển sang màu xám

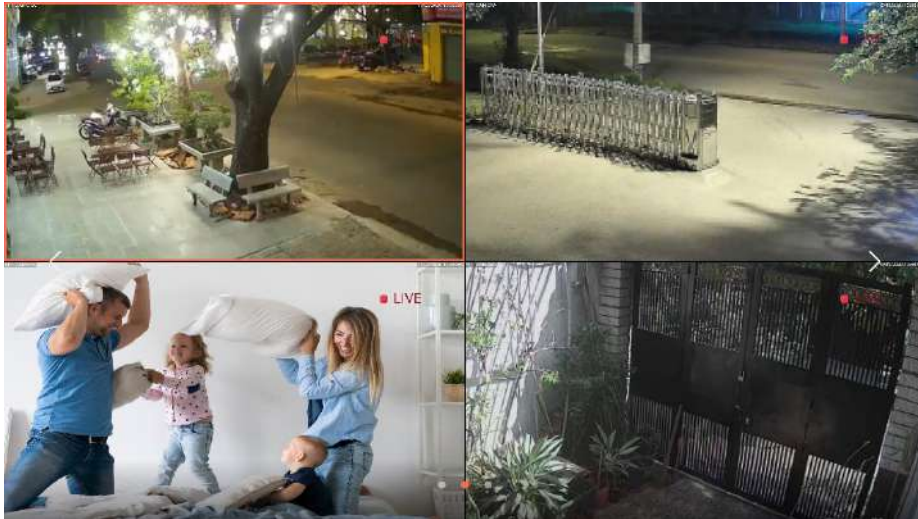


3

Nhấn phím điều hướng để chuyển vị trí focus, sau đó nhấn OK để xem toàn màn hình camera đang được trở tới

## 3.3. Hướng dẫn xem chế độ lưới (tiếp theo)

Màn hình lưới trang 2



**4** Sử dụng phím điều hướng trái, phải để chuyển trang



**5**

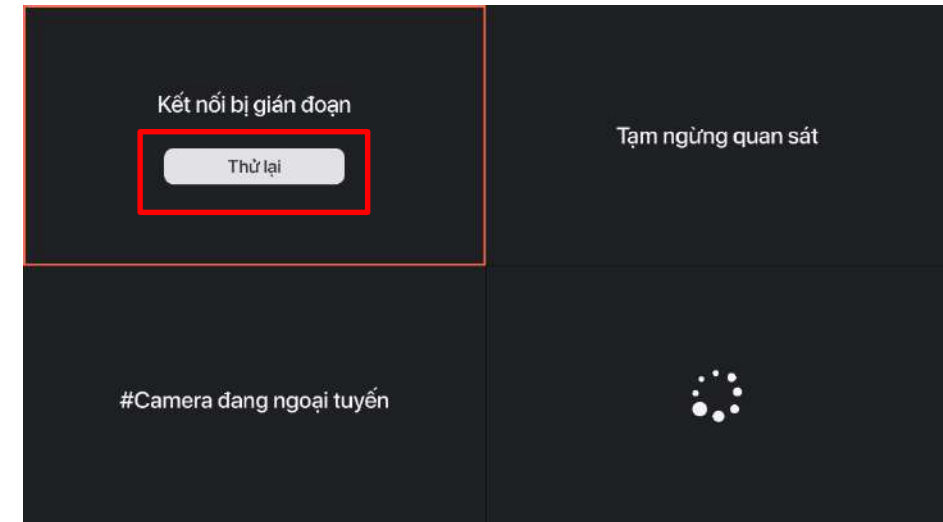
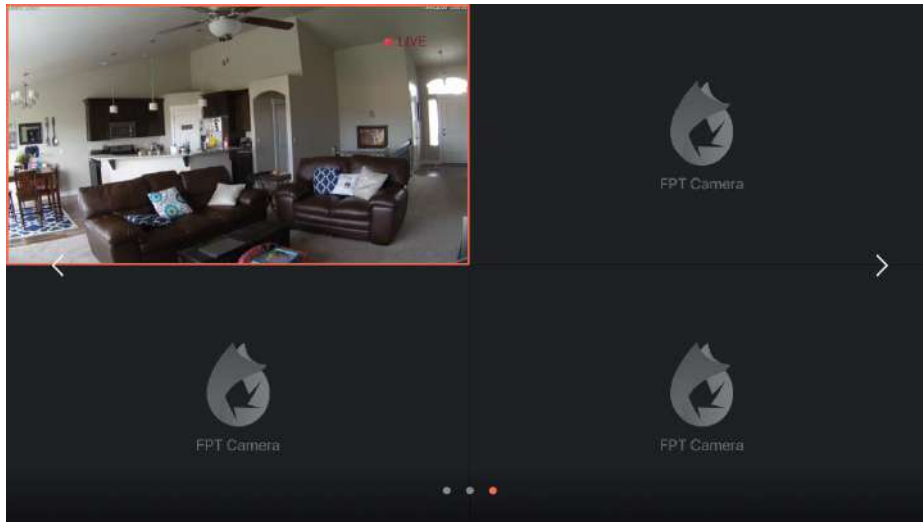
Nhấn để xem camera toàn màn hình



**6** Nhấn Back trên remote để thoát chế độ toàn màn hình, trở về màn hình lưới

## 3.3. Hướng dẫn xem chế độ lưới (tiếp theo)

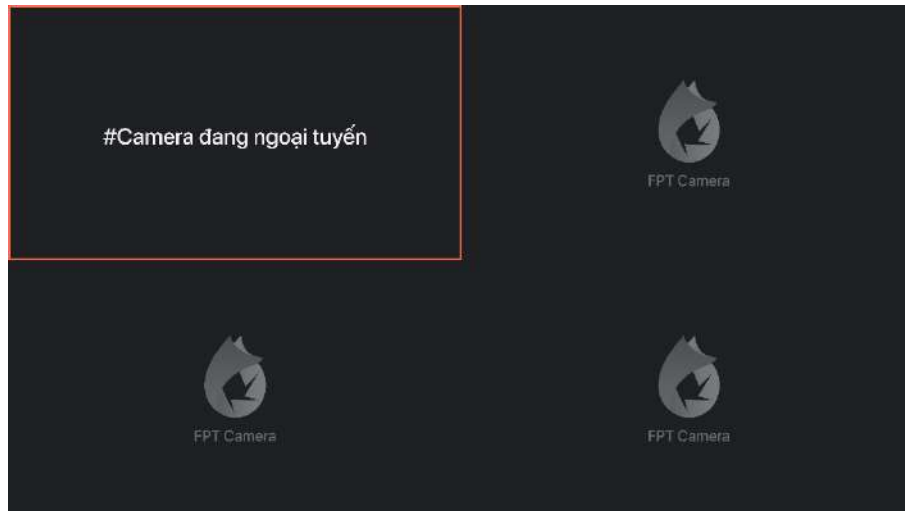
Màn hình lưới các camera không phát được Livestream



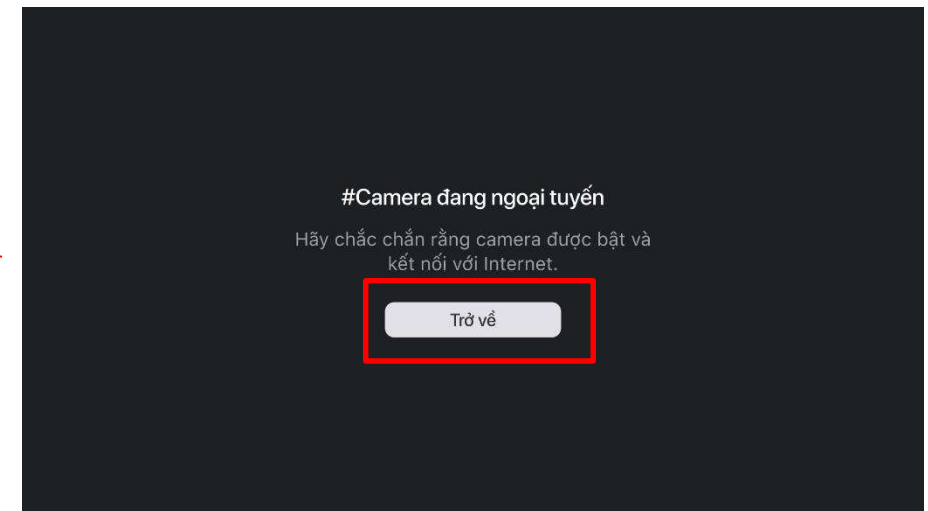
Nhấn OK để thử lại cho trường hợp kết nối bị gián đoạn

## 3.3. Hướng dẫn xem chế độ lưới (tiếp theo)

### Trường hợp Camera *offline*



Nhấn OK để xem toàn màn hình

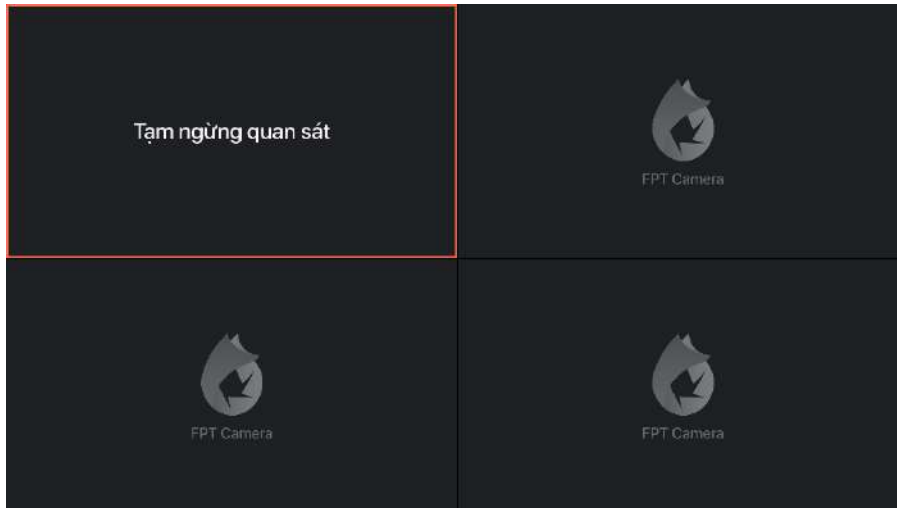


Nhấn OK để trở về màn hình lưới

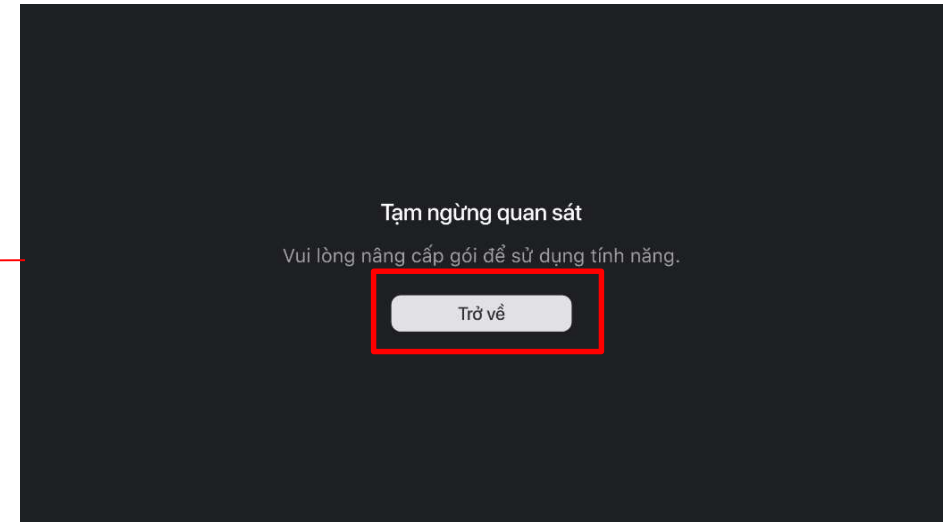


## 3.3. Hướng dẫn xem chế độ lưới (tiếp theo)

*Trường hợp Camera không có gói*



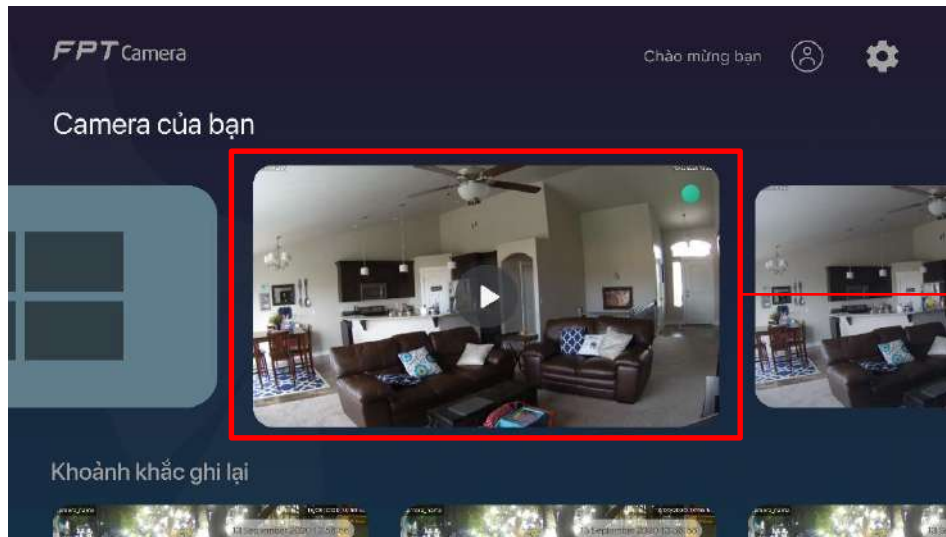
Nhấn OK để xem toàn màn hình



Nhấn OK để trở về màn hình lưới

## 4. Xem thông tin tài khoản (User profile)

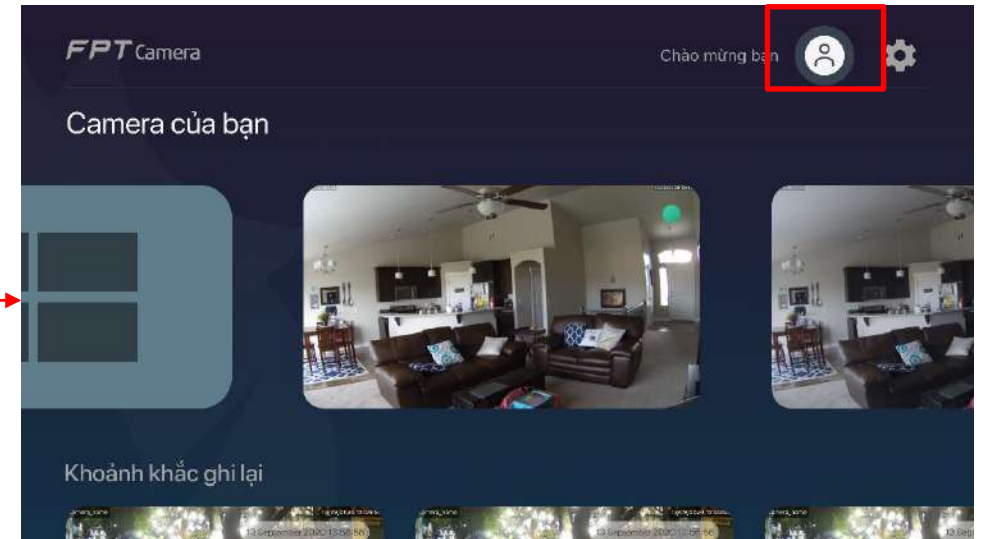
Màn hình trang Home khi mở FPT Camera, con trỏ đang đứng tại camera đầu tiên



1  
Nhấn phím điều hướng lên để tới biểu tượng trang cá nhân

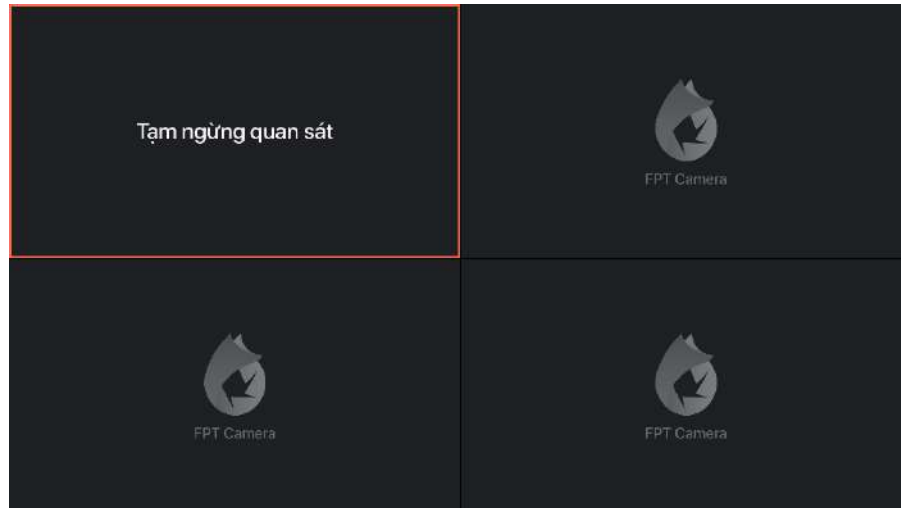


2 Nhấn OK để mở trang cá nhân

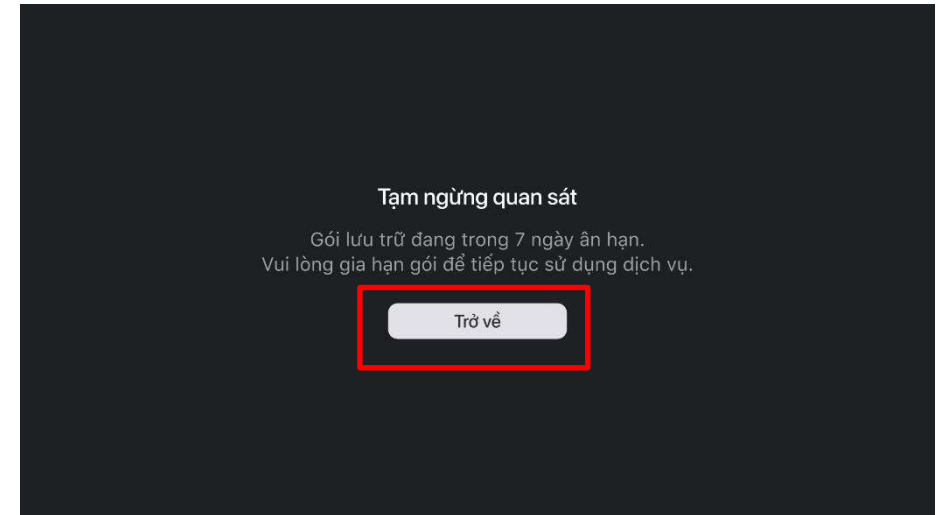


## 3.3. Hướng dẫn xem chế độ lưới (tiếp theo)

*Trường hợp Camera trong 7 ngày ân hạn*



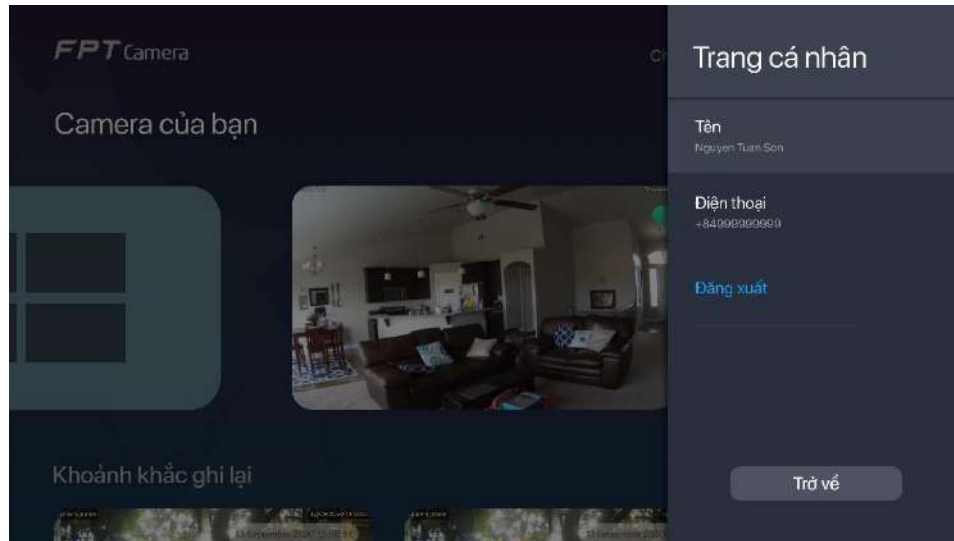
Nhấn OK để xem  
toàn màn hình



Nhấn OK để trở về màn hình lưới

## 4. Xem thông tin tài khoản (User Profile)

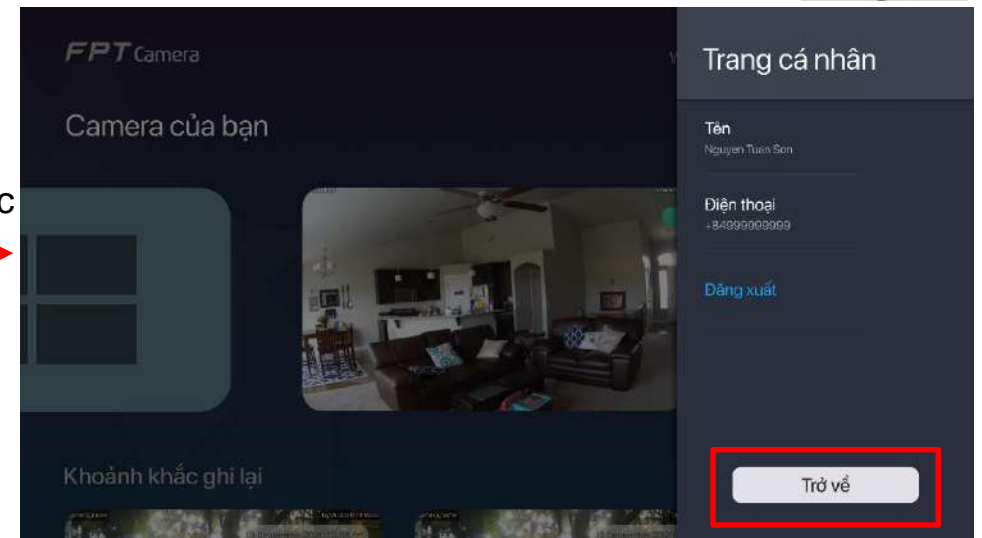
Màn hình hiển thị thông tin cá nhân



**3**  
Nhấn phím điều hướng xuống để chọn các mục khác

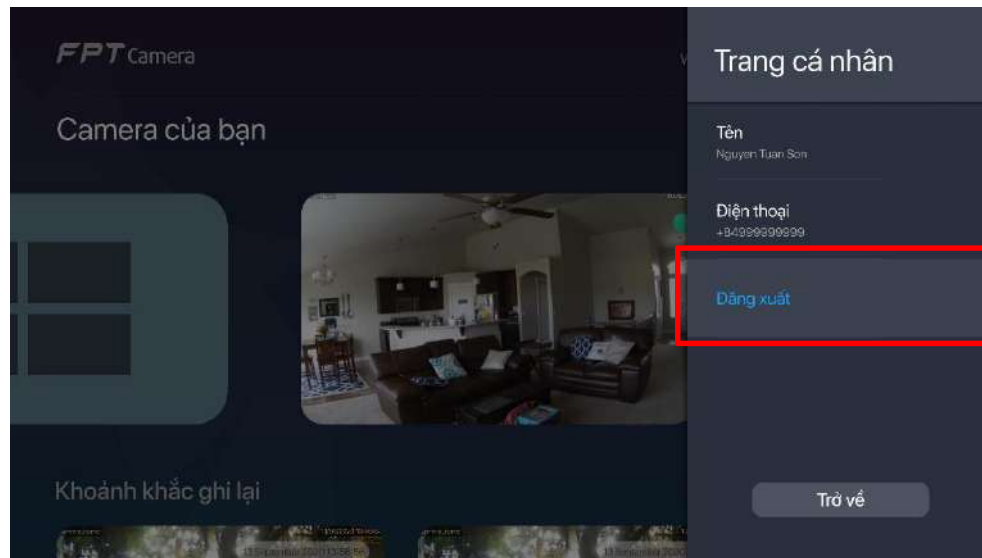


**4** Khi đang focus nút Trở về, nhấn OK để trở về trang Home



## 4. Xem thông tin tài khoản (User Profile)

Trường hợp muốn đăng xuất tài khoản

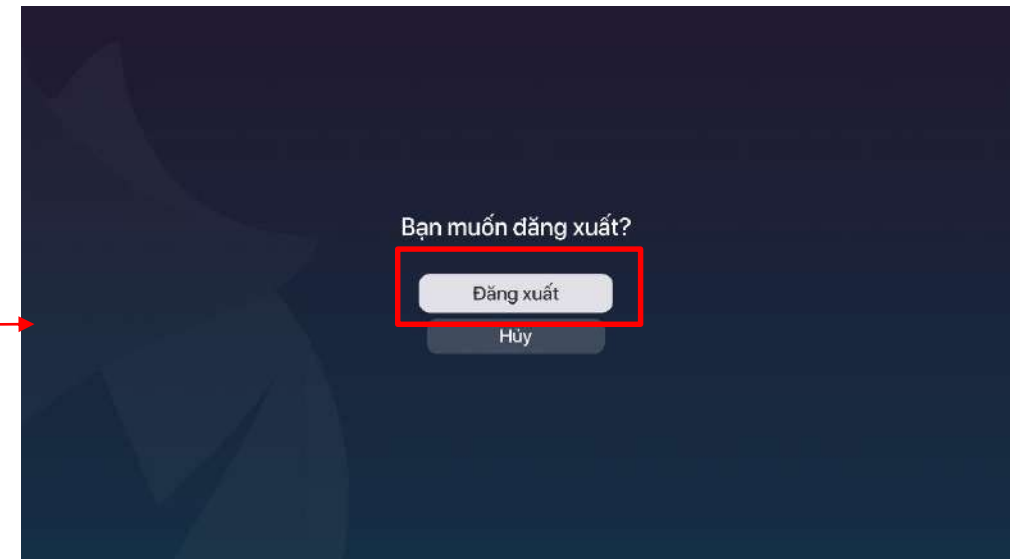


**4.1** Nhấn phím điều hướng tới mục Đăng xuất

**4.2**  
Nhấn OK để chọn

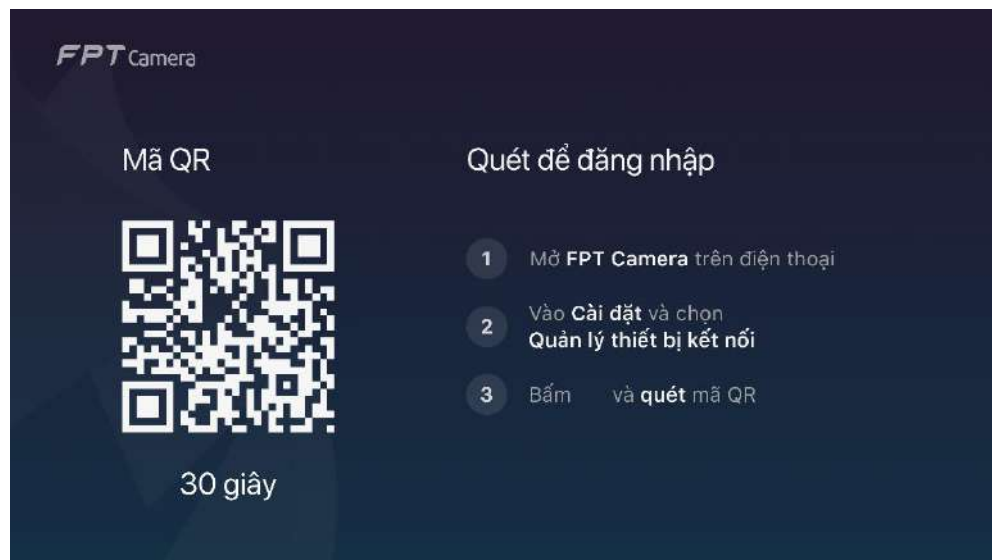


**4.3a** Nhấn OK để đăng xuất

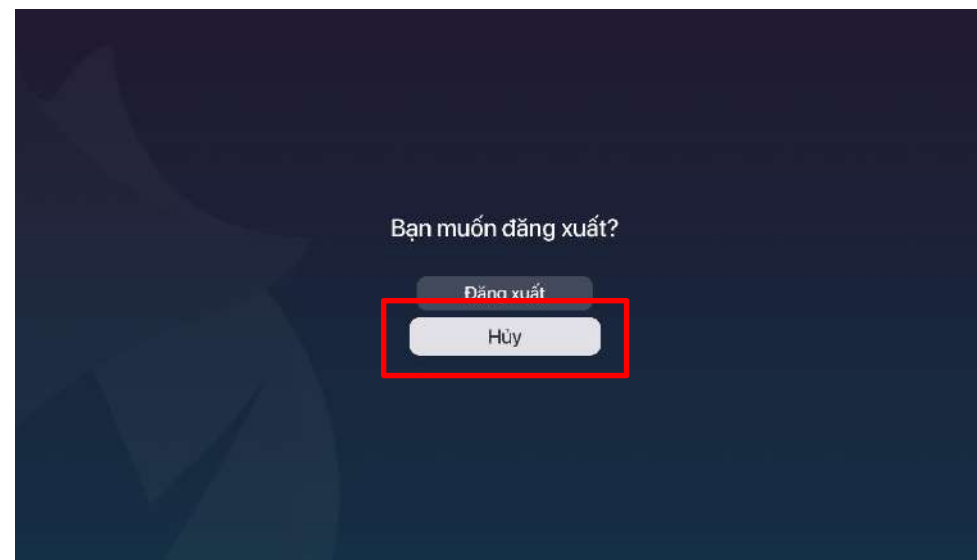


### 4. Xem thông tin tài khoản (User Profile)

Sau khi đăng xuất, hiển thị màn hình quét mã QR



Trường hợp không muốn đăng xuất



4.3b

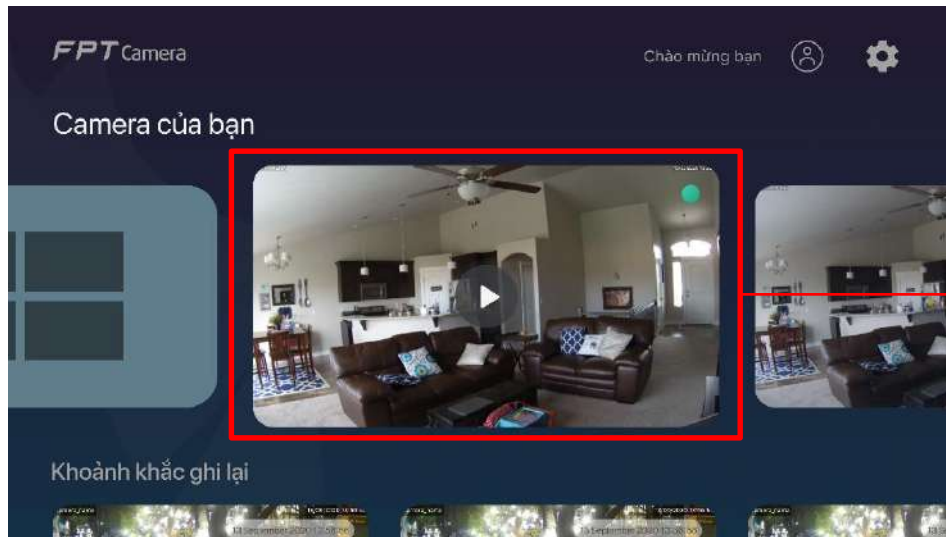


Focus nút Hủy, sau đó nhấn OK để trở về màn hình xem thông tin tài khoản

## 5. Cài đặt cơ bản (Settings)

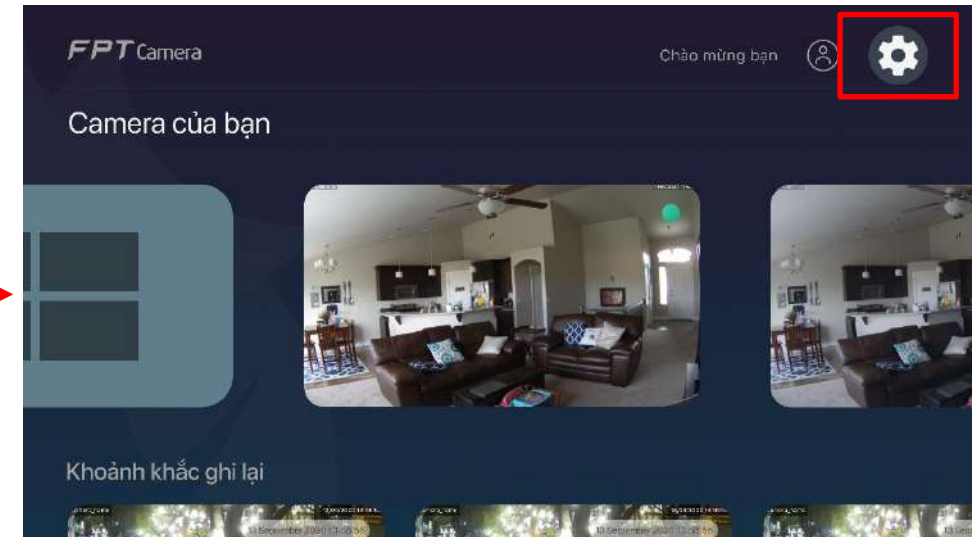
Màn hình trang Home khi mở FPT Camera, con trỏ đang đứng tại camera đầu tiên

2 Nhấn OK để mở cài đặt



1

Nhấn phím điều hướng lên và điều hướng phải để tới biểu tượng cài đặt

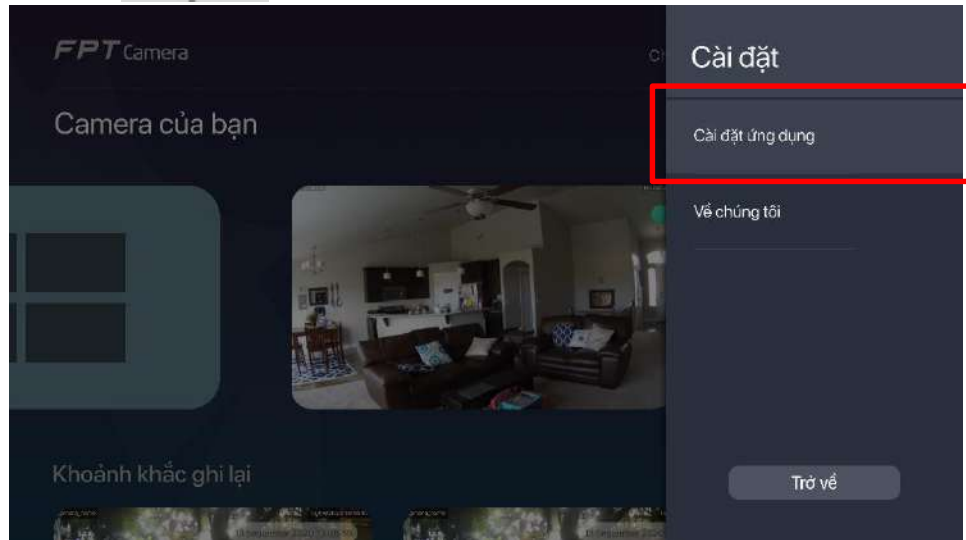


## 5. Cài đặt cơ bản (Settings)

3



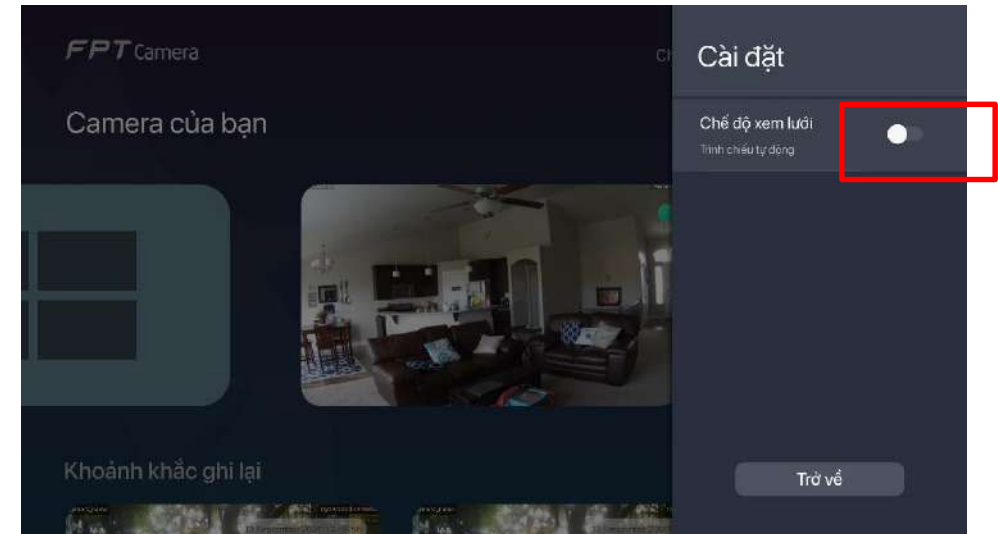
Nhấn OK để mở cài đặt ứng dụng



4



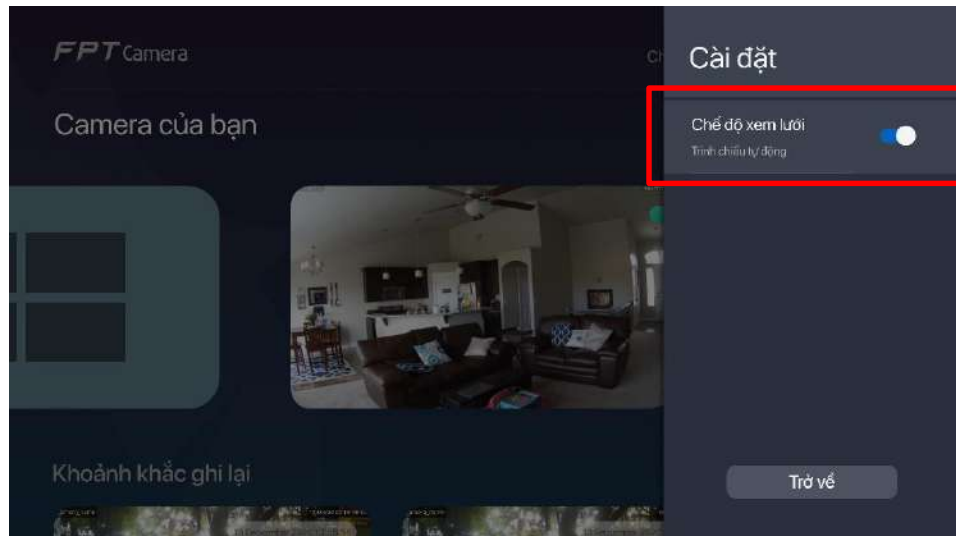
Chế độ xem lưới đang tắt  
Nhấn OK để bật



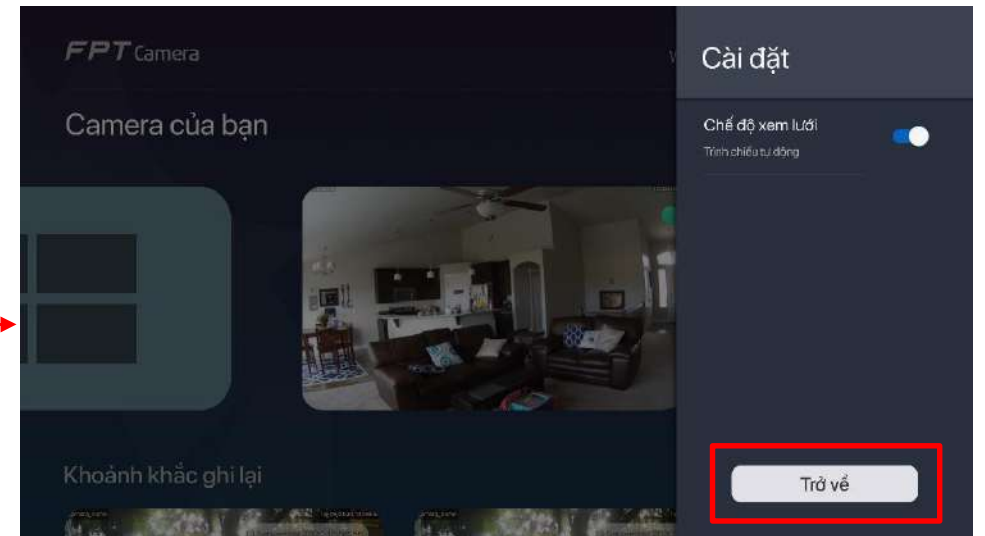


## 5. Cài đặt cơ bản (Settings)

Đã bật chế độ xem lưới



**5**  
Nhấn phím điều hướng xuống để chọn trở về

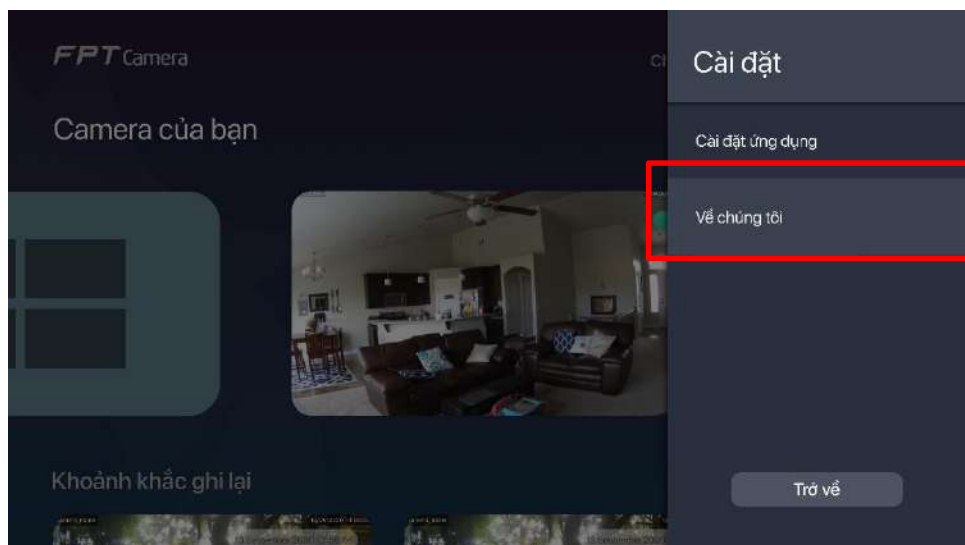


**6**



Nhấn OK để trở về

## 5. Cài đặt cơ bản (Settings)



3.1



Nhấn OK để  
xem thông tin



3.2



Nhấn phím điều hướng lên  
để hiển thị thanh trượt

## 5. Cài đặt cơ bản (Settings)

3.3



Nhấn phím điều hướng xuống để đọc nội dung phía dưới, đồng thời thanh trượt bị kéo xuống



3.4



Tiếp tục nhấn phím điều hướng xuống cho tới khi focus nút Đóng



3.5



Nhấn OK để tắt trang giới thiệu

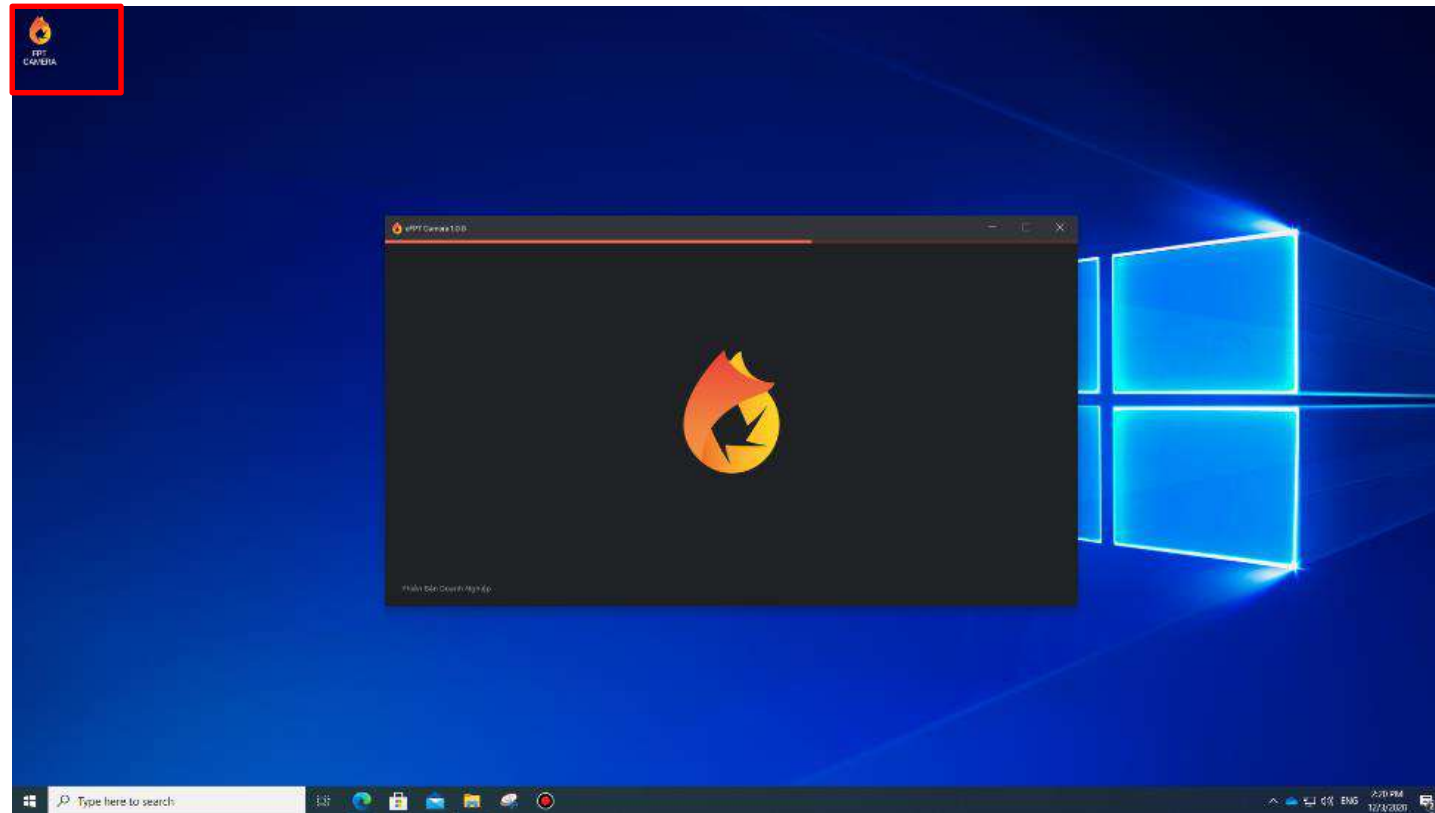
### C. DESKTOP (WINDOWS)

## 1. Đăng nhập tài khoản (Login)

Cài đặt FPT Camera trên nền tảng Desktop

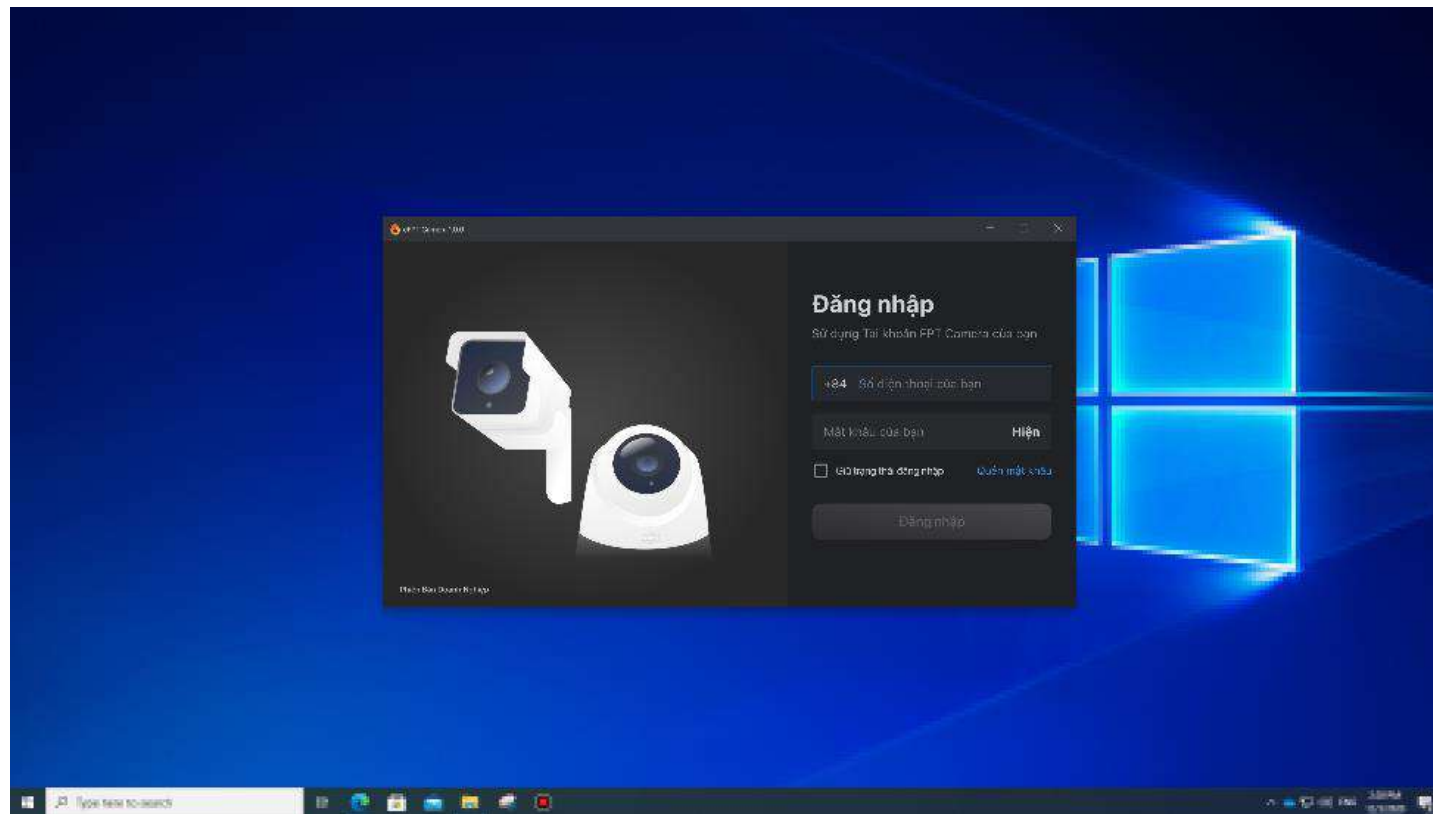
1

Click icon để mở ứng dụng sau khi cài đặt

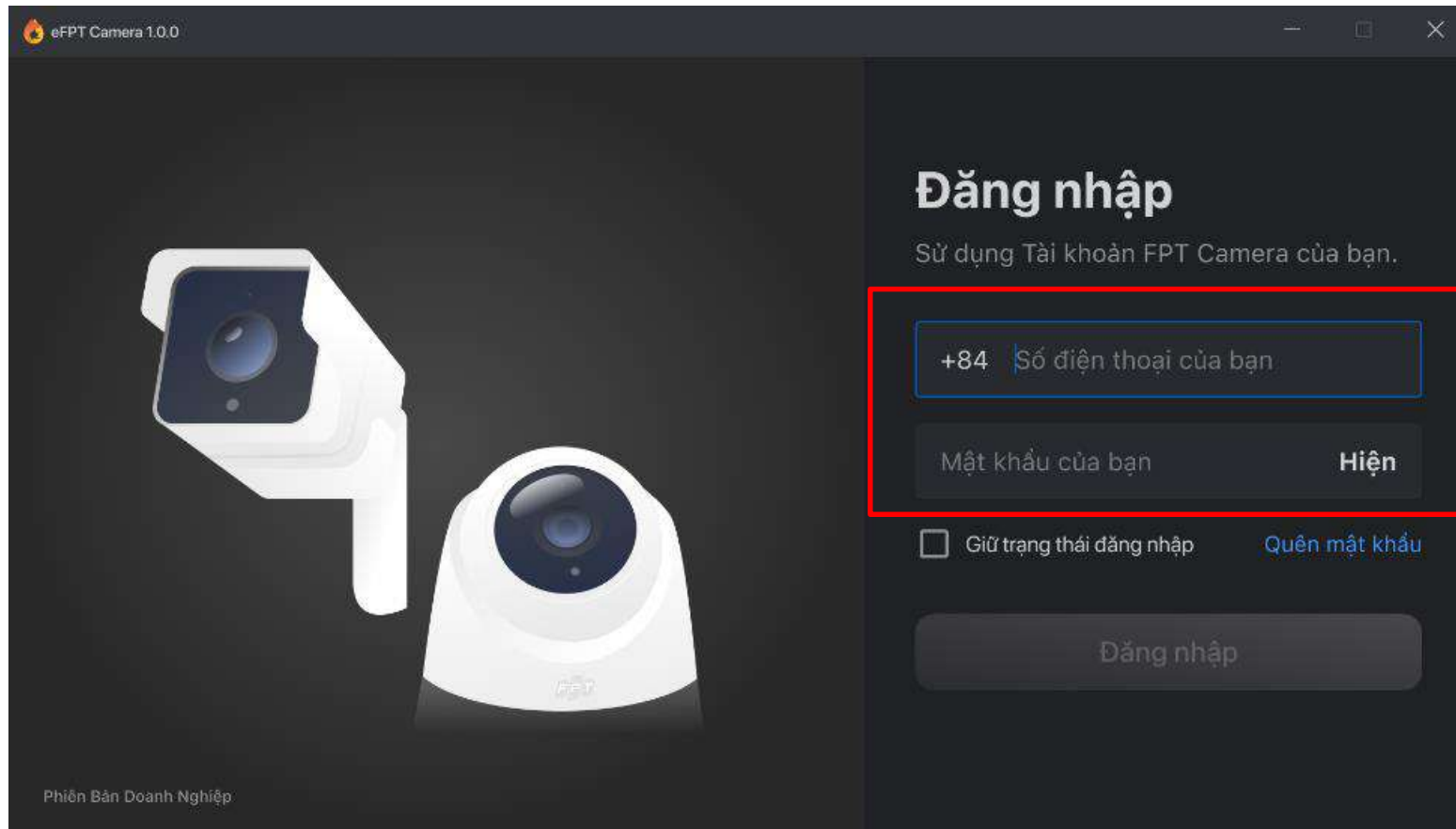


## 1. Đăng nhập tài khoản (Login)

Màn hình đăng nhập sau khi mở app



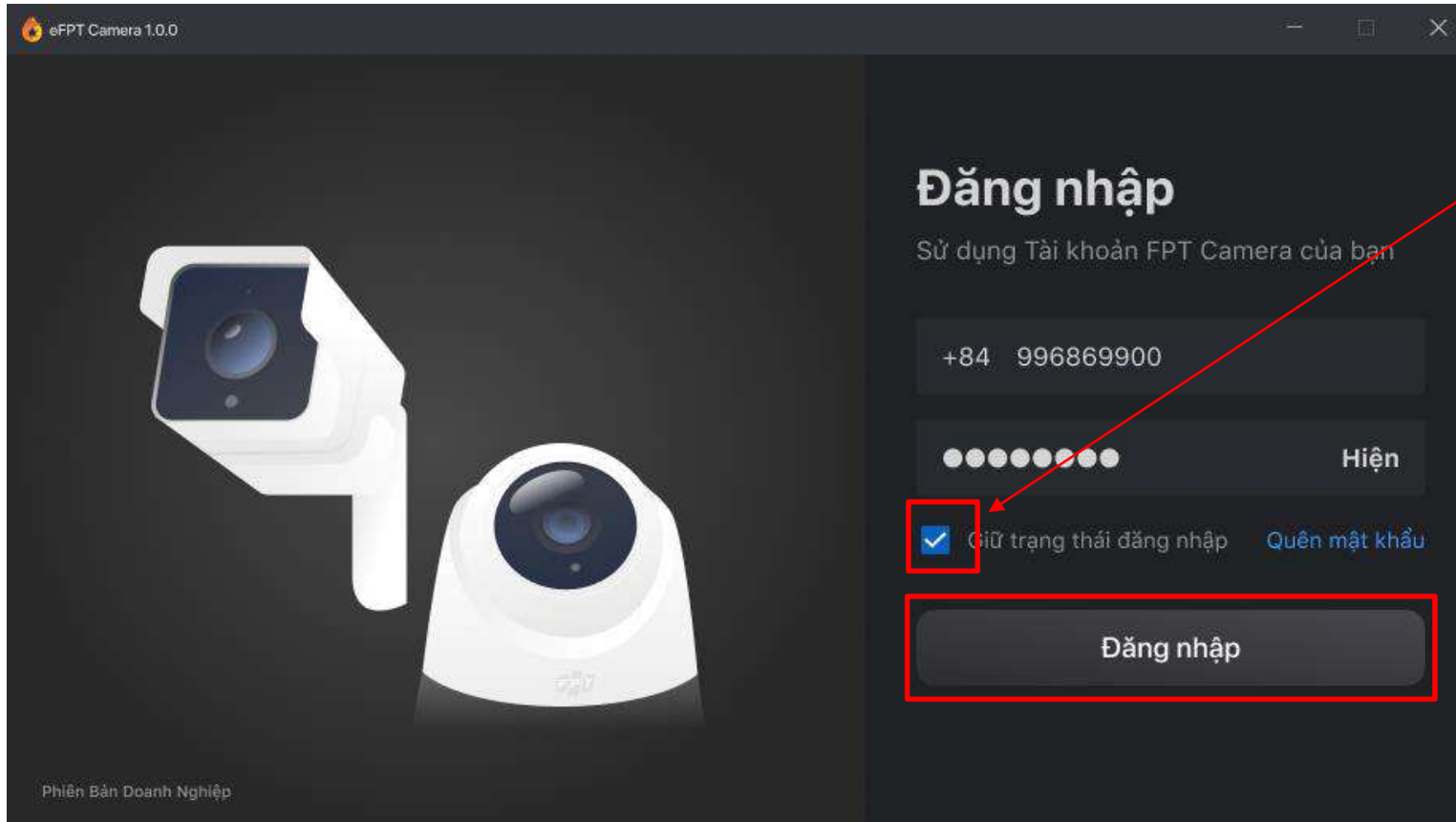
## 1. Đăng nhập tài khoản (Login)



2

Nhập số điện thoại và mật khẩu đã đăng ký trên ứng dụng FPT Camera mobile

## 1. Đăng nhập tài khoản (Login)



3

Chọn để lần sau mở app không cần đăng nhập lại

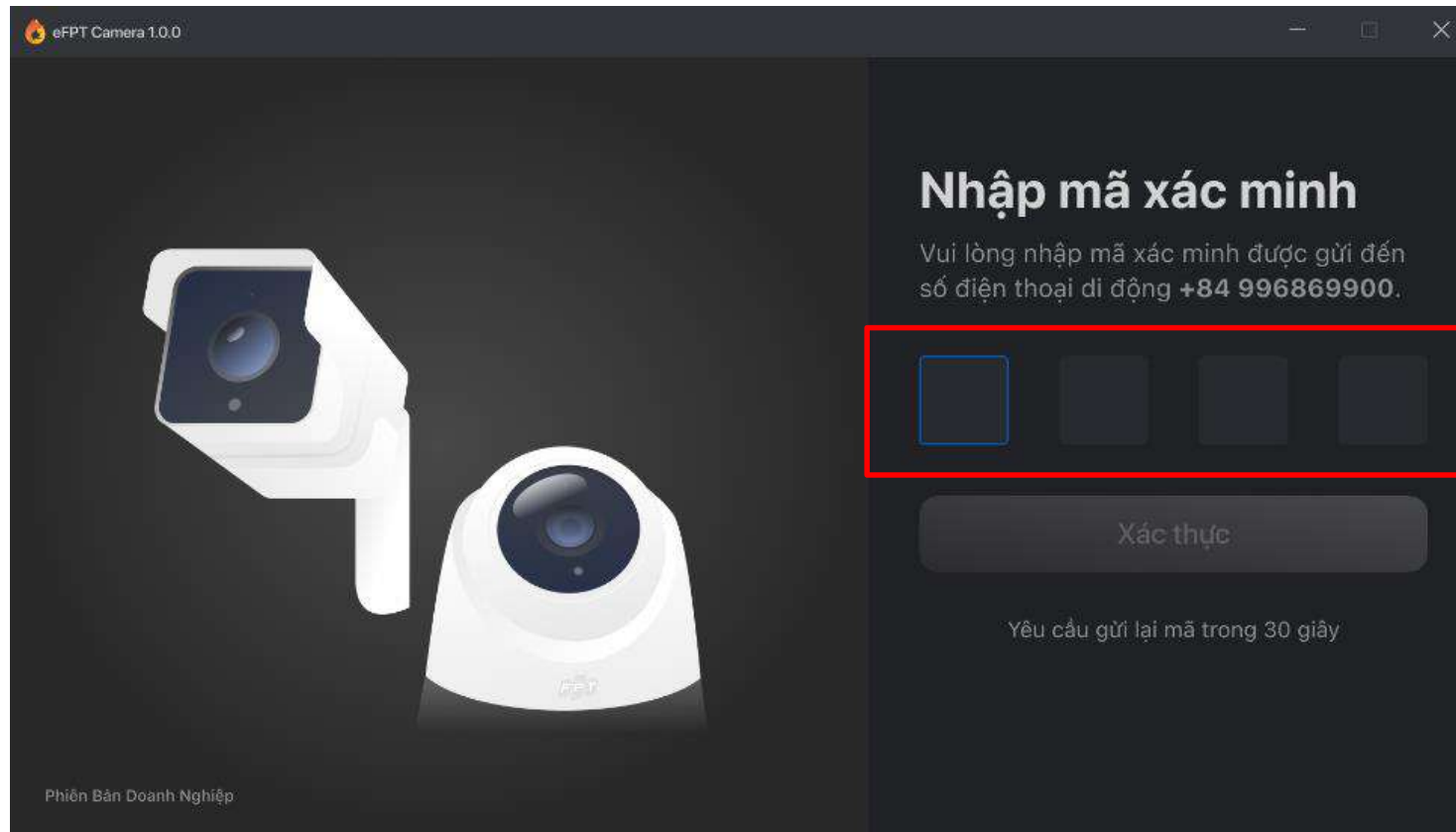
4

Click để kiểm tra số điện thoại và mật khẩu



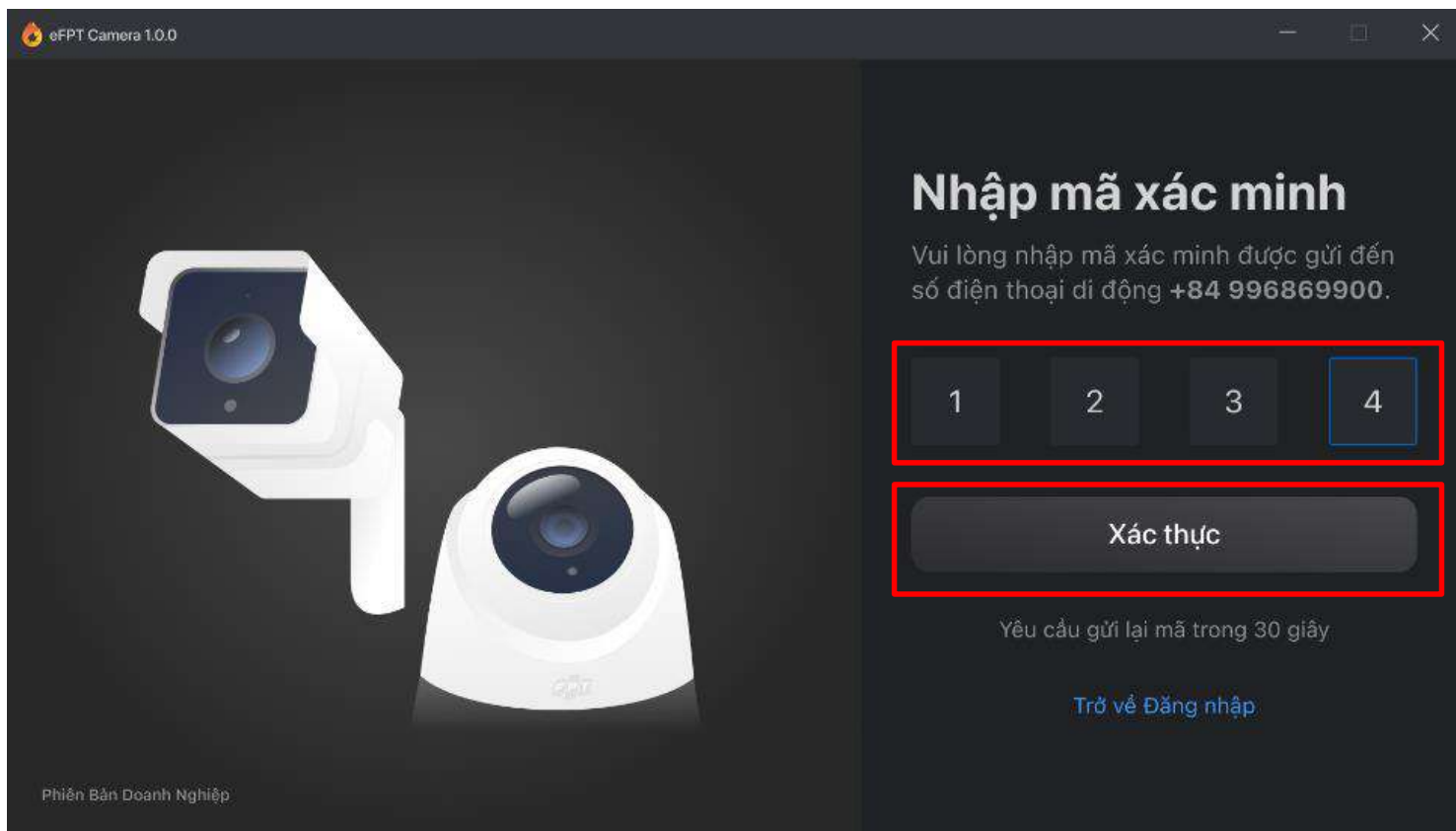
## 1. Đăng nhập tài khoản (Login)

*Trường hợp 1: số điện thoại và mật khẩu chính xác*



**5** Nhập mã OTP được gửi tới số điện thoại đã dùng để đăng nhập

## 1. Đăng nhập tài khoản (Login)



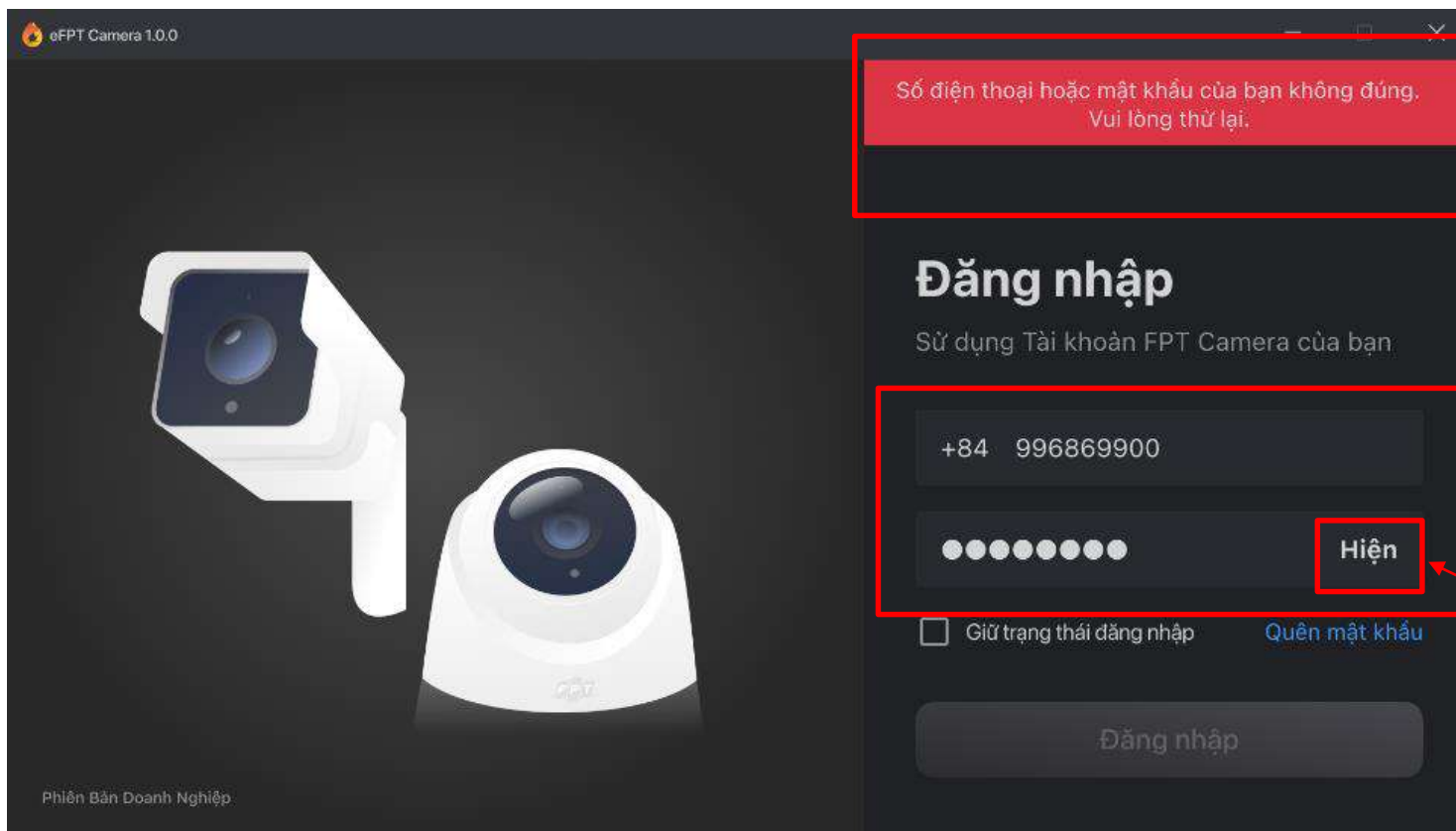
6 Sau khi nhập mã OTP, hệ thống sẽ tự động xác thực mã

6.1 **Hoặc** click "**Xác thực**" trong trường hợp hệ thống không thể tự động xác thực

## 1. Đăng nhập tài khoản (Login)

*Trường hợp 2: số điện thoại hoặc mật khẩu không đúng*

Hiện thị thông báo lỗi

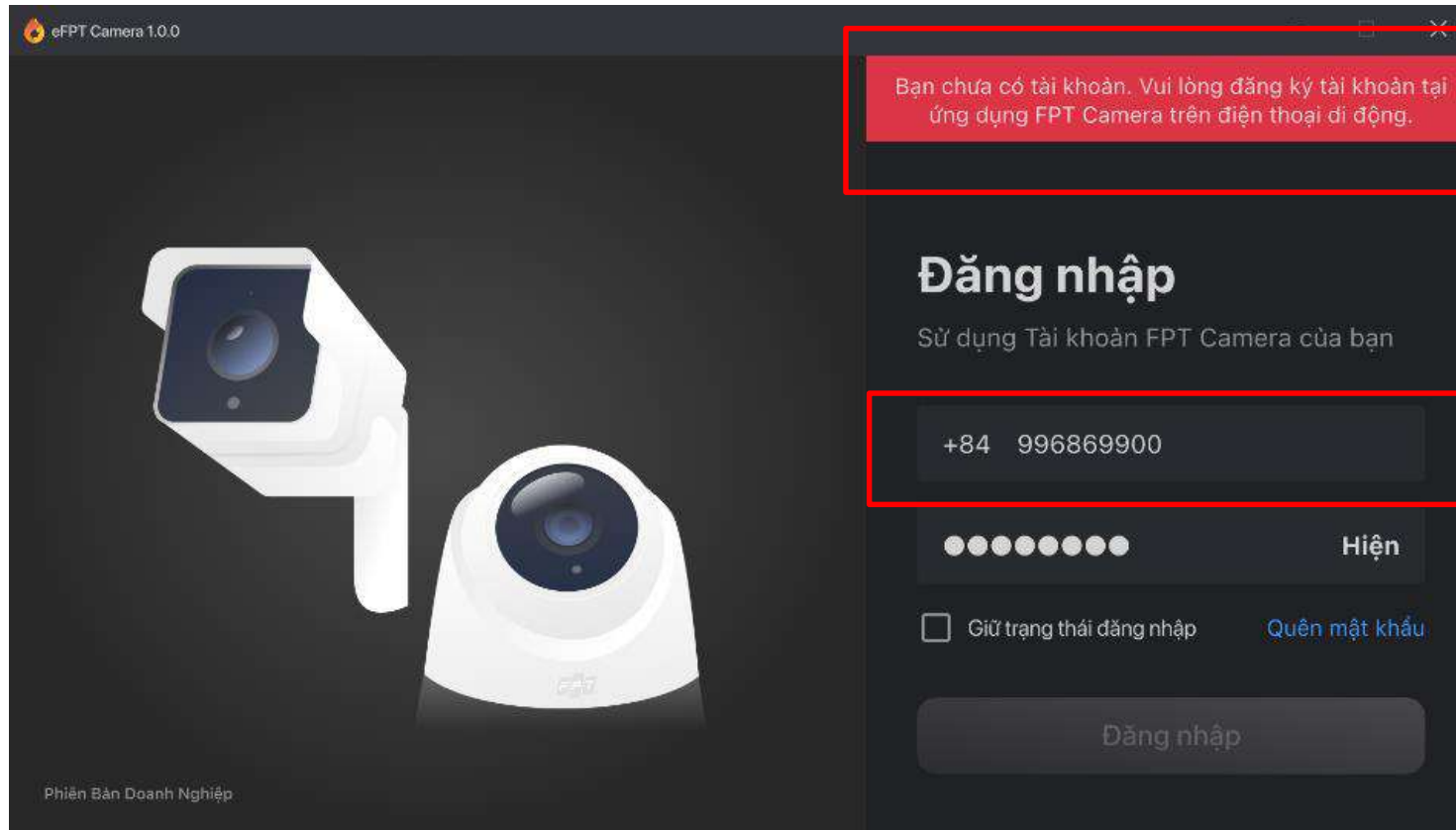


5.2 Click vào trường nhập dữ liệu để sửa thông tin

5.1 Click "Hiện" để hiển thị mật khẩu

## 1. Đăng nhập tài khoản (Login)

*Trường hợp 3: số điện thoại chưa đăng ký tài khoản*  
 Hiện thị thông báo lỗi

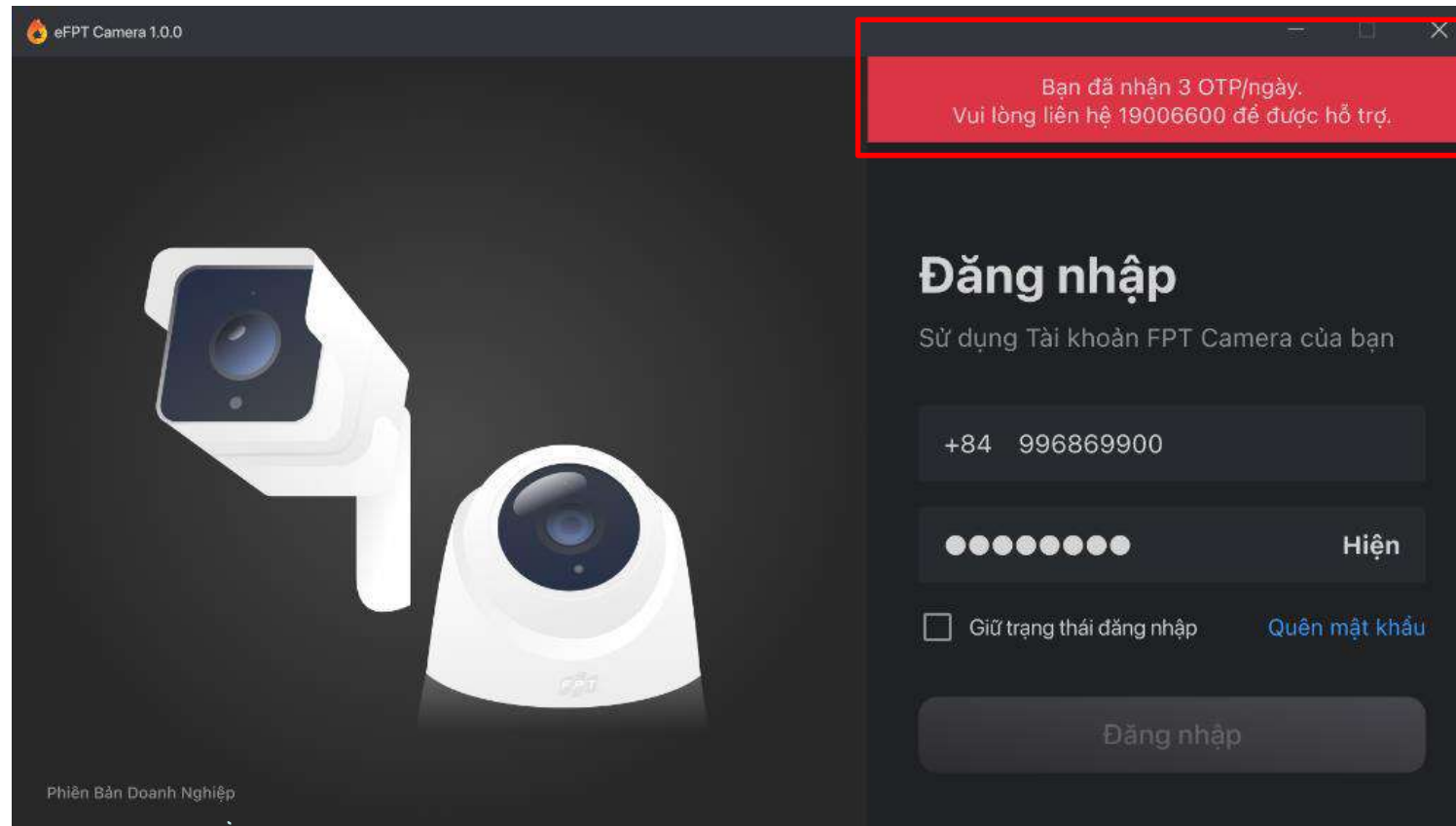


**5.3** Click vào trường nhập dữ liệu để sửa thông tin

## 1. Đăng nhập tài khoản (Login)

*Trường hợp 4: số điện thoại đã nhận 3 OTP 1 ngày*

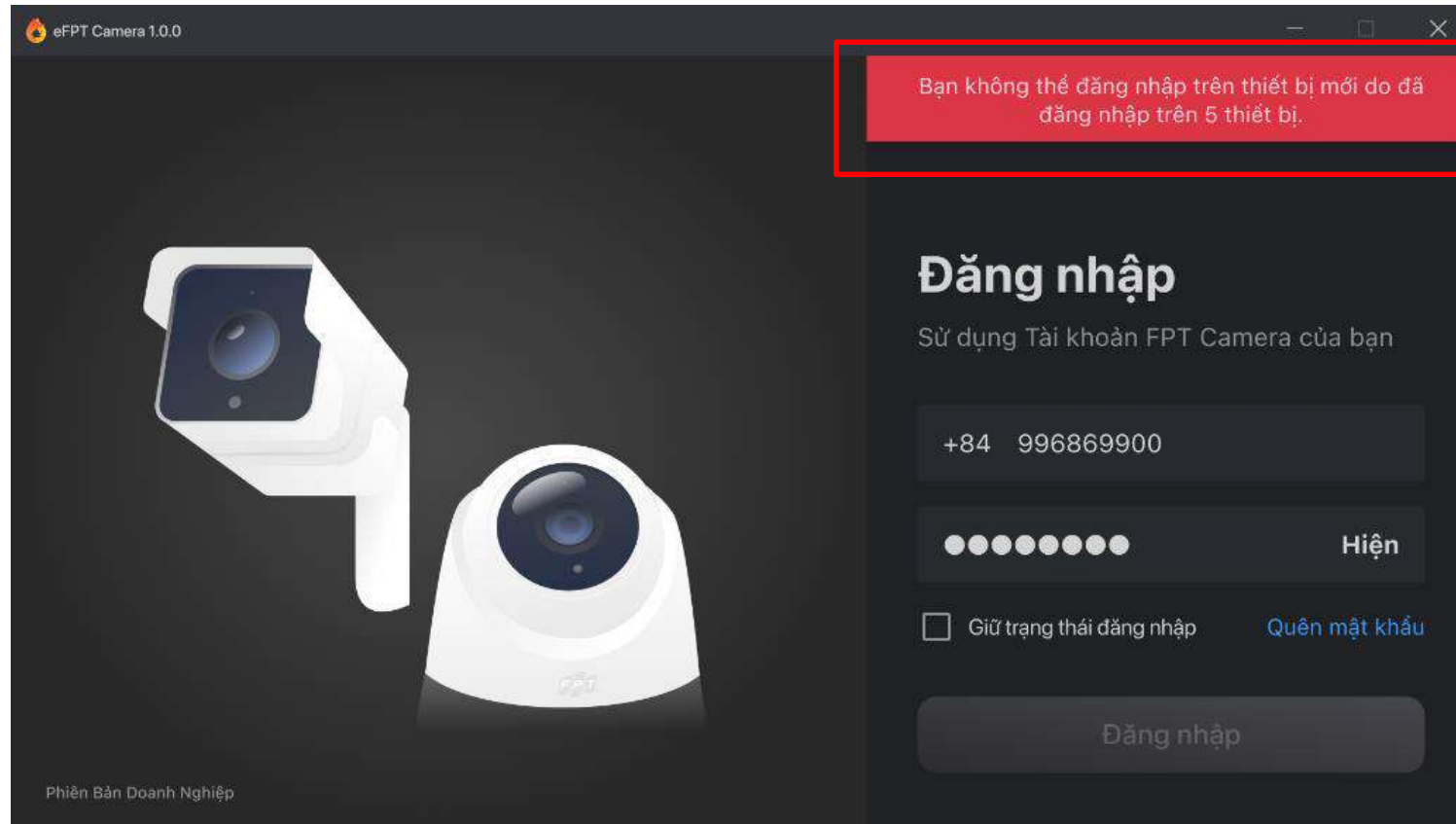
Hiện thị thông báo lỗi



### 1. Đăng nhập tài khoản (Login)

*Trường hợp 5: đã đăng nhập tài khoản trên 5 thiết bị khác*

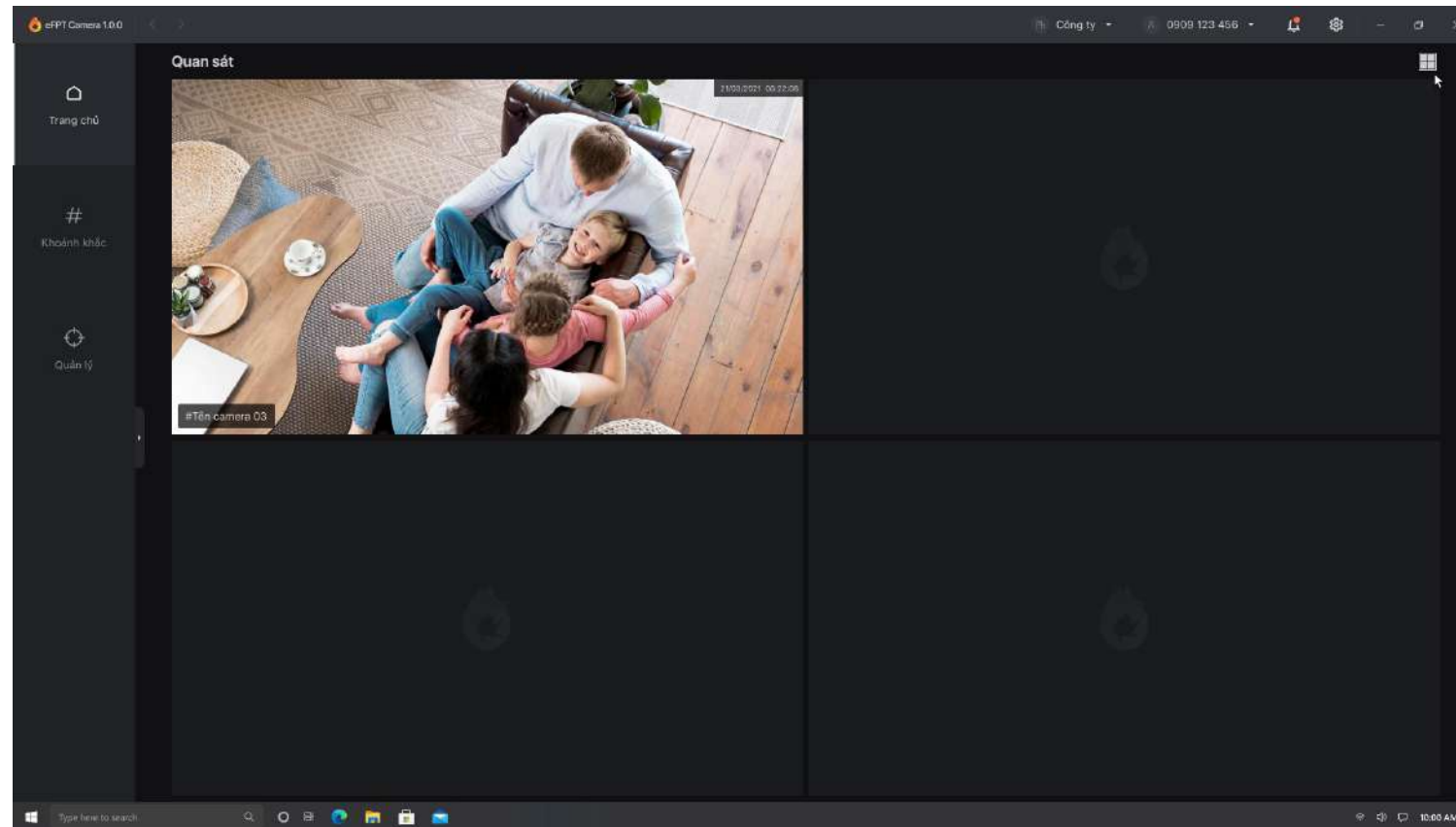
Hiện thị thông báo lỗi



## 1. Đăng nhập tài khoản (Login)

*Trường hợp 6: nhập đúng mã OTP*

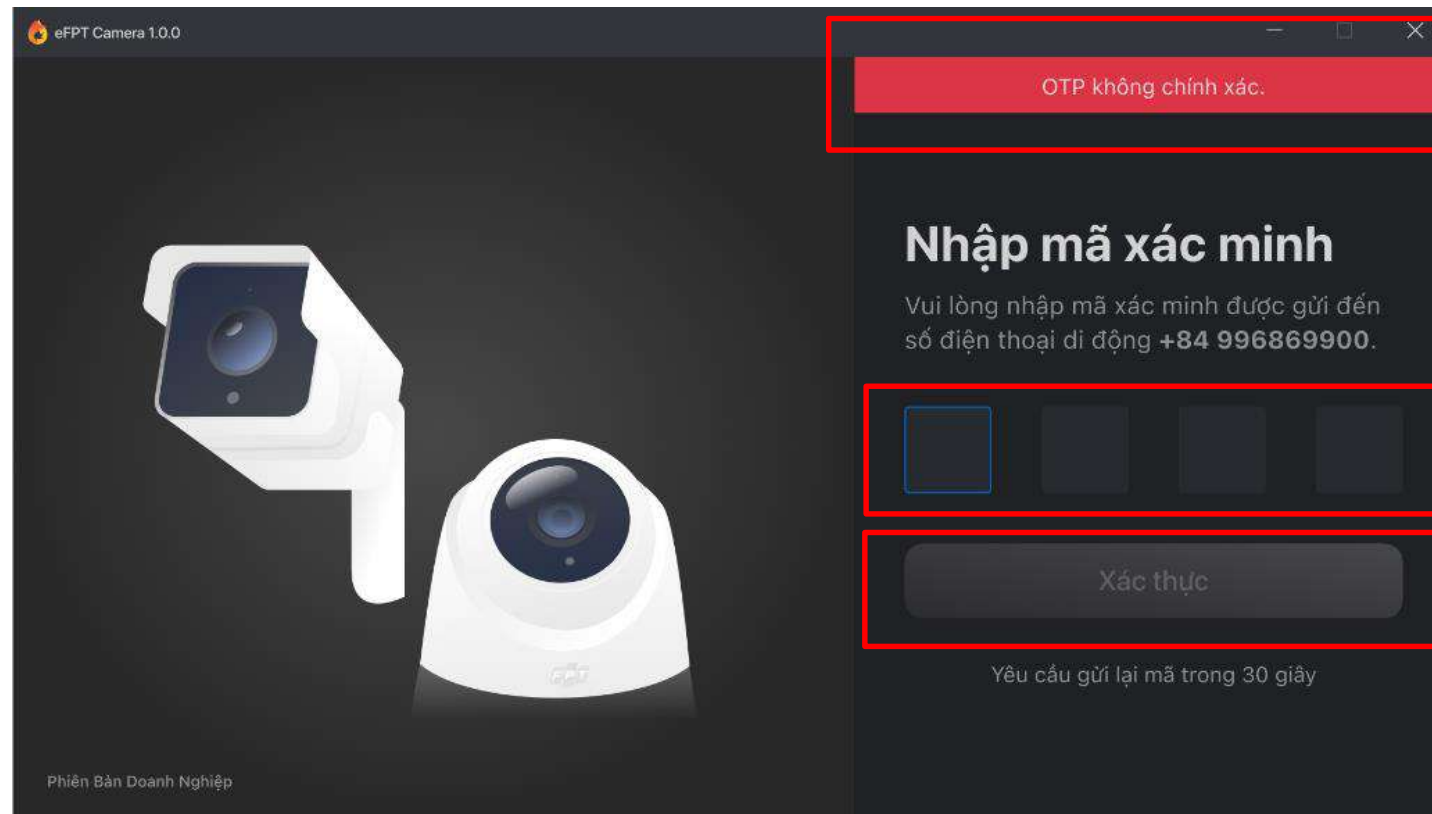
**7** Đăng nhập tài khoản thành công, tự động đi tới màn hình Home



## 1. Đăng nhập tài khoản (Login)

Trường hợp 7: nhập sai mã OTP

Hiện thị thông báo lỗi



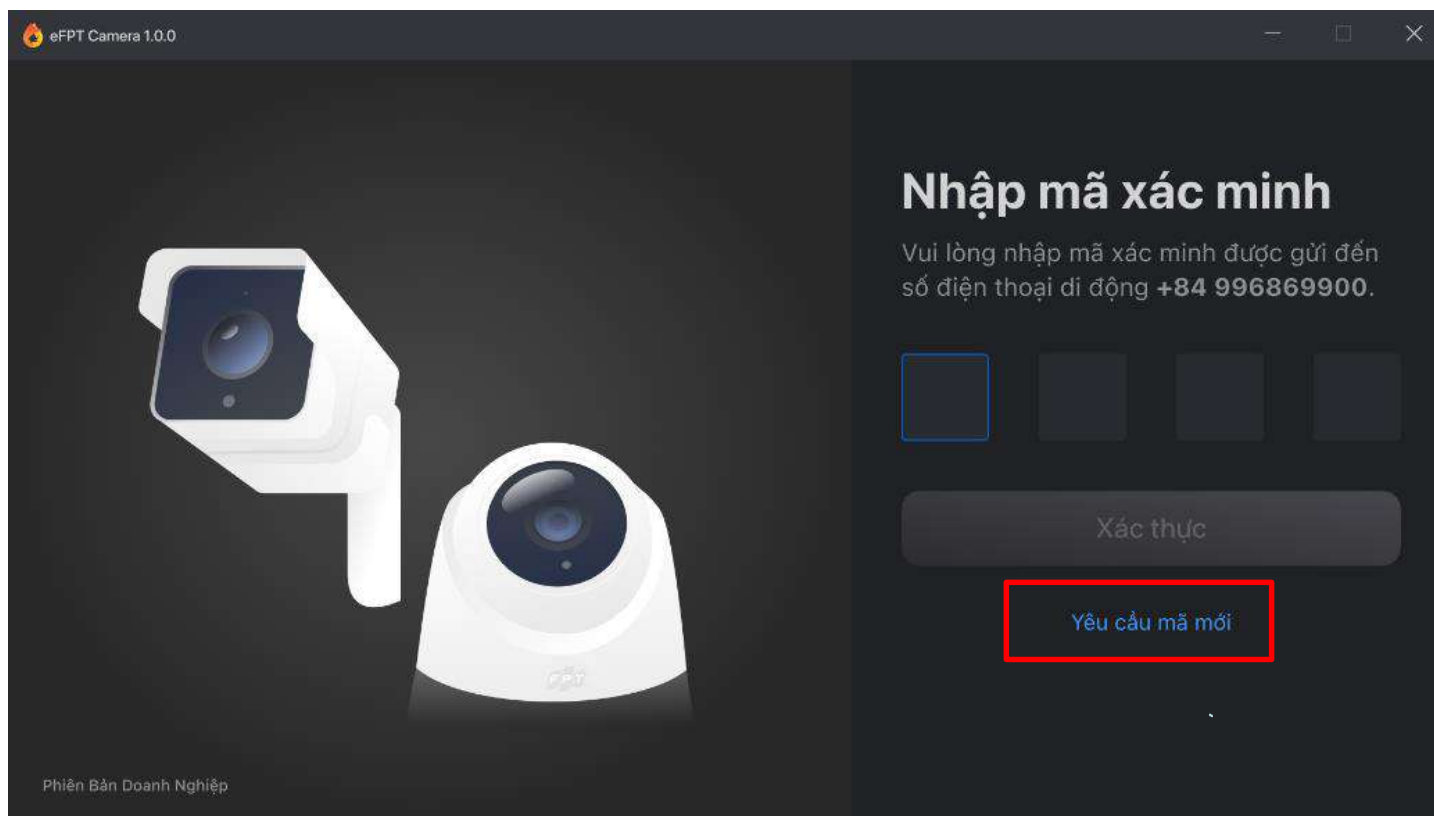
7.1 Ô nhập tự động xóa OTP cũ để nhập OTP mới

8.1 Nhập lại OTP, thực hiện lại từ bước 5



### 1. Đăng nhập tài khoản (Login)

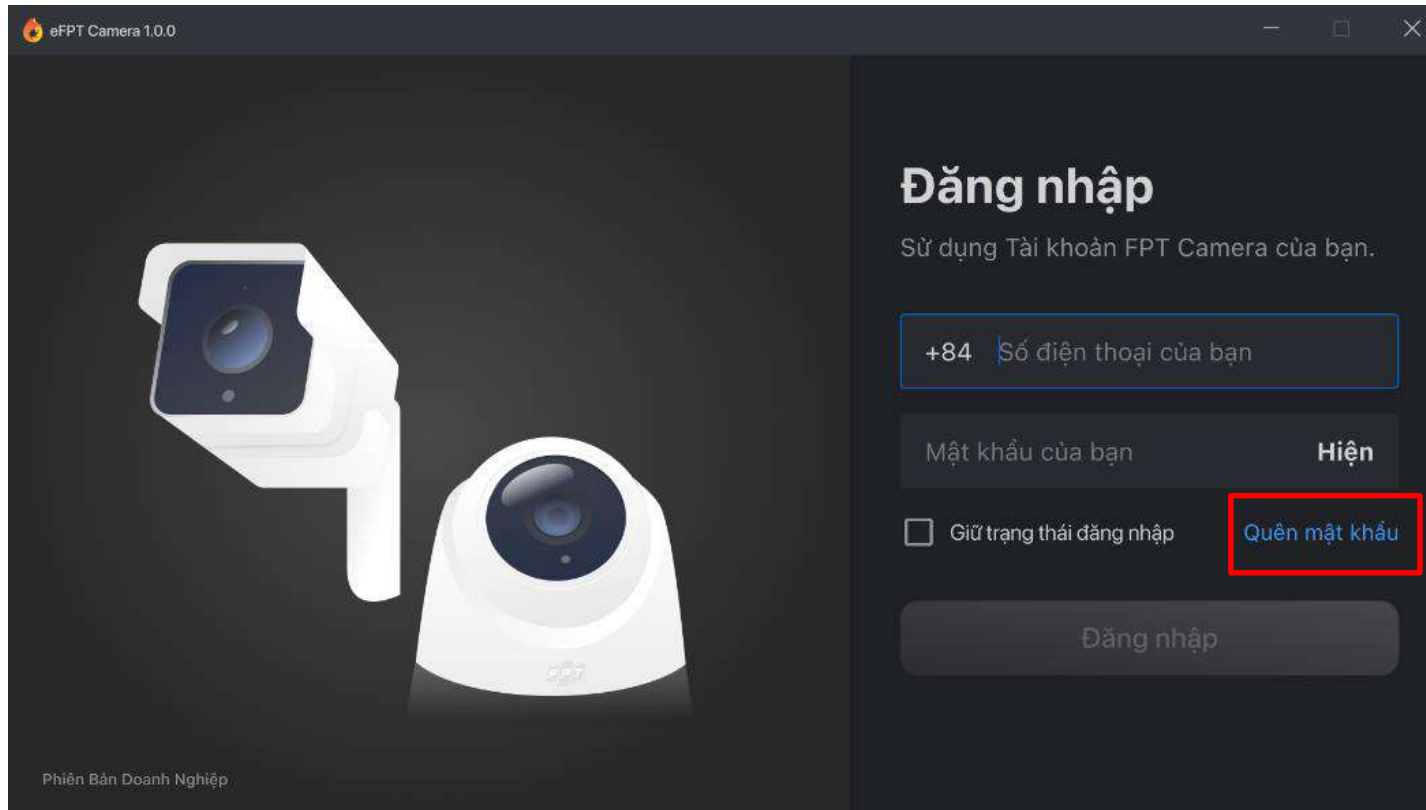
*Trường hợp 8: quá 30 giây kể từ khi yêu cầu mã, có thể yêu cầu mã OTP mới*



**9.1** Click để yêu cầu gửi lại mã OTP

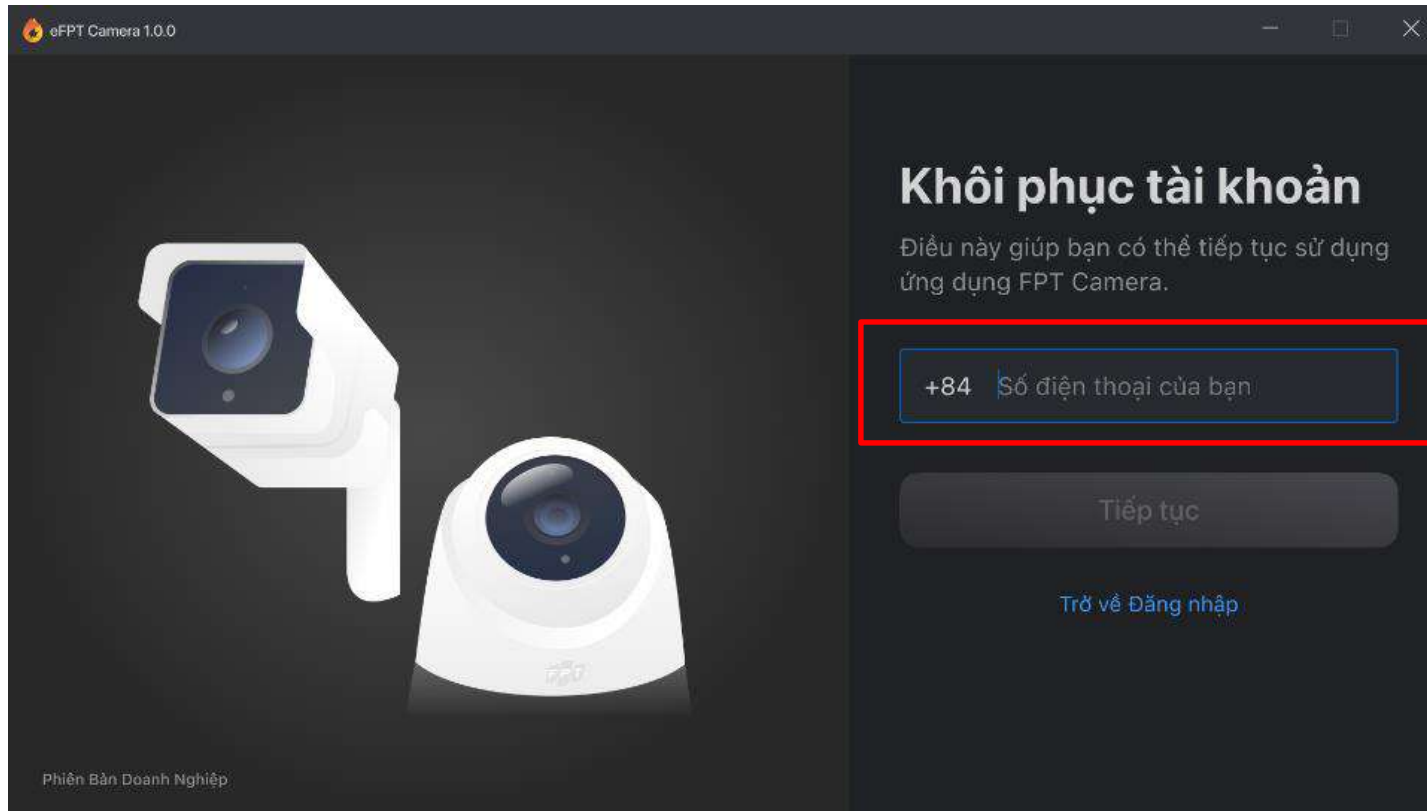
Thực hiện nhập lại OTP, thực hiện lại từ bước 5

## 2. Chức năng quên mật khẩu (Forgot password)



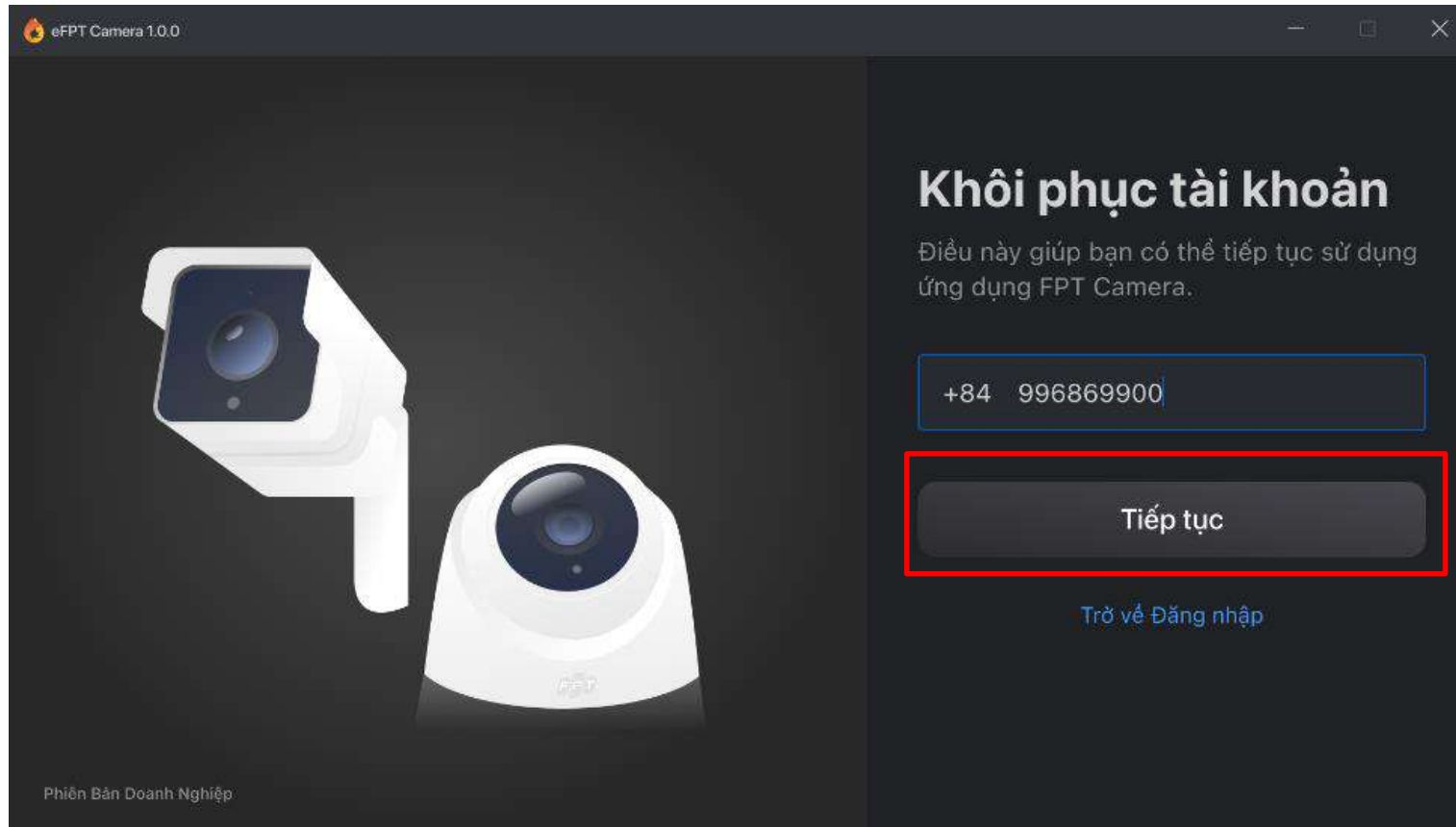
1 Click để bắt đầu khôi phục lại tài khoản

### 2. Chức năng quên mật khẩu (Forgot password)



2 Nhập số điện thoại muốn khôi phục mật khẩu

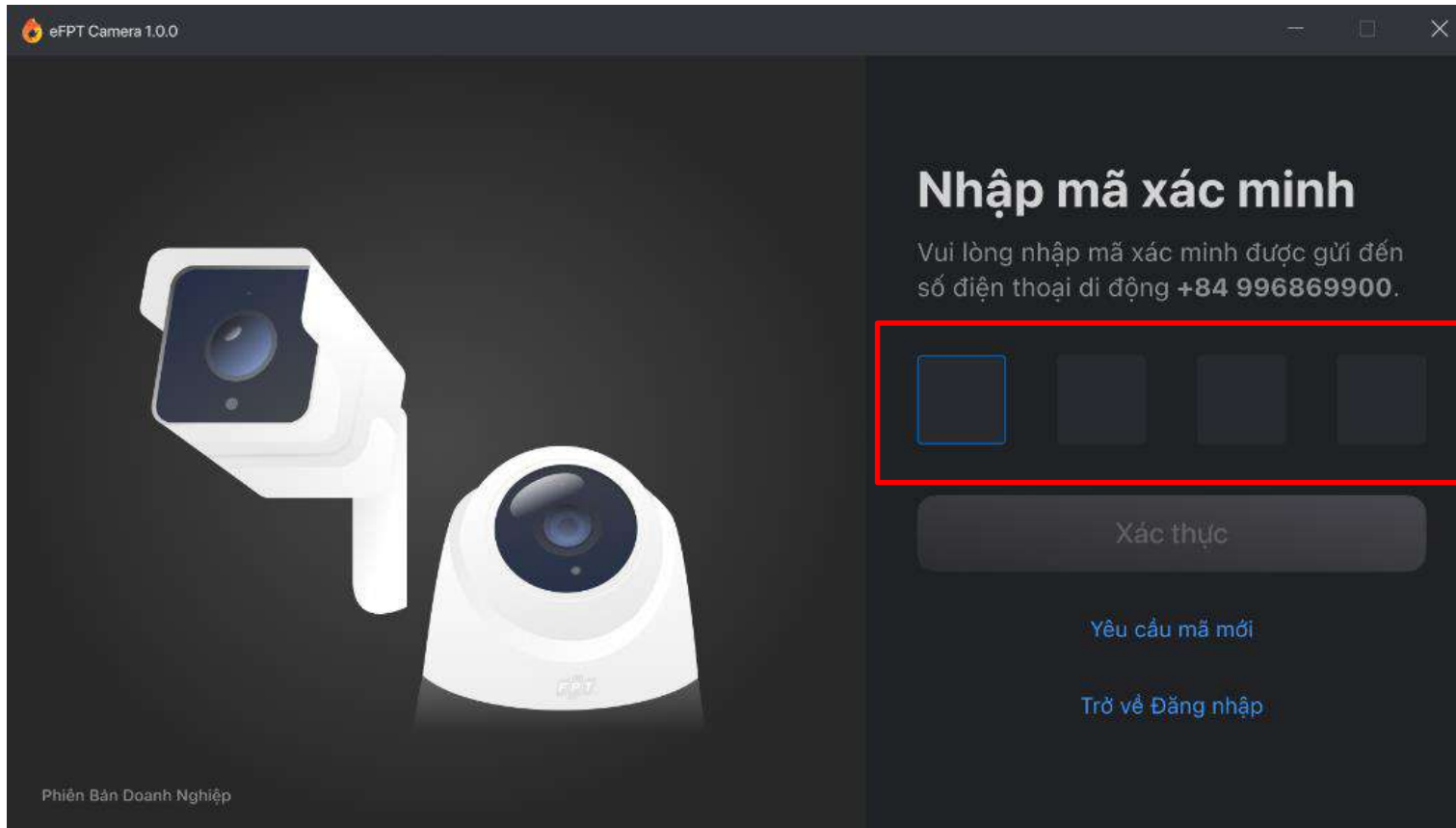
### 2. Chức năng quên mật khẩu (Forgot password)



3 Click Tiếp tục để xác thực số điện thoại

### 2. Chức năng quên mật khẩu (Forgot password)

*Trường hợp: xác thực số điện thoại thành công*



- 4 Nhập mã OTP được gửi tới số điện thoại muốn khôi phục

## 2. Chức năng quên mật khẩu (Forgot password)

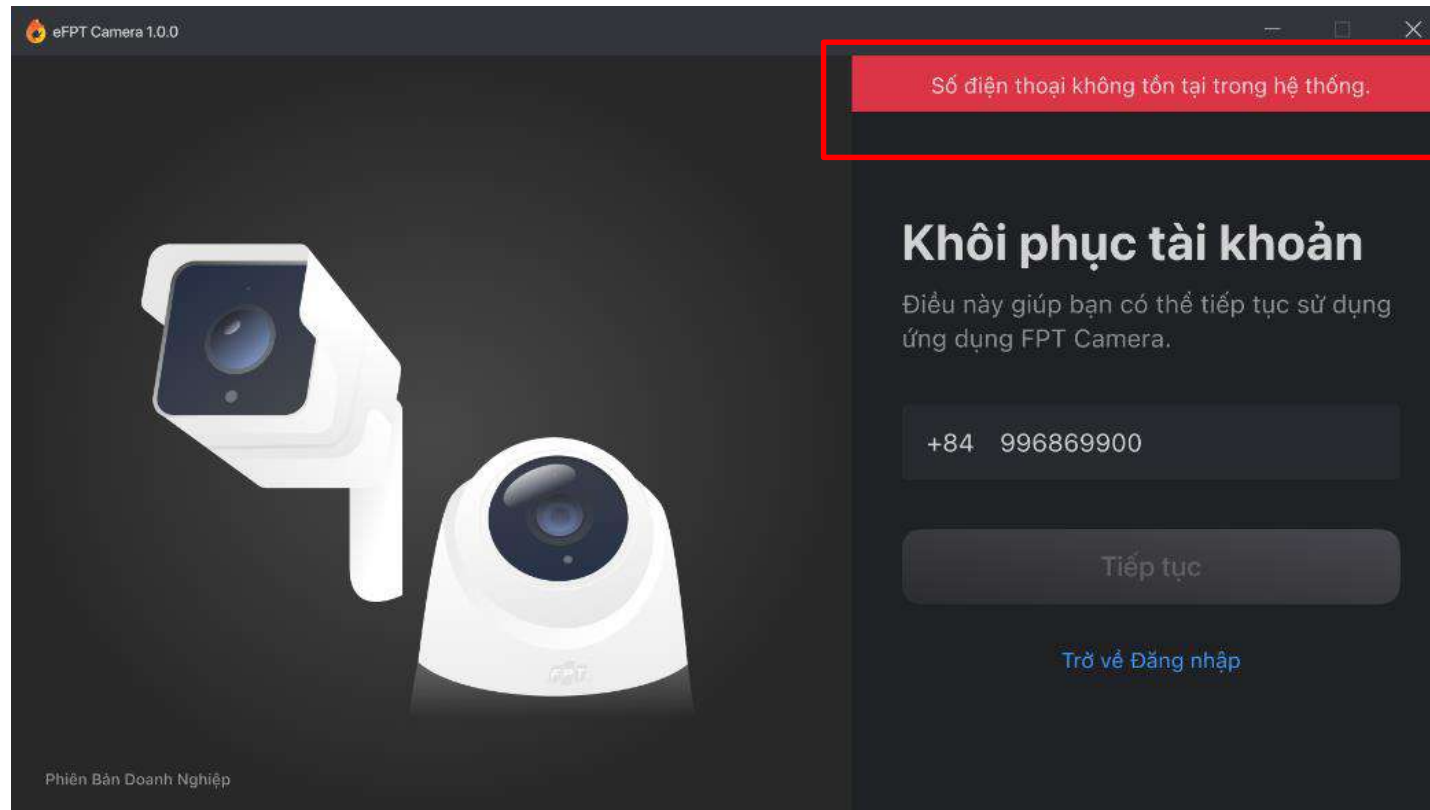


- 5 Sau khi nhập mã OTP, hệ thống sẽ tự động xác thực mã
- 5.1 Hoặc click Xác thực trong trường hợp hệ thống không thể tự động xác thực

## 2. Chức năng quên mật khẩu (Forgot password)

*Trường hợp: số điện thoại không tồn tại trên hệ thống*

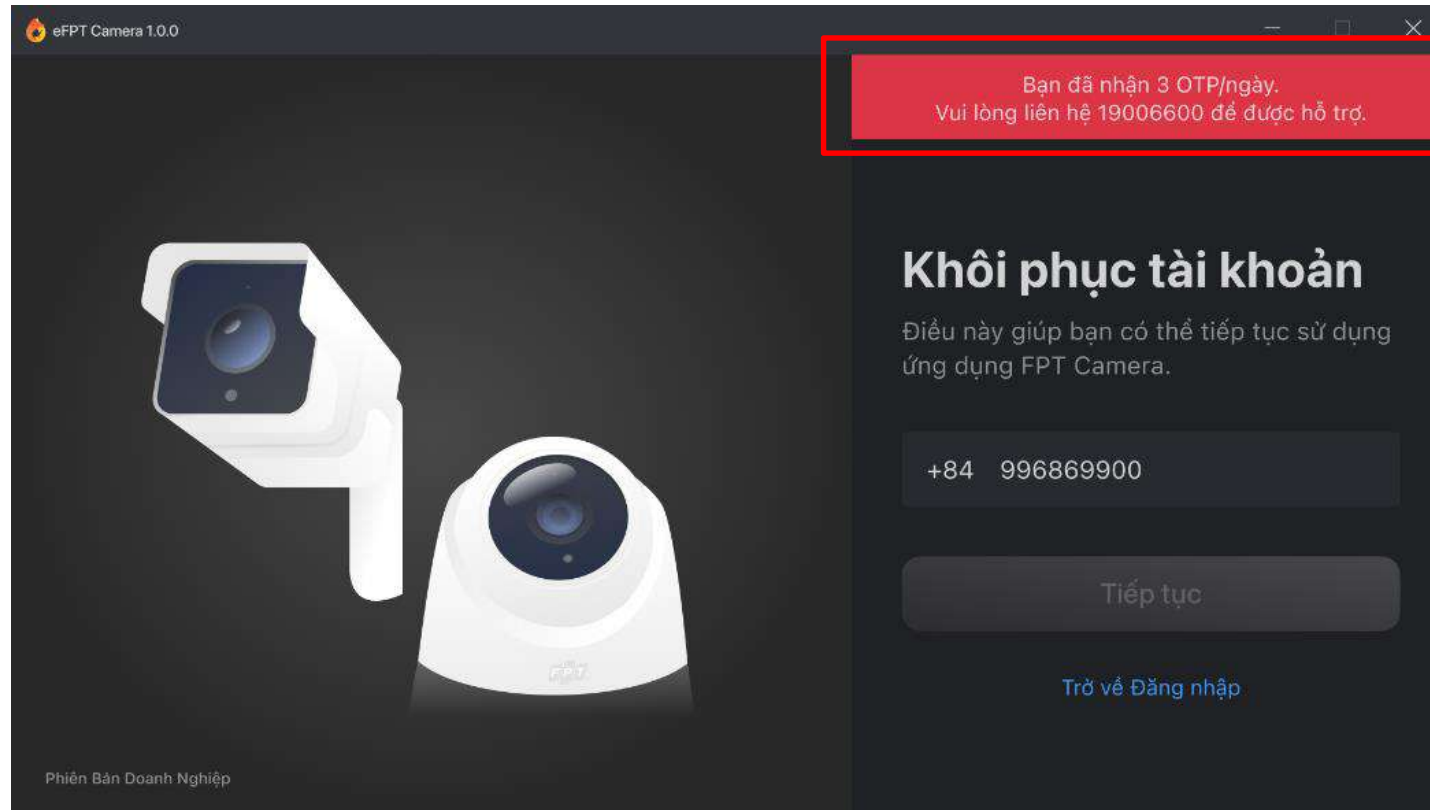
Hiện thị thông báo lỗi



## 2. Chức năng quên mật khẩu (Forgot password)

*Trường hợp: số điện thoại đã nhận 3 OTP 1 ngày*

Hiện thị thông báo lỗi

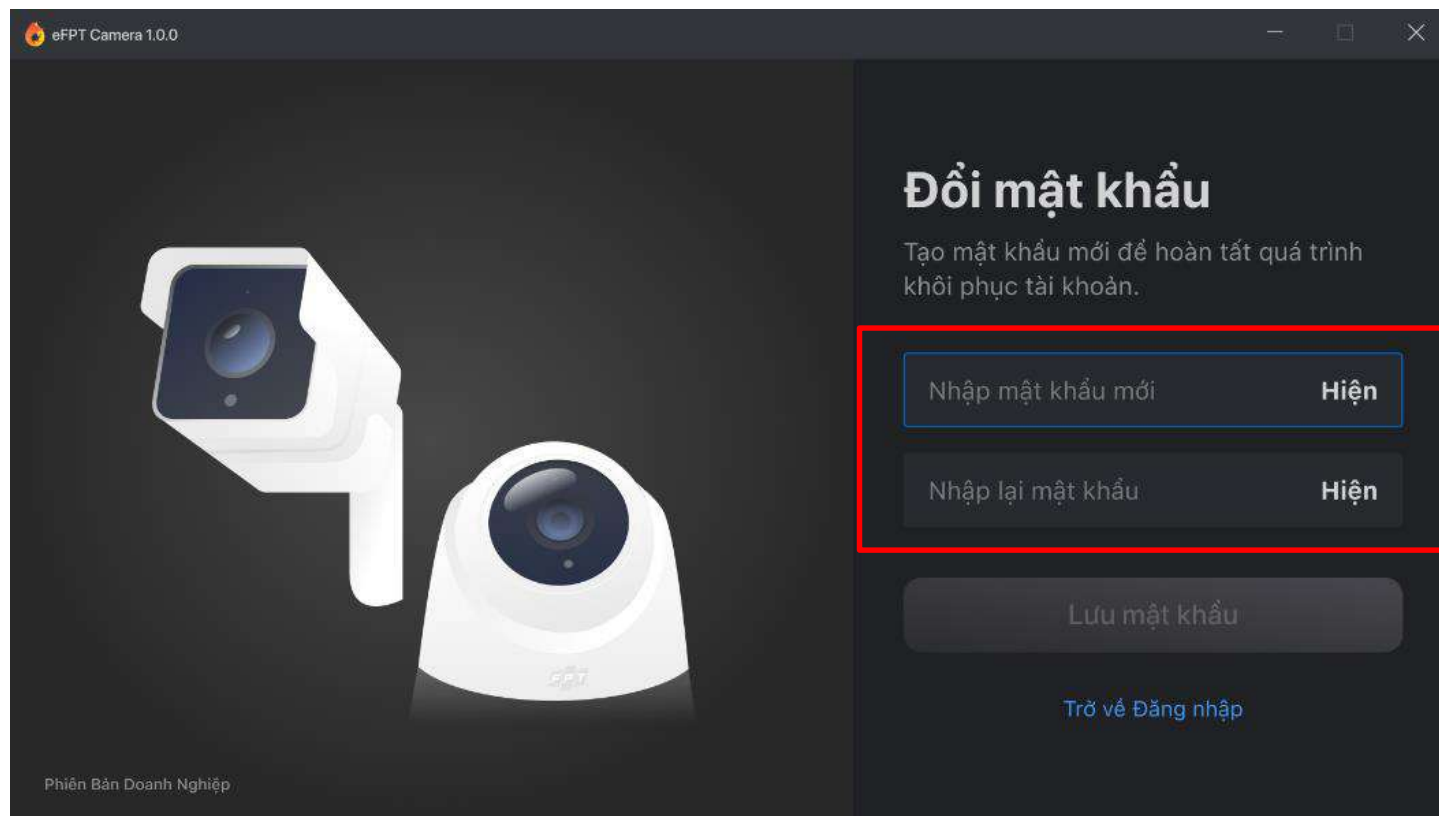




## 2. Chức năng quên mật khẩu (Forgot password)

*Trường hợp: nhập đúng mã OTP*

Đi tới màn hình nhập mật khẩu mới

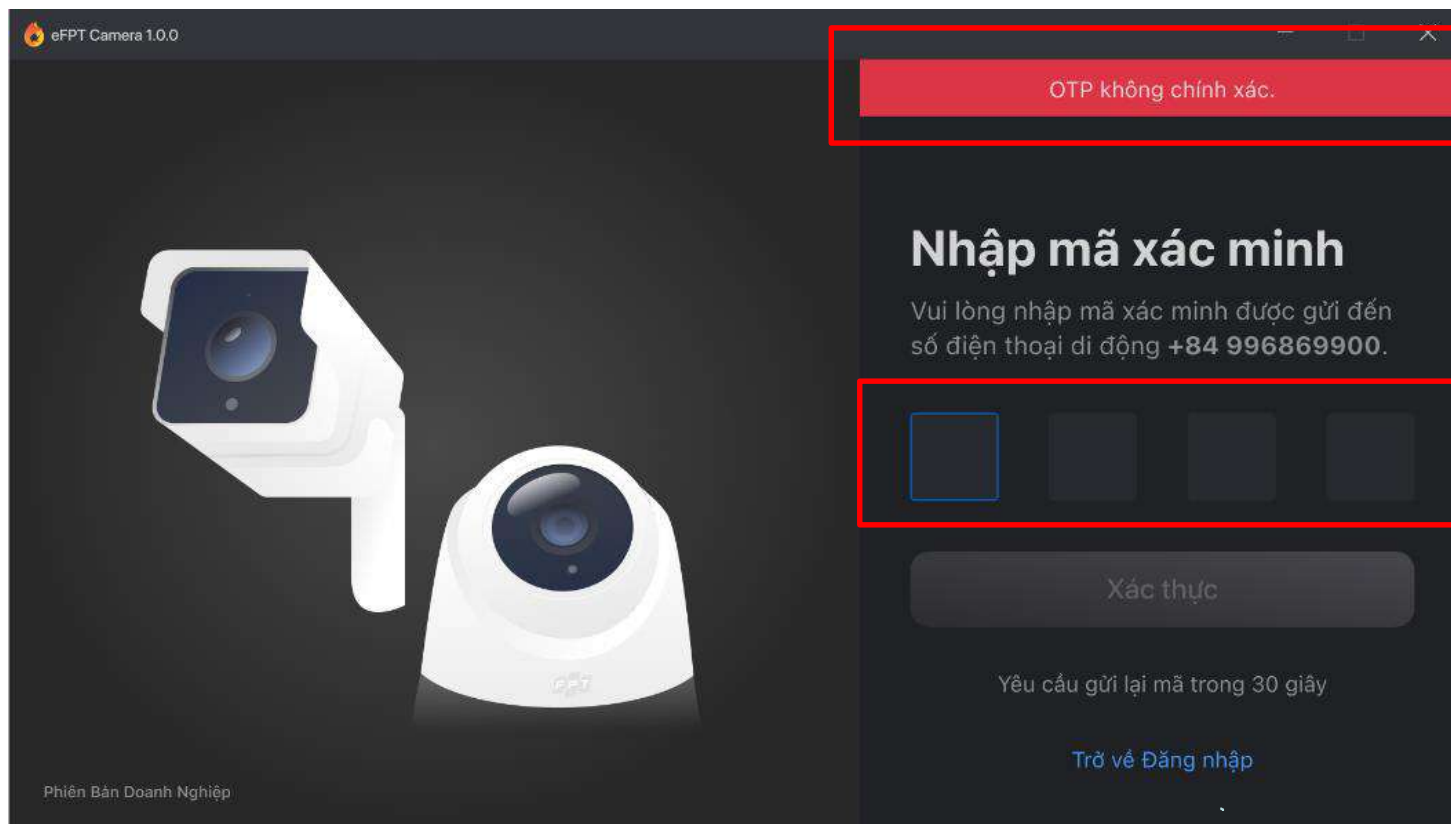


**6** Nhập mật khẩu mới của bạn và nhập lại lần 2 để xác nhận mật khẩu

## 2. Chức năng quên mật khẩu (Forgot password)

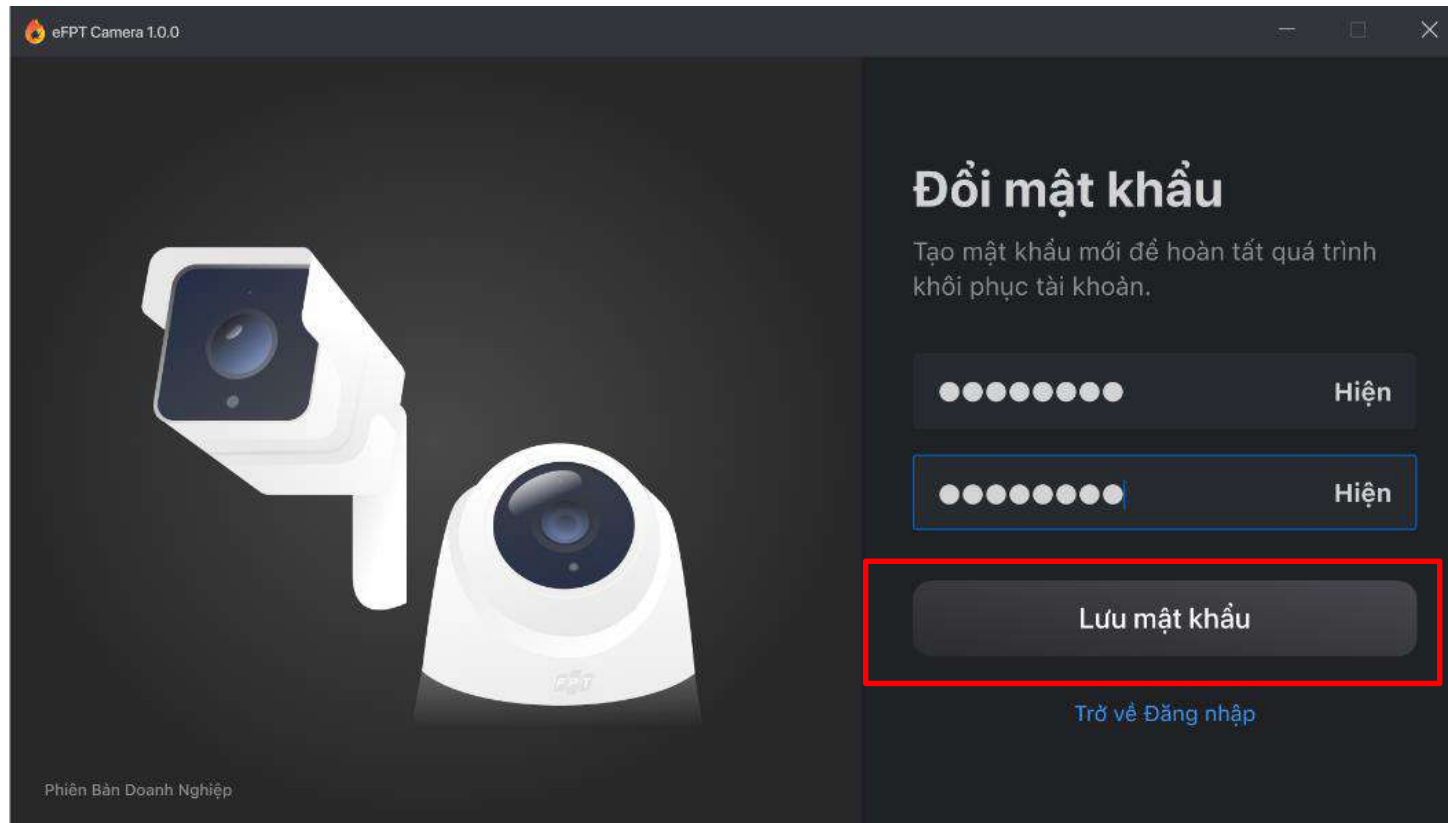
Trường hợp: nhập sai mã OTP

Hiện thị thông báo lỗi



- 6.1 Ô nhập tự động xóa OTP cũ để nhập OTP mới
- 7.1 Nhập lại OTP, thực hiện lại từ bước 4

## 2. Chức năng quên mật khẩu (Forgot password)

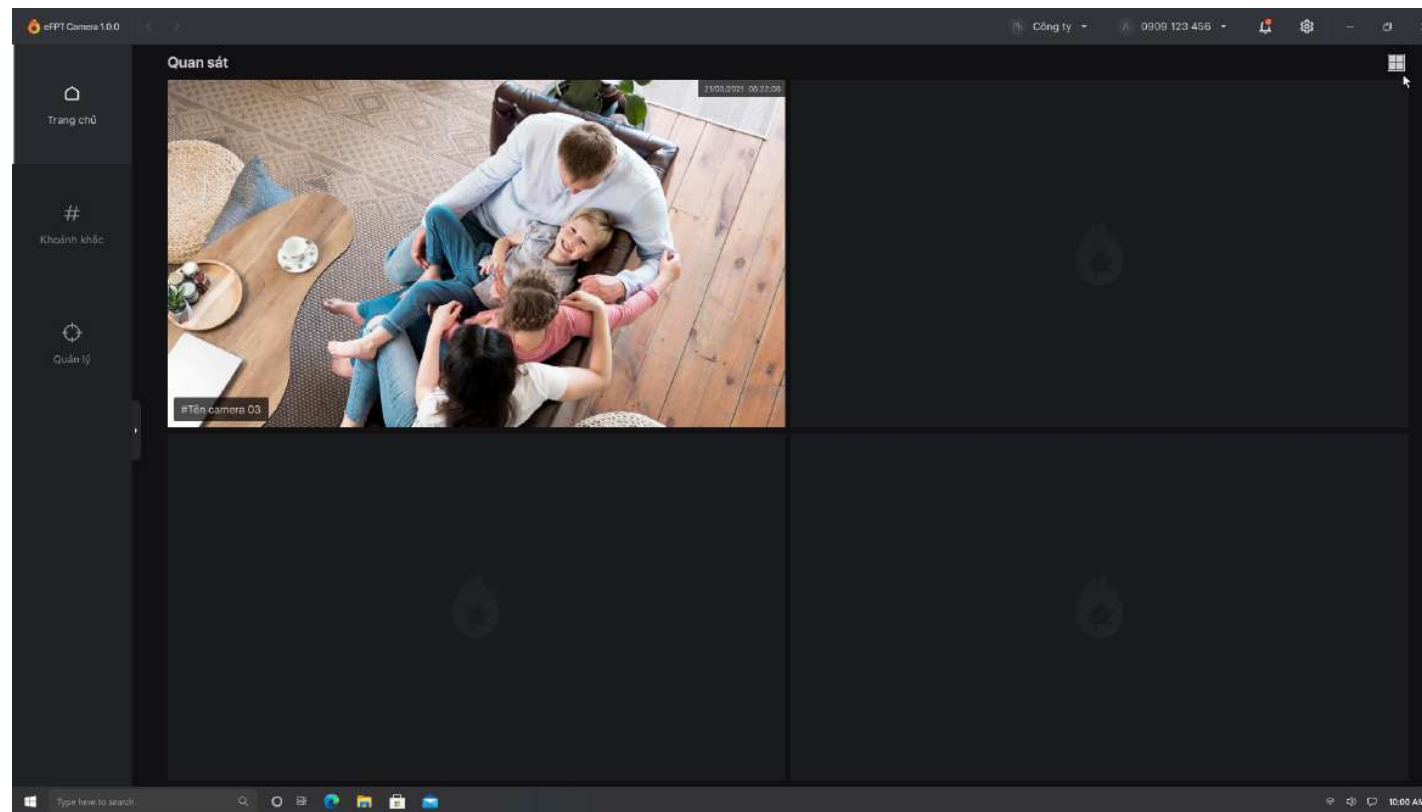


7 Click để lưu lại mật khẩu mới

## 2. Chức năng quên mật khẩu (Forgot password)

*Trường hợp: đổi mật khẩu thành công*

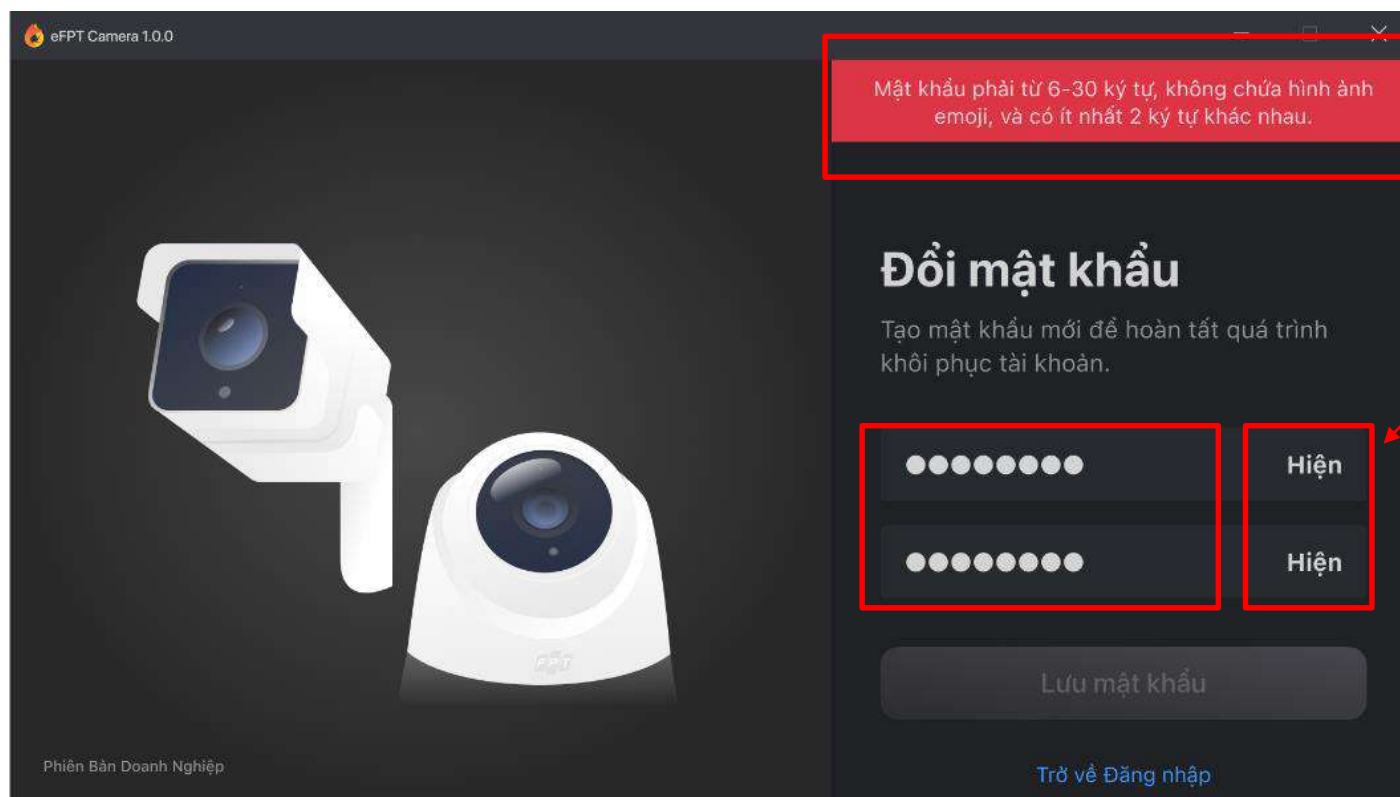
### 8 Tự động đăng nhập và đi tới màn hình Home



## 2. Chức năng quên mật khẩu (Forgot password)

*Trường hợp: mật khẩu không thỏa điều kiện*

Hiển thị thông báo lỗi



8.1

Click để hiện mật khẩu và kiểm tra

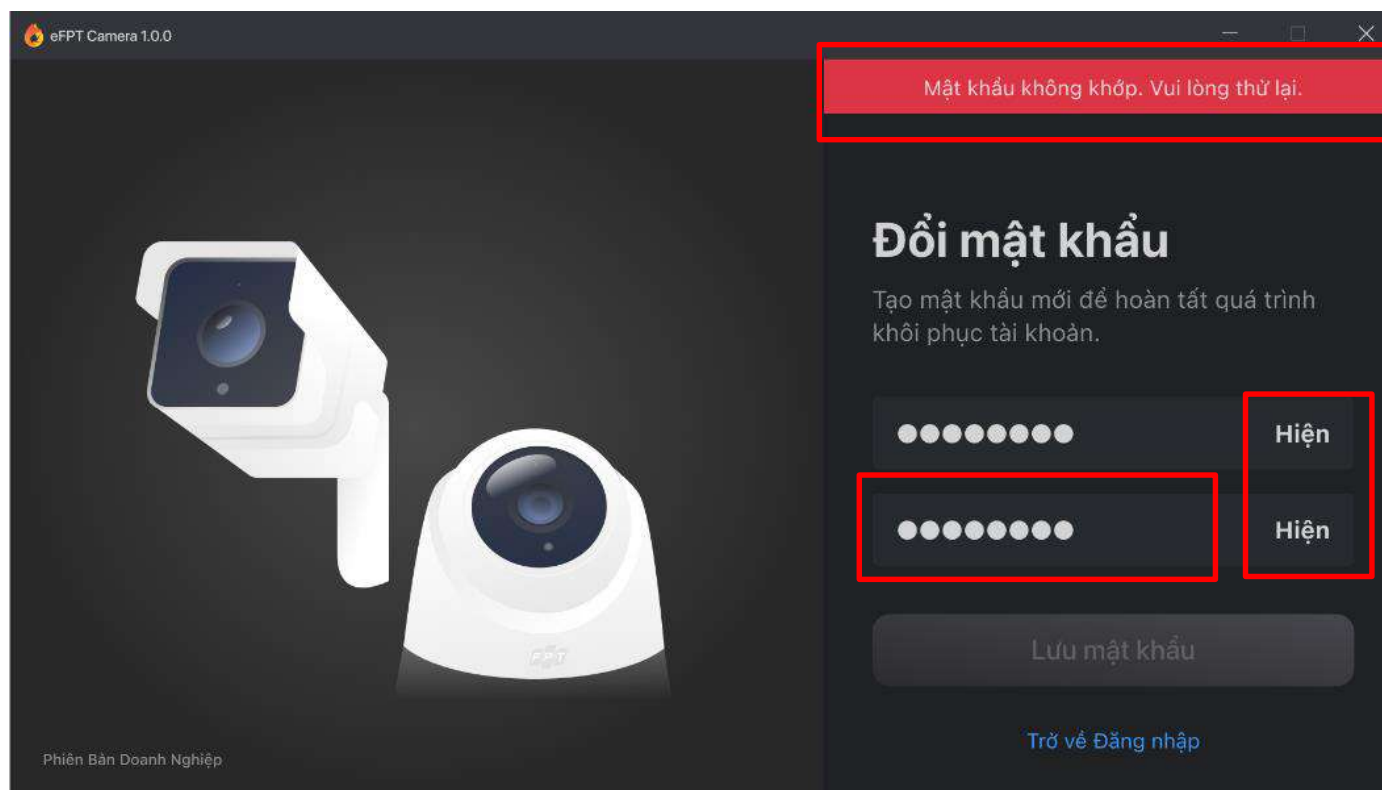
9.1

Click vào trường nhập dữ liệu để sửa thông tin mật khẩu

## 2. Chức năng quên mật khẩu (Forgot password)

*Trường hợp: nhập lại mật khẩu không trùng khớp*

Hiện thị thông báo lỗi



**8.2** Click để hiện mật khẩu và kiểm tra

**9.2** Click vào trường nhập dữ liệu để sửa mật khẩu xác nhận sao cho khớp với mật khẩu mới

## 3. Trang chủ (Home)

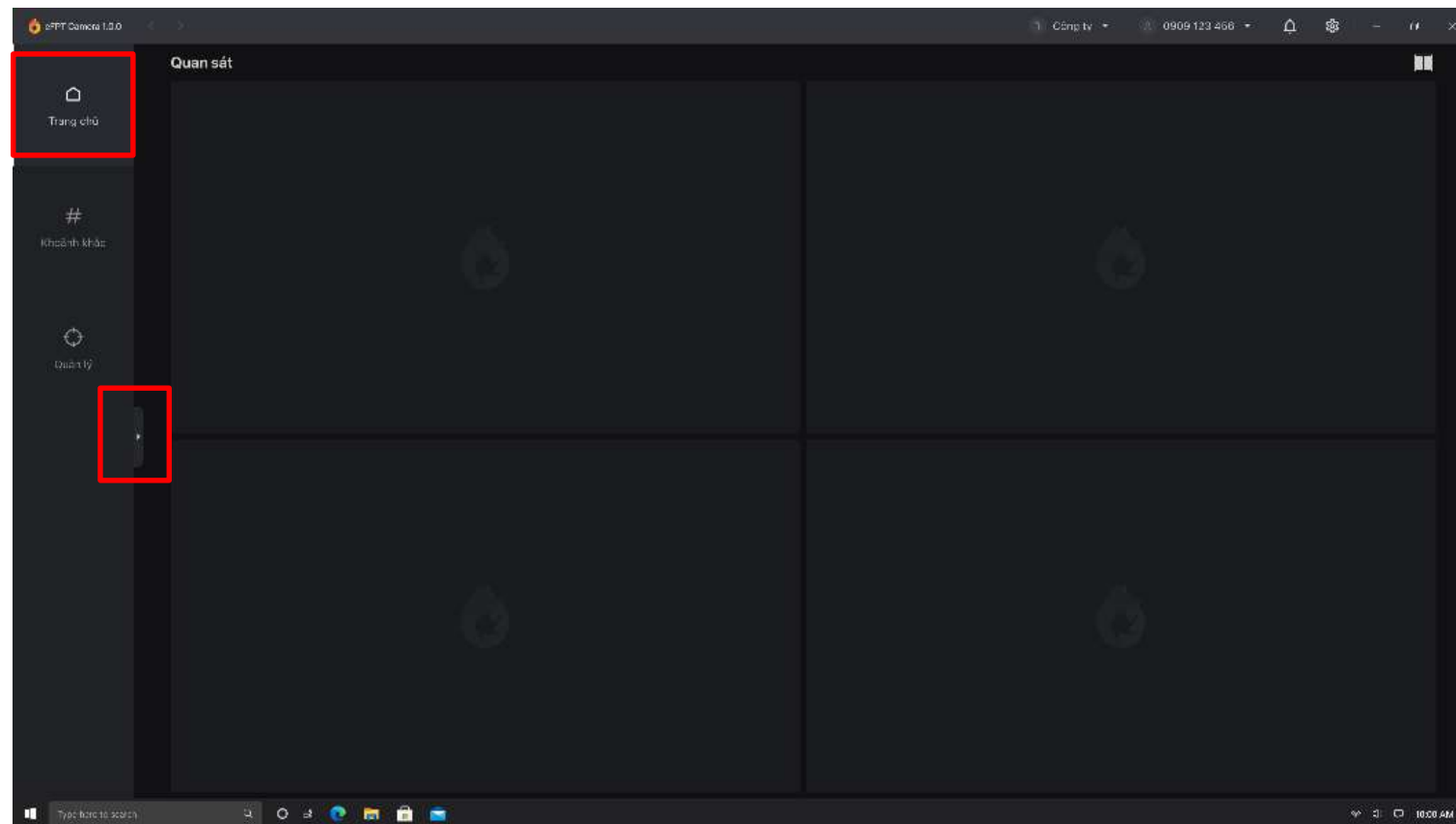
*Trường hợp: người dùng chưa có một trong các quyền: chủ sở hữu, quản trị viên hoặc thành viên được chia sẻ trong doanh nghiệp bất kỳ*

Mặc định vào trang chủ sau khi mở App hoặc click tab Trang chủ để xem camera

1

Click icon mũi tên để hiển thị danh sách xem tùy chỉnh và danh sách camera

2

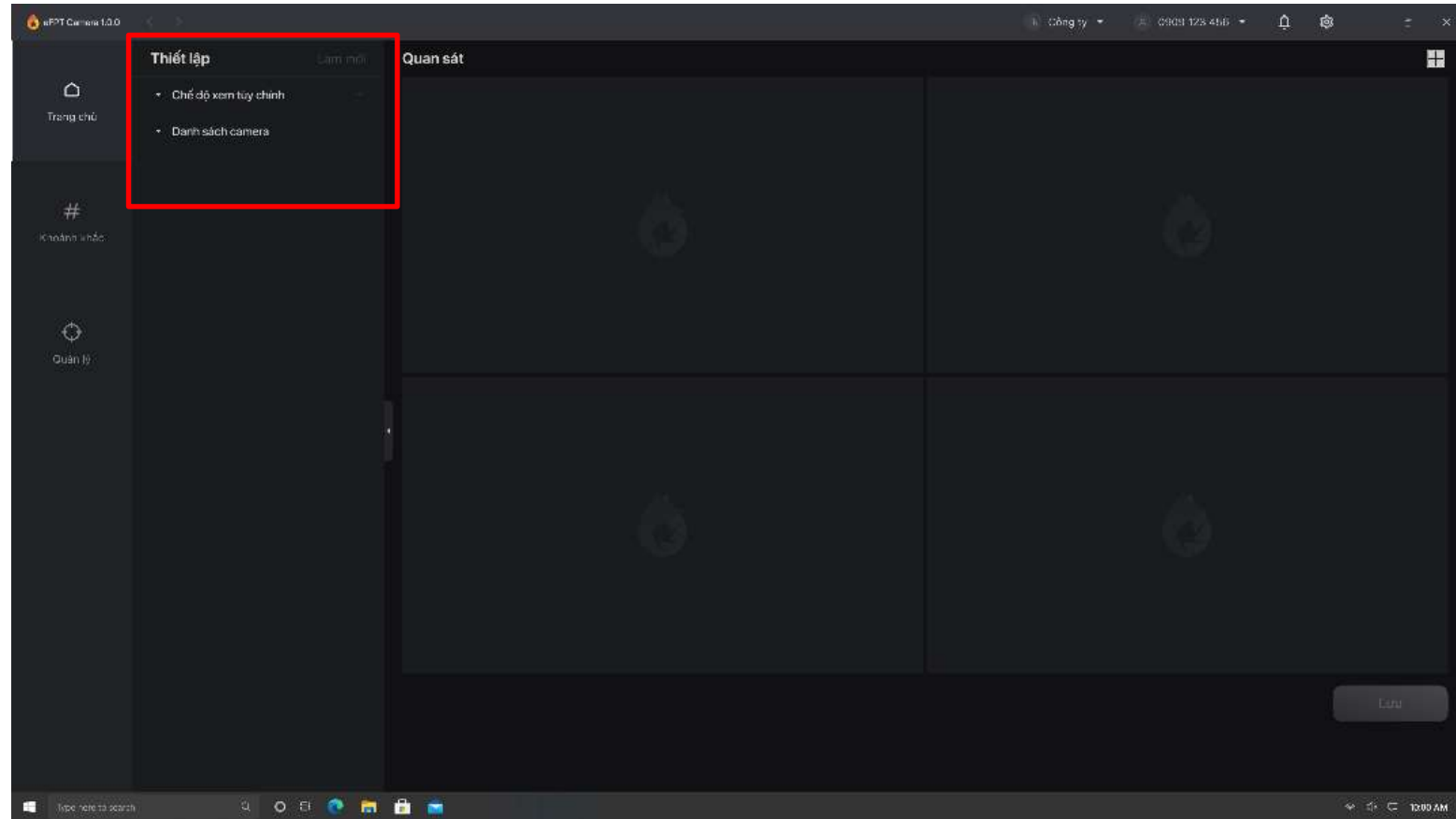


*Chỉ hiển thị các camera của địa điểm đang thao tác.*

### 3. Trang chủ (Home)

Danh sách ở trạng thái không có dữ liệu

3



Chỉ hiển thị các camera của địa điểm đang thao tác.

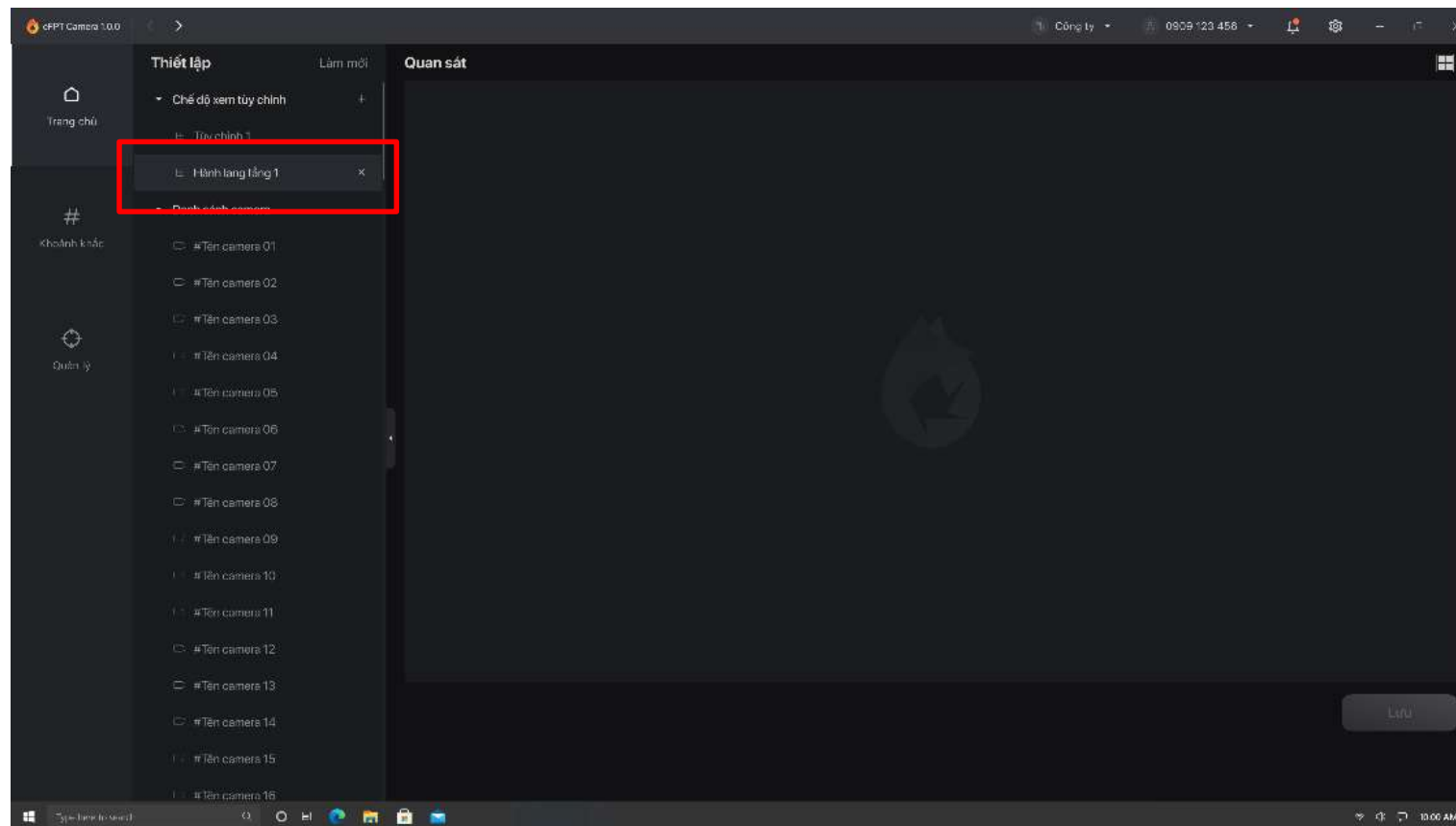


## 3. Trang chủ (Home)

Giao diện có dữ liệu danh sách chế độ xem tùy chỉnh và danh sách camera

Click để chọn xem chế độ tùy chỉnh đã được thiết lập

3.1



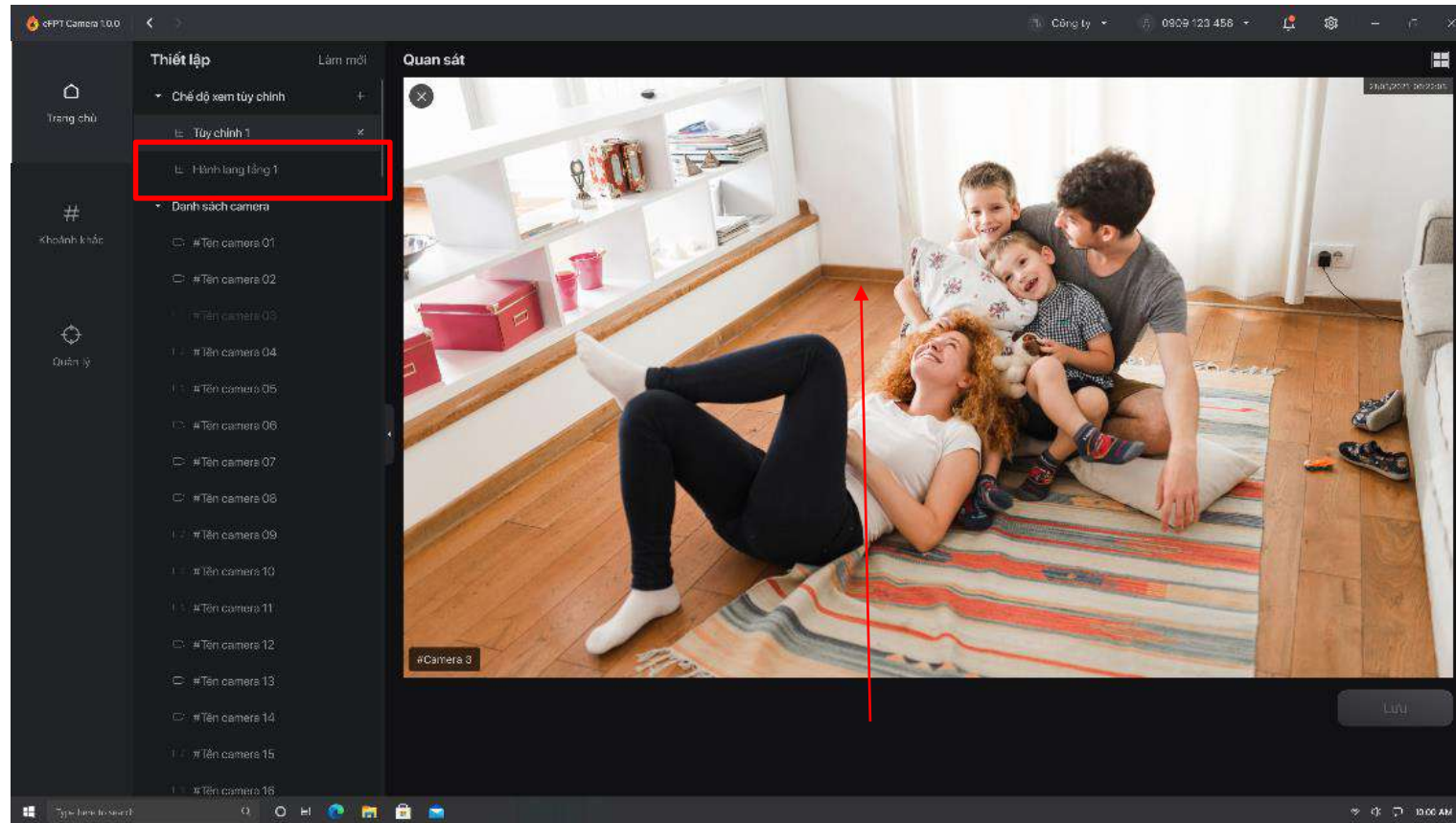
Chỉ hiển thị các camera của địa điểm đang thao tác.

## 3. Trang chủ (Home)

Giao diện ở chế độ xem 1 camera trên 1 màn hình

Chọn trong danh sách nếu muốn xem chế độ xem tùy chỉnh khác

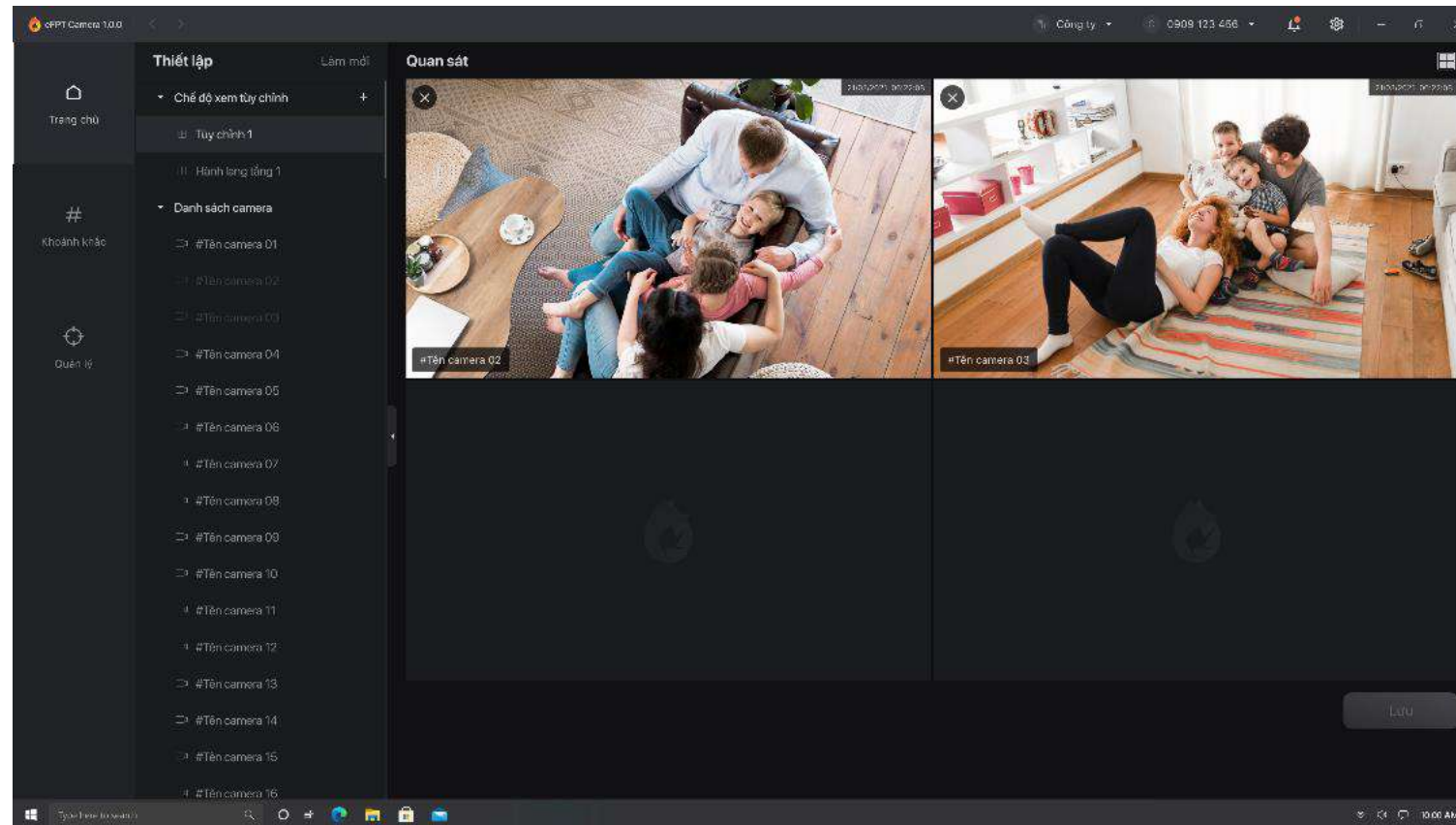
4.1



Chỉ hiển thị các camera của địa điểm đang thao tác.

## 3. Trang chủ (Home)

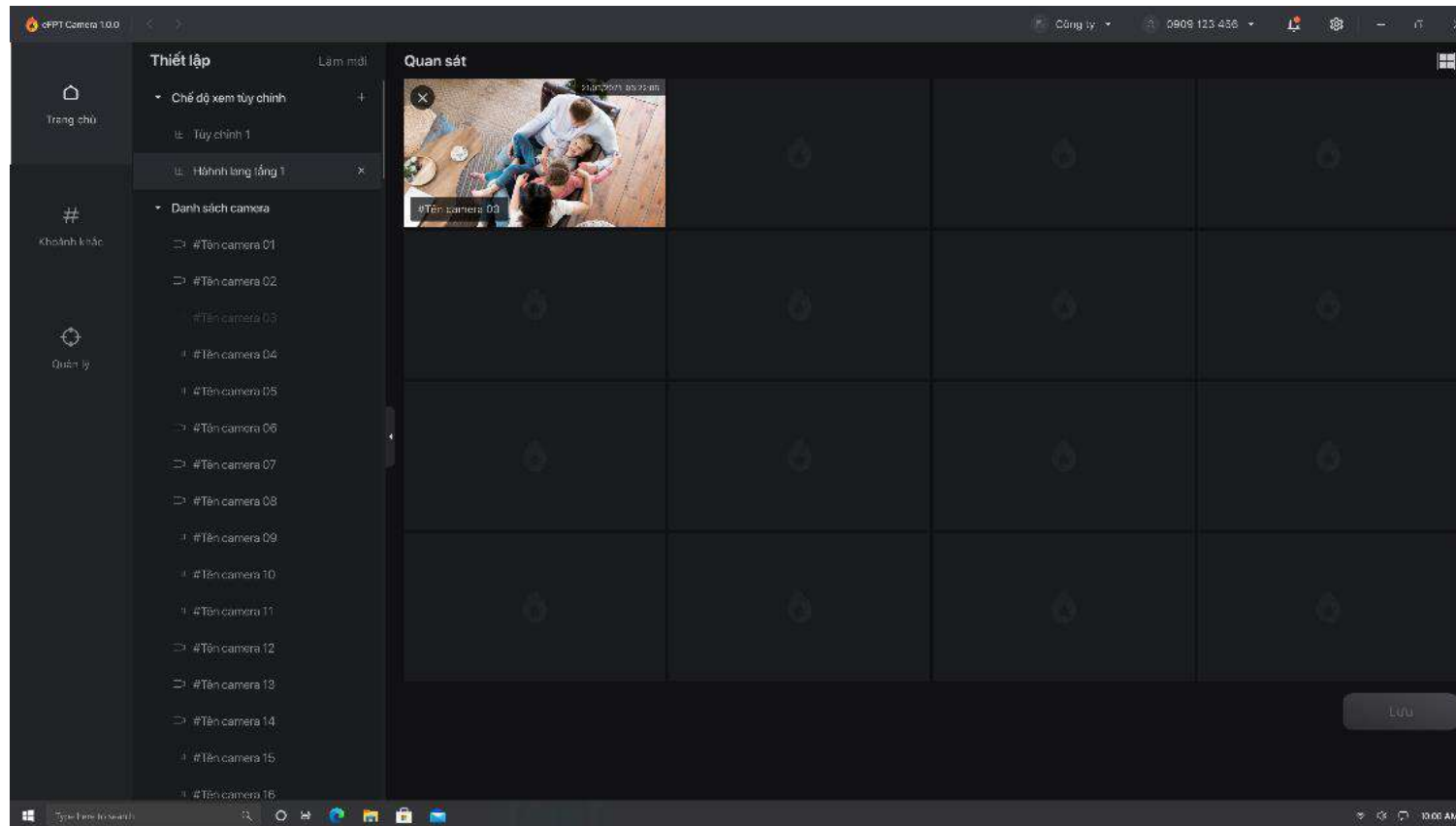
Giao diện ở chế độ xem 4 camera trên 1 màn hình



Chỉ hiển thị các camera của địa điểm đang thao tác.

## 3. Trang chủ (Home)

Giao diện ở chế độ xem 16 camera trên 1 màn hình

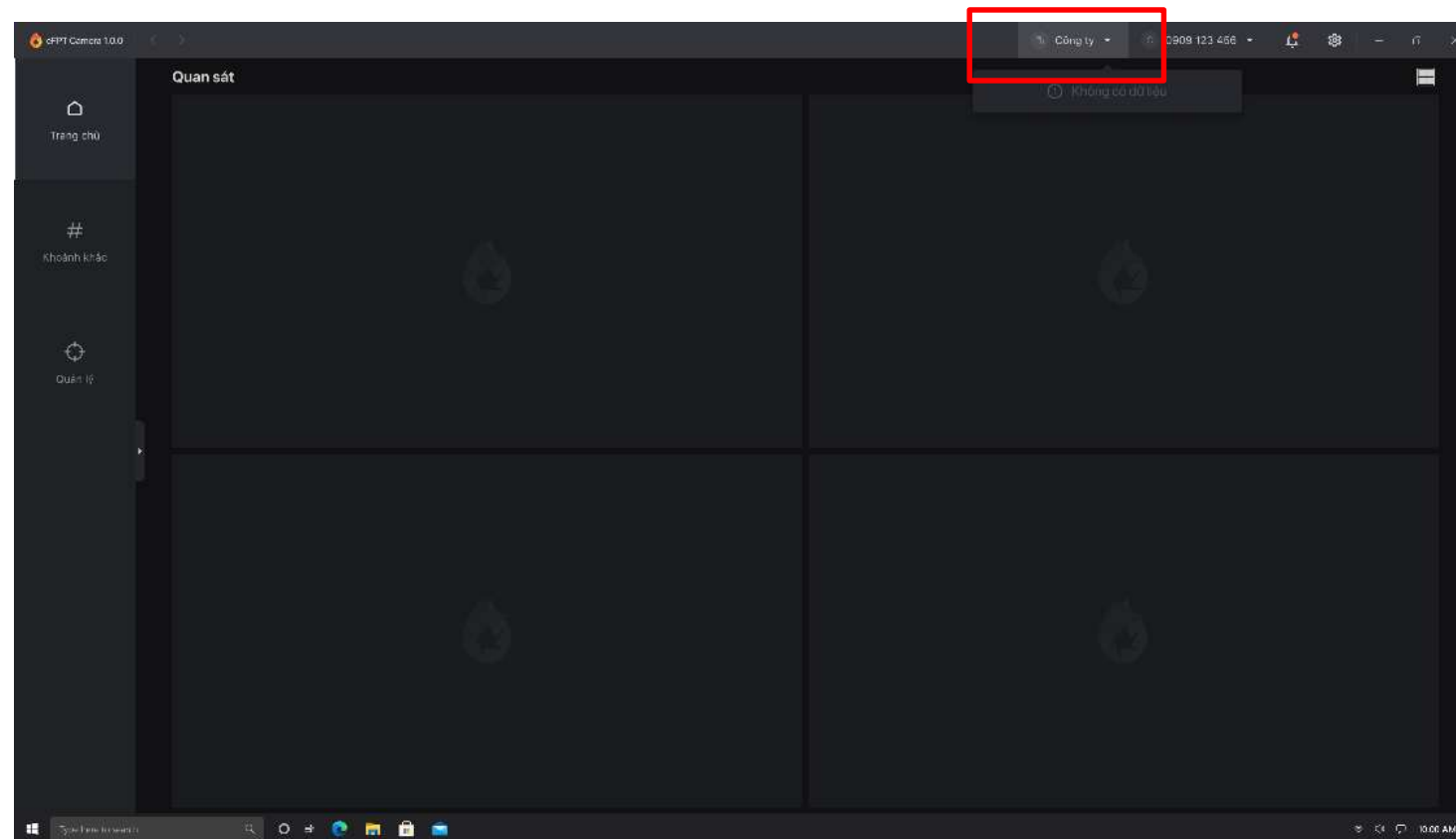


*Chỉ hiển thị các camera của địa điểm đang thao tác.*

## 3. Trang chủ (Home)

*Trường hợp: người dùng chưa có hợp đồng doanh nghiệp*

### 2.1 Click Tab Công ty, thông báo không có dữ liệu

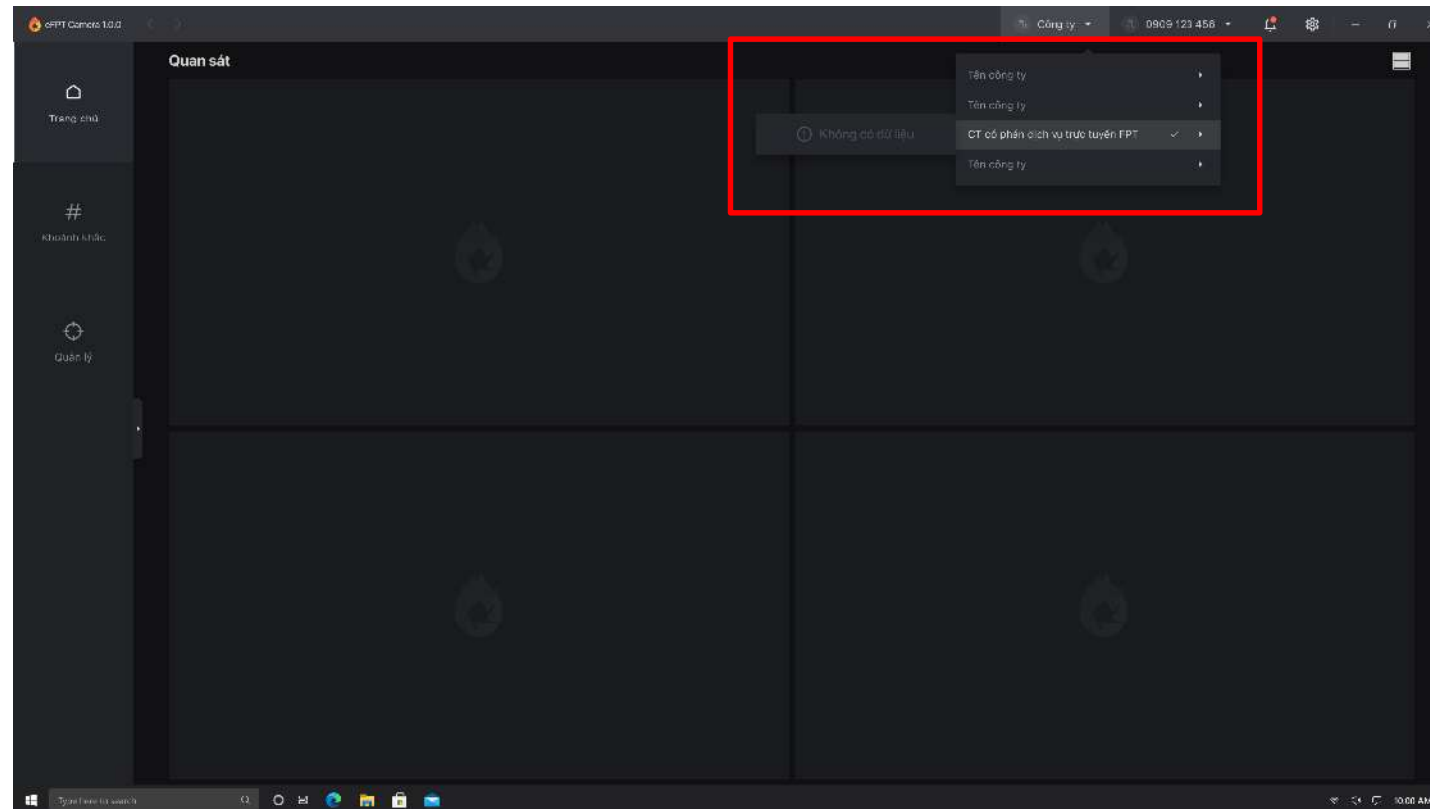


*Chỉ hiển thị các camera của địa điểm đang thao tác.*

## 3. Trang chủ (Home)

*Trường hợp: người dùng chưa có dữ liệu địa điểm*

**2.2** Click chọn tên Công ty,  
thông báo không có dữ liệu

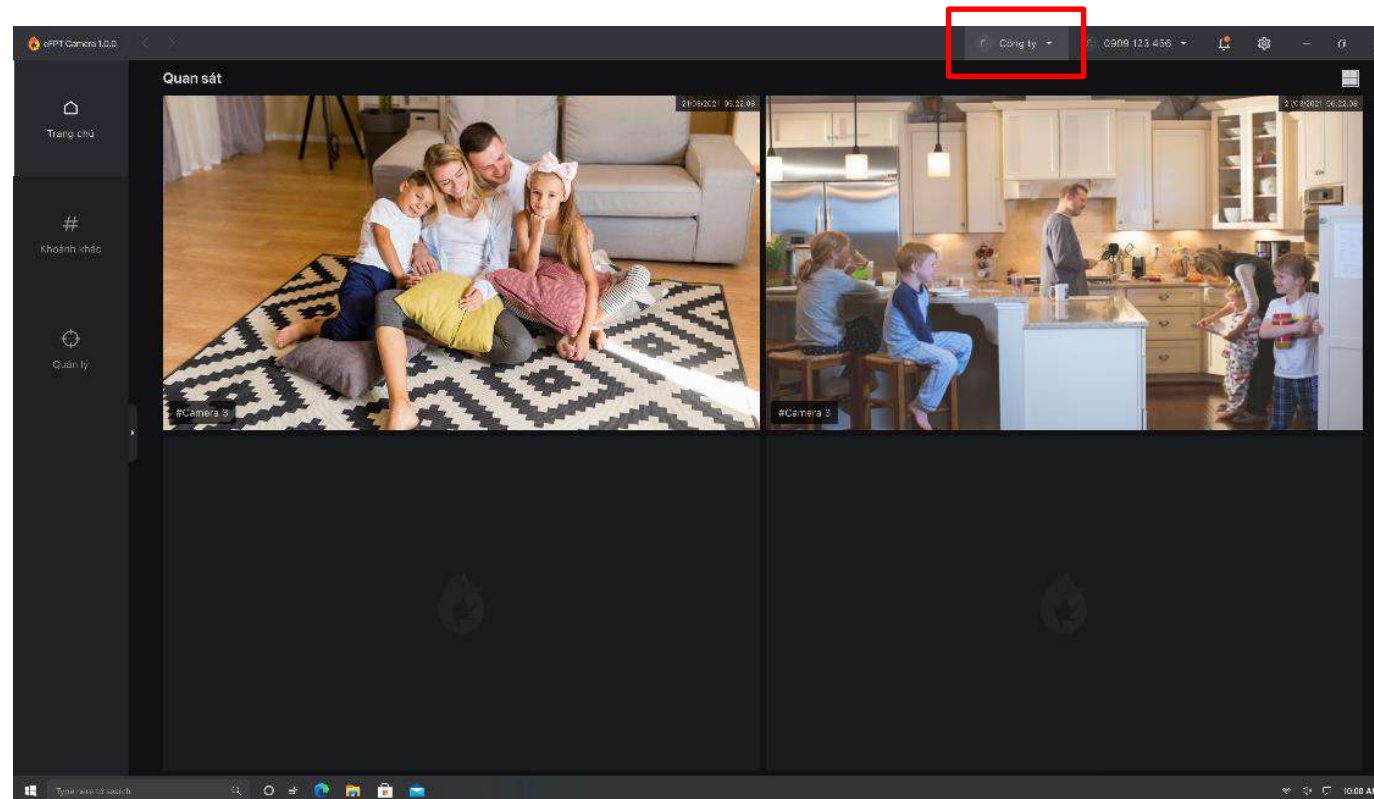


*Chỉ hiển thị các camera của địa điểm đang thao tác.*

## 4. Chuyển đổi chế độ xem

### 4.1. Chuyển đổi chế độ xem giữa các công ty

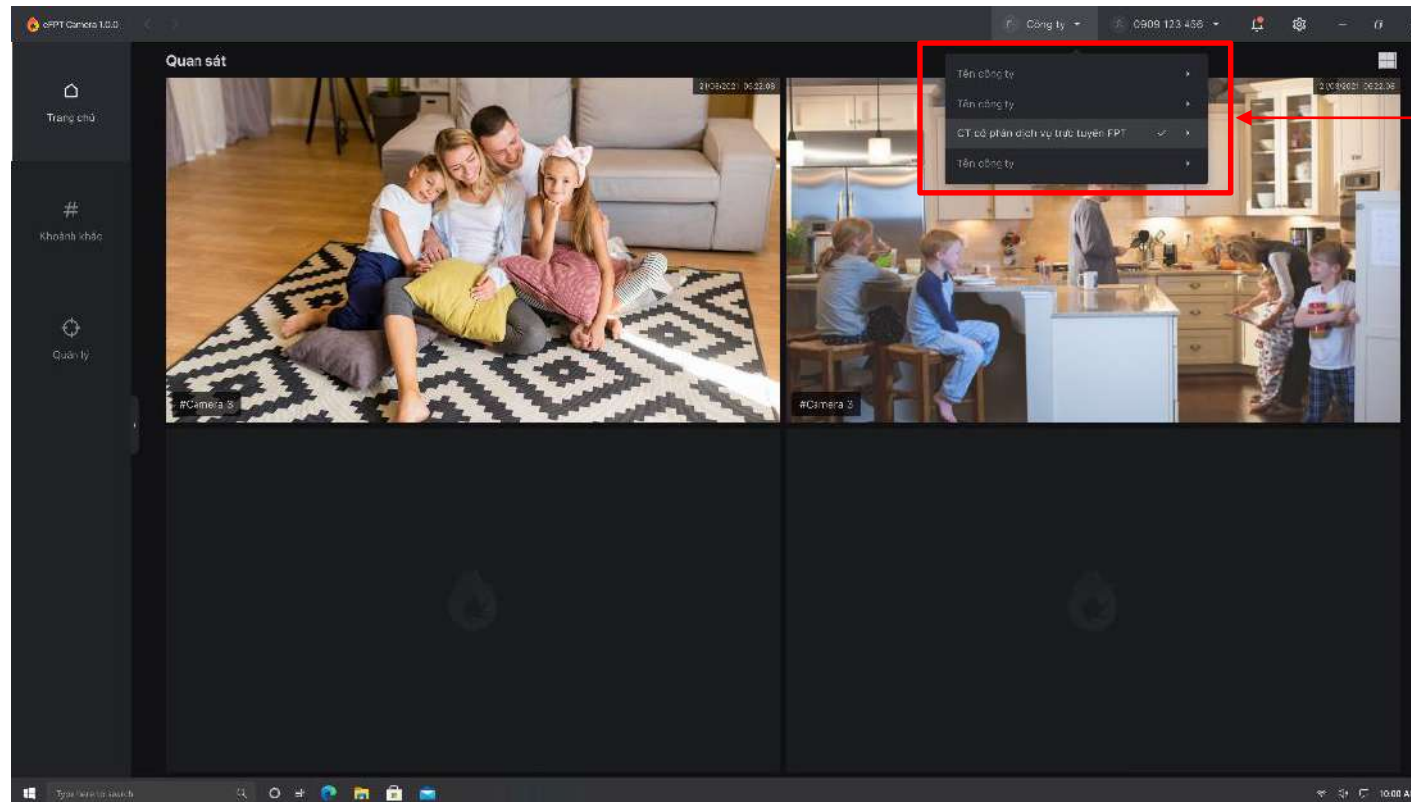
- 1 Click tab Công ty để hiển thị danh sách công ty



## 4. Chuyển đổi chế độ xem

### 4.1. Chuyển đổi chế độ xem giữa các công ty

Danh sách các công ty mà user có quyền truy cập  
 Dấu ✓ thể hiện công ty đang được chọn



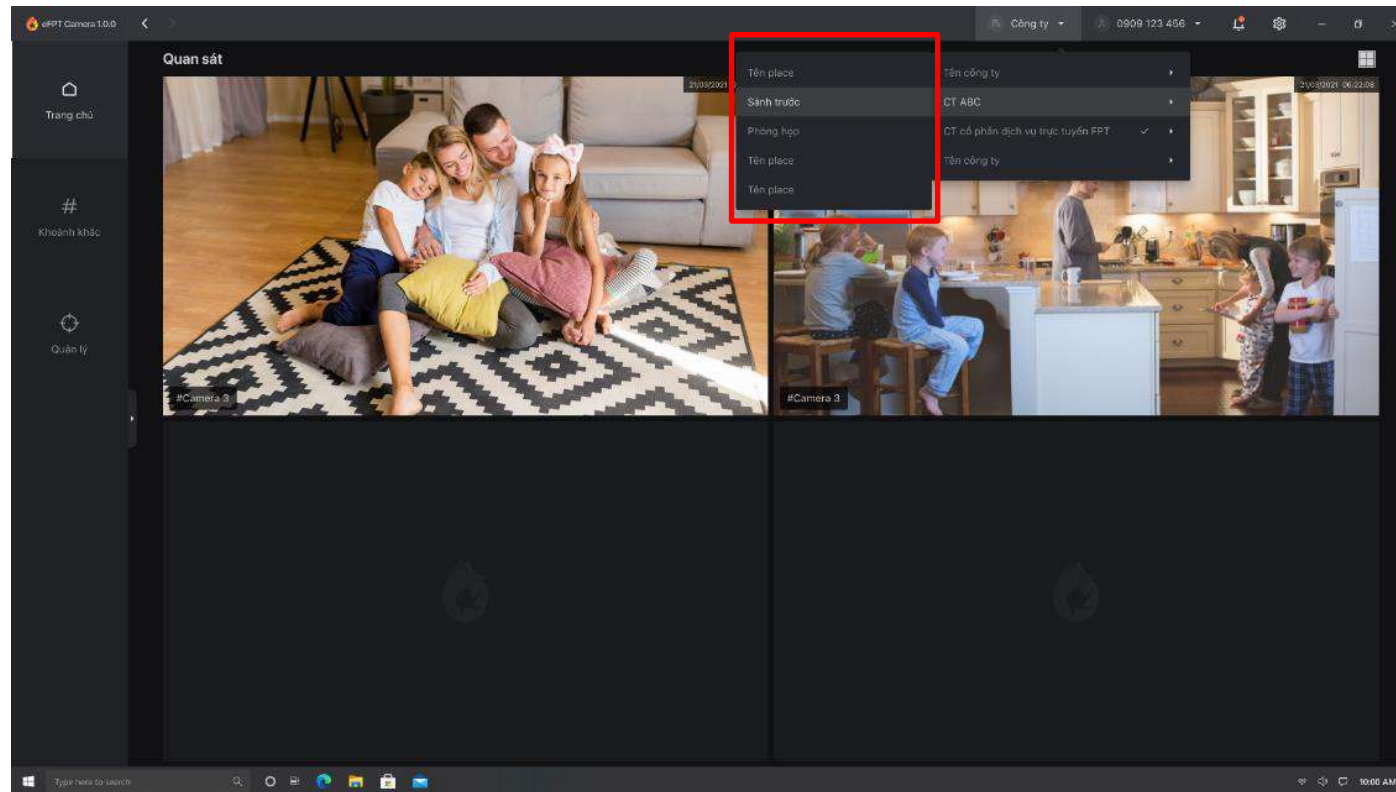
2 Click tên để chọn công ty



## 4. Chuyển đổi chế độ xem

### 4.1. Chuyển đổi chế độ xem giữa các công ty

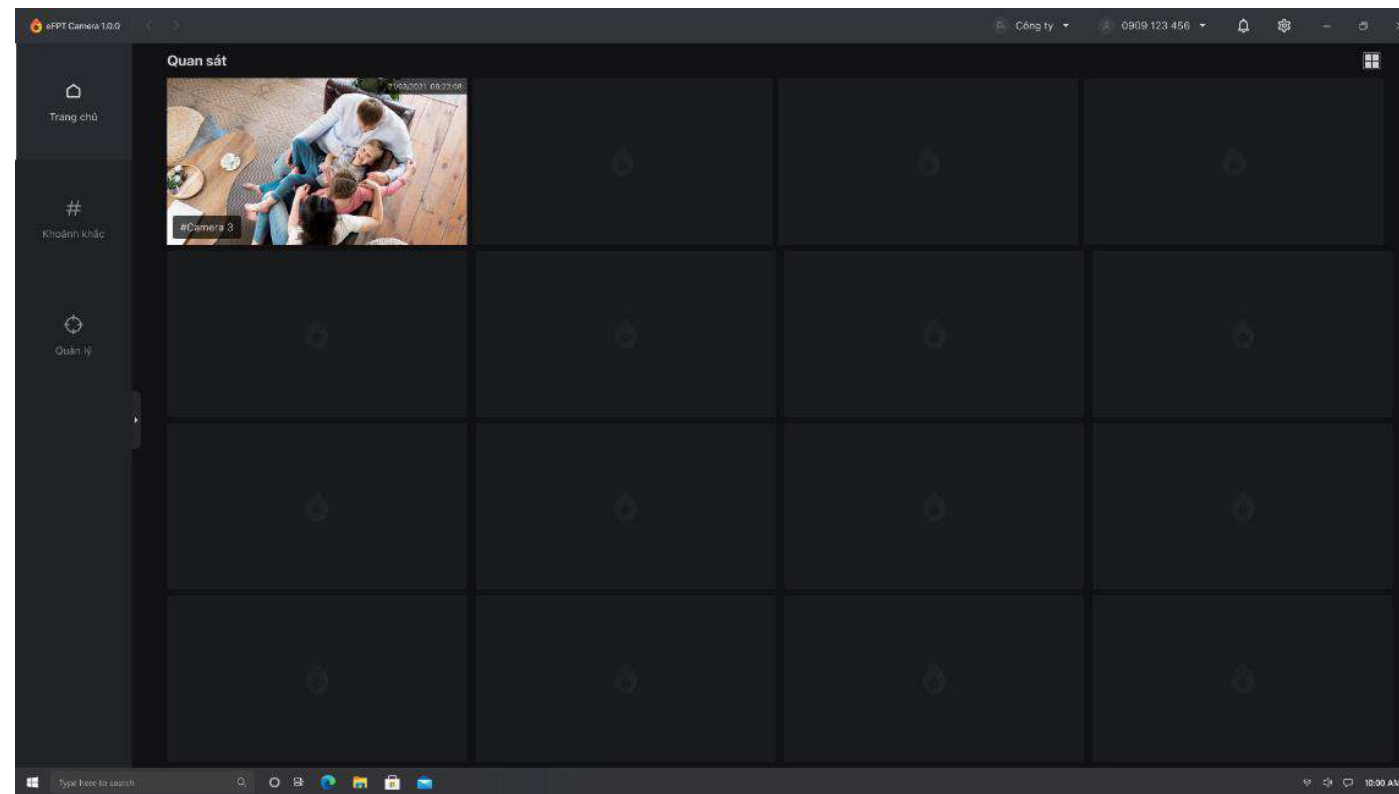
3 Click để chọn địa điểm có trong công ty mới



## 4. Chuyển đổi chế độ xem

### 4.1. Chuyển đổi chế độ xem giữa các công ty

Màn hình chuyển sang chế độ xem của công ty mới

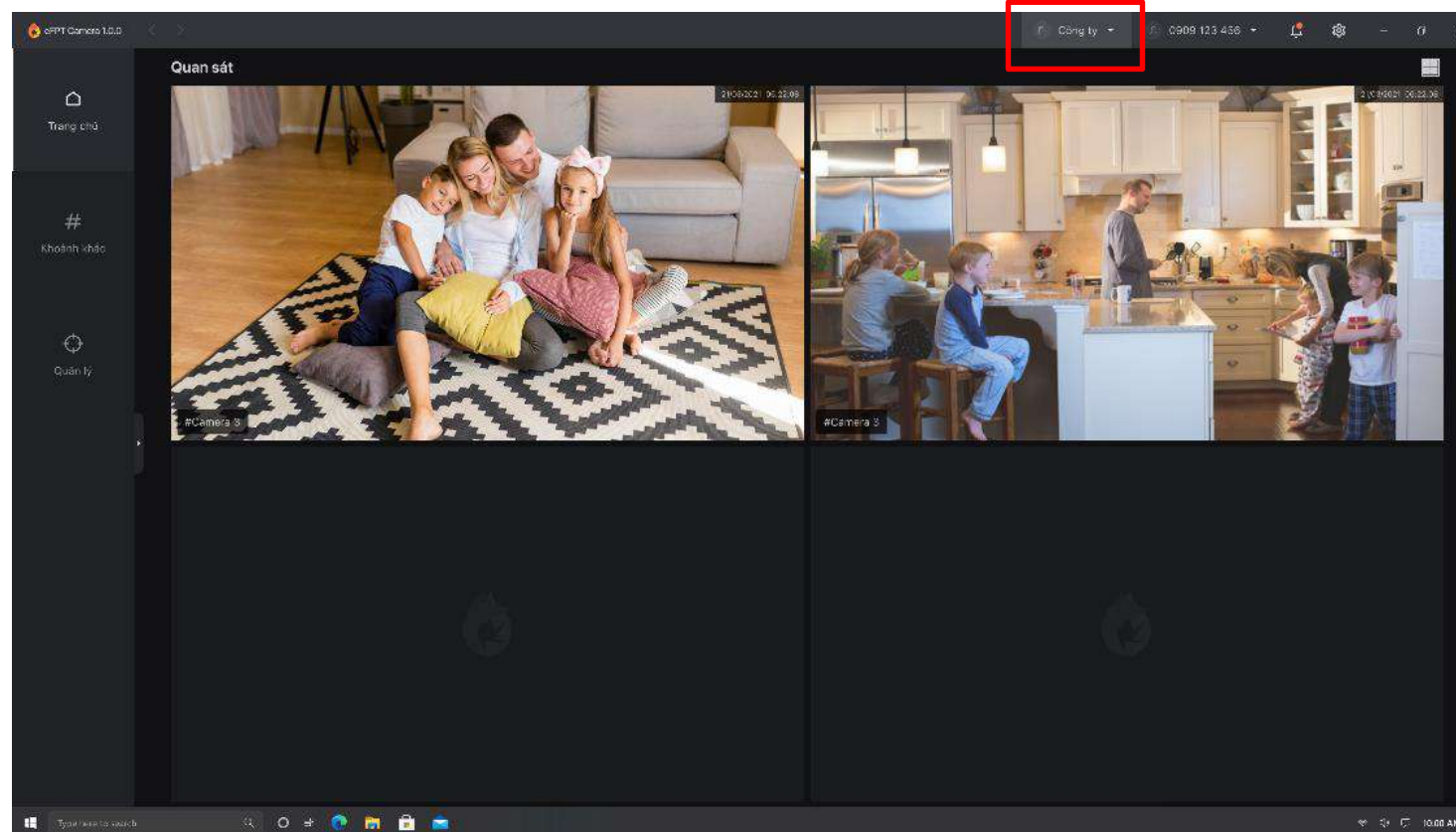


## 4. Chuyển đổi chế độ xem

### 4.2. Chuyển đổi địa điểm trong cùng công ty

1

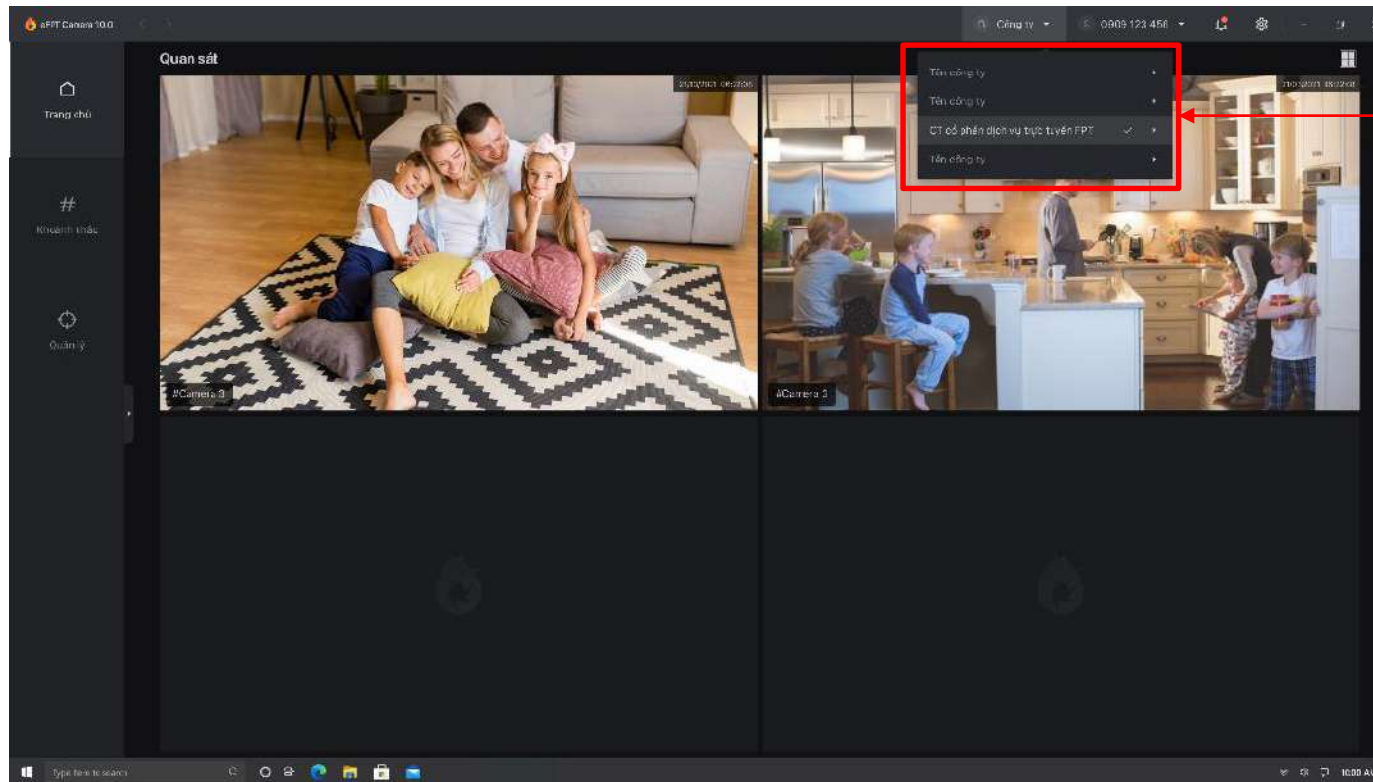
Click tab Công ty để hiển thị danh sách công ty



## 4. Chuyển đổi chế độ xem

### 4.2. Chuyển đổi địa điểm trong cùng công ty

Danh sách các công ty mà user có quyền truy cập  
 Dấu ✓ thể hiện công ty đang được chọn

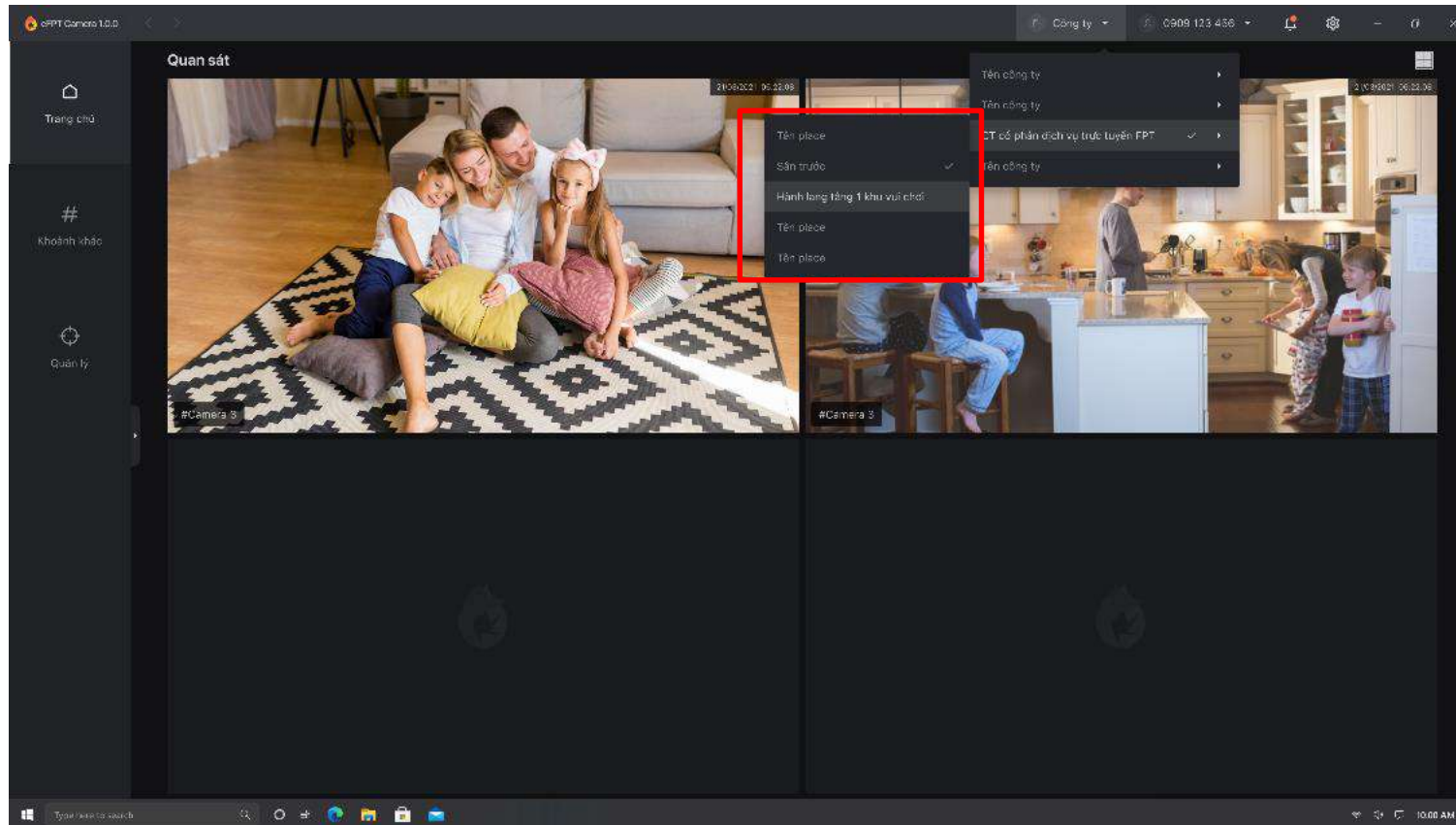


**2** Click tên công ty để hiển thị danh sách các địa điểm có trong công ty đó

## 4. Chuyển đổi chế độ xem

### 4.2. Chuyển đổi địa điểm trong cùng công ty

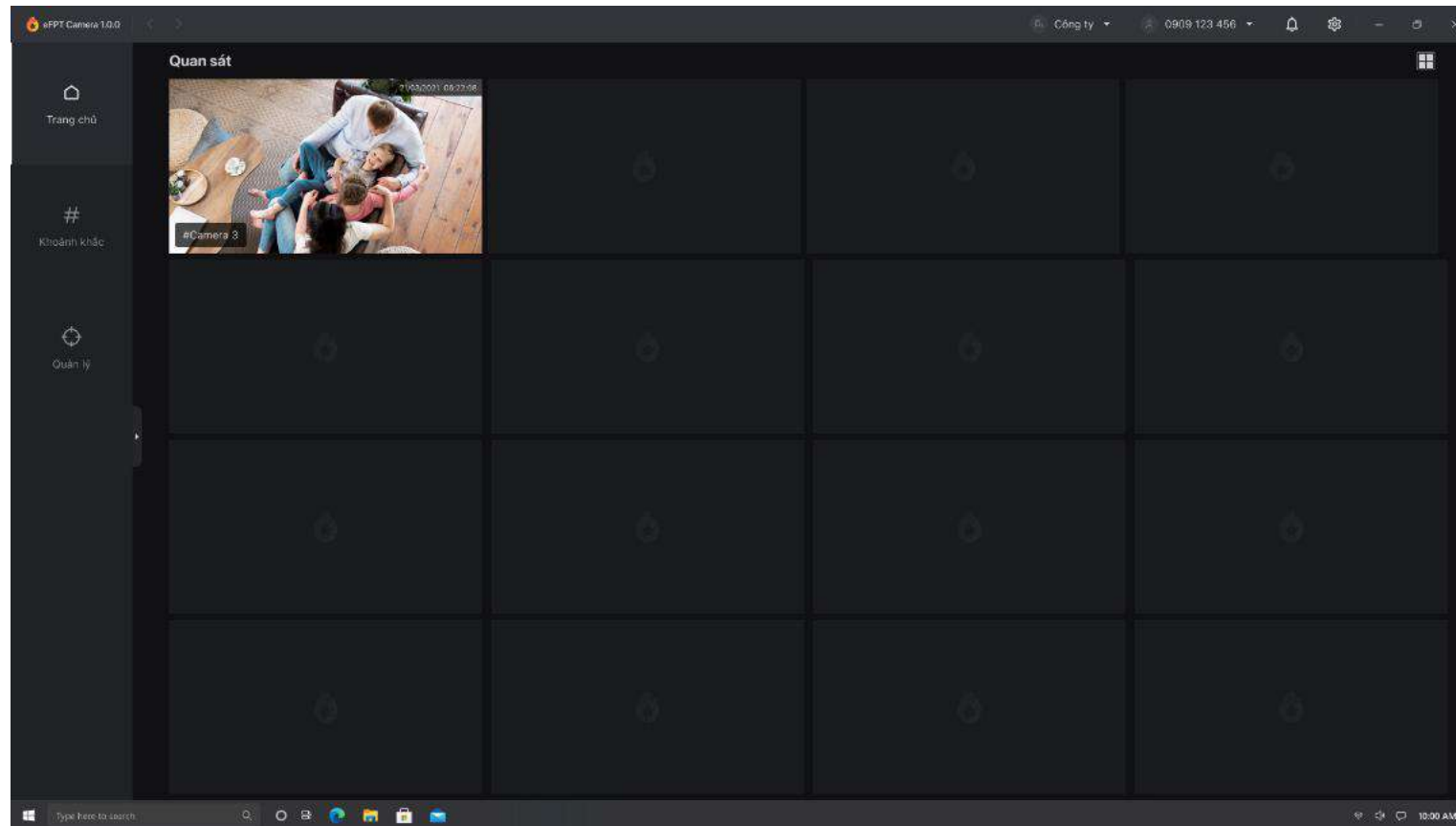
3 Dấu ✓ thể hiện địa điểm đang được chọn  
Click để chọn địa điểm khác có trong công ty



## 4. Chuyển đổi chế độ xem

### 4.2. Chuyển đổi địa điểm trong cùng công ty

Màn hình chuyển sang chế độ xem của địa điểm mới

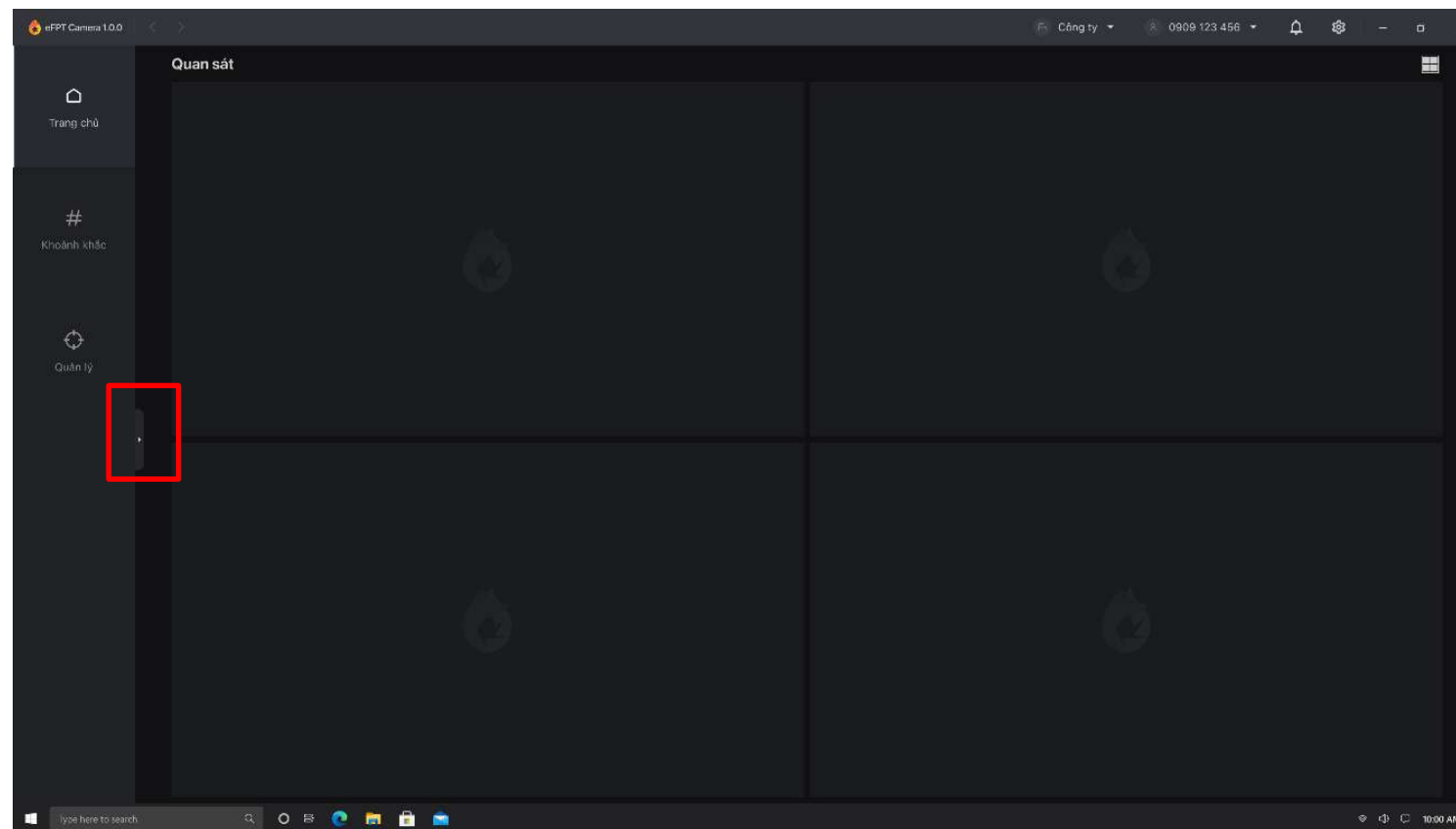


## 5. Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh

### 5.1. Tạo mới chế độ xem tùy chỉnh

Tại trang chủ, click icon mũi tên để hiển thị danh sách chế độ xem tùy chỉnh và danh sách camera

1



Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh cho phép người dùng có thể chọn các camera để xem đồng thời trên cùng một màn hình.

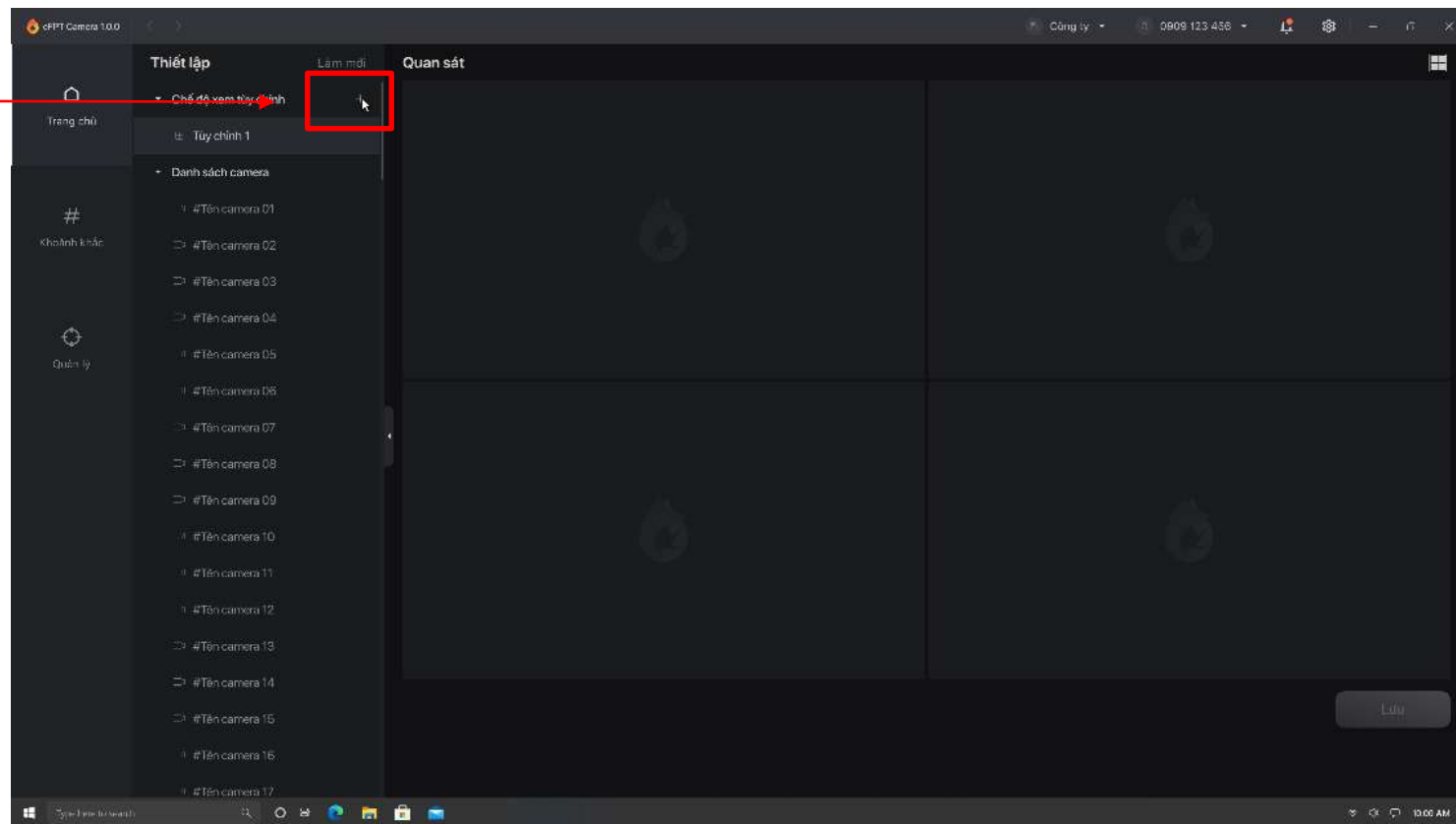
## 5. Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh

### 5.1. Tạo mới chế độ xem tùy chỉnh

Mỗi địa điểm có ít nhất một chế độ xem tùy chỉnh, hệ thống tạo sẵn 1 tùy chỉnh với lưới mặc định là 4

2

Click icon “+” để tạo mới chế độ xem tùy chỉnh



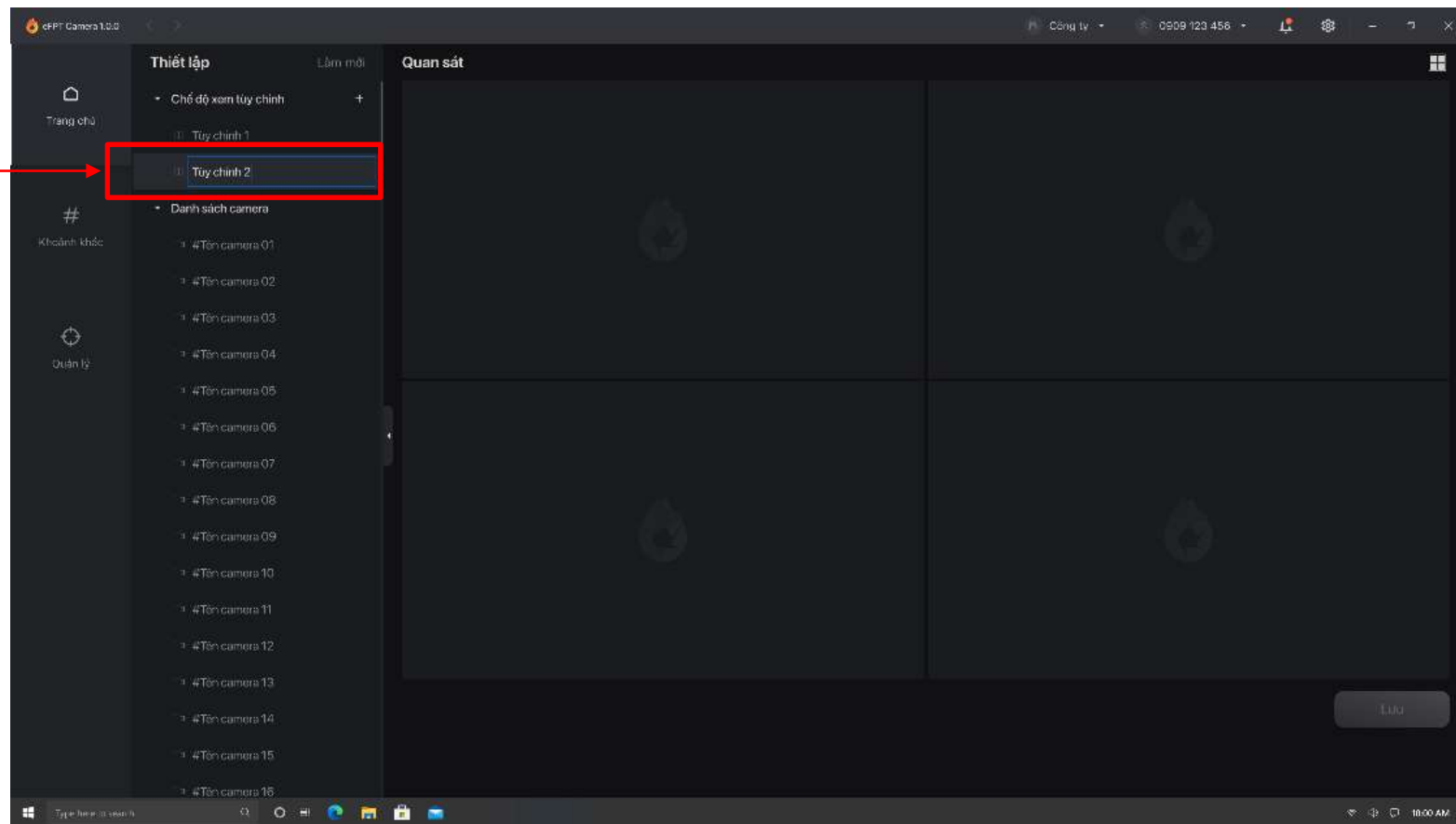
Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh cho phép người dùng có thể chọn các camera để xem đồng thời trên cùng một màn hình.



## 5. Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh

### 5.1. Tạo mới chế độ xem tùy chỉnh

Tạo mới thành công, tên chế độ xem tùy chỉnh sẽ được đặt theo mặc định và tự động focus để có thể thay đổi tên nếu muốn



Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh cho phép người dùng có thể chọn các camera để xem đồng thời trên cùng một màn hình.

## 5. Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh

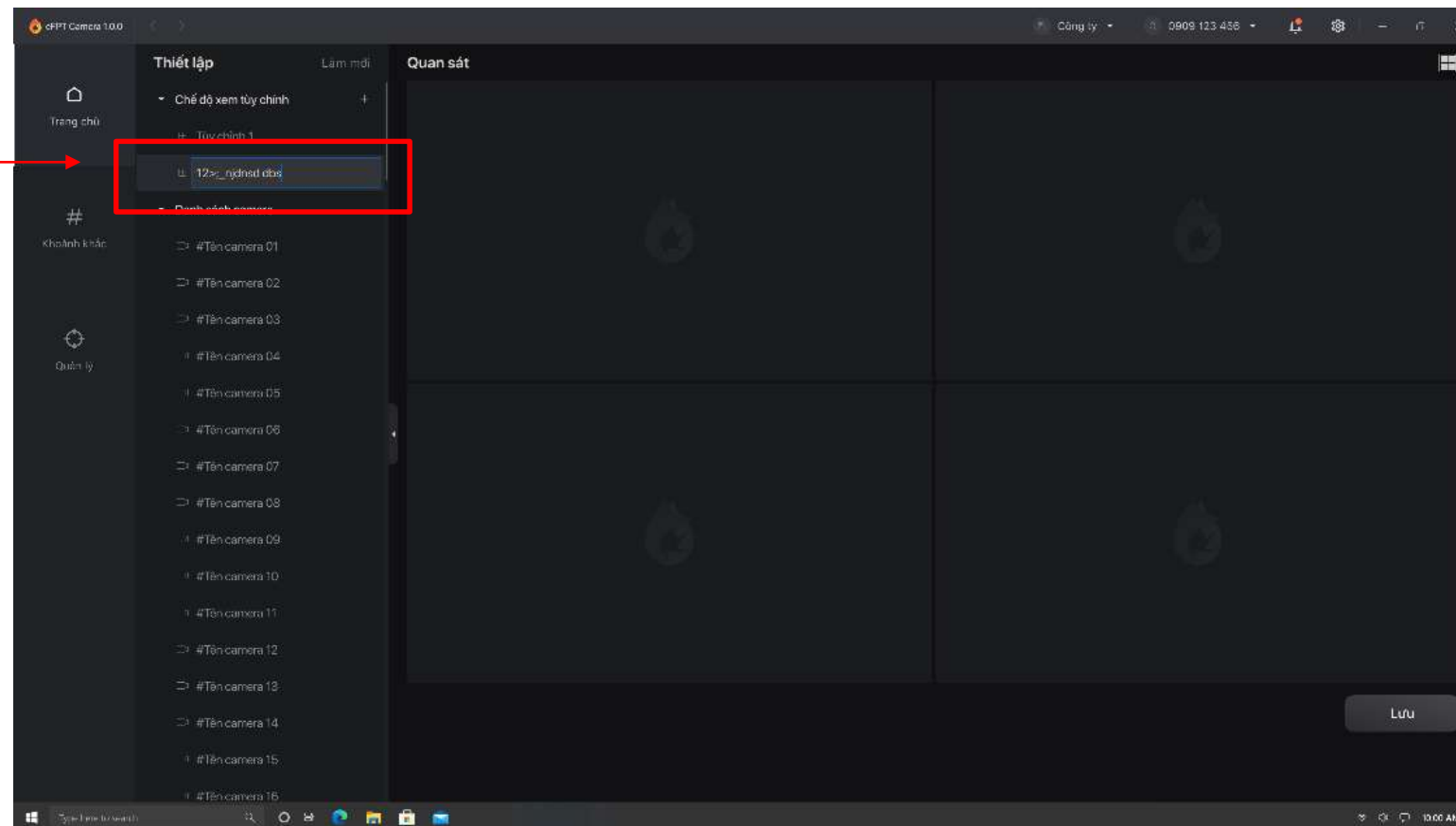
### 5.1. Tạo mới chế độ xem tùy chỉnh

3

Chỉnh sửa tên tùy chỉnh (nếu muốn)

4

Nhấn Enter trên bàn phím  
**Hoặc** click chuột ra khỏi ô nhập để lưu lại tên tùy chỉnh

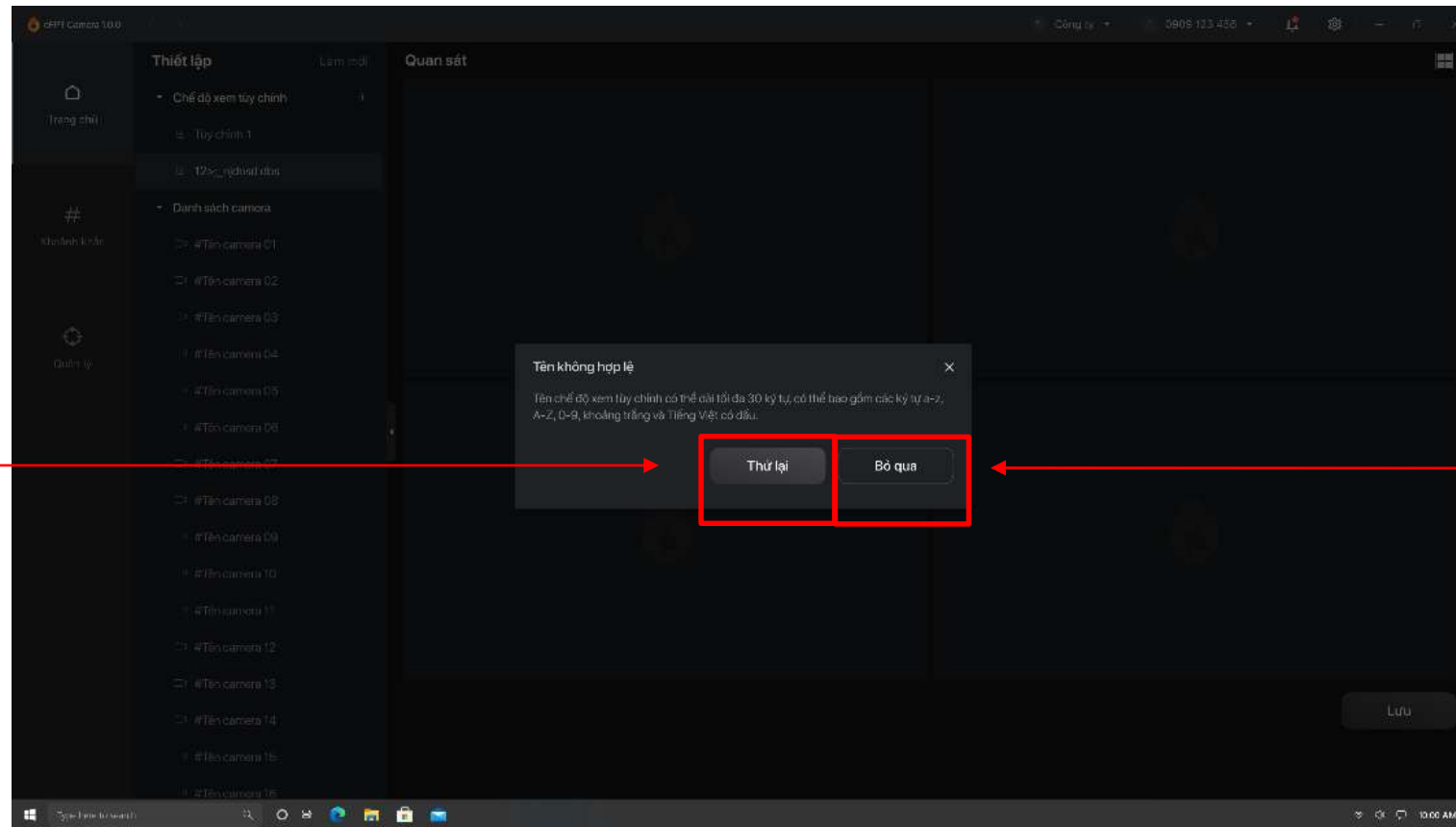


Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh cho phép người dùng có thể chọn các camera để xem đồng thời trên cùng một màn hình.

## 5. Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh

### 5.1. Tạo mới chế độ xem tùy chỉnh

*Trường hợp: tên được đặt không thỏa điều kiện*



**4.1a**

Click "Thử lại" để chỉnh sửa lại tên tùy chỉnh

**4.1b**

Click để bỏ qua thông báo, tên chế độ tùy chỉnh trở về trạng thái trước đó – tên mặc định

Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh cho phép người dùng có thể chọn các camera để xem đồng thời trên cùng một màn hình.

## 5. Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh

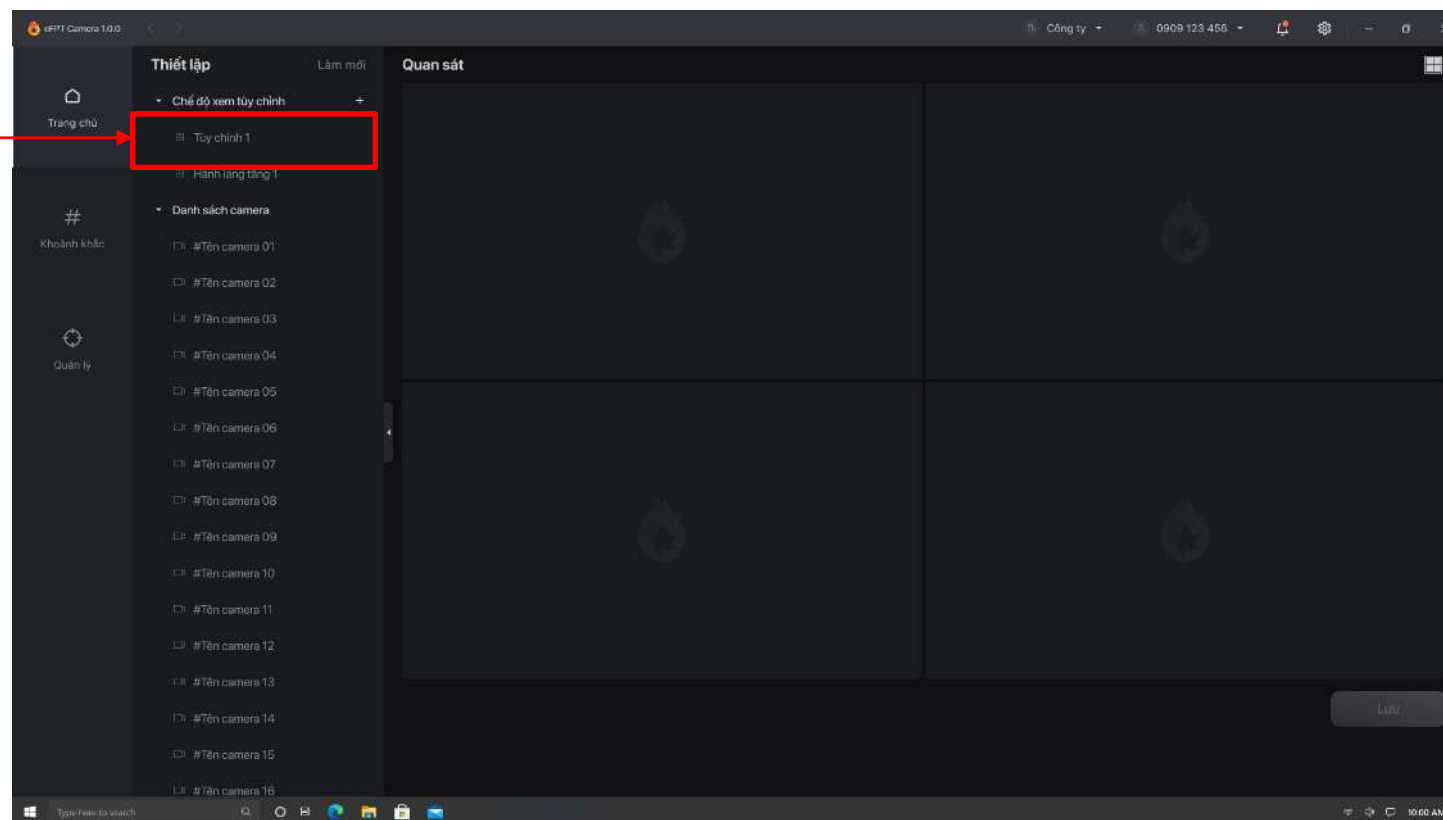
### 5.1. Tạo mới chế độ xem tùy chỉnh

*Trường hợp: tên được đặt thỏa điều kiện*

Giao diện tạo mới chế độ xem tùy chỉnh thành công

#### 4.2

Double click vào tên chế độ xem tùy chỉnh để sửa tên (nếu muốn)



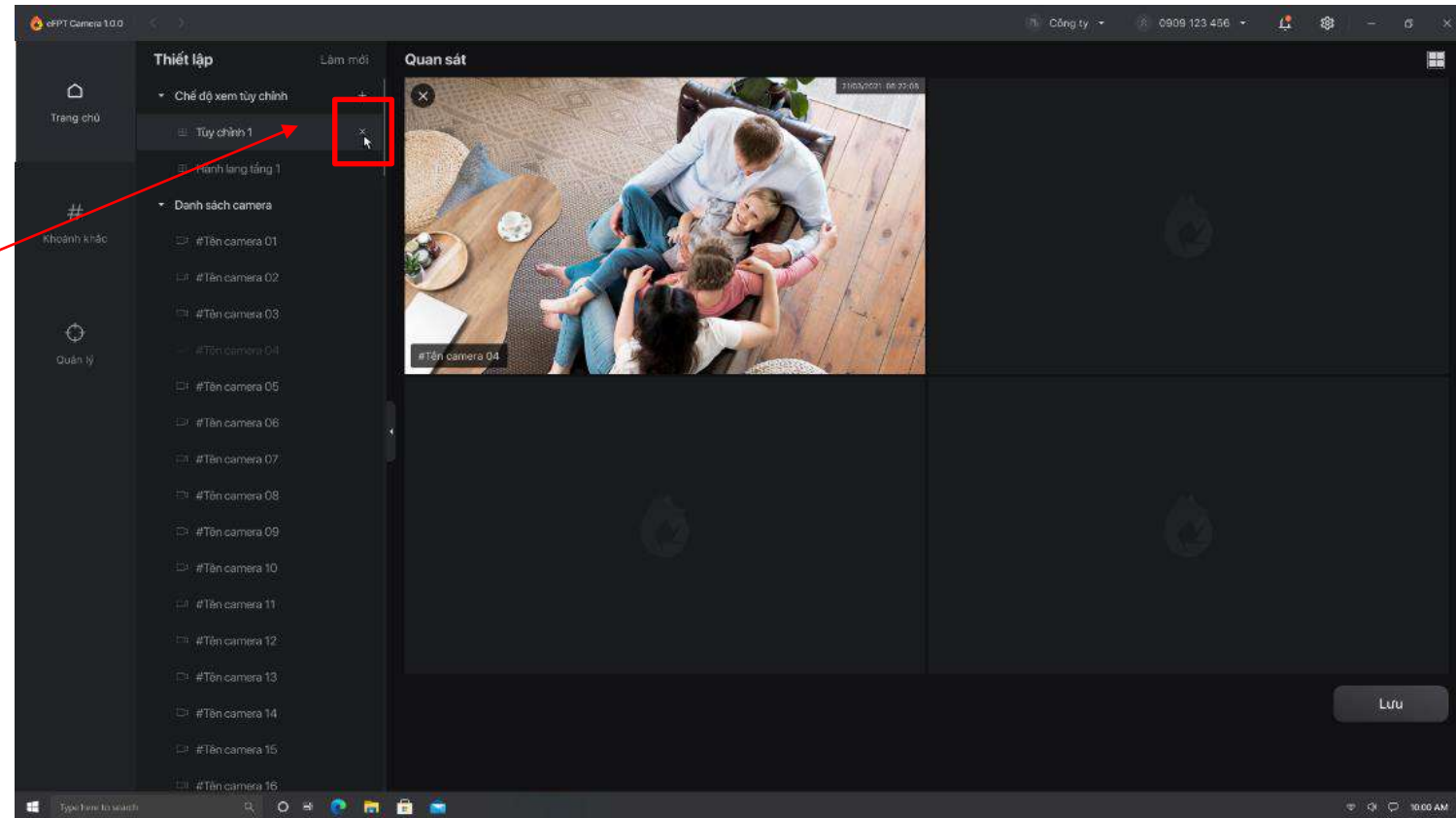
Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh cho phép người dùng có thể chọn các camera để xem đồng thời trên cùng một màn hình.

## 5. Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh

### 5.2. Xóa chế độ xem tùy chỉnh

#### 5.2.1. Danh sách có nhiều hơn một chế độ xem tùy chỉnh

- 1 Di chuyển trỏ chuột tới tên chế độ xem tùy chỉnh muốn xóa để hiển thị icon “x”
- 2 Click icon “x” để xóa

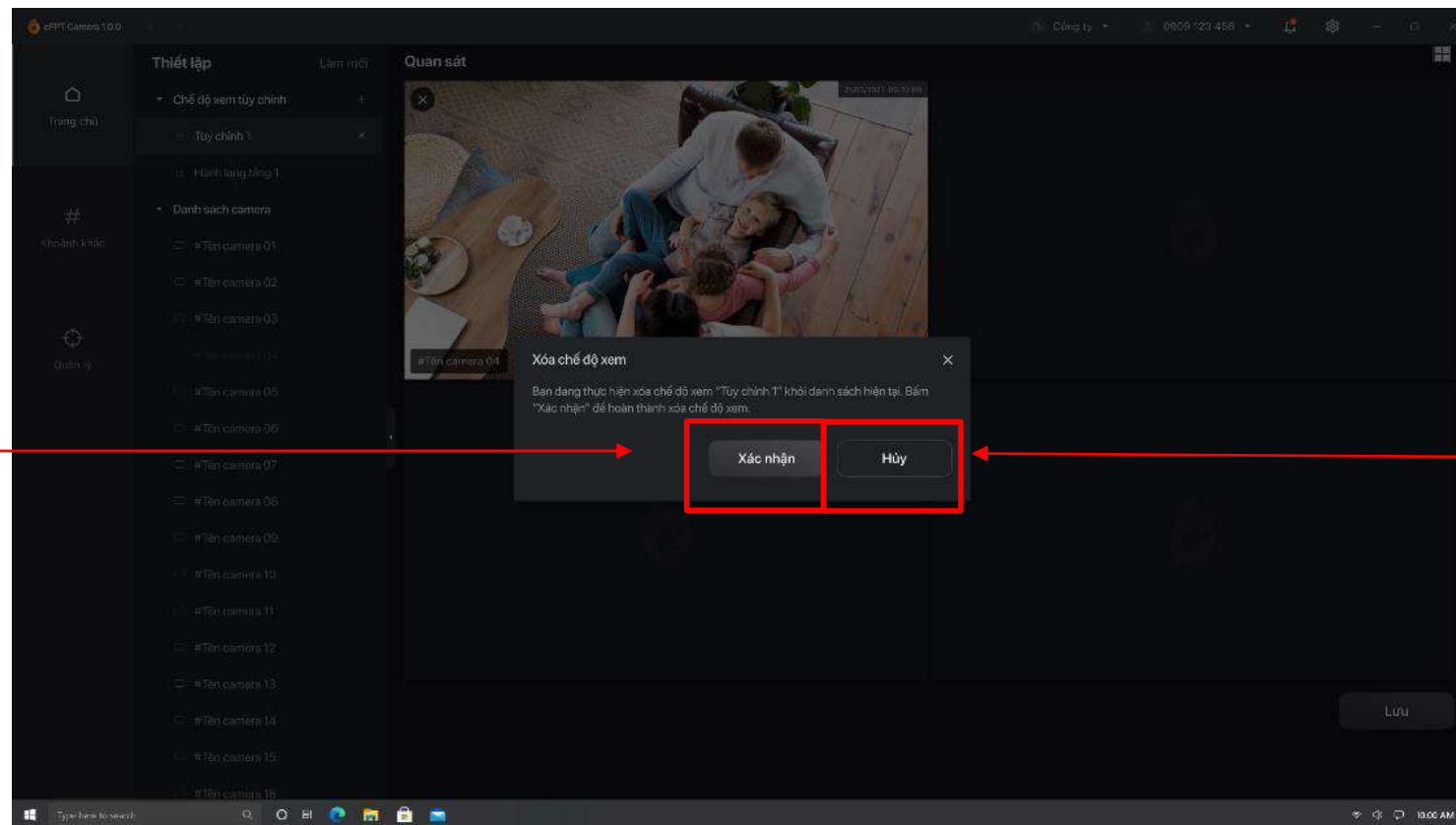


## 5. Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh

### 5.2. Xóa chế độ xem tùy chỉnh

#### 5.2.1. Danh sách có nhiều hơn một chế độ xem tùy chỉnh

Hiện thông báo xóa chế độ xem tùy chỉnh



**3a**

Click Xác nhận để xóa

**3b**

Click Hủy trên thông báo nếu không muốn xóa

## 5. Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh

### 5.2. Xóa chế độ xem tùy chỉnh

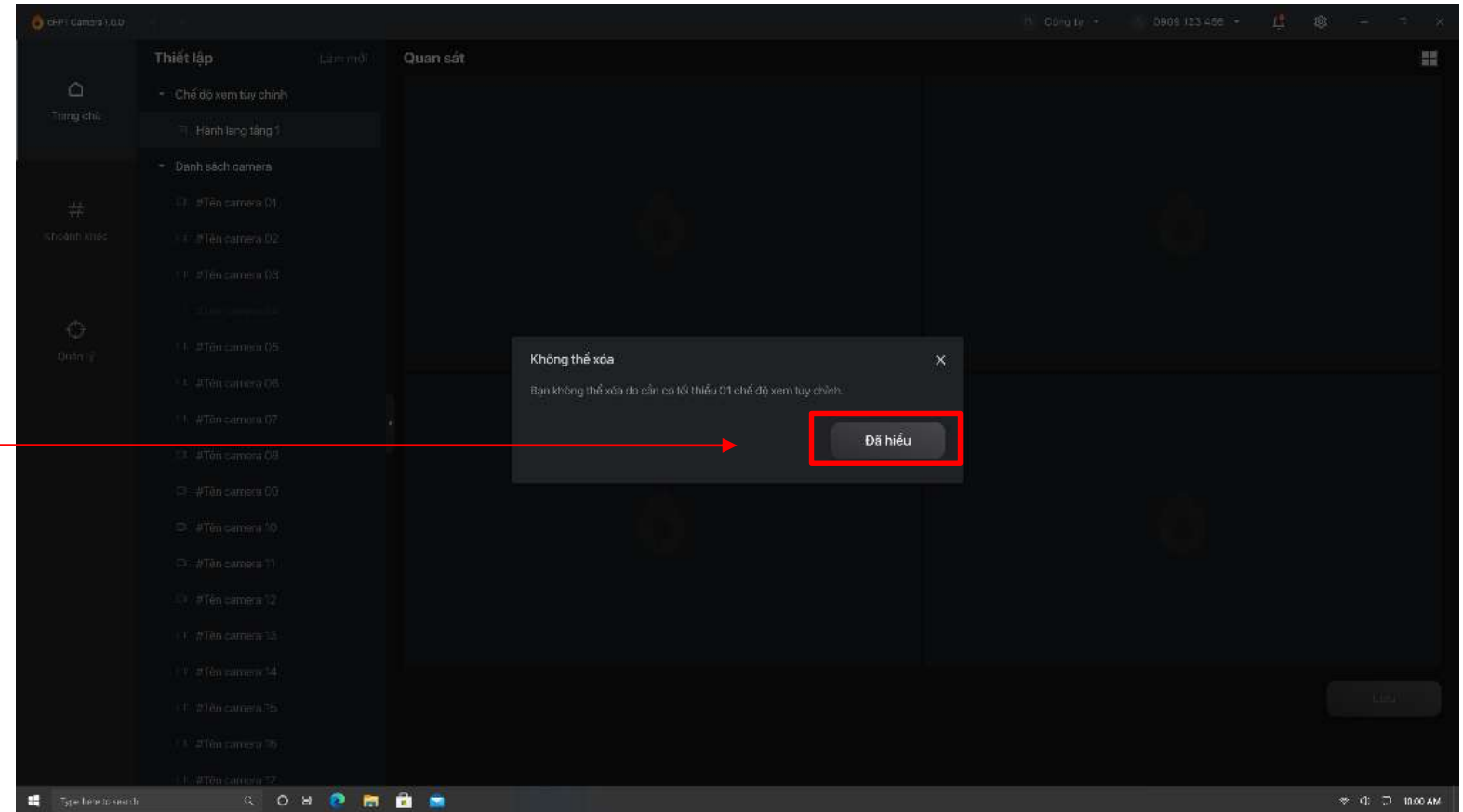
#### 5.2.2. Danh sách chỉ có một chế độ xem tùy chỉnh

Các bước xóa chế độ xem tùy chỉnh  
*Xem Mục 5.2, Tiểu mục a, bước 1, 2*

Sau khi click xóa, nếu danh sách chỉ còn 1 chế độ xem tùy chỉnh ->  
 Hiện thông báo không thể xóa

### 3.1

Click Đã hiểu để  
 tắt thông báo

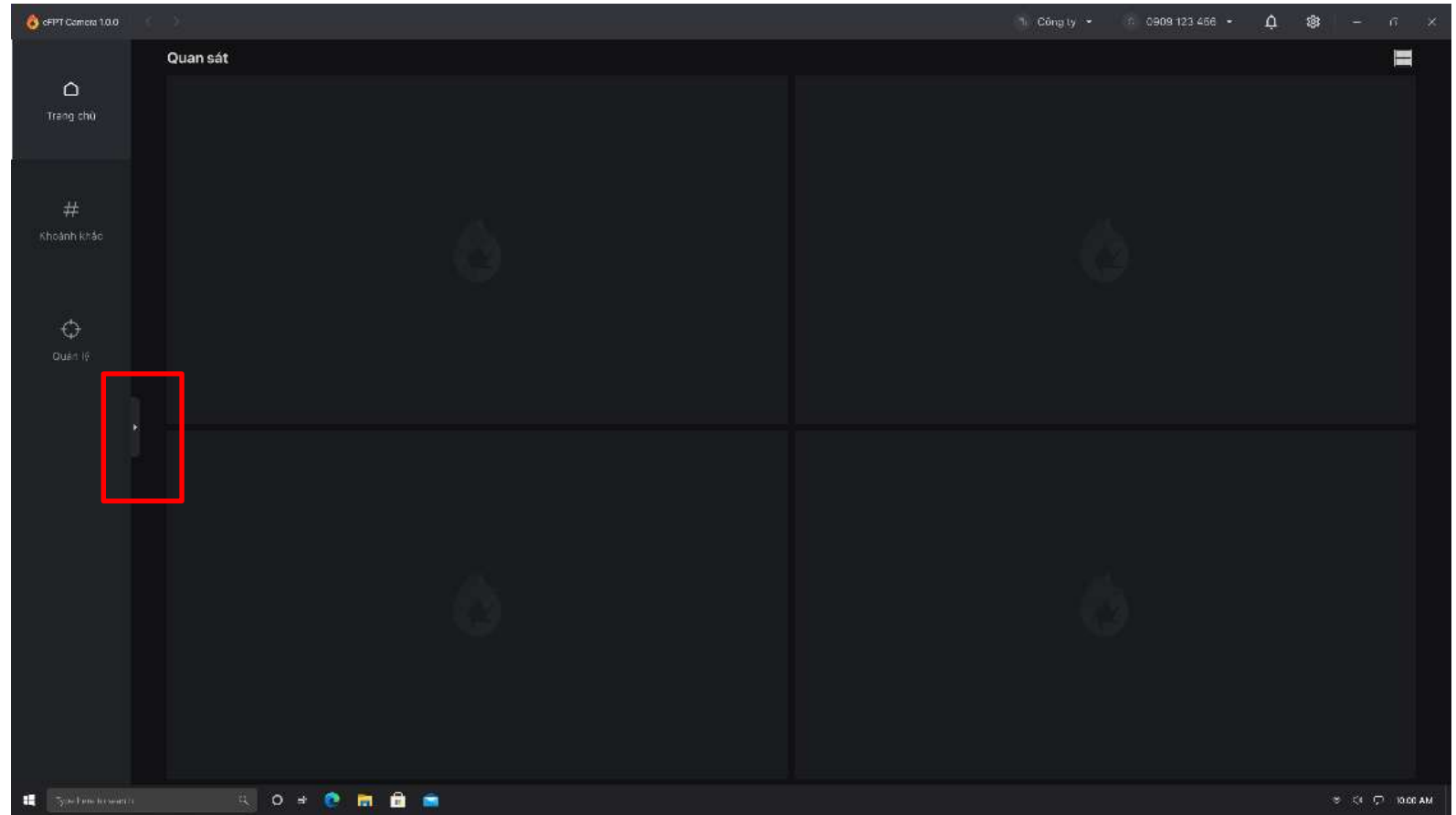


## 5. Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh

### 5.3. Thêm camera vào chế độ xem tùy chỉnh

1

Click icon mũi tên để mở sidebar chứa danh sách xem tùy chỉnh và danh sách camera



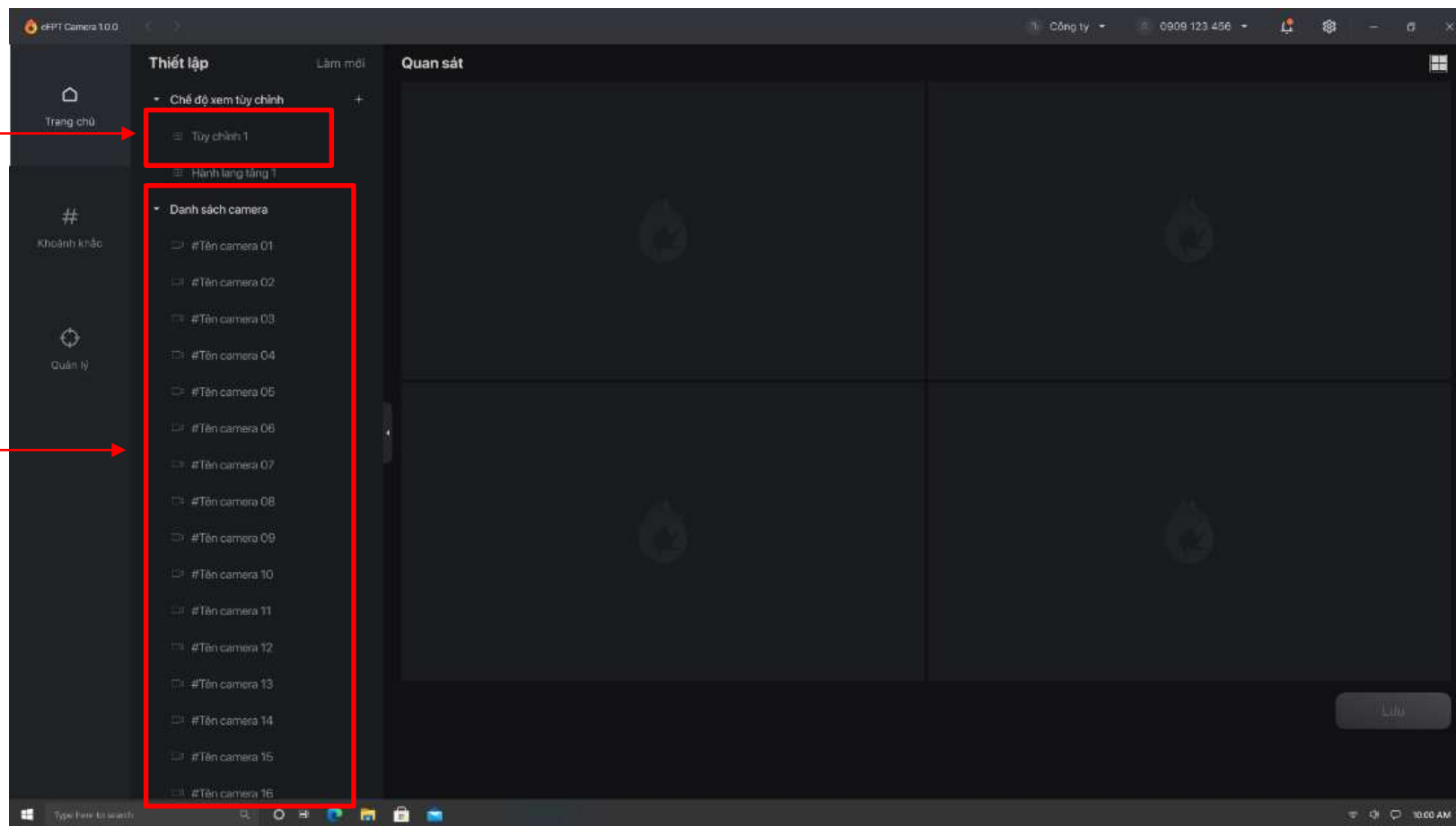


## 5. Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh

### 5.3. Thêm camera vào chế độ xem tùy chỉnh

2 Click vào tên chế độ xem tùy chỉnh muốn thêm camera

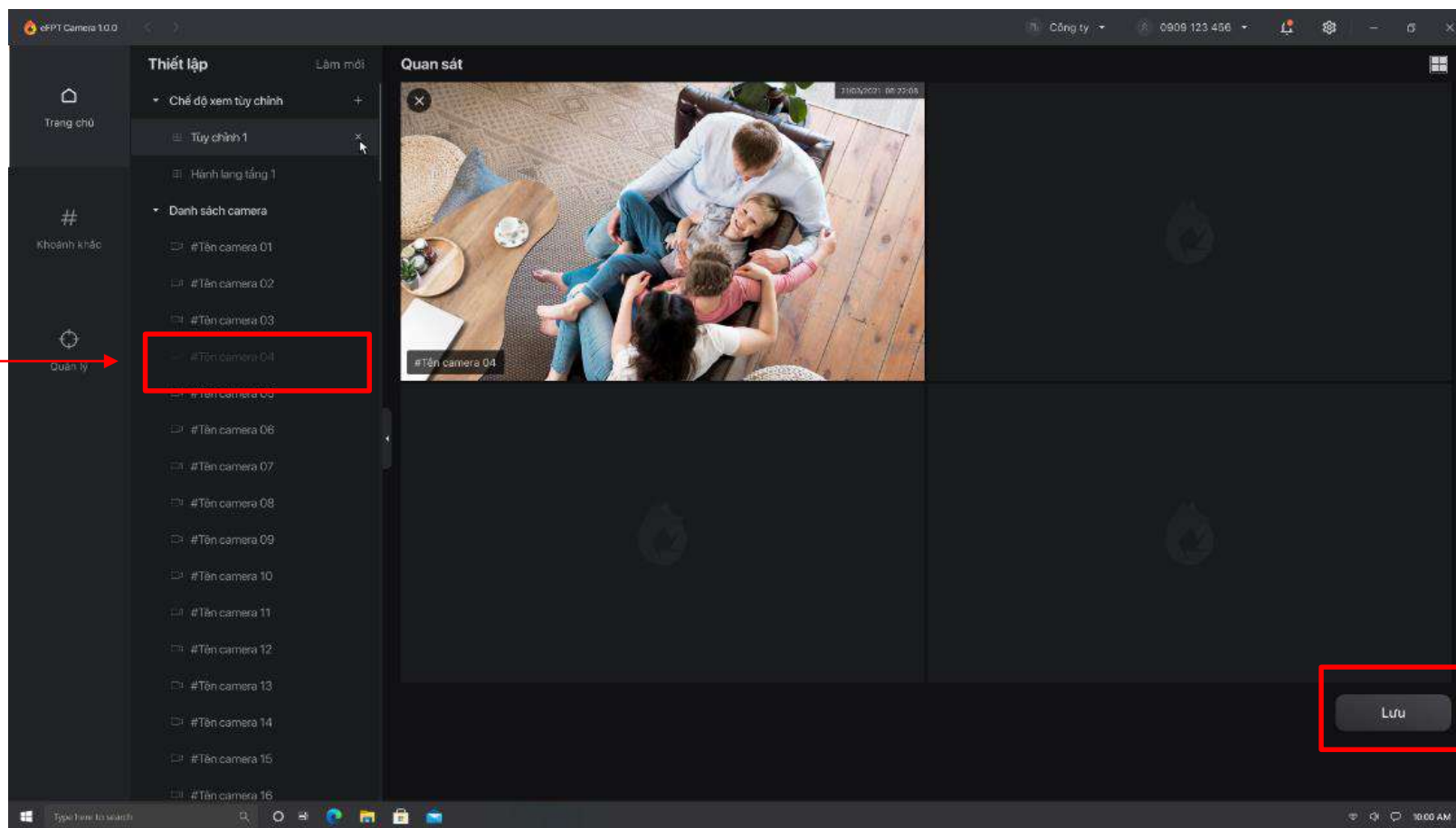
3 Double click vào tên camera trên danh sách để thêm vào lưới



## 5. Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh

### 5.3. Thêm camera vào chế độ xem tùy chỉnh

Camera đã có trong lưới sẽ không thể thêm vào chế độ xem tùy chỉnh đó



4

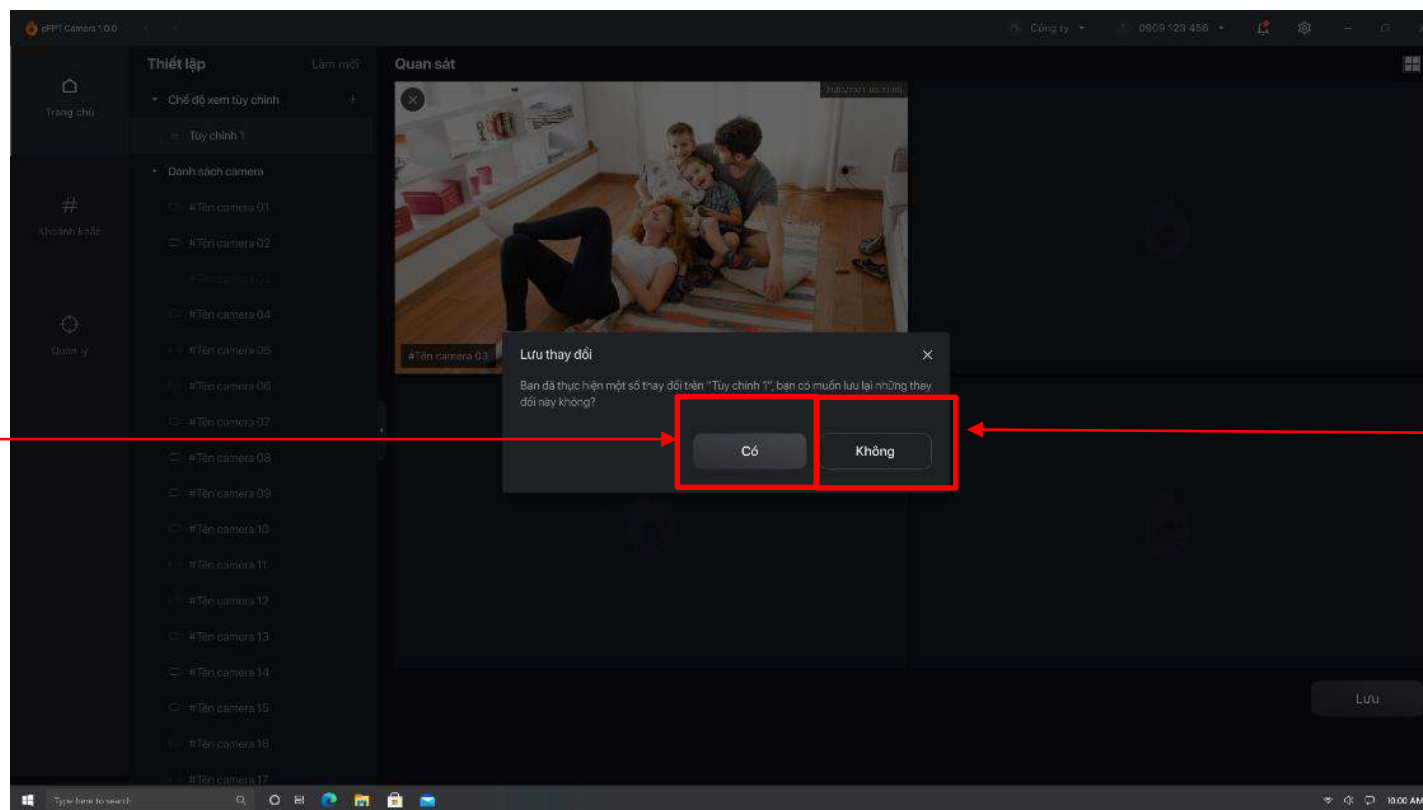
Click để lưu chế độ xem tùy chỉnh

## 5. Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh

### 5.3. Thêm camera vào chế độ xem tùy chỉnh

*Trường hợp: chưa lưu thay đổi sau khi chỉnh sửa mà chuyển sang trang khác*

Hiện thông báo lưu thay đổi



**4.1a**

Click để lưu lại thay đổi trên lưới

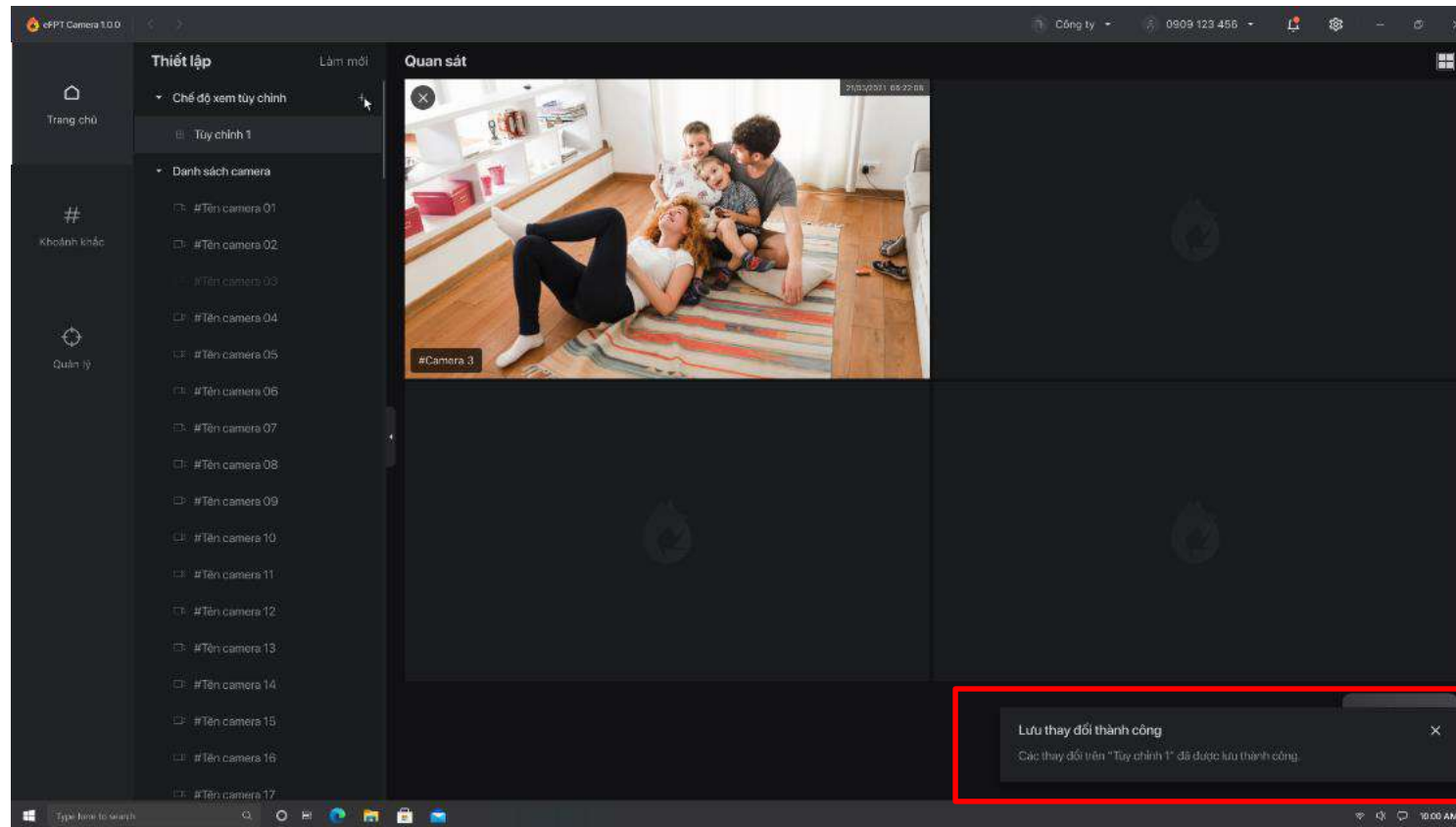
**4.1b**

Click nếu không muốn lưu thay đổi

## 5. Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh

### 5.3. Thêm camera vào chế độ xem tùy chỉnh

*Trường hợp: lưu thay đổi thành công*

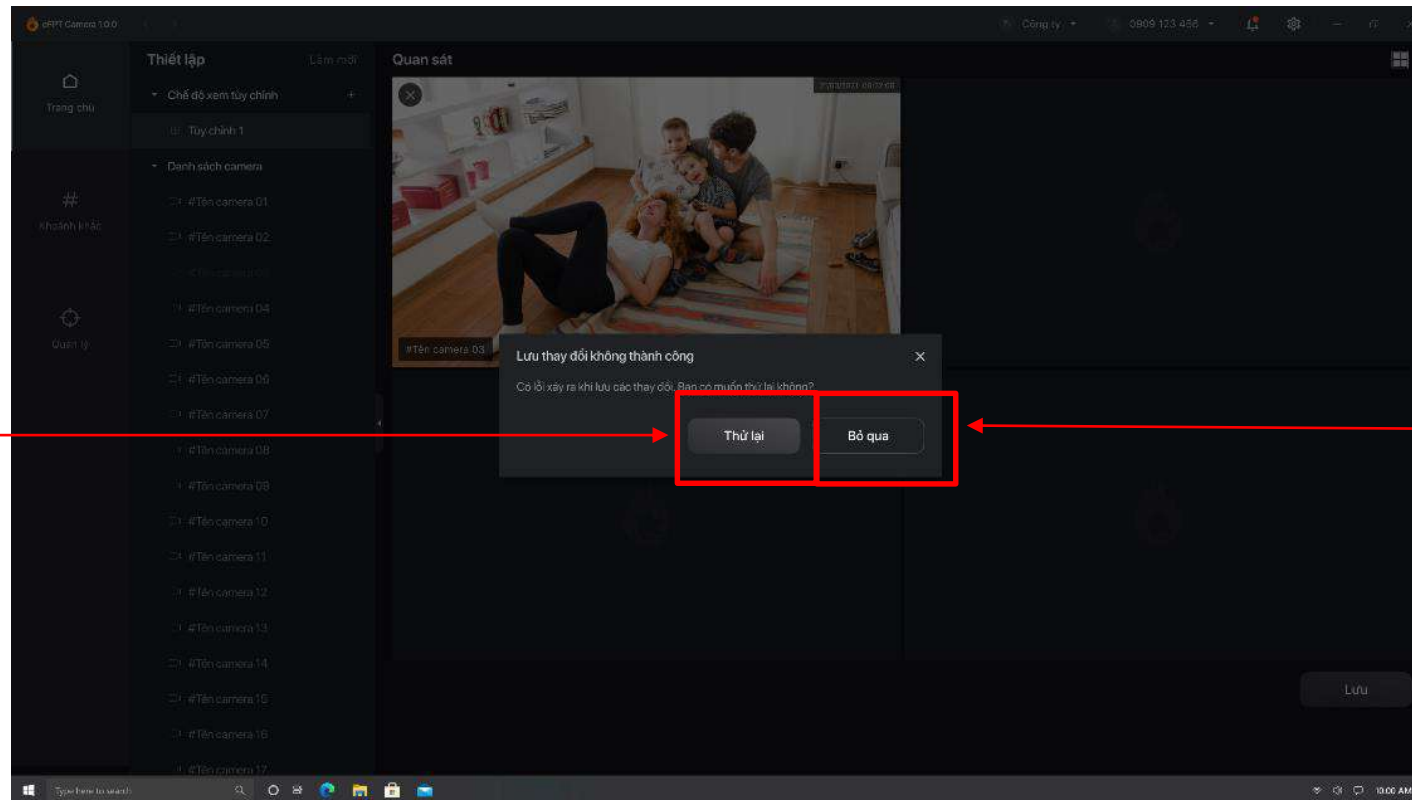


Hiện thị thông báo lưu thành công  
 Để tắt thông báo, click icon "x"  
 hoặc tự tắt sau 5 giây

## 5. Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh

### 5.3. Thêm camera vào chế độ xem tùy chỉnh

*Trường hợp: lưu thay đổi không thành công*



**4.2a**

Click để thực hiện lại thao tác lưu

**4.2b**

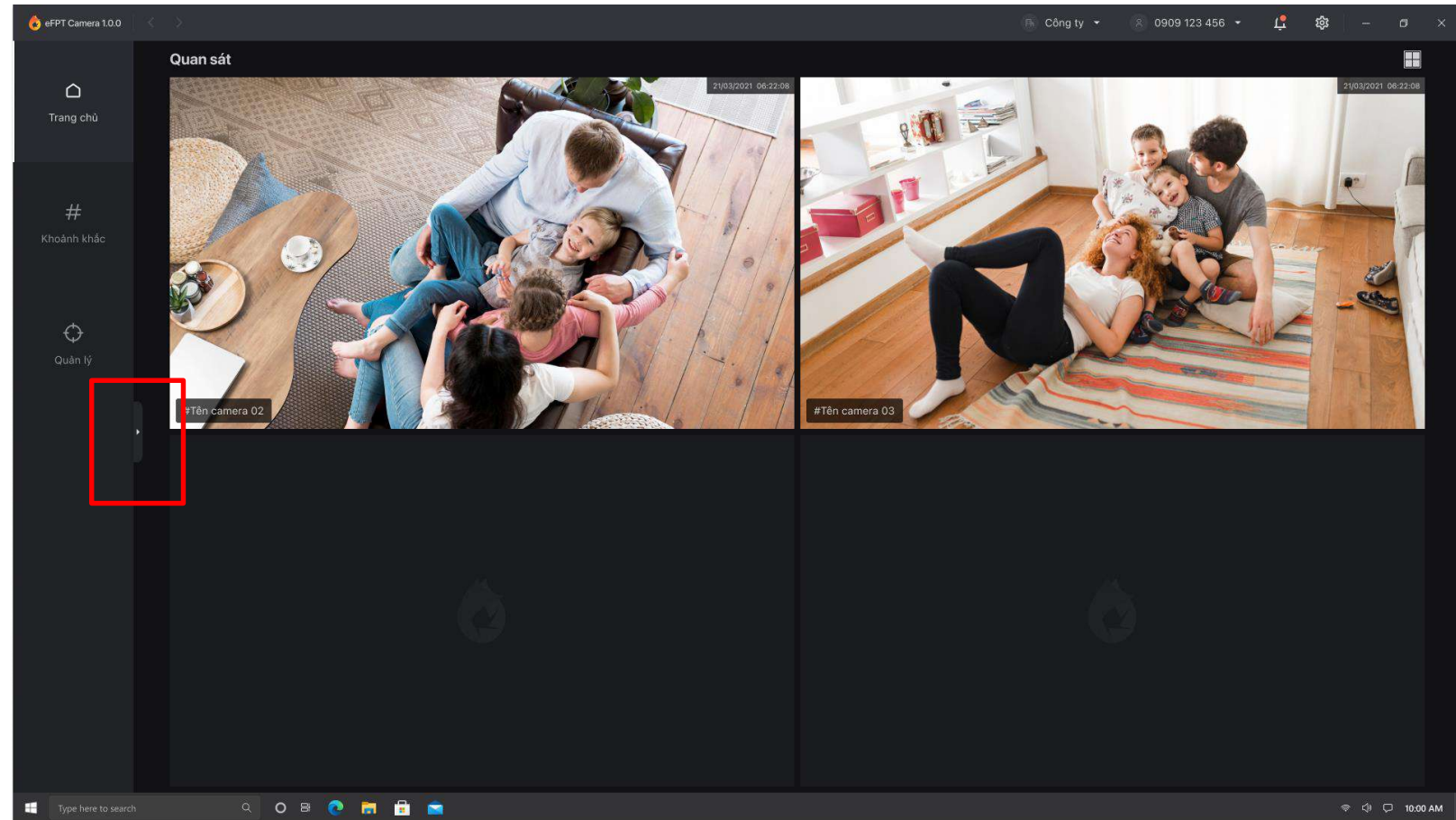
Click nếu không muốn lưu thay đổi

## 5. Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh

### 5.4. Xóa camera khỏi chế độ xem tùy chỉnh

1

Click icon mũi tên để mở sidebar chứa danh sách xem tùy chỉnh và danh sách camera

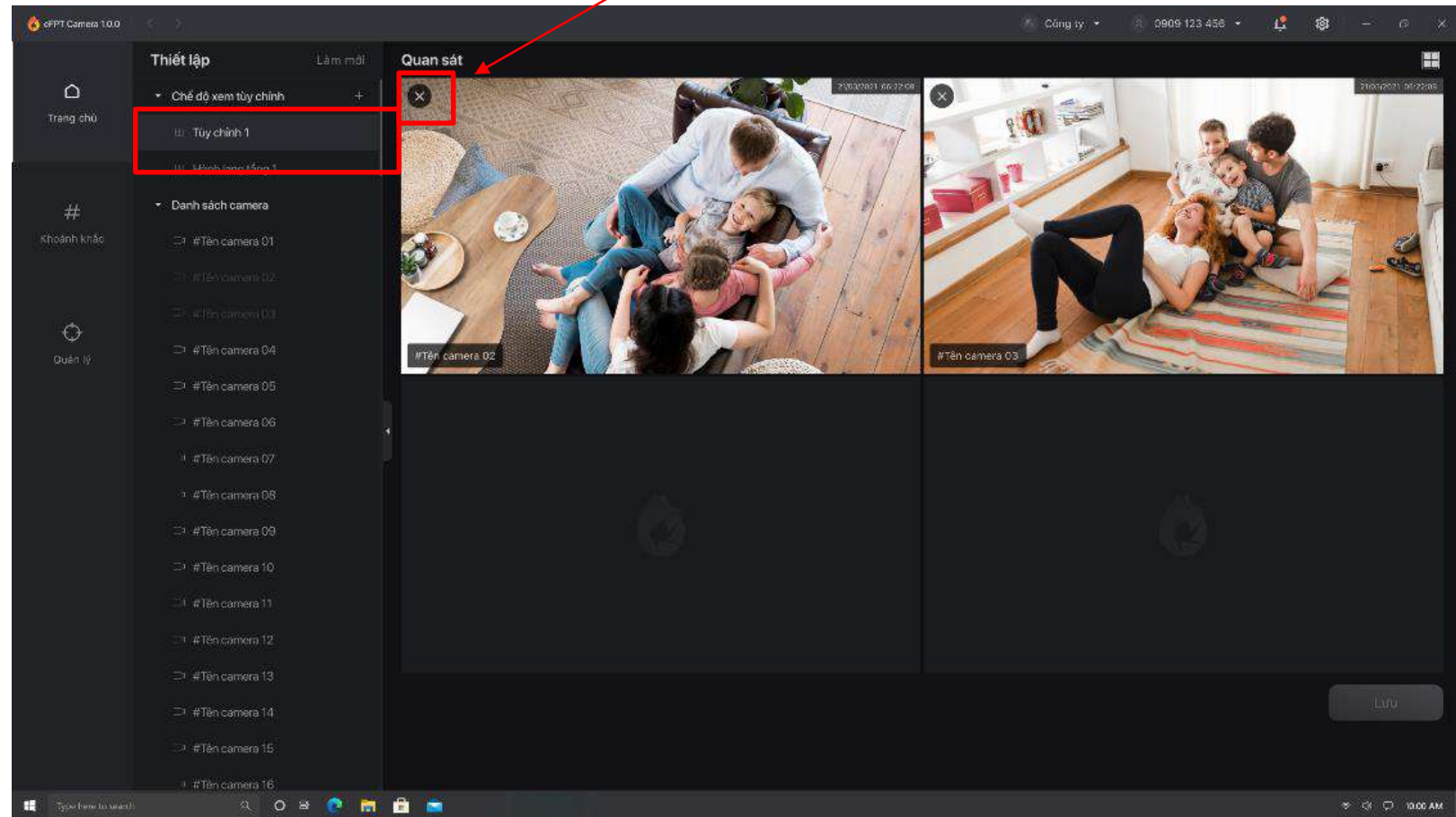


## 5. Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh

### 5.4. Xóa camera khỏi chế độ xem tùy chỉnh

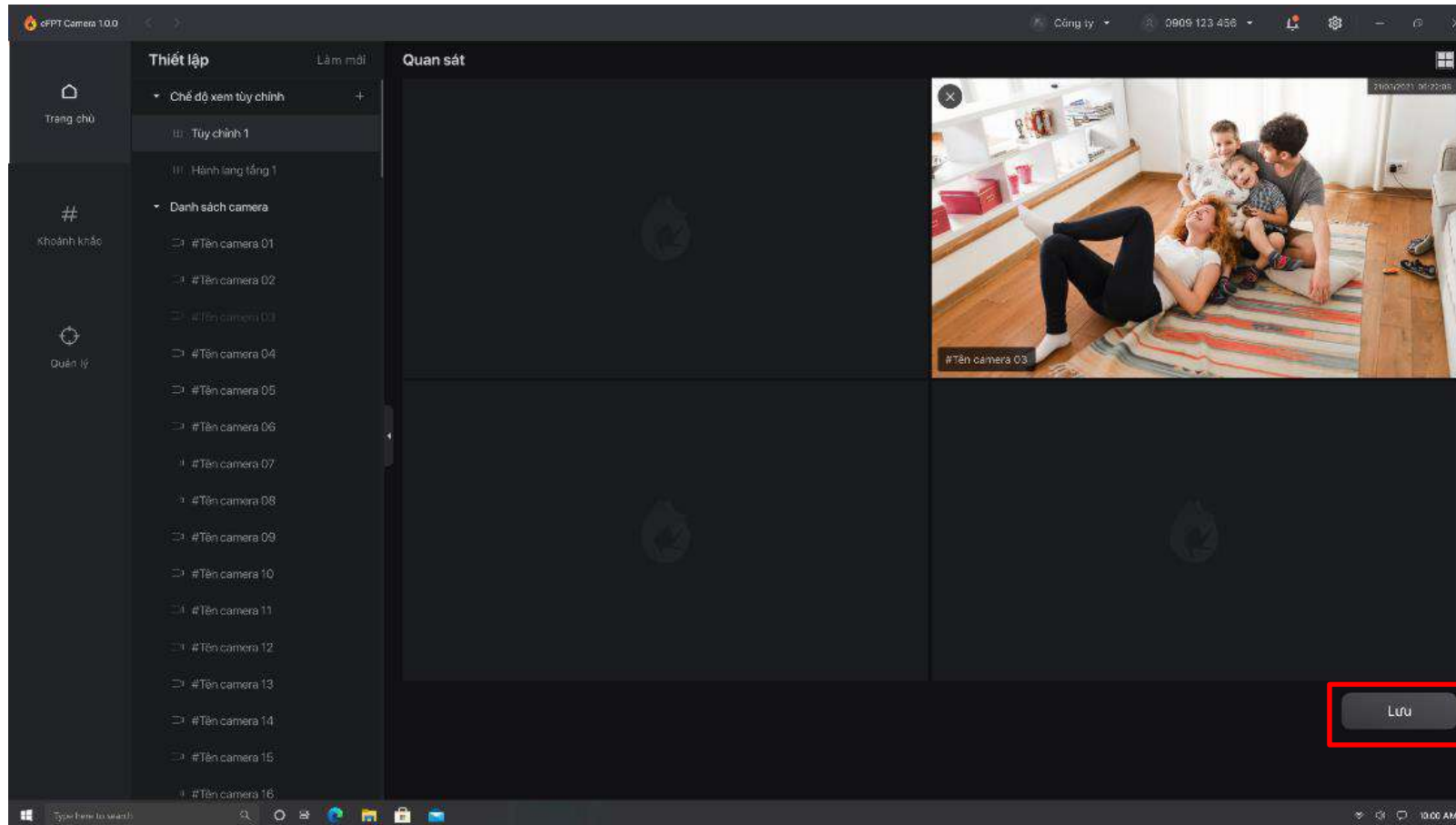
2 Click tên chế độ xem tùy chỉnh có camera muốn xóa

3 Click icon “x” trên camera muốn xóa để xóa



## 5. Thiết lập chế độ xem tùy chỉnh

### 5.4. Xóa camera khỏi chế độ xem tùy chỉnh



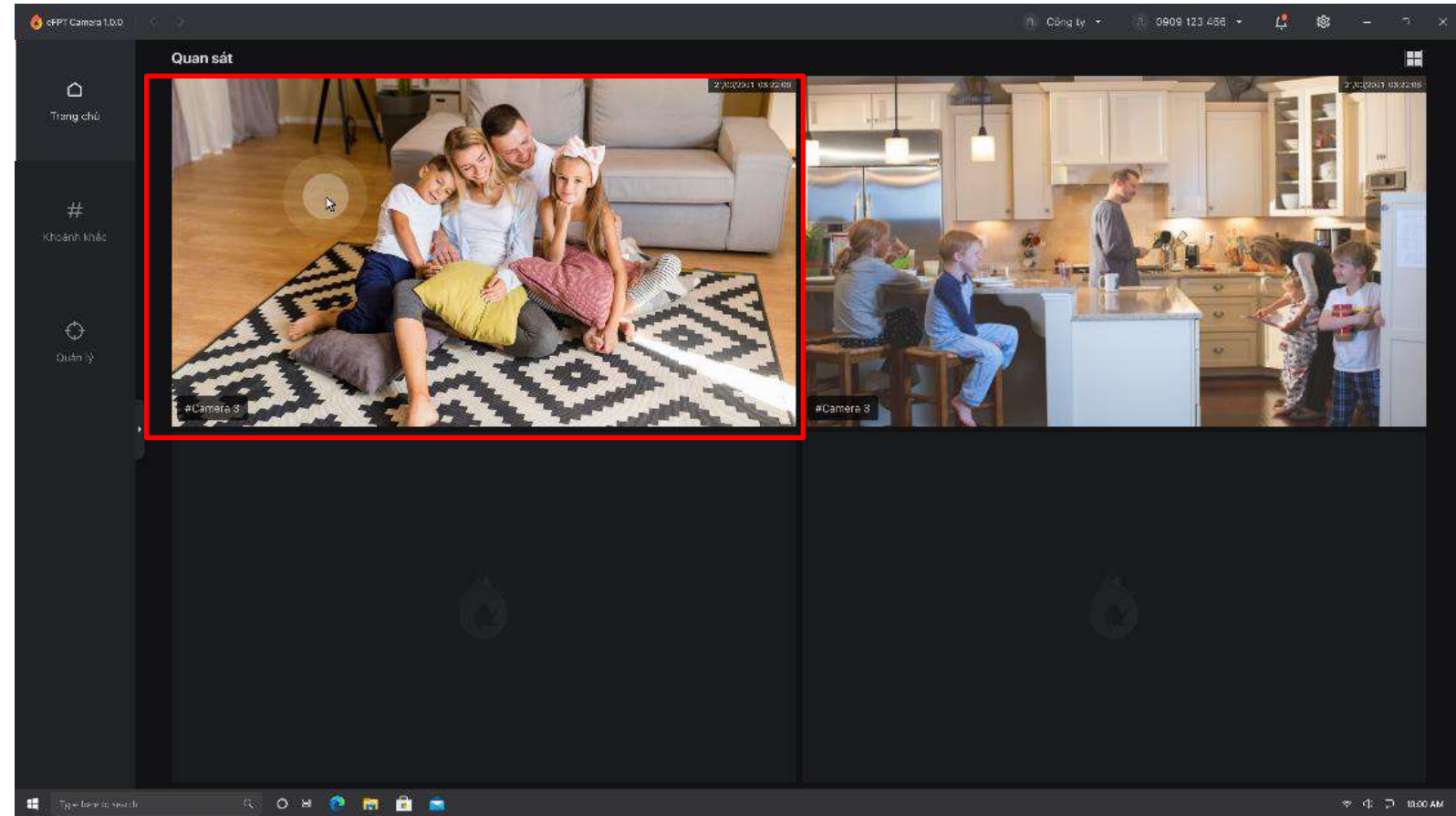
**4**  
Click để lưu  
thay đổi lưới



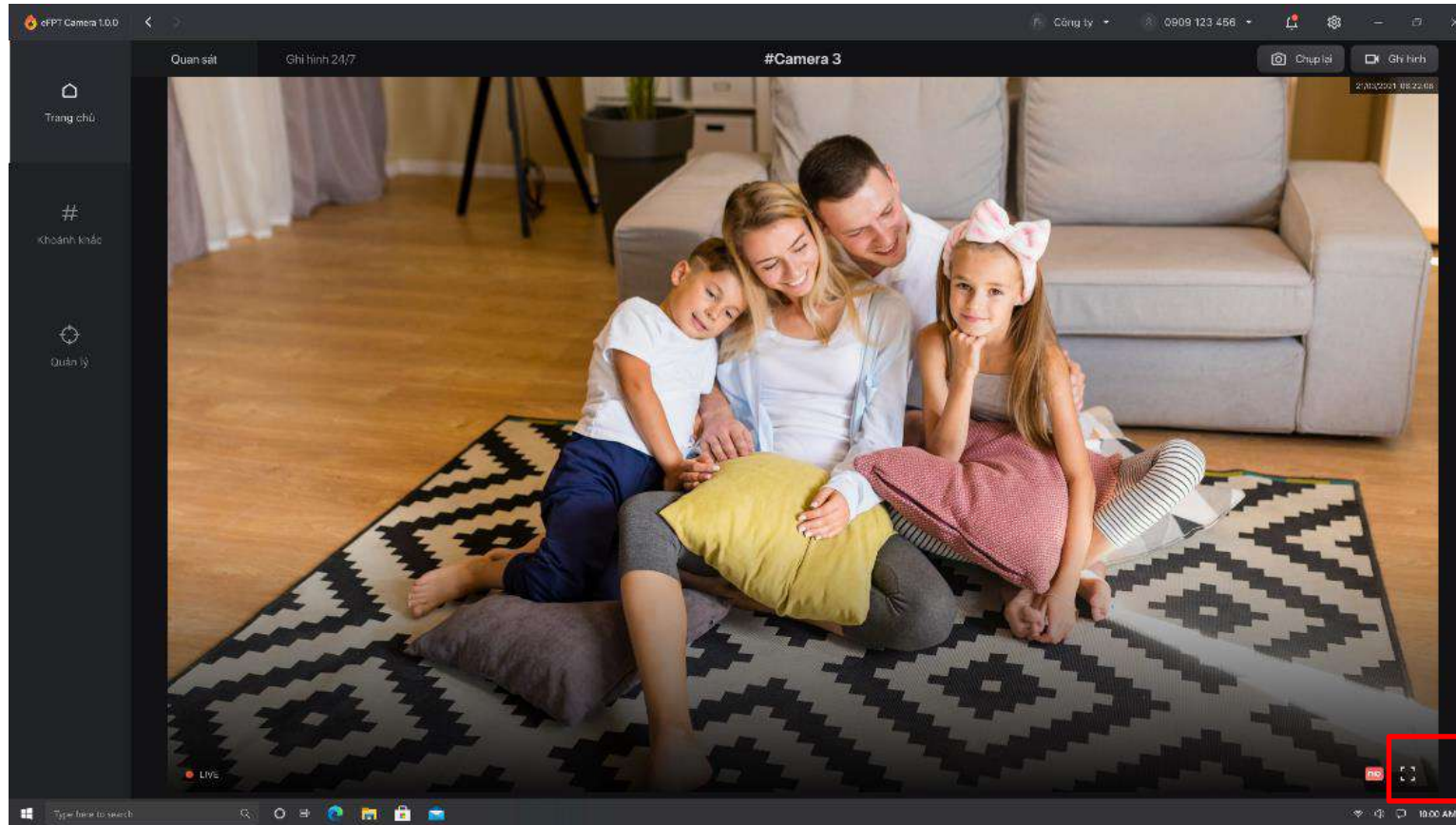
## 6. Xem trực tiếp (Livestream)

1

Double click camera trên lưới để xem livestream 1 camera (Single livestream)



## 6. Xem trực tiếp (Livestream)



2

Double click trên màn hình xem Single livestream để quay về xem chế độ lưới

Trạng thái nút FHD:

- Màu đỏ khi đang xem ở chế độ Full HD
- Màu xám khi đang xem ở chế độ HD



2.1



Click để bật chế độ xem toàn màn hình

## 6. Xem trực tiếp (Livestream)

Màn hình xem Livestream chế độ toàn màn hình



Click để chuyển đổi chất lượng phát trực tiếp **FHD** 3.2

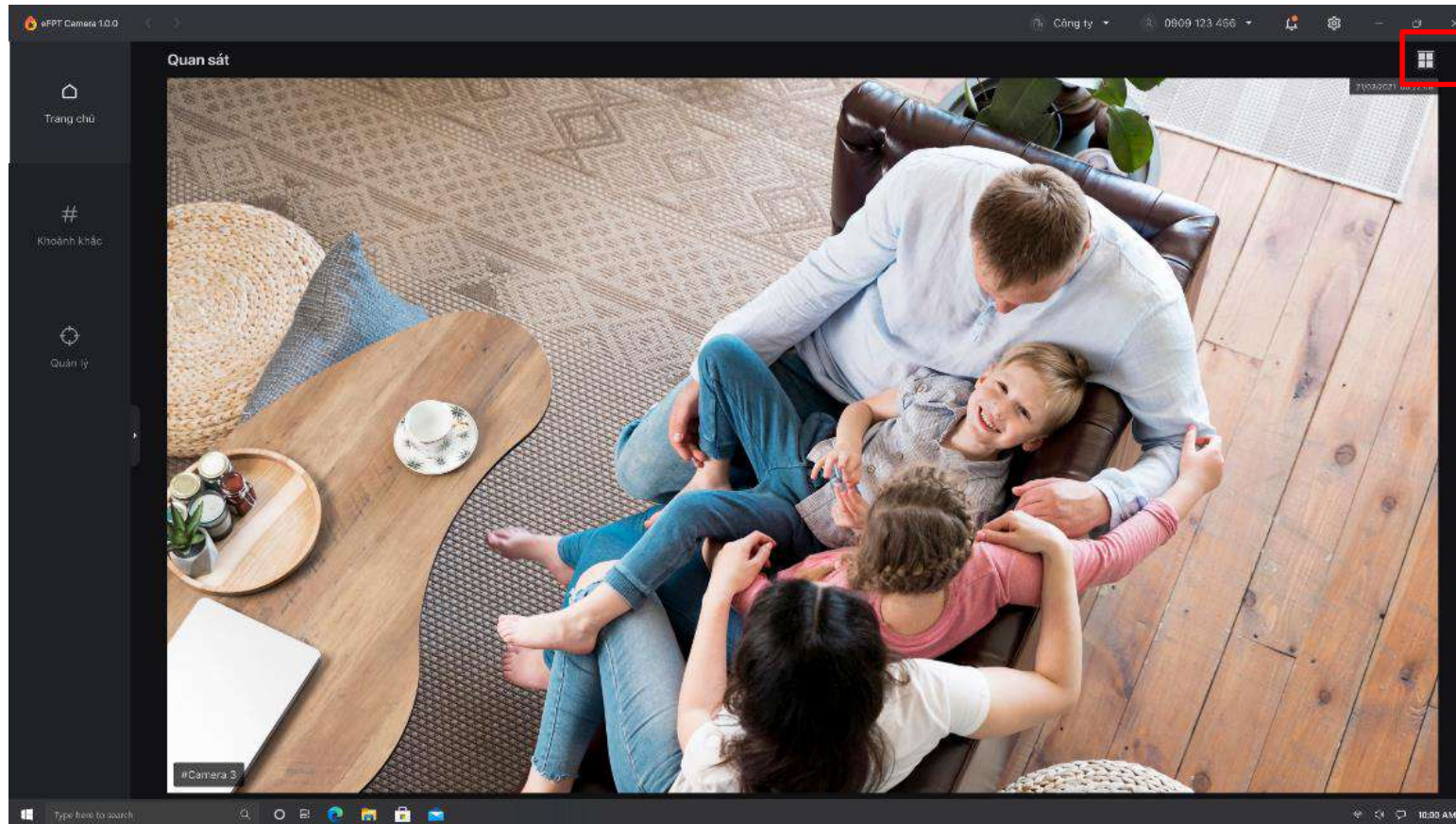


Click để tắt chế độ toàn màn hình

## 7. Chế độ xem lưới (Grid view)

### 7.1. Chuyển đổi chế độ xem lưới trên Tùy chỉnh

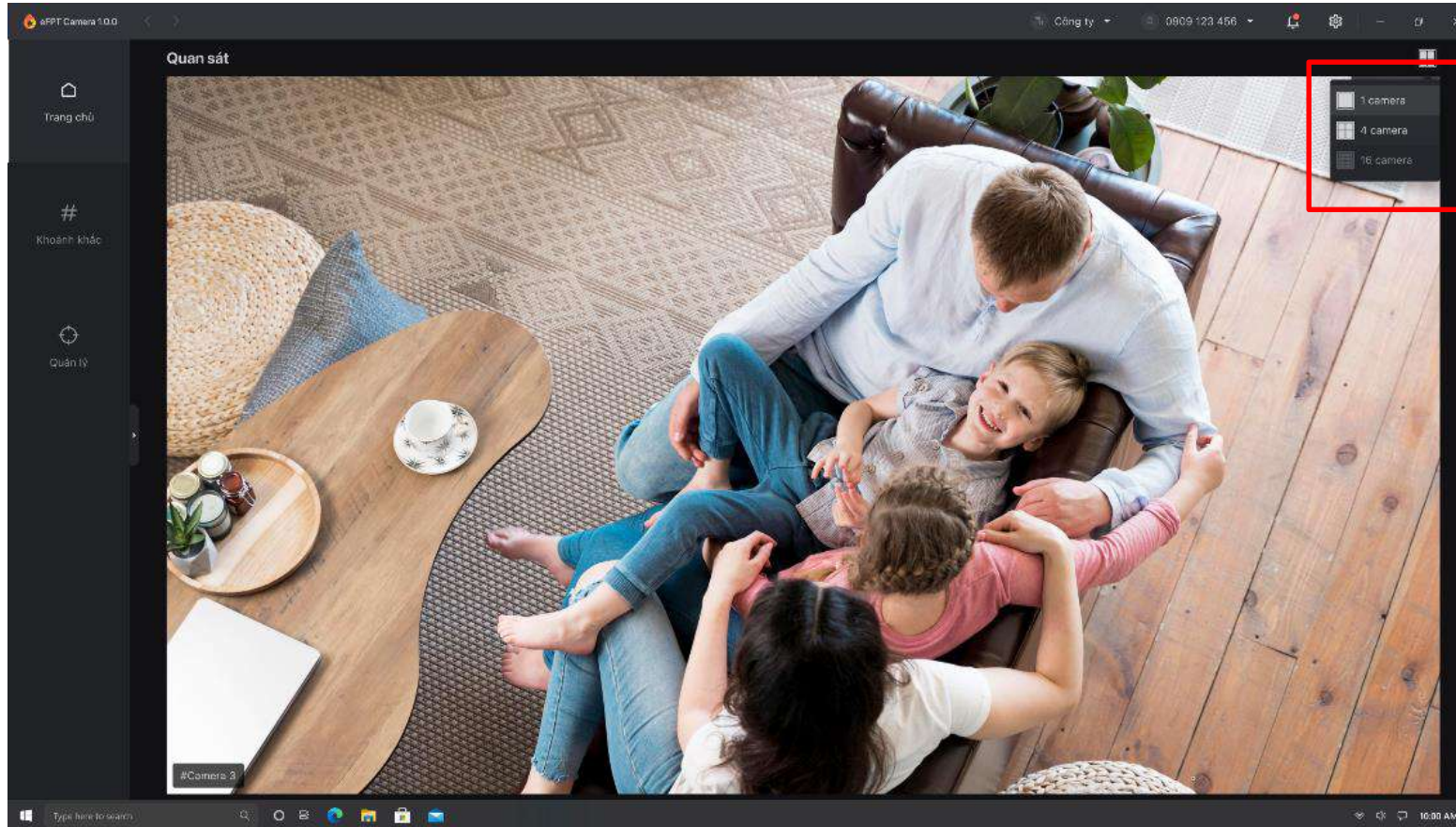
Lưới được chọn ở chế độ xem 1 camera



- 1 Click icon lưới để thay đổi chế độ hiển thị

## 7. Chế độ xem lưới (Grid view)

### 7.1. Chuyển đổi chế độ xem lưới trên Tùy chỉnh



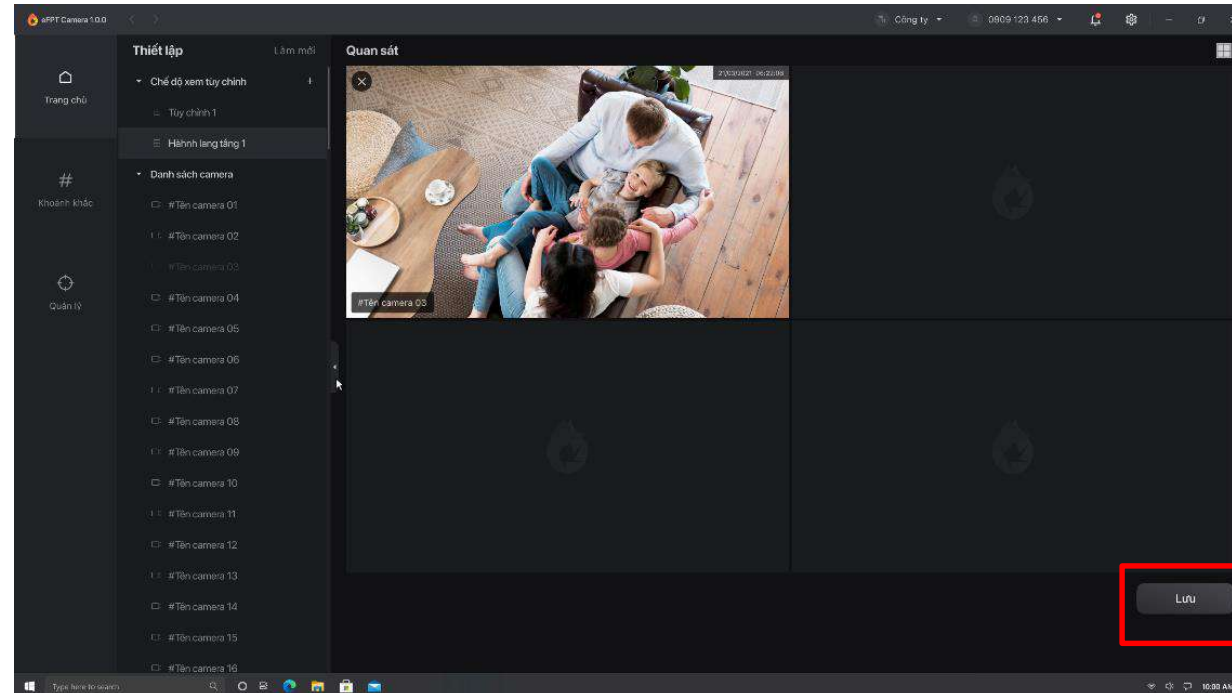
2

Click để chọn chế độ  
lưới muốn hiển thị

## 7. Chế độ xem lưới (Grid view)

### 7.1. Chuyển đổi chế độ xem lưới trên Tùy chỉnh

Lưới được chọn ở chế độ xem 4 camera



3 Click để lưu chế độ lưới

Camera được chọn sắp xếp theo thứ tự từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.

Chuyển từ chế độ lưới ít camera sang chế độ lưới nhiều camera giữ nguyên số lượng và vị trí hiển thị camera trên lưới mới.

Chuyển từ chế độ lưới nhiều camera sang chế độ lưới ít camera:

- Vị trí camera ở lưới cũ có trên lưới mới, thì hiển thị đúng vị trí đó trên lưới mới.
- Vị trí camera ở lưới cũ không có trên lưới mới, thì camera đó sẽ bỏ ra khỏi chế độ xem lưới.

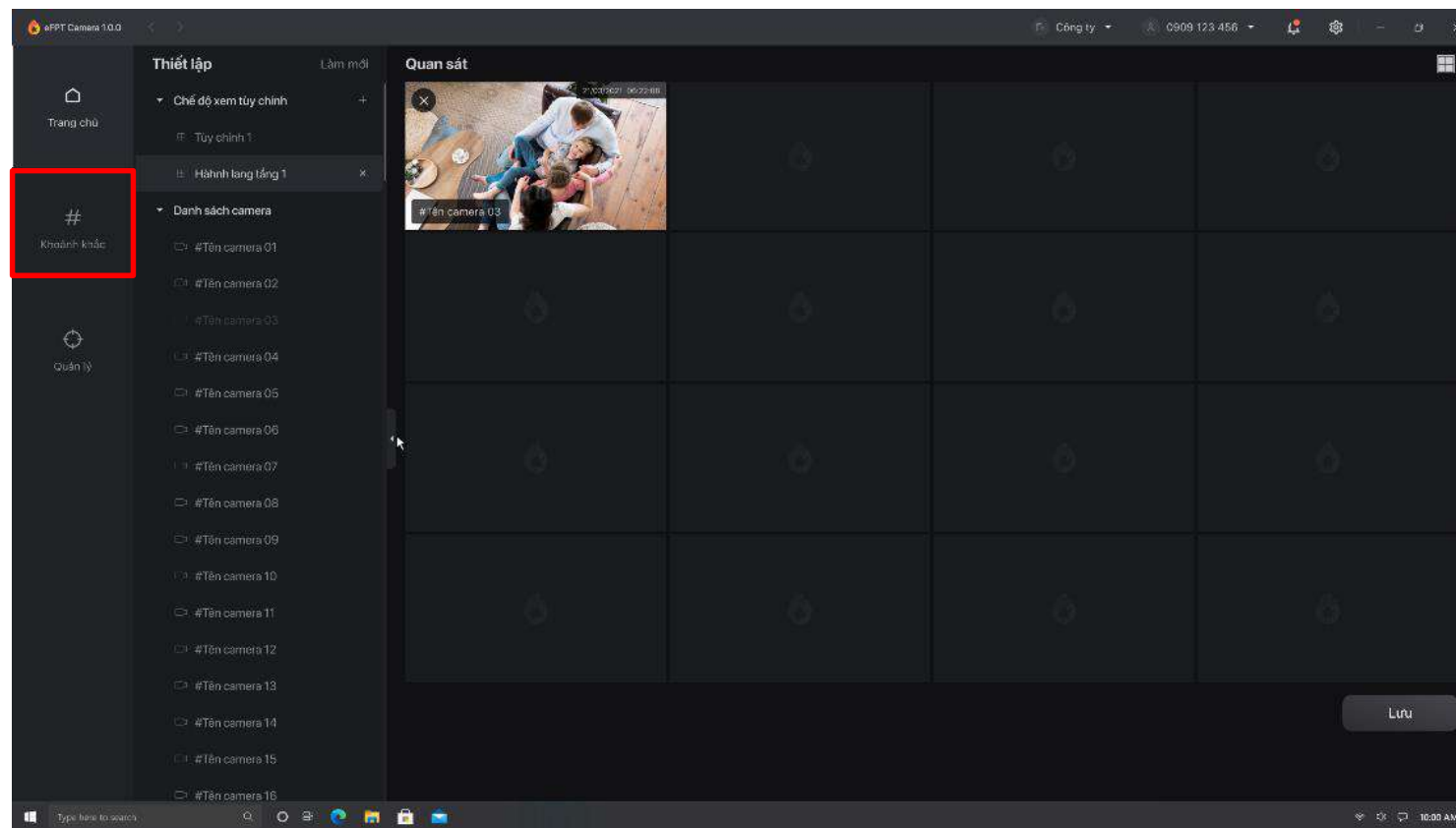
## 7. Chế độ xem lưới (Grid view)

### 7.1. Chuyển đổi chế độ xem lưới trên Tùy chỉnh

*Trường hợp: chưa lưu thay đổi nhưng chuyển sang trang khác*

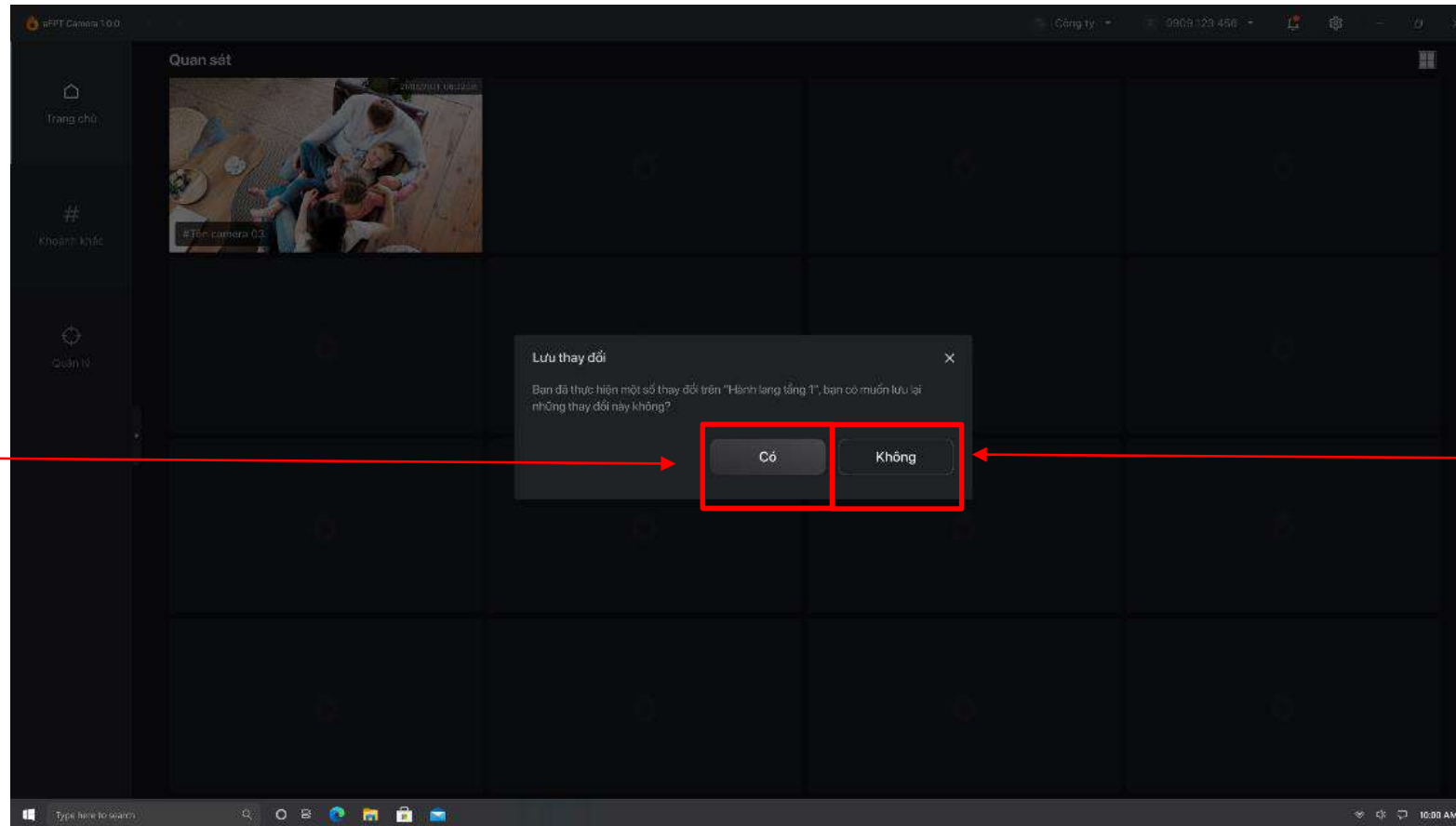
3.1

Click để đi tới trang  
Khoảnh khắc



## 7. Chế độ xem lưới (Grid view)

### 7.1. Chuyển đổi chế độ xem lưới trên Tùy chỉnh



**4.1a**

Click để lưu thay đổi chế độ lưới và chuyển trang

**4.1b**

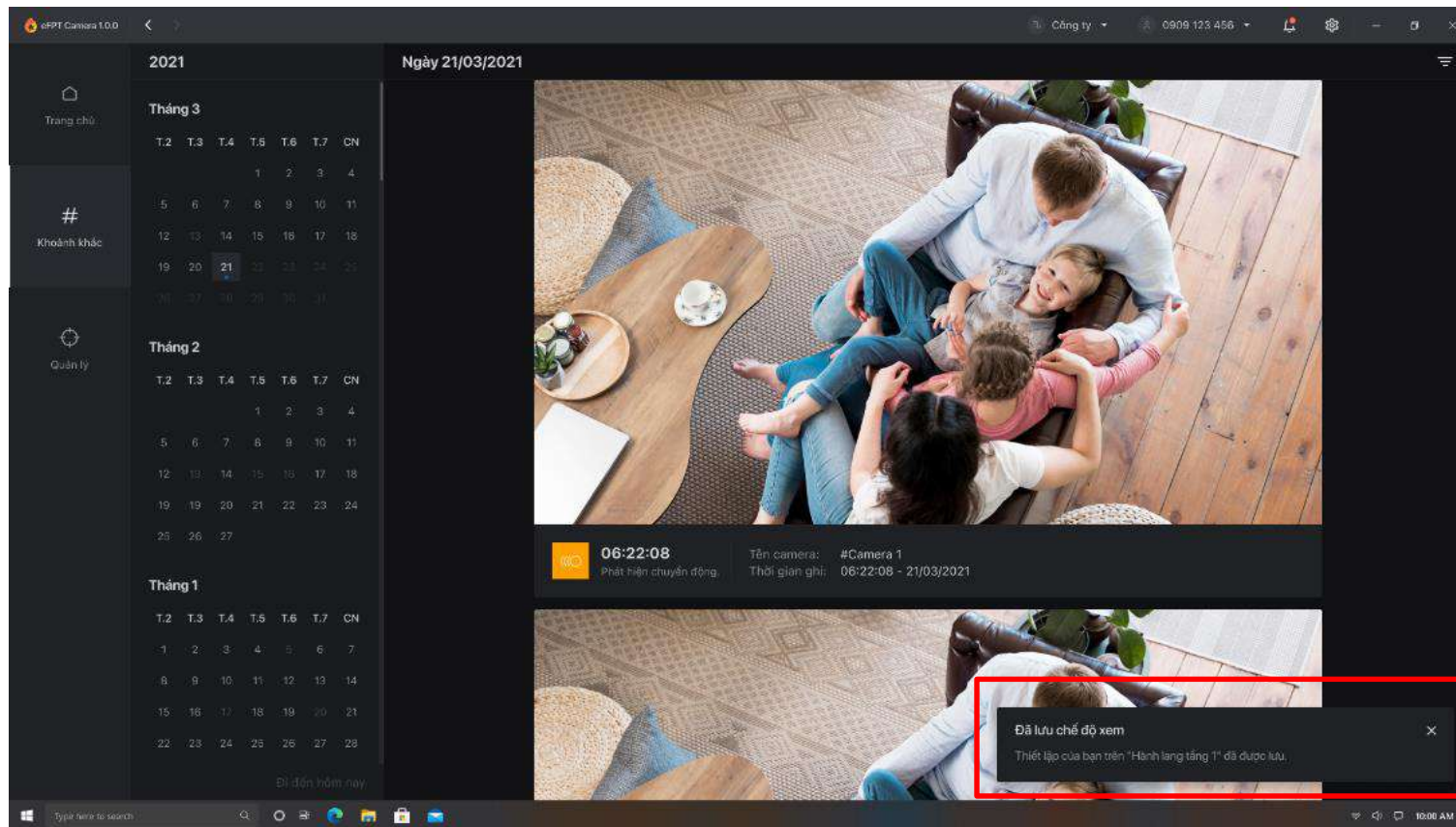
Click để chuyển trang nhưng không lưu thay đổi



## 7. Chế độ xem lưới (Grid view)

### 7.1. Chuyển đổi chế độ xem lưới trên Tùy chỉnh

*Trường hợp: lưu thay đổi chế độ lưới thành công*



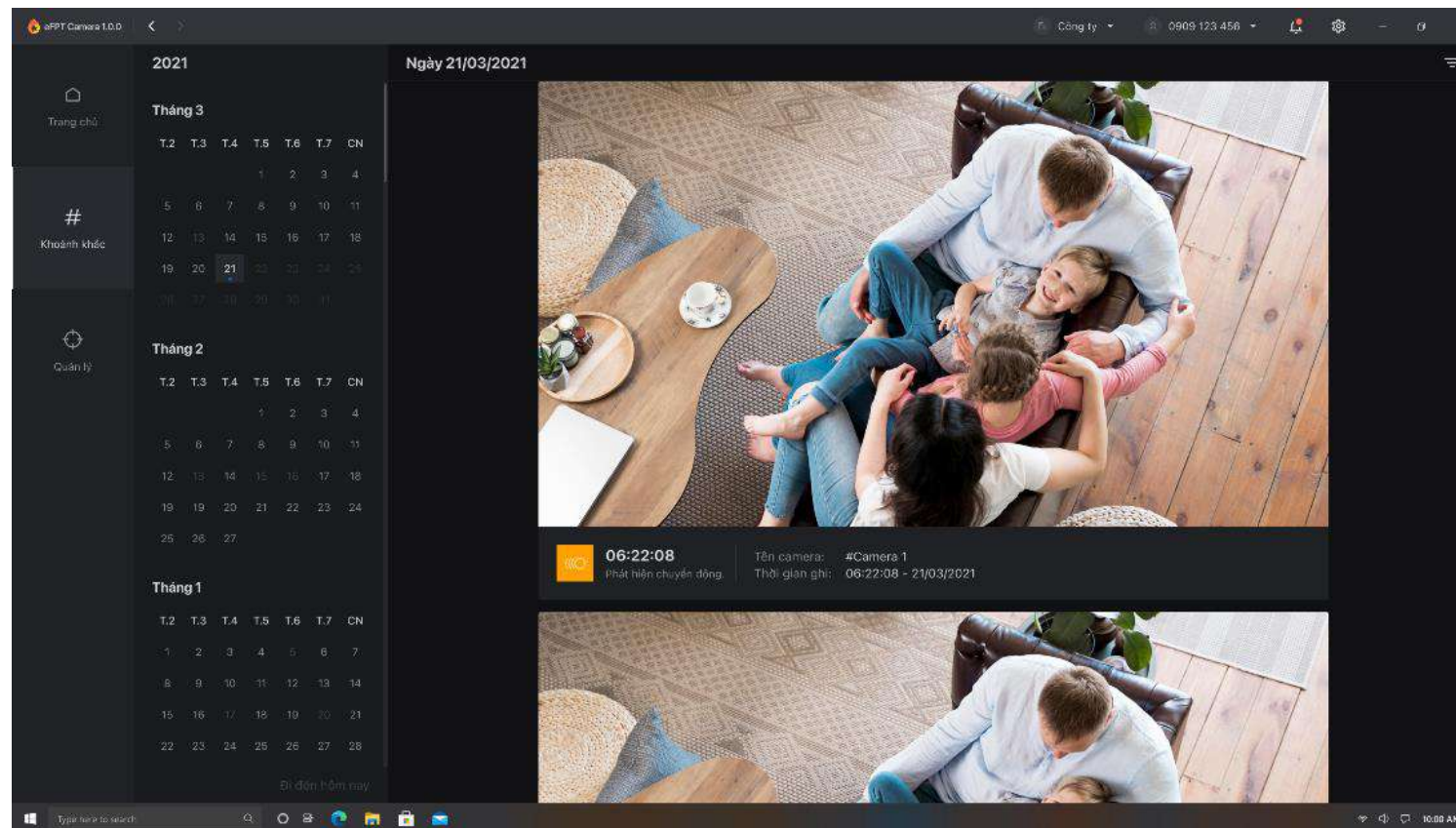
5.1a Màn hình đi tới trang Khoảnh khắc

Hiện thị thông báo lưu thay đổi thành công

## 7. Chế độ xem lưới (Grid view)

### 7.1. Chuyển đổi chế độ xem lưới trên Tùy chỉnh

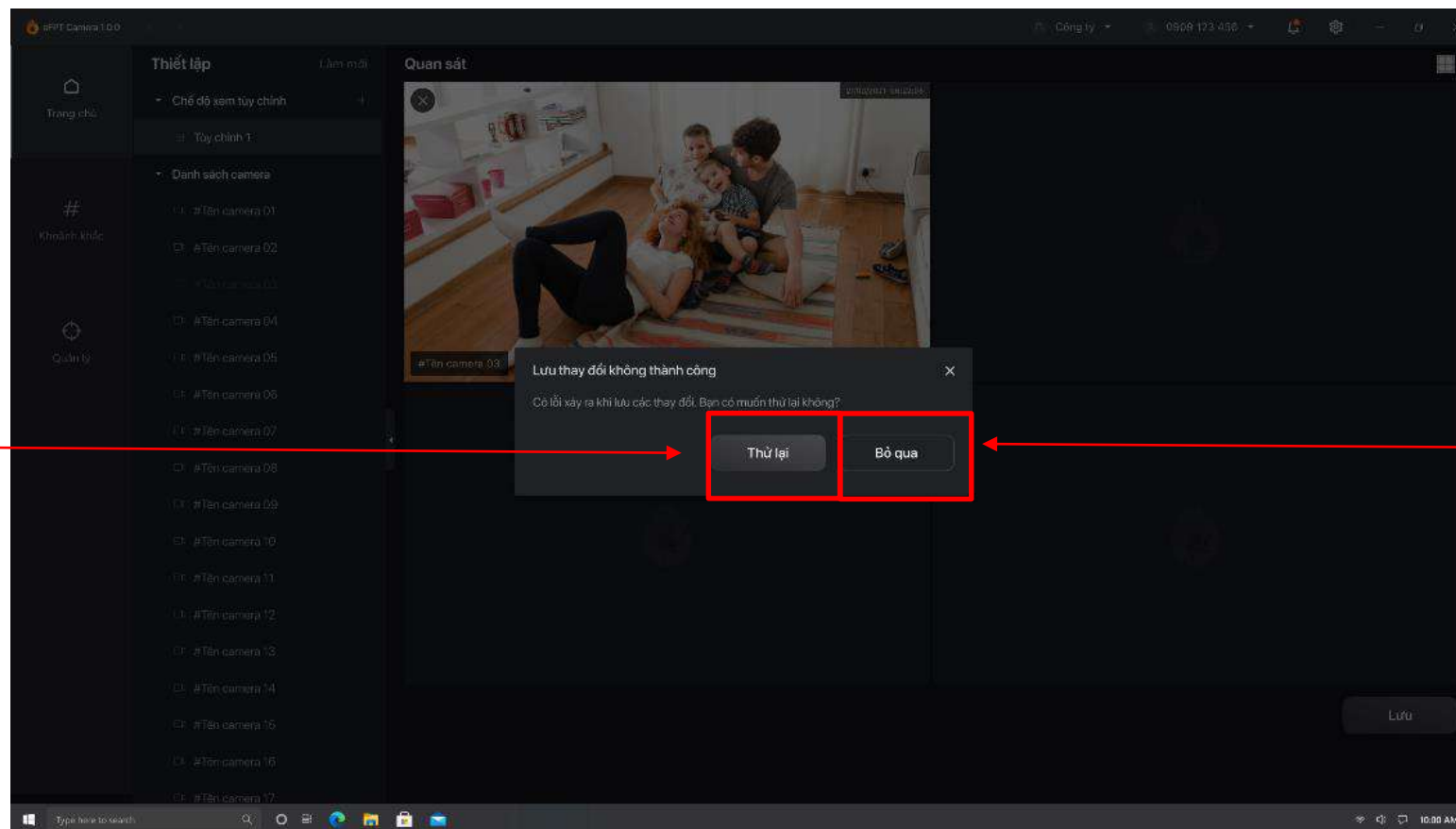
#### 5.1b Màn hình đi tới trang Khoảnh khắc và không lưu thay đổi lưới



## 7. Chế độ xem lưới (Grid view)

### 7.1. Chuyển đổi chế độ xem lưới trên Tùy chỉnh

*Trường hợp: lưu thay đổi chế độ lưới thất bại*



**5.1c**

Click để thực hiện lại thao tác lưu

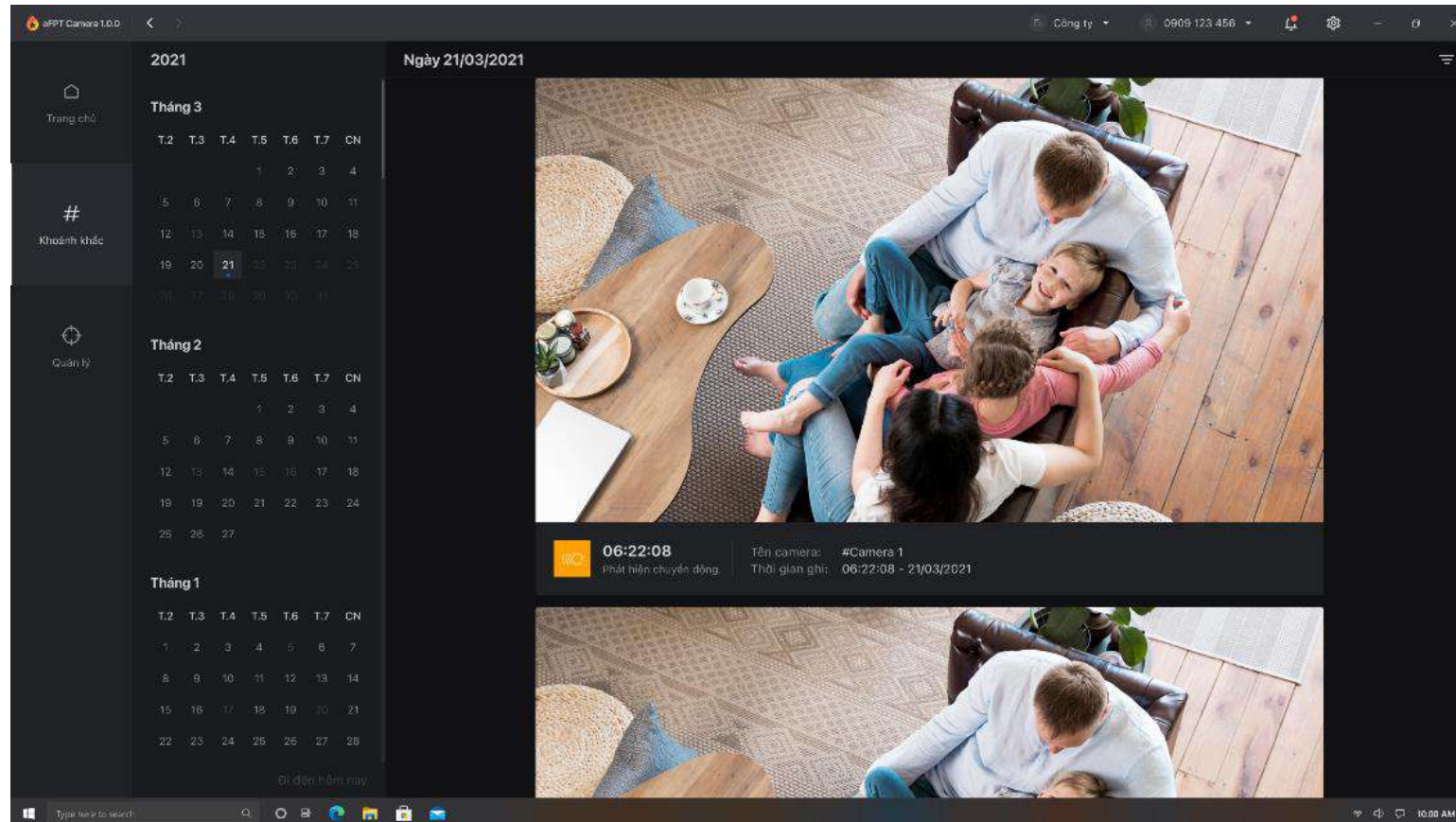
**5.1d**

Click để bỏ qua thông báo

## 7. Chế độ xem lưới (Grid view)

### 7.1. Chuyển đổi chế độ xem lưới trên Tùy chỉnh

#### 6.1d Màn hình đi tới trang Khoảnh khắc và không lưu thay đổi lưới

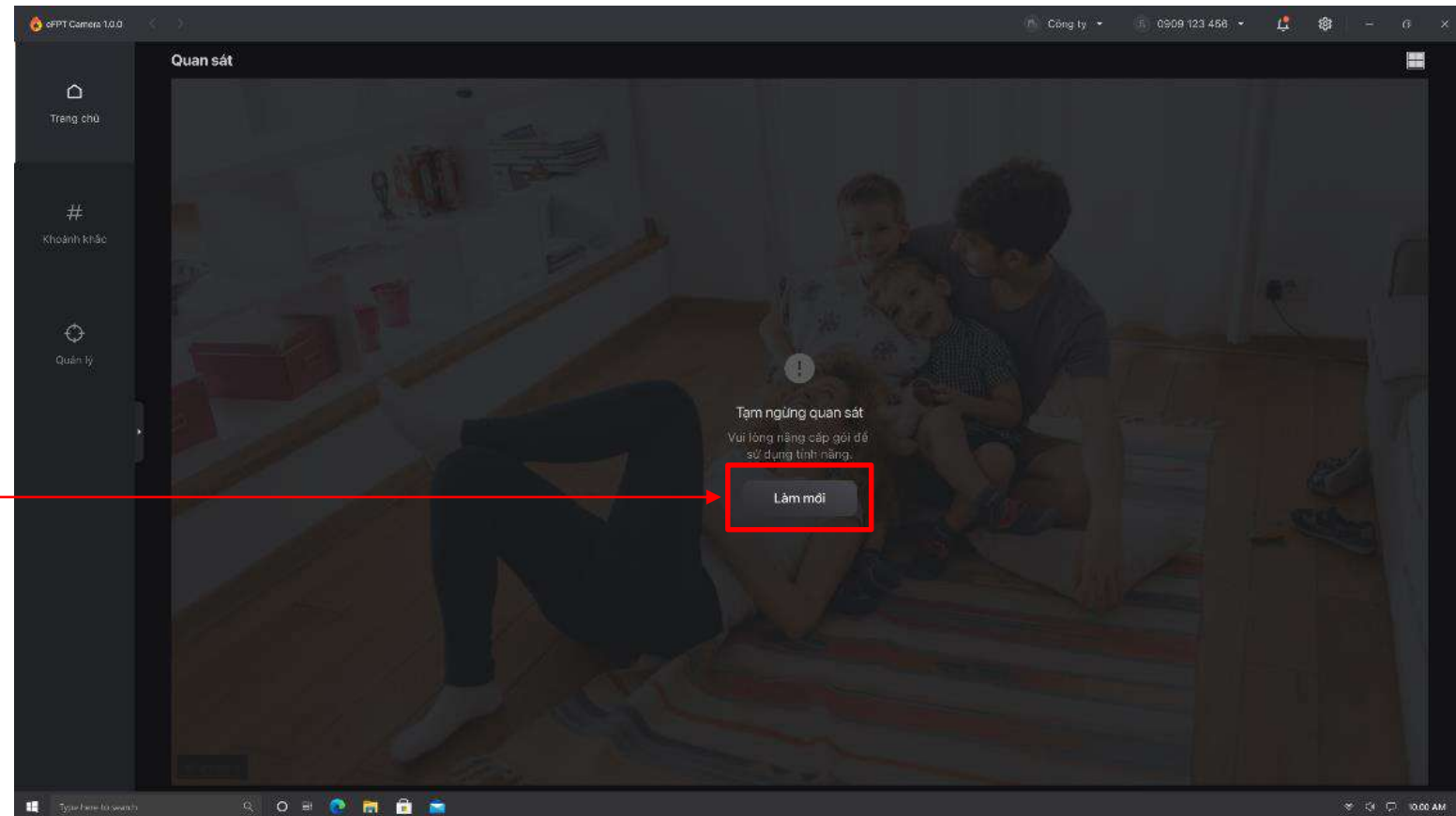


## 7. Chế độ xem lưới (Grid view)

### 7.2. Các trường hợp camera lỗi trên chế độ xem lưới

*Trường hợp 1: Camera không có gói dịch vụ*

1 Click để tải lại màn hình phát trực tiếp

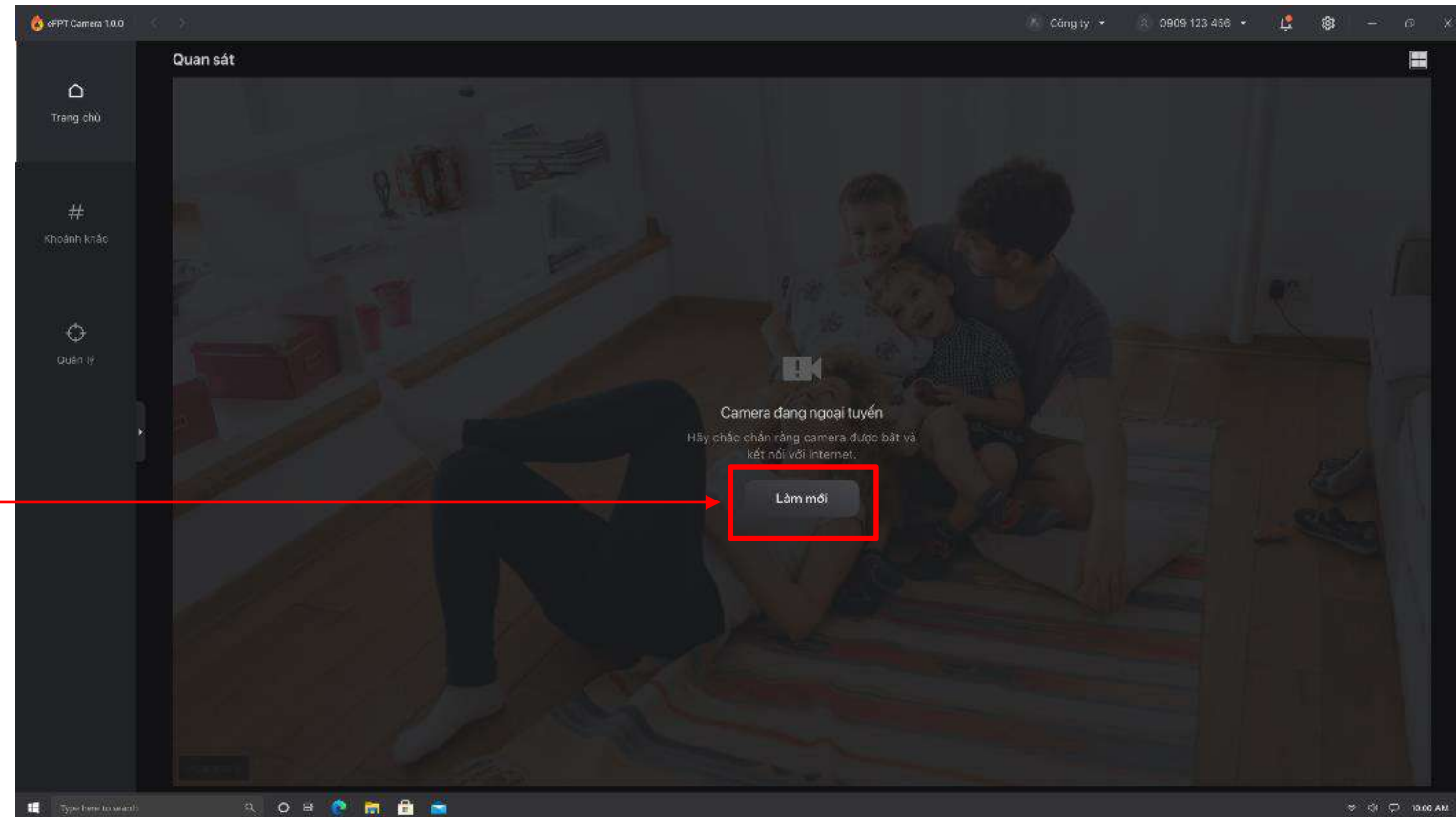


## 7. Chế độ xem lưới (Grid view)

### 7.2. Các trường hợp camera lỗi trên chế độ xem lưới

#### Trường hợp 2: Camera offline

1.2 Click để tải lại màn hình phát trực tiếp



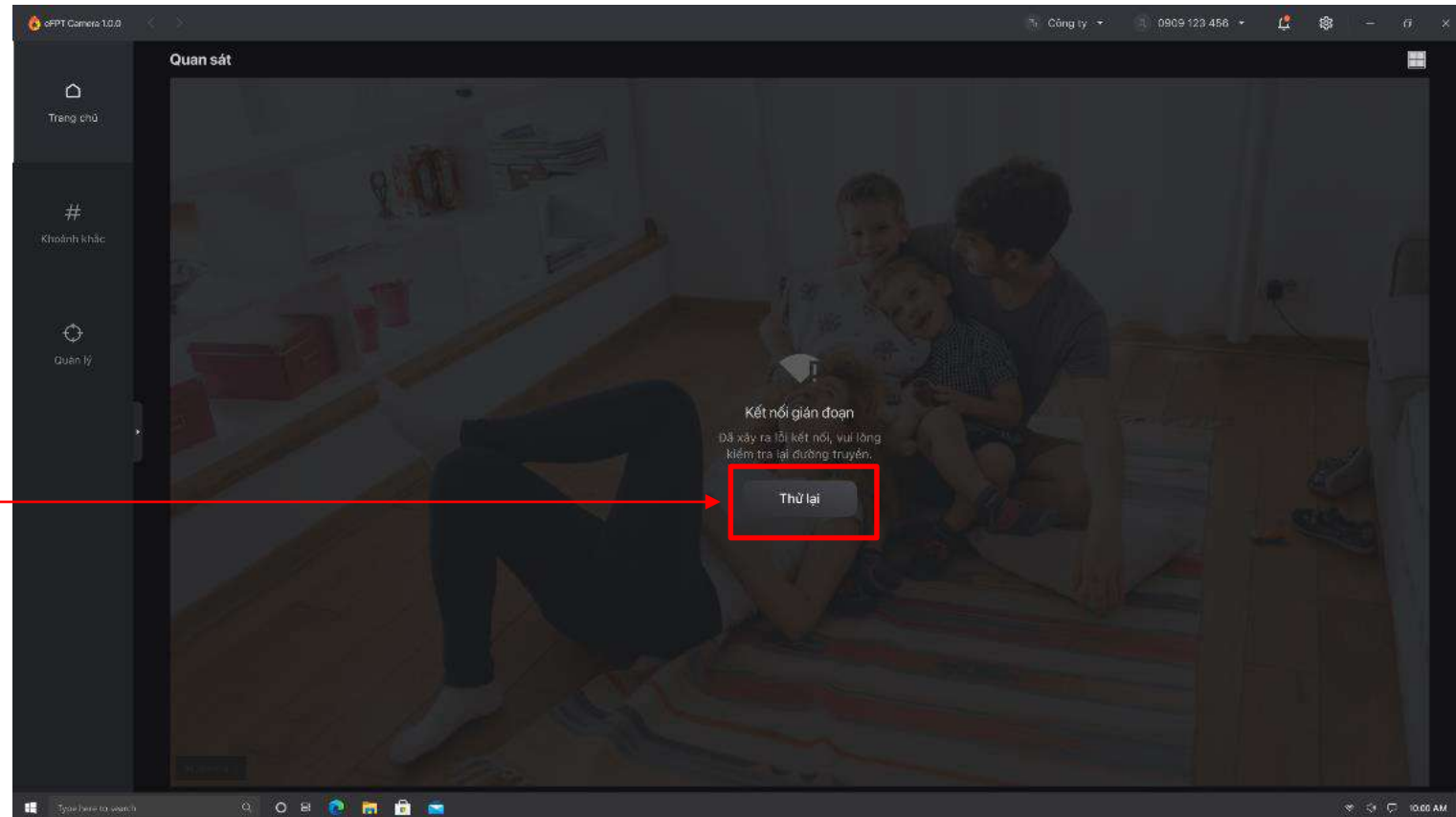
## 7. Chế độ xem lưới (Grid view)

### 7.2. Các trường hợp camera lỗi trên chế độ xem lưới

#### Trường hợp 3: Kết nối bị gián đoạn

1.3

Click để tải lại màn hình phát trực tiếp



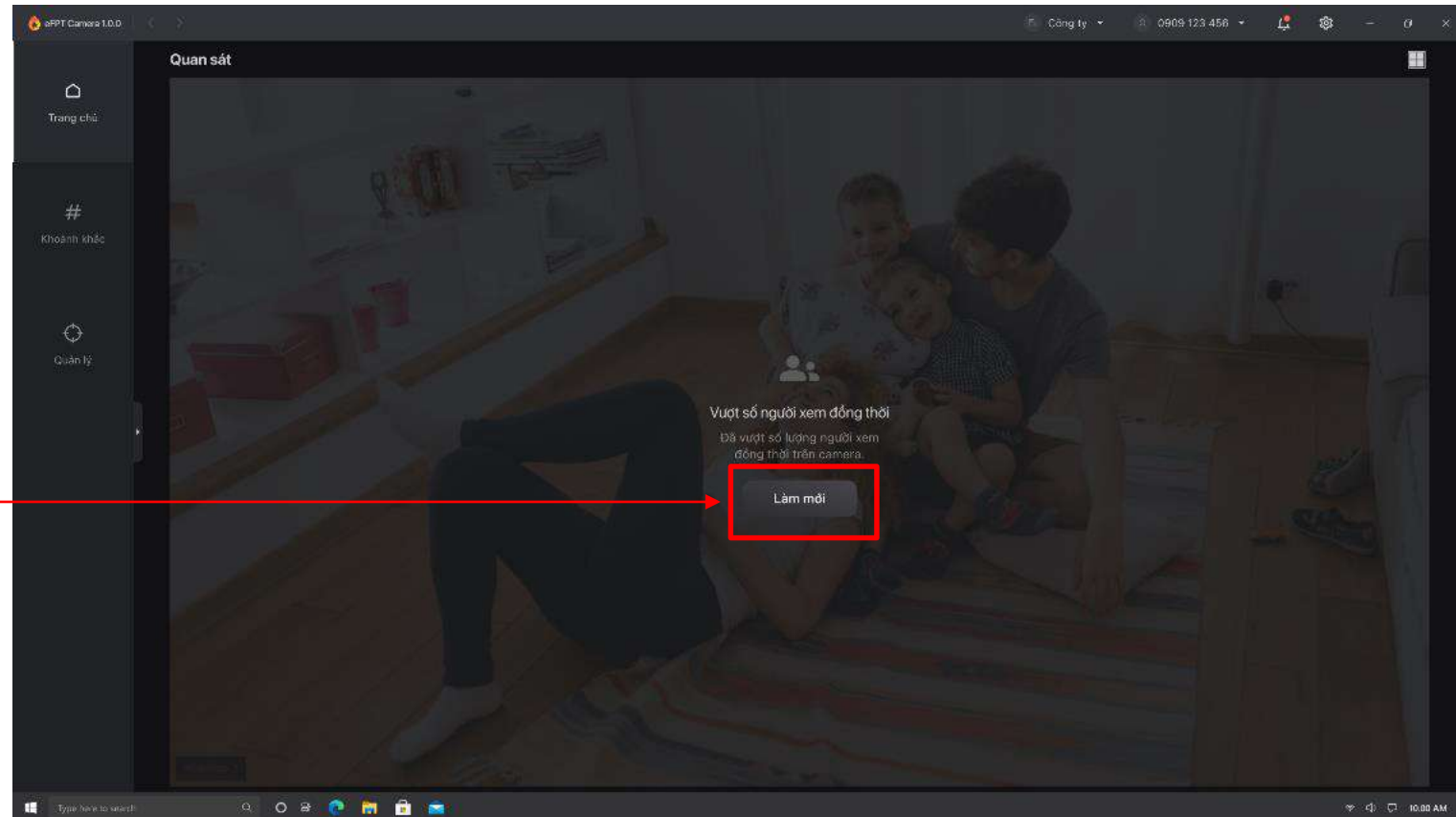
## 7. Chế độ xem lưới (Grid view)

### 7.2. Các trường hợp camera lỗi trên chế độ xem lưới

*Trường hợp 4: Vượt số lượng người xem đồng thời trên 1 camera*

1.4

Click để tải lại màn hình phát trực tiếp

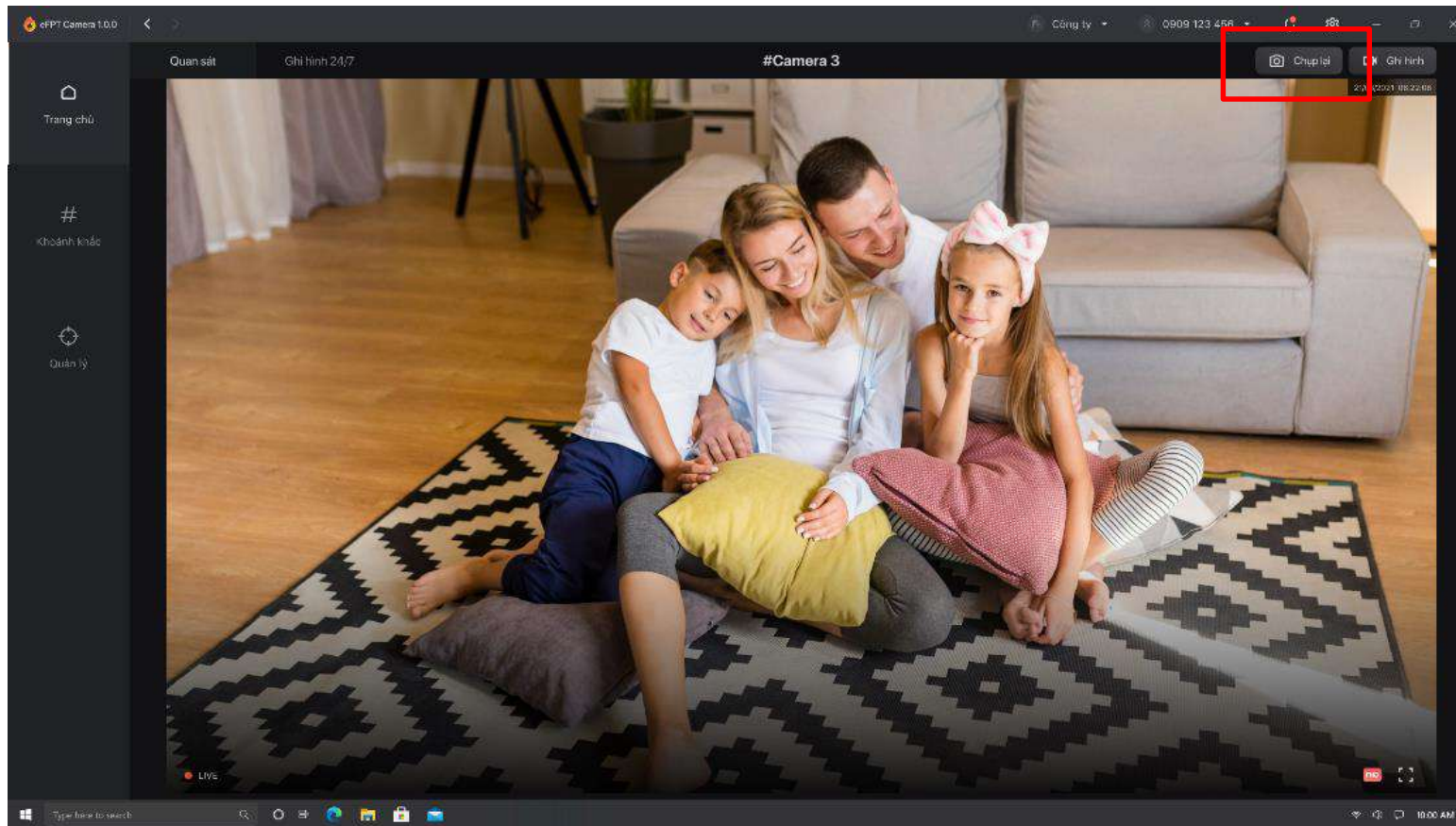




## 8. Chụp hình, ghi hình video (Captured)

### 8.1. Chụp hình

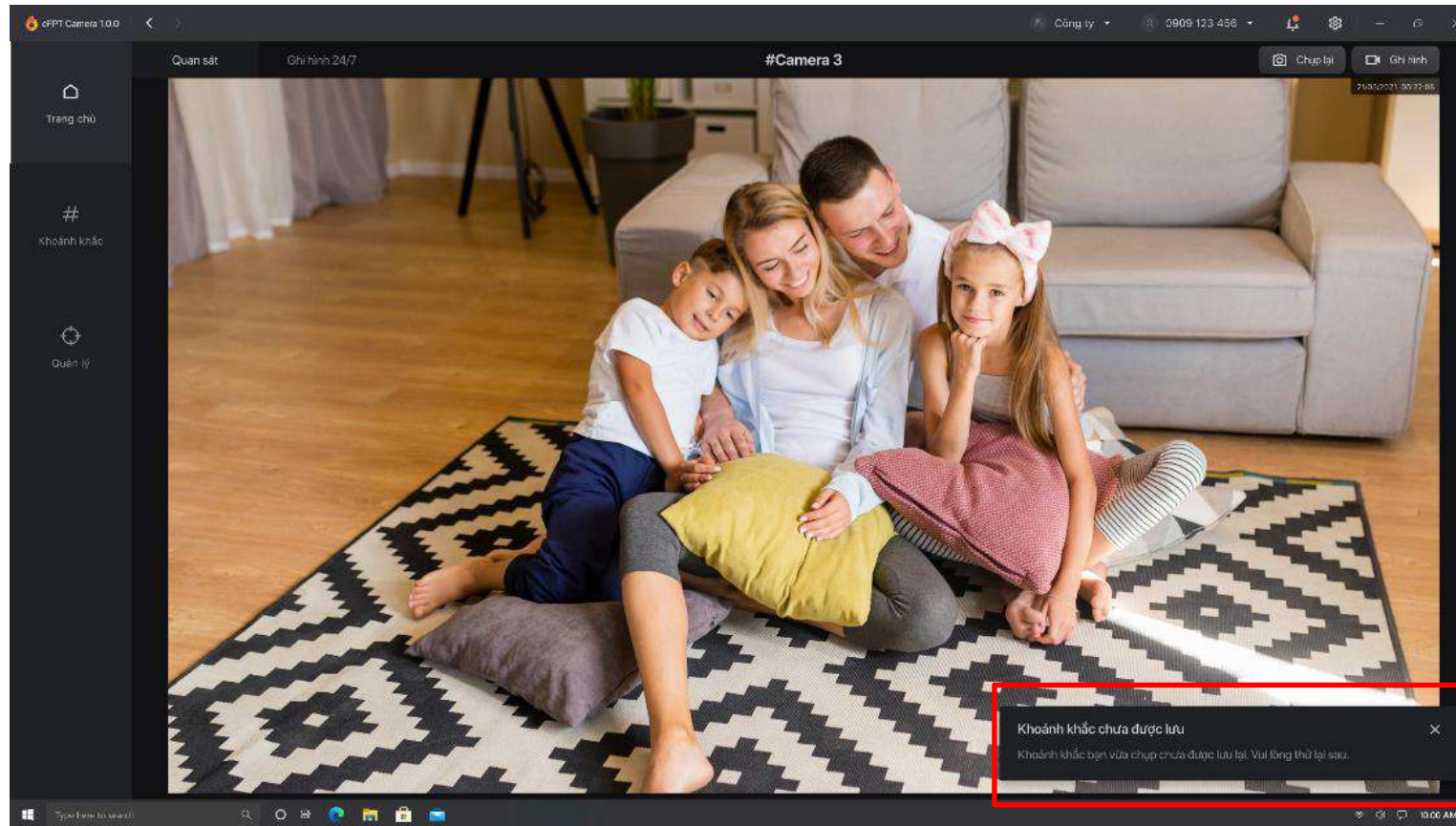
- 1 Click để chụp lại hình ảnh của livestream tại màn hình xem single livestream



## 8. Chụp hình, ghi hình video (Captured)

### 8.1. Chụp hình

*Trường hợp: lưu hình ảnh không thành công*



2

Hiện thị thông báo lưu thất bại  
Để tắt thông báo, click icon “x”  
hoặc tự tắt trong 5 giây

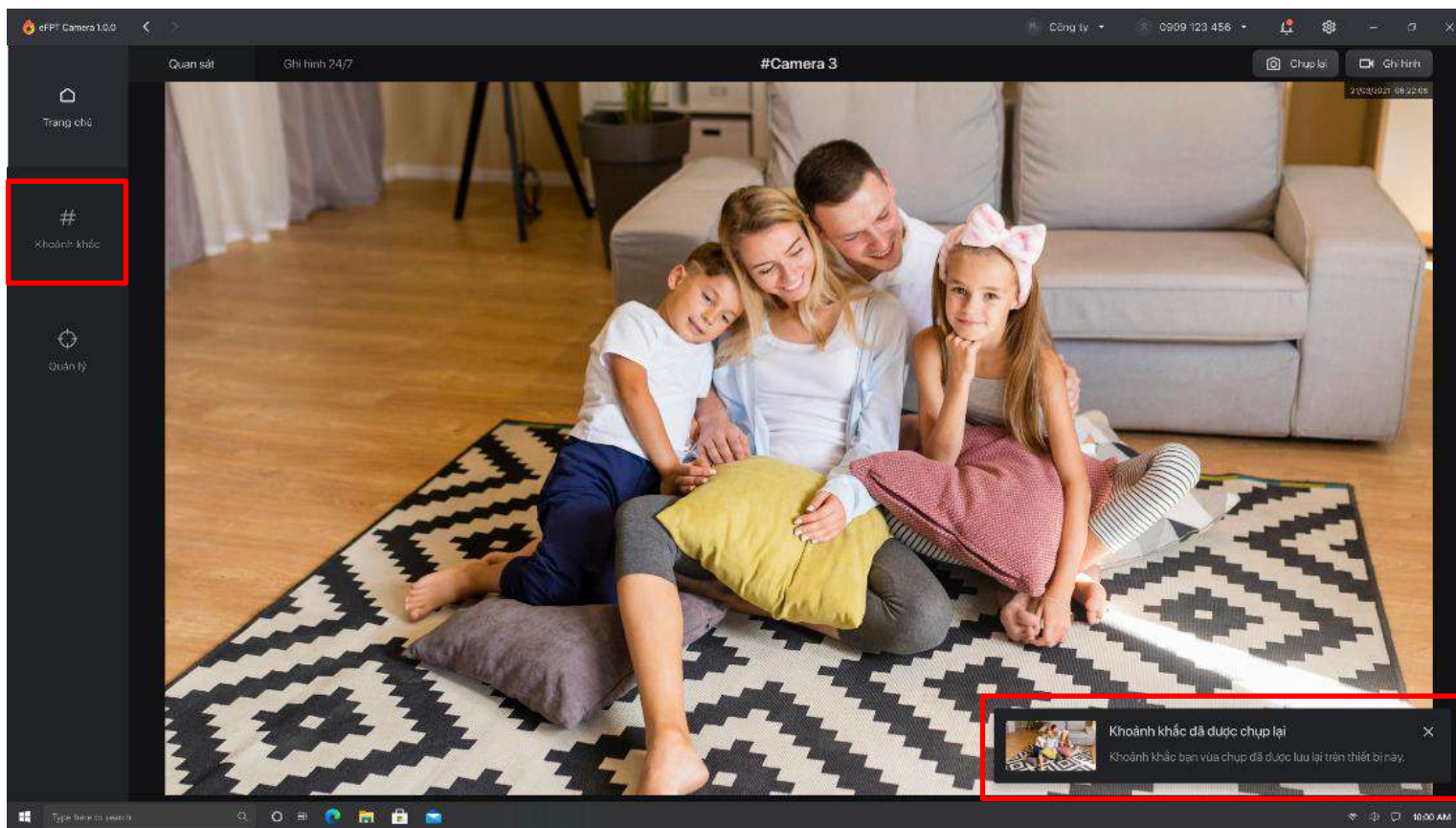
## 8. Chụp hình, ghi hình video (Captured)

### 8.1. Chụp hình

*Trường hợp: lưu hình ảnh thành công*

3.1

Click tab Khoảnh khắc để xem hình ảnh vừa được chụp

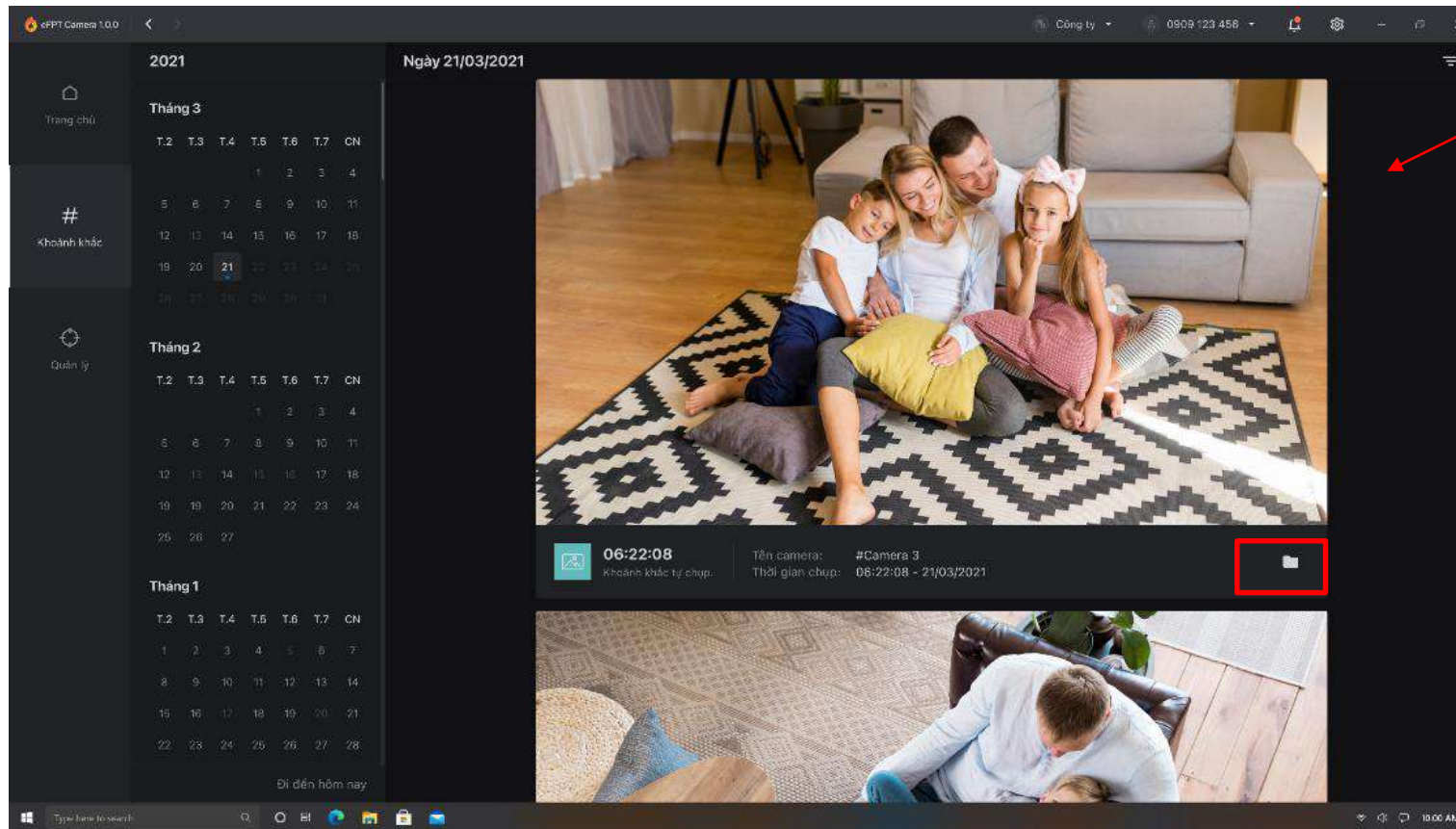


2.1

Hiển thị thông báo lưu thành công  
Để tắt thông báo, click icon “x” hoặc tự tắt trong 5 giây

## 8. Chụp hình, ghi hình video (Captured)

### 8.1. Chụp hình



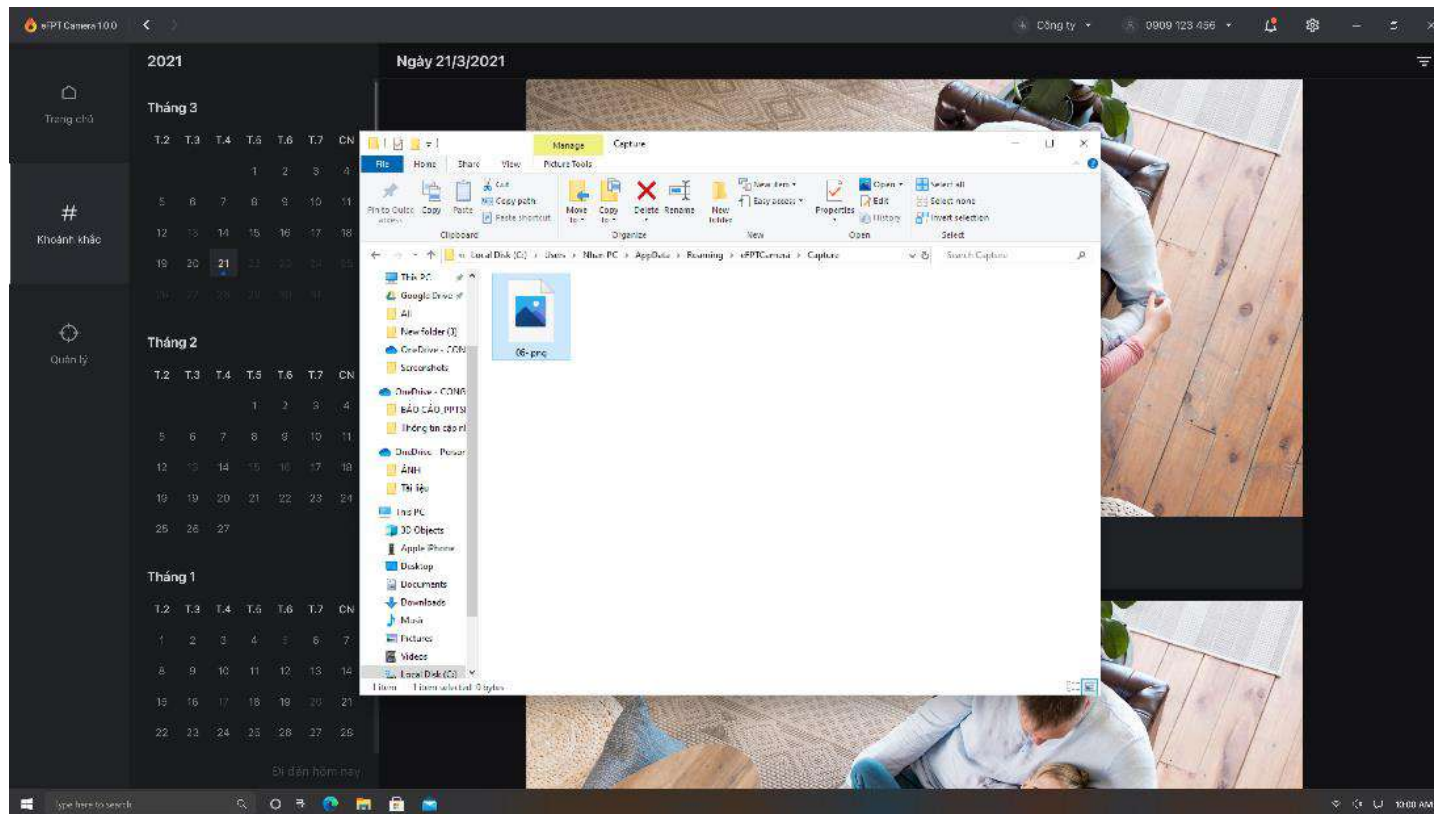
Hình vừa được chụp

4.1 Click để mở thư mục chứa tệp tin

## 8. Chụp hình, ghi hình video (Captured)

### 8.1. Chụp hình

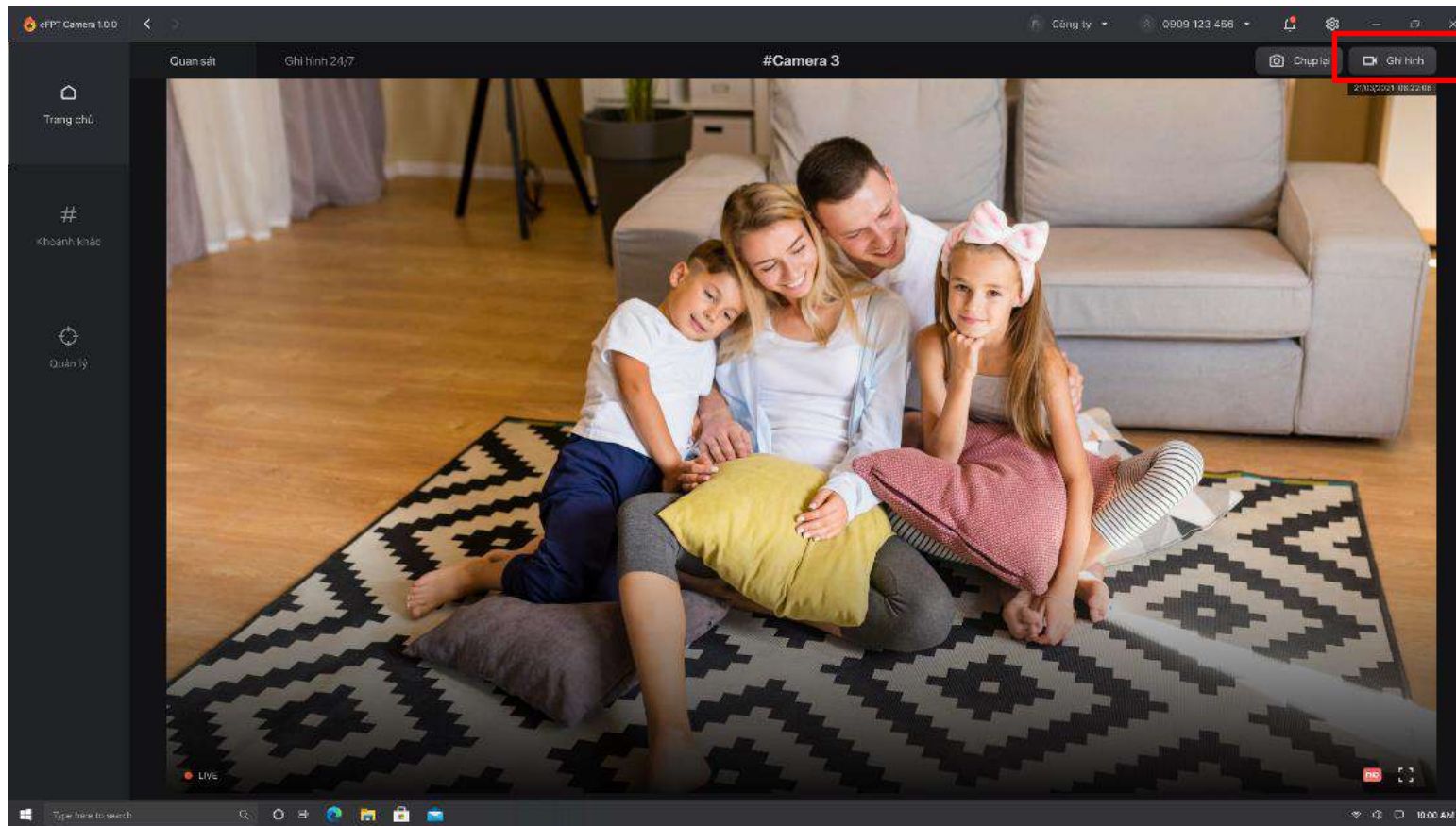
Đối với dữ liệu được ghi thủ công sẽ có thư mục chứa tệp tin dưới máy



### 8. Chụp hình, ghi hình video (Captured)

#### 8.2. Ghi hình video

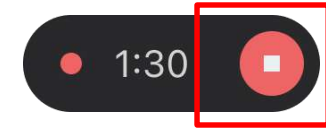
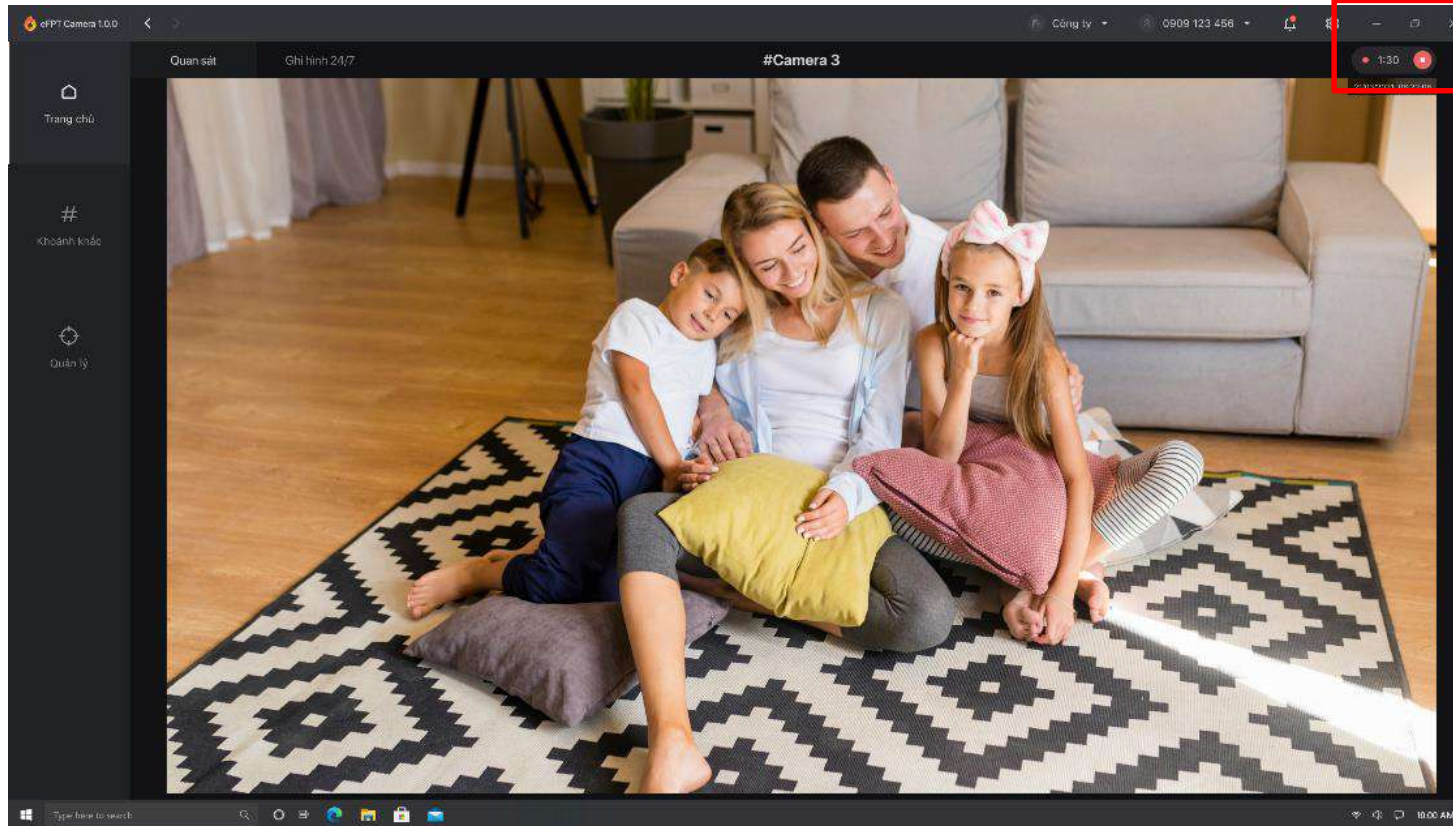
- 1 Click để ghi hình video của livestream tại màn hình xem single livestream



## 8. Chụp hình, ghi hình video (Captured)

### 8.2. Ghi hình video

Màn hình đang ghi hình video



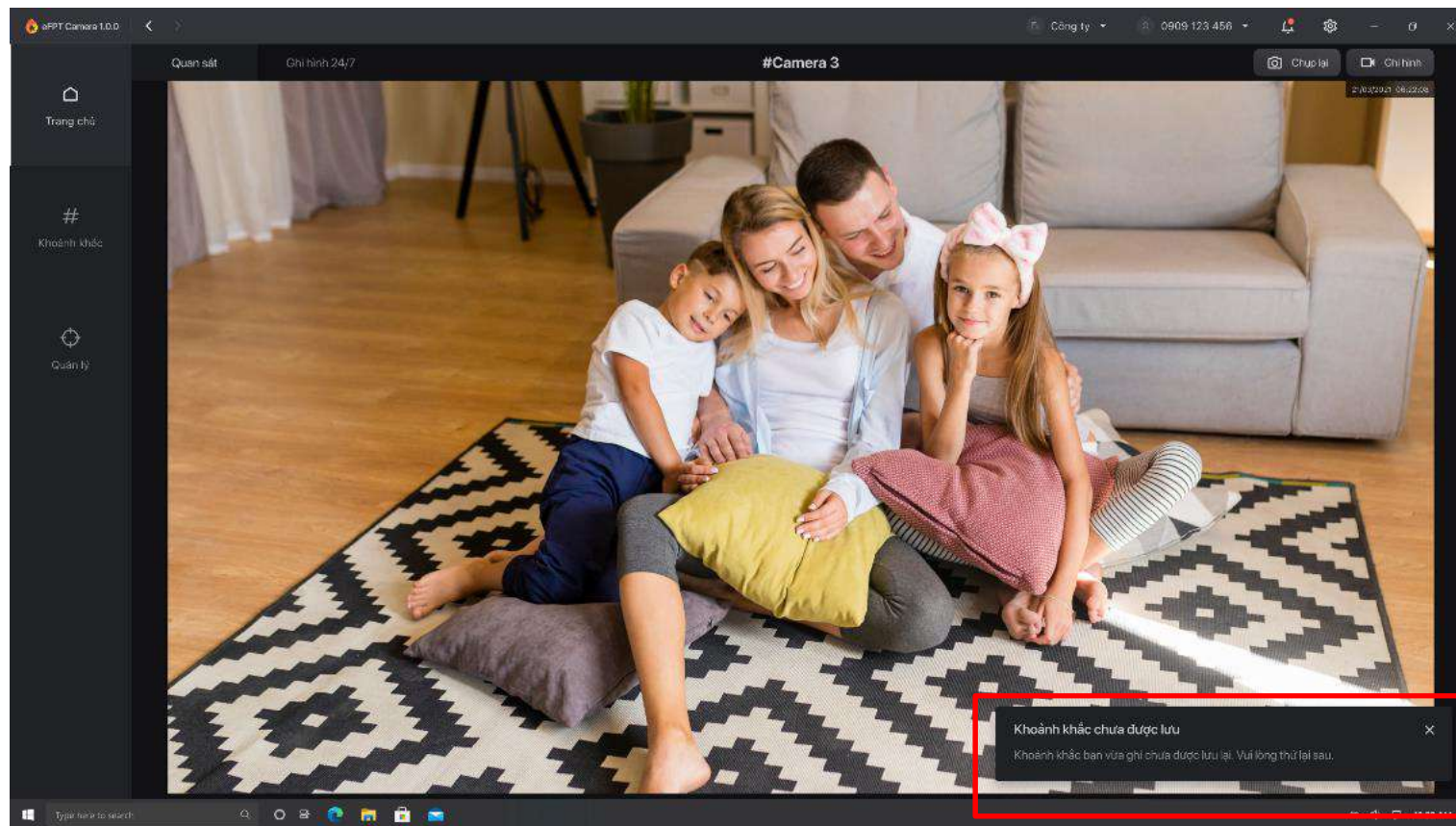
2 Click để ngừng ghi hình

*Thời gian ghi hình tối đa là 1 phút 30 giây, hết thời gian sẽ tự động ngừng ghi hình hoặc click icon stop để ngừng ghi hình.*

### 8. Chụp hình, ghi hình video (Captured)

#### 8.2. Ghi hình video

*Trường hợp 1: lưu video không thành công*



3

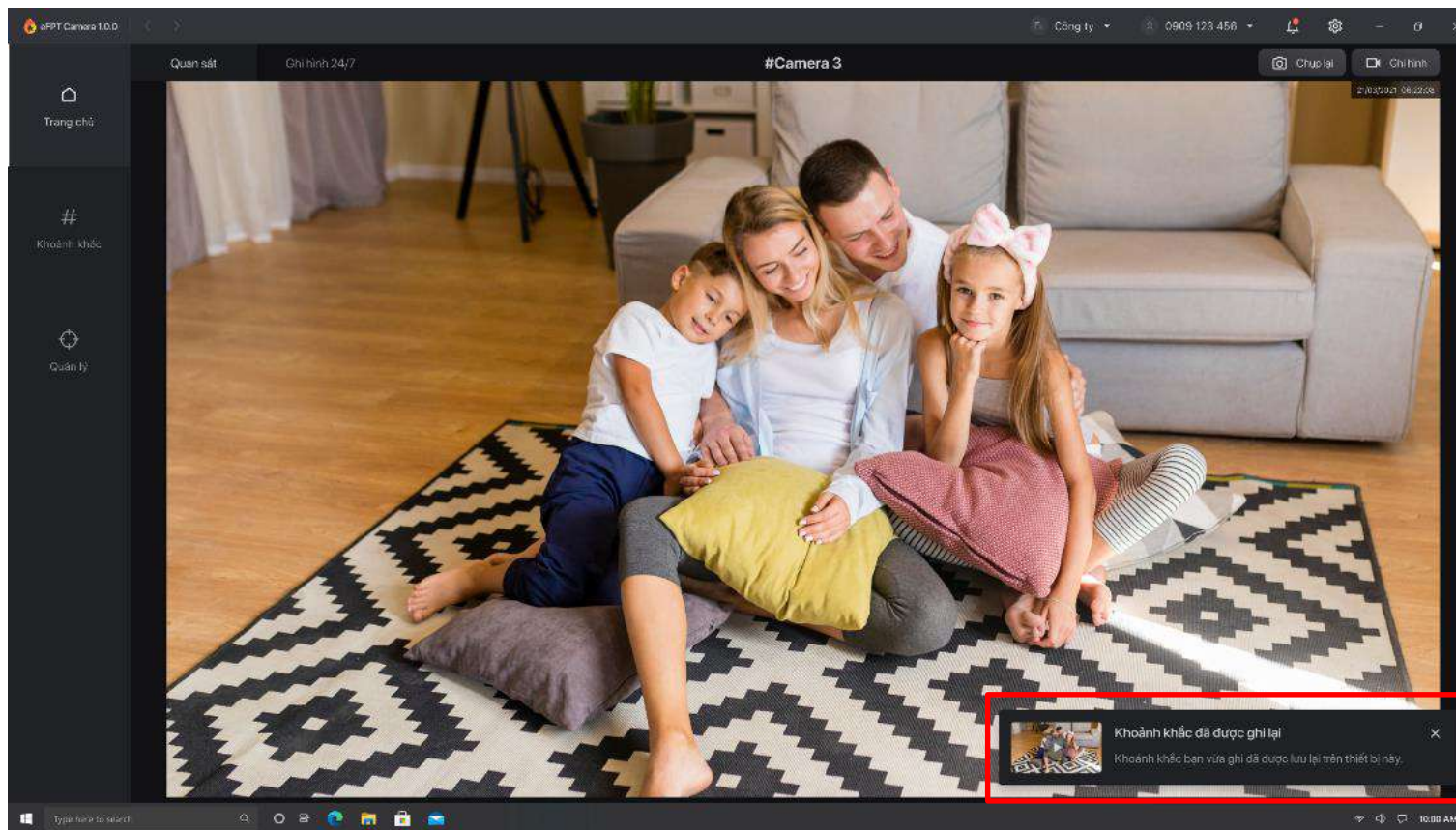
Hiện thị thông báo lưu thất bại  
Để tắt thông báo, click icon “X”  
hoặc tự tắt sau 5 giây



## 8. Chụp hình, ghi hình video (Captured)

### 8.2. Ghi hình video

Trường hợp 2: Lưu video thành công



3.1a

Hiện thị thông báo lưu thành công  
Để tắt thông báo, click icon “x” hoặc tự tắt sau 5 giây

3.1b

Nhấn thông báo để xem video đã ghi trong trang Khoảnh khắc

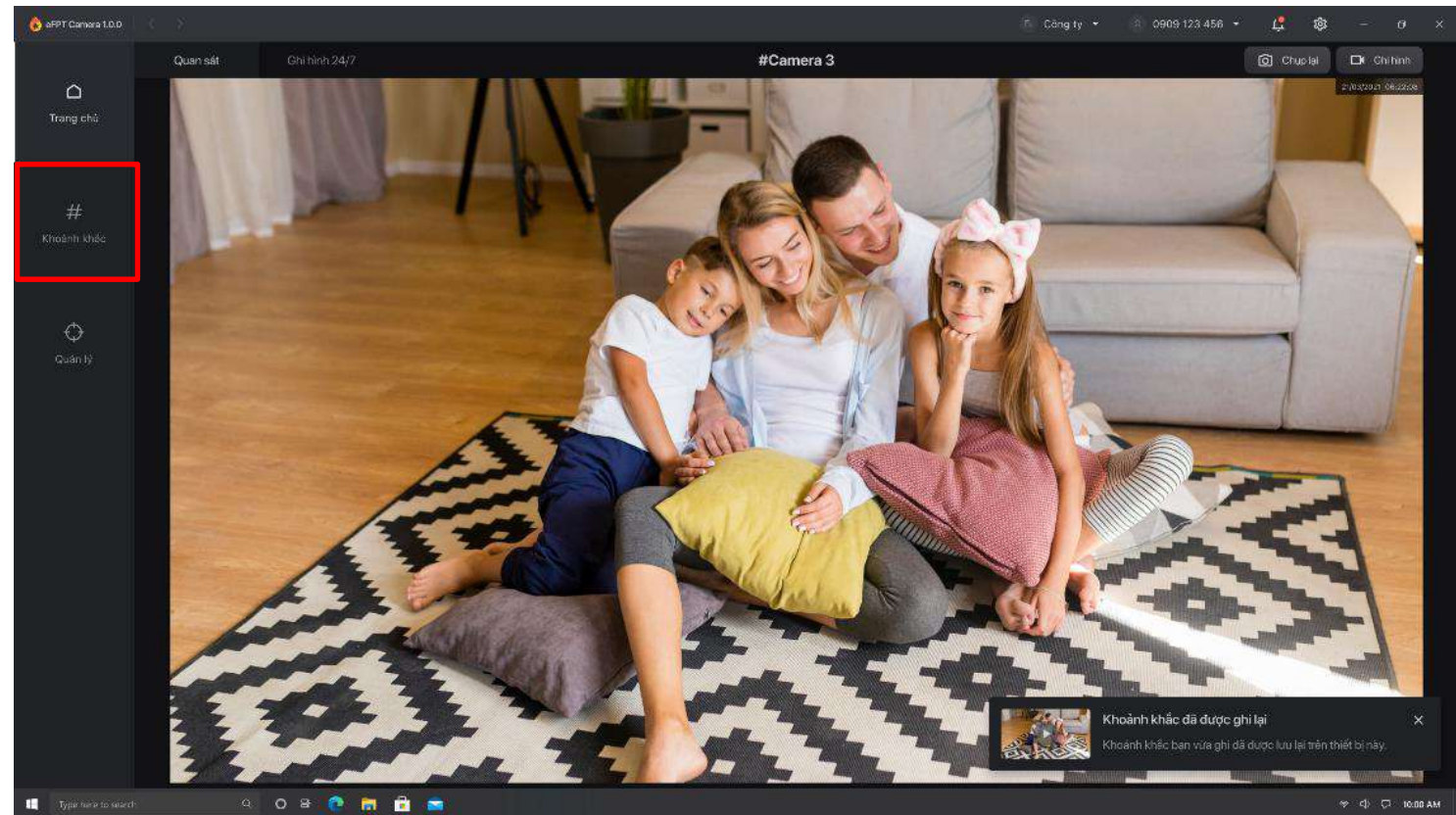
## 8. Chụp hình, ghi hình video (Captured)

### 8.2. Ghi hình video

Video ghi hình trong trang Khoảnh khắc

4.1

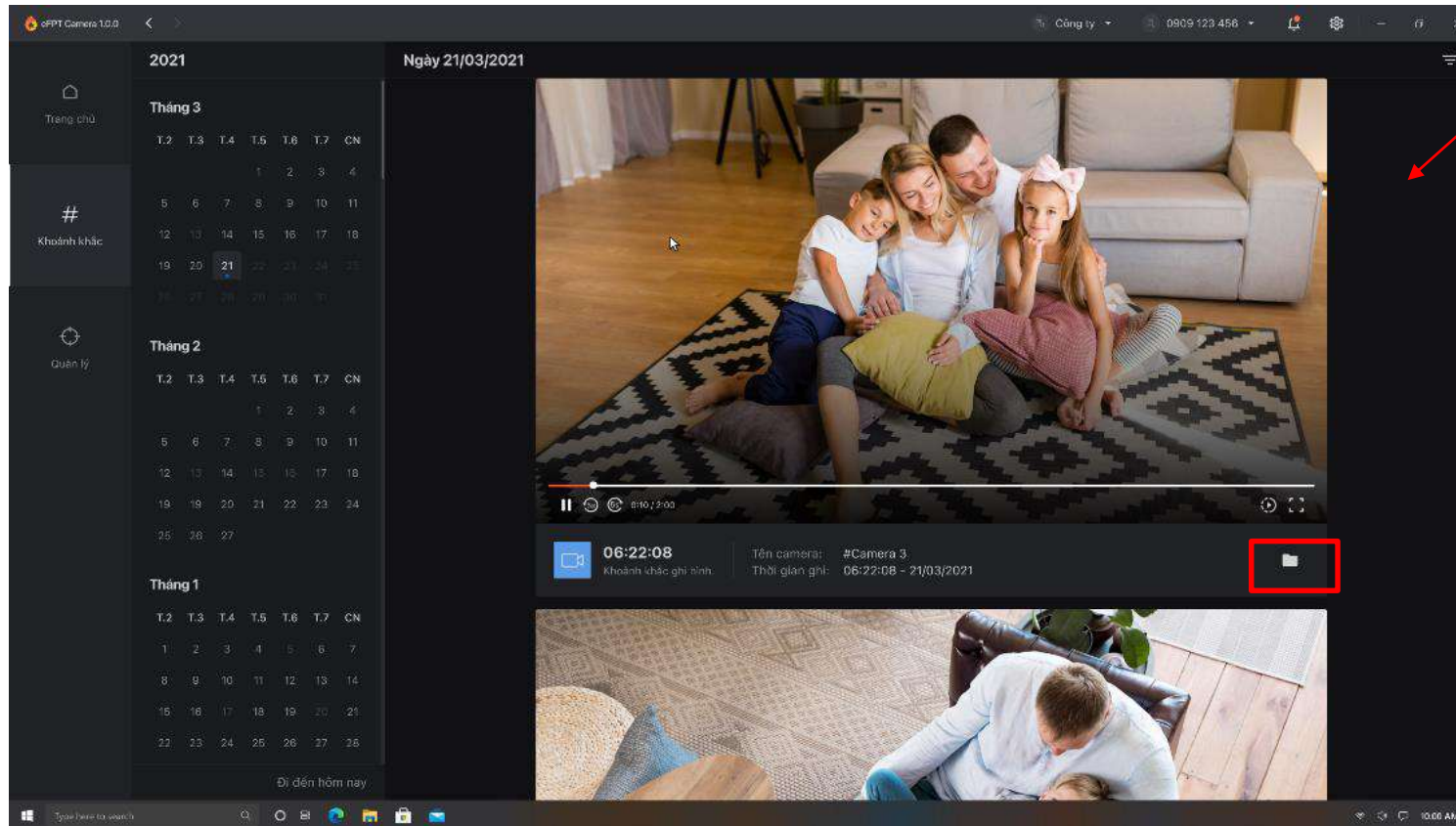
Click tab Khoảnh khắc để xem video vừa được ghi lại



## 8. Chụp hình, ghi hình video (Captured)

### 8.2. Ghi hình video

Video vừa được ghi lại

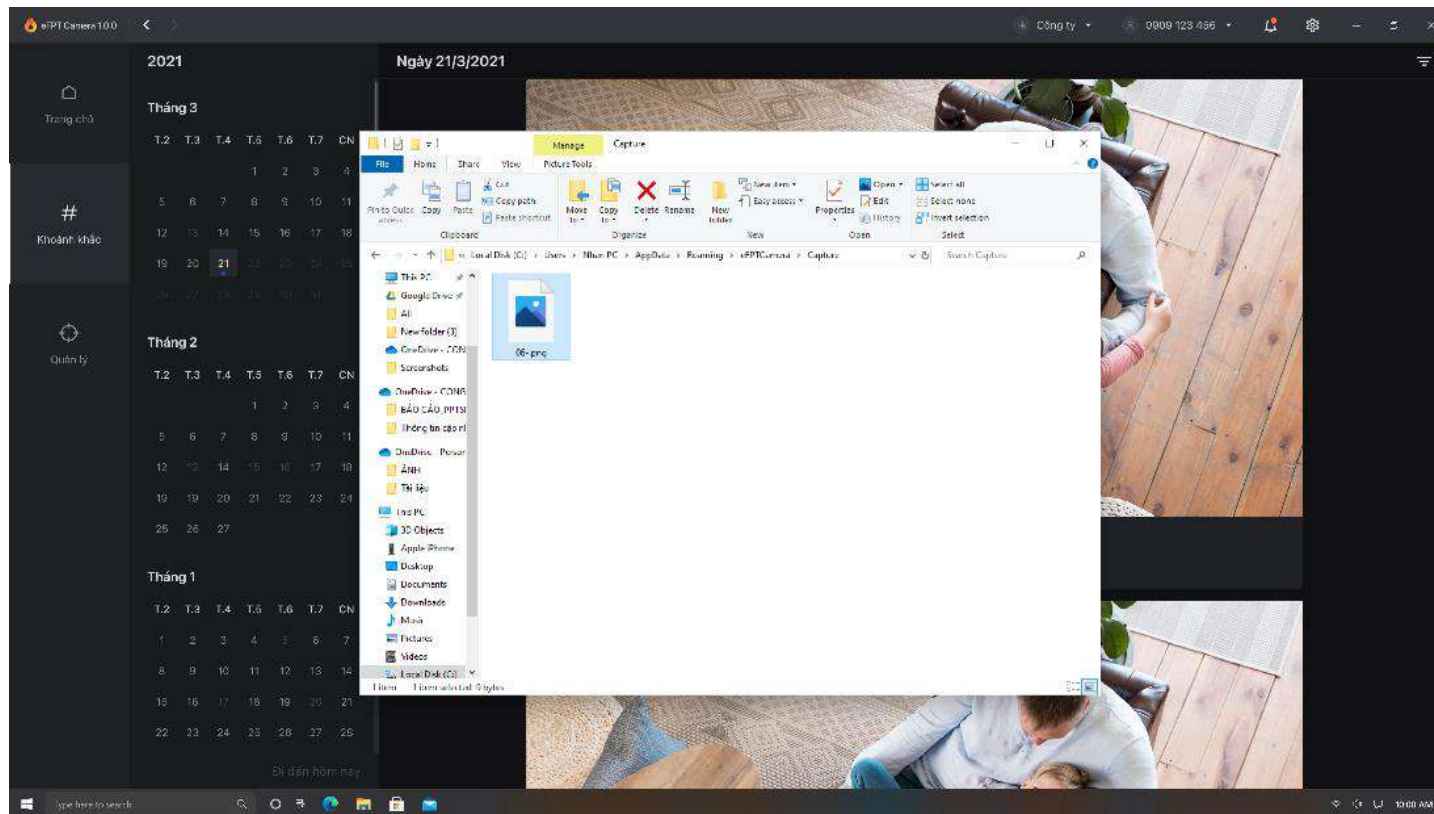


5.1 Click để mở thư mục chứa tệp tin

## 8. Chụp hình, ghi hình video (Captured)

### 8.2. Ghi hình video

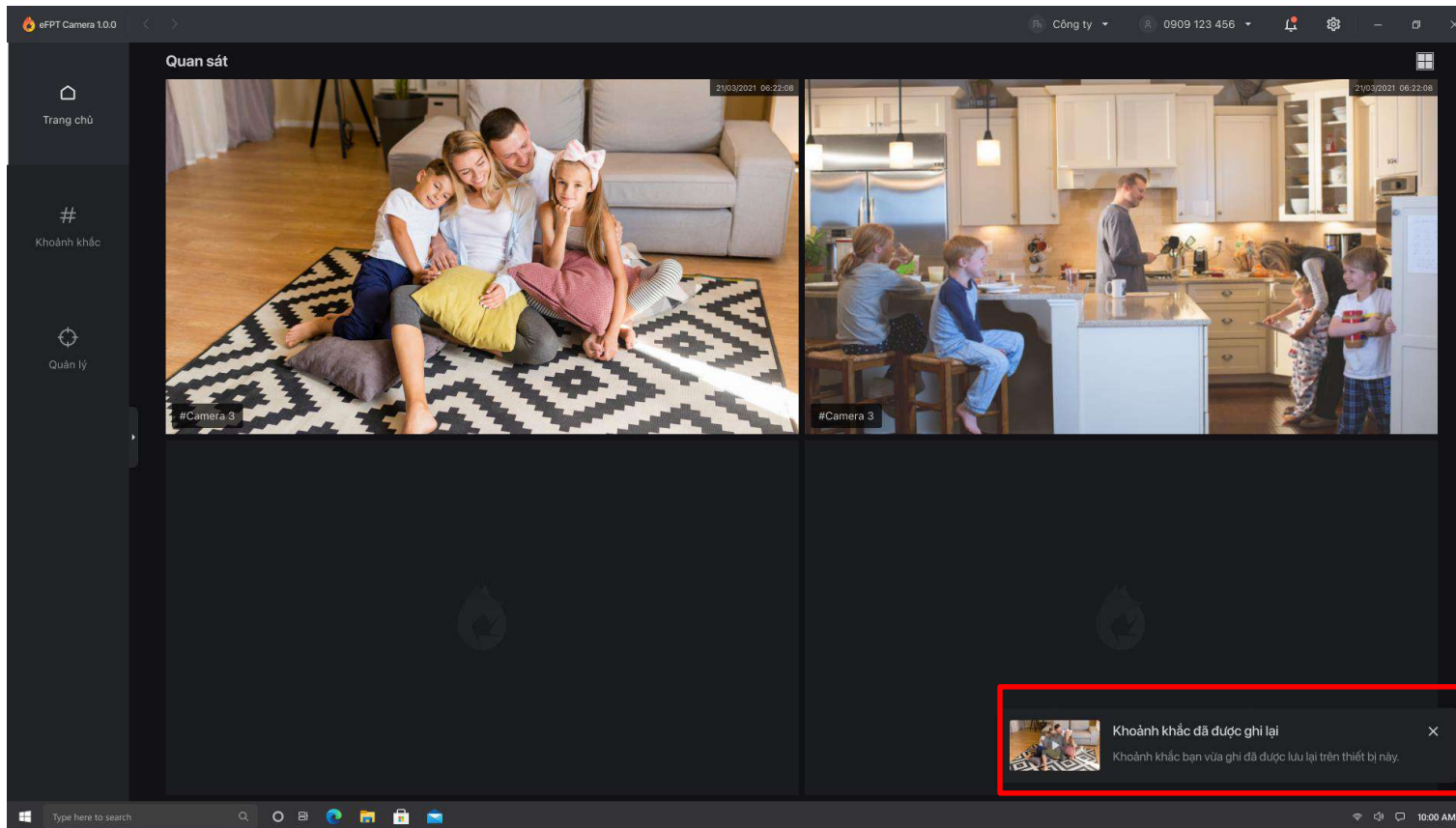
Đối với dữ liệu được ghi thủ công sẽ có thư mục chứa tệp tin dưới máy



## 8. Chụp hình, ghi hình video (Captured)

### 8.2. Ghi hình video

*Trường hợp 3: nhấn sang trang khác khi đang trong quá trình ghi hình*



Khi nhấn chuyển sang trang đang phát livestream hoặc video sẽ kết thúc quá trình ghi hình và tự động lưu video.

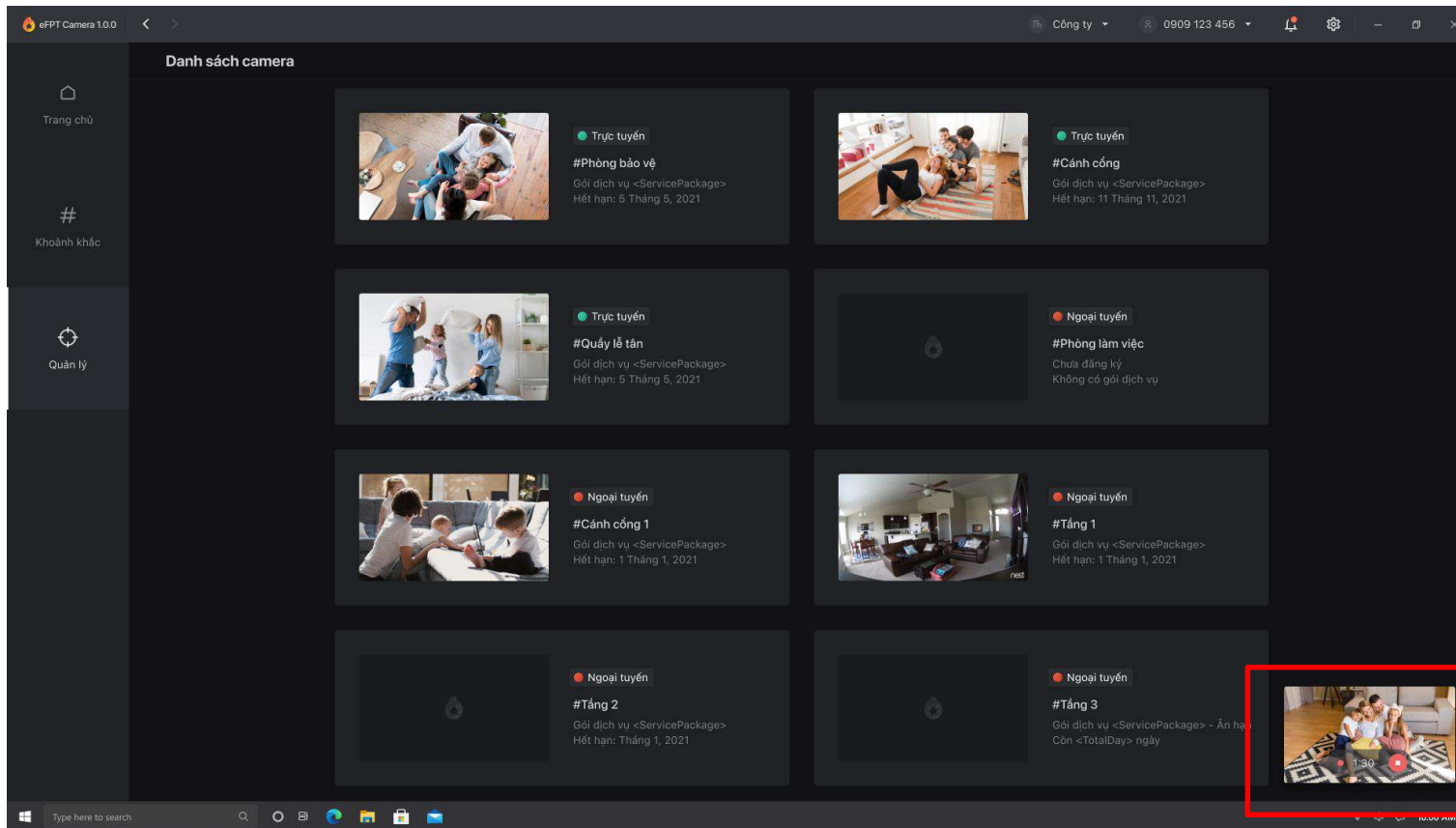
**3.2a** Hiện thị thông báo lưu thành công  
Để tắt thông báo, click icon “x” hoặc tự tắt sau 5 giây

**3.2b** Nhấn thông báo để xem video đã ghi trong trang Khoảnh khắc

## 8. Chụp hình, ghi hình video (Captured)

### 8.2. Ghi hình video

*Trường hợp 3: nhấn sang trang khác khi đang trong quá trình ghi hình*



Khi nhấn chuyển sang trang đích là trang livestream (chế độ xem 1 camera hoặc chế độ xem lưới); trang có video chưa được phát hoặc trang đích không có video và livestream thì vẫn tiếp tục quá trình ghi hình và hiển thị dưới dạng picture-in-picture (PiP)

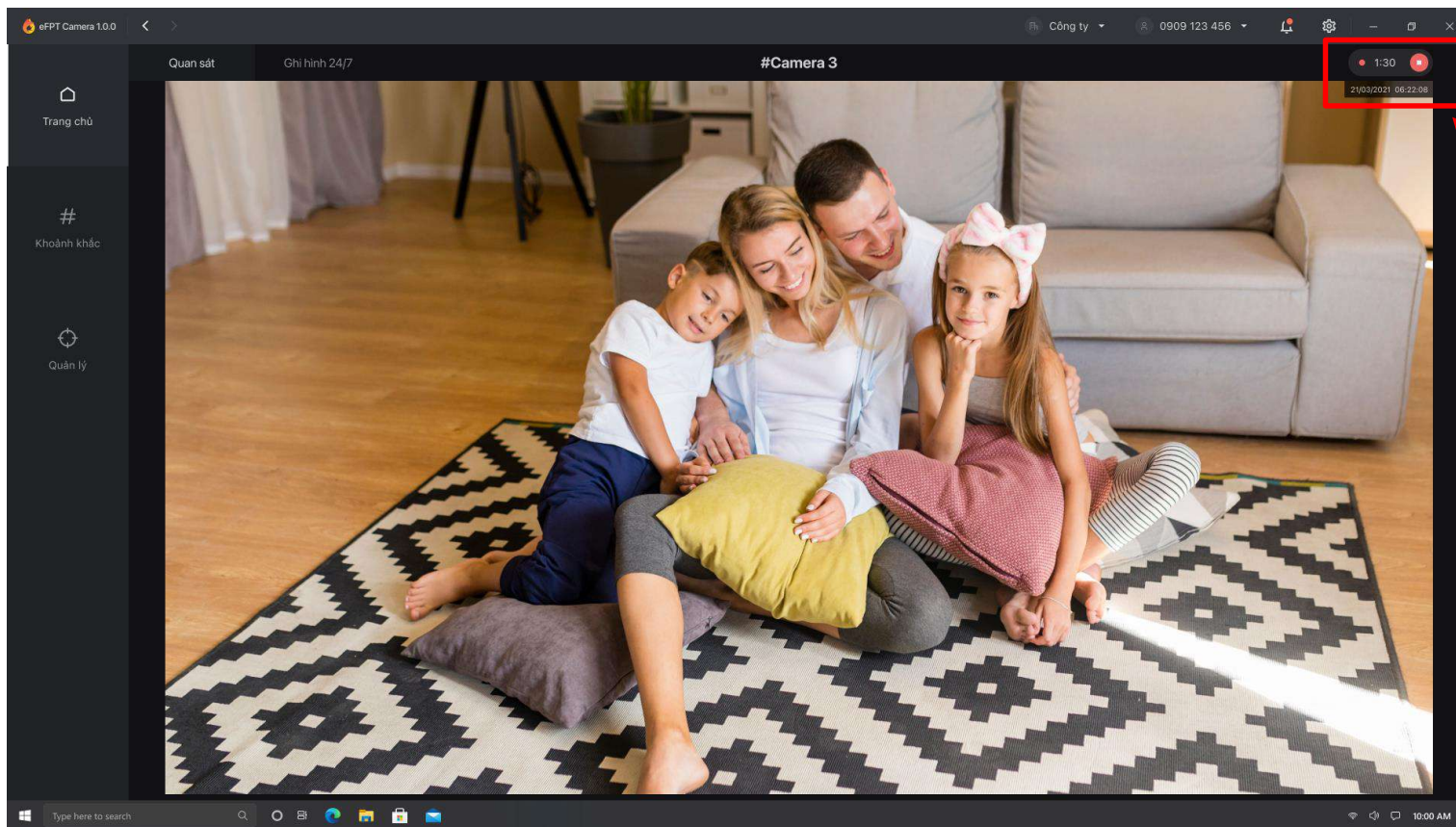
**3.3a** Có thể nhấn và giữ PiP để di chuyển toàn màn hình

**3.3b** Click nút stop trên PiP để ngừng ghi hình hoặc tự động ngừng sau 1 phút 30 giây

## 8. Chụp hình, ghi hình video (Captured)

### 8.2. Ghi hình video

*Trường hợp 4: nhấn sang trang khác khi đang hiển thị PiP*



Khi đang trong quá trình ghi và hiển thị PiP, nhấn về lại trang livestream đang ghi thì sẽ tắt PiP và tiếp tục ghi hình video.

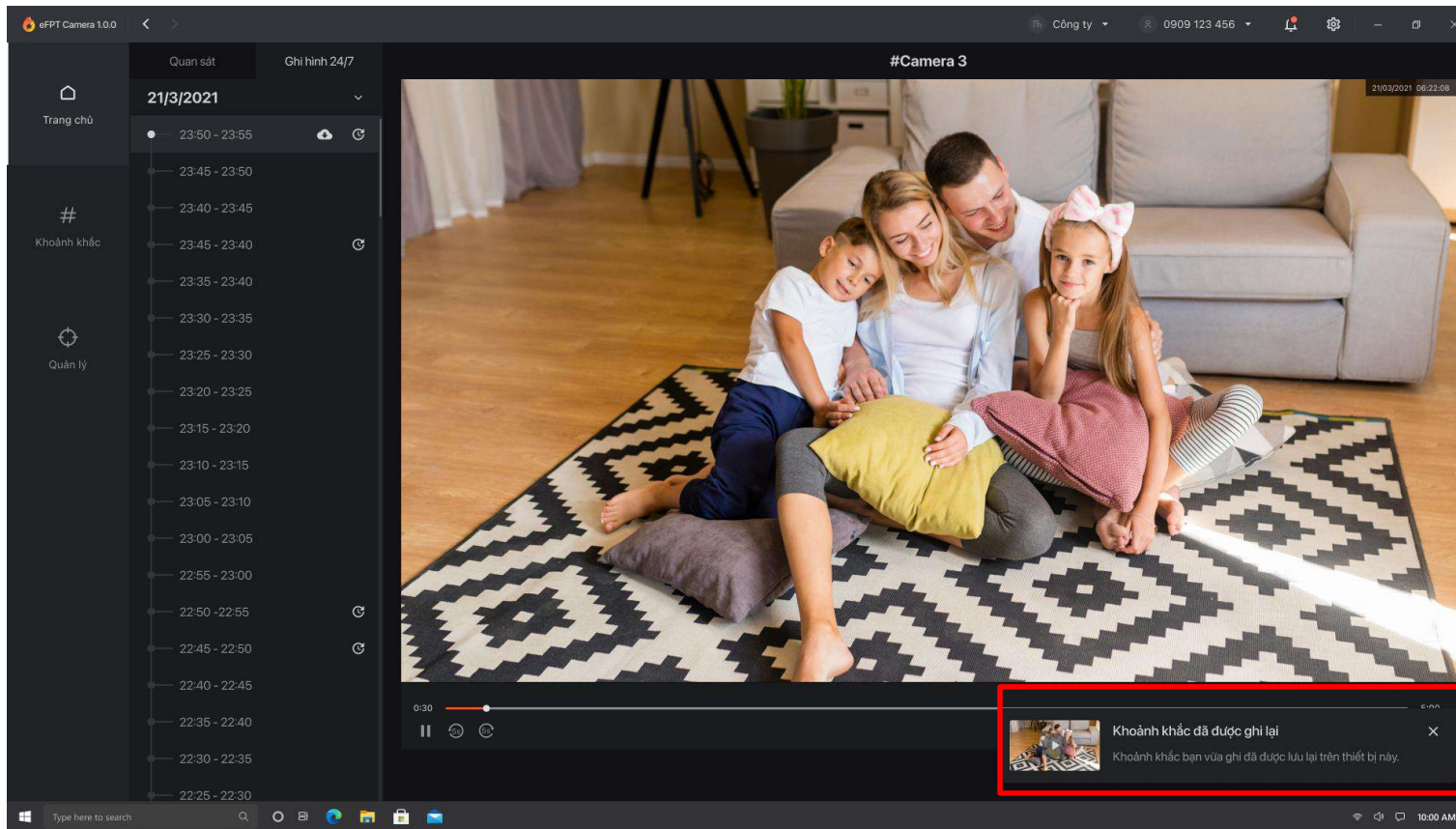
**3.4**

Click nút stop để ngừng ghi hình hoặc tự động ngừng sau 1 phút 30 giây

## 8. Chụp hình, ghi hình video (Captured)

### 8.2. Ghi hình video

*Trường hợp 4: nhấn sang trang khác khi đang hiển thị PiP*



Khi đang trong quá trình ghi và hiển thị PiP, nhấn chuyển sang trang đang phát livestream hoặc video sẽ tắt PiP, kết thúc quá trình ghi hình và tự động lưu video.

**3.5a** Hiện thị thông báo lưu thành công  
Để tắt thông báo, click icon “x” hoặc tự tắt sau 5 giây

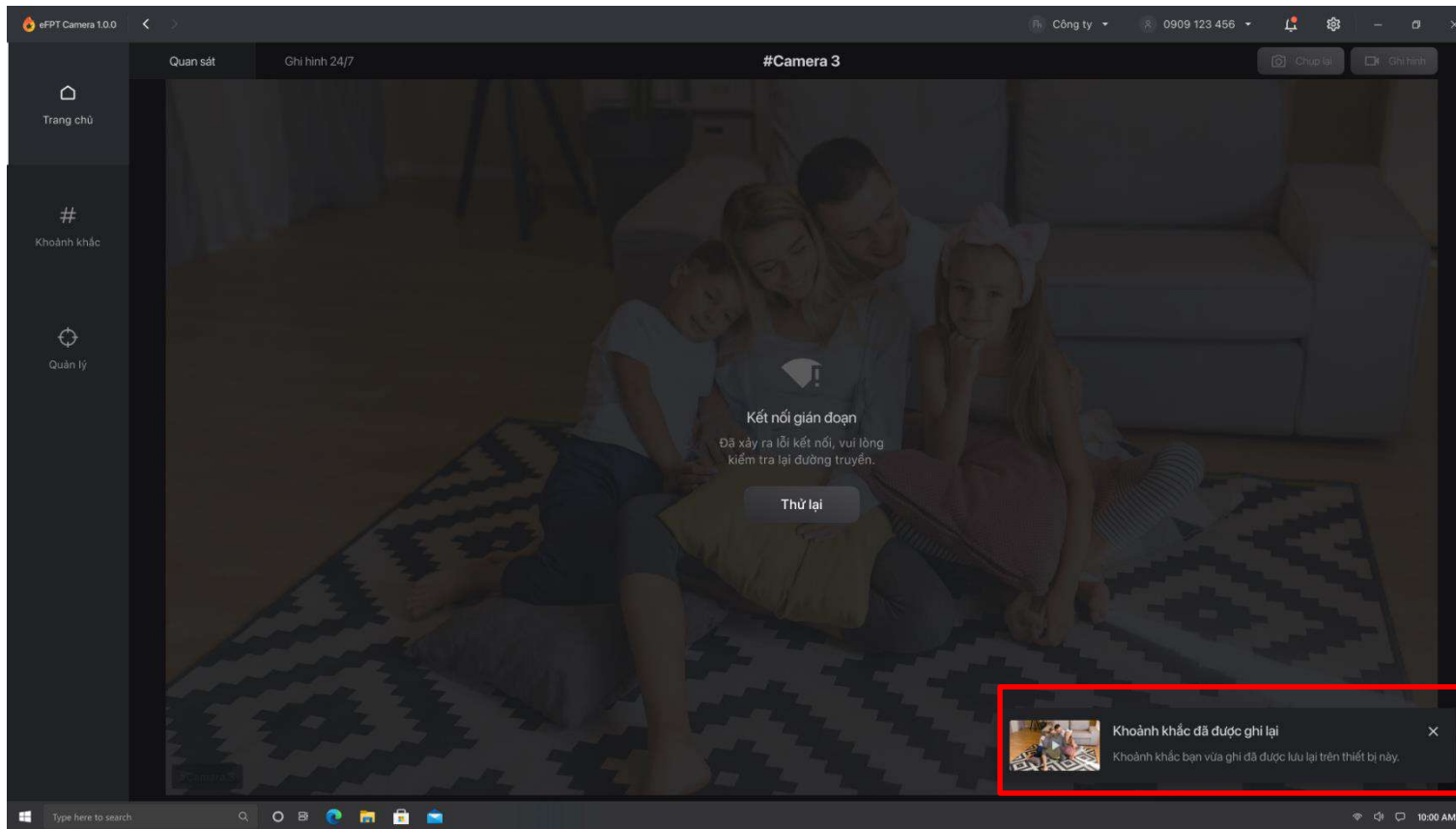
**3.5b** Nhấn thông báo để xem video đã ghi trong trang Khoảnh khắc



## 8. Chụp hình, ghi hình video (Captured)

### 8.2. Ghi hình video

*Trường hợp 5: mất kết nối internet khi đang trong quá trình ghi hình*



Khi đang trong quá trình ghi hình nhưng gặp sự cố internet, kết thúc quá trình ghi hình và tự động lưu video.

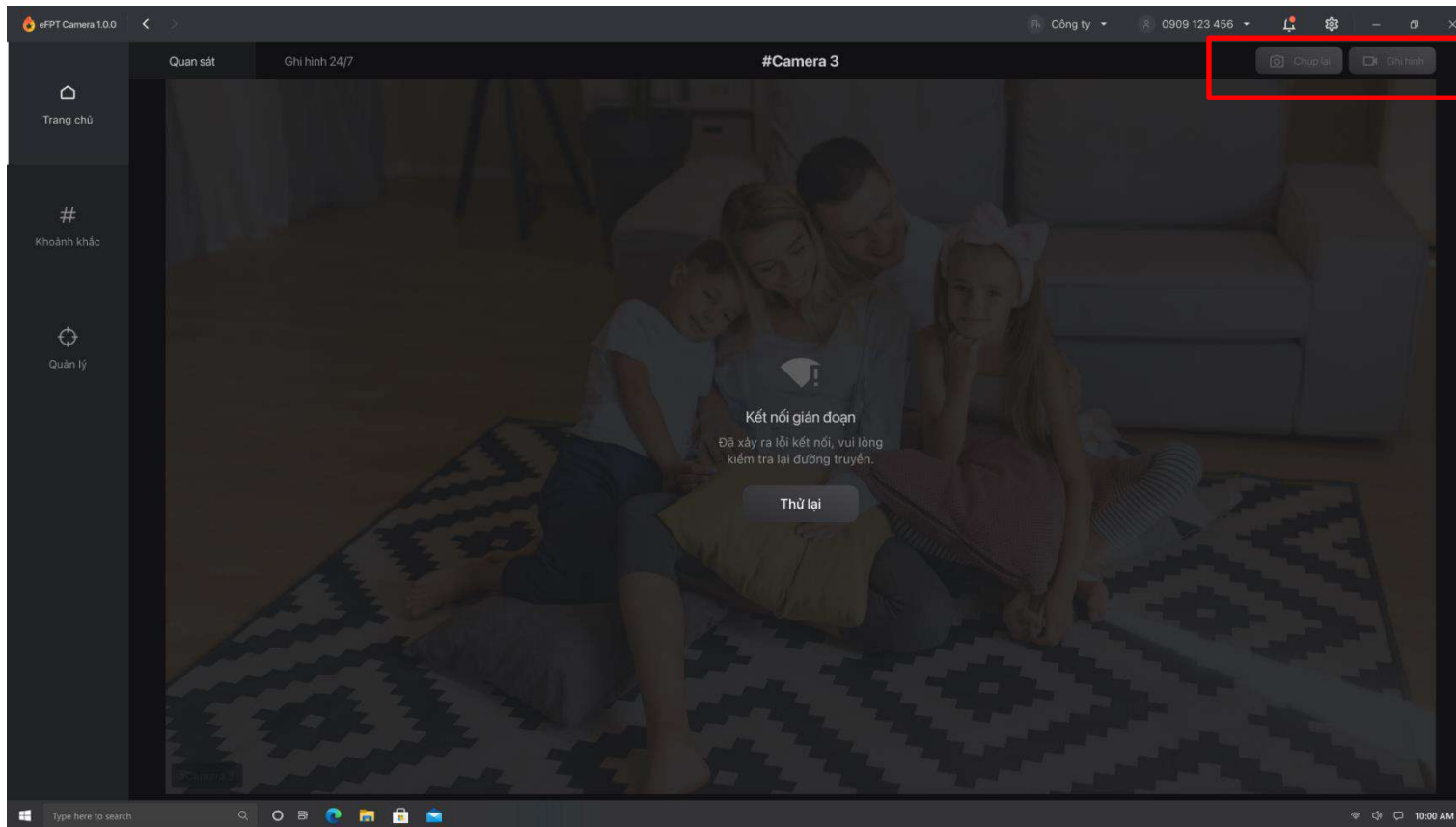
**3.6a** Hiện thị thông báo lưu thành công  
Để tắt thông báo, click icon “x” hoặc tự tắt sau 5 giây

**3.6b** Nhấn thông báo để xem video đã ghi trong trang Khoảnh khắc

## 8. Chụp hình, ghi hình video (Captured)

### 8.2. Ghi hình video

*Trường hợp 6: livestream đang gặp sự cố không được phát*



Khi livestream không được phát, nút ghi hình video không thể thao tác

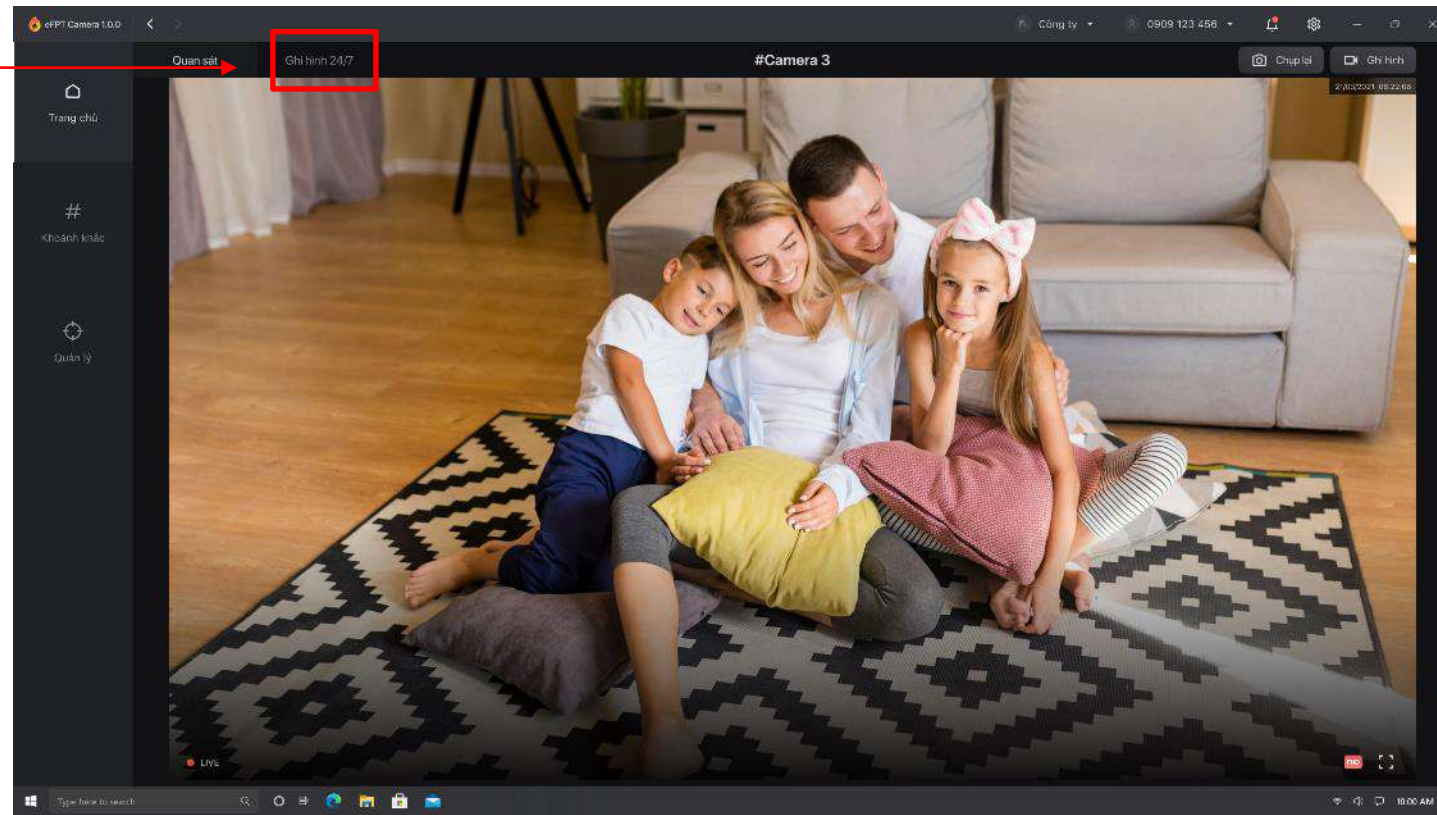
## 9. Xem video full recording 24/7

### 9.1. Xem full recording dữ liệu Cloud

#### 9.1.1. Dữ liệu của ngày hiện tại

Màn hình đang ở chế độ xem livestream

- 1 Click biểu tượng 24/7 để xem các video full recording

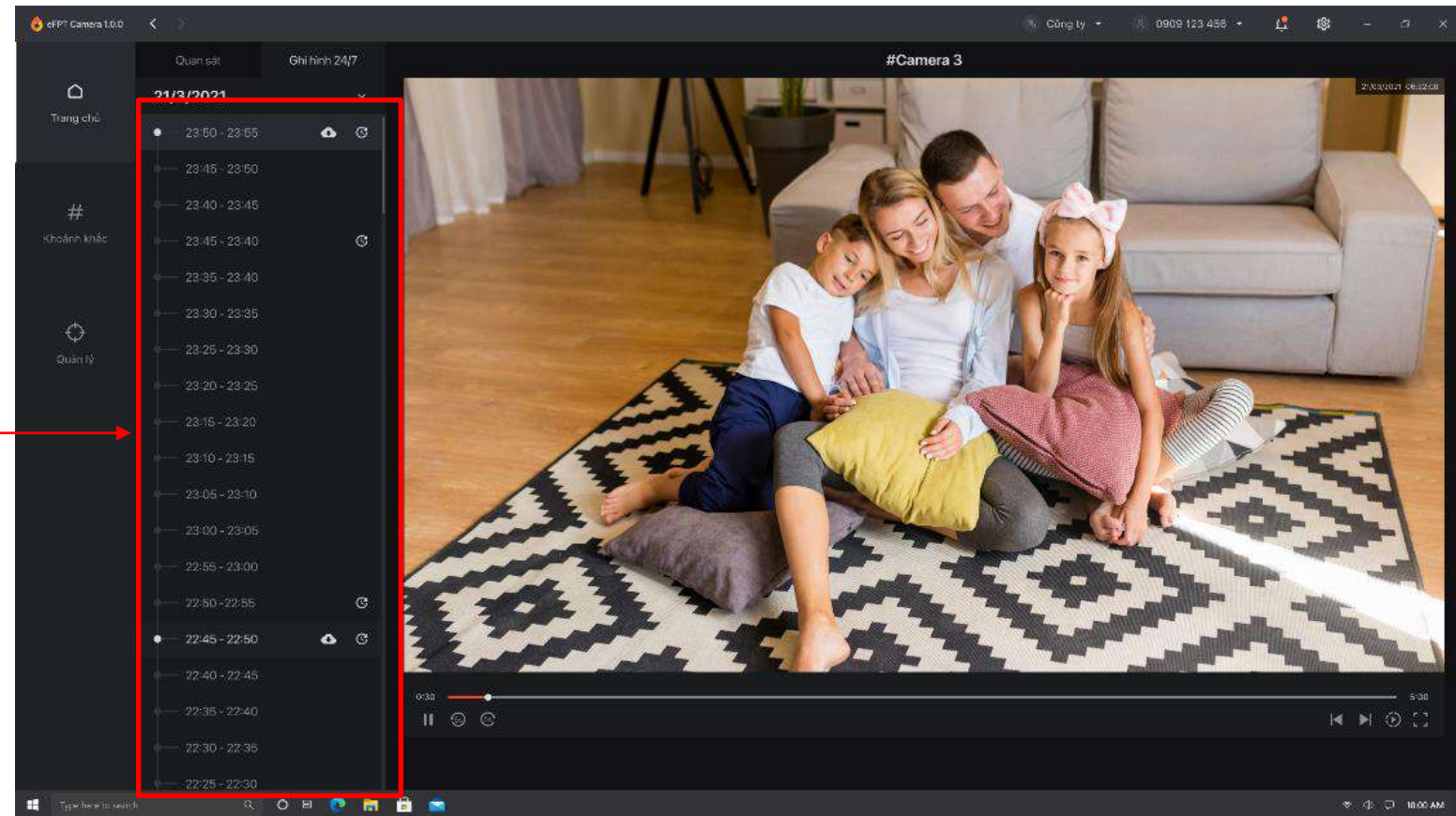


## 9. Xem video full recording 24/7

### 9.1. Xem full recording dữ liệu Cloud

#### 9.1.1. Dữ liệu của ngày hiện tại

2 Click để chọn khung giờ cần xem video



## 9. Xem video full recording 24/7

### 9.1. Xem full recording dữ liệu Cloud

#### 9.1.1. Dữ liệu của ngày hiện tại

The screenshot shows the FPT Camera 1.0.0 interface. On the left, there is a list of recordings for the date 21/3/2021, with a time range from 22:25 to 23:55. The main area displays a video player showing a family sitting on a rug. The video player has a progress bar at the bottom with a play/pause button, a seek bar, and a volume icon. To the right of the video player, there is a speed control menu with options: Chậm (0.5x), Bình thường (checked), and Nhanh (2x). Below the video player, there are several control buttons: a play/pause button, a 5s rewind button, a 5s fast forward button, a full screen button, and a list navigation button.

**3** Click để phát/dừng video

**3.1** Click để tua về trước 5 giây/về sau 5 giây  
**Hoặc** nhấn mũi tên trái/phải trên bàn phím

**3.2** Click 1 điểm hoặc giữ và kéo trên thanh thời gian để chọn thời gian xem

**3.3** Click để xem video liền trước trong danh sách

**3.4** Click để chọn tốc độ phát video

**3.5** Click để xem video chế độ toàn màn hình

### 9. Xem video full recording 24/7

#### 9.1. Xem full recording dữ liệu Cloud

##### 9.1.1. Dữ liệu của ngày hiện tại

#### 4.5 Màn hình xem full recording chế độ toàn màn hình

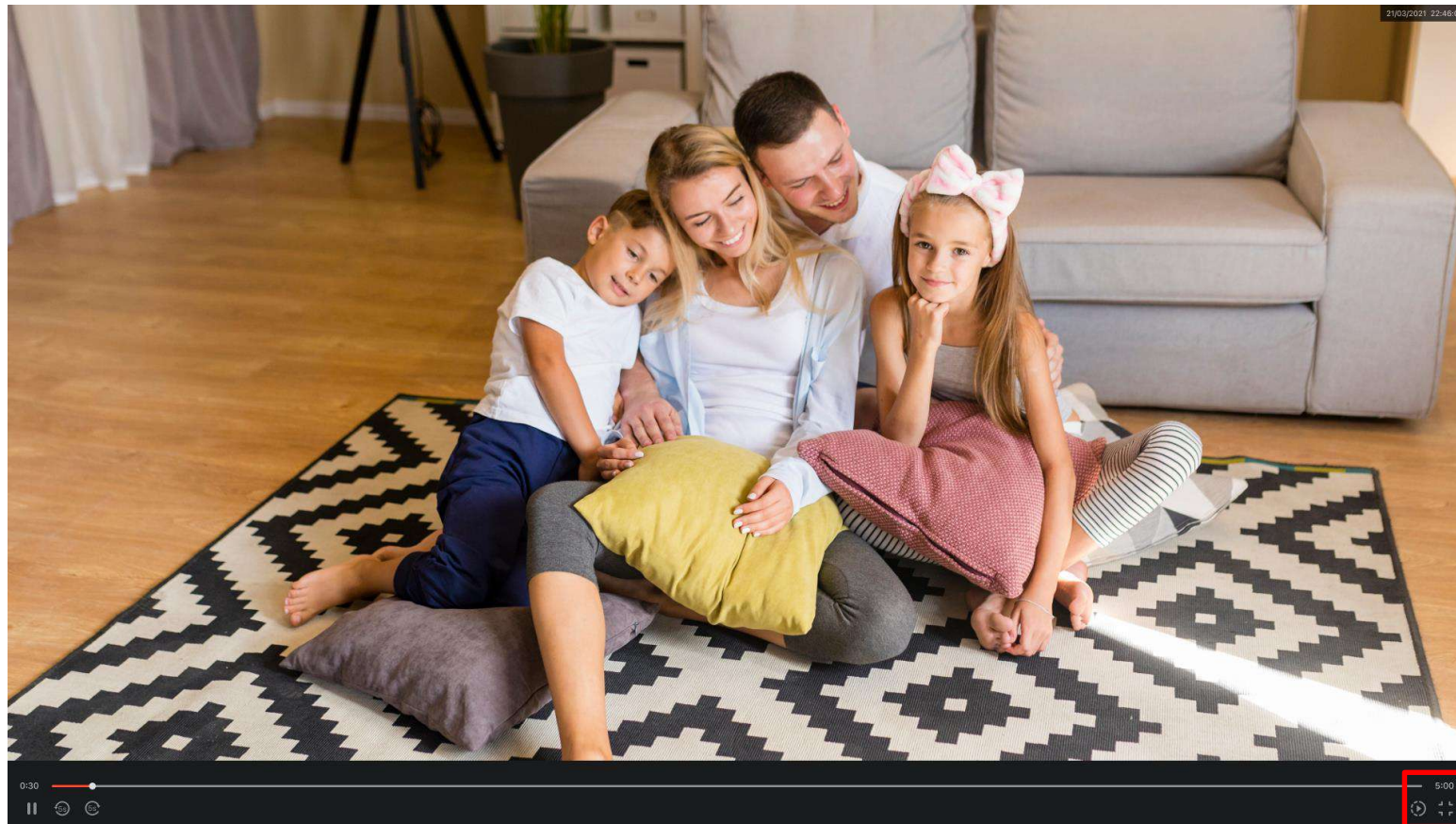
**5.5**  
Rê chuột vào  
vùng phát video để  
hiển thị thanh playbar



### 9. Xem video full recording 24/7

#### 9.1. Xem full recording dữ liệu Cloud

##### 9.1.1. Dữ liệu của ngày hiện tại



6.5

Click để tắt chế độ toàn màn hình

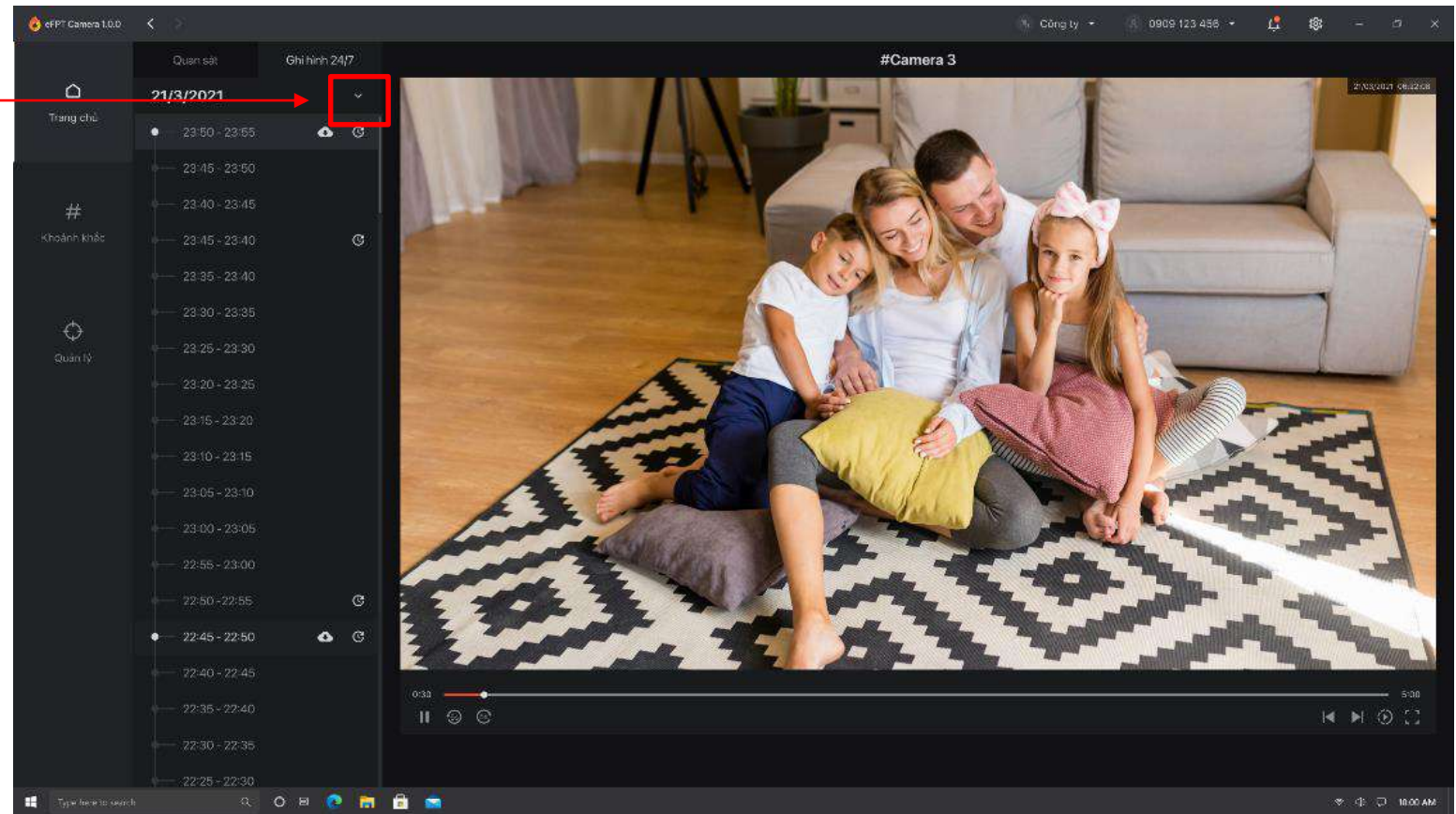
## 9. Xem video full recording 24/7

### 9.1. Xem full recording dữ liệu Cloud

#### 9.1.2. Dữ liệu của ngày trong quá khứ



1 Click icon để hiển thị lịch





## 9. Xem video full recording 24/7

### 9.1. Xem full recording dữ liệu Cloud

#### 9.1.2. Dữ liệu của ngày trong quá khứ

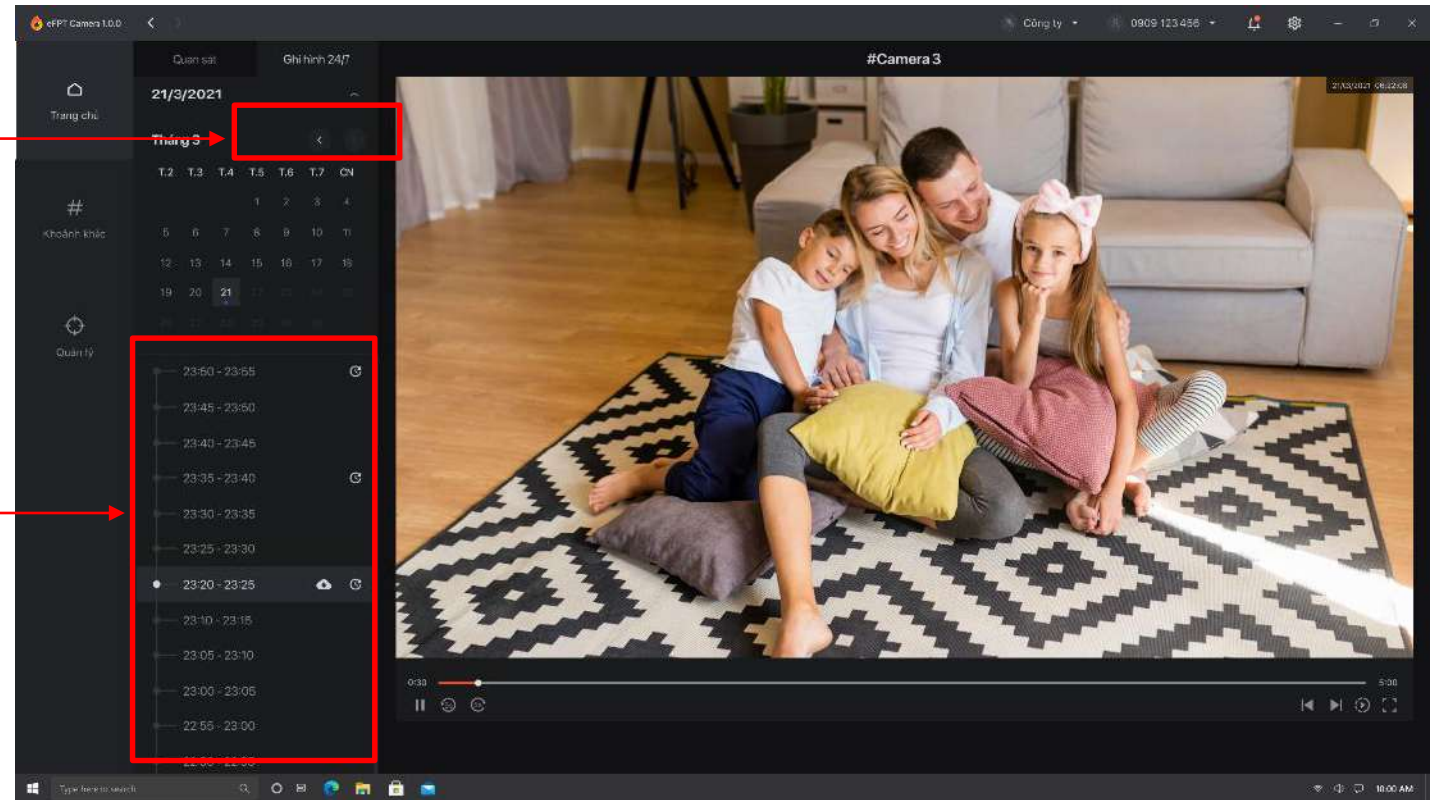
2



Chọn ngày của tháng hiện tại tại **Hoặc** click mũi tên trên lịch để lùi về tháng trước.

3

Click để chọn khung giờ cần xem video



- Ngày có chấm xanh là ngày hiện tại.
- Ngày có màu đậm hơn là ngày có dữ liệu.
- Ngày có màu nhạt hơn là ngày không có dữ liệu.

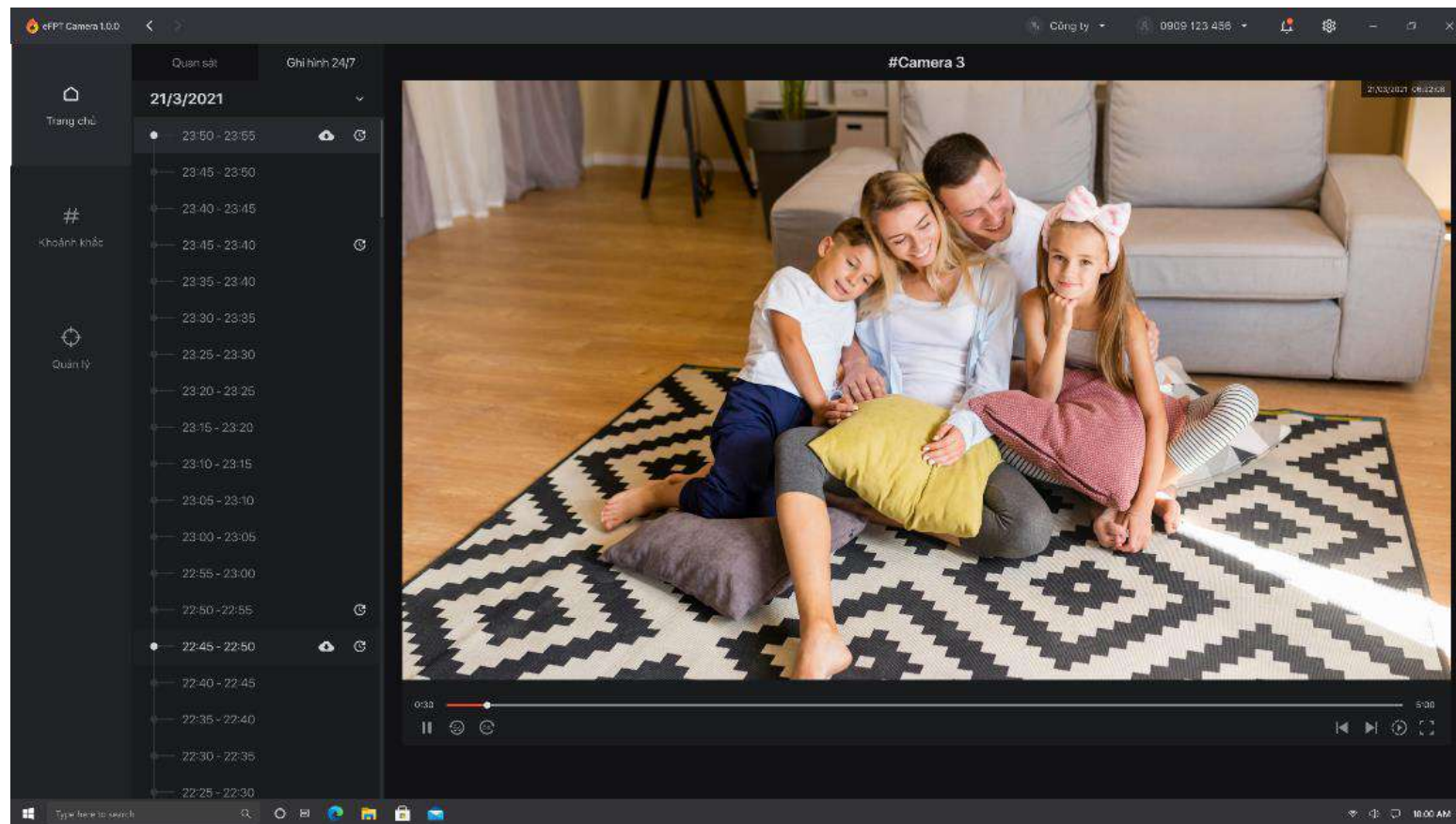
## 9. Xem video full recording 24/7

### 9.2. Xem full recording dữ liệu dự phòng (ANR) (Chưa áp dụng)

Các bước để xem dữ liệu ANR

*Xem mục 9.1, tiểu mục a*

Những video có icon đồng hồ là video dữ liệu dự phòng

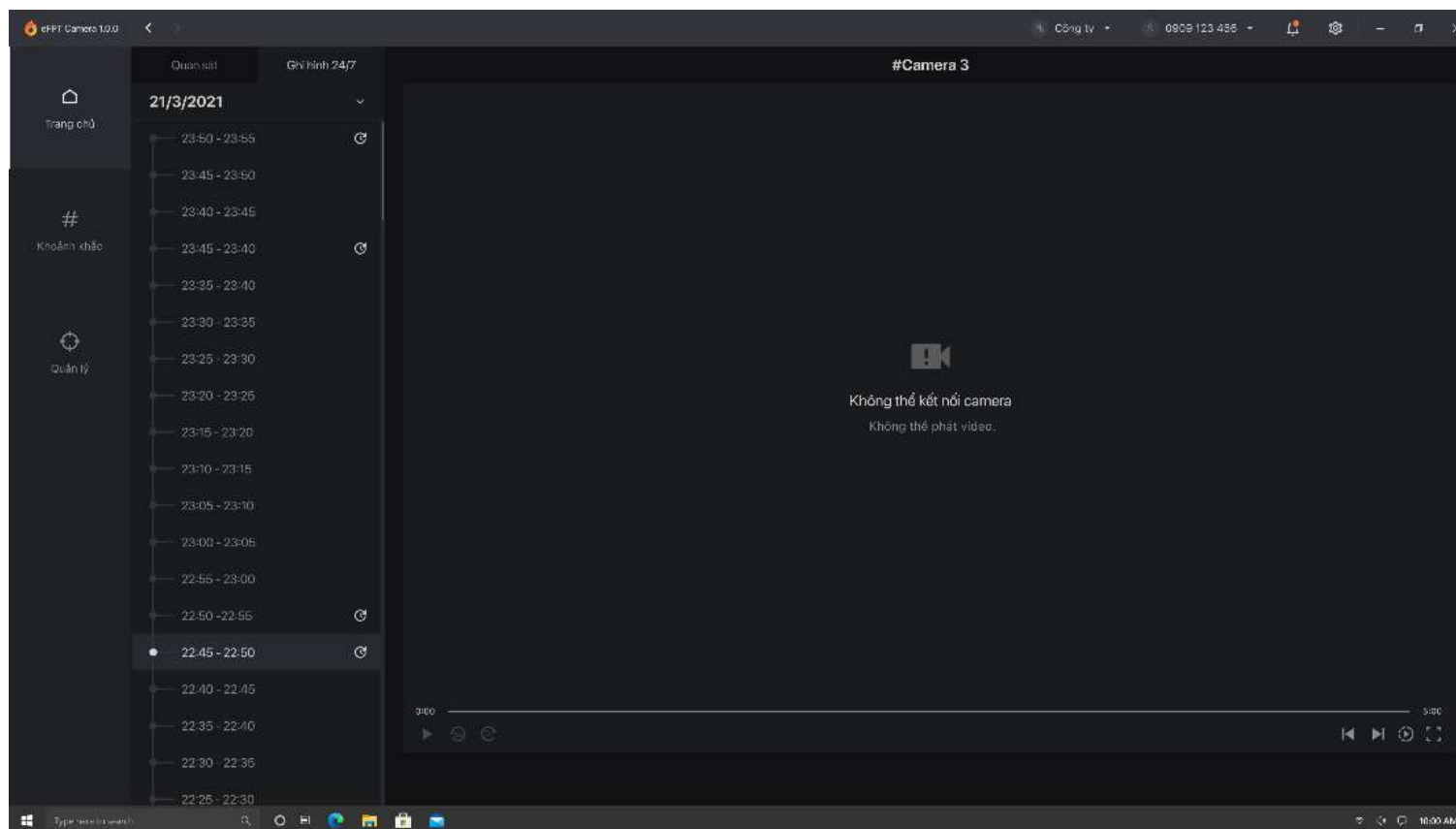


Trong khoảng 24h - tính từ thời điểm hiện tại, nếu xảy ra sự cố (VD: mất internet) dữ liệu ghi hình không được lưu trữ trên Cloud thì user có thể xem và truy xuất dữ liệu này trong vòng 24h bằng các video ANR.

## 9. Xem video full recording 24/7

### 9.2. Xem full recording dữ liệu dự phòng (ANR) (Chưa áp dụng)

*Trường hợp: không kết nối được với camera*



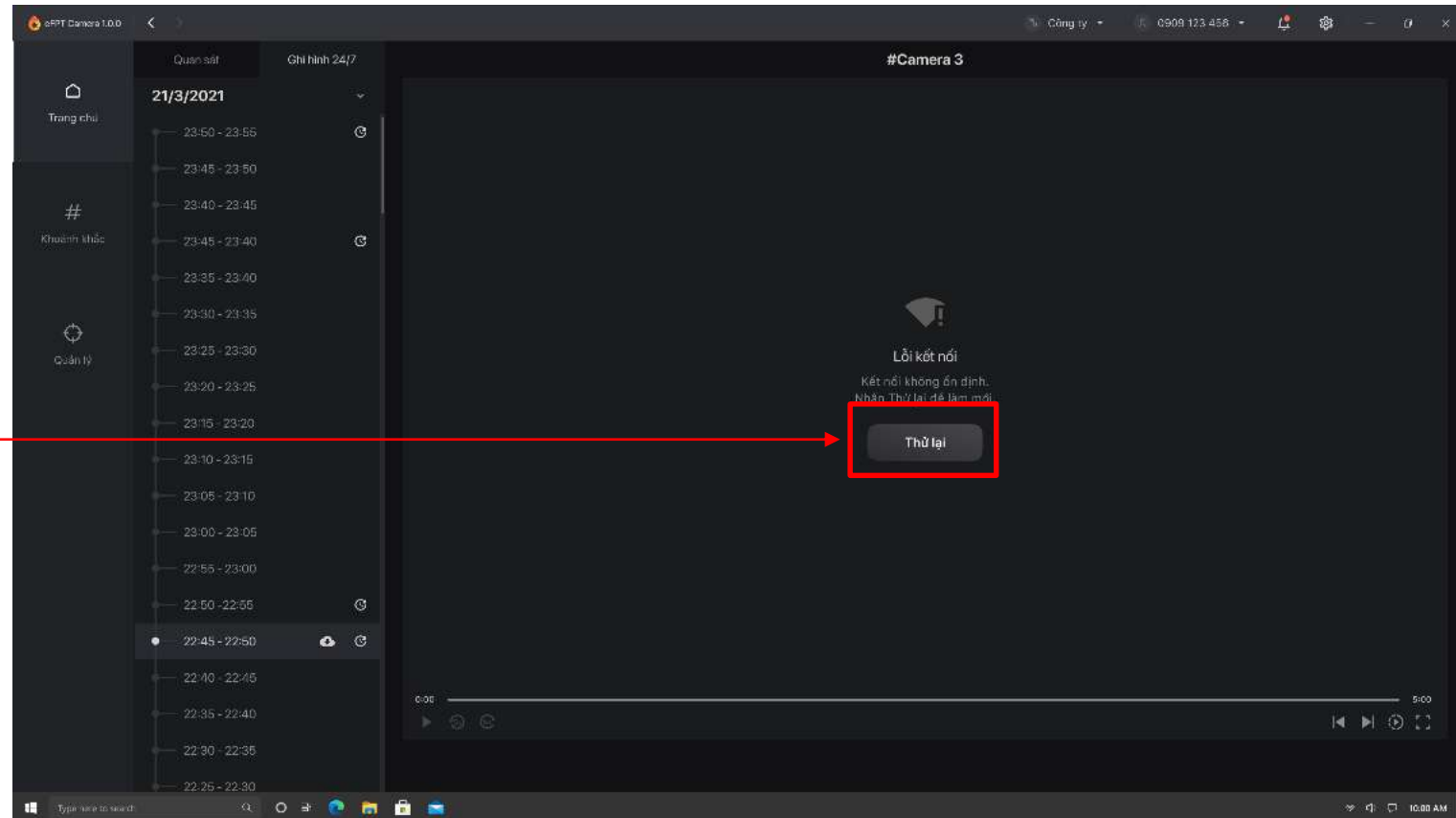
*Trong khoảng 24h - tính từ thời điểm hiện tại, nếu xảy ra sự cố (VD: mất internet) dữ liệu ghi hình không được lưu trữ trên Cloud thì user có thể xem và truy xuất dữ liệu này trong vòng 24h bằng các video ANR.*

## 9. Xem video full recording 24/7

### 9.3. Các trường hợp lỗi không xem được video (đối với dữ liệu Cloud và dữ liệu dự phòng)

*Trường hợp: lỗi kết nối - kết nối internet không ổn định*

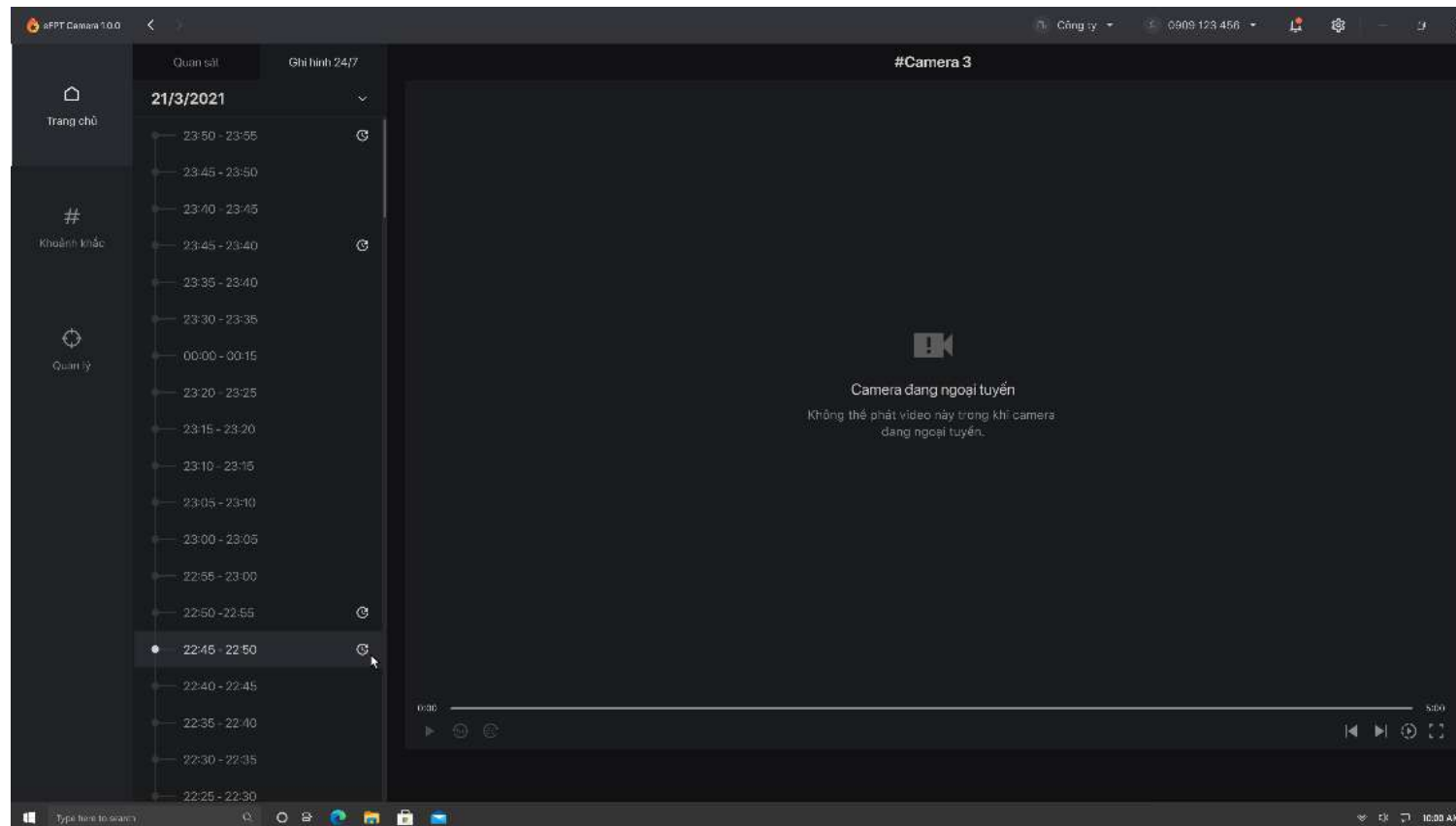
Click để tải lại video



## 9. Xem video full recording 24/7

### 9.3. Các trường hợp lỗi không xem được video (đối với dữ liệu Cloud và dữ liệu dự phòng)

*Trường hợp: camera offline*



## 10. Tải video full recording

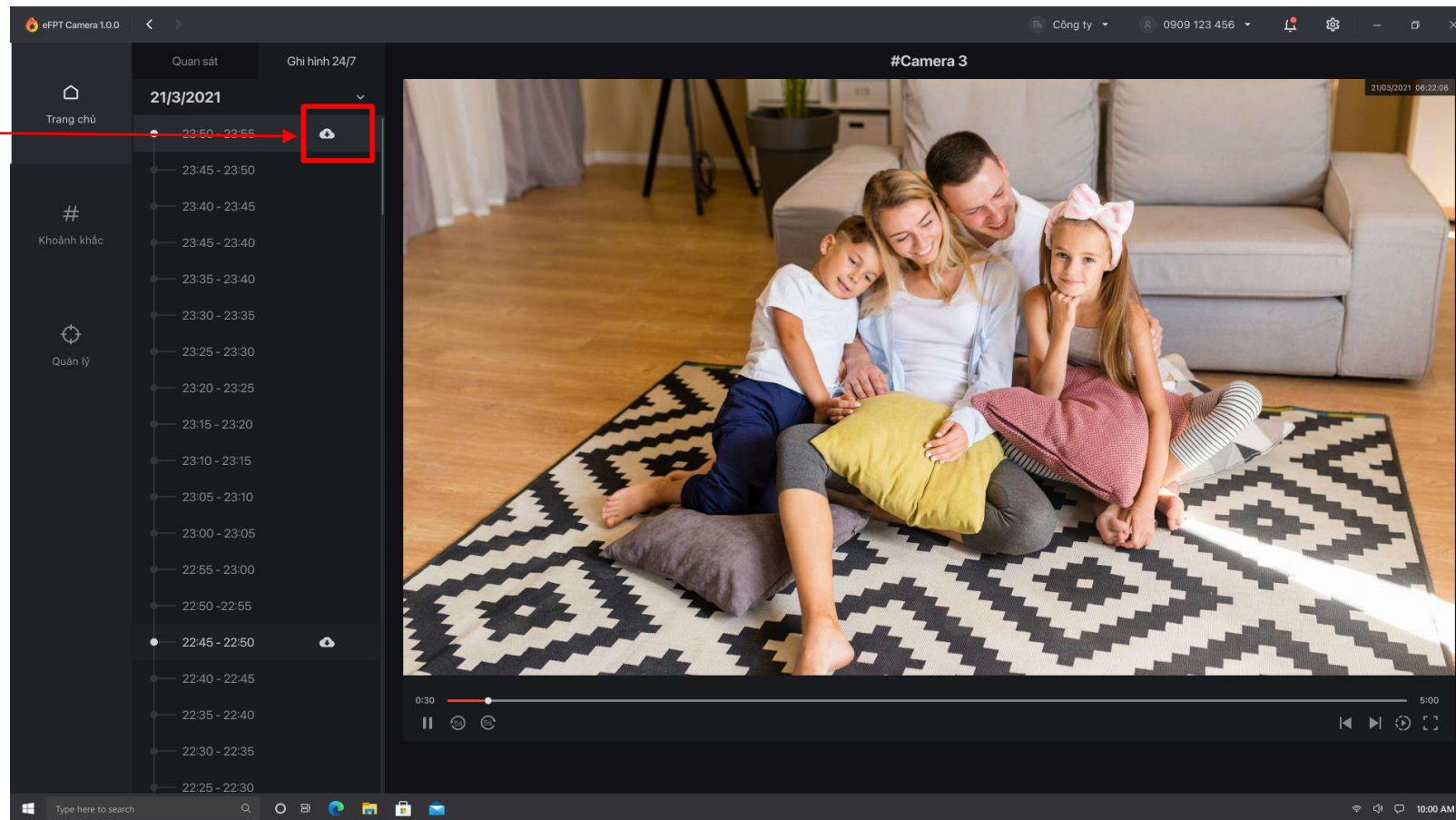
### 10.1. Tải full recording dữ liệu Cloud

Màn hình xem full recording

1



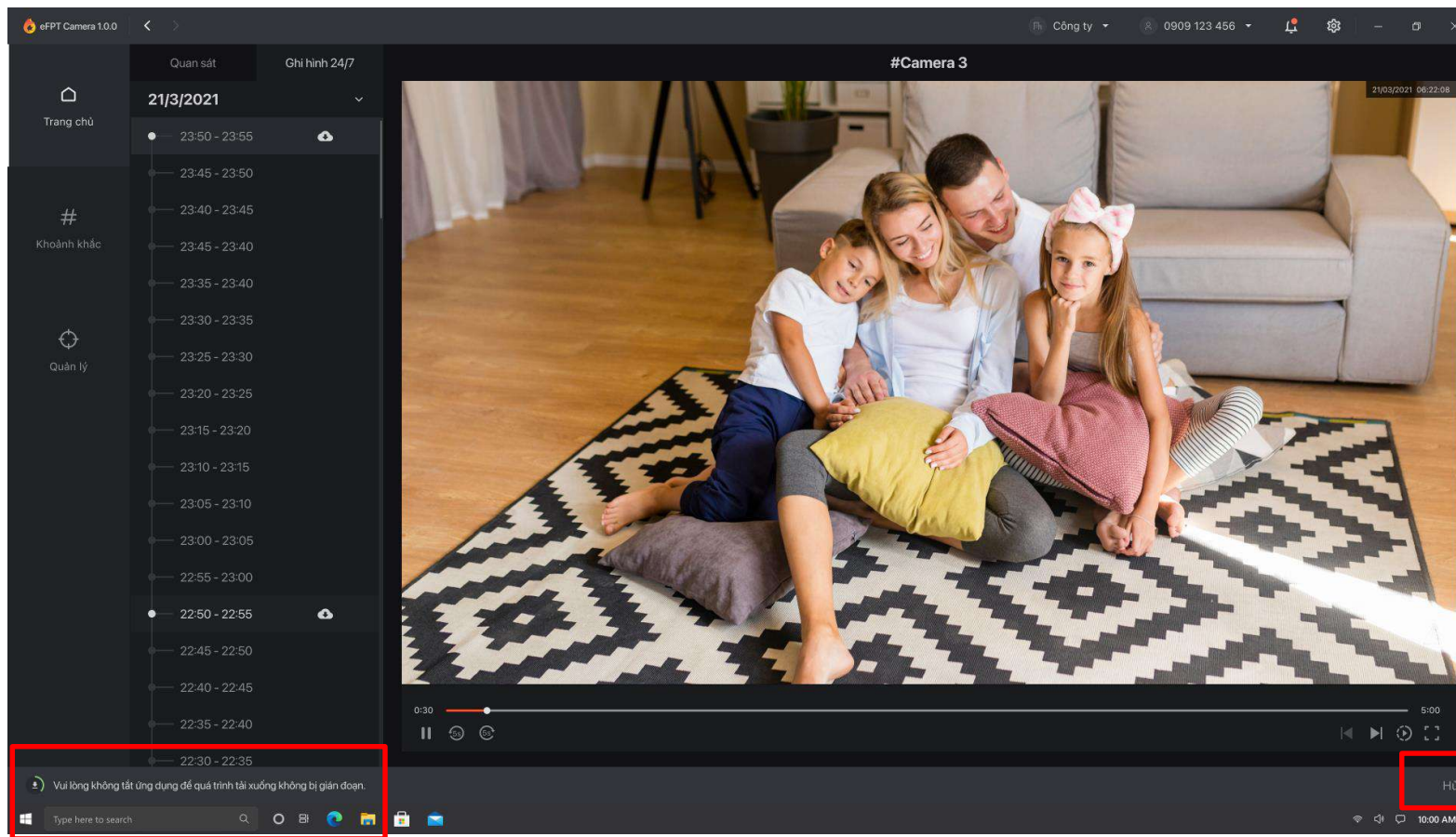
Click biểu tượng Tải ở video đang chọn  
**Hoặc** di chuyển chuột tới video muốn tải để hiển thị biểu tượng và click để tải



Chỉ áp dụng tải video full recording đối với người dùng có quyền chủ sở hữu hoặc quản trị viên. Tại một thời điểm chỉ được tải một video.

## 10. Tải video full recording

### 10.1. Tải full recording dữ liệu Cloud



Thông báo đang tải video

1.1

Click Hủy để dừng tải video

Chỉ áp dụng tải video full recording đối với người dùng có quyền chủ sở hữu hoặc quản trị viên. Tại một thời điểm chỉ được tải một video.

## 10. Tải video full recording

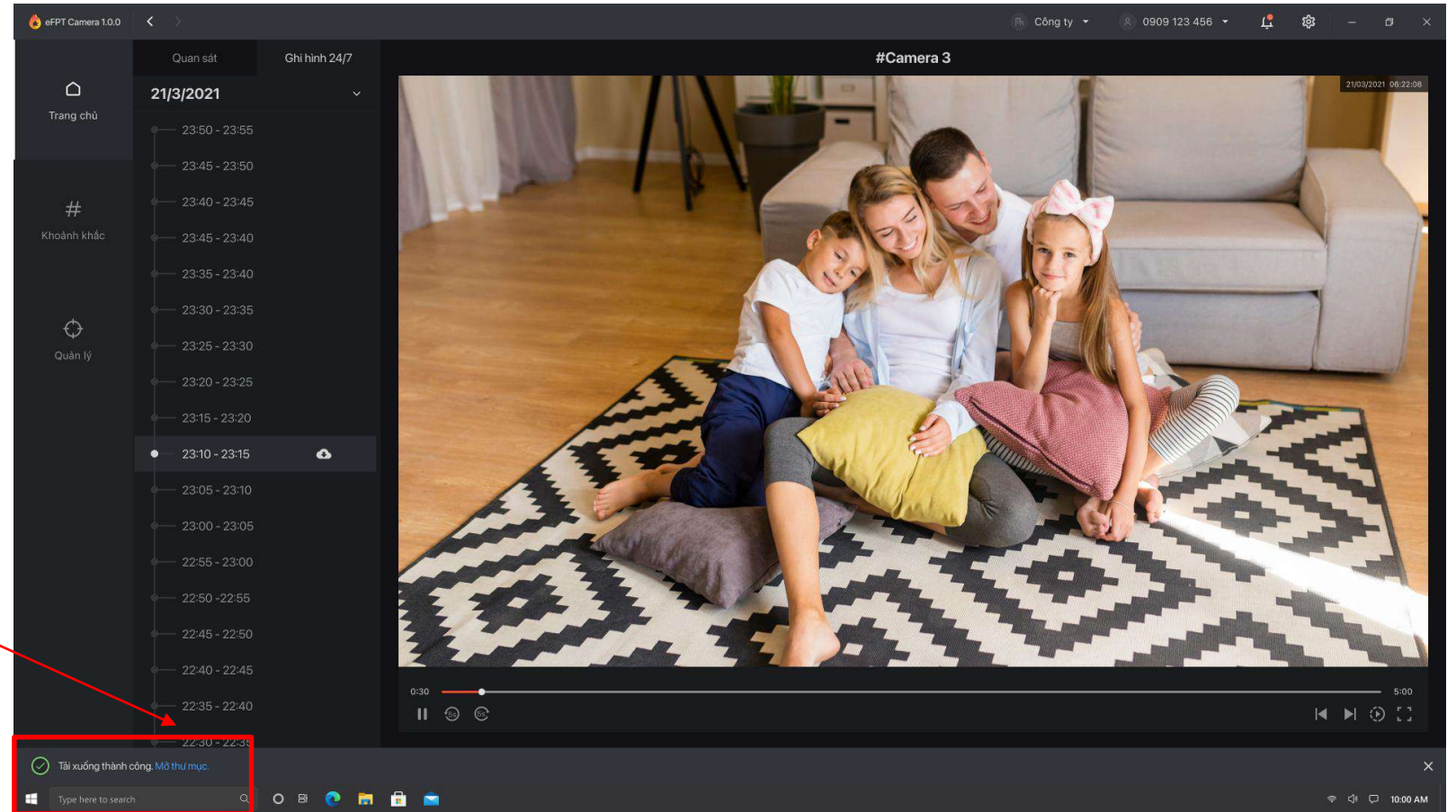
### 10.1. Tải full recording dữ liệu Cloud

*Trường hợp: tải video thành công*

2

Click để mở thư mục chứa video tải xuống dưới máy

Thông báo tải xuống hoàn tất



Chỉ áp dụng tải video full recording đối với người dùng có quyền chủ sở hữu hoặc quản trị viên. Tại một thời điểm chỉ được tải một video.



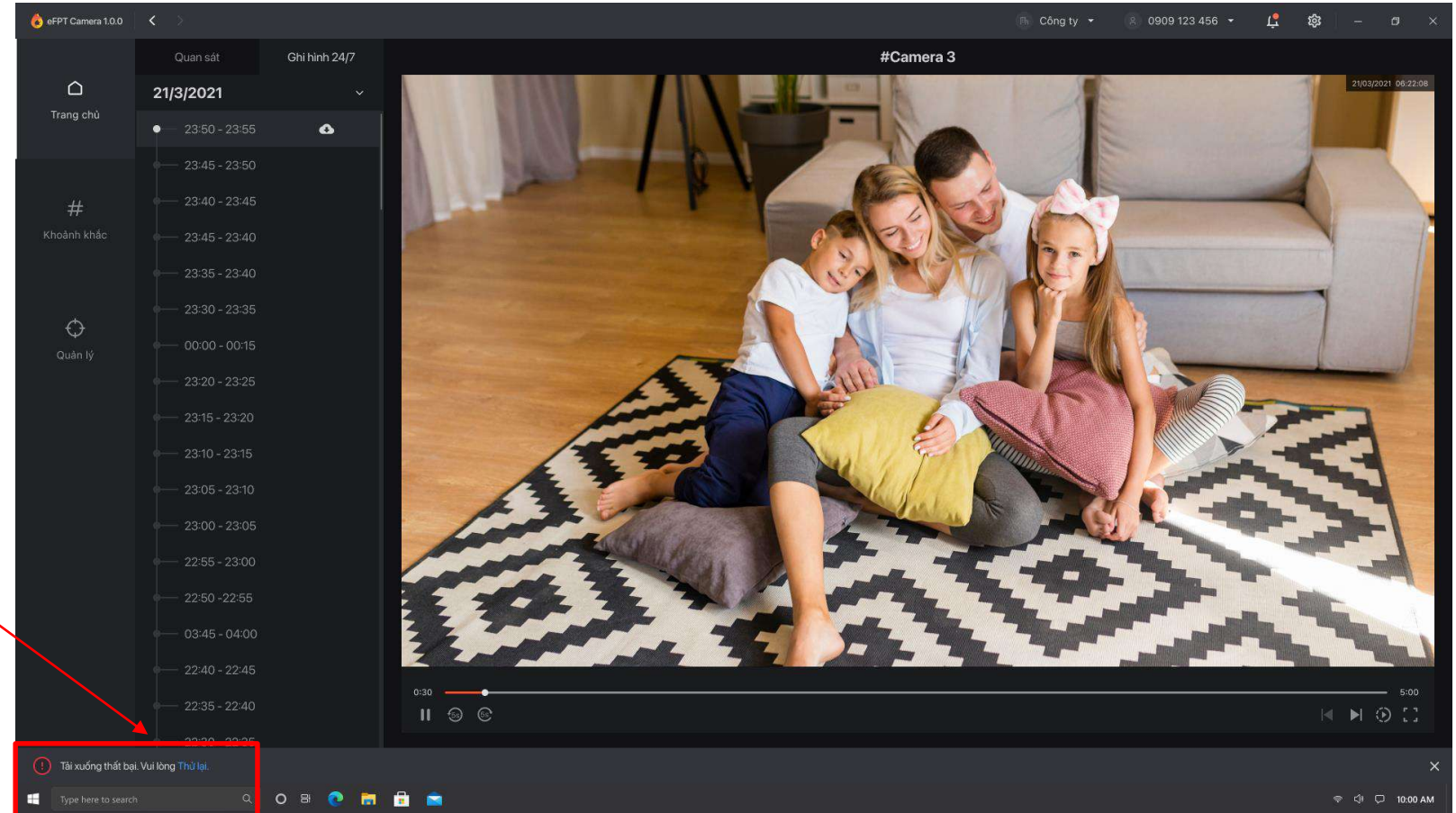
## 10. Tải video full recording

### 10.1. Tải full recording dữ liệu Cloud

*Trường hợp: tải video thất bại*

**2.1**  
Click Thử lại để thực hiện lại thao tác tải

Thông báo tải xuống chưa hoàn tất

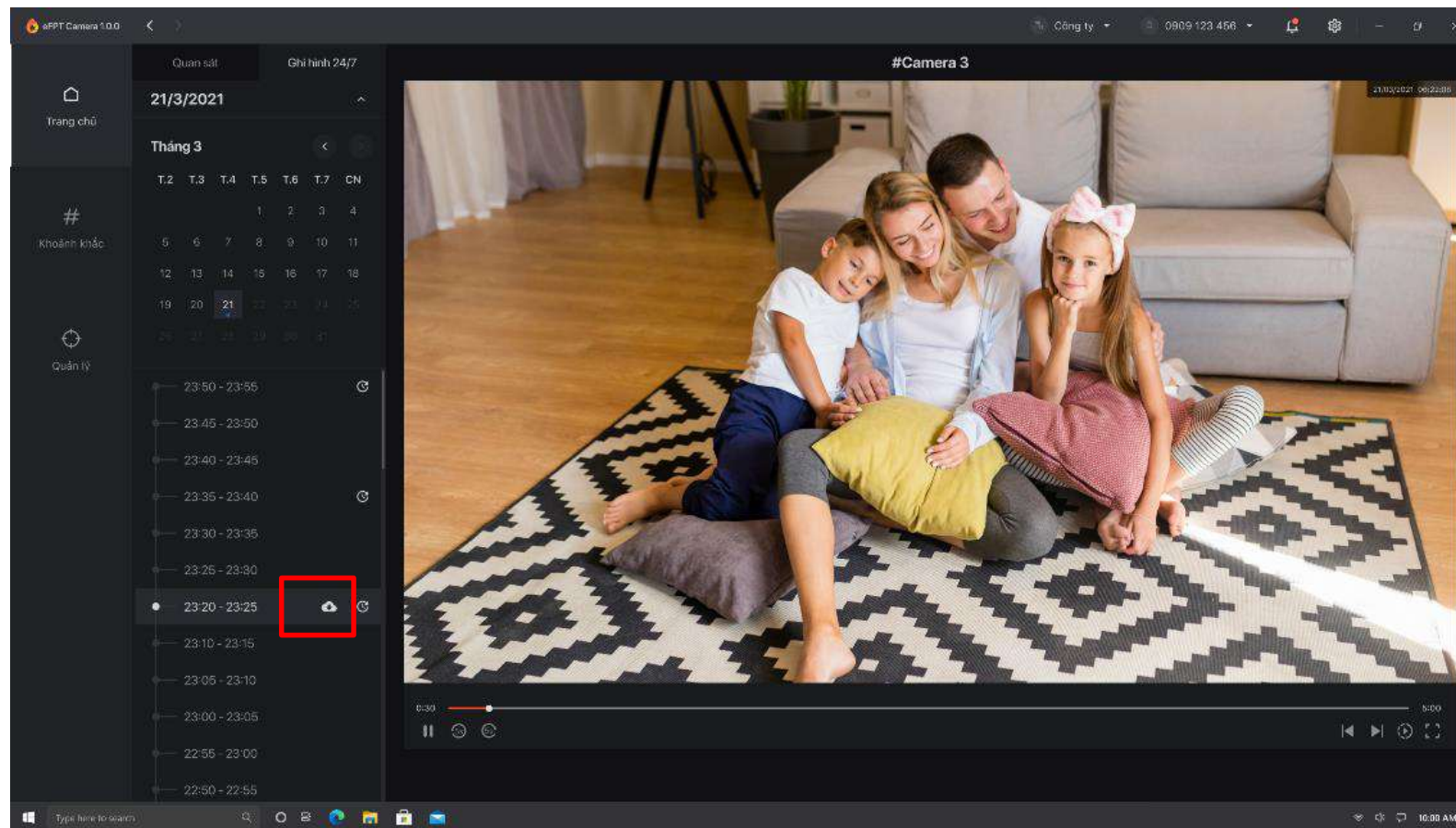


Chỉ áp dụng tải video full recording đối với người dùng có quyền chủ sở hữu hoặc quản trị viên. Tại một thời điểm chỉ được tải một video.

## 10. Tải video full recording

### 10.2. Tải full recording dữ liệu dự phòng (ANR) (Chưa áp dụng)

Cách 1: Click biểu tượng tải  
 Xem mục 10.1



Chỉ áp dụng tải video full recording đối với người dùng có quyền chủ sở hữu hoặc quản trị viên. Tại một thời điểm chỉ được tải một video.

## 10. Tải video full recording

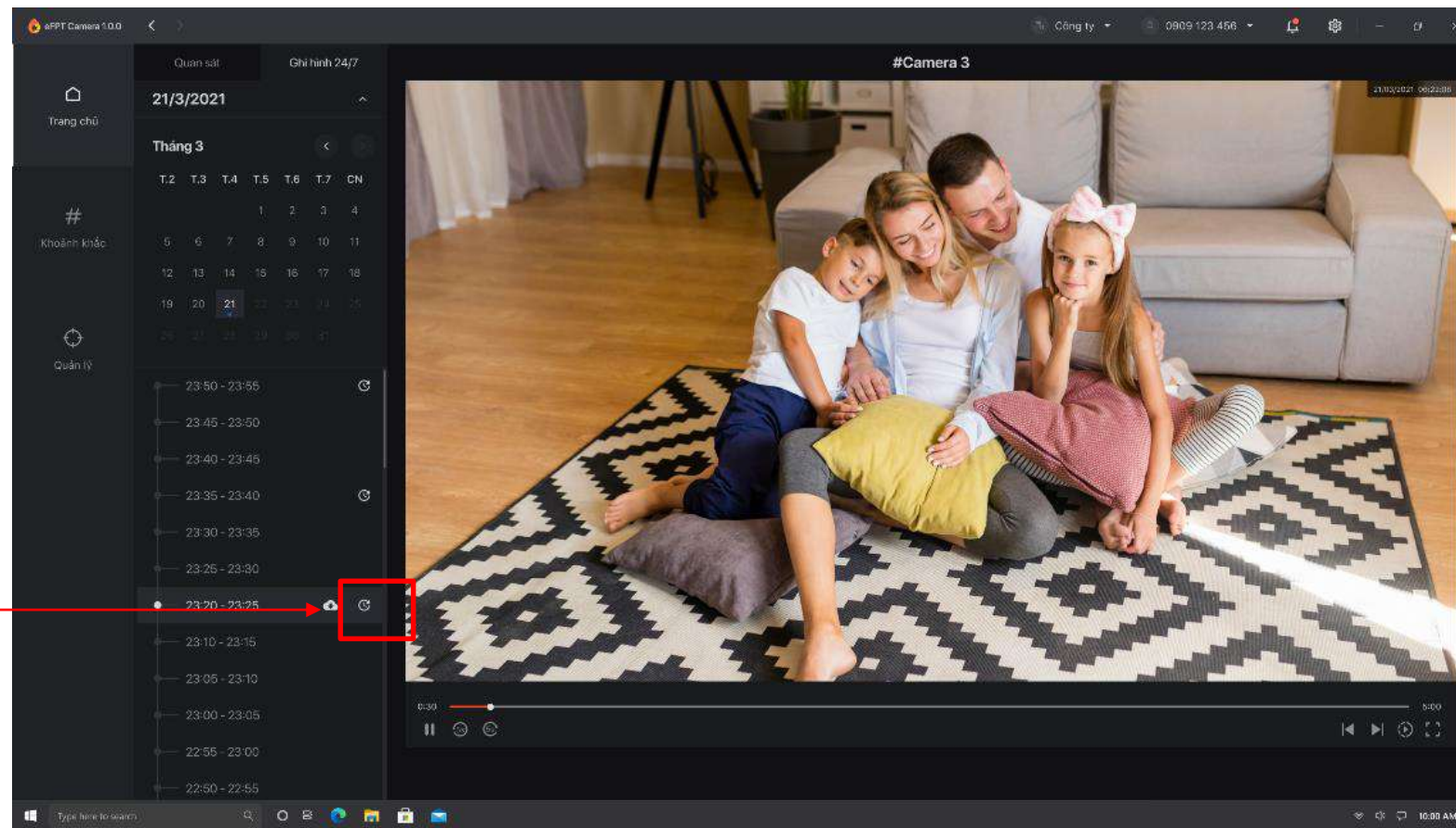
### 10.2. Tải full recording dữ liệu dự phòng (ANR) (Chưa áp dụng)

Cách 2: Click biểu tượng đồng hồ



1

Click biểu tượng đồng hồ



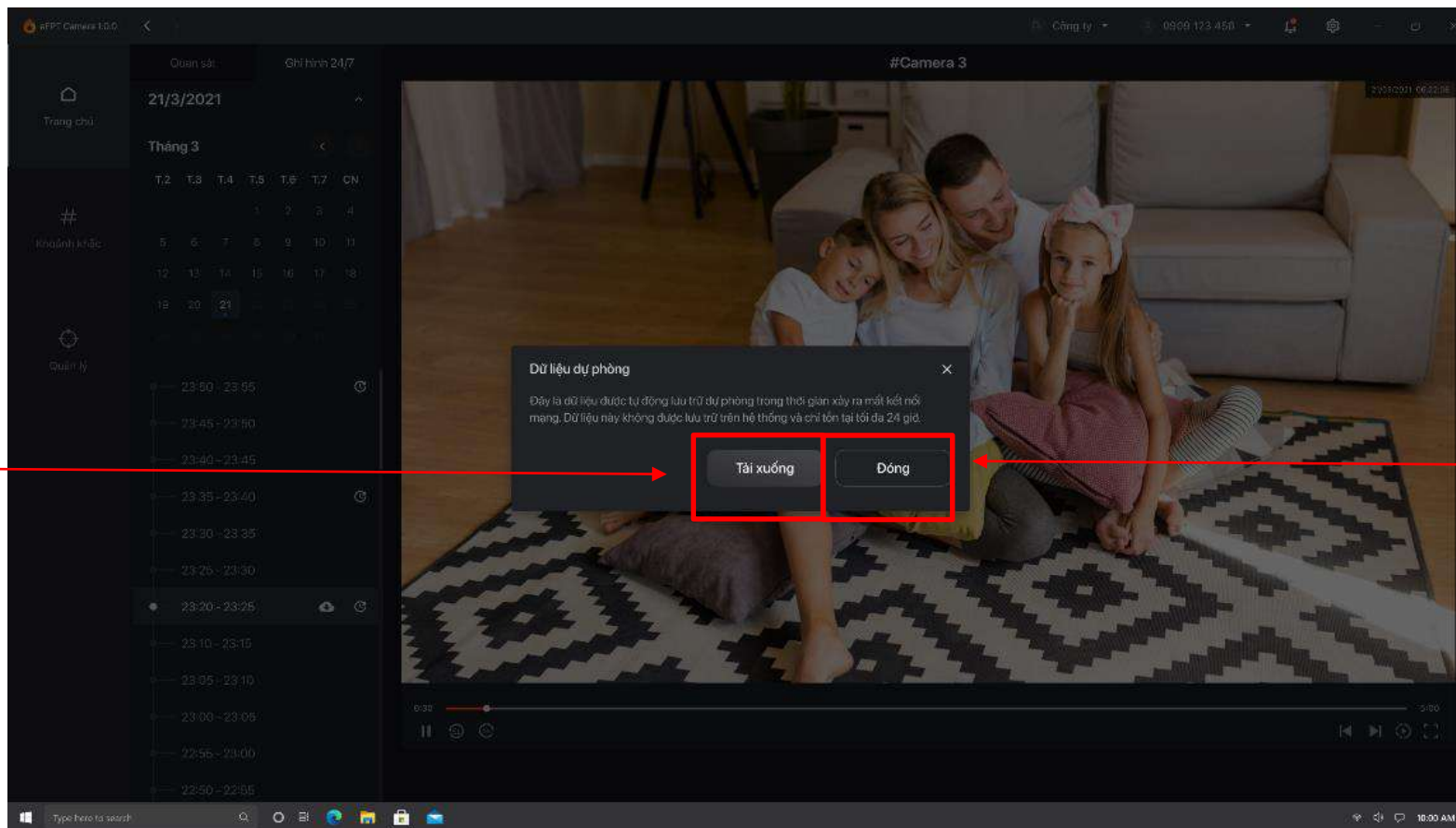
Chỉ áp dụng tải video full recording đối với người dùng có quyền chủ sở hữu hoặc quản trị viên. Tại một thời điểm chỉ được tải một video.

## 10. Tải video full recording

### 10.2. Tải full recording dữ liệu dự phòng (ANR) (Chưa áp dụng)

2

Click để tải video



2.1

Click để tắt thông báo

Chỉ áp dụng tải video full recording đối với người dùng có quyền chủ sở hữu hoặc quản trị viên. Tại một thời điểm chỉ được tải một video.

## 10. Tải video full recording

### 10.2. Tải full recording dữ liệu dự phòng (ANR) (Chưa áp dụng)

Các bước tiếp theo để tải video dữ liệu dự phòng (ANR)

*Xem mục 10.1 bước 1.1*



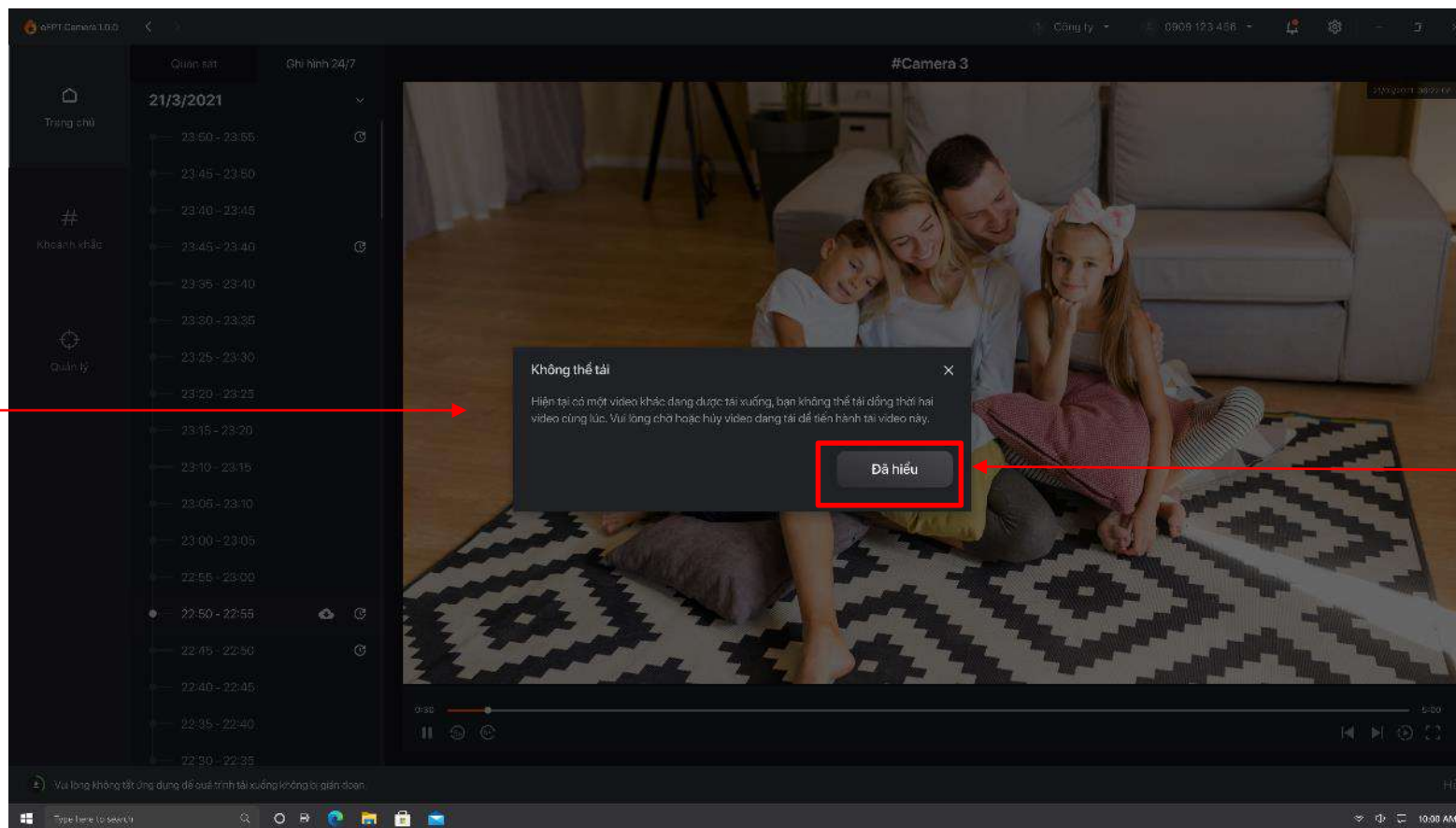
Chỉ áp dụng tải video full recording đối với người dùng có quyền chủ sở hữu hoặc quản trị viên. Tại một thời điểm chỉ được tải một video.

## 10. Tải video full recording

### 10.3. Các trường hợp lỗi không tải được video (đối với dữ liệu Cloud và dữ liệu dự phòng)

*Trường hợp 1: đang trong quá trình tải video nhưng click tải 1 video khác*

Hiển thị thông báo không thể tải đồng thời 2 video cùng lúc



1  
Click Đã hiểu để tắt thông báo

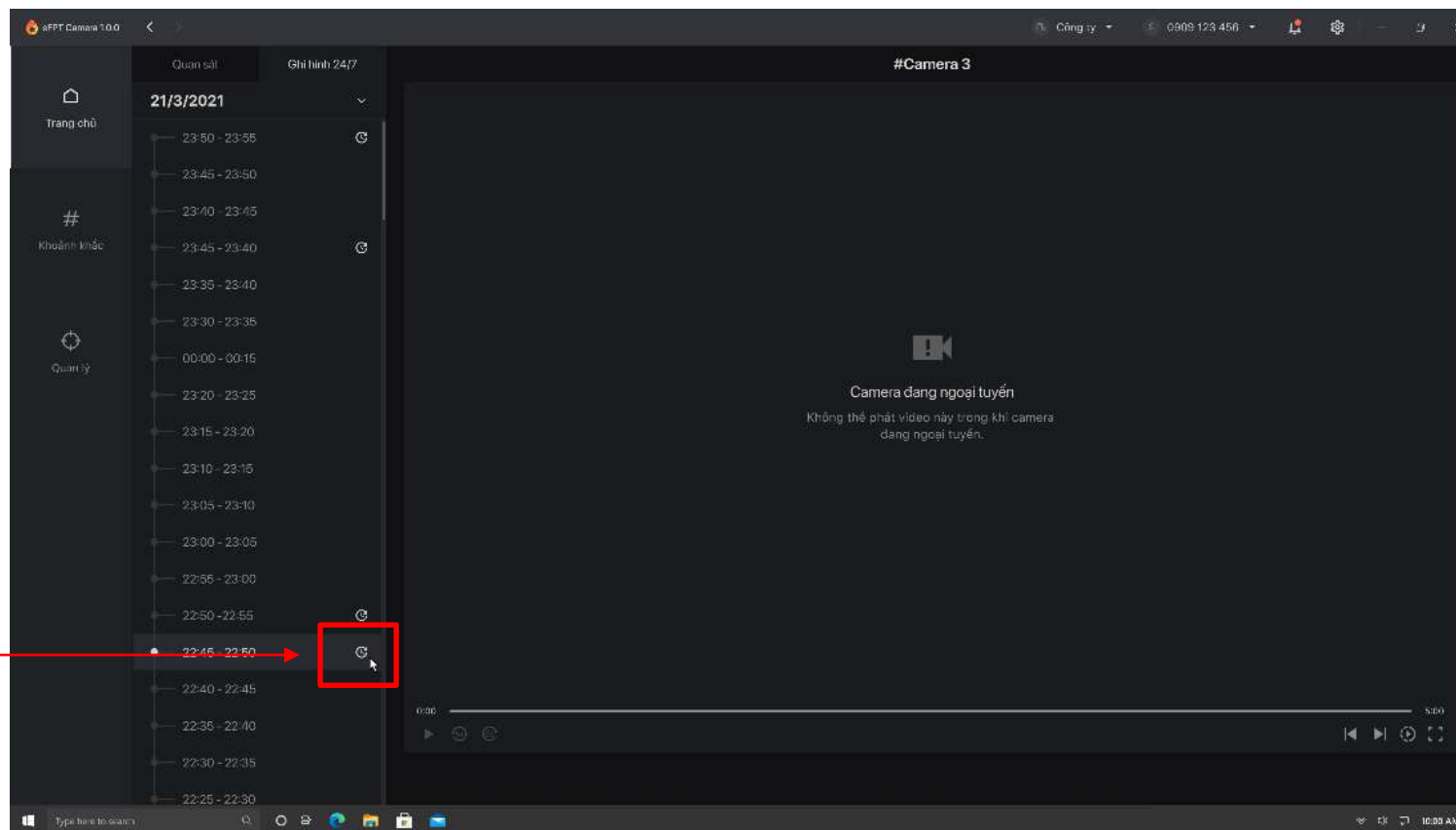
Chỉ áp dụng tải video full recording đối với người dùng có quyền chủ sở hữu hoặc quản trị viên. Tại một thời điểm chỉ được tải một video.

## 10. Tải video full recording

### 10.3. Các trường hợp lỗi không tải được video (đối với dữ liệu Cloud và dữ liệu dự phòng)

*Trường hợp 2: camera offline (đối với video dữ liệu dự phòng ANR)*

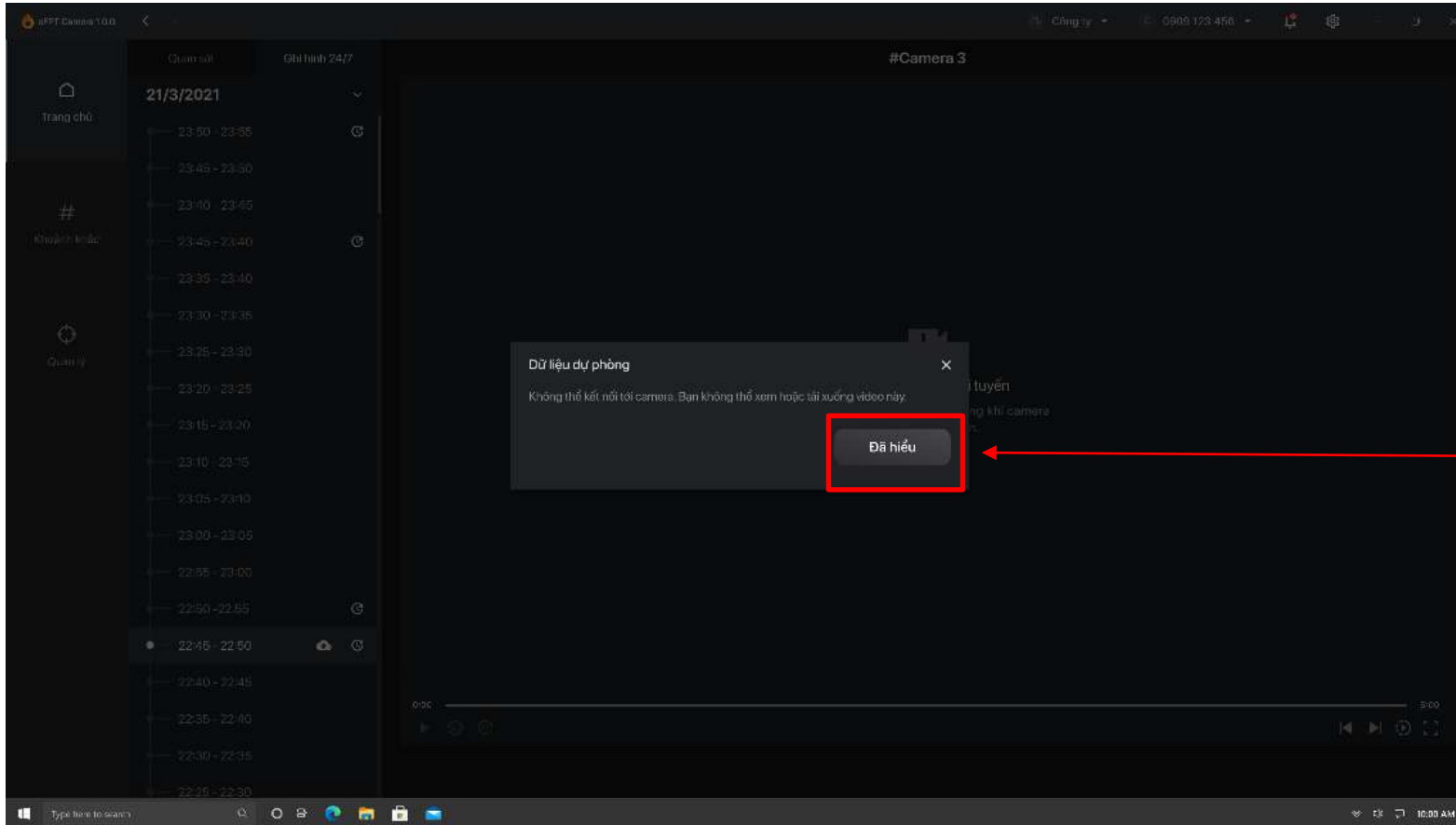
1  
Click biểu  
tượng đồng hồ



Chỉ áp dụng tải video full recording đối với người dùng có quyền chủ sở hữu hoặc quản trị viên. Tại một thời điểm chỉ được tải một video.

## 10. Tải video full recording

### 10.3. Các trường hợp lỗi không tải được video (đối với dữ liệu Cloud và dữ liệu dự phòng)



2

Thông báo không thể tải video  
Click để tắt thông báo

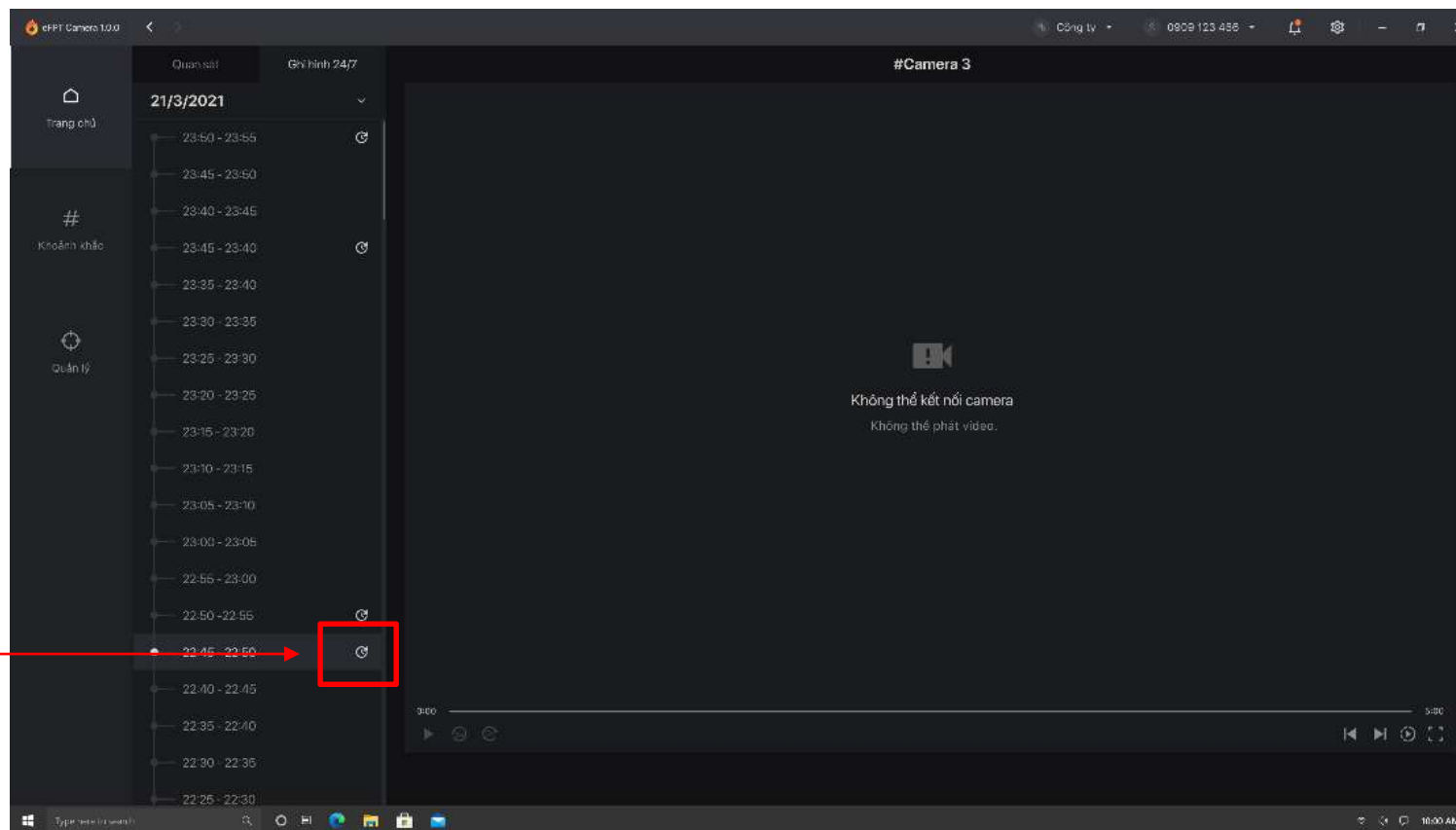
Chỉ áp dụng tải video full recording đối với người dùng có quyền chủ sở hữu hoặc quản trị viên. Tại một thời điểm chỉ được tải một video.



## 10. Tải video full recording

### 10.3. Các trường hợp lỗi không tải được video (đối với dữ liệu Cloud và dữ liệu dự phòng)

*Trường hợp 3: không kết nối được camera (đối với video dự liệu dự phòng ANR)*



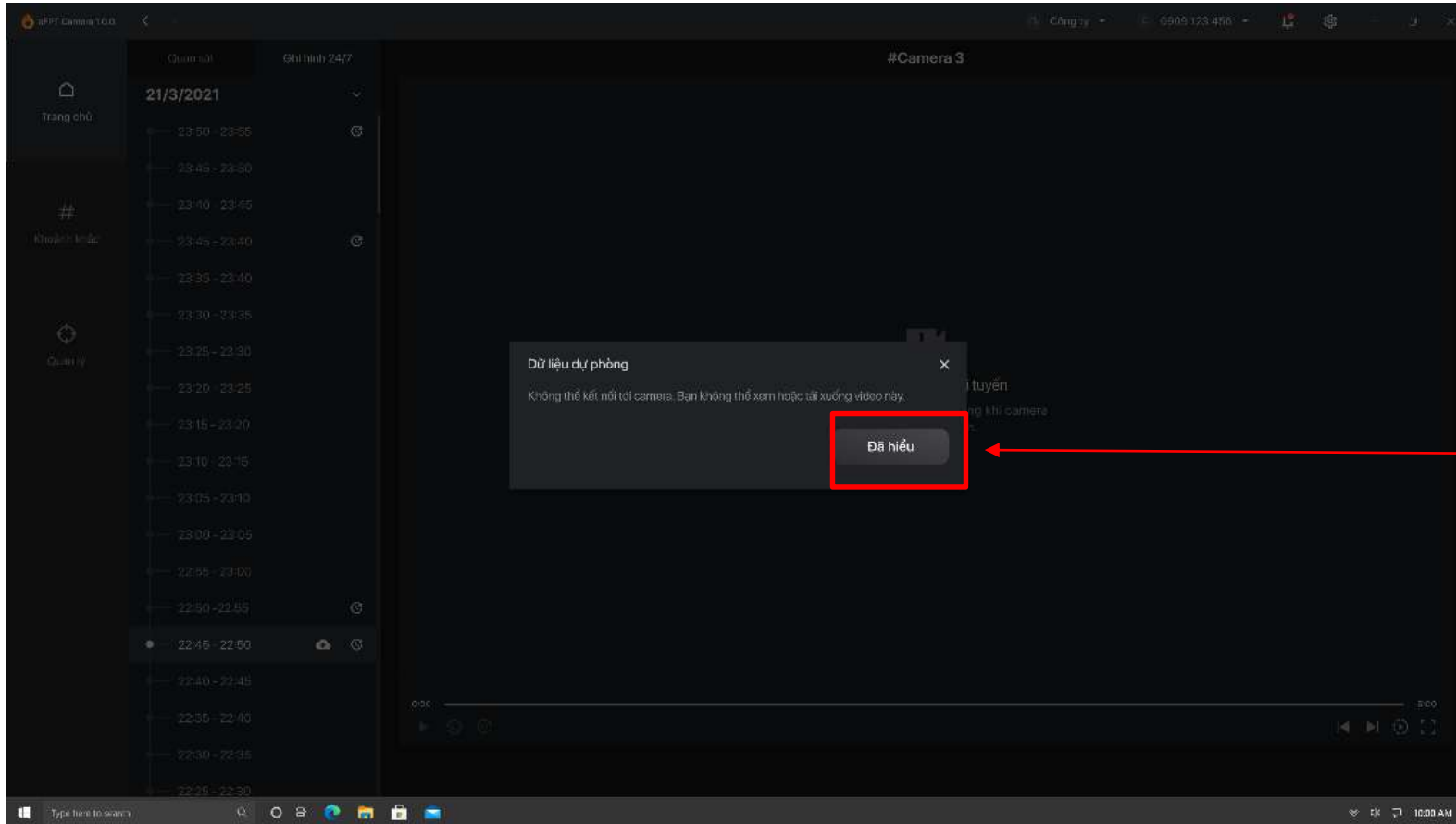
1

Click biểu tượng đồng hồ

Chỉ áp dụng tải video full recording đối với người dùng có quyền chủ sở hữu hoặc quản trị viên. Tại một thời điểm chỉ được tải một video.

## 10. Tải video full recording

### 10.3. Các trường hợp lỗi không tải được video (đối với dữ liệu Cloud và dữ liệu dự phòng)



2

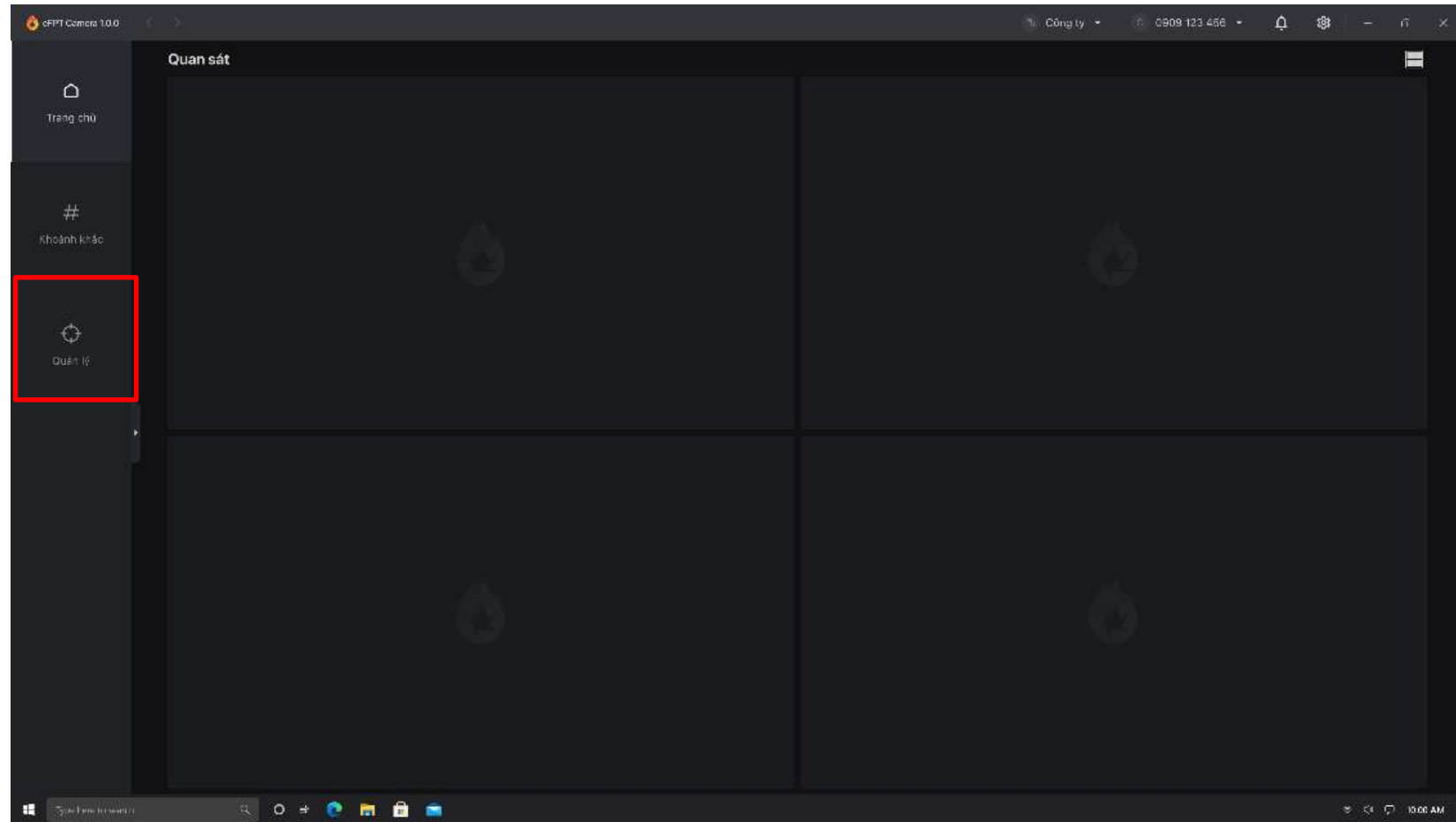
Thông báo không thể tải video  
Click để tắt thông báo

Chỉ áp dụng tải video full recording đối với người dùng có quyền chủ sở hữu hoặc quản trị viên. Tại một thời điểm chỉ được tải một video.

## 11. Quản lý danh sách camera (Management)

1

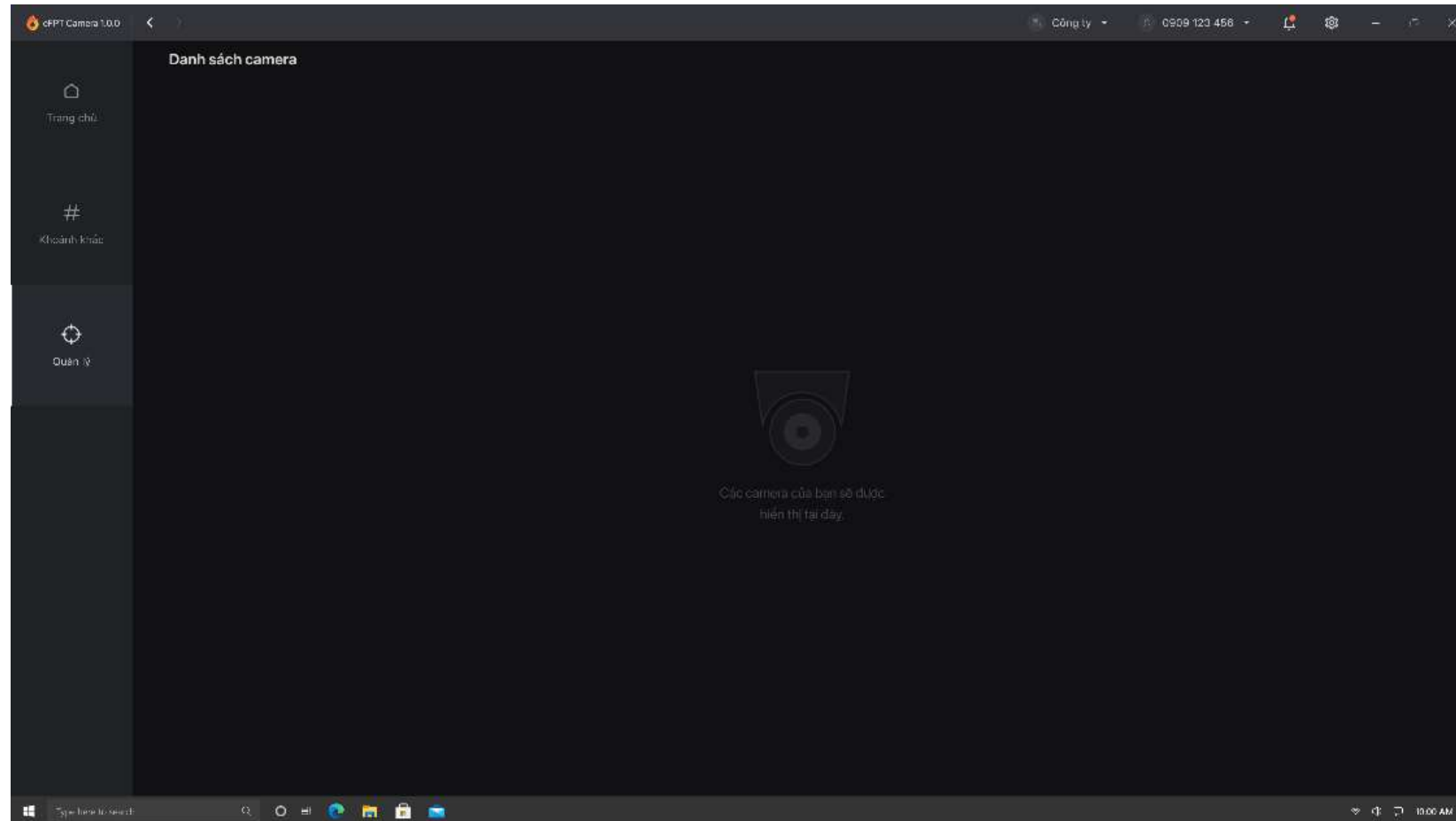
Click tab Quản lý để xem các camera hiện có



Chỉ hiển thị các camera của địa điểm đang thao tác.

## 11. Quản lý danh sách camera (Management)

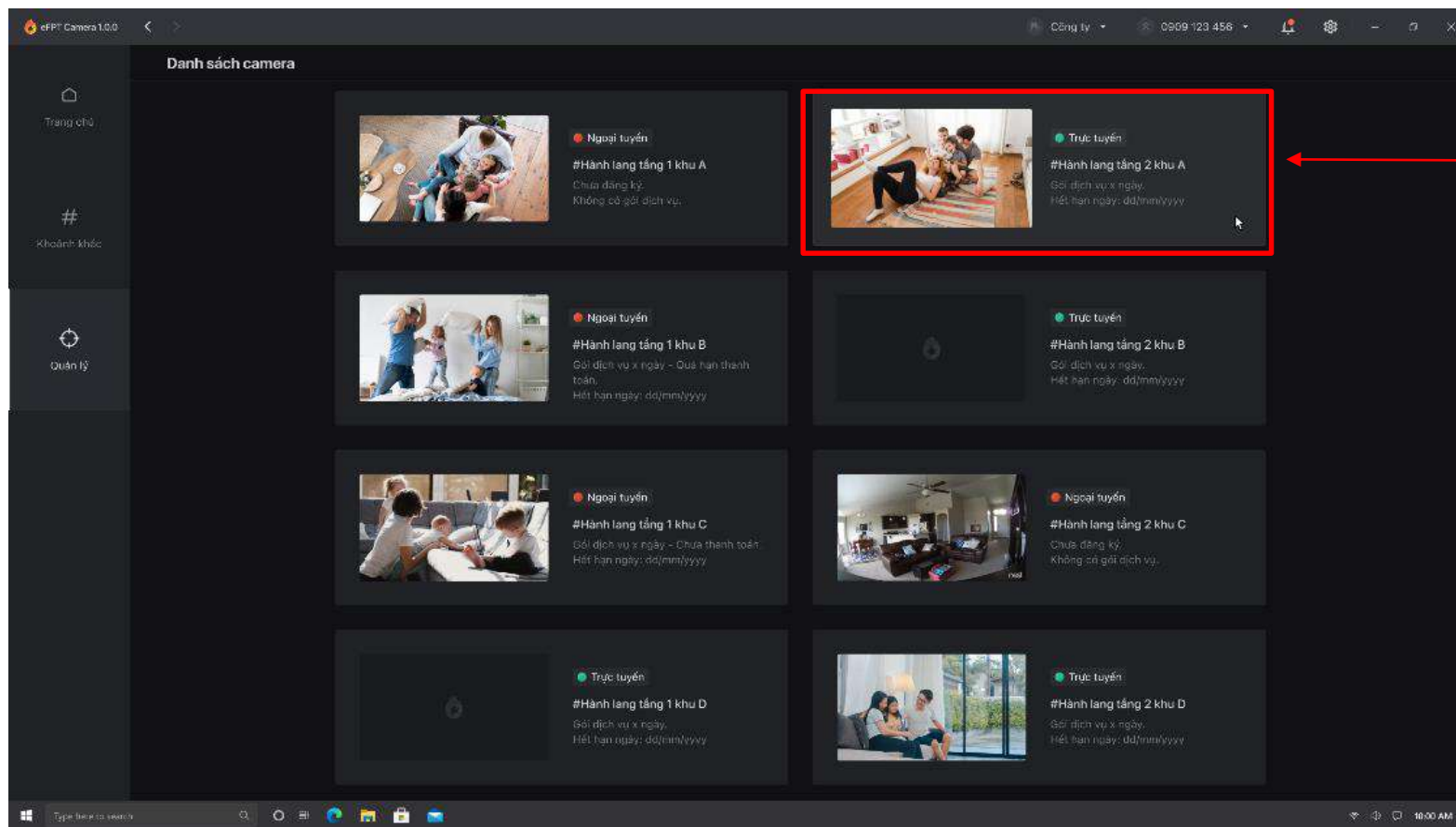
*Trường hợp: không có camera trong danh sách*



*Chỉ hiển thị các camera của địa điểm đang thao tác.*

## 11. Quản lý danh sách camera (Management)

*Trường hợp: có camera trong danh sách*



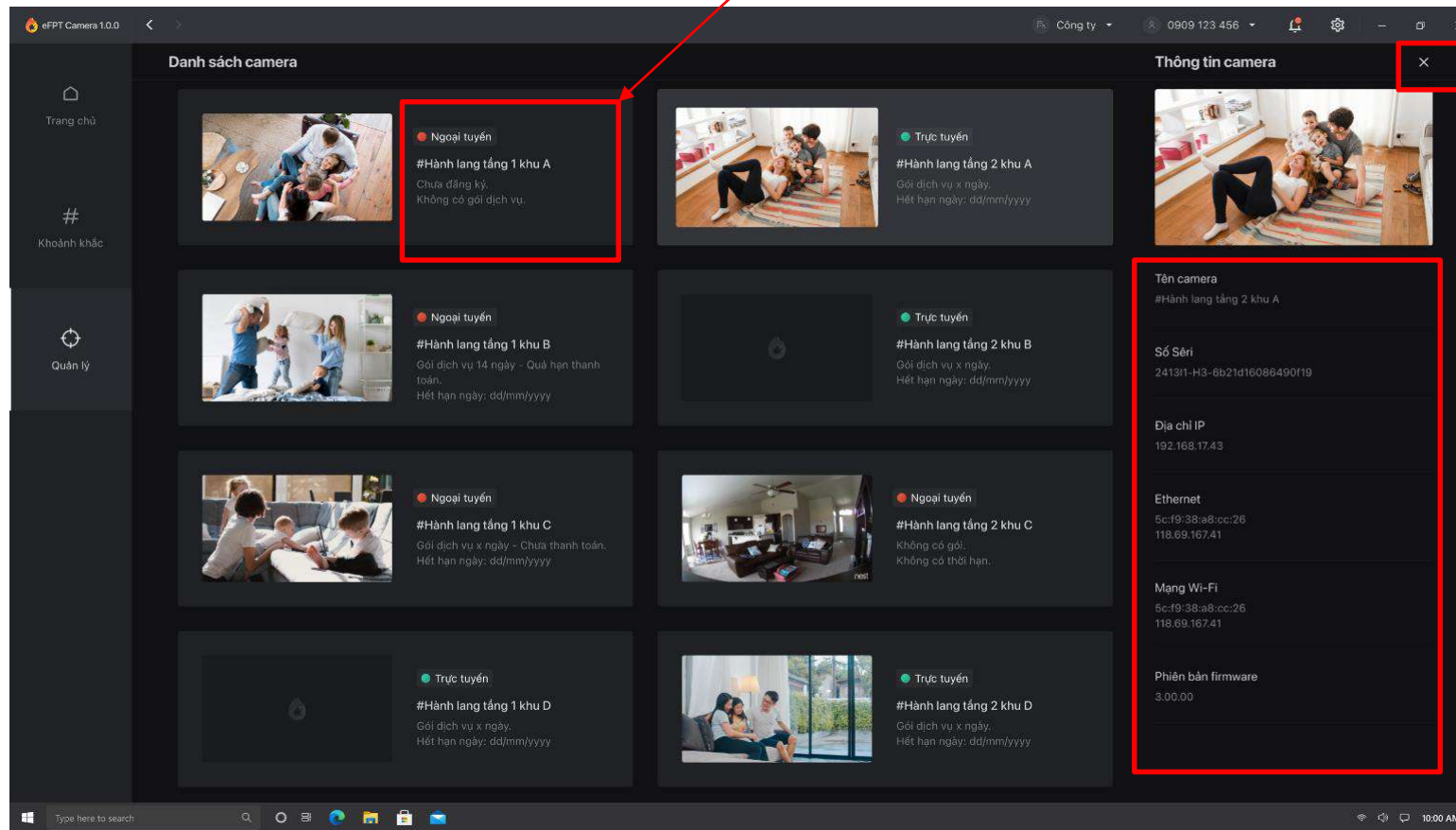
2

Click để hiển thị thông tin chi tiết của camera

*Chỉ hiển thị các camera của địa điểm đang thao tác.*

## 11. Quản lý danh sách camera (Management)

Trên danh sách có thể xem tên, trạng thái, gói dịch vụ và ngày hết hạn của từng camera



4 Click dấu "x" để tắt thông tin chi tiết

3 Hiện thị thông tin chi tiết của camera

Chỉ hiển thị các camera của địa điểm đang thao tác.

## 12. Hướng dẫn xem khoảnh khắc (Moment)

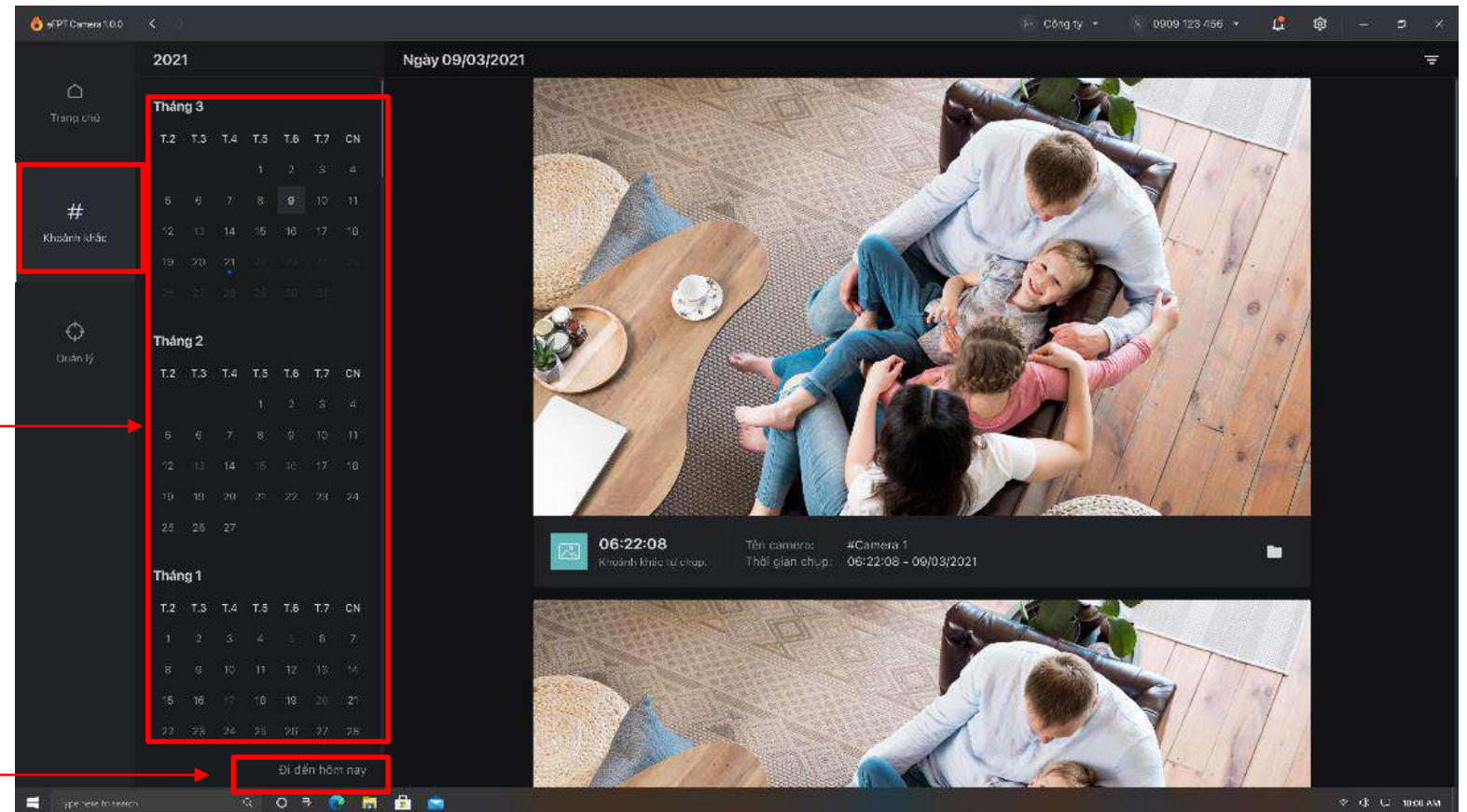
### 12.1. Xem khoảnh khắc được ghi thủ công

*Trường hợp: ngày đang chọn có khoảnh khắc được ghi lại*

1  
Click tab Khoảnh khắc

2  
Click trên lịch để chọn ngày xem khoảnh khắc

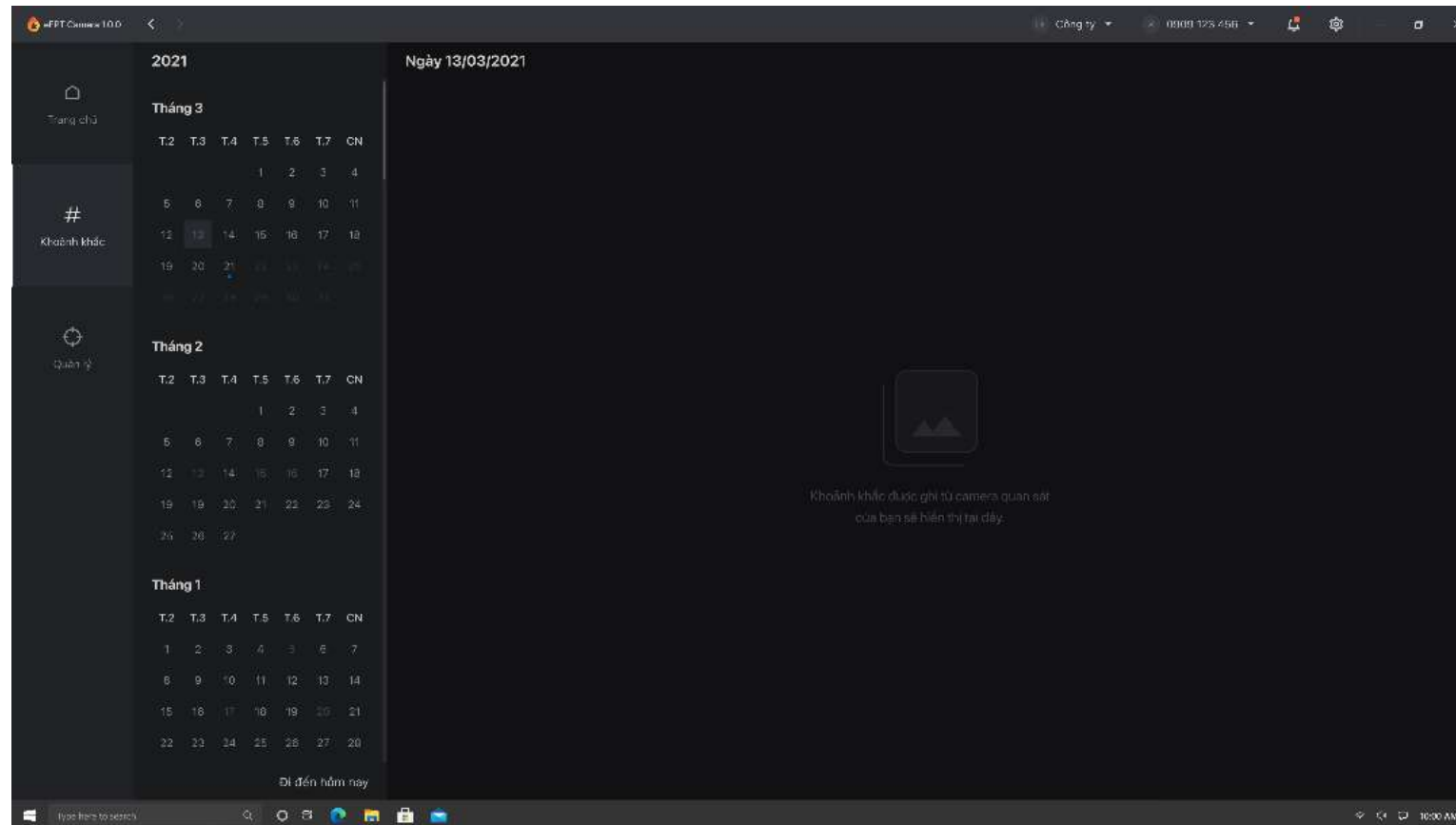
Trường hợp khoảnh khắc đang xem là ngày của quá khứ, click "Đi đến hôm nay" để xem khoảnh khắc của ngày hiện tại



## 12. Hướng dẫn xem khoảnh khắc (Moment)

### 12.1. Xem khoảnh khắc được ghi thủ công

*Trường hợp: ngày không có dữ liệu được lưu lại*



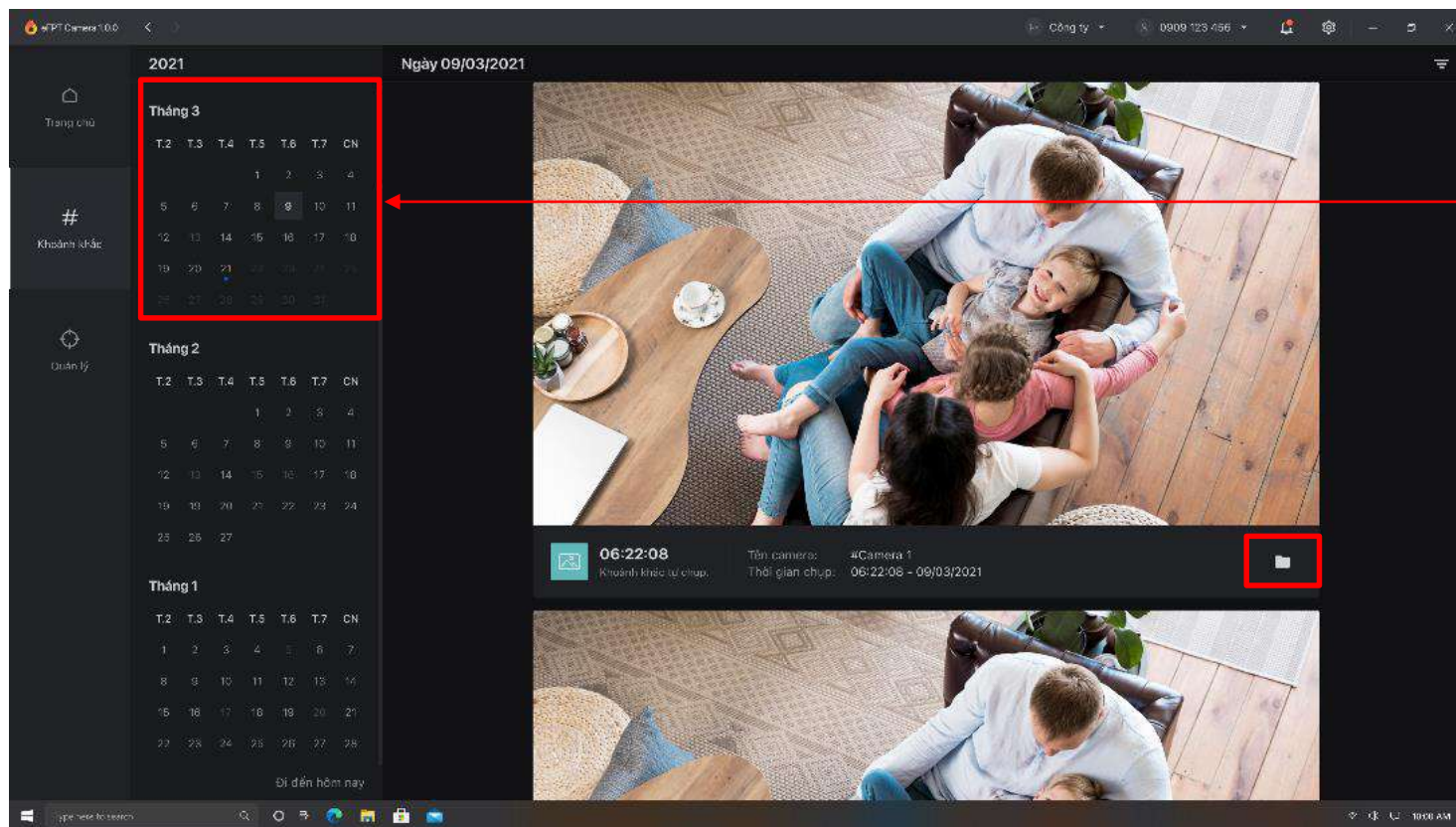
*Chỉ hiển thị dữ liệu của các camera trong địa điểm đang thao tác.*



## 12. Hướng dẫn xem khoảnh khắc (Moment)

### 12.1. Xem khoảnh khắc được ghi thủ công

Dữ liệu hình ảnh được ghi lại



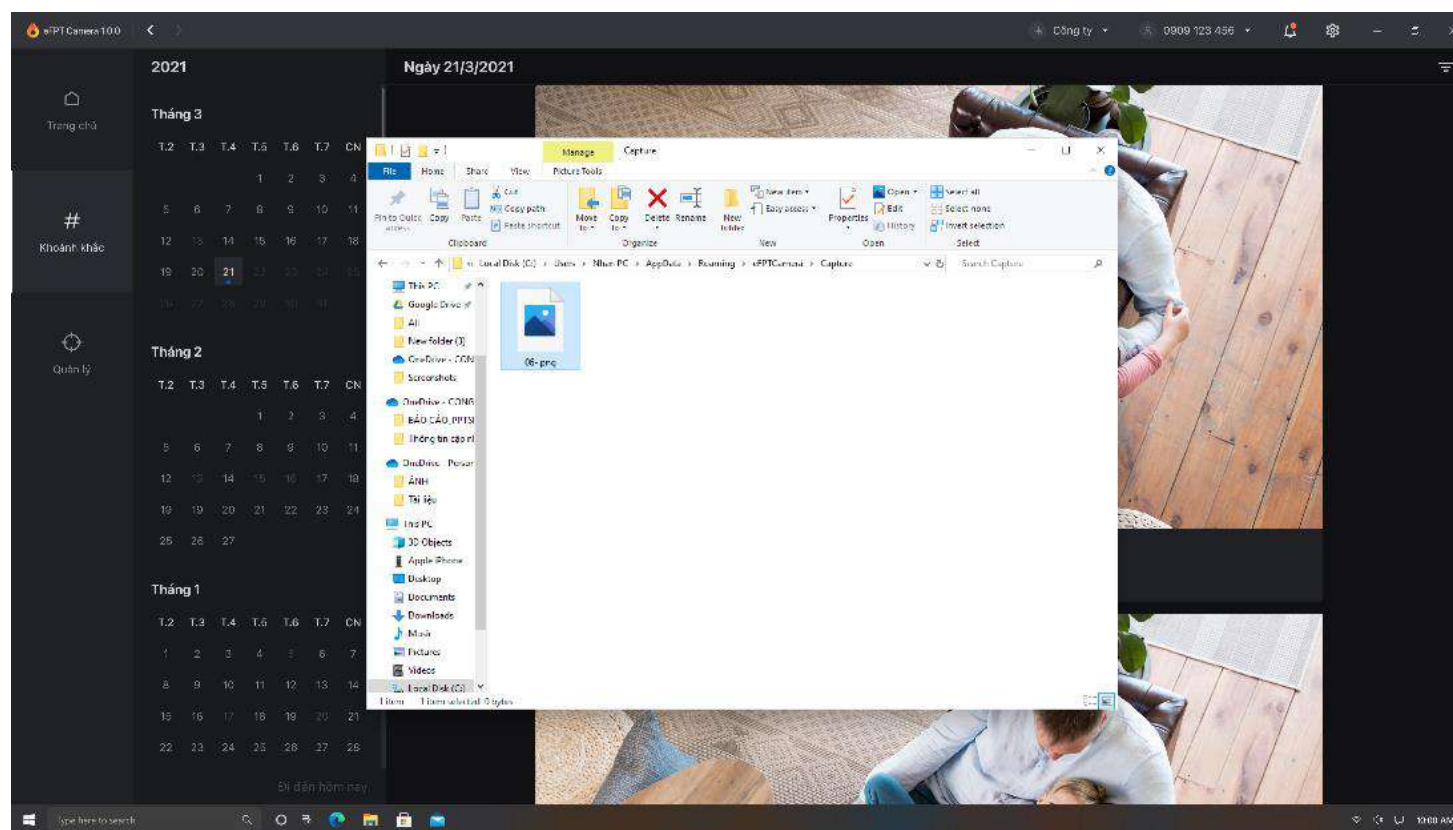
- Ngày có chấm xanh là ngày hiện tại.
- Ngày có màu đậm hơn là ngày có dữ liệu.
- Ngày có màu nhạt hơn là ngày không có dữ liệu.

3 Click để mở thư mục chứa tệp tin

## 12. Hướng dẫn xem khoảnh khắc (Moment)

### 12.1. Xem khoảnh khắc được ghi thủ công

Đối với dữ liệu được ghi thủ công sẽ có thư mục chứa tệp tin dưới máy





Chỉ hiển thị dữ liệu của các camera trong địa điểm đang thao tác.

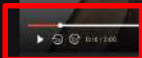
## 12. Hướng dẫn xem khoảnh khắc (Moment)


### 12.1. Xem khoảnh khắc được ghi thủ công

Dữ liệu video được ghi lại


**3.1**  Click để phát/dừng video

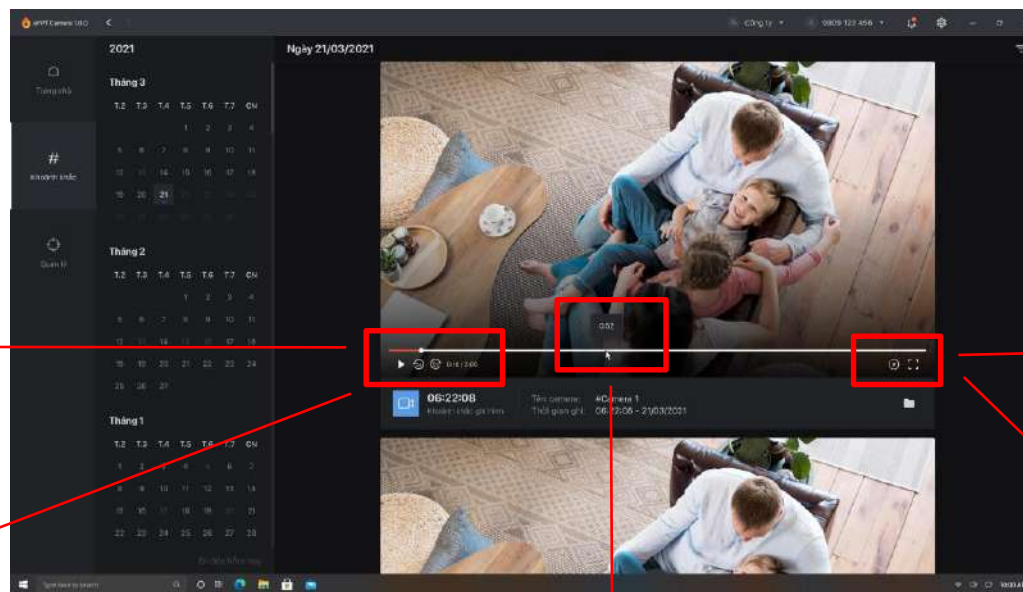
**3.2**  Click để tua về trước 5 giây/về sau 5 giây **Hoặc** nhấn mũi tên trái/phải trên bàn phím

**3.3**  Click 1 điểm hoặc giữ và kéo trên thanh thời gian để chọn thời gian xem

**3.4**  Click để chọn tốc độ phát video

- Chậm (0.5x)
- Bình thường ✓
- Nhanh (2x)

**3.5**  Click để xem video chế độ toàn màn hình



### 12. Hướng dẫn xem khoảnh khắc (Moment)

#### 12.1. Xem khoảnh khắc được ghi thủ công

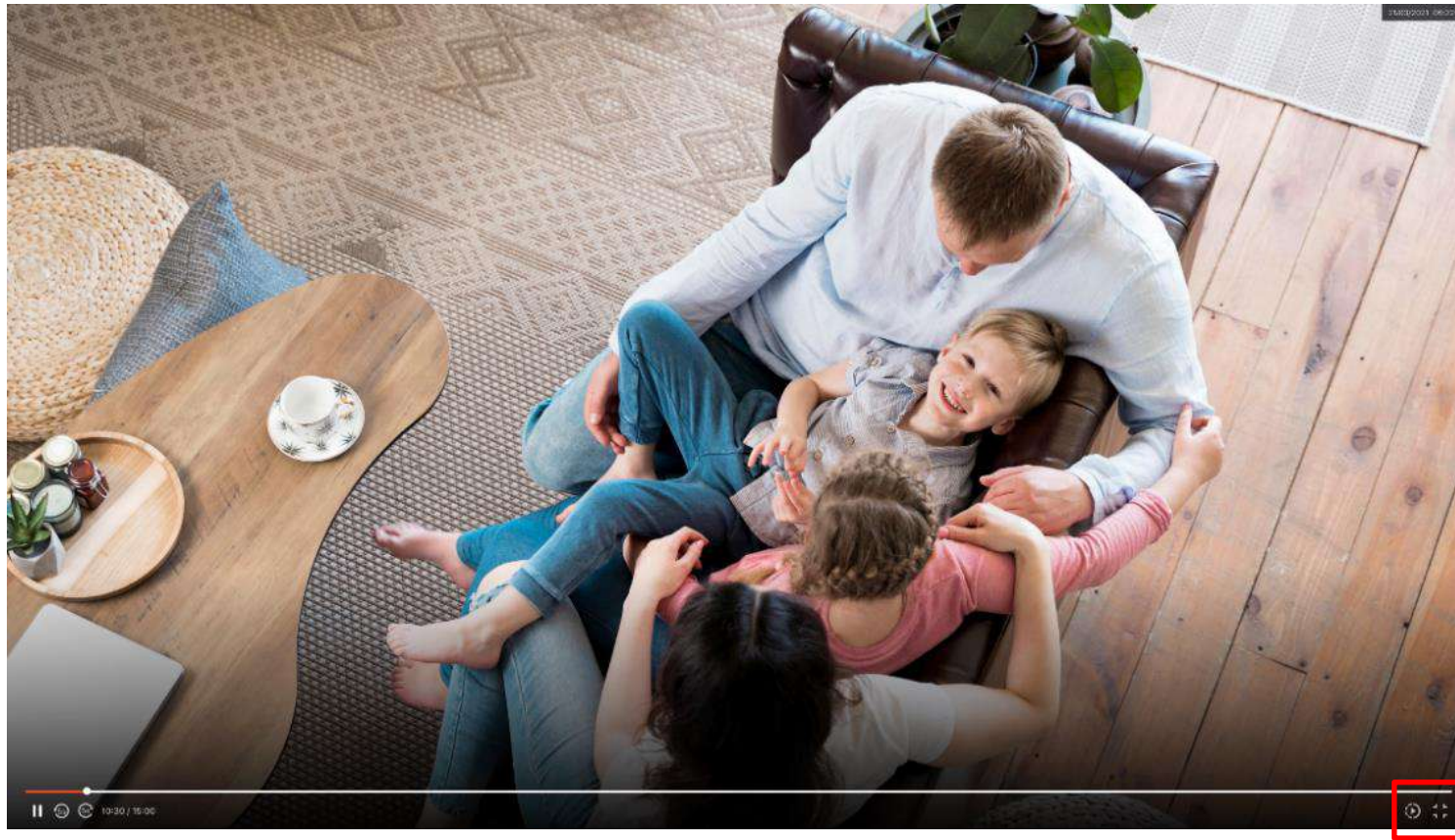


4.5

Rê chuột vào  
vùng phát video để  
hiển thị thanh playbar

### 12. Hướng dẫn xem khoảnh khắc (Moment)

#### 12.1. Xem khoảnh khắc được ghi thủ công



5.5

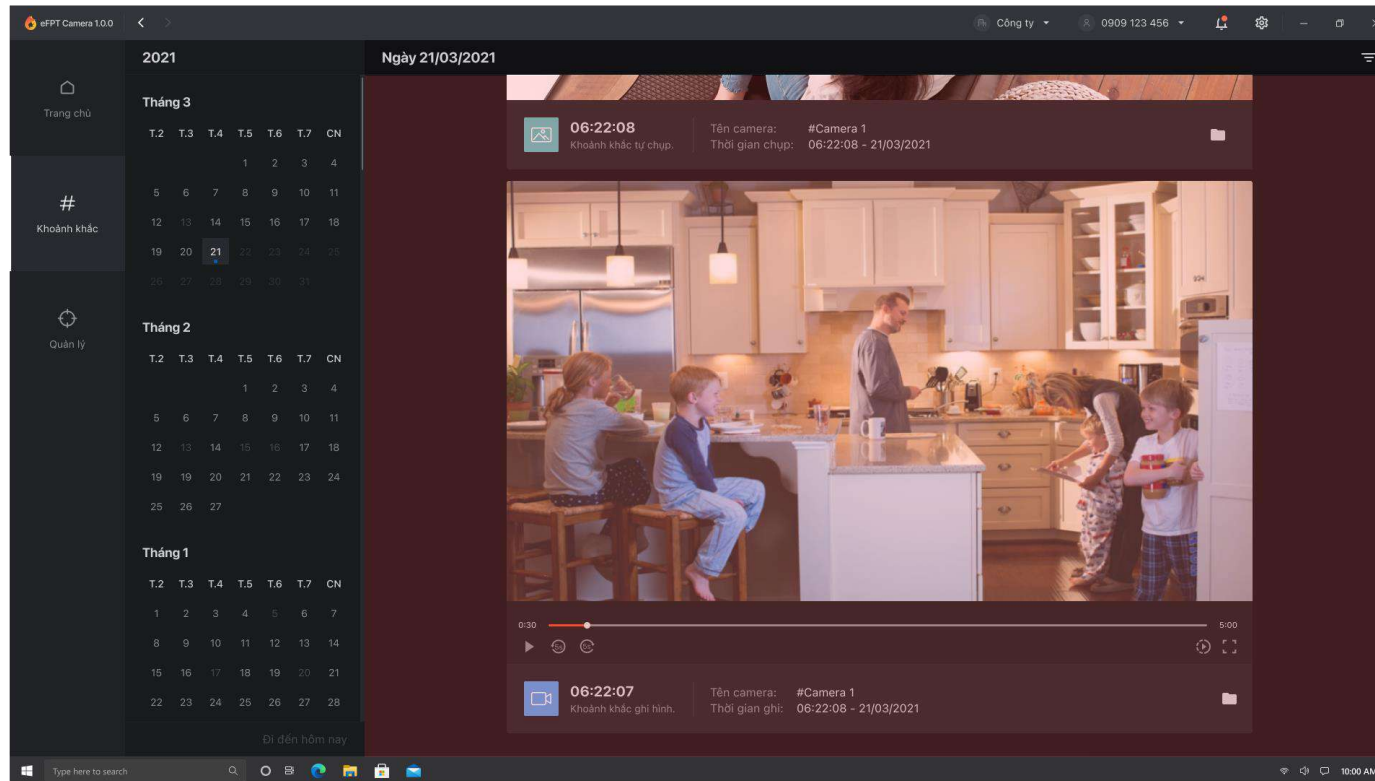


Click để tắt chế độ toàn màn hình

## 12. Hướng dẫn xem khoảnh khắc (Moment)

### 12.1. Xem khoảnh khắc được ghi thủ công

*Trường hợp: tự động phát video*

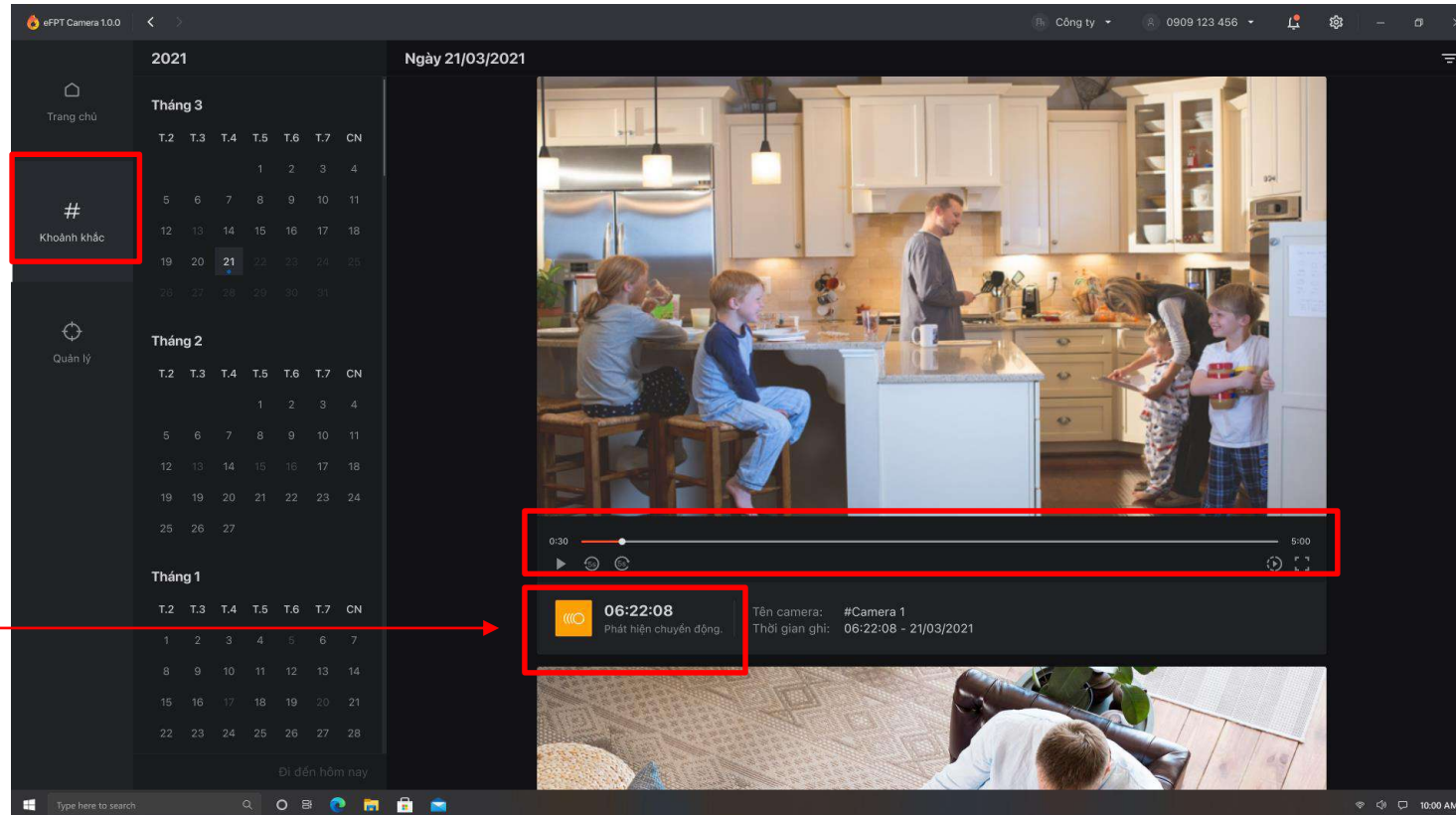


Khi player của video nằm trọn trong vùng đánh dấu đỏ thì video đó sẽ tự động được phát sau 3 giây

**Auto play zone**  
06:22:07 playing

## 12. Hướng dẫn xem khoảnh khắc (Moment) 12.2. Xem khoảnh khắc được ghi tự động

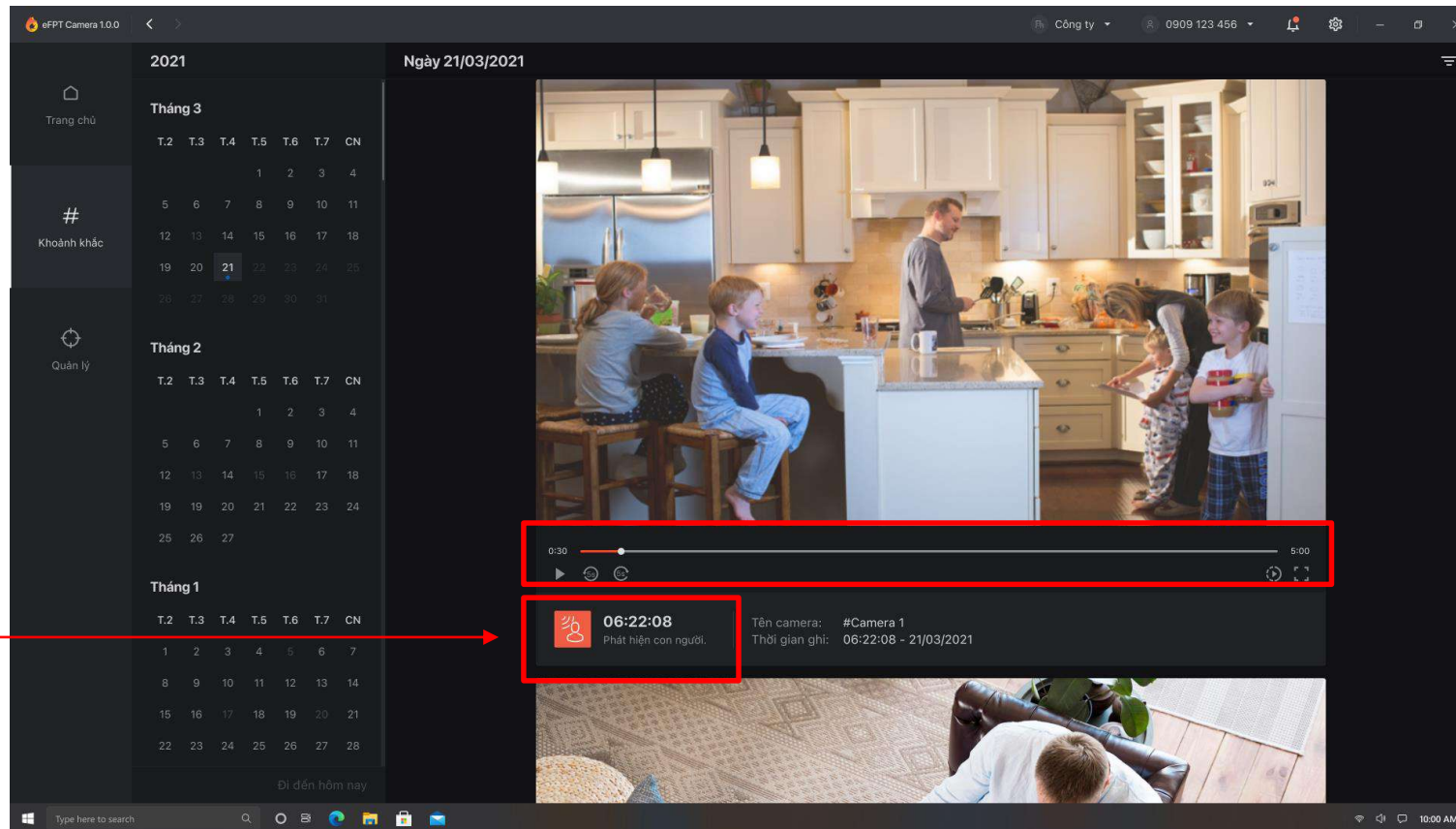
1  
Click tab Khoảnh khắc



Dữ liệu phát hiện chuyển động

Các action trên playbar  
*Xem mục 12.1*

## 12. Hướng dẫn xem khoảnh khắc (Moment) 12.2. Xem khoảnh khắc được ghi tự động



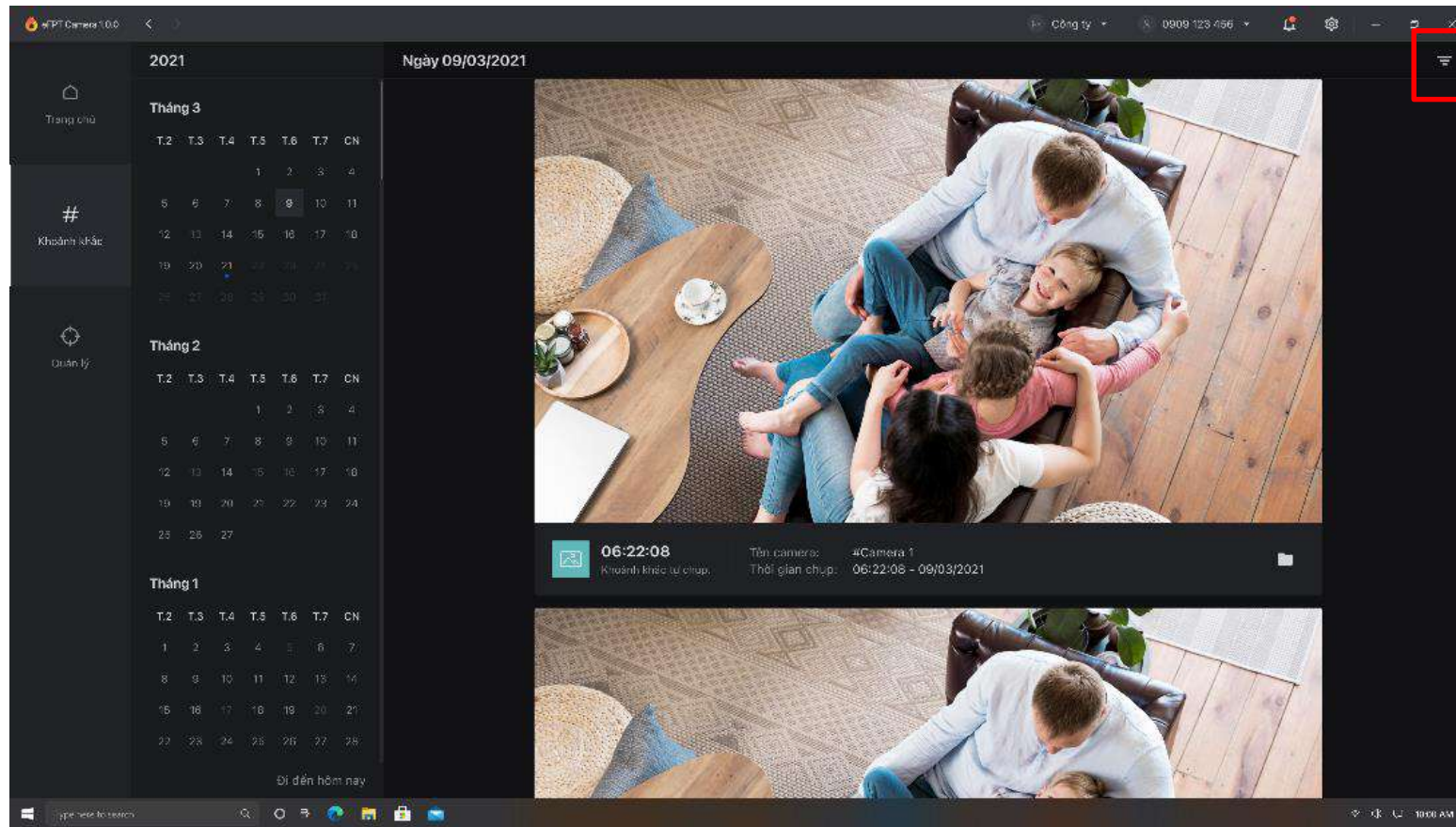
Dữ liệu phát hiện con người

Các action trên playbar  
*Xem mục 12.1*



## 12. Hướng dẫn xem khoảnh khắc (Moment)

### 12.3. Sử dụng bộ lọc cho dữ liệu khoảnh khắc



1 Click biểu tượng để mở bộ lọc

## 12. Hướng dẫn xem khoảnh khắc (Moment)

### 12.3. Sử dụng bộ lọc cho dữ liệu khoảnh khắc

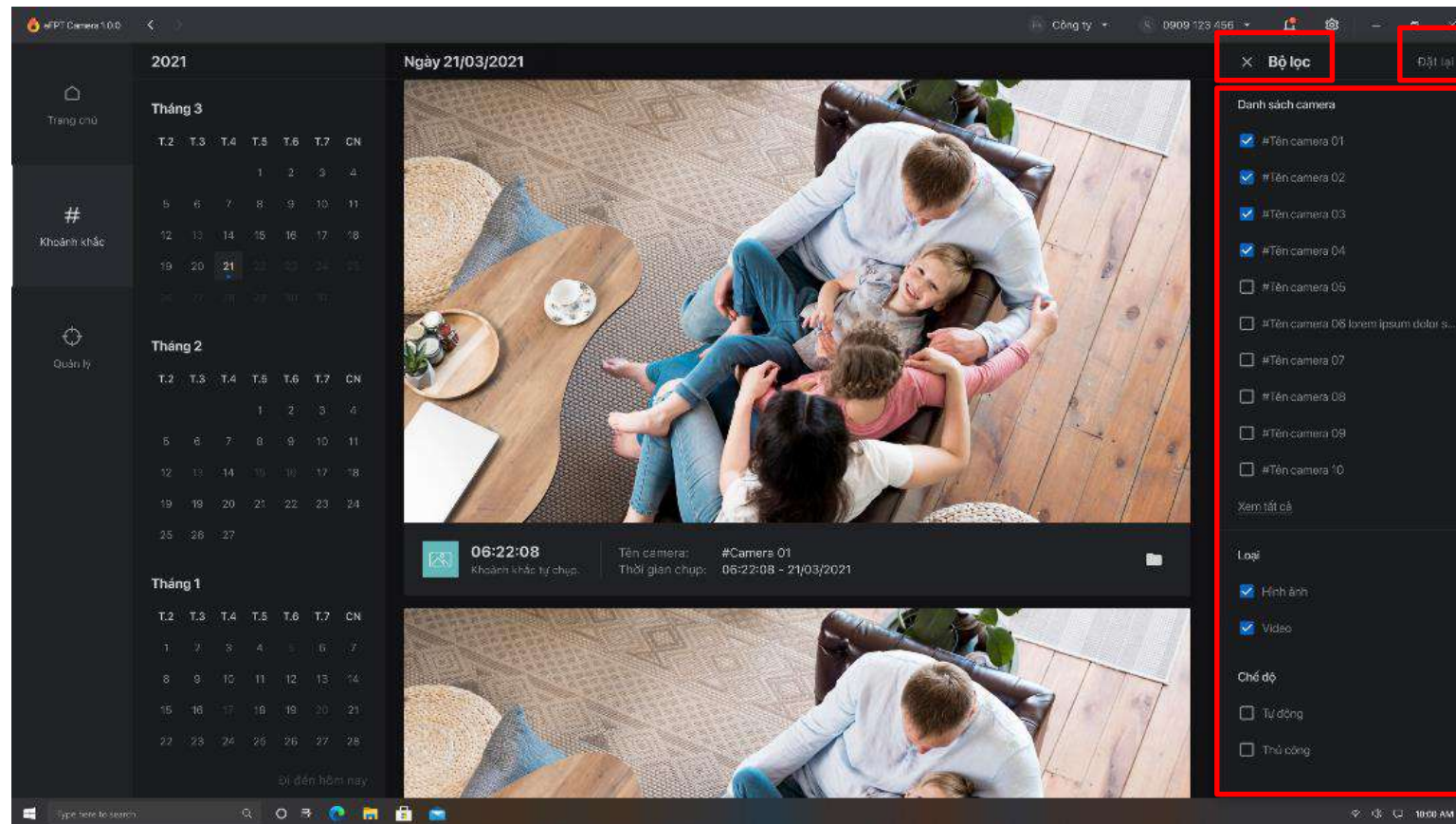


- Có 3 trường thông tin lọc trong danh sách:
- Lọc theo tên camera.
  - Lọc theo loại dữ liệu: video hoặc hình ảnh (**chưa áp dụng**).
  - Lọc theo chế độ ghi lại khoảnh khắc: thủ công hoặc tự động (**chưa áp dụng**).

2 Click "**Xem tất cả**" để hiển thị toàn bộ danh sách camera

## 12. Hướng dẫn xem khoảnh khắc (Moment) 12.3. Sử dụng bộ lọc cho dữ liệu khoảnh khắc

4 Click icon "X" để đóng bộ lọc



4.1

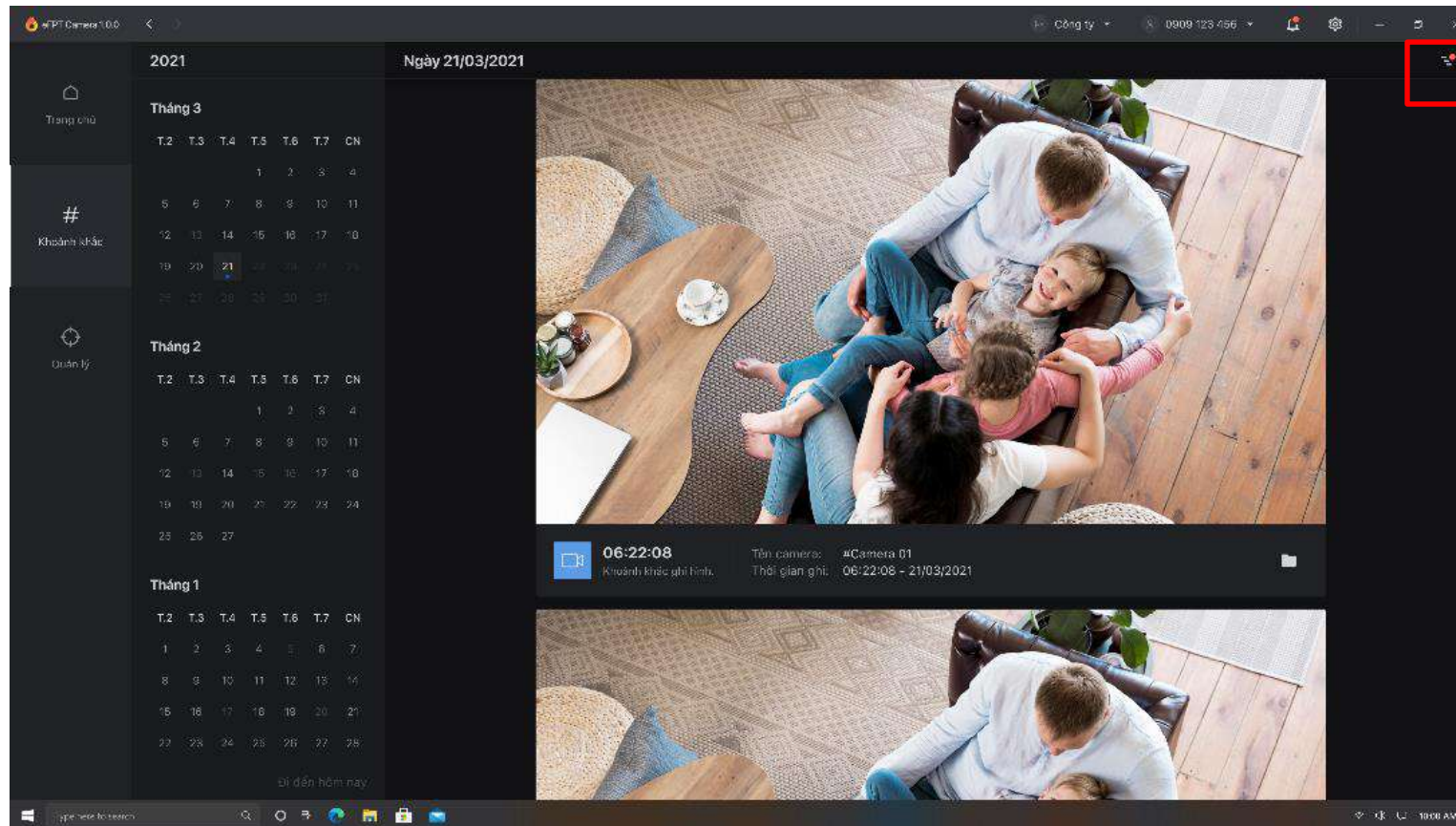
Click "Đặt lại" để bỏ chọn toàn bộ các giá trị đã chọn, dữ liệu trang khoảnh khắc trở về trạng thái mặc định

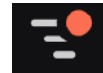
3

Click giá trị muốn lọc có trong danh sách  
Giao diện xem khoảnh khắc tự động trả về theo giá trị đã chọn

## 12. Hướng dẫn xem khoảnh khắc (Moment)


### 12.3. Sử dụng bộ lọc cho dữ liệu khoảnh khắc

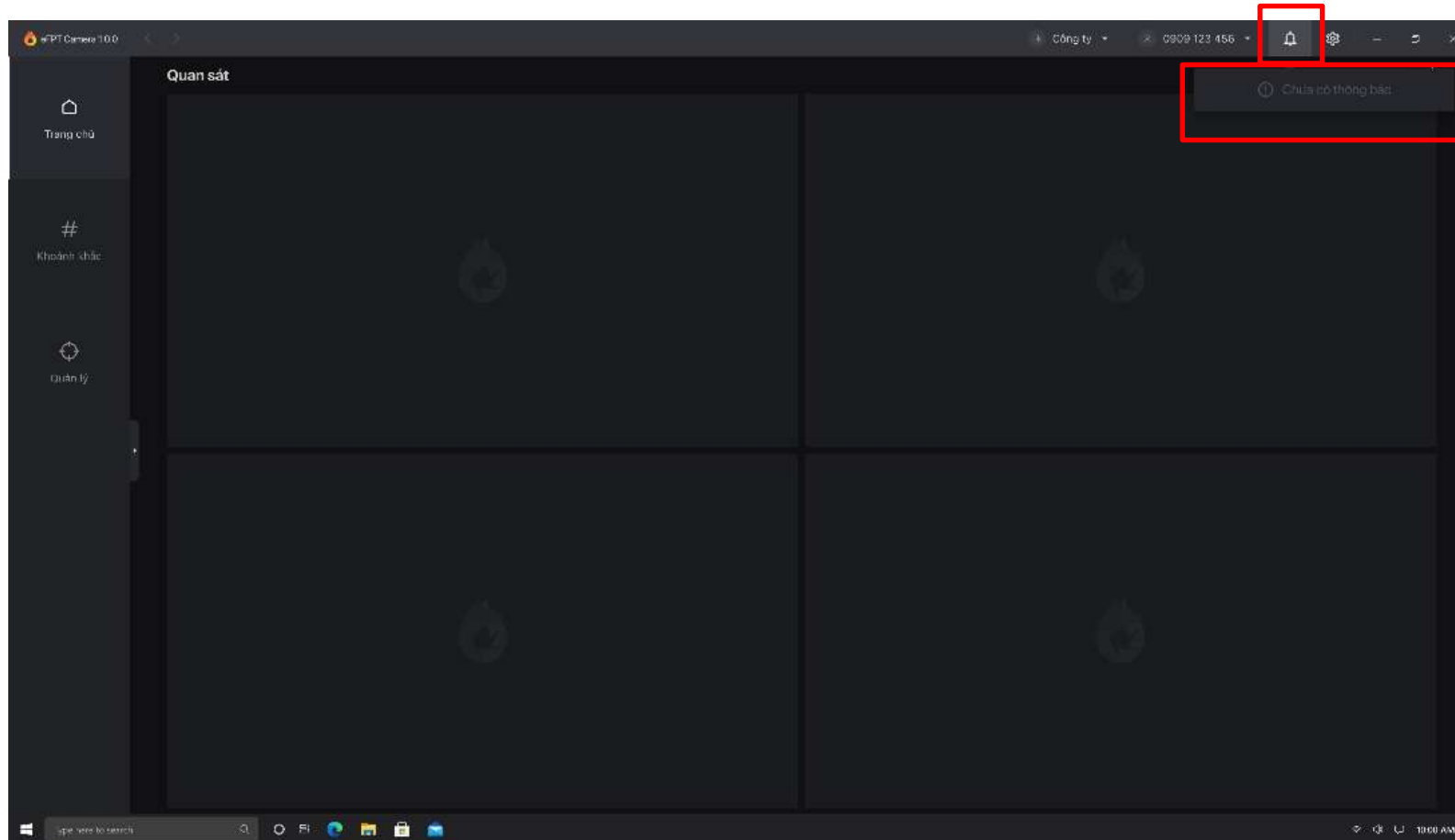


5  Icon thể hiện giao diện xem khoảnh khắc đang áp dụng bộ lọc

## 13. Xem thông báo (Notification)

*Trường hợp: không có dữ liệu thông báo*

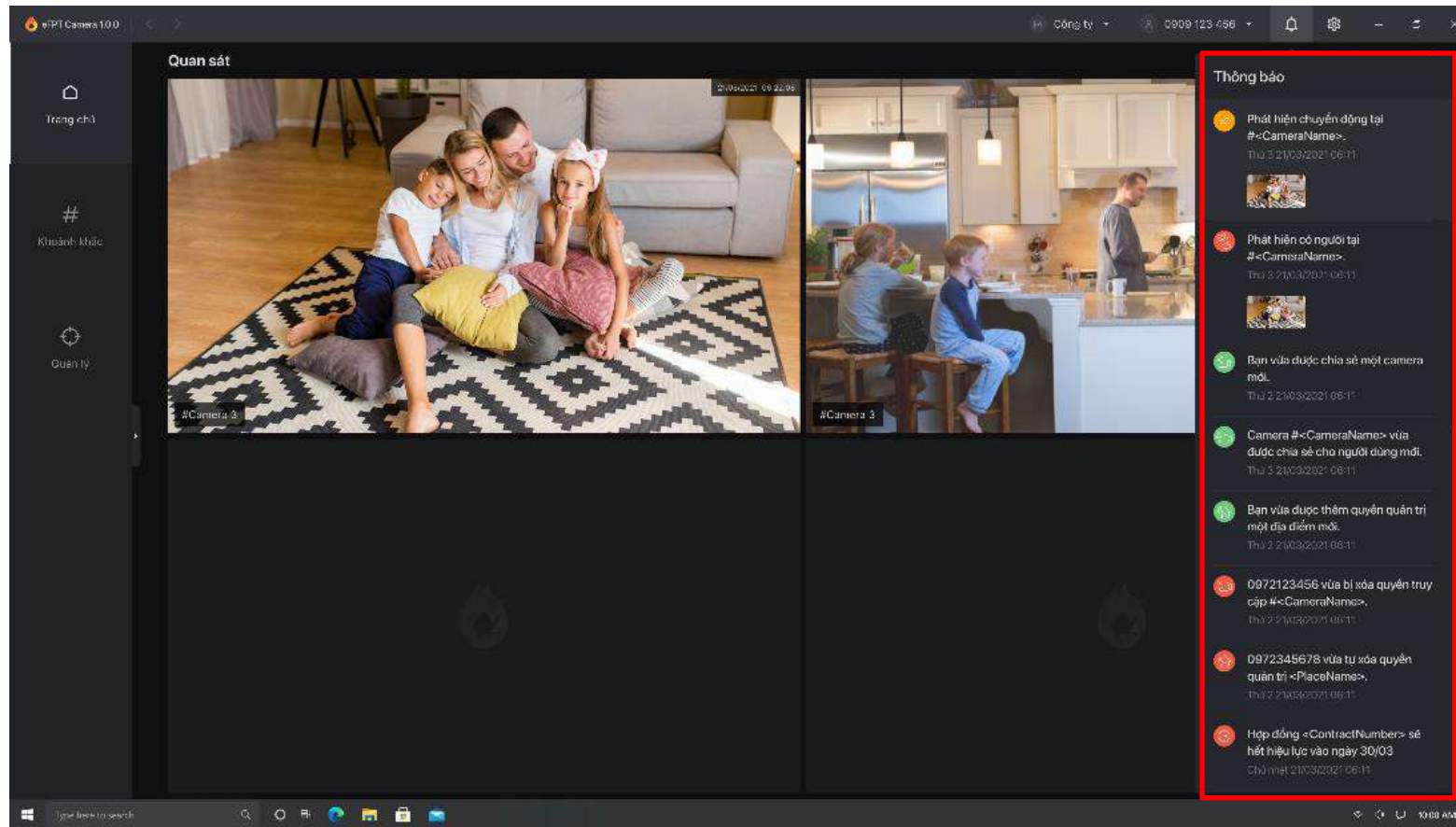
1 Click icon để mở danh sách thông báo 



2 Danh sách thông báo trống

## 13. Xem thông báo (Notification)

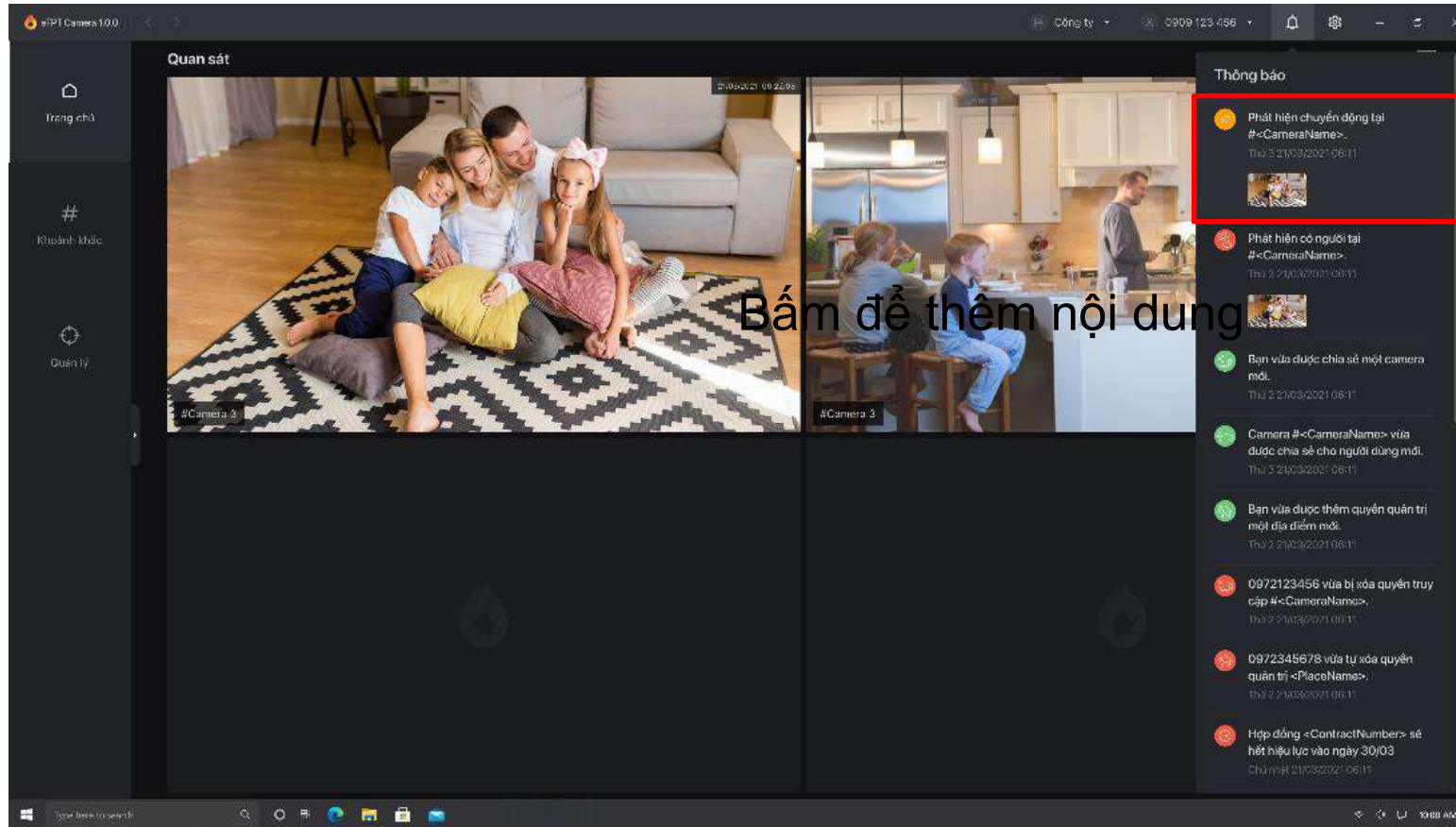
*Trường hợp: có dữ liệu thông báo*



2.1

Danh sách có thông báo

## 13. Xem thông báo (Notification)

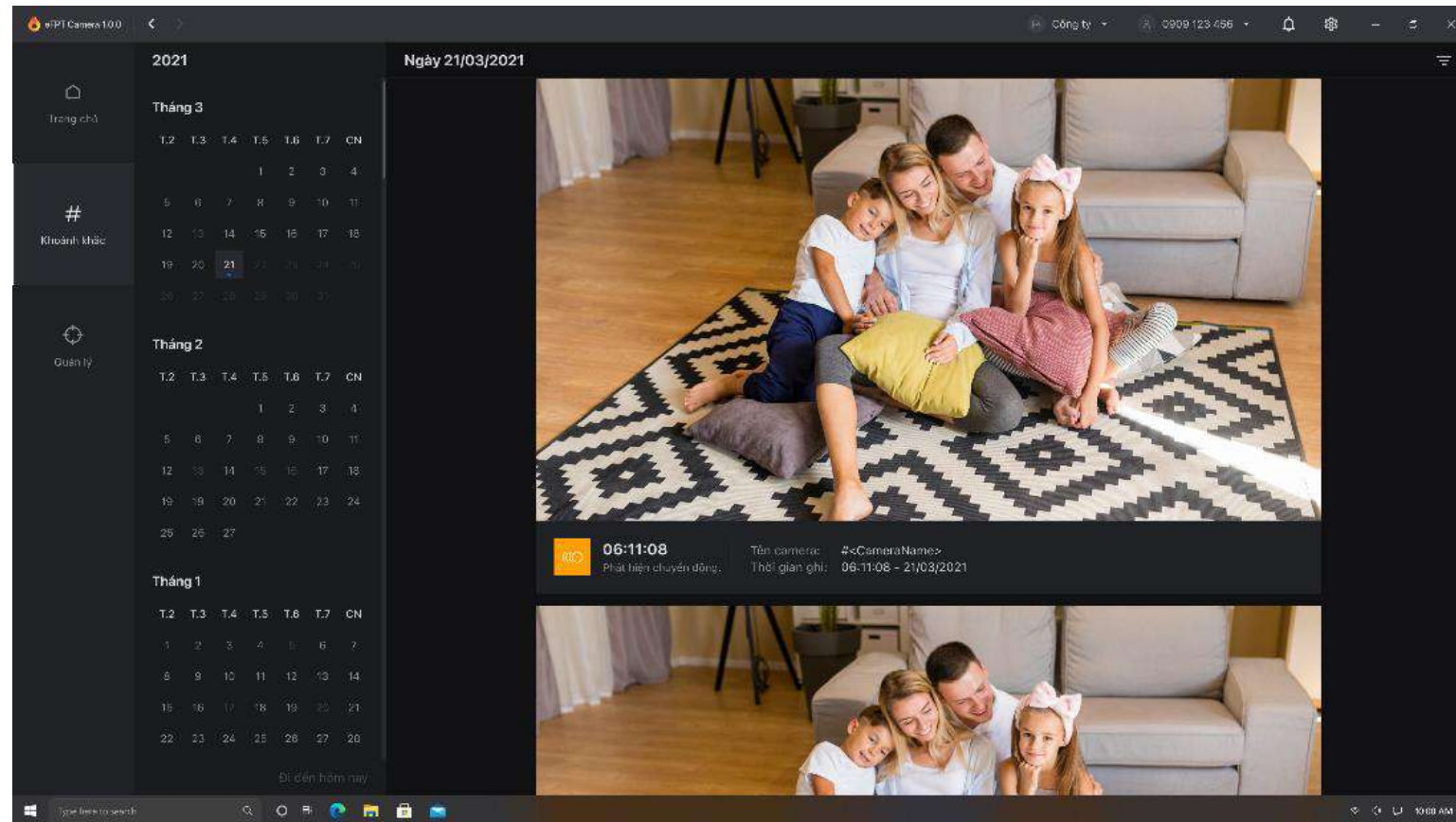


3.1

Click thông báo để đi đến xem khoảnh khắc phát hiện chuyển động

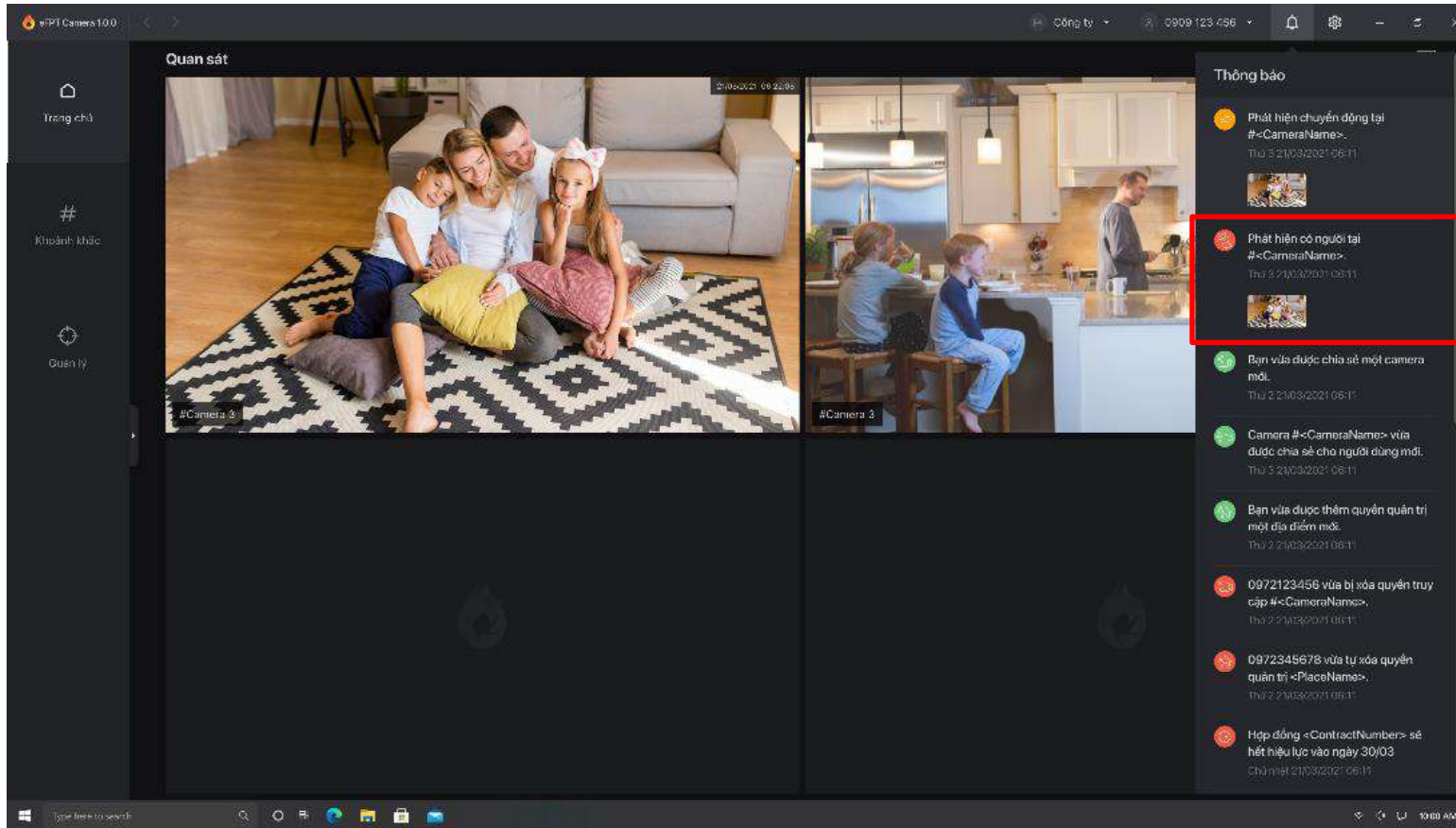
## 13. Xem thông báo (Notification)

Đi đến trang xem khoảnh khắc sau khi nhận thông báo





## 13. Xem thông báo (Notification)

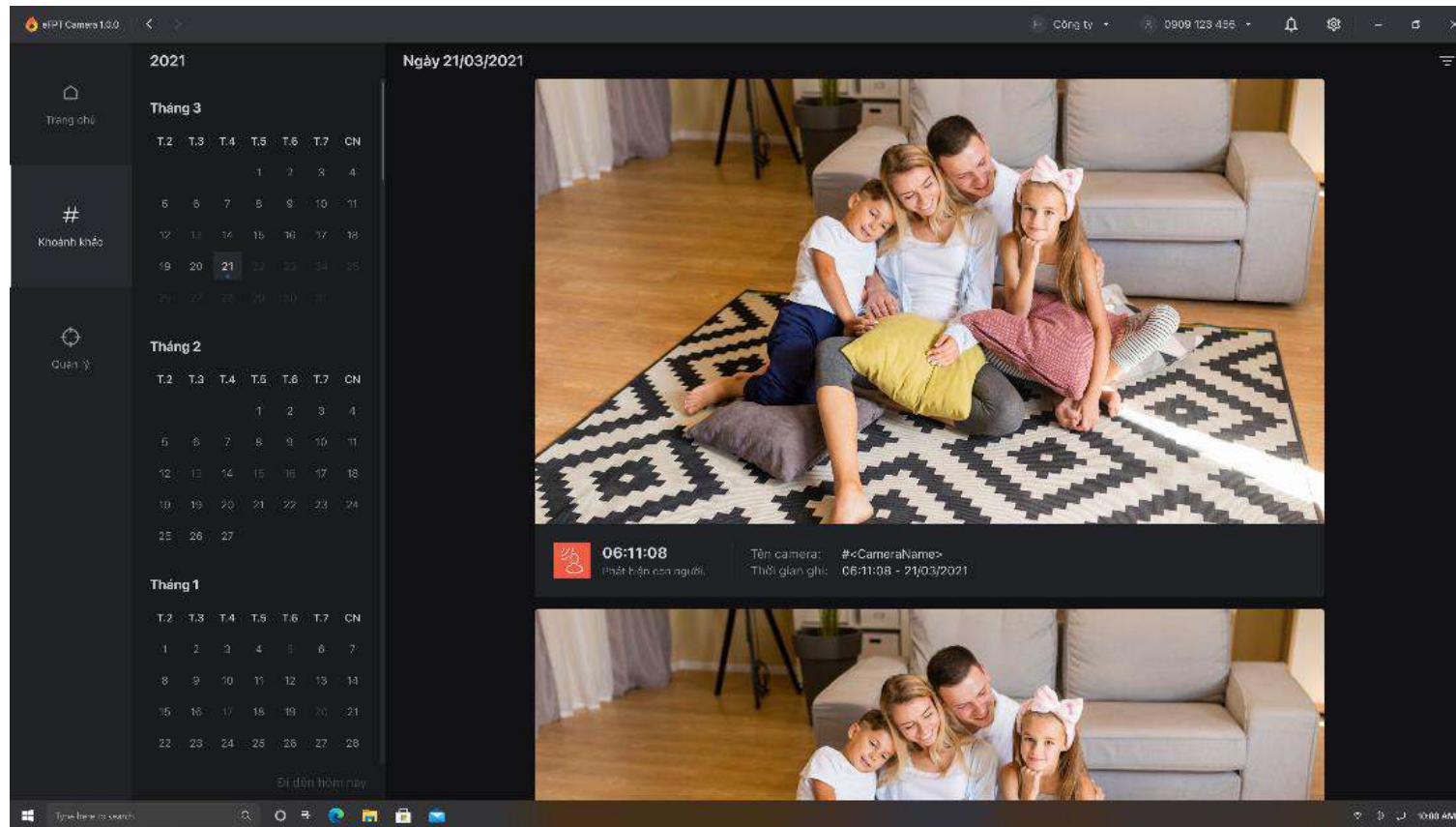


### 3.1a

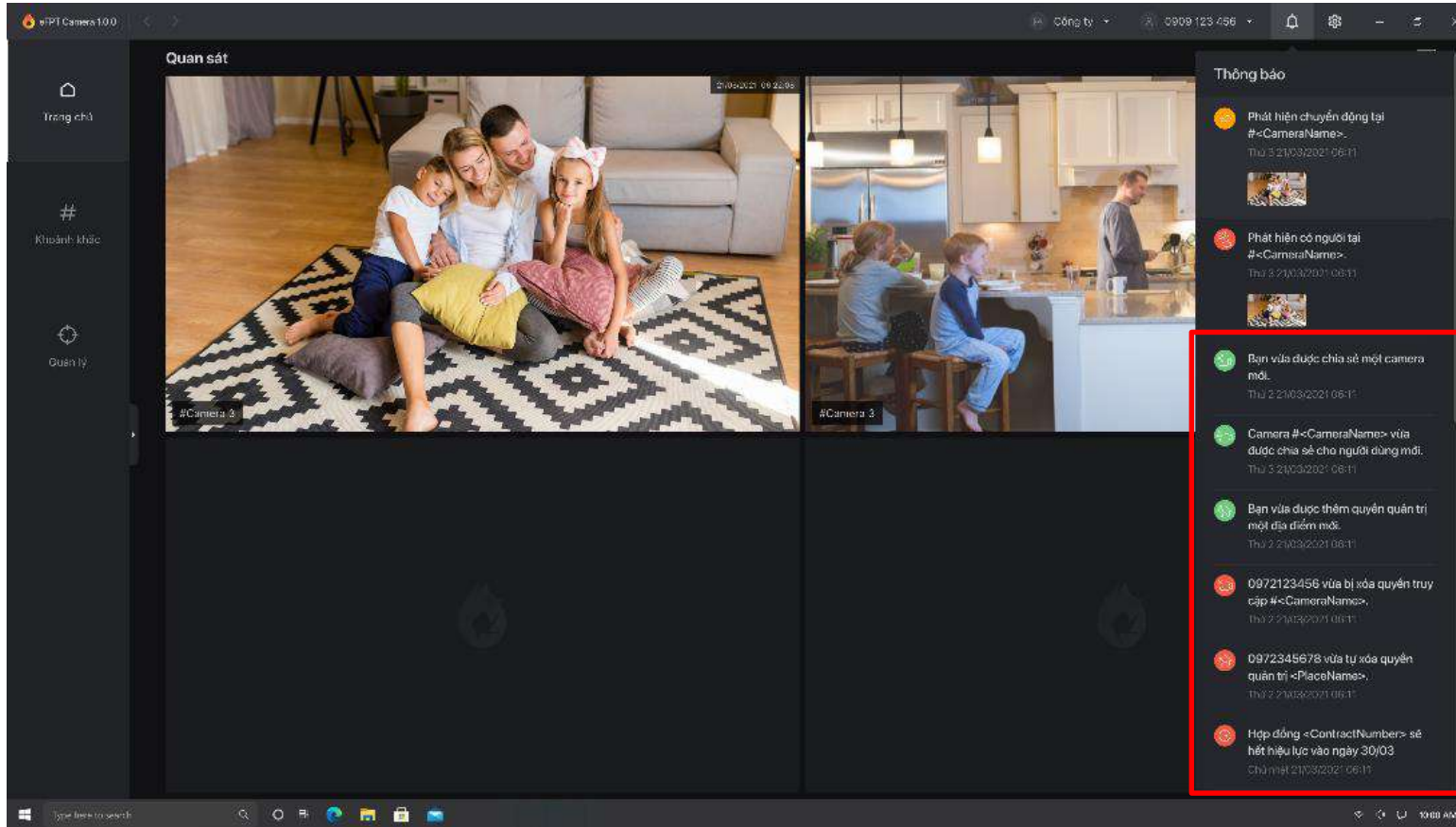
Click thông báo để đi đến xem khoảnh khắc phát hiện có người (chưa áp dụng cho phiên bản này)

## 13. Xem thông báo (Notification)

Đi đến trang xem khoảnh khắc sau khi nhận thông báo



## 13. Xem thông báo (Notification)

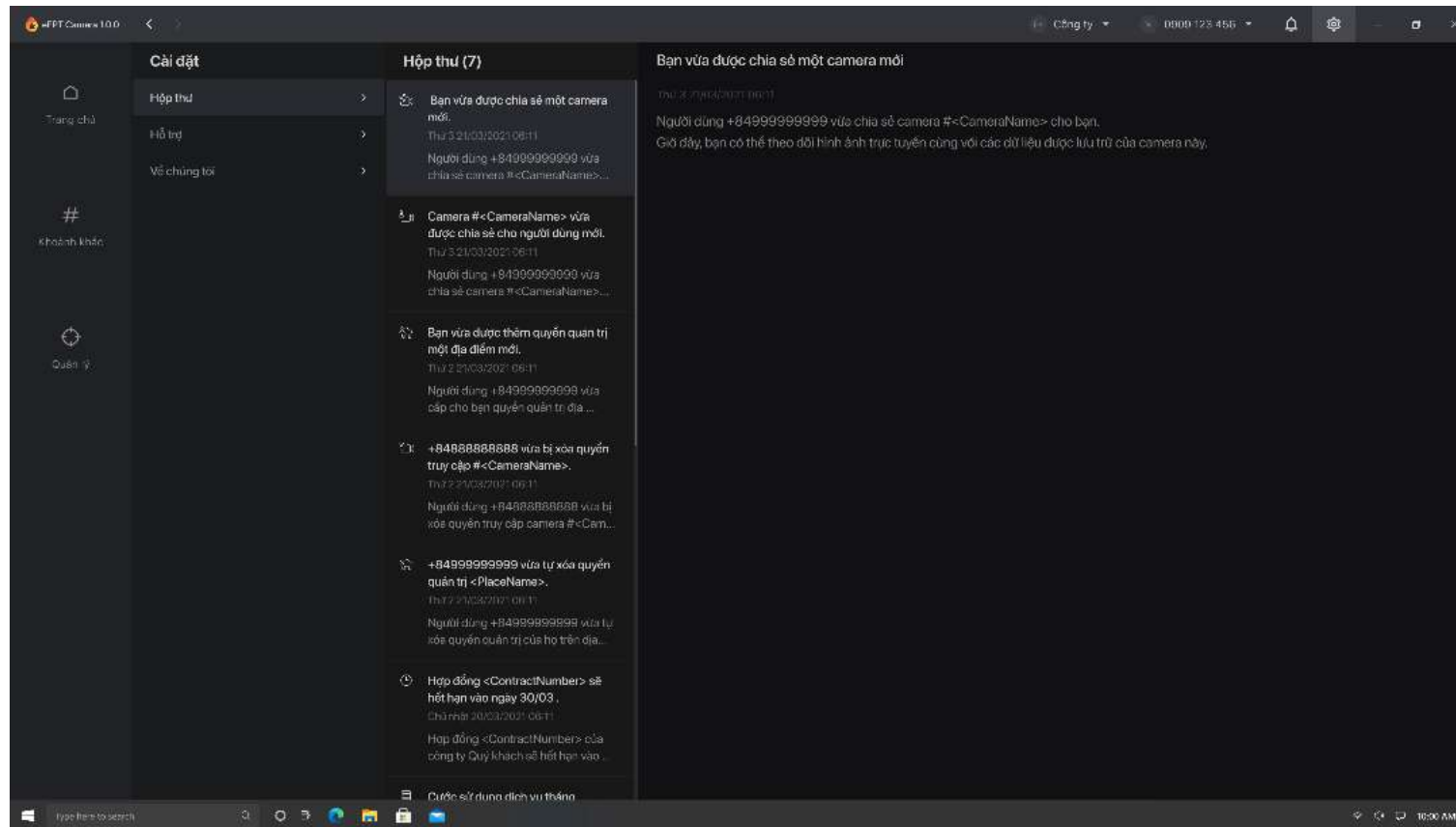


### 3.1b

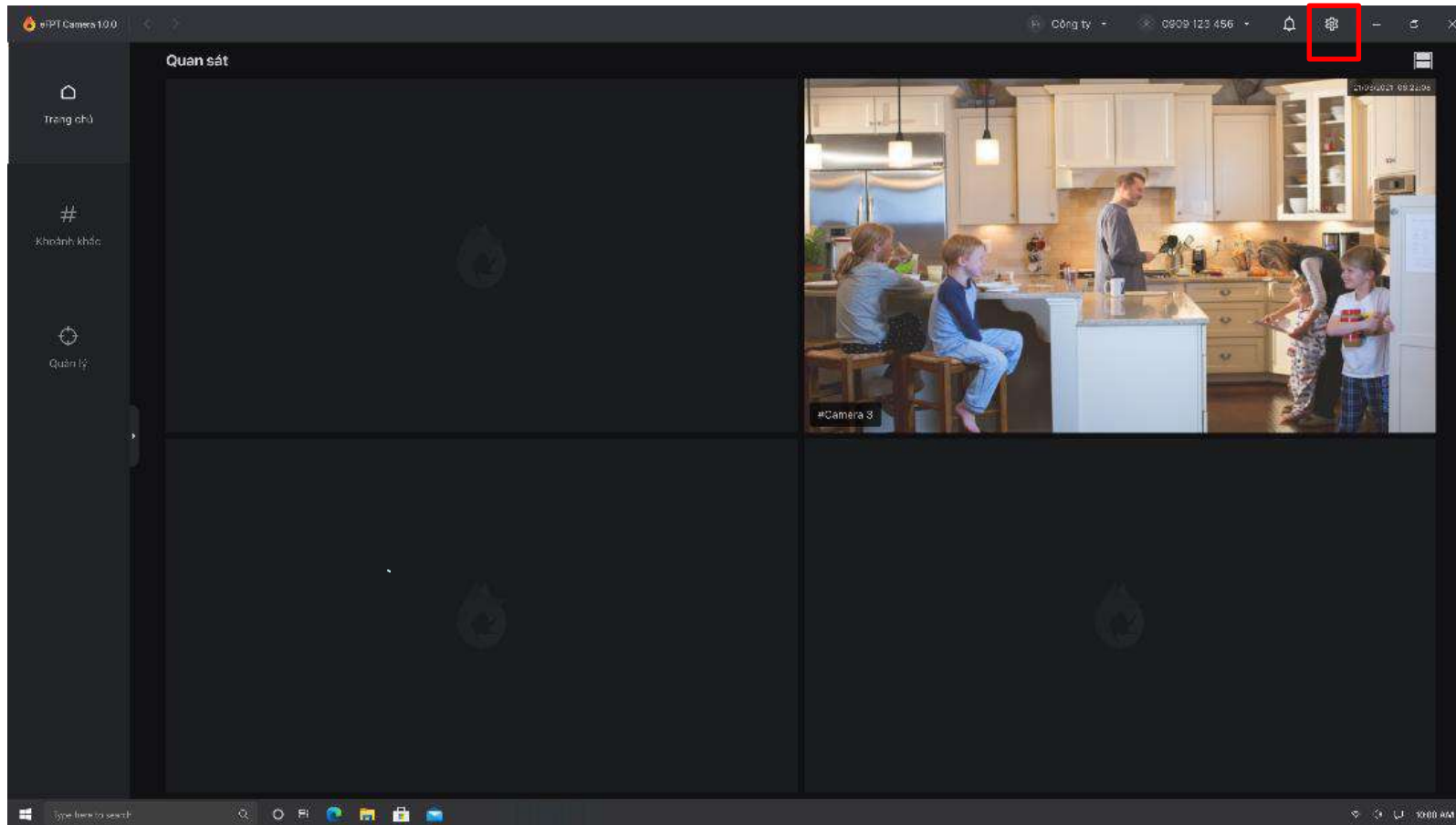
Các thông báo còn lại, click để đi tới hộp thư để xem chi tiết (chưa áp dụng cho phiên bản này)

## 13. Xem thông báo (Notification)

Đi đến hộp thư sau khi nhận thông báo



### 14. Xem hộp thư (Inbox) (Chưa áp dụng)



1

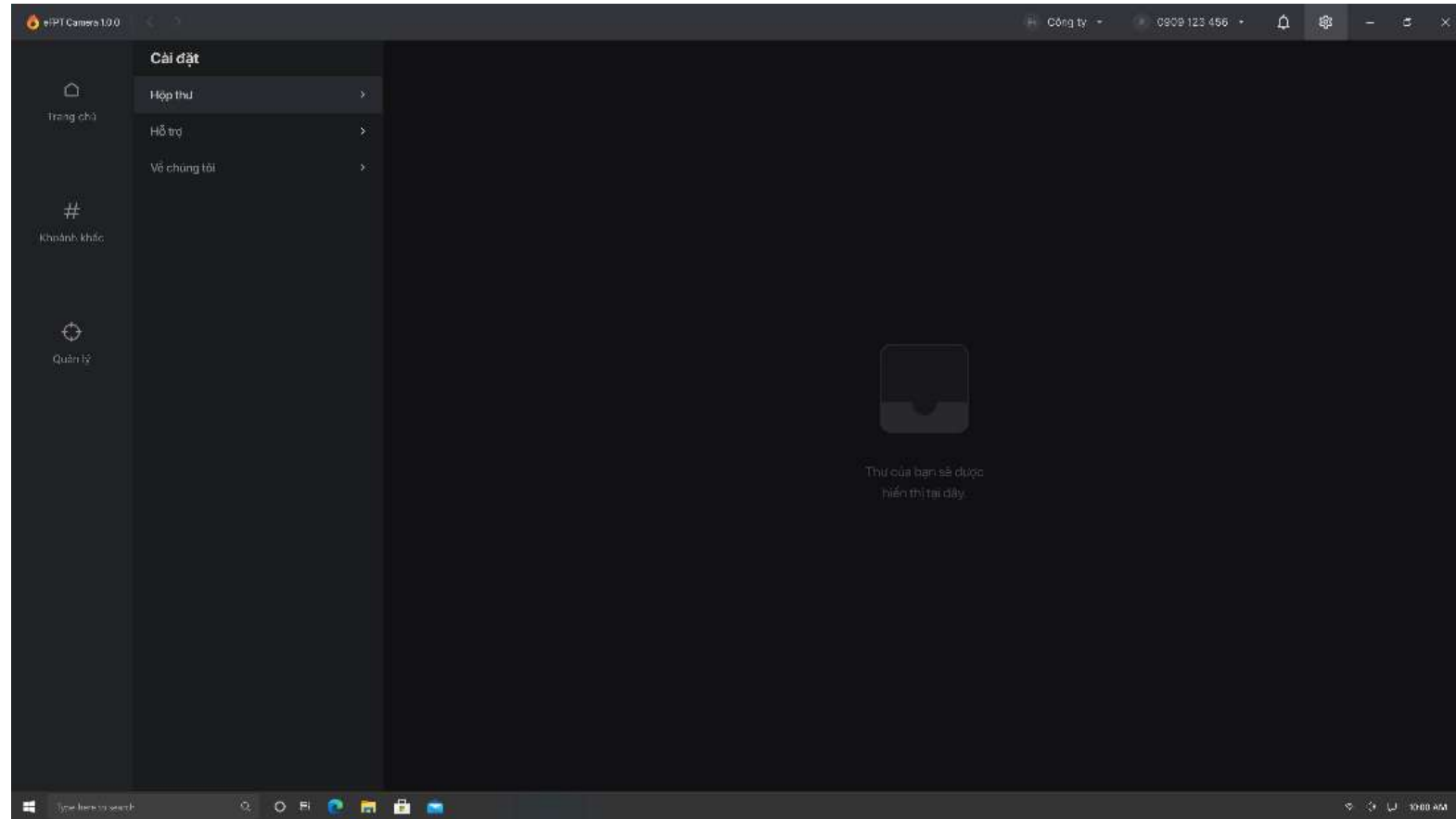


Click để mở trang cài đặt

## 14. Xem hộp thư (Inbox) (Chưa áp dụng)

*Trường hợp: tài khoản chưa có dữ liệu trong hộp thư*

- 2 Mặc định mở Hộp thư sau khi mở cài đặt



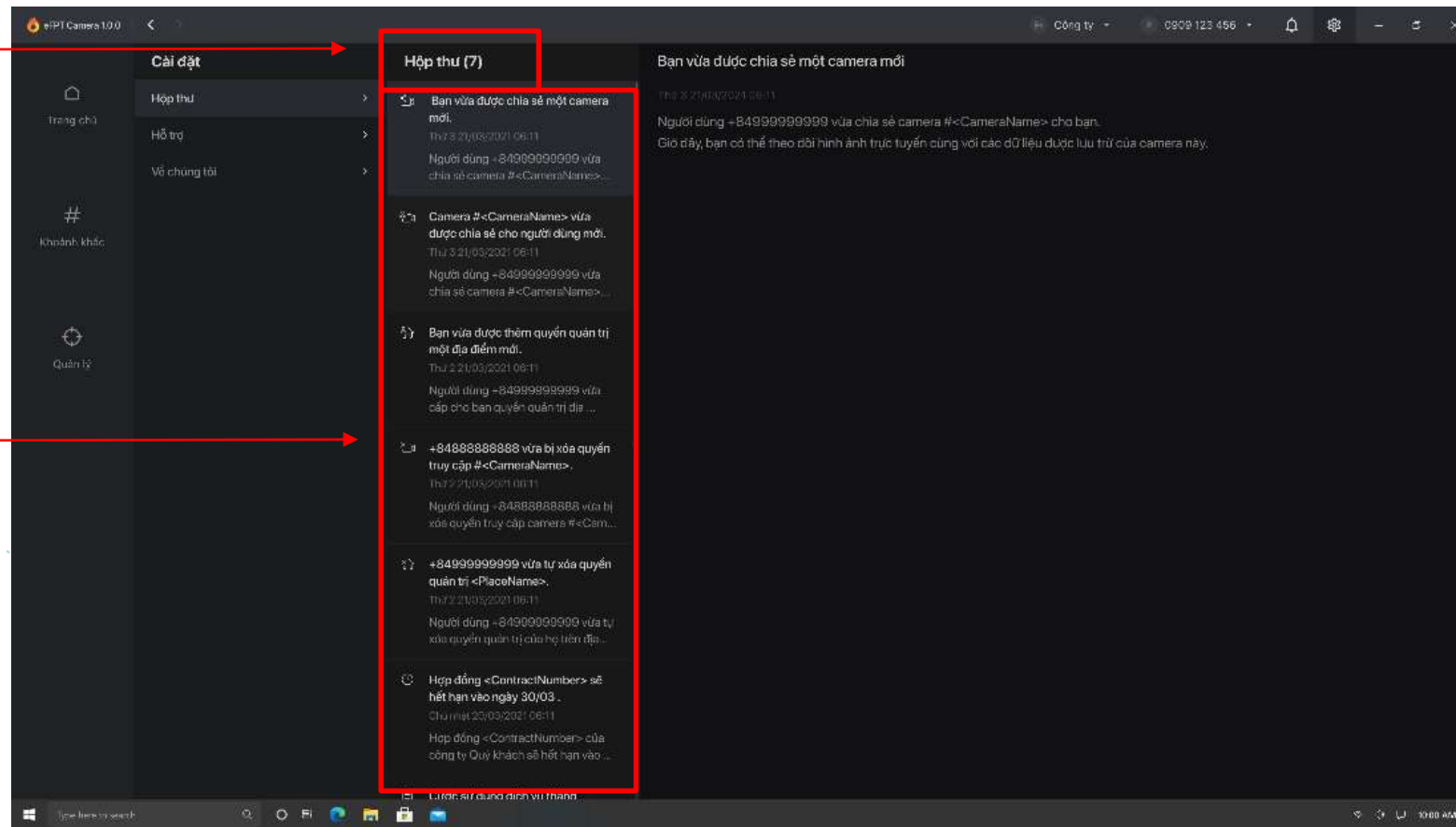
## 14. Xem hộp thư (Inbox) (Chưa áp dụng)

*Trường hợp: tài khoản có dữ liệu trong hộp thư*

Số tin nhắn chưa đọc

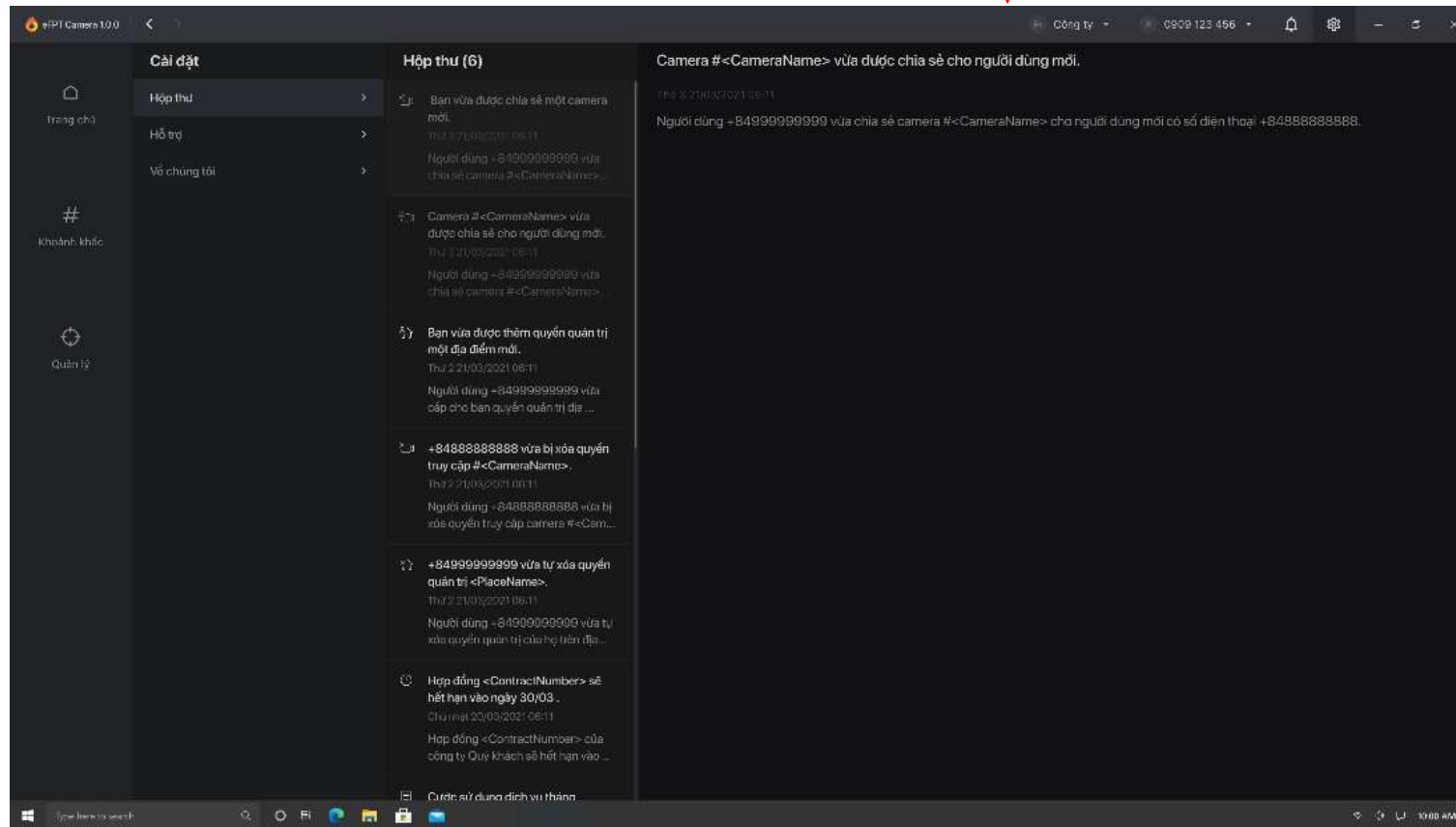
3

Click trên danh sách hộp thư để mở xem chi tiết



## 14. Xem hộp thư (Inbox) (Chưa áp dụng)

Xem chi tiết tin nhắn





## 15. Gửi yêu cầu hỗ trợ (Support) (Chưa áp dụng)

**1** Click icon Cài đặt

**2** Click Hỗ trợ để mở form thông tin

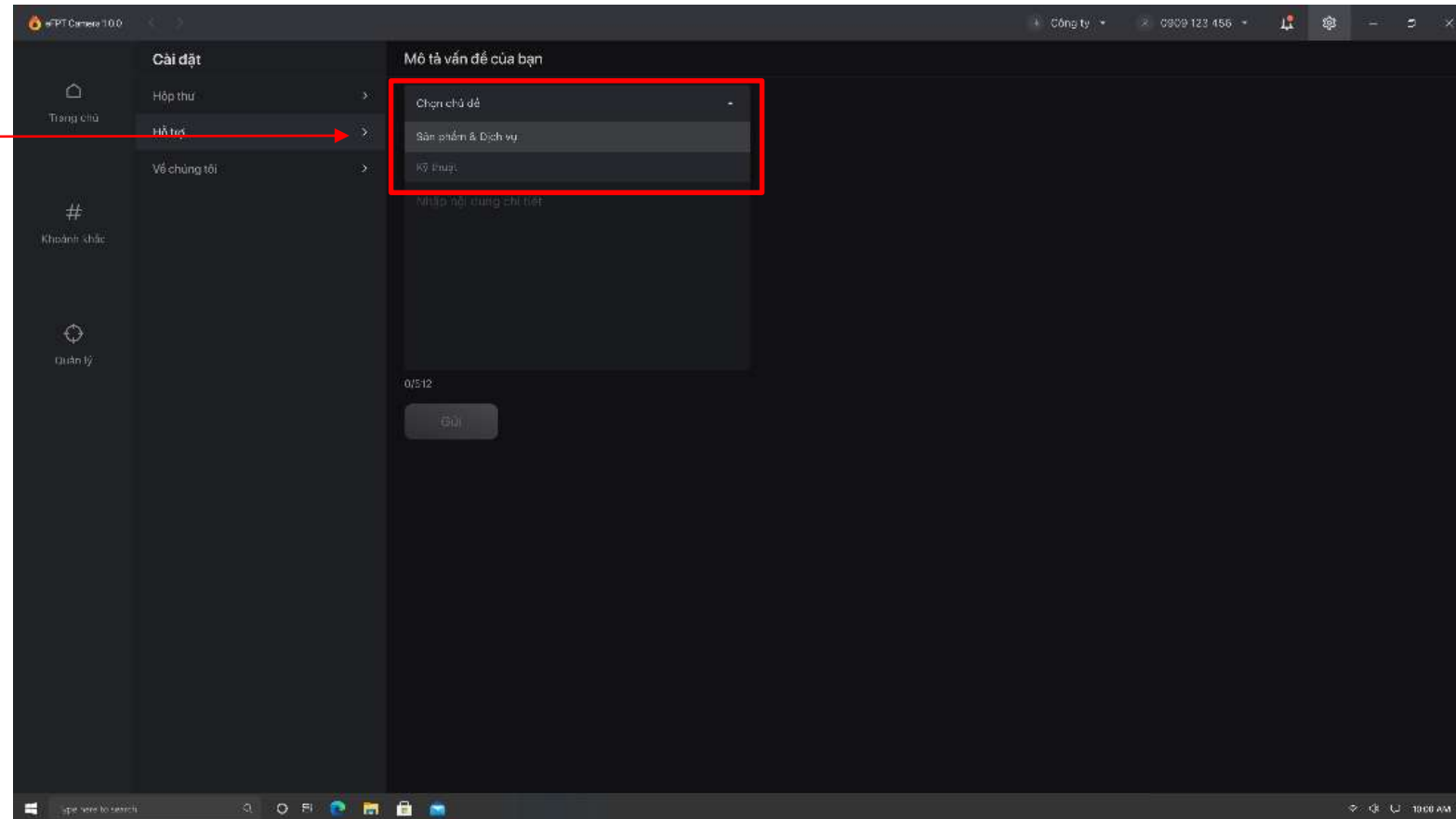
**3** Click để xem loại chủ đề có sẵn

The screenshot shows the FPT Camera 10.0 settings interface. The 'Cài đặt' (Settings) menu is open, displaying options like 'Trang chủ', 'Hỗ trợ', 'Khóa số', and 'Quản lý'. The 'Hỗ trợ' option is highlighted with a red box. A red arrow points from the text 'Click Hỗ trợ để mở form thông tin' to this option. Another red box highlights the 'Chọn chủ đề' dropdown menu, with a red arrow pointing from the text 'Click để xem loại chủ đề có sẵn'. A third red box highlights the gear icon in the top right corner of the app, with a red arrow pointing from the text 'Click icon Cài đặt'.

## 15. Gửi yêu cầu hỗ trợ (Support) (Chưa áp dụng)

4

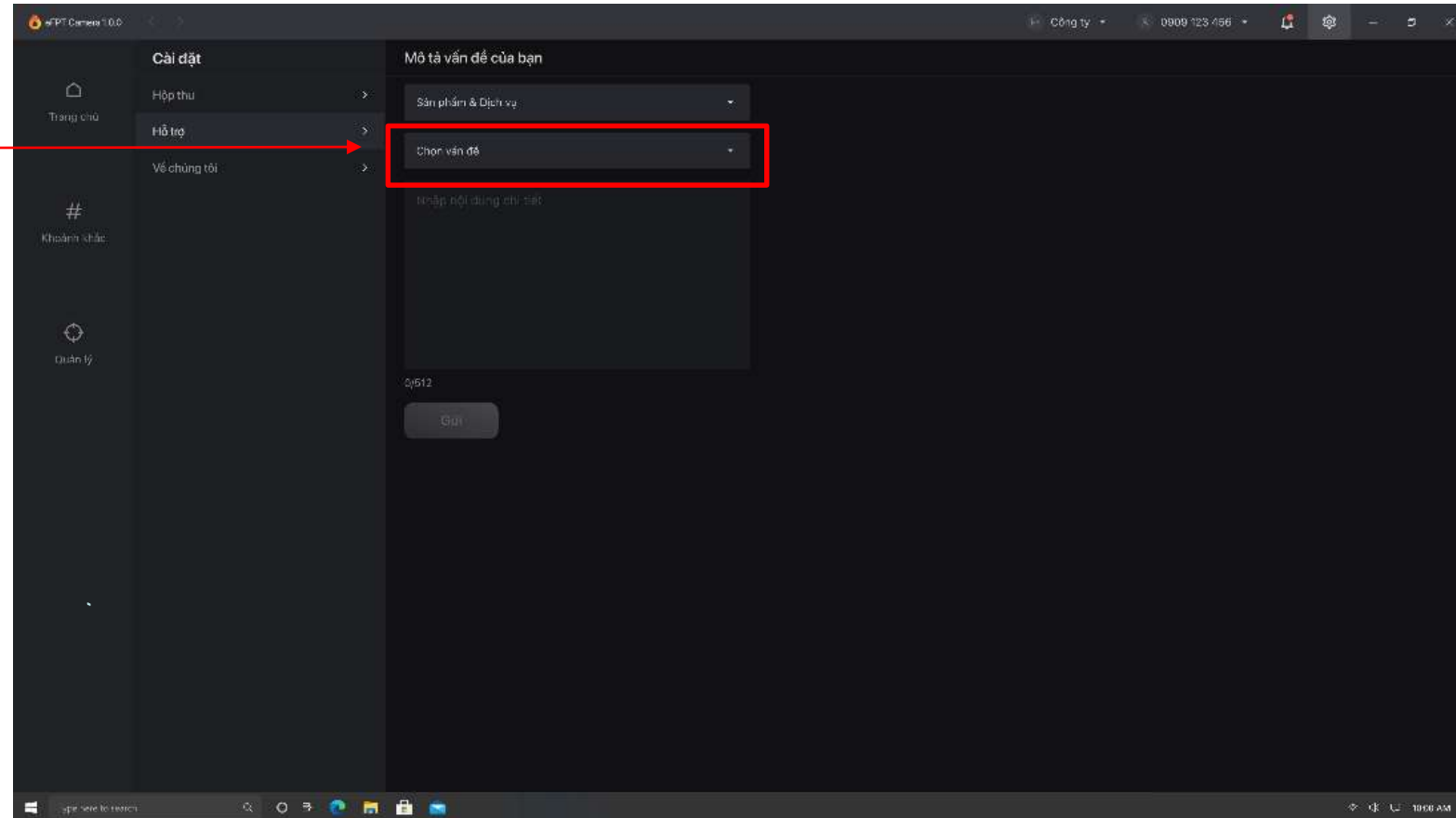
Chọn loại chủ đề



## 15. Gửi yêu cầu hỗ trợ (Support) (Chưa áp dụng)

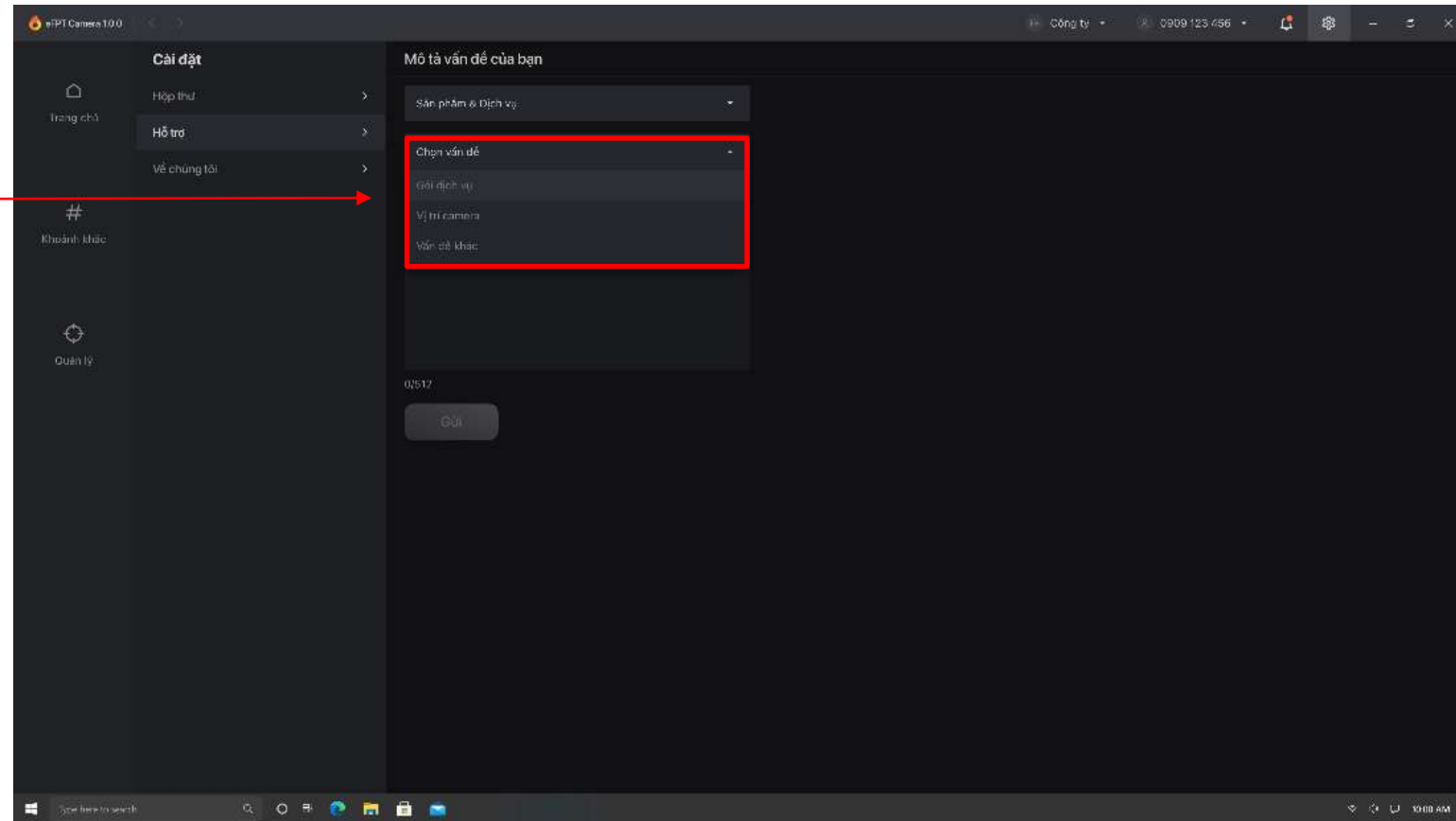
5

Click để xem danh sách vấn đề chi tiết



## 15. Gửi yêu cầu hỗ trợ (Support) (Chưa áp dụng)

6 Chọn vấn đề gặp phải

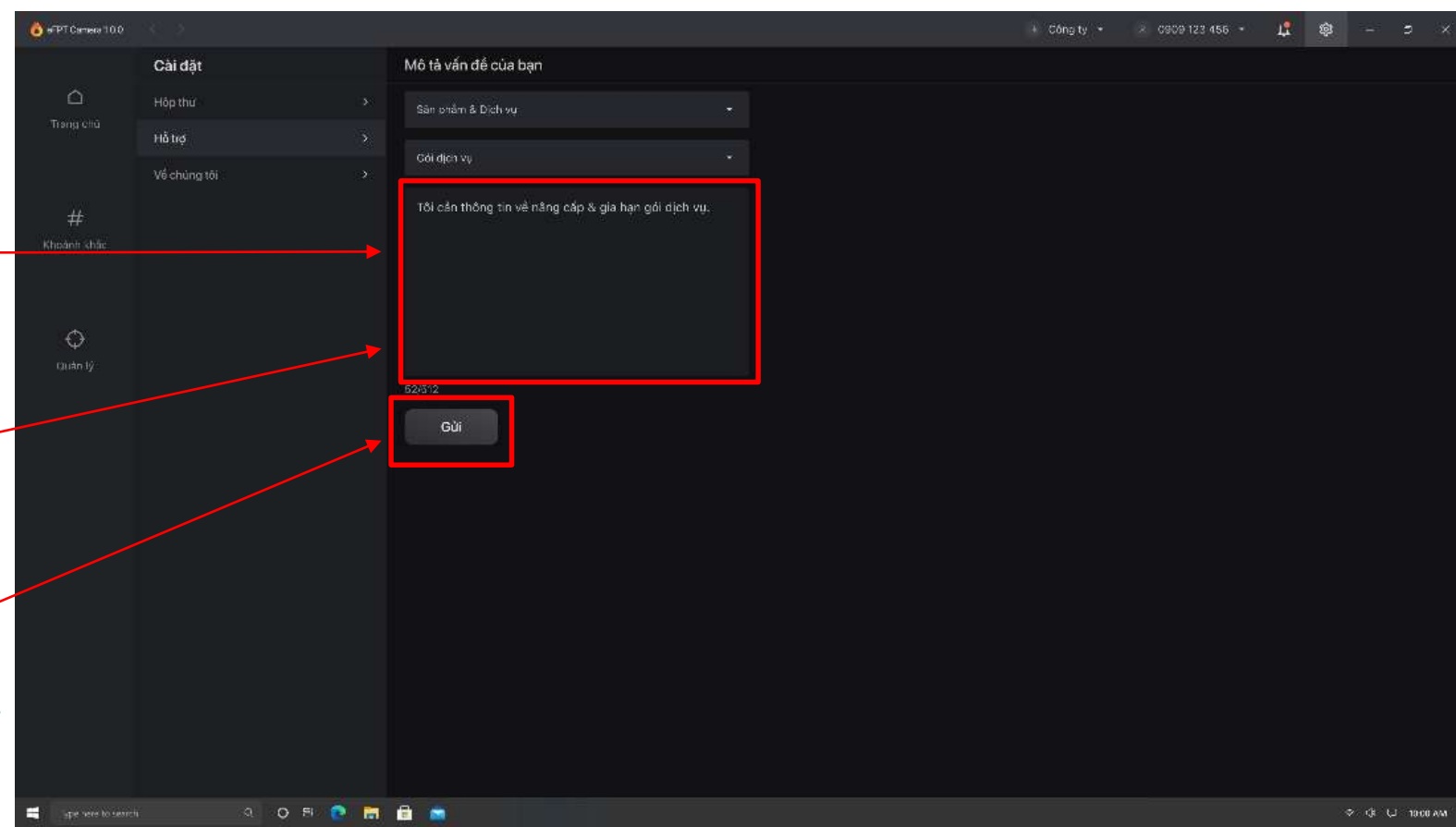


### 15. Gửi yêu cầu hỗ trợ (Support) (Chưa áp dụng)

7 Nội dung được tự động điền ứng với vấn đề có sẵn trong danh sách

8 Chỉnh sửa nội dung vấn đề đang gặp (nếu muốn), click ô nhập để thêm nội dung mới

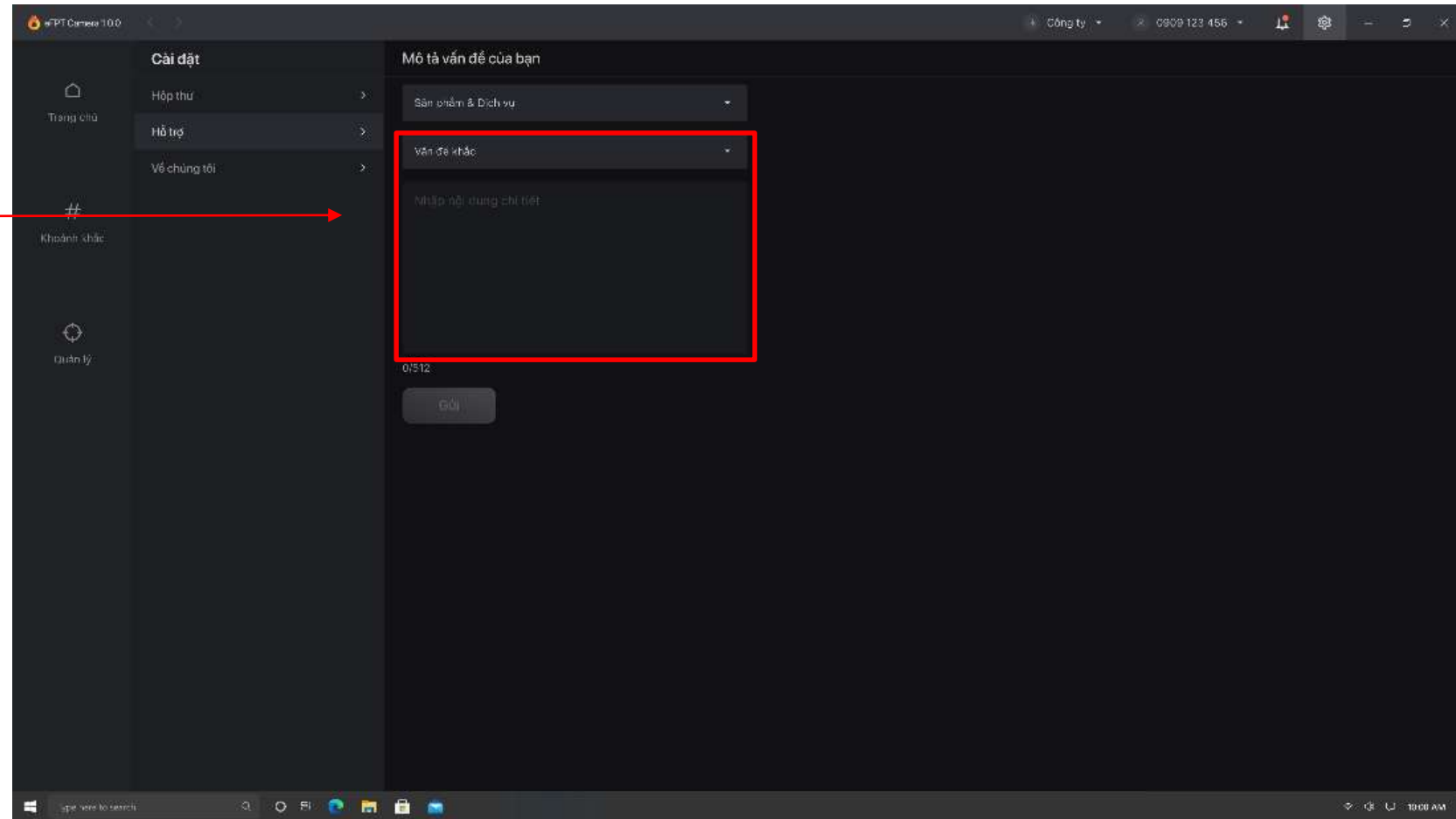
9 Click để gửi thông tin



## 15. Gửi yêu cầu hỗ trợ (Support) (Chưa áp dụng)

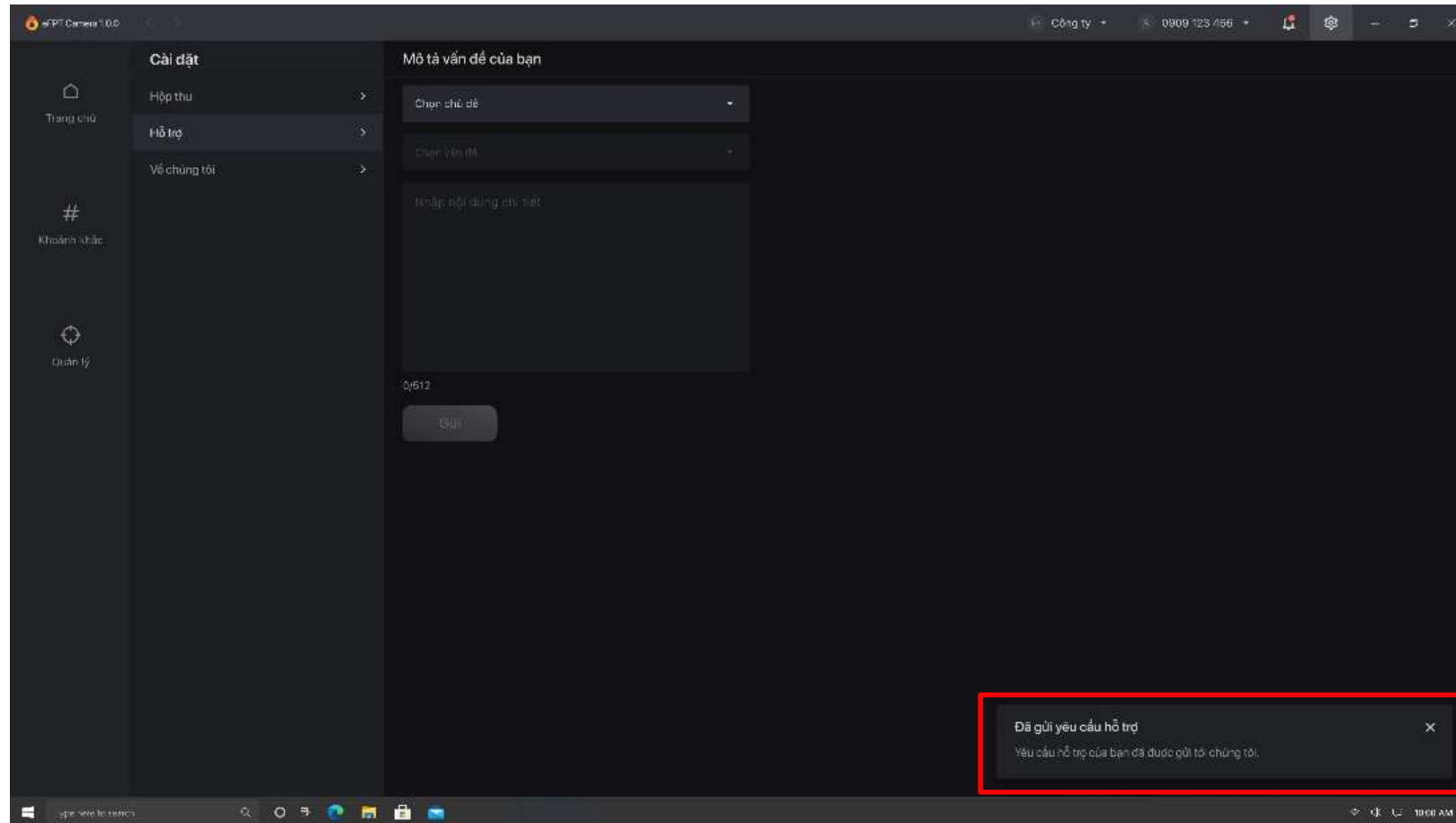
7.1

Tự nhập nội dung nếu chọn Vấn đề khác trong danh sách



## 15. Gửi yêu cầu hỗ trợ (Support) (Chưa áp dụng)

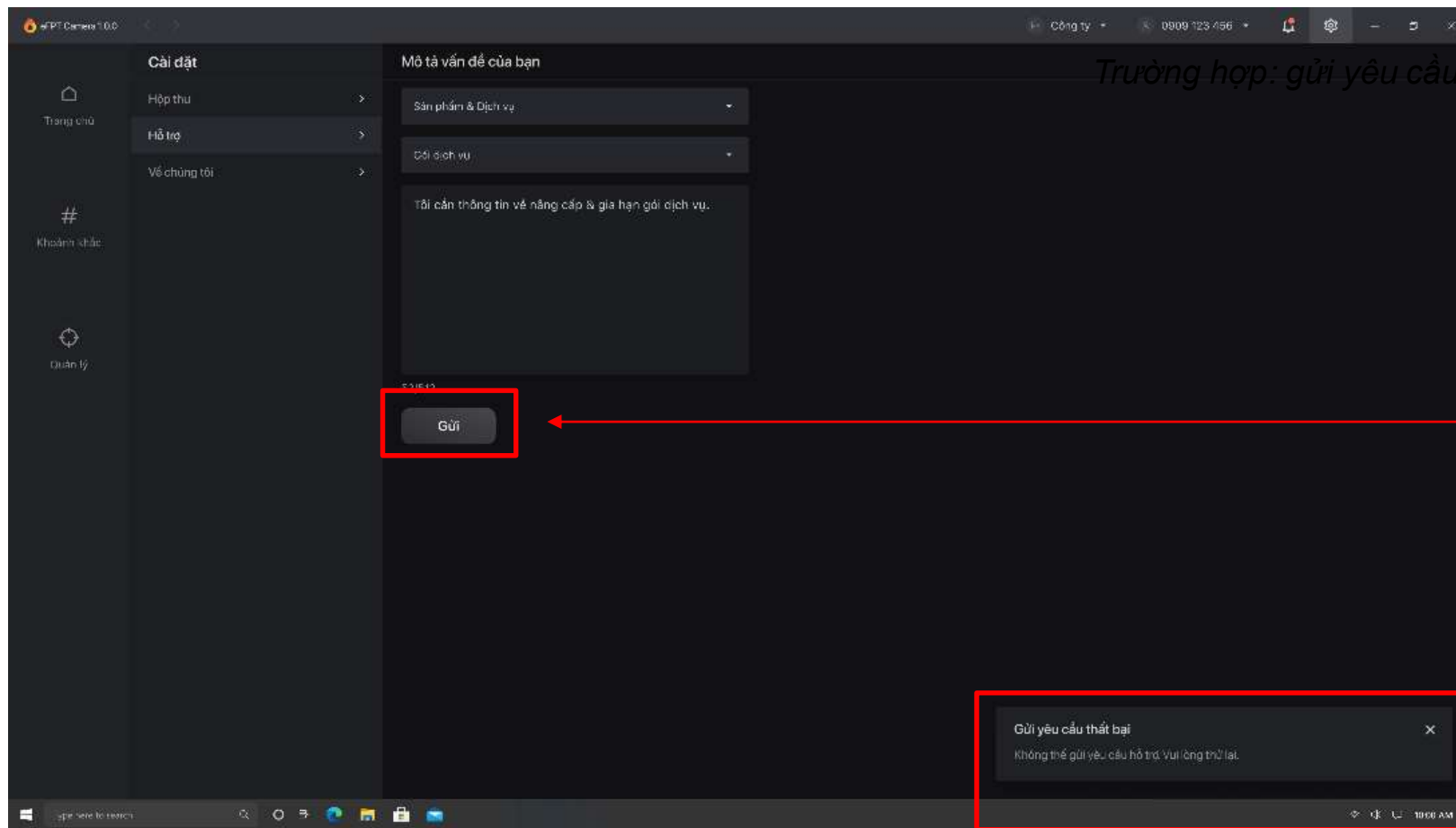
*Trường hợp: gửi yêu cầu hỗ trợ thành công*



10

Hiện thị thông báo gửi yêu cầu thành công  
 Để tắt thông báo, click icon “x” hoặc tự tắt sau 5 giây

## 15. Gửi yêu cầu hỗ trợ (Support) (Chưa áp dụng)



*Trường hợp: gửi yêu cầu hỗ trợ thất bại*

**11.1**


Nhấn Gửi để thử lại

**10.1**

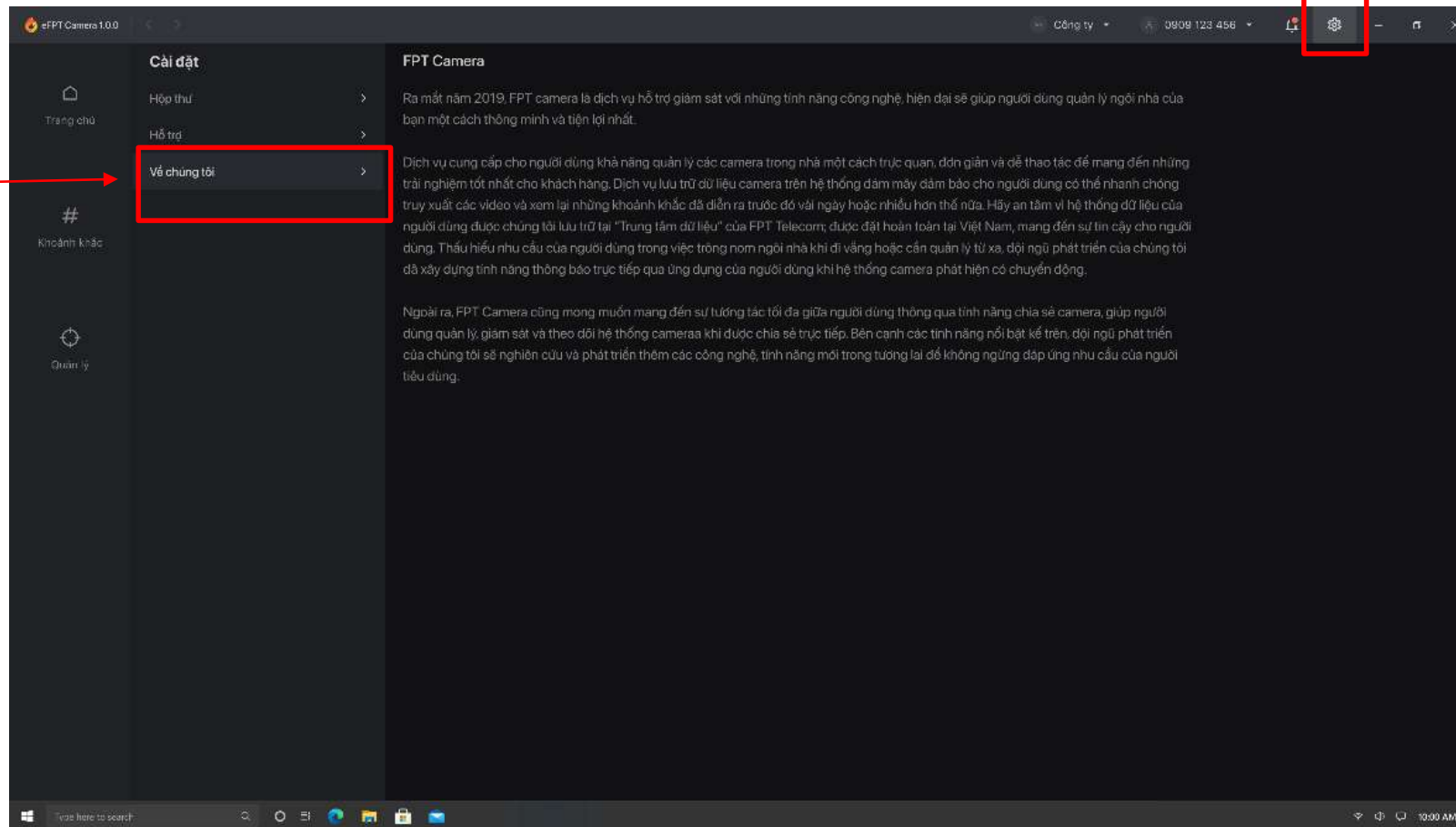
Hiện thị thông báo gửi yêu cầu thất bại  
Để tắt thông báo, click icon "x" hoặc tự tắt sau 5 giây



## 16. Xem giới thiệu chung (About Us) (Chưa áp dụng)

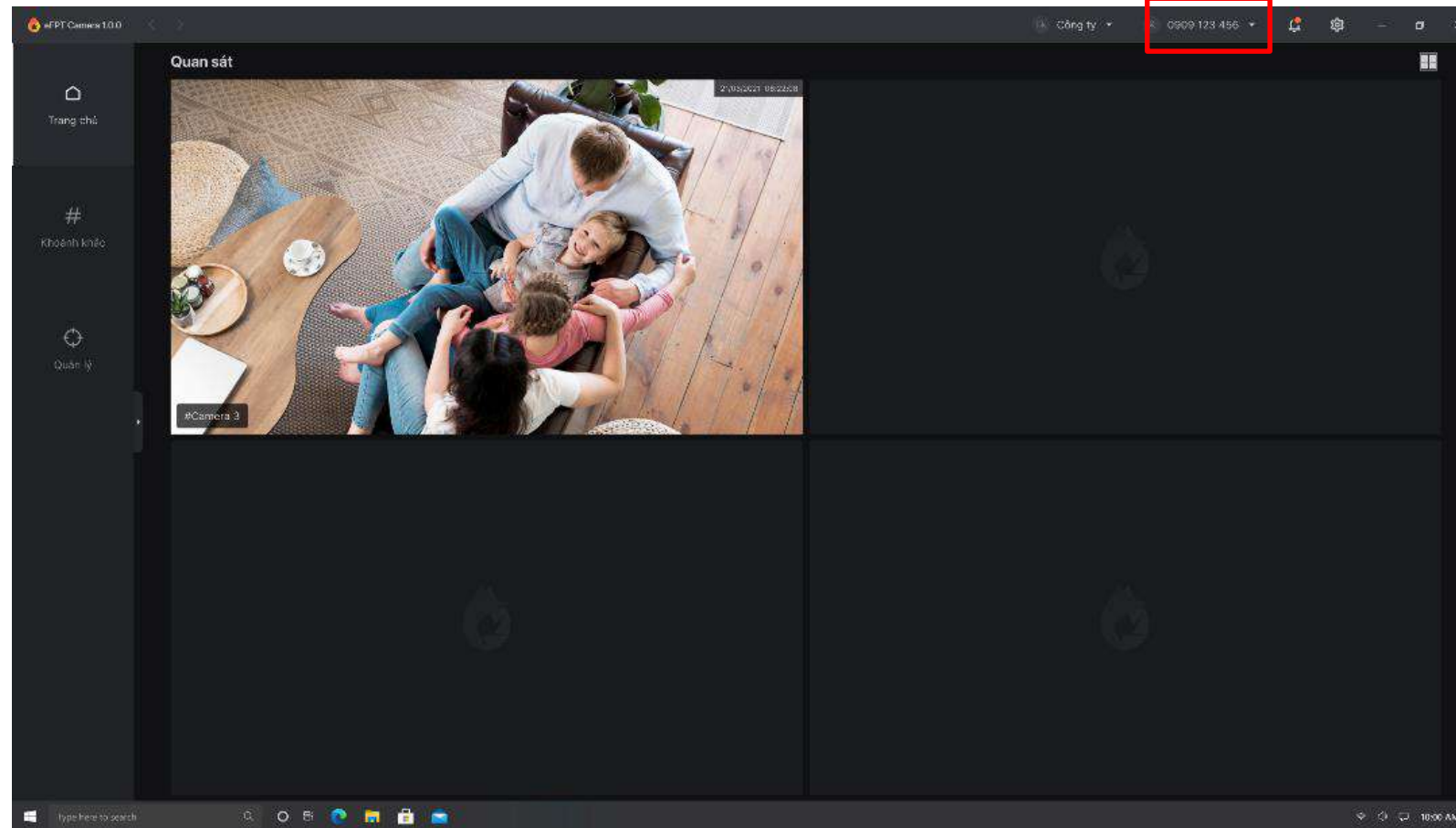
1 Click icon Cài đặt 

2 Click Về chúng tôi để xem thông tin giới thiệu

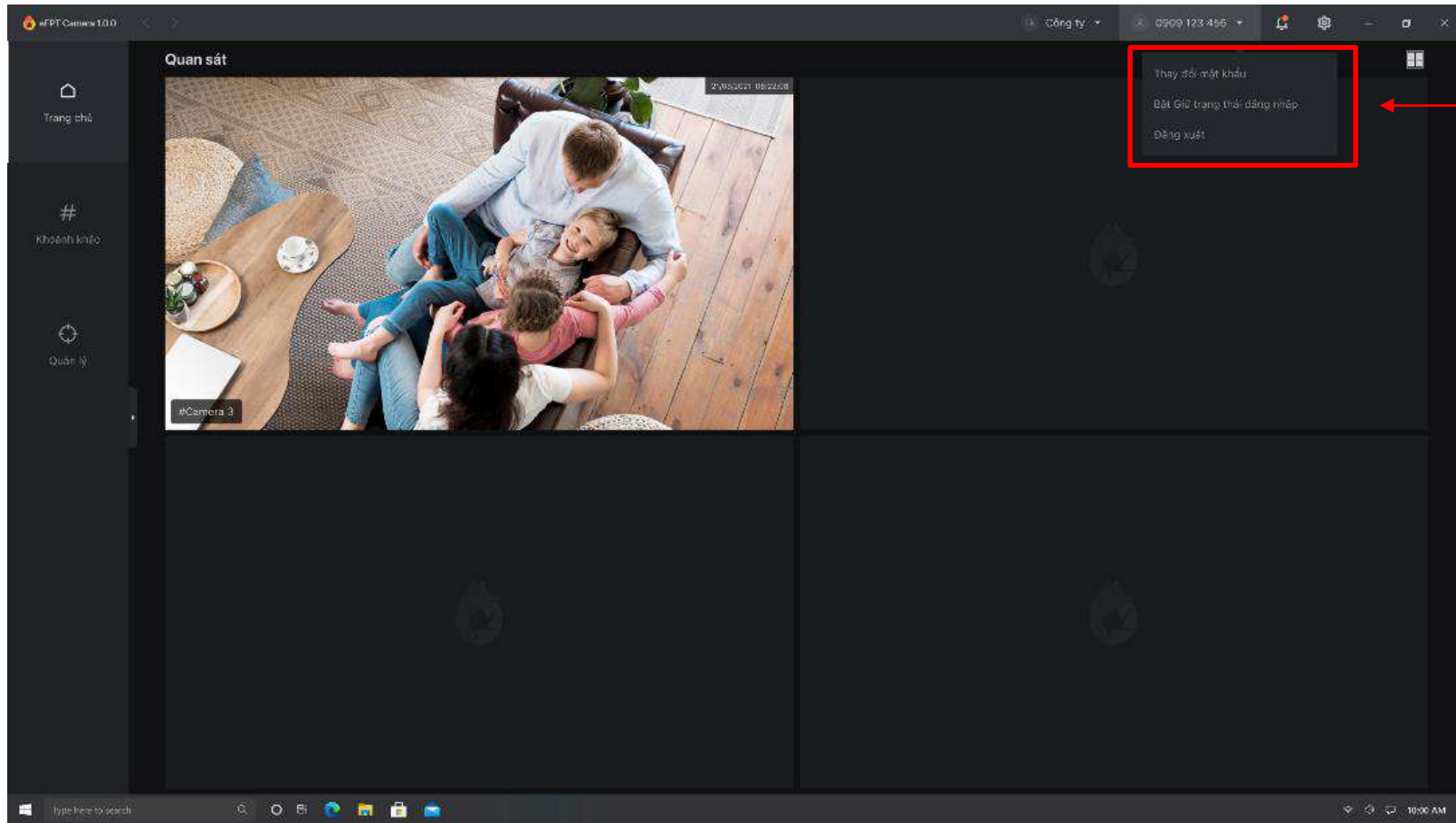


## 17. Thay đổi mật khẩu (Change password) (Chưa áp dụng)

1 Click số điện thoại trên thanh title bar



## 17. Thay đổi mật khẩu (Change password) (Chưa áp dụng)

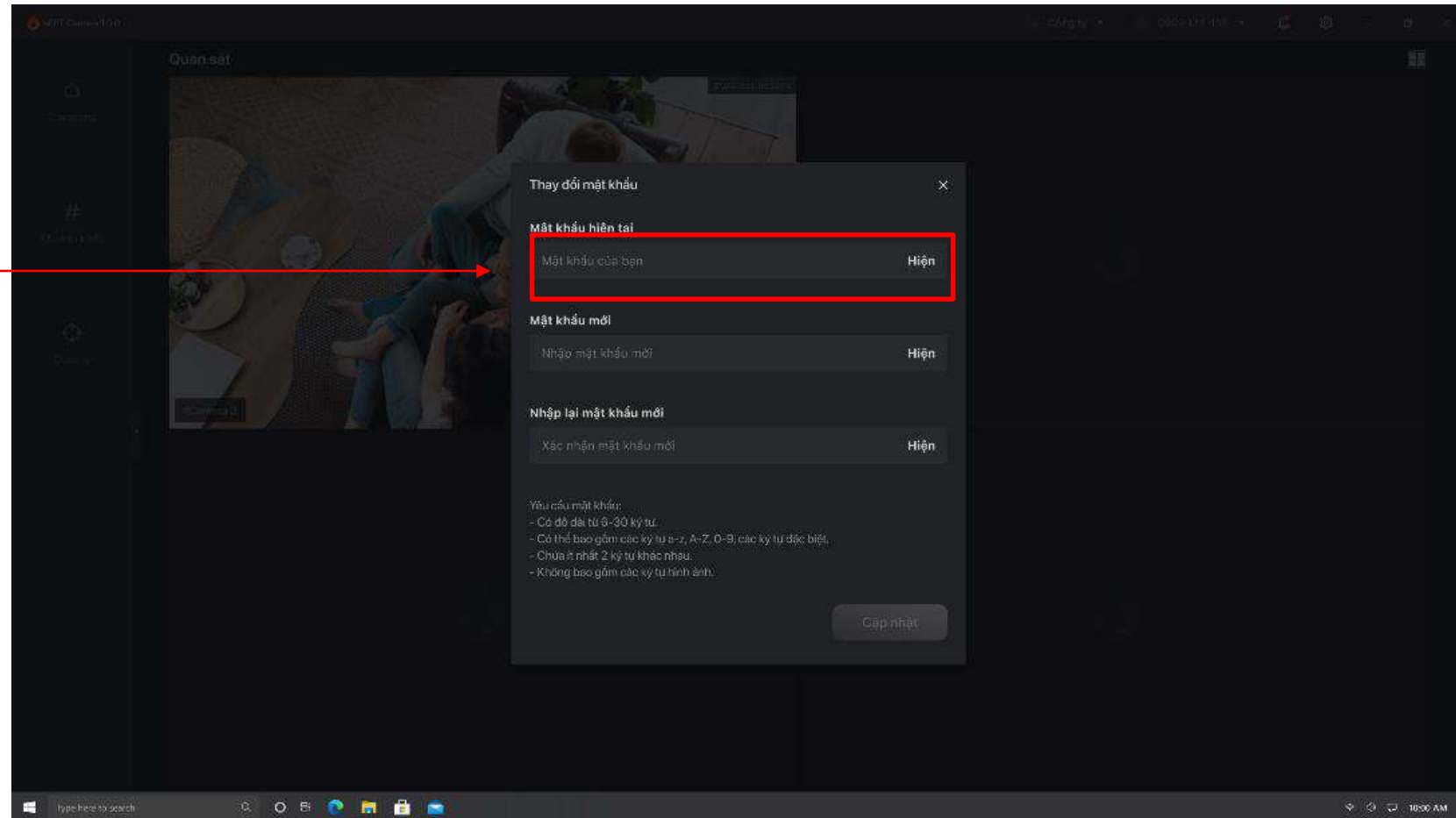


2

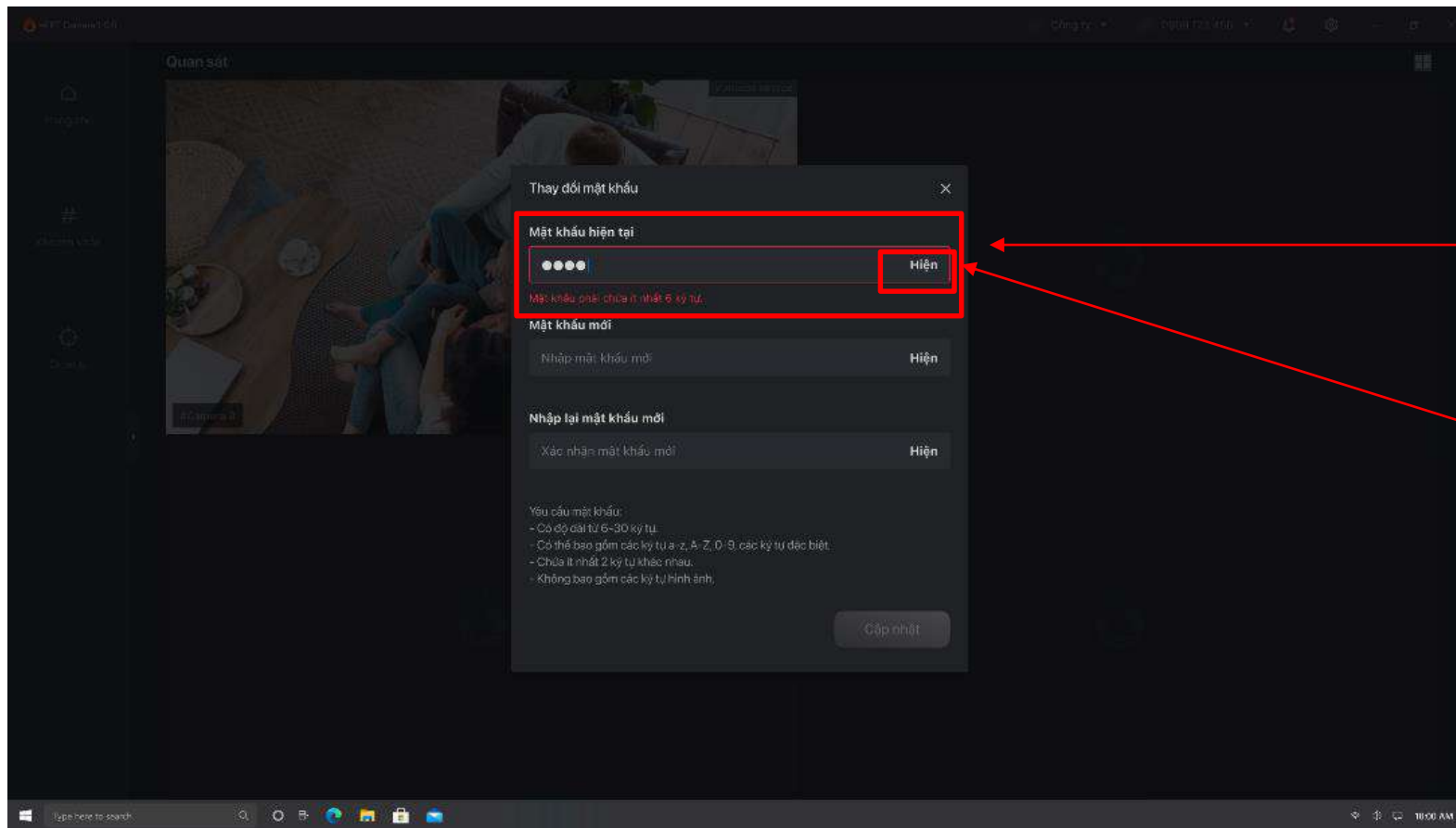
Click chọn Thay đổi mật khẩu

## 17. Thay đổi mật khẩu (Change password) (Chưa áp dụng)

3 Nhập mật khẩu hiện tại của bạn



## 17. Thay đổi mật khẩu (Change password) (Chưa áp dụng)



**3.1**

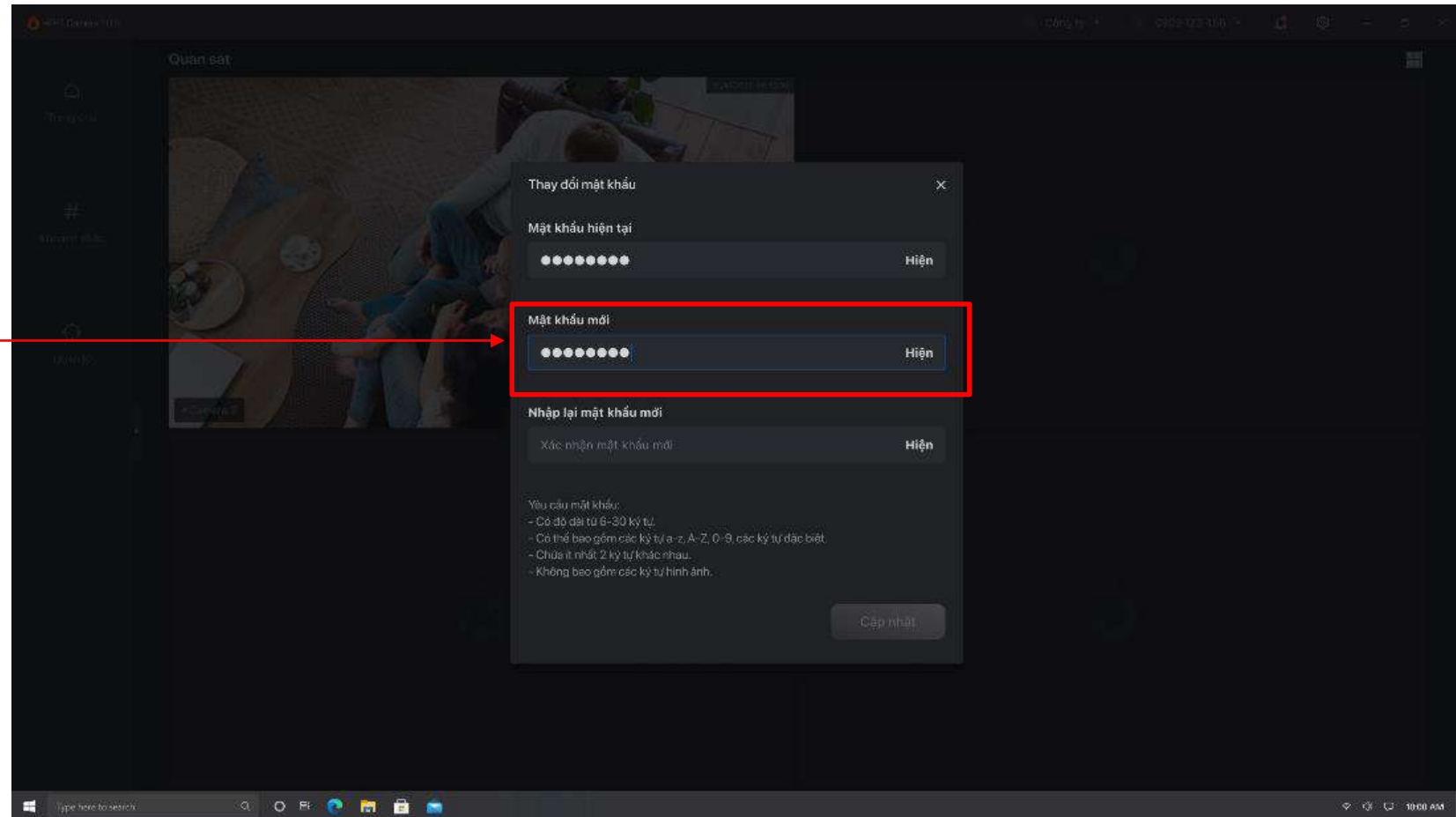
Tự động phát hiện lỗi khi chưa nhập tối thiểu 6 ký tự

**3.2** Click “Hiện” để hiện mật khẩu và kiểm tra

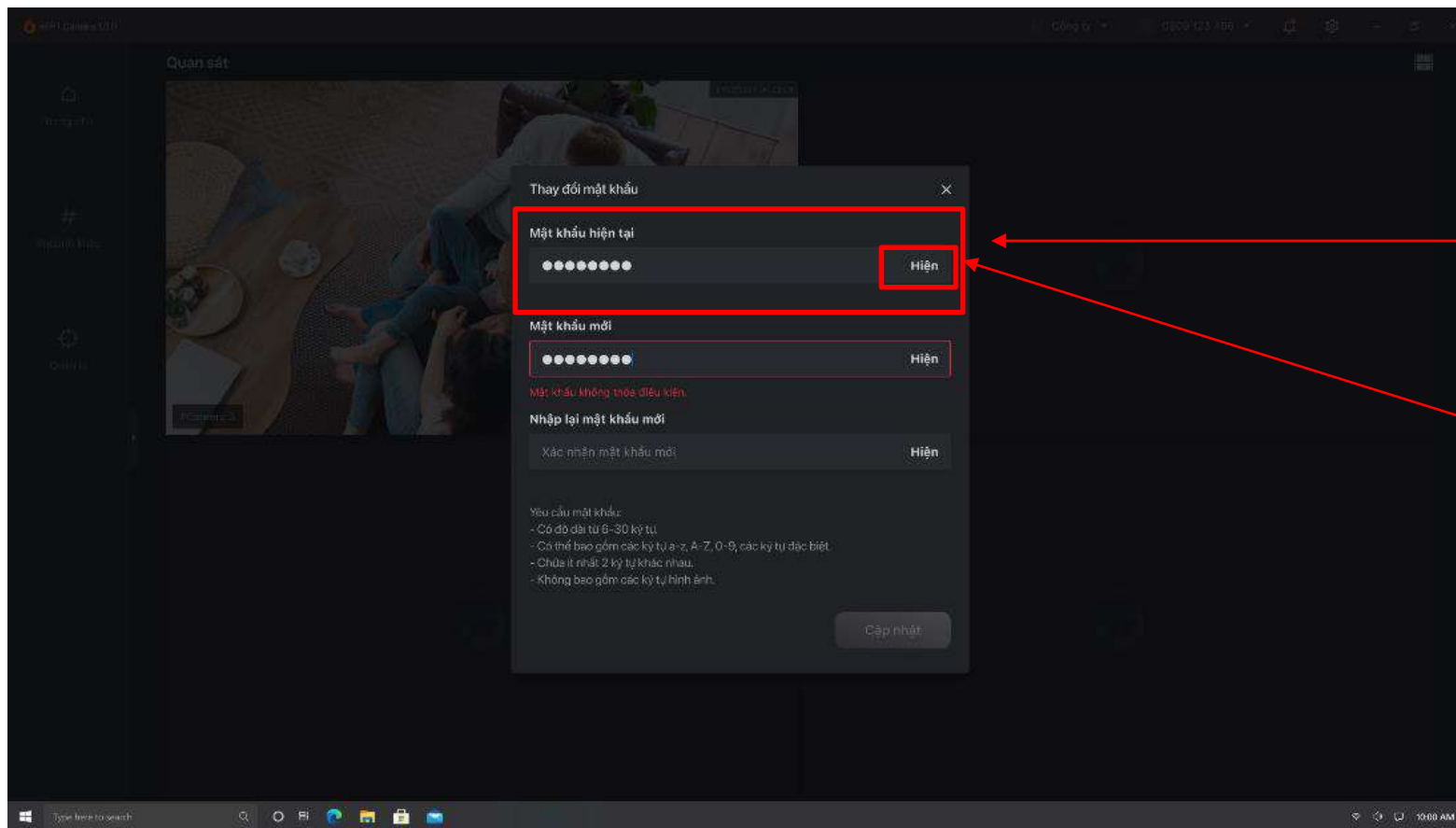
## 17. Thay đổi mật khẩu (Change password) (Chưa áp dụng)

4

Nhập mật khẩu mới



## 17. Thay đổi mật khẩu (Change password) (Chưa áp dụng)

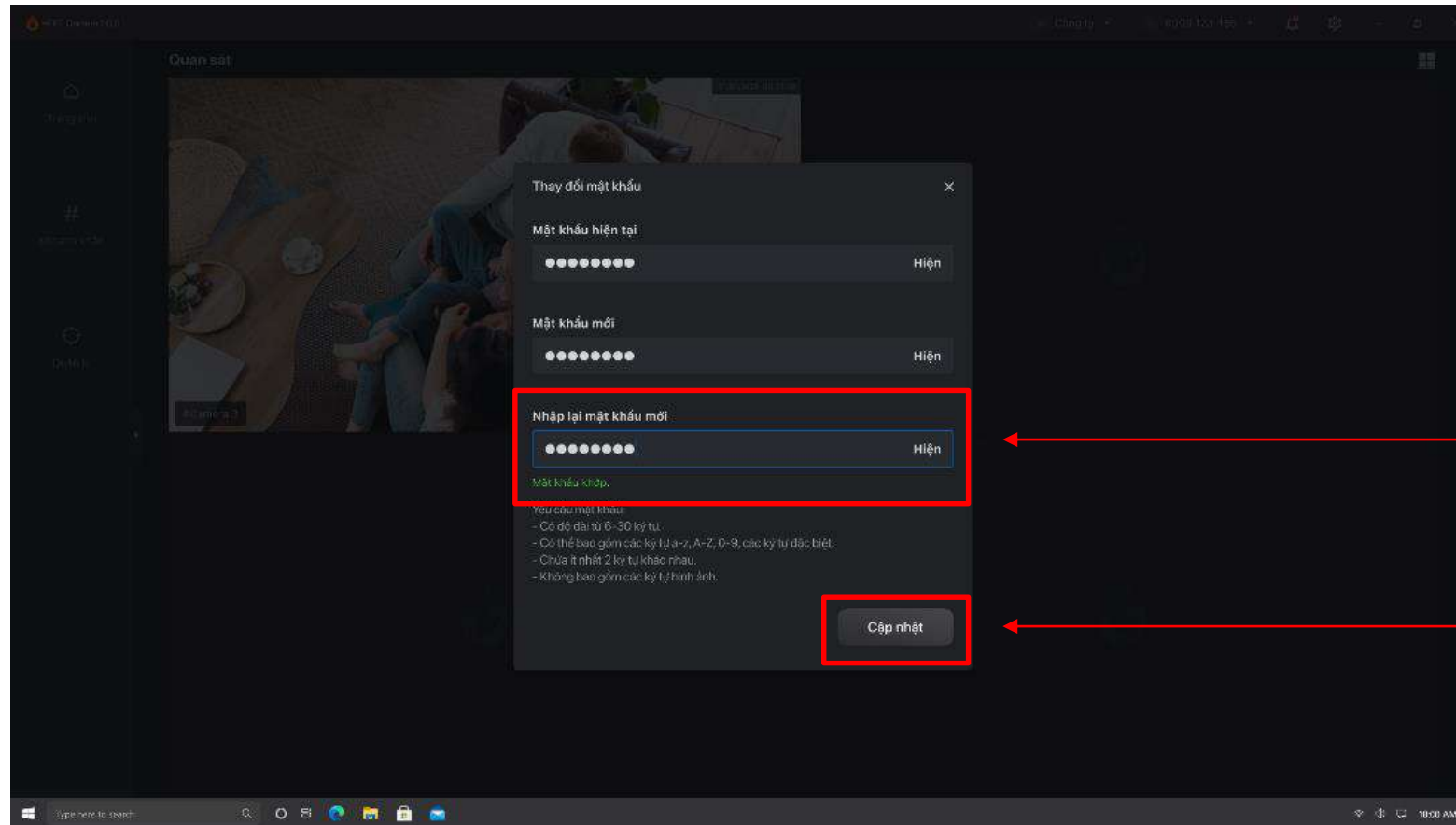


**4.1**

Tự động phát hiện lỗi khi mật khẩu mới không thỏa điều kiện

**4.2** Click “Hiện” để hiện mật khẩu và kiểm tra

## 17. Thay đổi mật khẩu (Change password) (Chưa áp dụng)



5

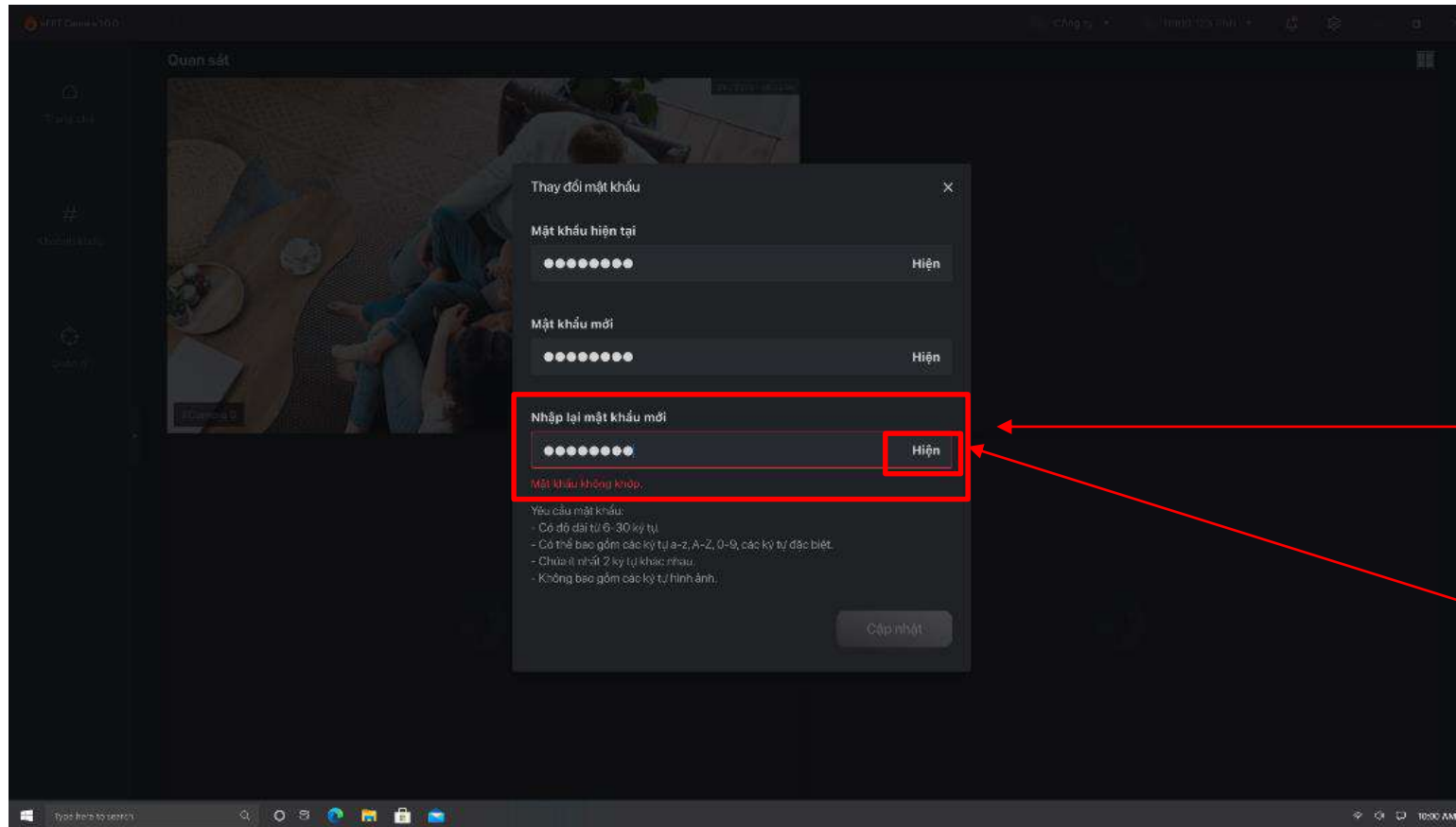
Nhập lại mật khẩu để xác nhận lại mật khẩu mới

6

Click để lưu thay đổi mật khẩu



## 17. Thay đổi mật khẩu (Change password) (Chưa áp dụng)



5.1

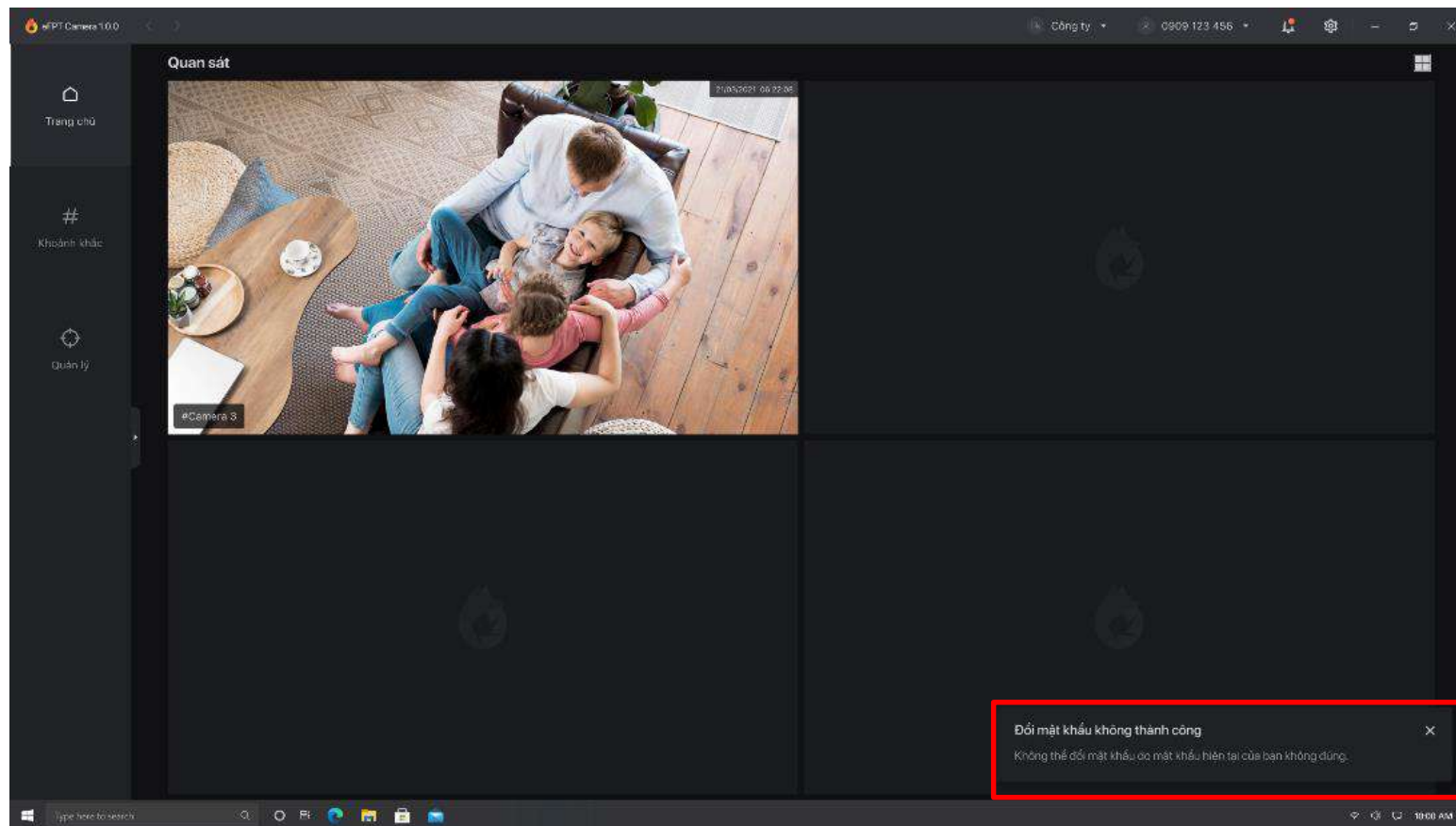
Tự động phát hiện lỗi khi nhập lại mật khẩu không khớp

5.2

Click “Hiện” để hiện mật khẩu và kiểm tra

### 17. Thay đổi mật khẩu (Change password) (Chưa áp dụng)

*Trường hợp: Mật khẩu hiện tại không đúng*

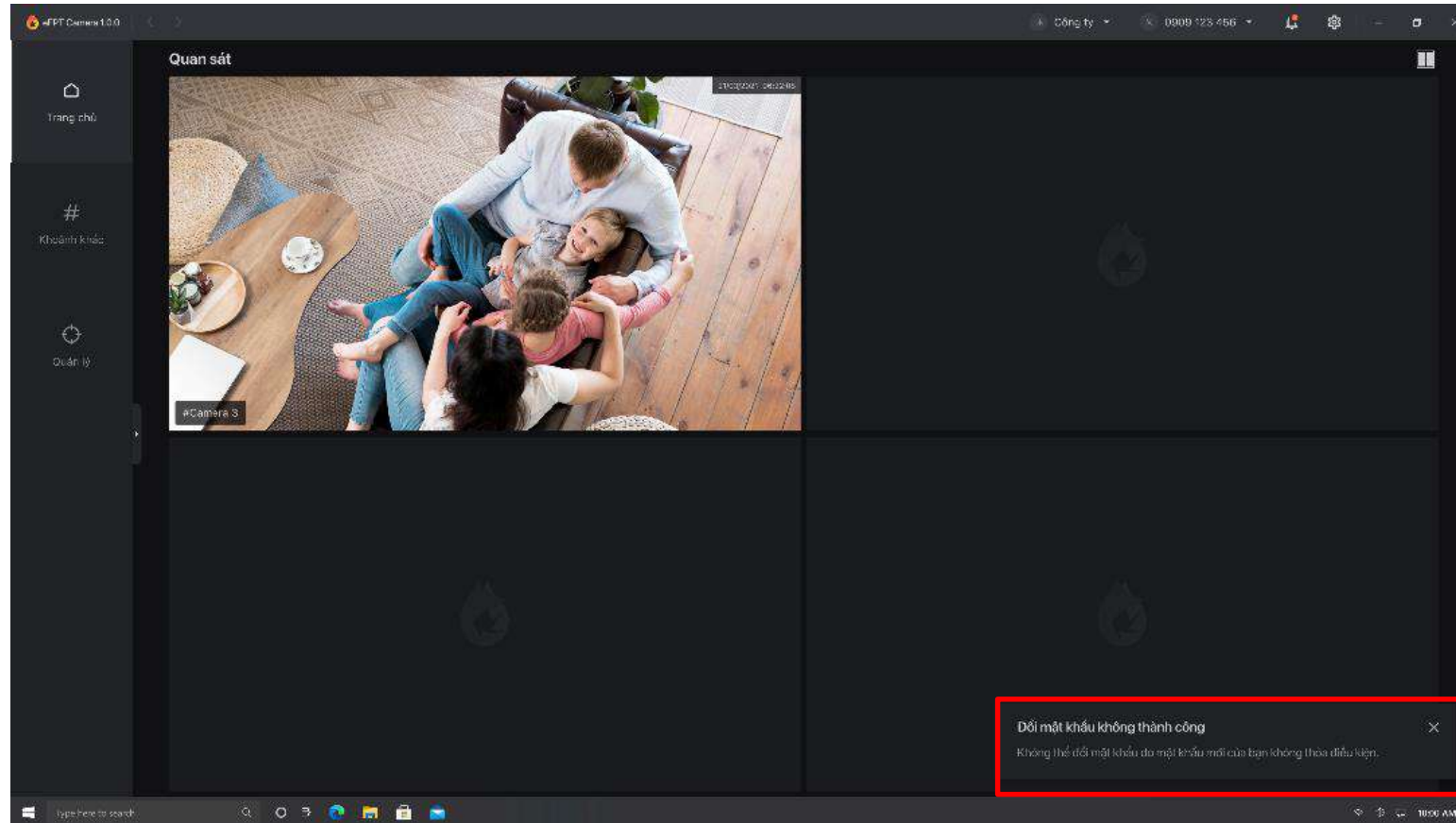


7

Hiện thị thông báo đổi mật khẩu thất bại  
Để tắt thông báo, click icon “X” hoặc tự tắt sau 5 giây

### 17. Thay đổi mật khẩu (Change password) (Chưa áp dụng)

*Trường hợp: Mật khẩu mới không thỏa điều kiện*



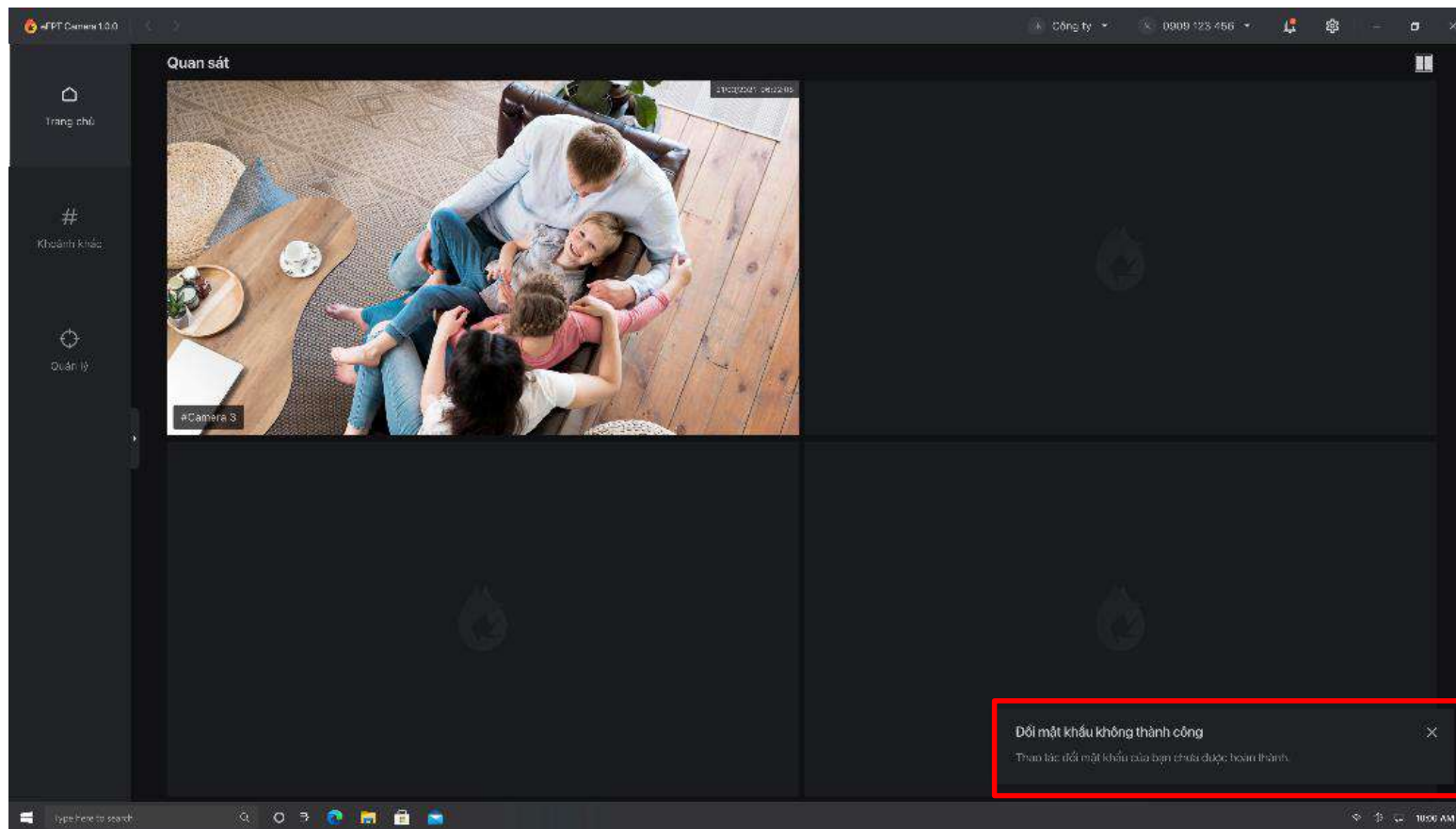
#### 7.1

Hiện thị thông báo đổi mật khẩu thất bại

Để tắt thông báo, click icon “x” hoặc tự tắt sau 5 giây

### 17. Thay đổi mật khẩu (Change password) (Chưa áp dụng)

*Trường hợp: Các lỗi khác khiến không thể đổi mật khẩu*



#### 7.2

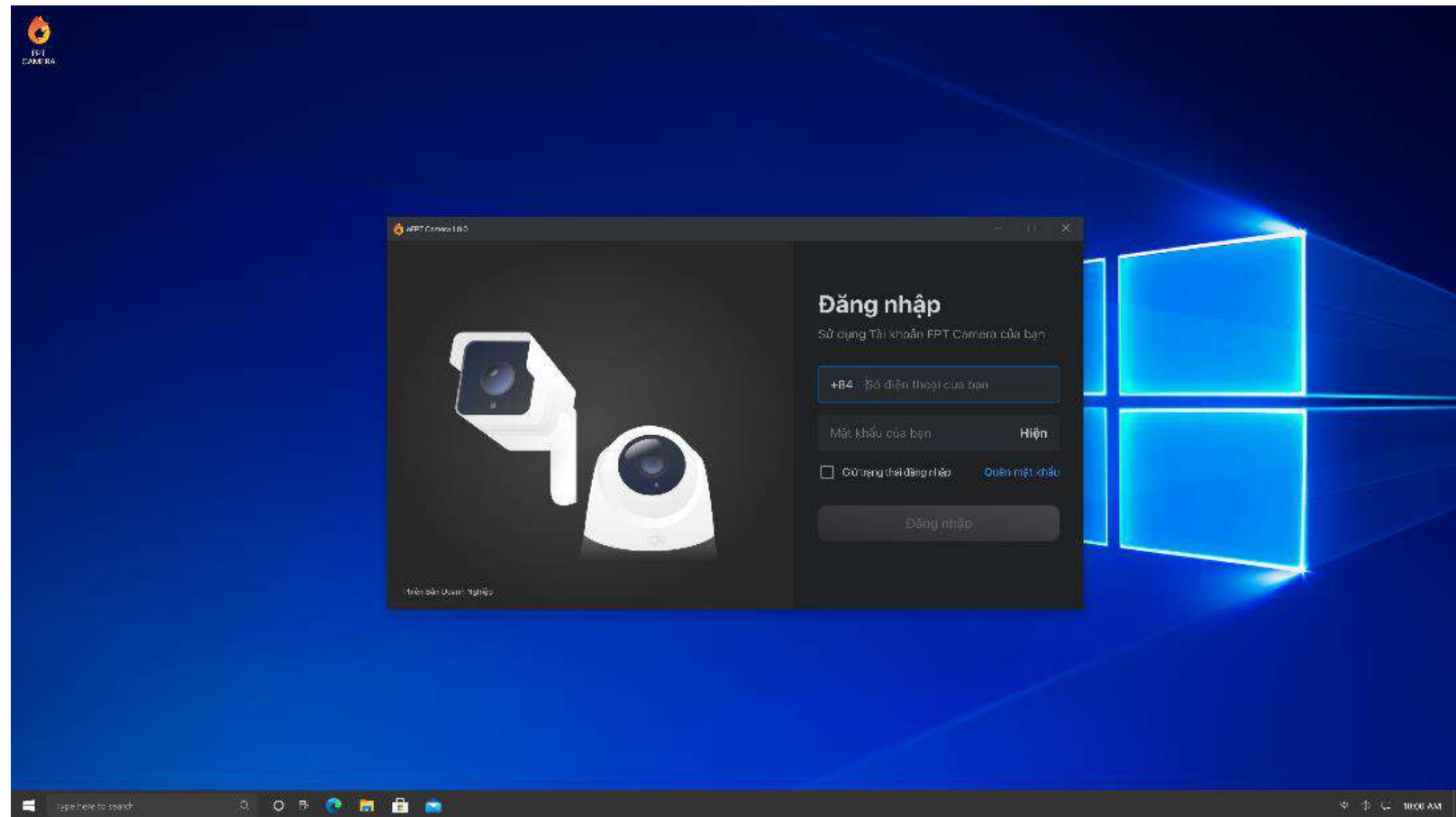
Hiện thị thông báo đổi mật khẩu thất bại  
Để tắt thông báo, click icon “X” hoặc tự tắt sau 5 giây

## 17. Thay đổi mật khẩu (Change password) (Chưa áp dụng)

*Trường hợp: Đổi mật khẩu thành công*

### 7.3

Đăng xuất khỏi ứng dụng,  
màn hình trả về trang đăng  
nhập

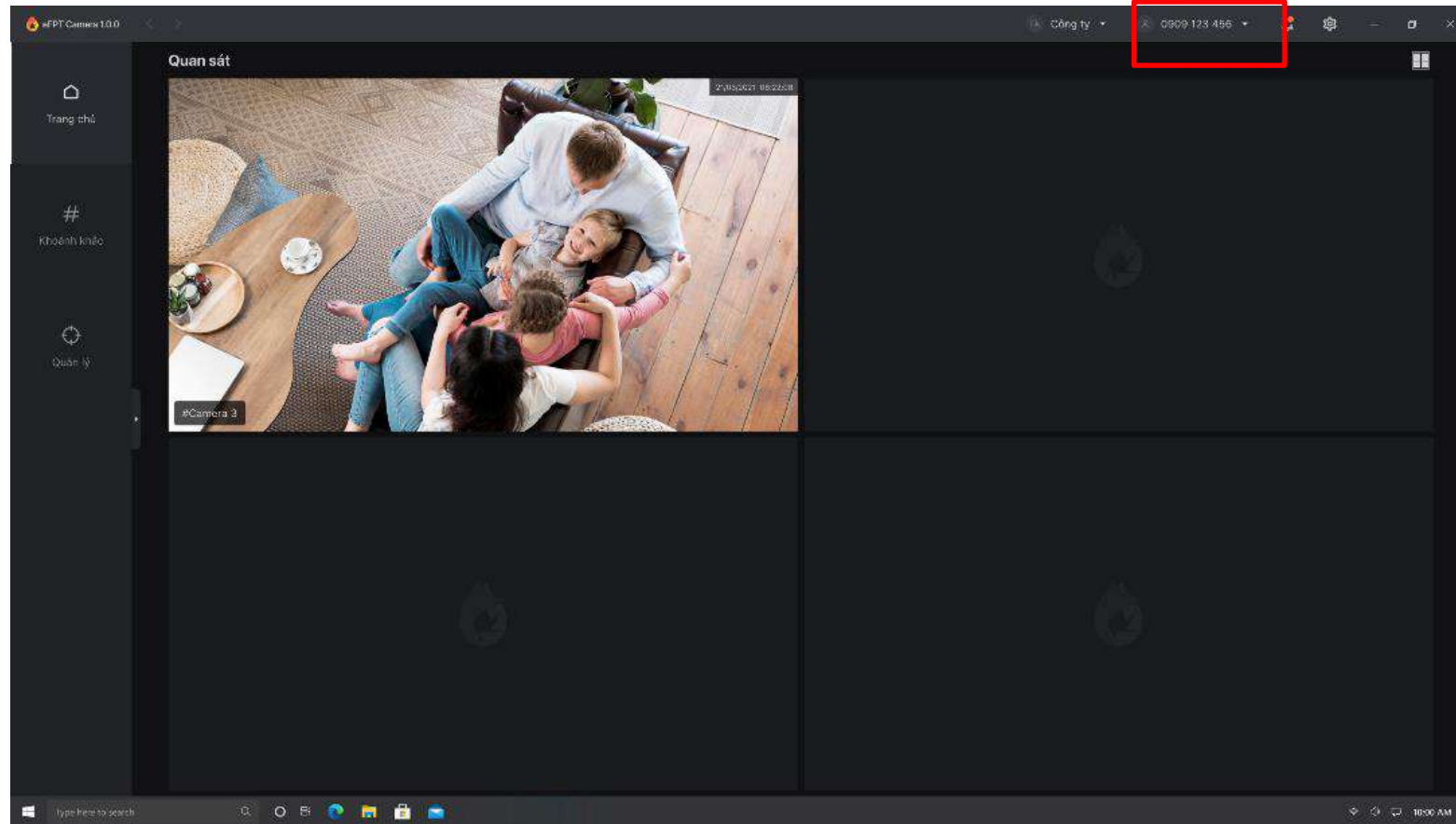


## 18. Giữ trạng thái đăng nhập

### 18.1. Bật chế độ giữ trạng thái đăng nhập

#### 18.1.1. Bật sau khi đã đăng nhập tài khoản

1 Click số điện thoại



*Bật khi trạng thái giữ đăng nhập đang tắt.*

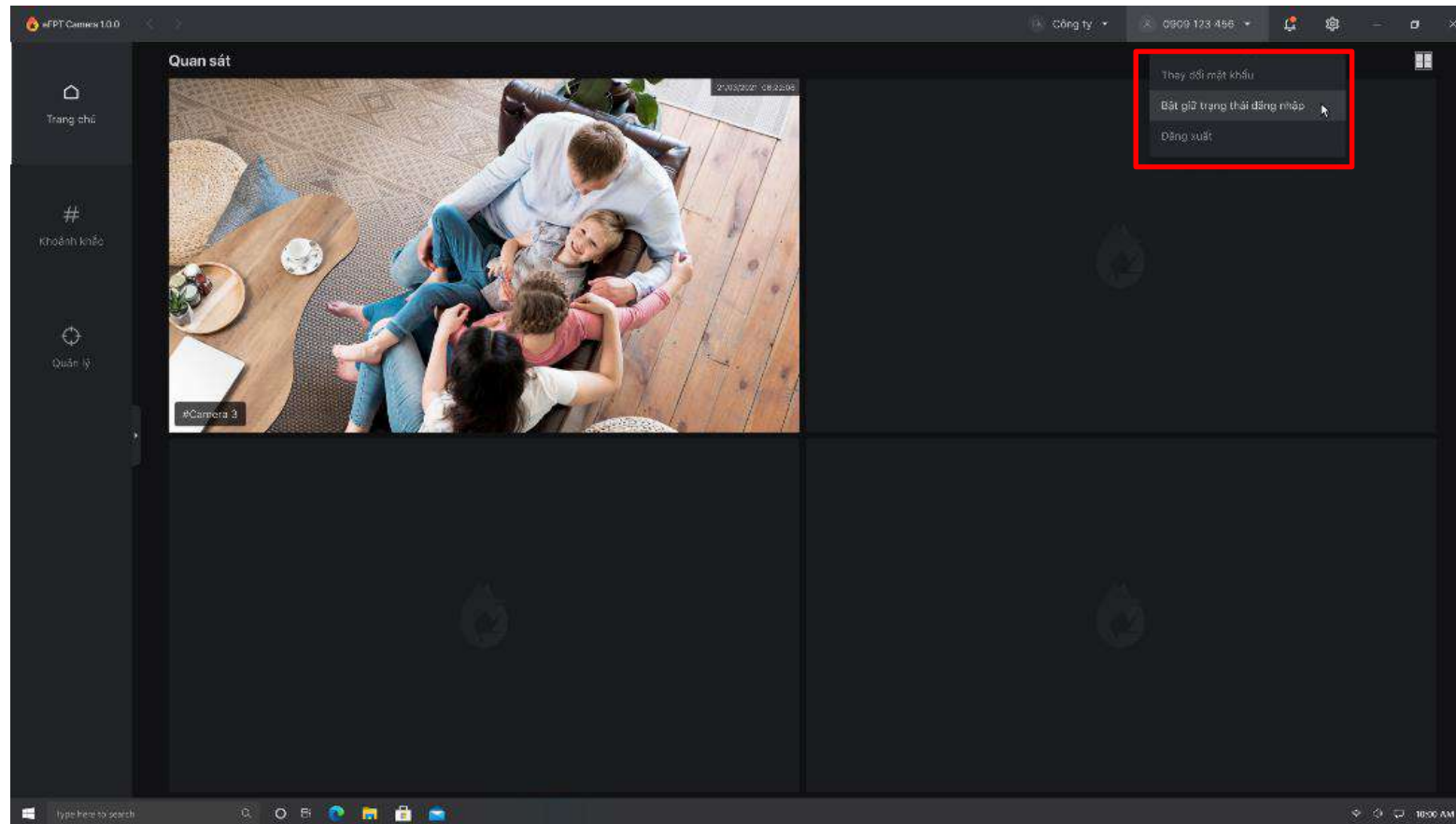
## 18. Giữ trạng thái đăng nhập

### 18.1. Bật chế độ giữ trạng thái đăng nhập

#### 18.1.1. Bật sau khi đã đăng nhập tài khoản

2

Click để bật chế độ giữ trạng thái đăng nhập



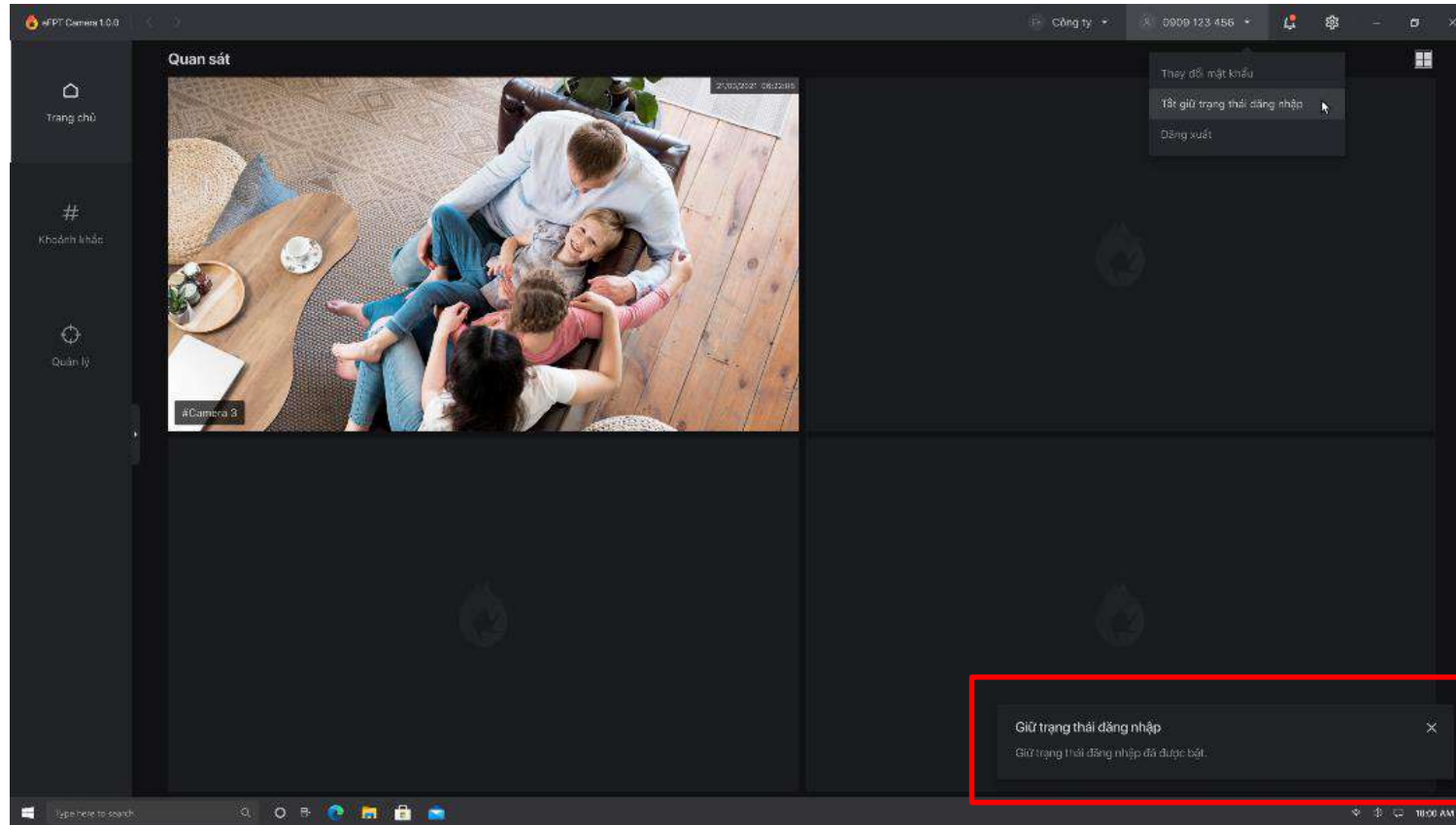
*Bật khi trạng thái giữ đăng nhập đang tắt.*

### 18. Giữ trạng thái đăng nhập

#### 18.1. Bật chế độ giữ trạng thái đăng nhập

##### 18.1.1. Bật sau khi đã đăng nhập tài khoản

*Trường hợp: Bật giữ trạng thái đăng nhập thành công*



Hiện thị thông báo bật thành công  
Để tắt thông báo, click icon “x”  
hoặc tự tắt sau 5 giây

*Bật khi trạng thái giữ đăng nhập đang tắt.*

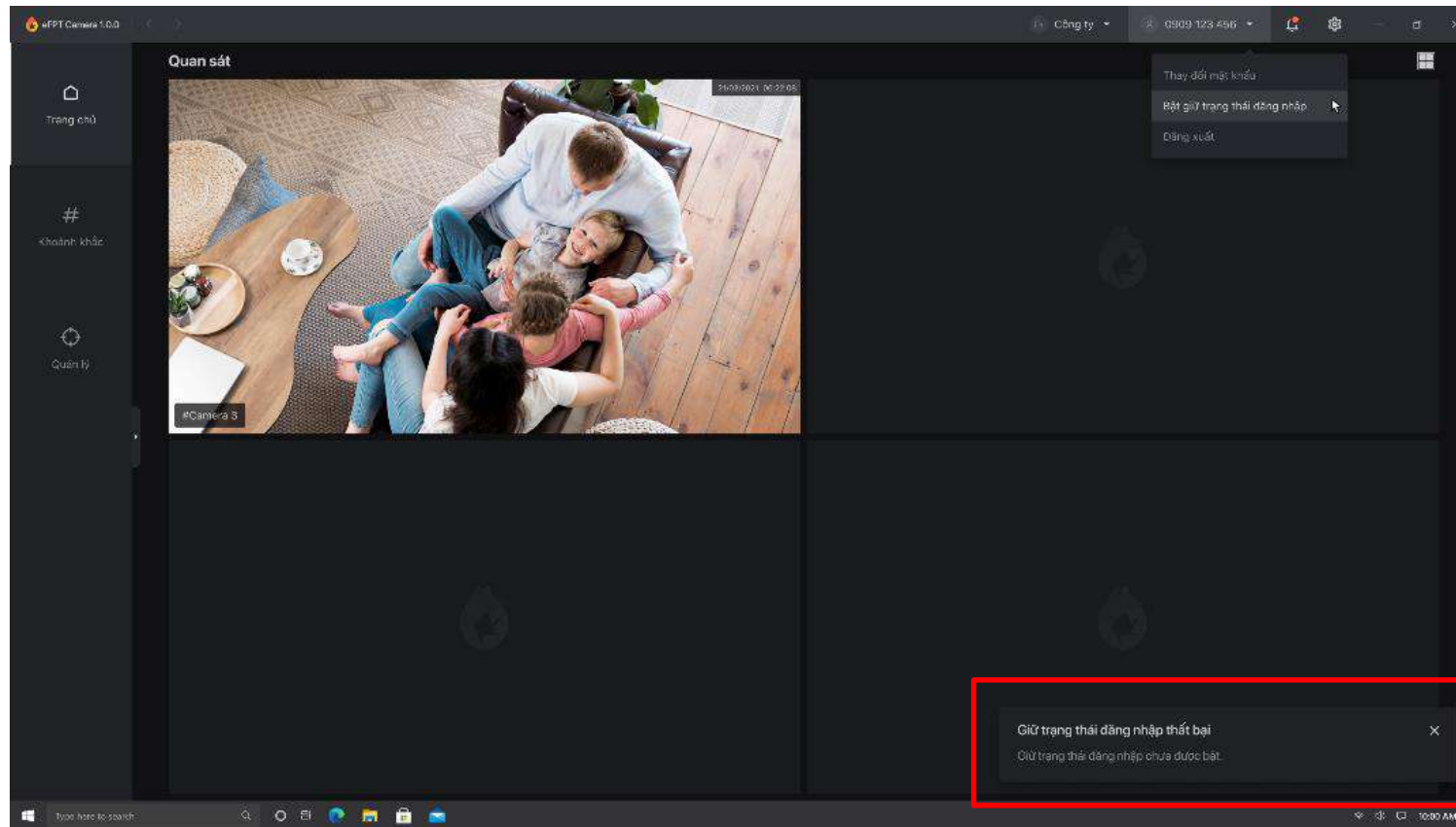


## 18. Giữ trạng thái đăng nhập

### 18.1. Bật chế độ giữ trạng thái đăng nhập

#### 18.1.1. Bật sau khi đã đăng nhập tài khoản

*Trường hợp: Bật giữ trạng thái đăng nhập thất bại*



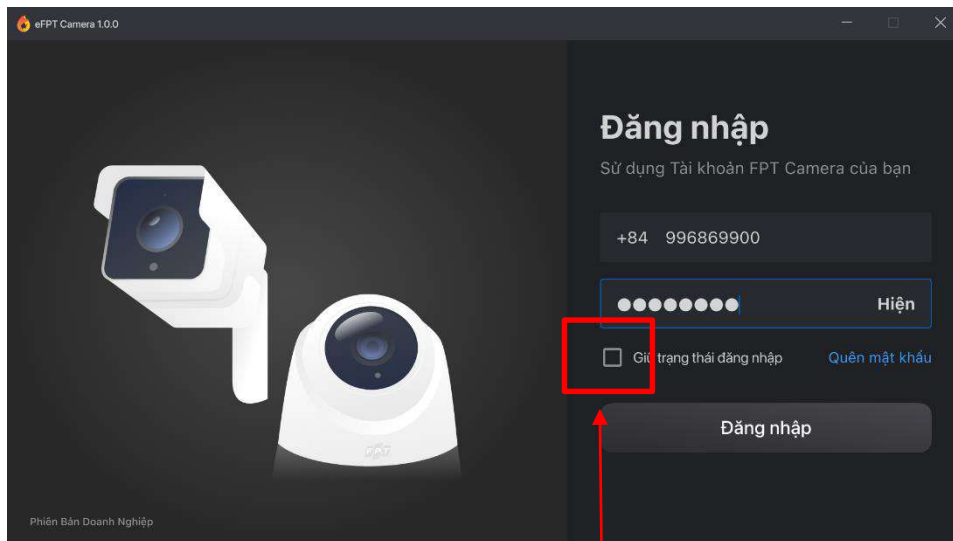
Hiện thị thông báo bật thất bại  
 Để tắt thông báo, click icon “x”  
 hoặc tự tắt sau 5 giây

*Bật khi trạng thái giữ đăng nhập đang tắt.*

## 18. Giữ trạng thái đăng nhập

### 18.1. Bật chế độ giữ trạng thái đăng nhập

#### 18.1.2. Bật khi đăng nhập ứng dụng



1 Chọn để bật giữ trạng thái đăng nhập



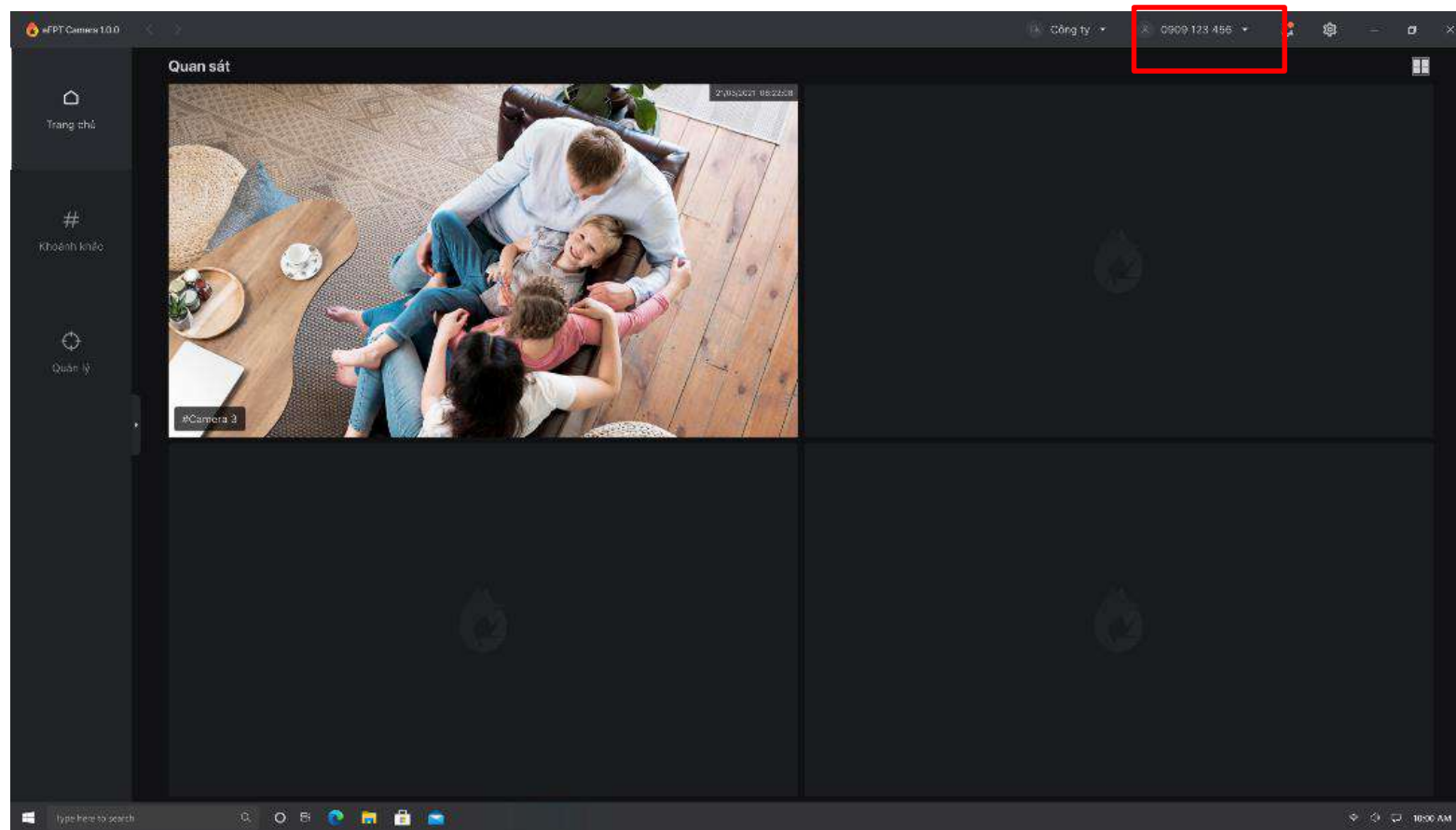
Bật khi trạng thái giữ đăng nhập đang tắt.

### 18. Giữ trạng thái đăng nhập

#### 18.2. Tắt chế độ giữ trạng thái đăng nhập

##### 18.2.1. Tắt sau khi đăng nhập tài khoản

1 Click số điện thoại



Tắt khi trạng thái giữ đăng nhập đang bật.

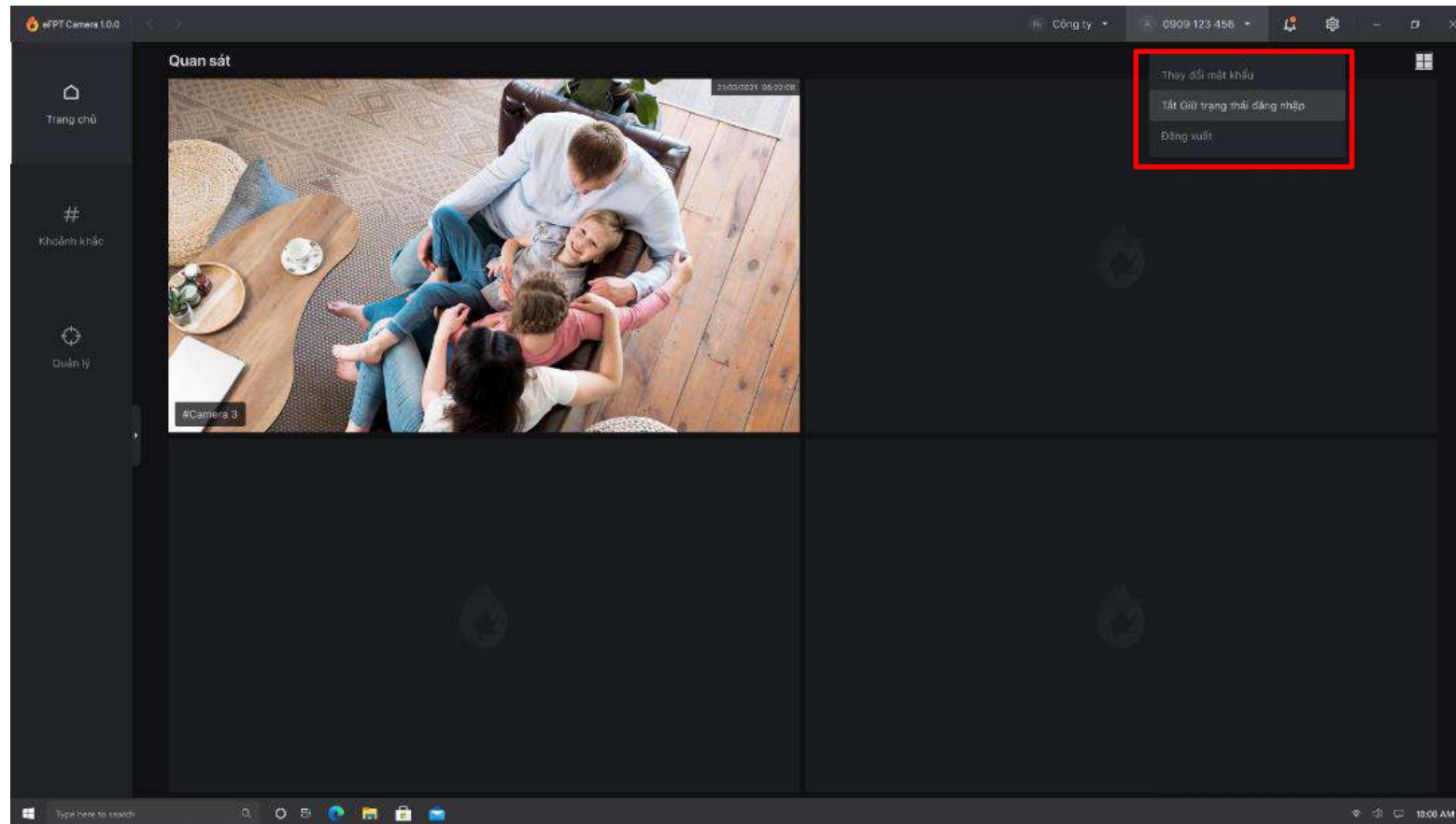
## 18. Giữ trạng thái đăng nhập

### 18.2. Tắt chế độ giữ trạng thái đăng nhập

#### 18.2.1. Tắt sau khi đăng nhập tài khoản

2

Click để tắt chế độ giữ trạng thái đăng nhập



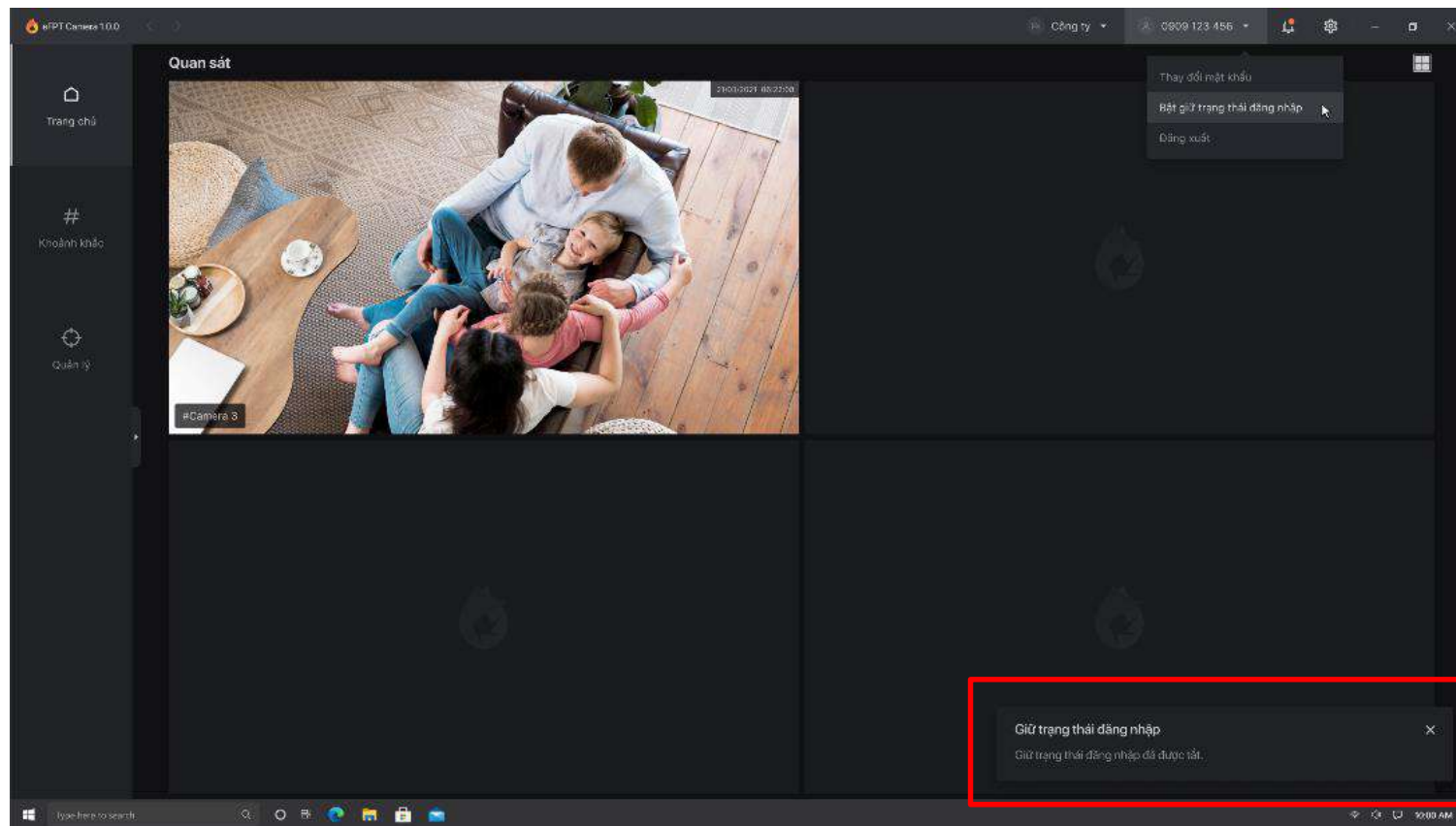
Tắt khi trạng thái giữ đăng nhập đang bật.

### 18. Giữ trạng thái đăng nhập

#### 18.2. Tắt chế độ giữ trạng thái đăng nhập

##### 18.2.1. Tắt sau khi đăng nhập tài khoản

*Trường hợp: Tắt giữ trạng thái đăng nhập thành công*



Hiện thị thông báo tắt thành công  
Để tắt thông báo, click icon “x”  
hoặc tự tắt sau 5 giây

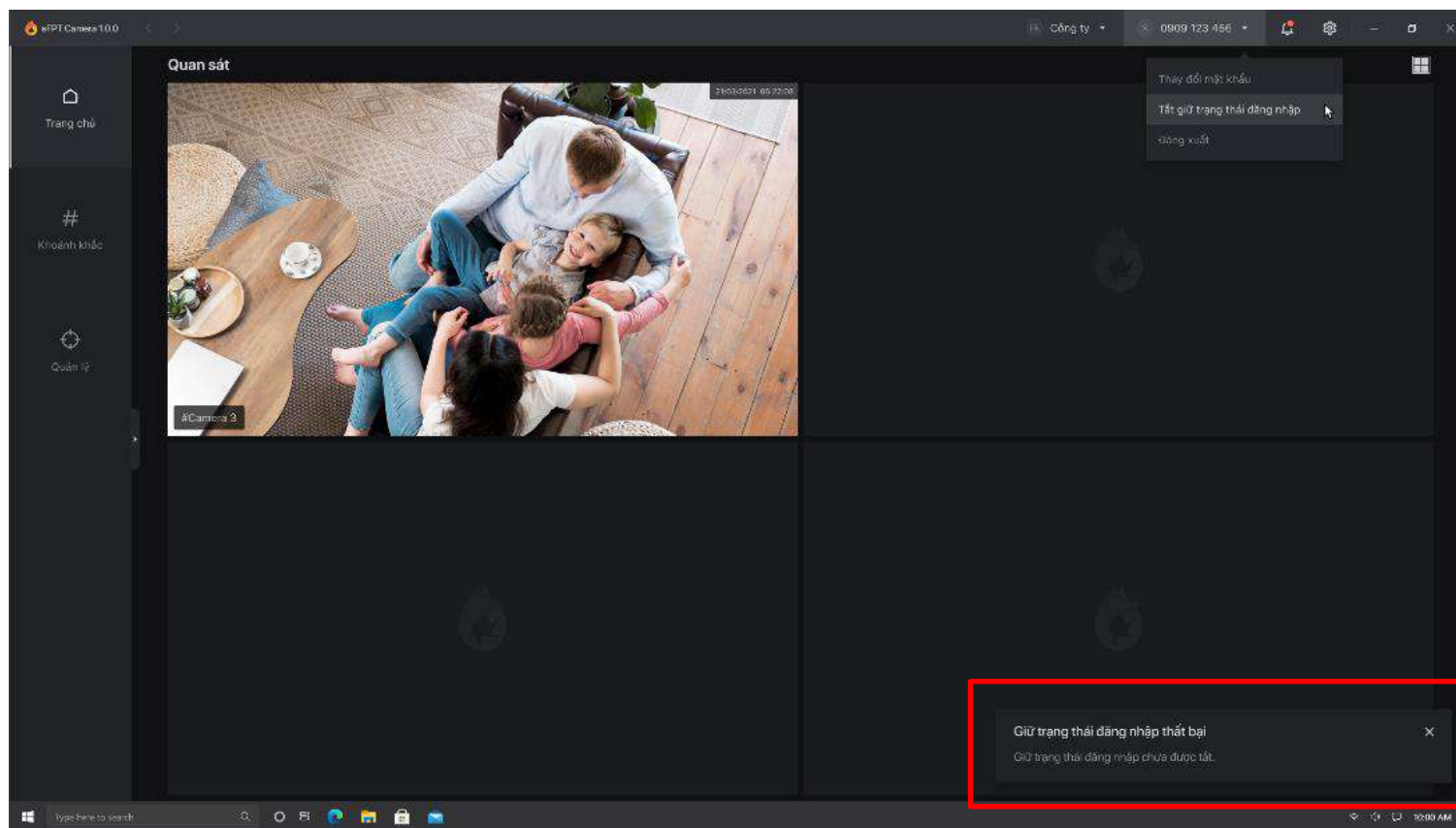
*Tắt khi trạng thái giữ đăng nhập đang bật.*

### 18. Giữ trạng thái đăng nhập

#### 18.2. Tắt chế độ giữ trạng thái đăng nhập

##### 18.2.1. Tắt sau khi đăng nhập tài khoản

*Trường hợp: Tắt giữ trạng thái đăng nhập thất bại*



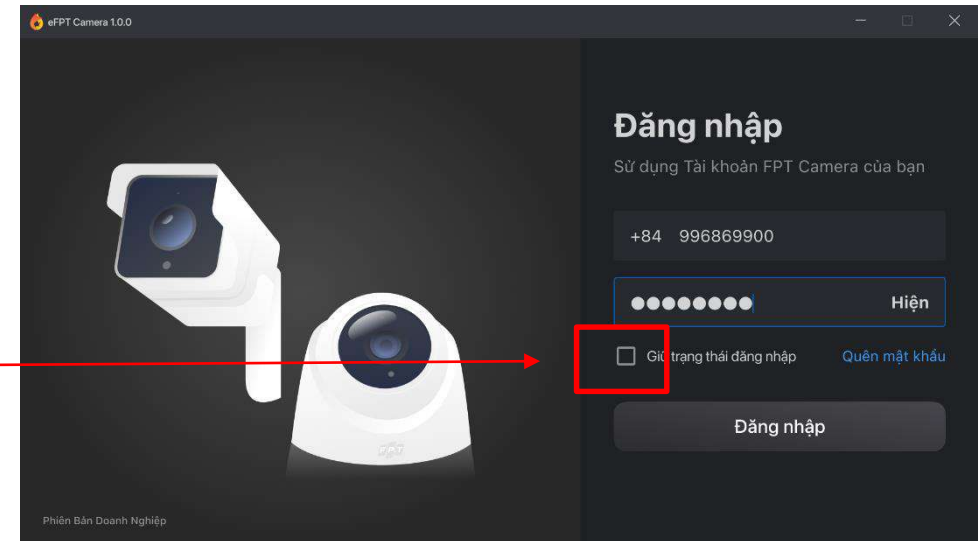
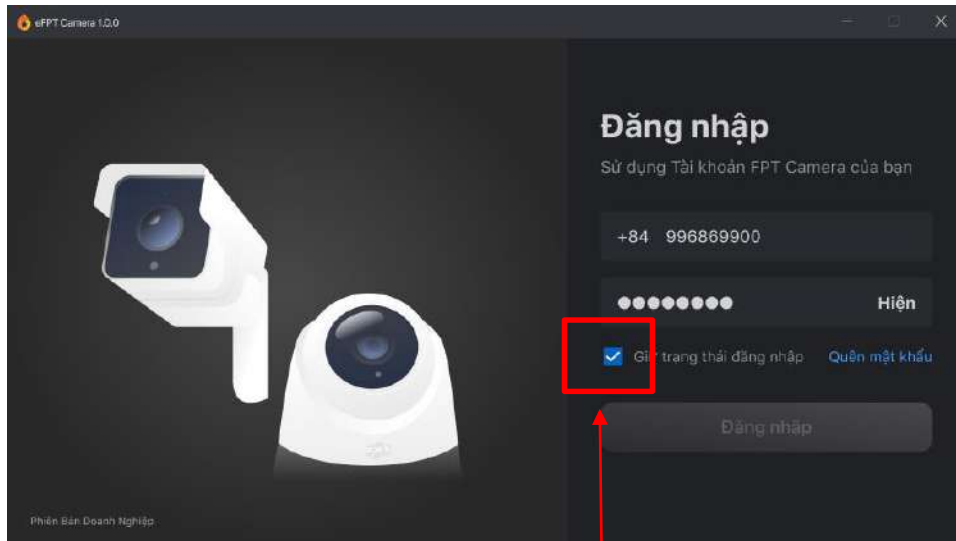
Hiện thị thông báo tắt thất bại  
Để tắt thông báo, click icon “X”  
hoặc tự tắt sau 5 giây

*Tắt khi trạng thái giữ đăng nhập đang bật.*

## 18. Giữ trạng thái đăng nhập

### 18.2. Tắt chế độ giữ trạng thái đăng nhập

#### 18.2.2. Tắt khi đăng nhập ứng dụng

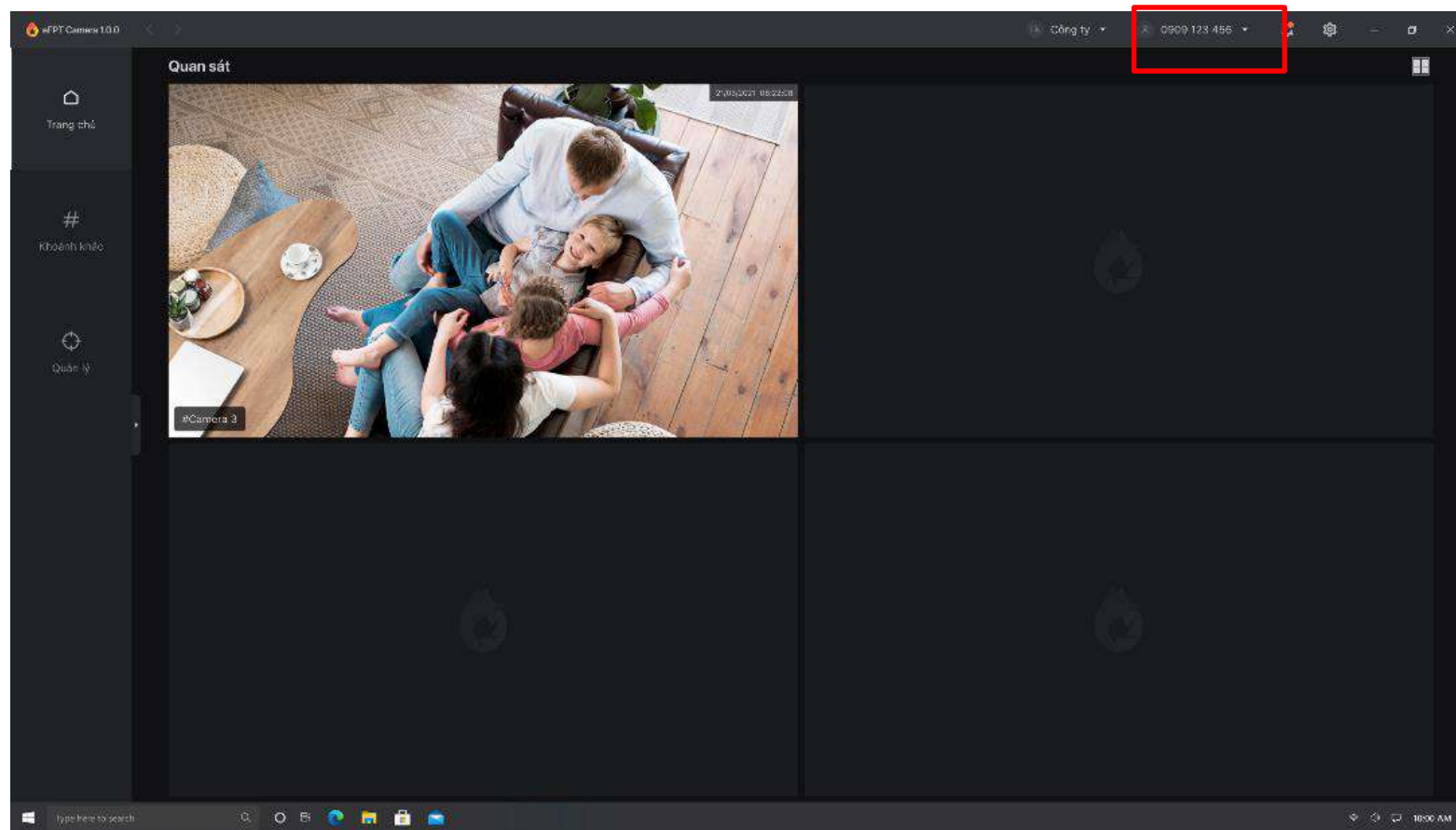


- 1 Bỏ chọn để tắt giữ trạng thái đăng nhập (nếu đang được tích chọn)

## 19. Đăng xuất tài khoản – Thoát ứng dụng (Logout)

### 19.1. Đăng xuất

1 Click số điện thoại

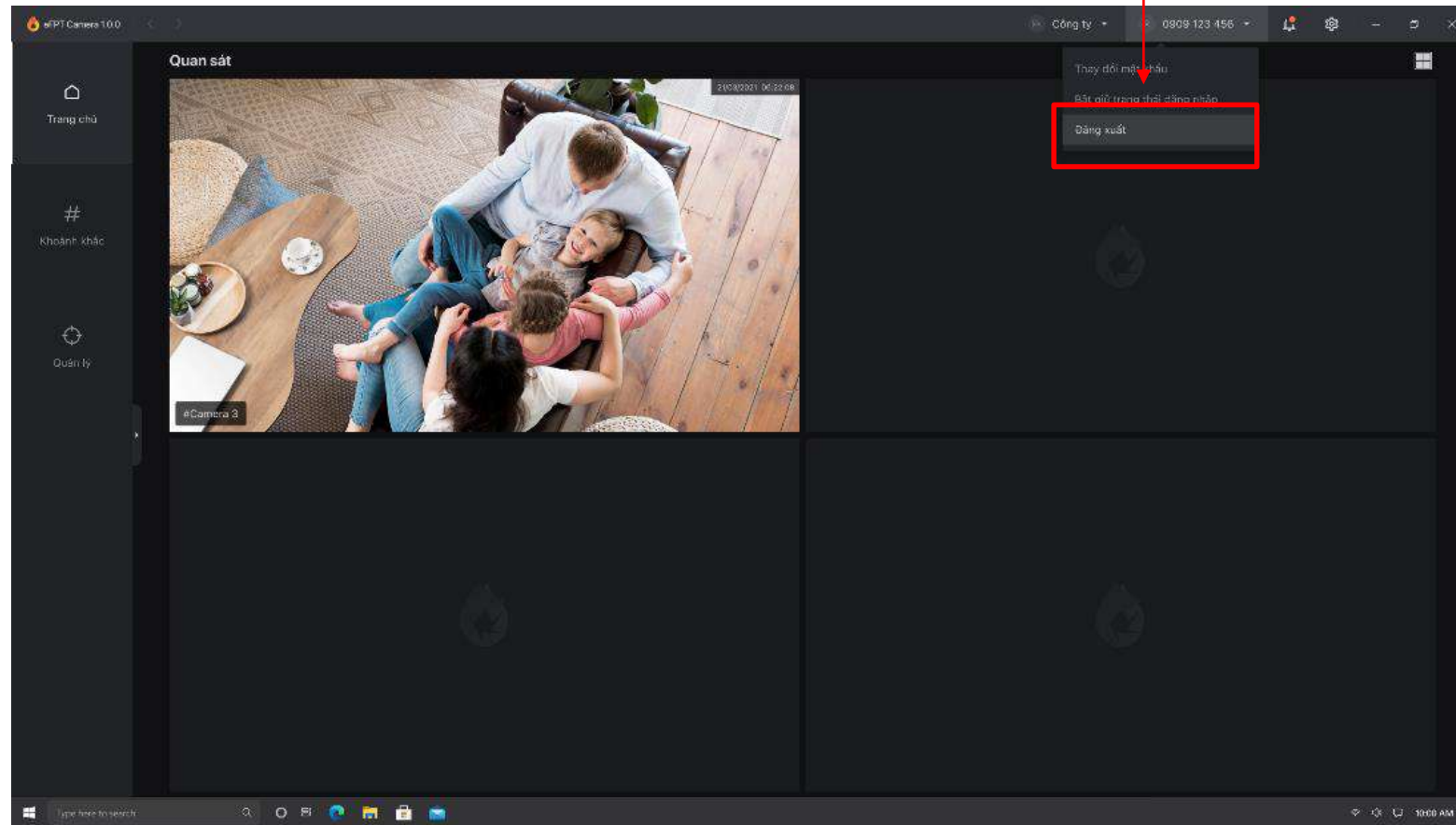




## 19. Đăng xuất tài khoản – Thoát ứng dụng (Logout)

### 19.1. Đăng xuất

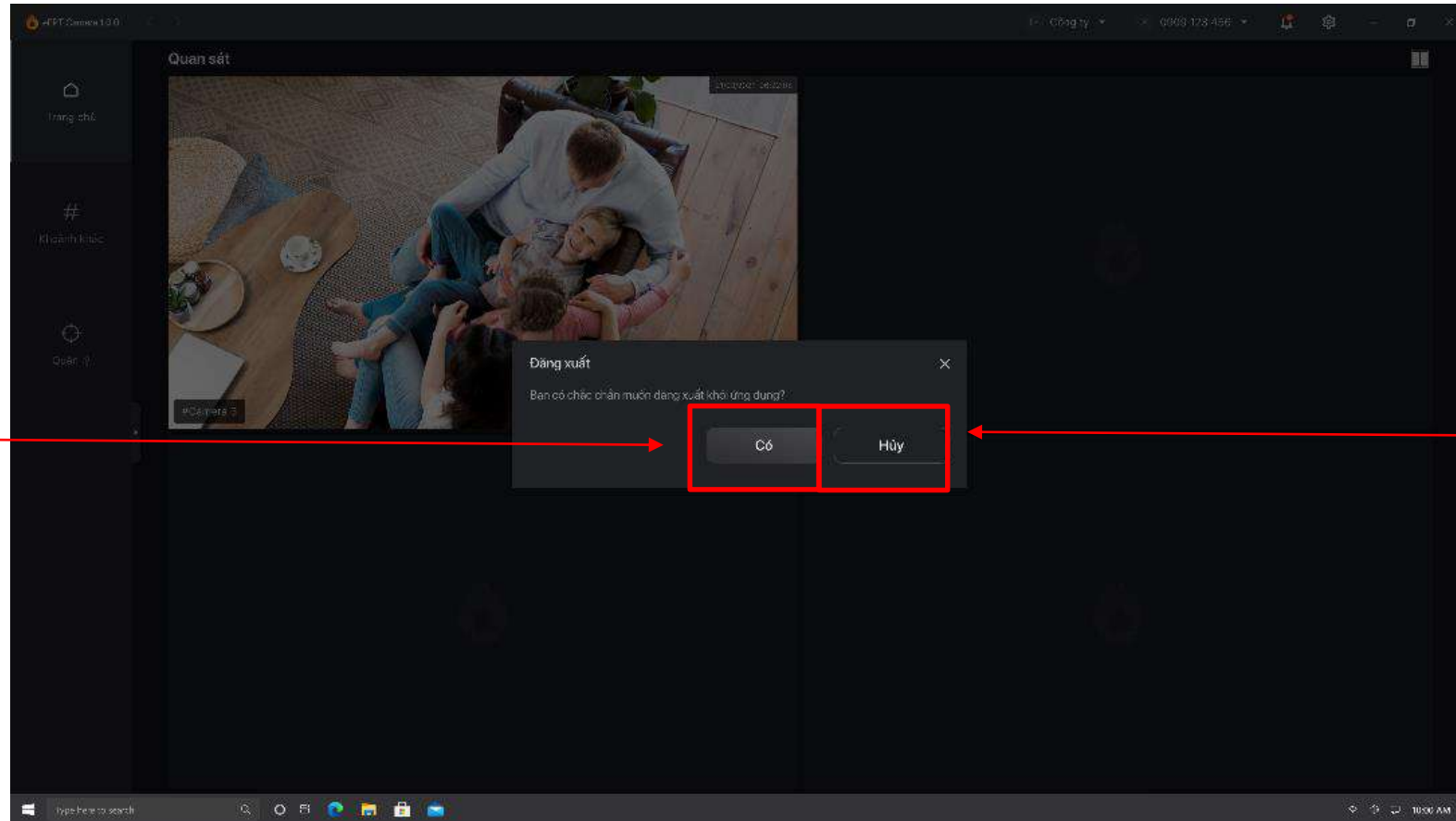
#### 2 Click chọn Đăng xuất



## 19. Đăng xuất tài khoản – Thoát ứng dụng (Logout)

### 19.1. Đăng xuất

Màn hình xác nhận lại yêu cầu



3

Click để đăng xuất tài khoản

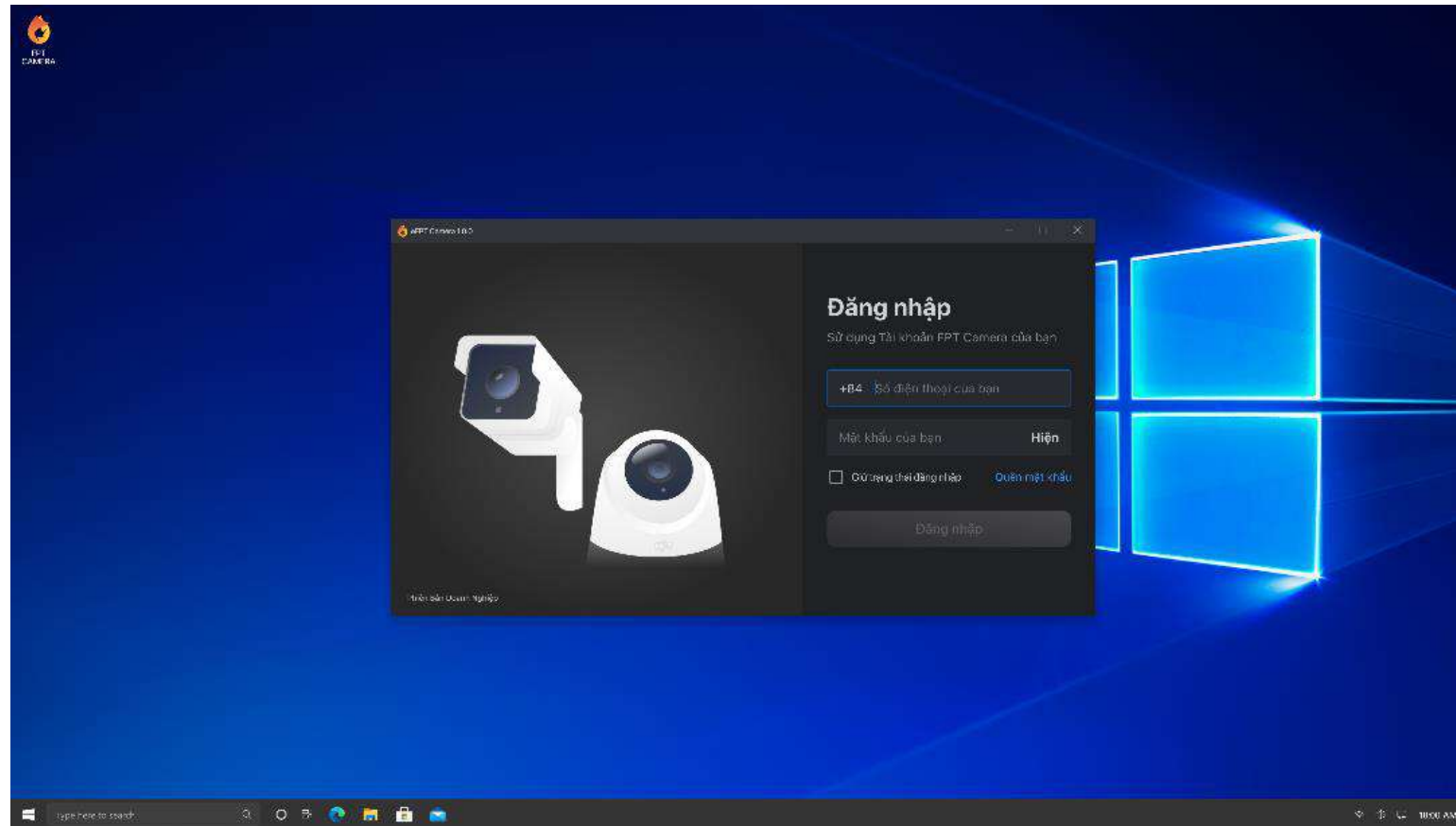
3.1

Click để hủy tác vụ

## 19. Đăng xuất tài khoản – Thoát ứng dụng (Logout)

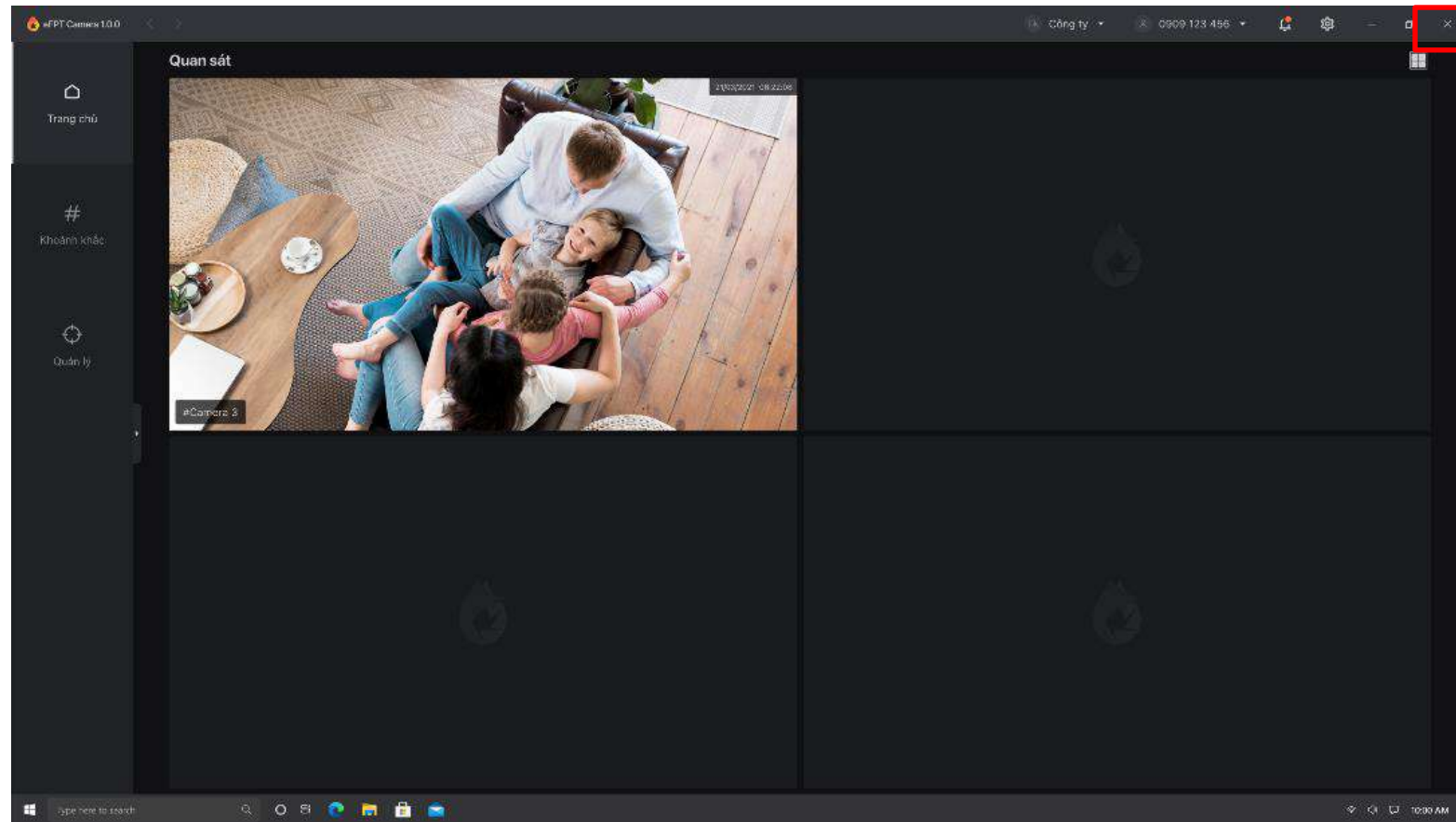
### 19.1. Đăng xuất

4 Đăng xuất khỏi ứng dụng, màn hình trả về trang đăng nhập



### 19. Đăng xuất tài khoản – Thoát ứng dụng (Logout)

#### 19.2. Thoát ứng dụng

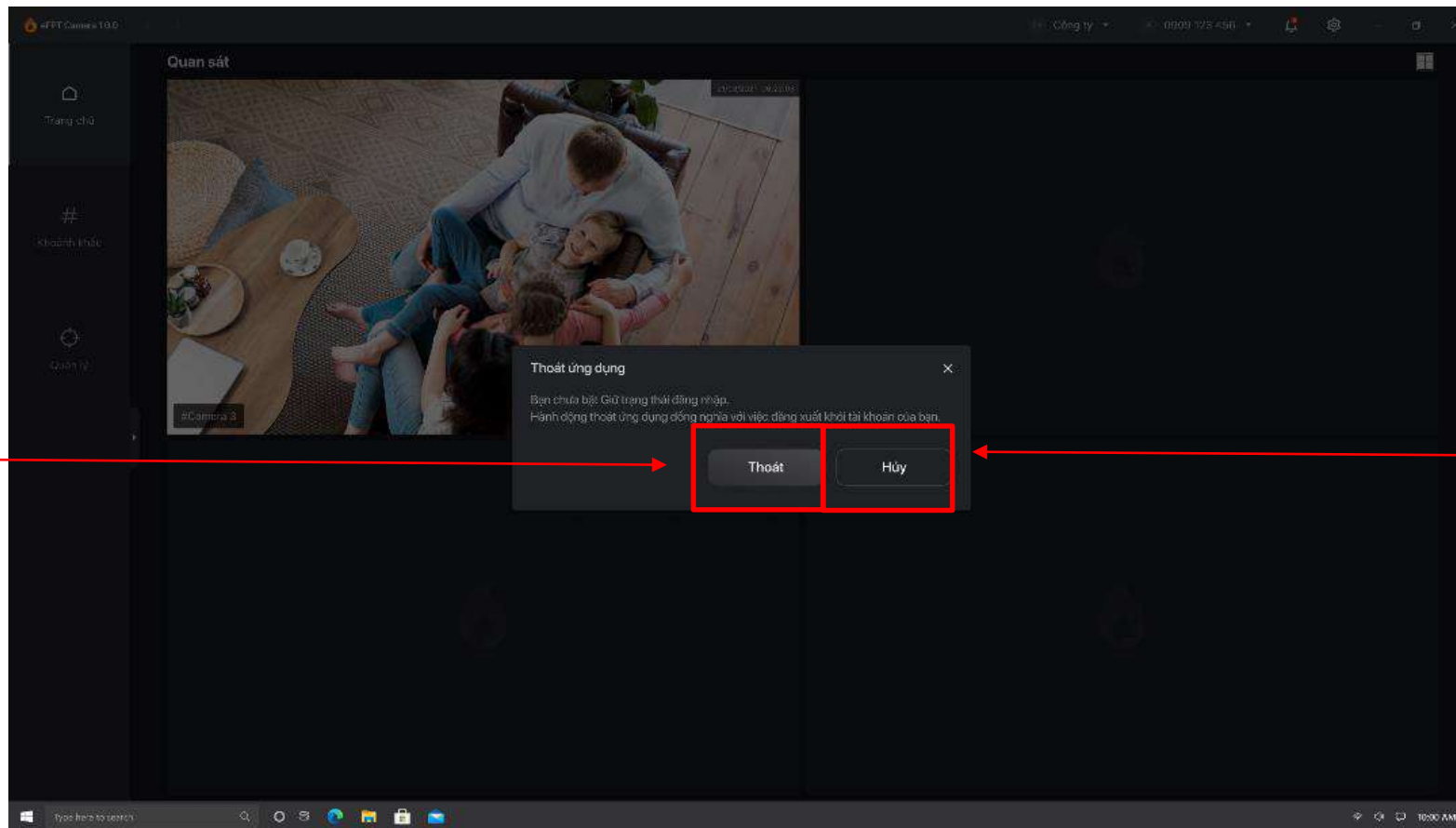


1 Click icon  
Close "x"

## 19. Đăng xuất tài khoản – Thoát ứng dụng (Logout)

### 19.2. Thoát ứng dụng

Nếu chưa bật chế độ giữ trạng thái đăng nhập, hiển thị thông báo xác nhận lại yêu cầu



2

Click để thoát ứng dụng, đồng thời đăng xuất tài khoản

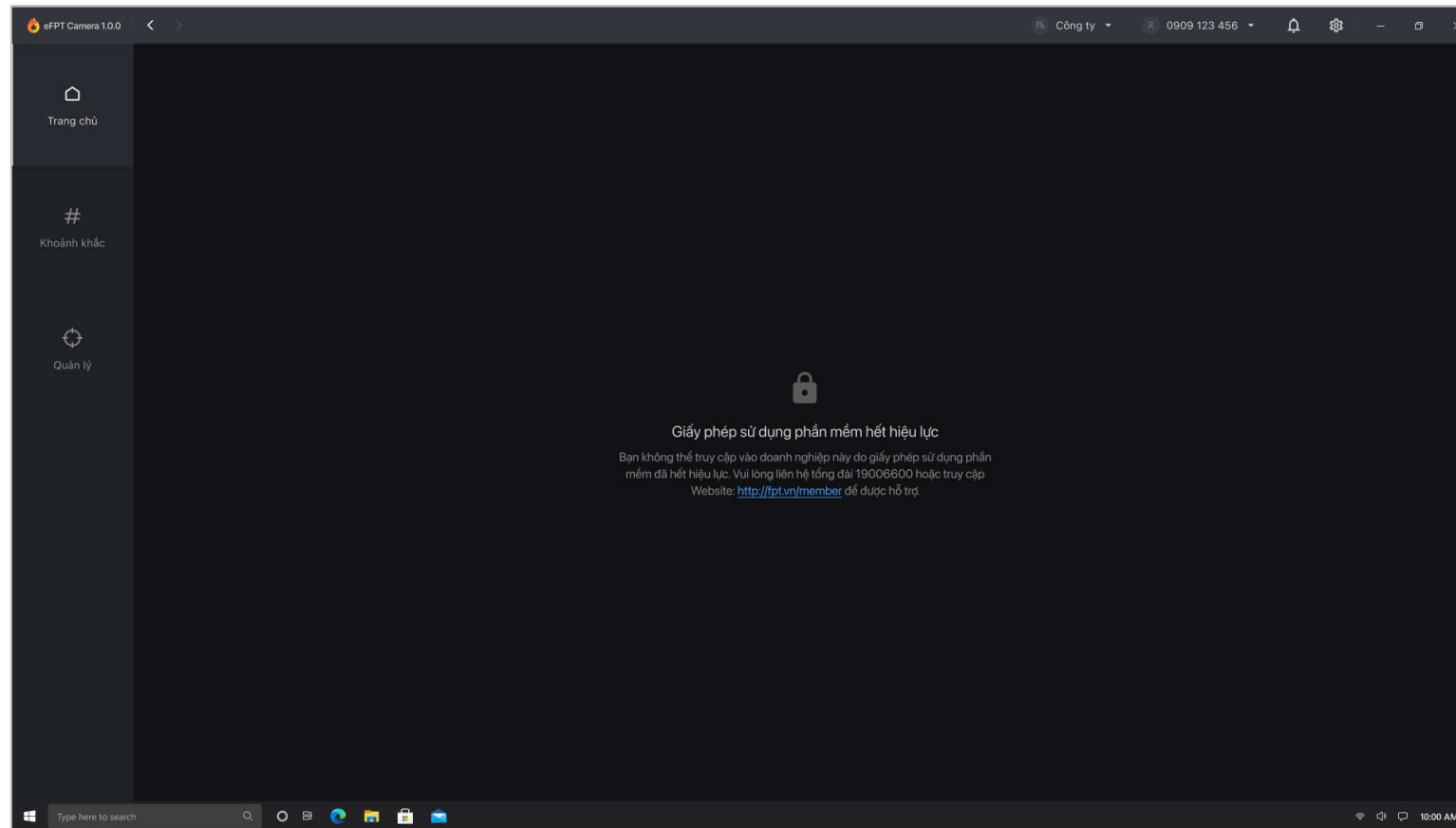
2.1

Click để hủy tác vụ

## 20. Giấy phép sử dụng & Quyền truy cập

### 20.1. Giấy phép sử dụng phần mềm của Doanh nghiệp hết hiệu lực

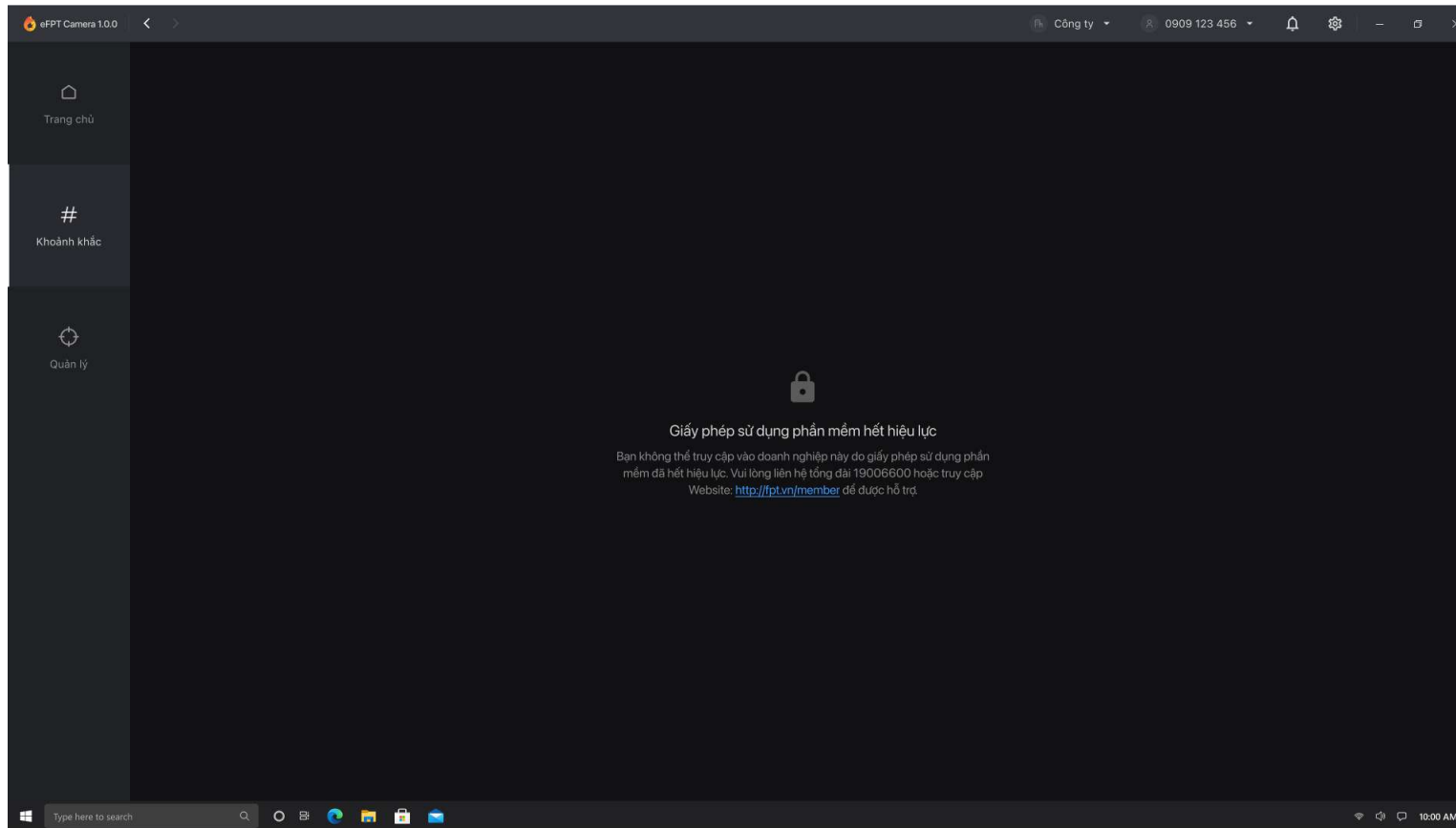
Màn hình hiển thị thông báo giấy phép sử dụng phần mềm của Doanh nghiệp hết hiệu lực ở Trang chủ



## 20. Giấy phép sử dụng & Quyền truy cập

### 20.1. Giấy phép sử dụng phần mềm của Doanh nghiệp hết hiệu lực

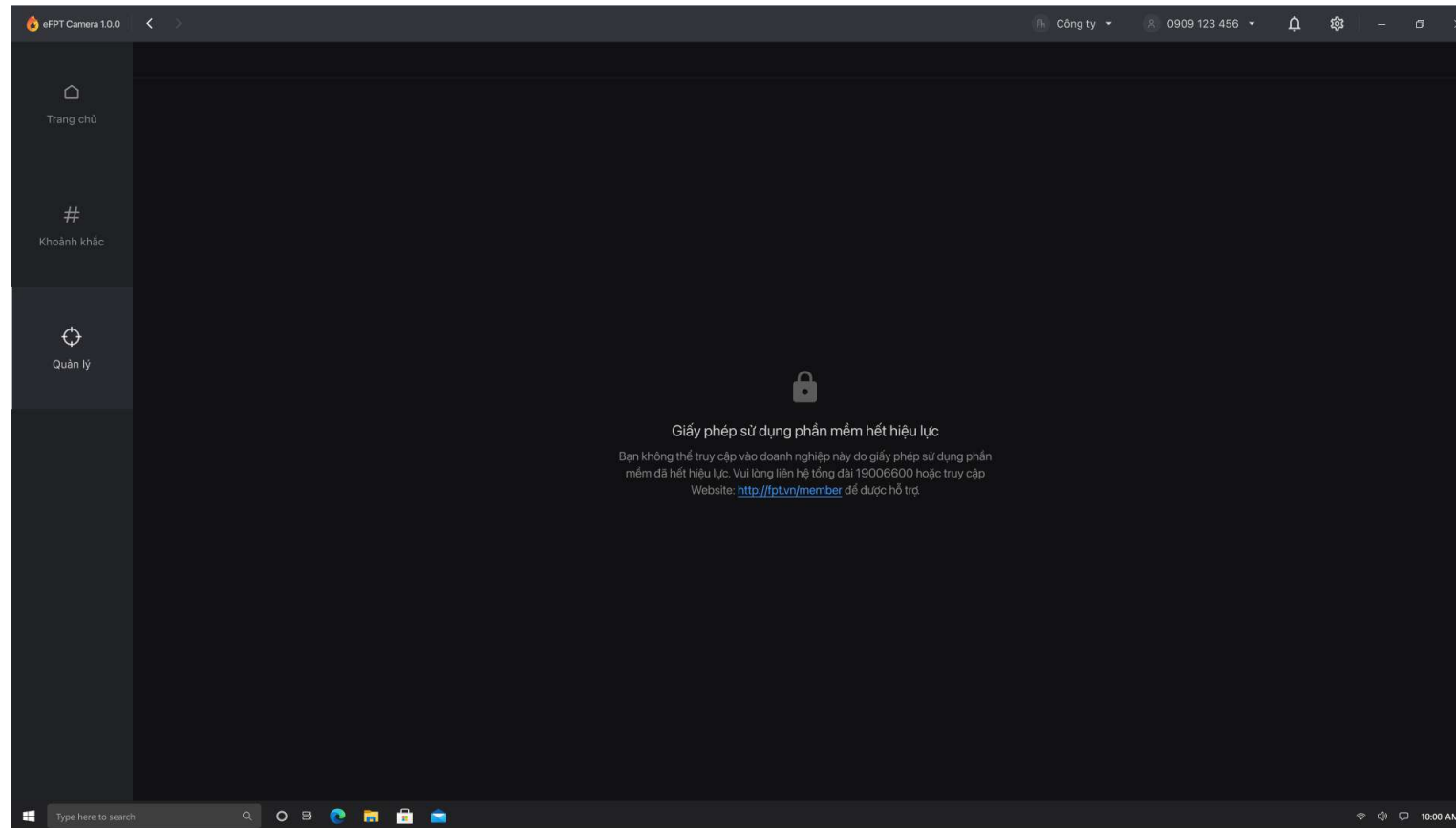
Màn hình hiển thị thông báo giấy phép sử dụng phần mềm của Doanh nghiệp hết hiệu lực ở trang Khoảnh khắc



## 20. Giấy phép sử dụng & Quyền truy cập

### 20.1. Giấy phép sử dụng phần mềm của Doanh nghiệp hết hiệu lực

Màn hình hiển thị thông báo giấy phép sử dụng phần mềm của Doanh nghiệp hết hiệu lực ở trang Quản lý





## 20. Giấy phép sử dụng & Quyền truy cập

### 20.1. Giấy phép sử dụng phần mềm của Doanh nghiệp hết hiệu lực

Màn hình hiển thị thông báo giấy phép sử dụng phần mềm của Doanh nghiệp hết hiệu lực ở trang Hộp thư đến

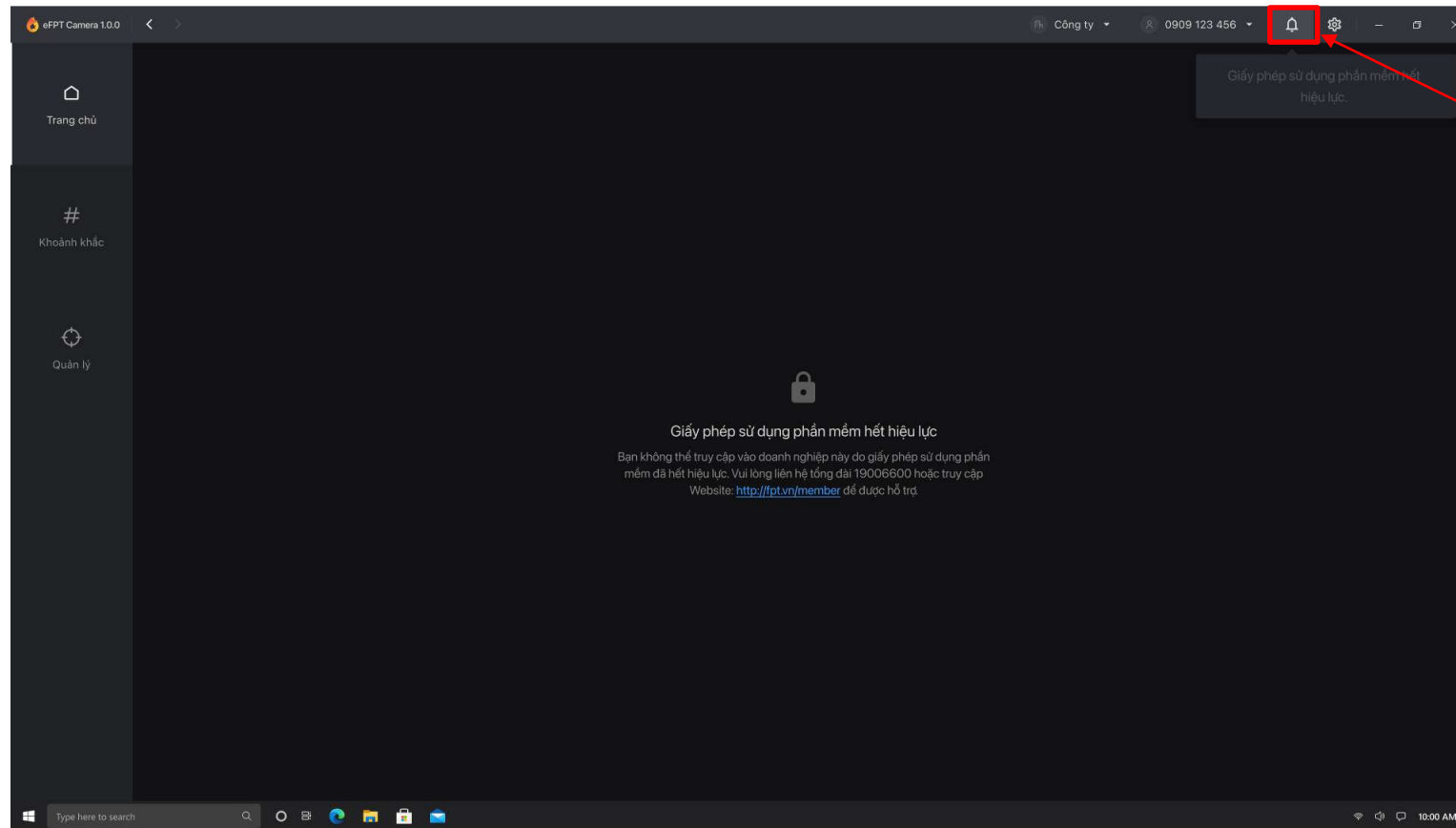
**2**  
Nhấn chọn mục **Hộp thư**

**1**  
Nhấn để mở **Cài đặt**

## 20. Giấy phép sử dụng & Quyền truy cập

### 20.1. Giấy phép sử dụng phần mềm của Doanh nghiệp hết hiệu lực

Màn hình hiển thị thông báo giấy phép sử dụng phần mềm của Doanh nghiệp hết hiệu lực ở trang Thông báo



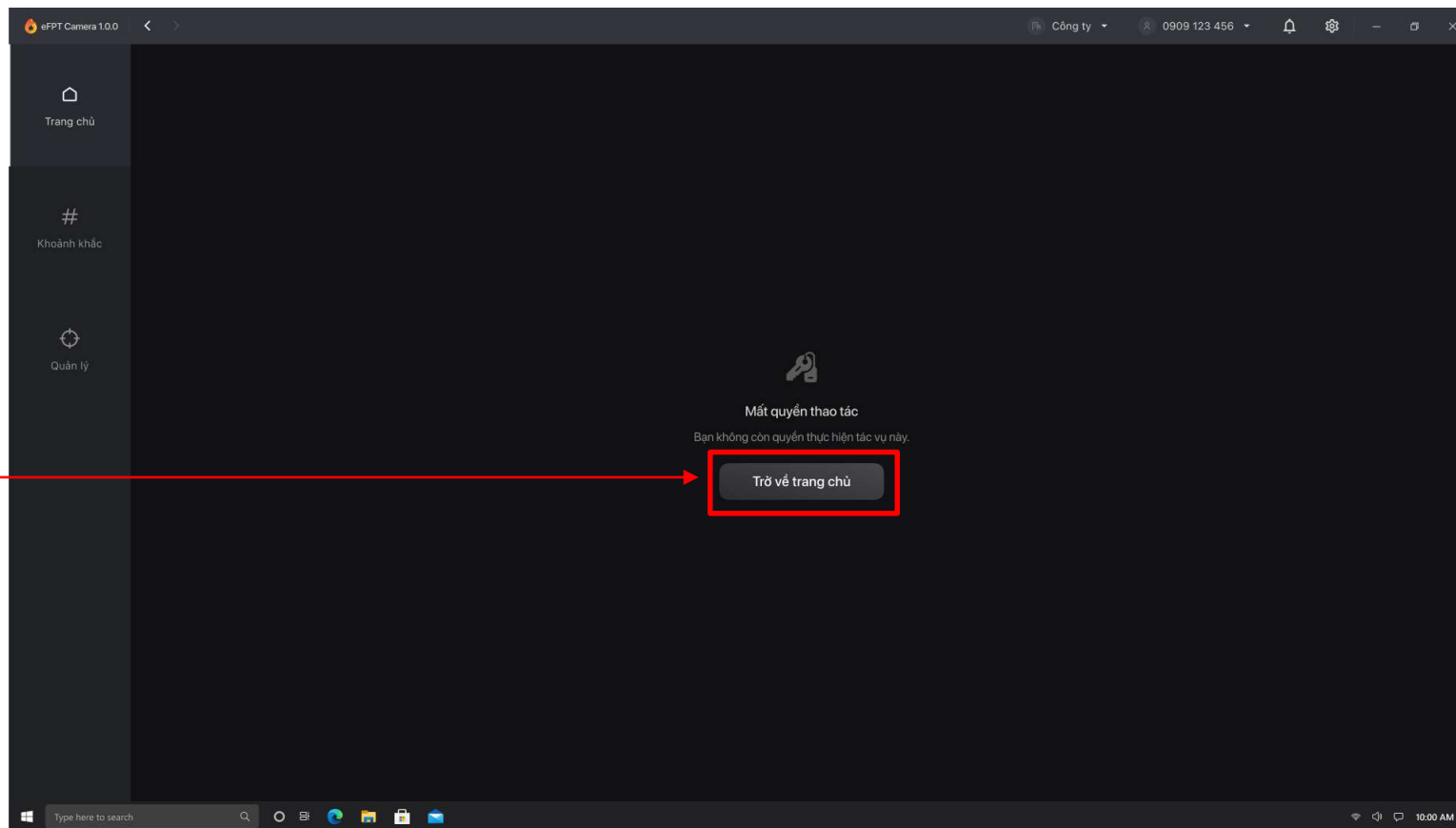
1

Nhấn để mở  
Thông báo

## 20. Giấy phép sử dụng & Quyền truy cập

### 20.2. Mất quyền truy cập

Màn hình hiển thị khi người dùng mất quyền truy cập đến camera hoặc địa điểm đang thao tác



1

Nhấn để về Trang chủ

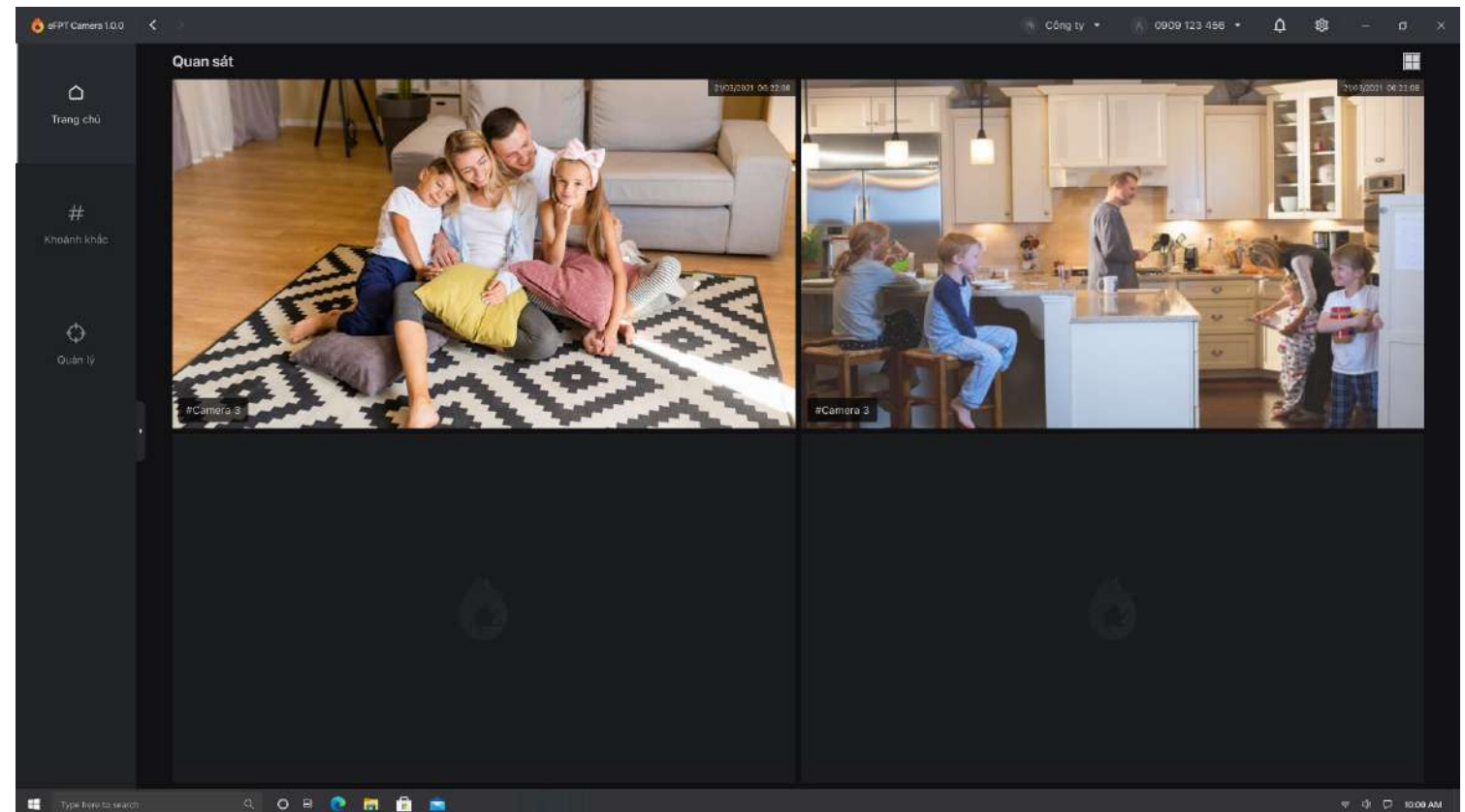
## 20. Giấy phép sử dụng & Quyền truy cập

### 20.2. Mất quyền truy cập

#### 20.2.1. Mất quyền truy cập camera hoặc địa điểm hiện tại và còn quyền truy cập với camera hoặc địa điểm khác

Màn hình hiển thị camera hoặc địa điểm còn quyền truy cập

- Trường hợp **camera** đang thao tác bị mất quyền truy cập nhưng người dùng còn quyền truy cập với **camera** khác trong cùng địa điểm thì hiển thị dữ liệu của các camera còn lại.
- Trường hợp **địa điểm** đang thao tác bị mất quyền truy cập nhưng người dùng còn quyền truy cập với **địa điểm** khác trong cùng một doanh nghiệp thì hiển thị dữ liệu của địa điểm mặc định trong danh sách.

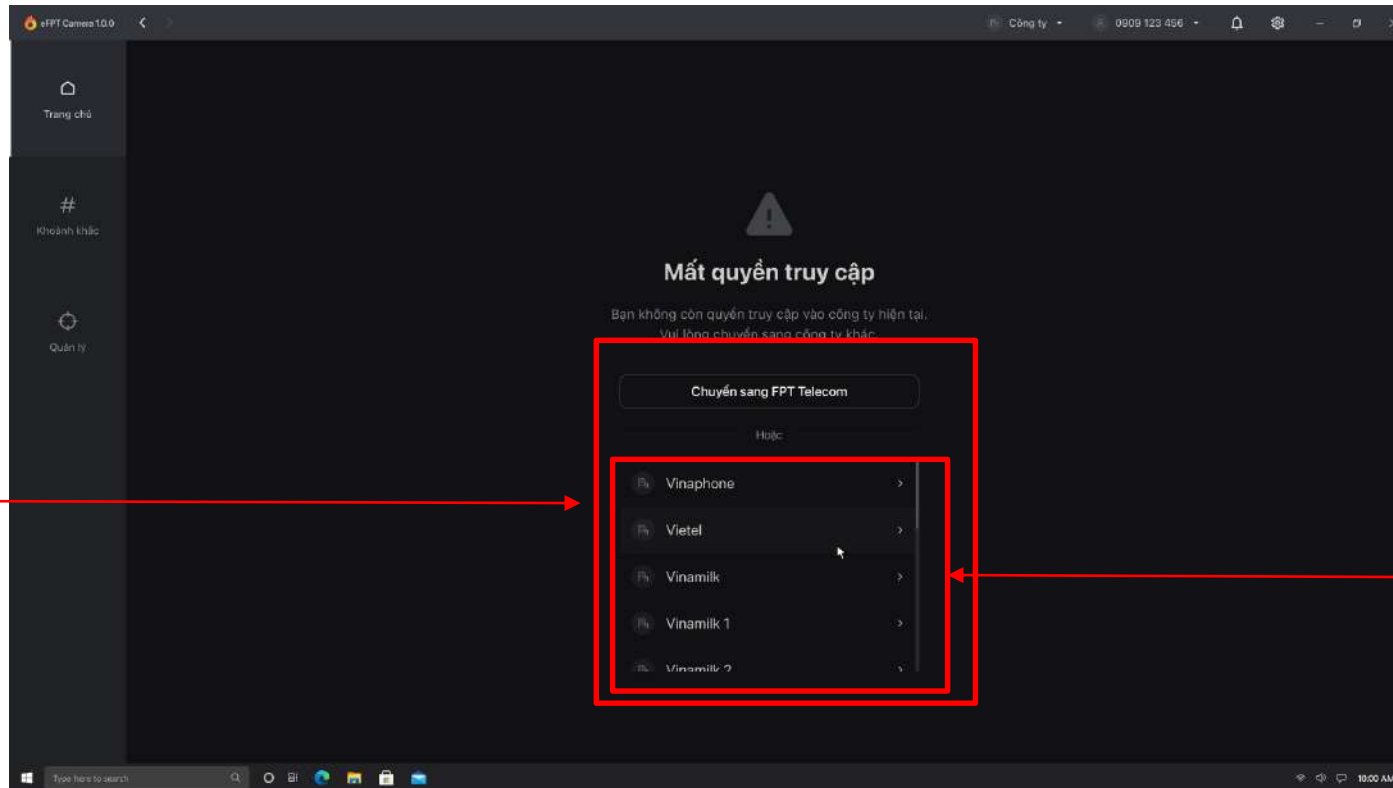


## 20. Giấy phép sử dụng & Quyền truy cập

### 20.2. Mất quyền truy cập

#### 20.2.2. Mất quyền truy cập chế độ Doanh nghiệp hiện tại và còn quyền truy cập với chế độ Doanh nghiệp khác

##### a. Trường hợp có nhiều hơn hoặc bằng 5 chế độ còn quyền truy cập



2.1

Nhấn để chuyển sang chế độ còn quyền truy cập

Cuộn để xem thêm các chế độ còn lại

## 20. Giấy phép sử dụng & Quyền truy cập

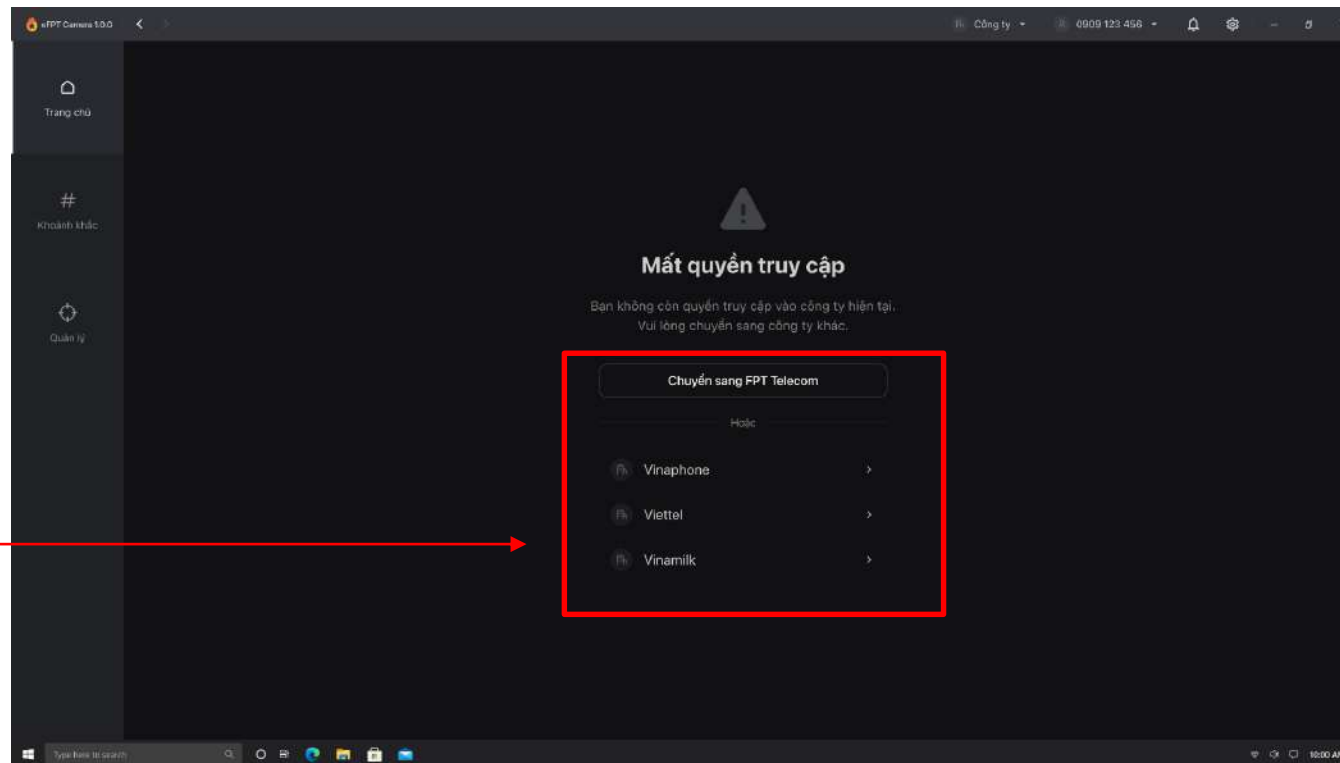
### 20.2. Mất quyền truy cập

#### 20.2.2. Mất quyền truy cập chế độ Doanh nghiệp hiện tại và còn quyền truy cập với chế độ Doanh nghiệp khác

##### b. Trường hợp có ít hơn 5 chế độ còn quyền truy cập

### 2.1

Nhấn để chuyển sang chế độ còn quyền truy cập



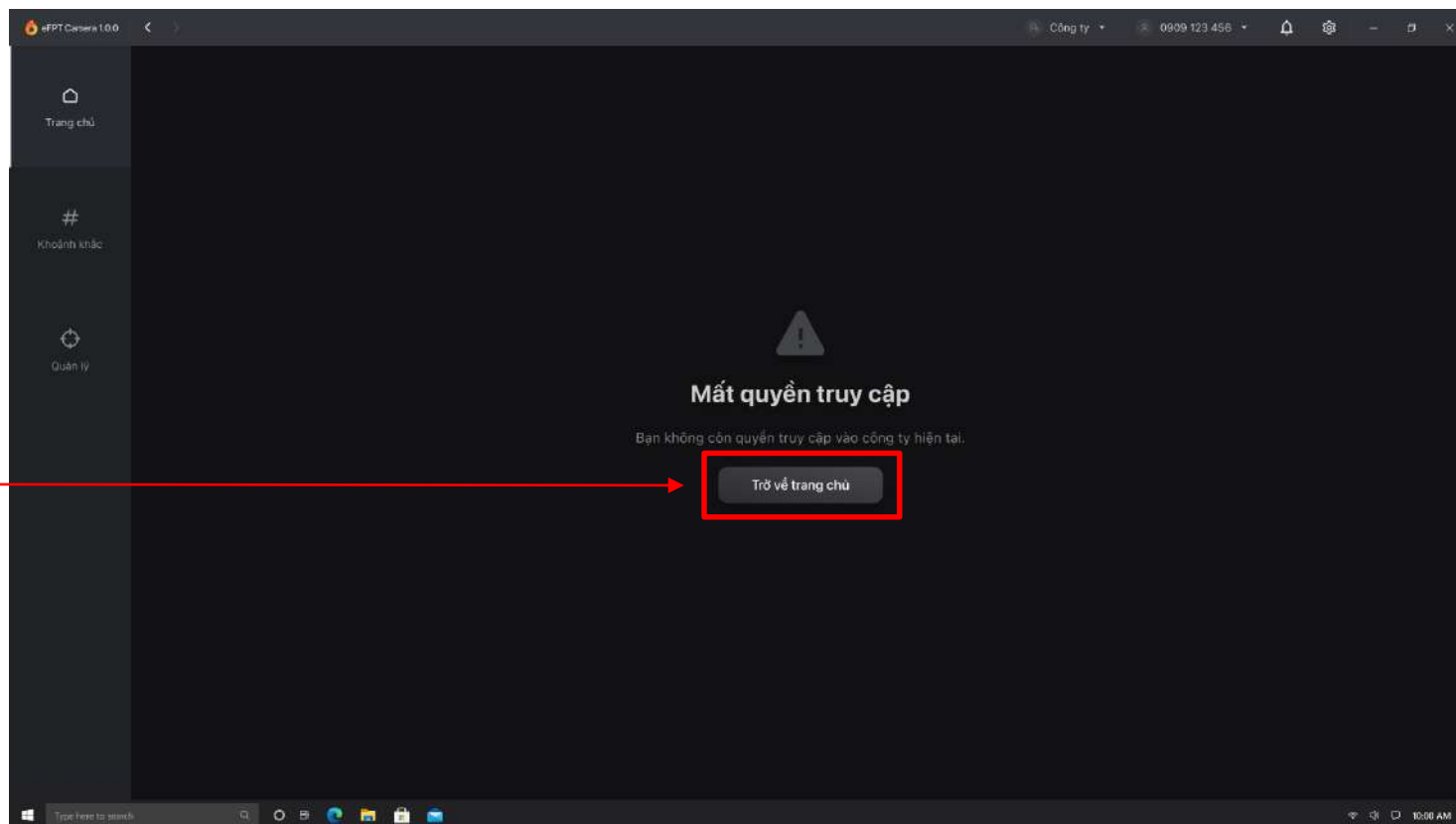
Đang áp dụng cho chế độ Doanh nghiệp

## 20. Giấy phép sử dụng & Quyền truy cập

### 20.2. Mất quyền truy cập

#### 20.2.3. Mất quyền truy cập chế độ Doanh nghiệp hiện tại và không còn quyền truy cập vào chế độ Doanh nghiệp khác

**2.2**  
Nhấn để về  
Trang chủ



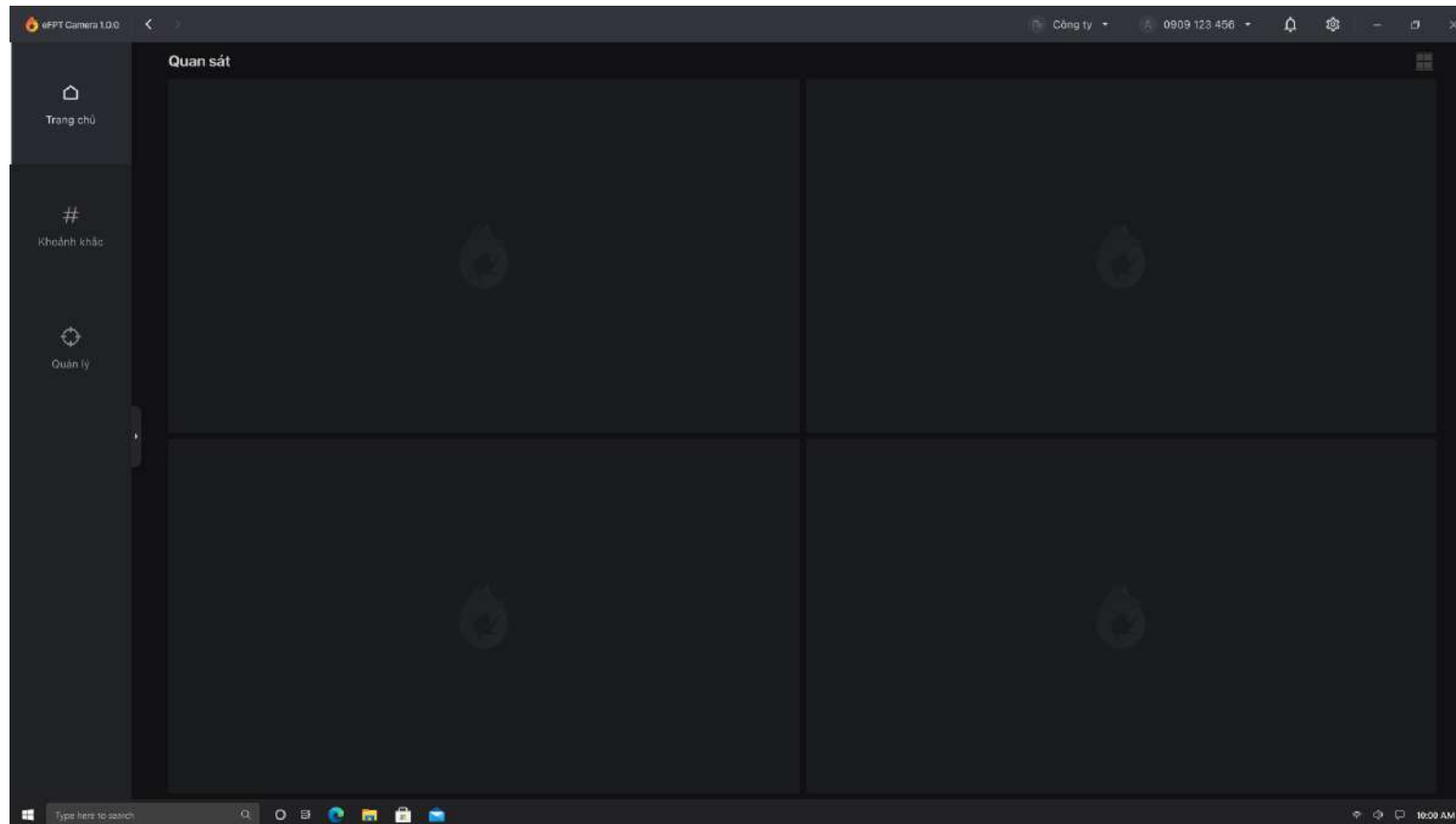
*Đang áp dụng cho chế độ Doanh nghiệp*

### 20. Giấy phép sử dụng & Quyền truy cập

#### 20.2. Mất quyền truy cập

##### 20.2.3. Mất quyền truy cập chế độ Doanh nghiệp hiện tại và không còn quyền truy cập vào chế độ Doanh nghiệp khác

Màn hình hiển thị Trang chủ khi người dùng không còn quyền truy cập bất kỳ công ty nào



*Đang áp dụng cho chế độ Doanh nghiệp*



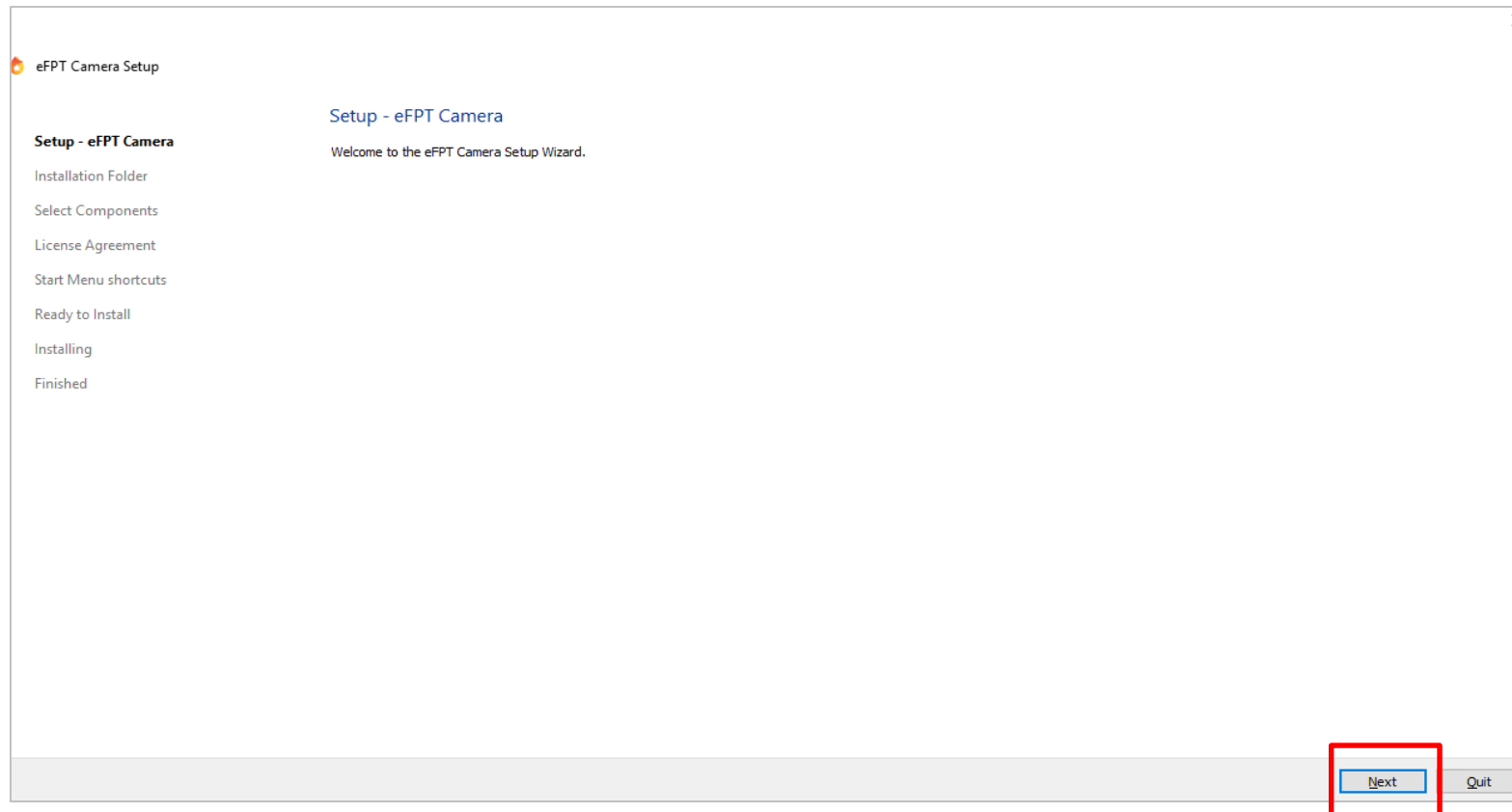
### C1. CÀI ĐẶT APP TRÊN NỀN TẢNG WINDOWS

### 1. Hướng dẫn cài đặt App trên nền tảng Windows

- 1 Truy cập đường dẫn: [camera.fpt.vn](http://camera.fpt.vn) để tải tệp chứa các file cài đặt App.
- 2 Cài đặt file: vc\_redist.x86.exe đính kèm trong tệp.
- 3 Cài đặt file: eFPT Camera.exe đính kèm trong tệp.

## 2. Tiến trình cài đặt App

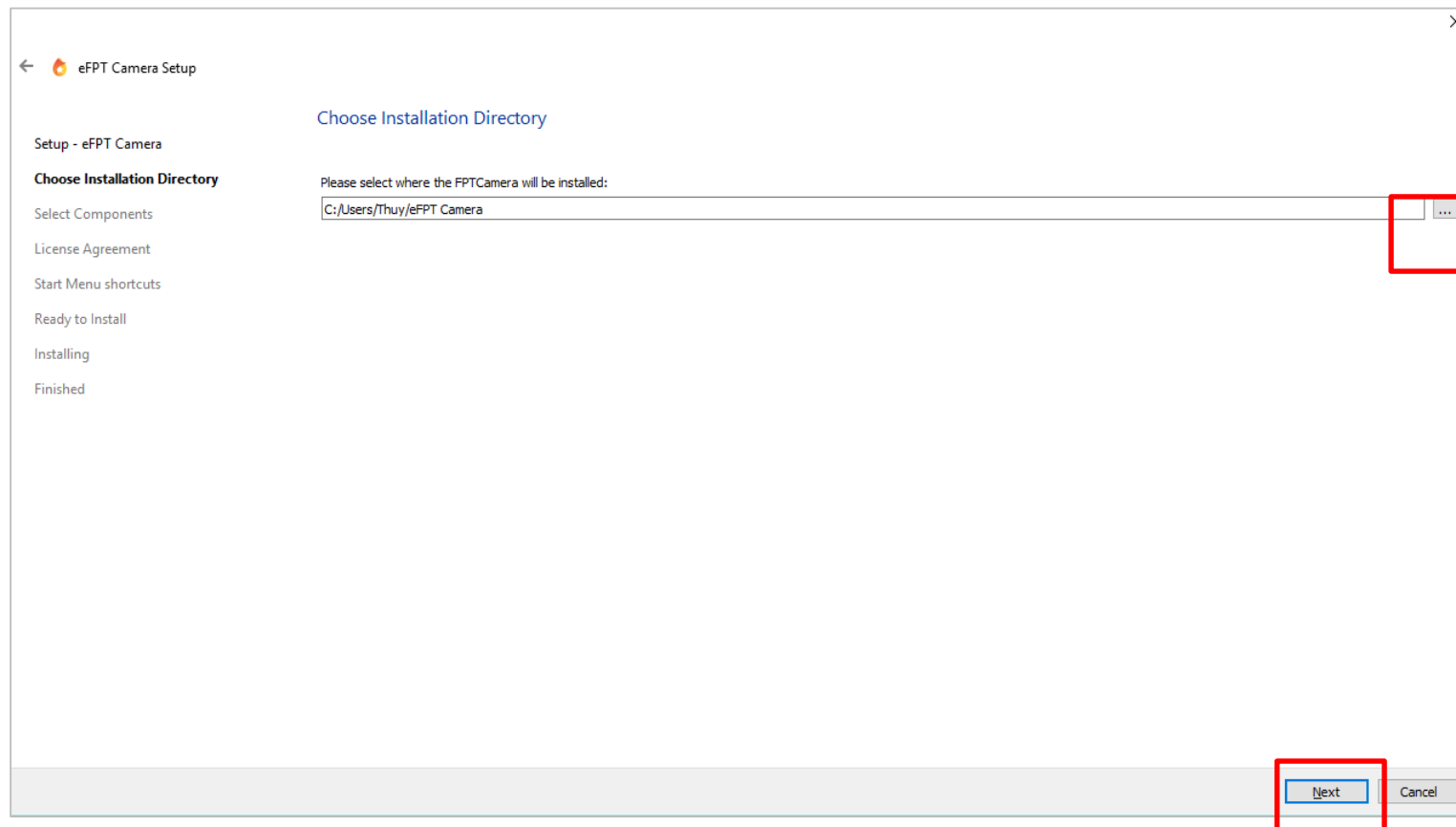
1 Chọn file cài đặt App: eFPT Camera.exe >> click chuột phải chọn **Run as administrator**



2  
Chọn “Next”  
để tiếp tục

## 2. Tiến trình cài đặt App

Màn hình chọn nơi lưu trữ để cài đặt

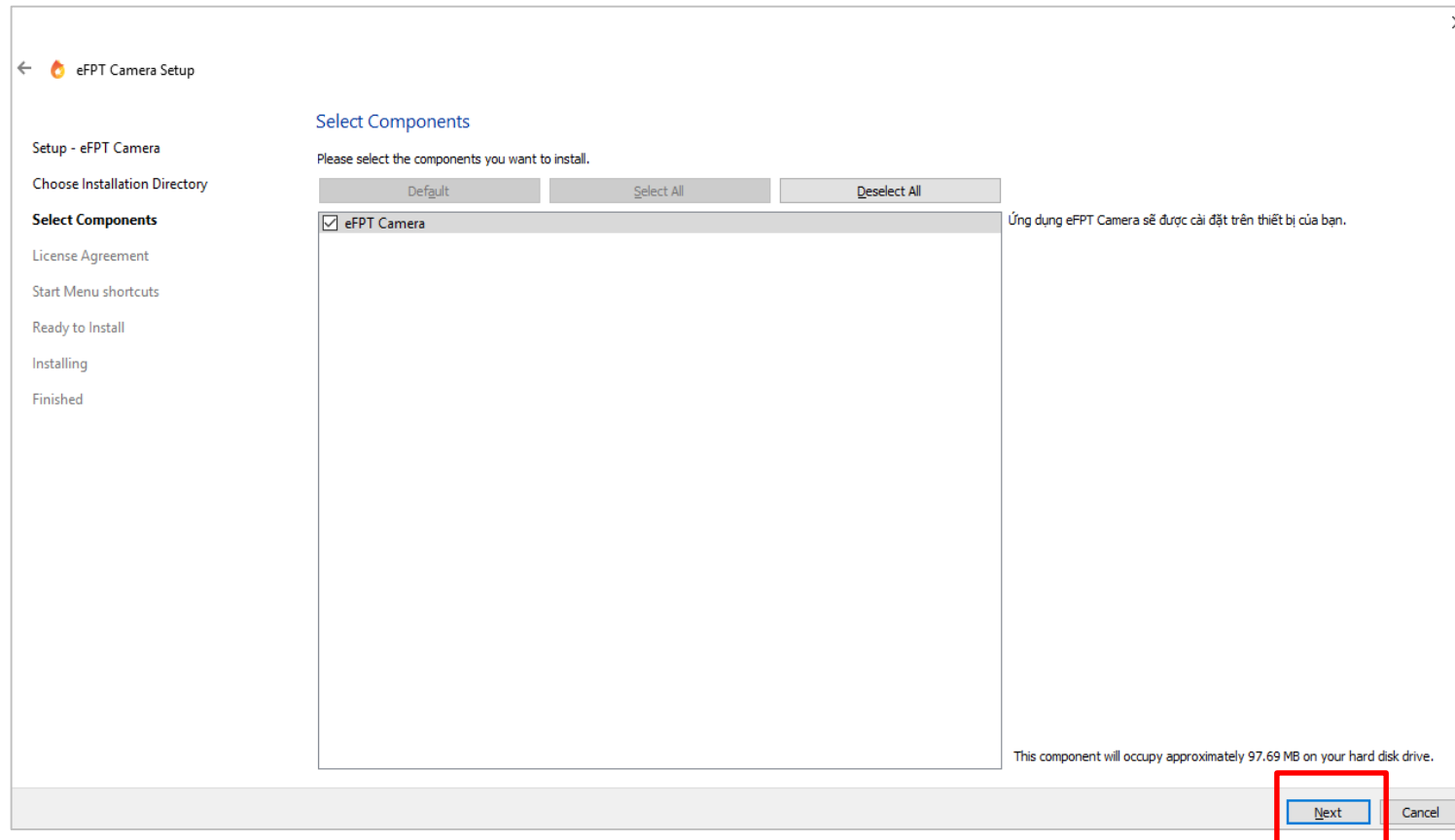


**3.1**  
**Hoặc tự chọn nơi lưu**  
**khác trên thiết bị**

**3**  
**Chọn “Next”**  
**để tiếp tục**

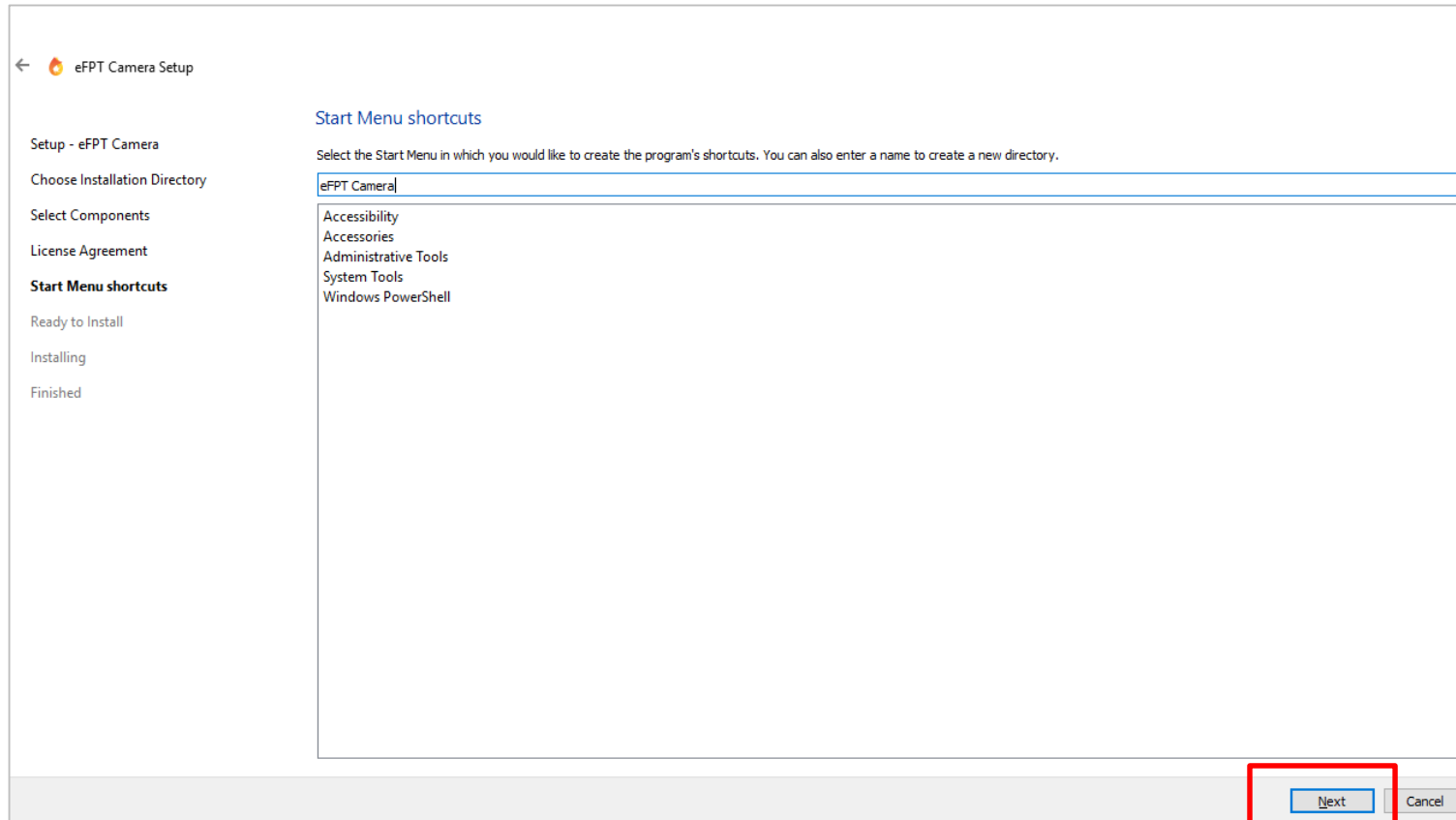
## 2. Tiến trình cài đặt App

Màn hình chọn các Components sẽ được cài đặt trên thiết bị



**4**  
 Chọn “Next”  
 để tiếp tục

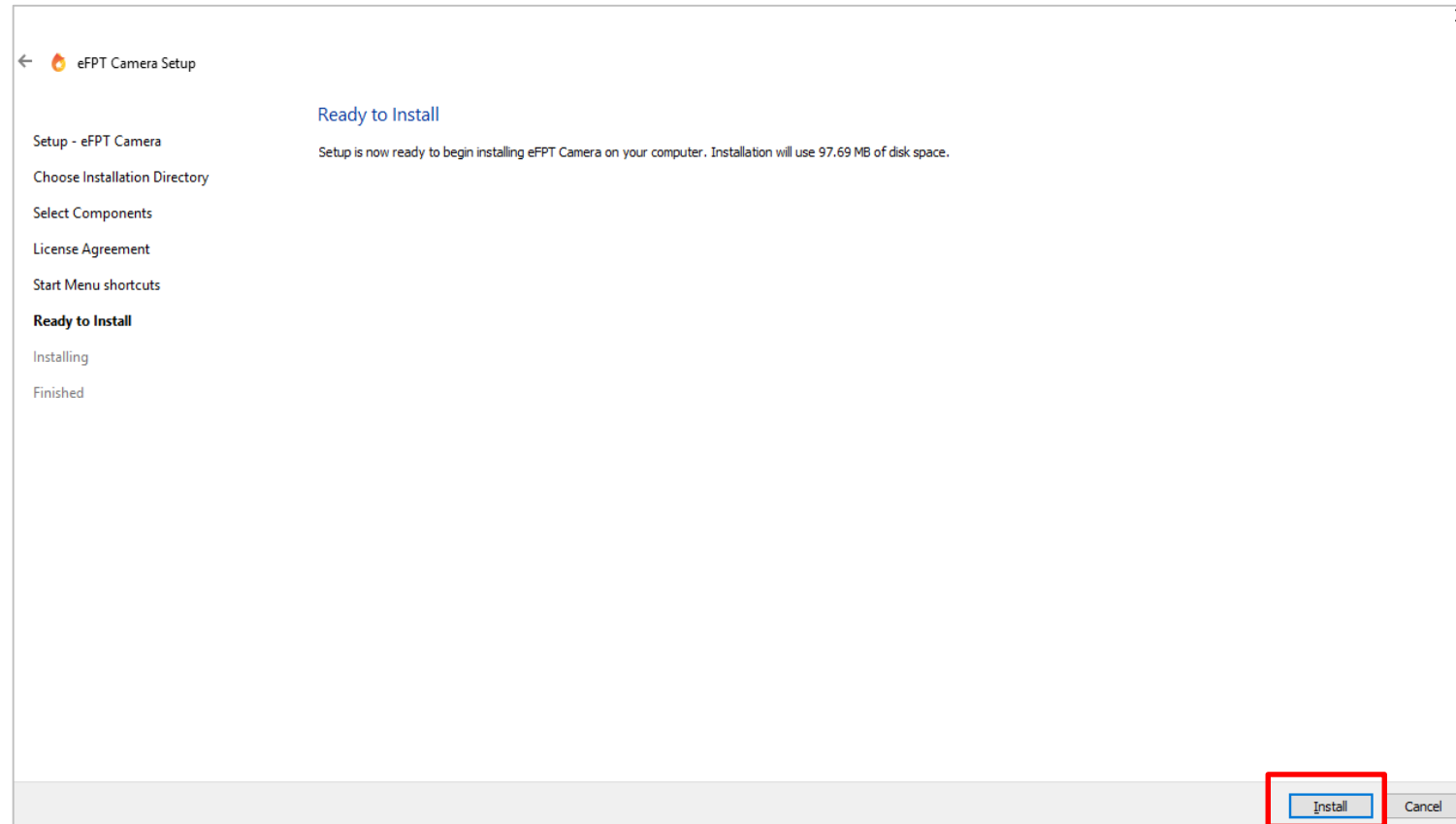
## 2. Tiến trình cài đặt App



5  
 Chọn “Next”  
 để tiếp tục

## 2. Tiến trình cài đặt App

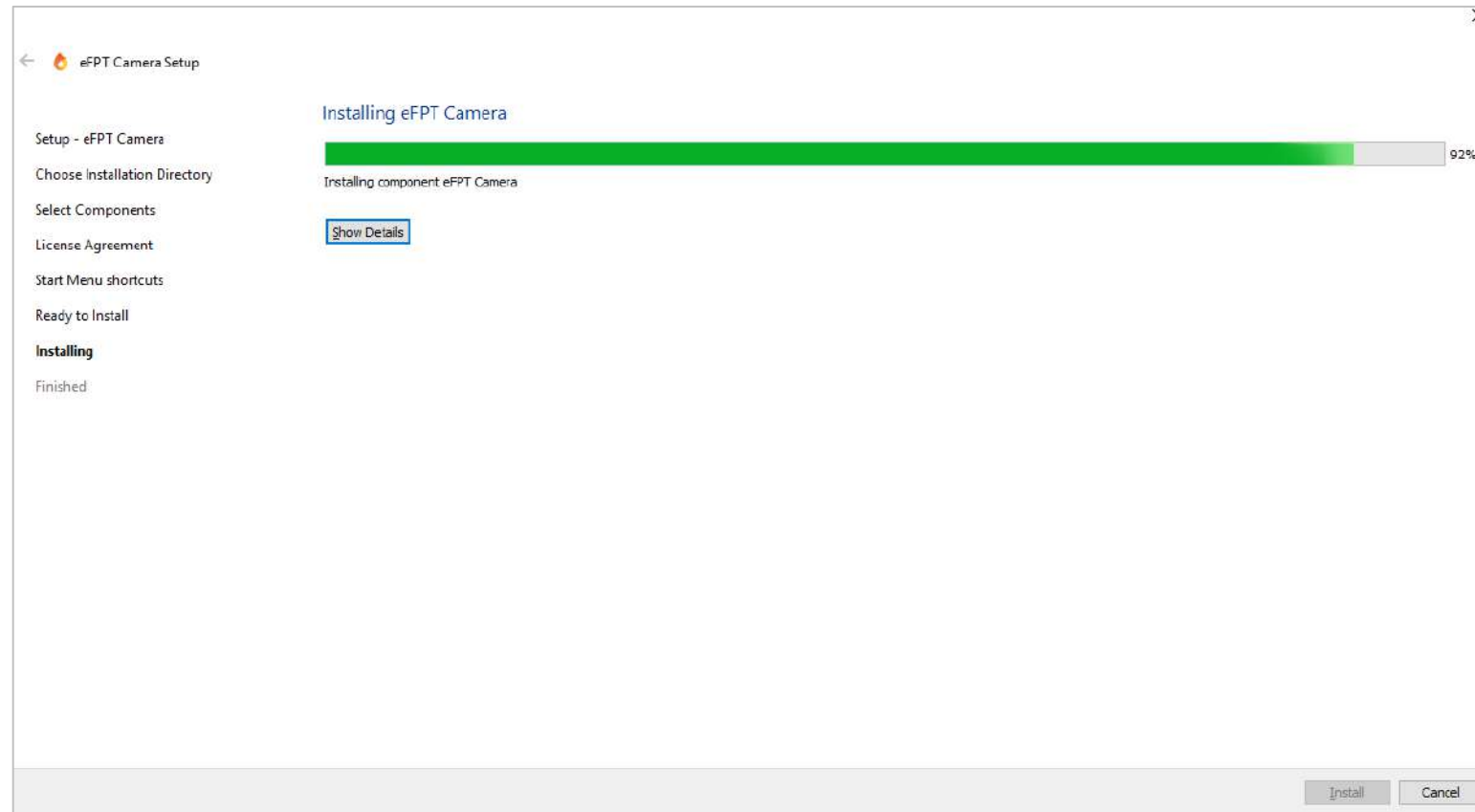
### Màn hình chuẩn bị cài đặt



**6**  
 Chọn “**Install**”  
 để cài đặt

## 2. Tiến trình cài đặt App

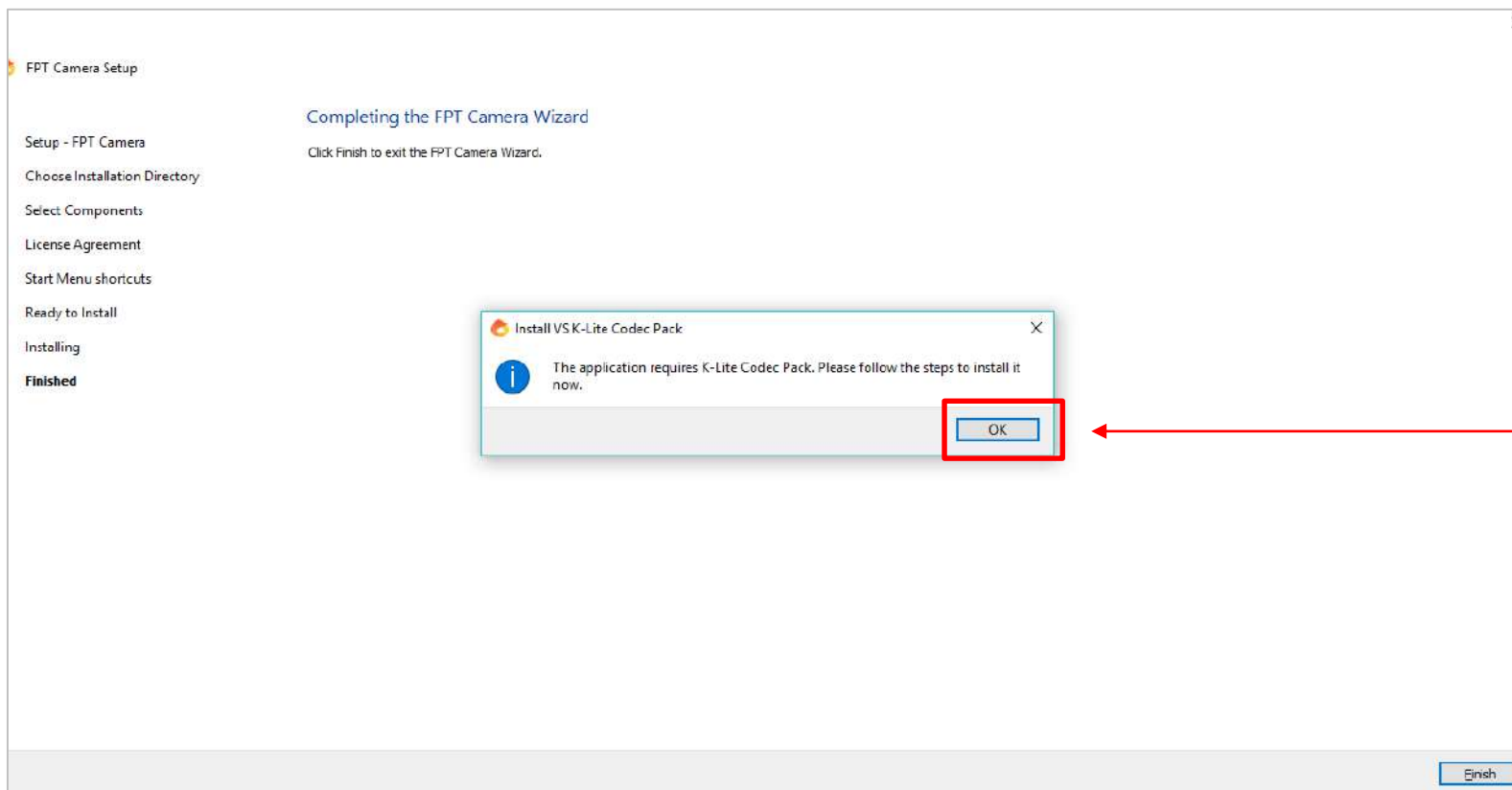
Màn hình đang trong tiến trình cài đặt





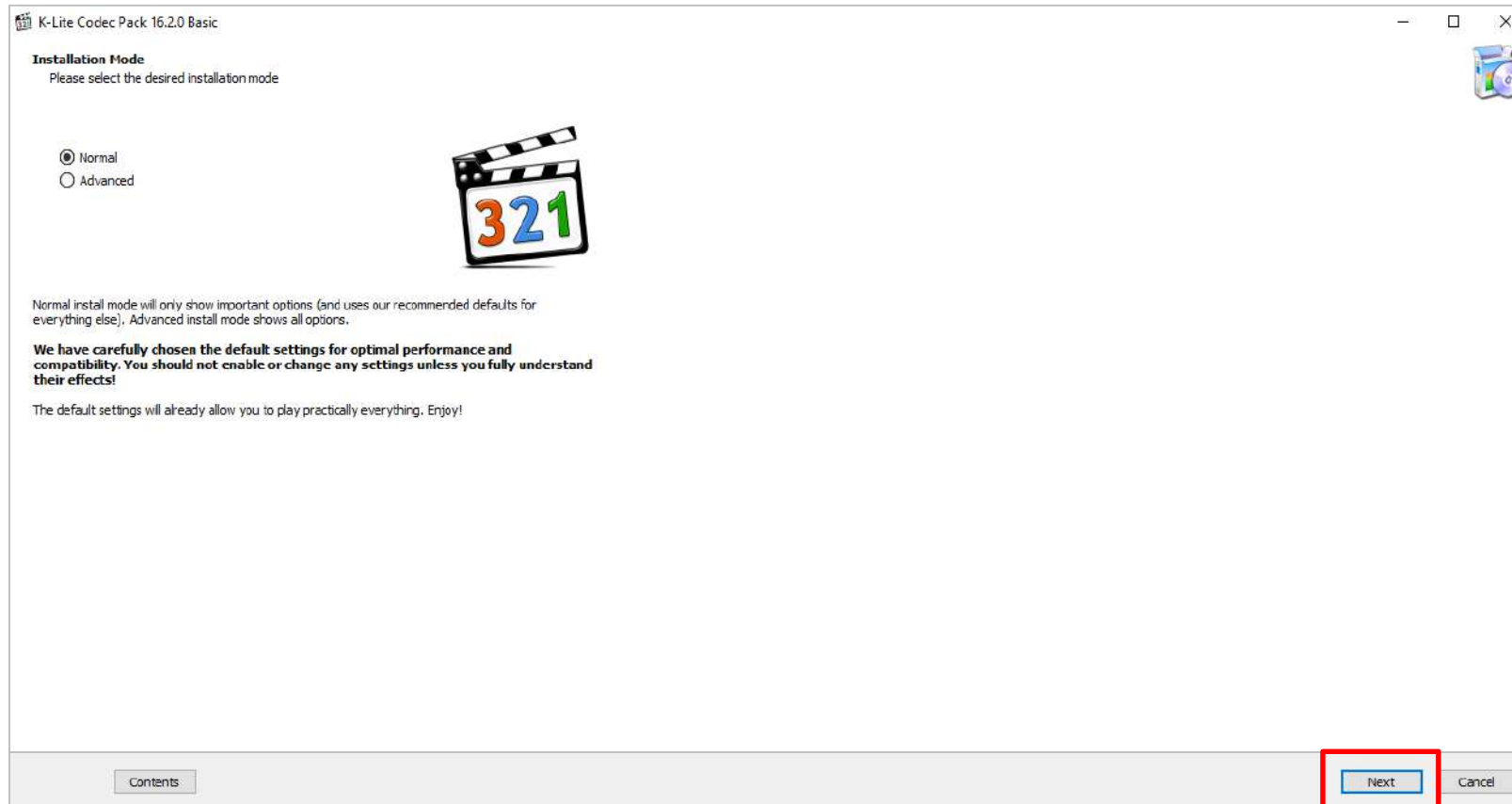
## 2. Tiến trình cài đặt App

Màn hình yêu cầu cài đặt file K-Lite\_Codec\_Pack  
*(cần cài đặt file này để có thể play được video full recording)*



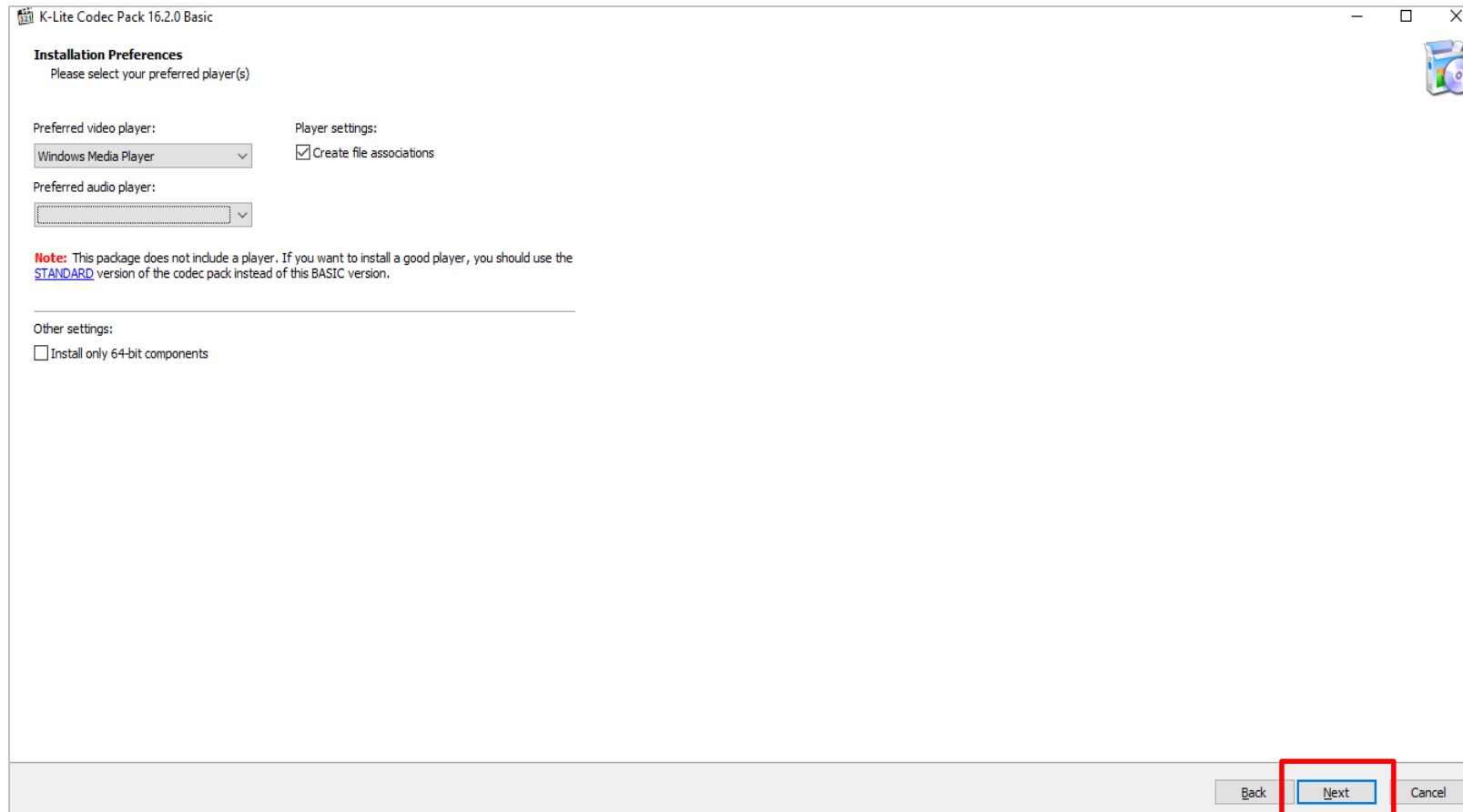
**7**  
 Chọn "OK"  
 để tiếp tục

## 2. Tiến trình cài đặt App



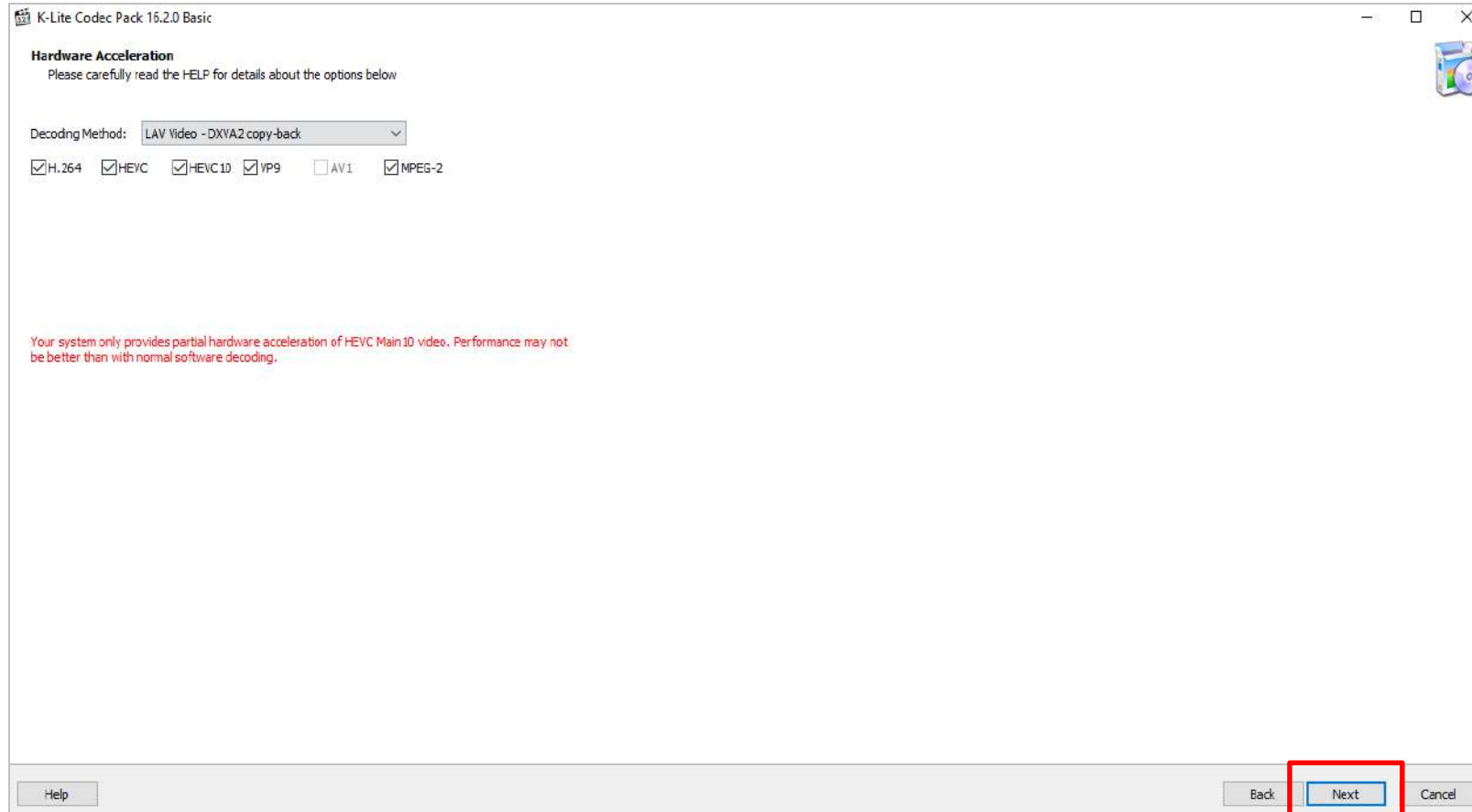
8  
Chọn “Next”  
để tiếp tục

## 2. Tiến trình cài đặt App



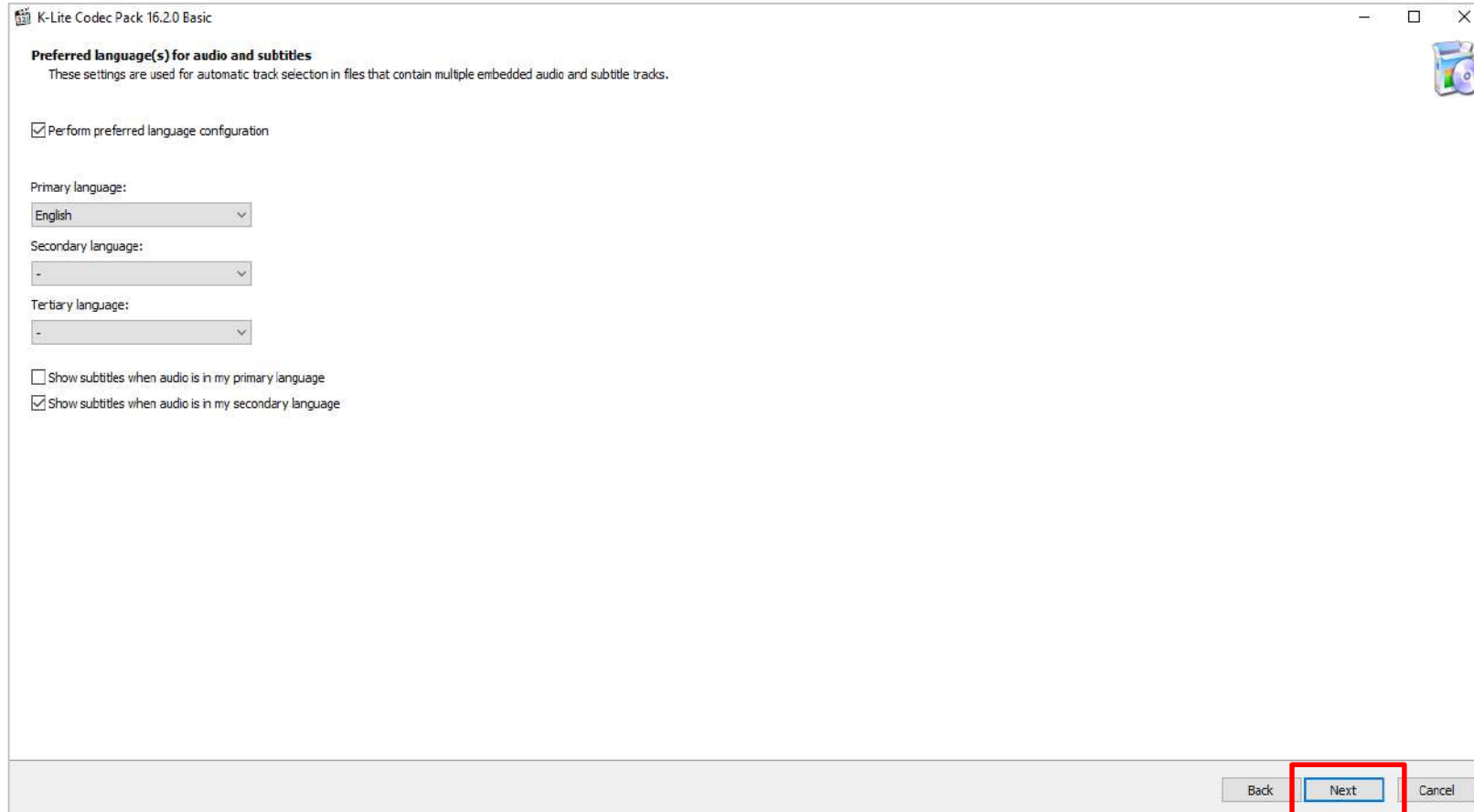
9  
Chọn “Next”  
để tiếp tục

## 2. Tiến trình cài đặt App



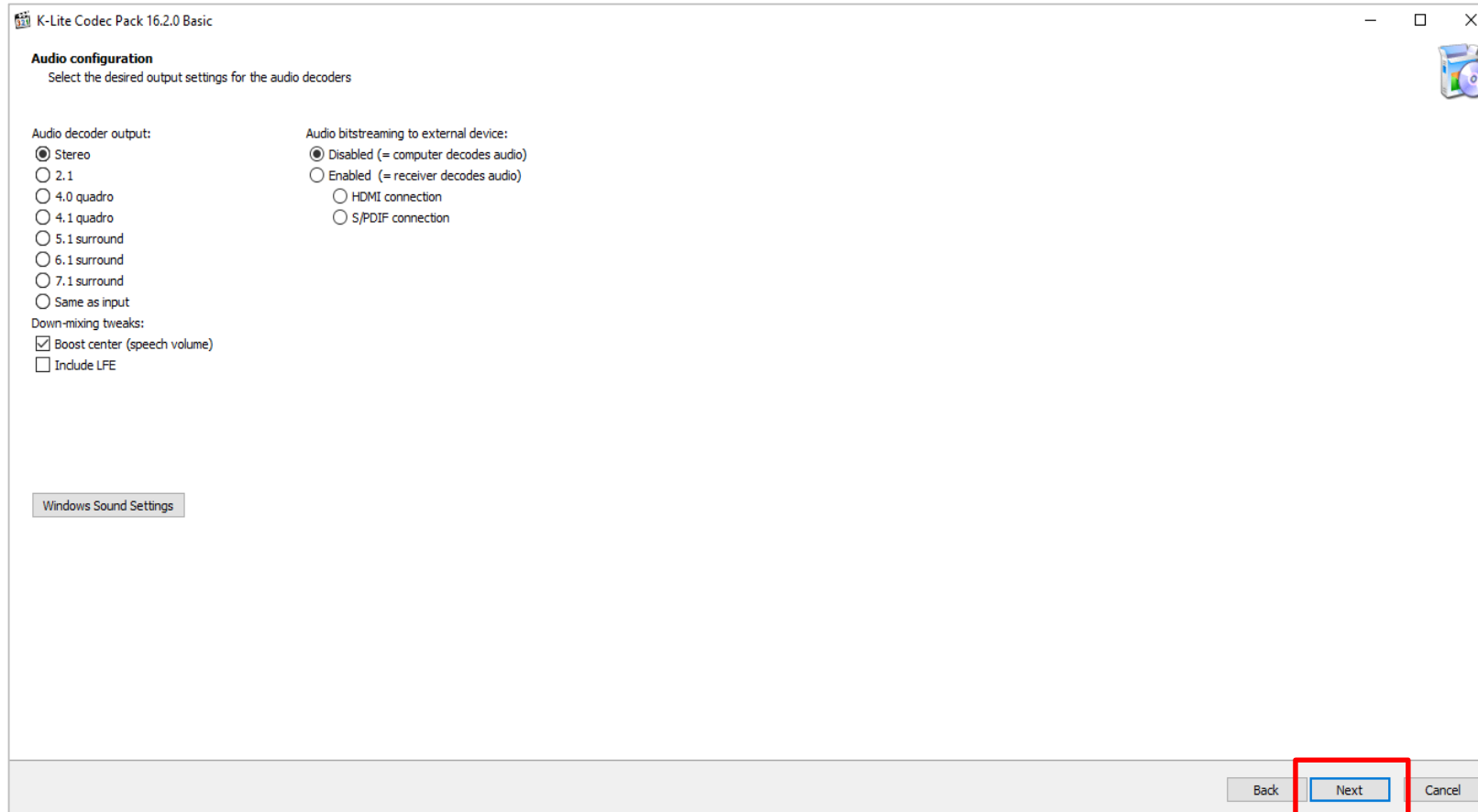
**10**  
 Chọn “**Next**”  
 để tiếp tục

## 2. Tiến trình cài đặt App



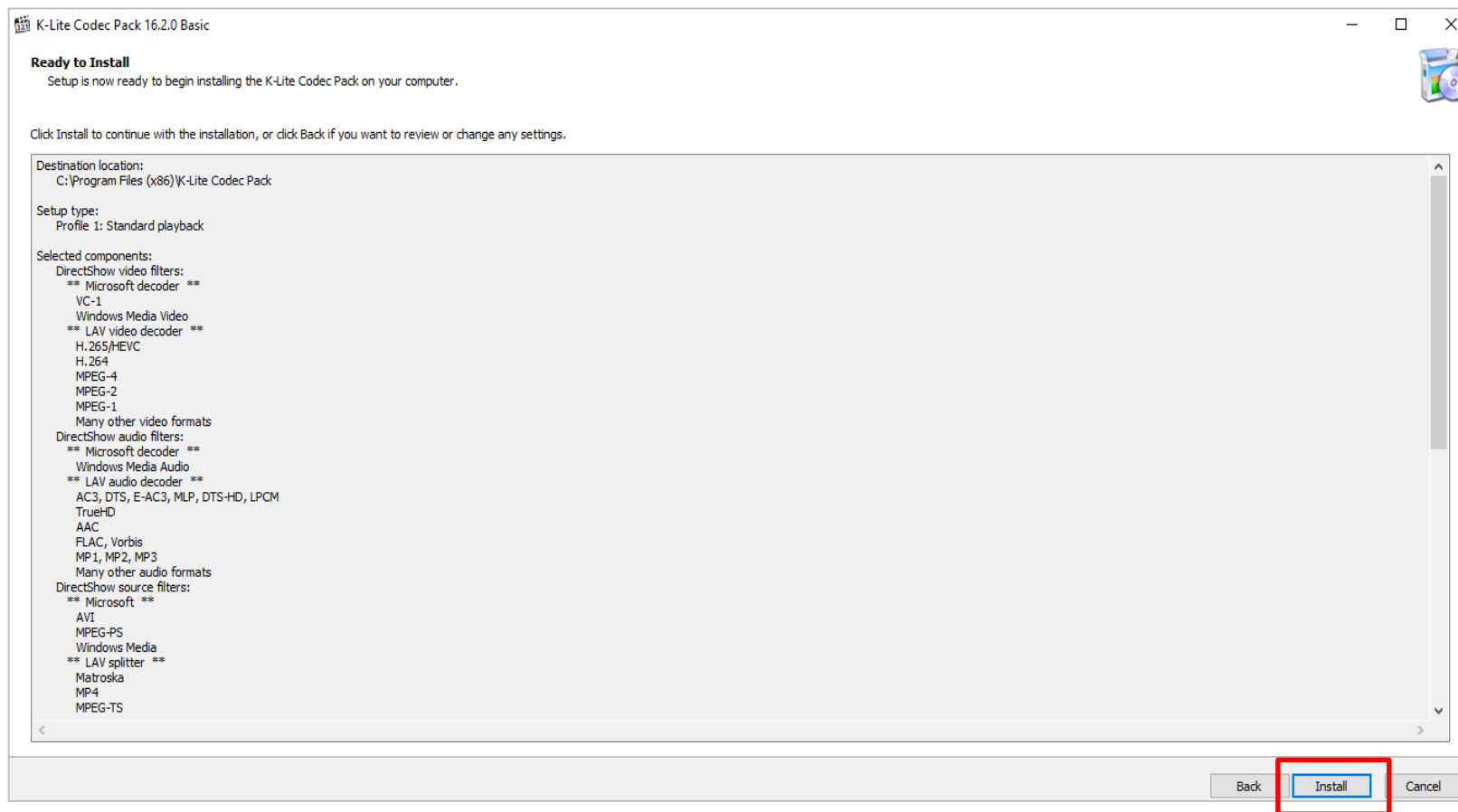
11  
Chọn “Next”  
để tiếp tục

## 2. Tiến trình cài đặt App



12  
Chọn **“Next”**  
để tiếp tục

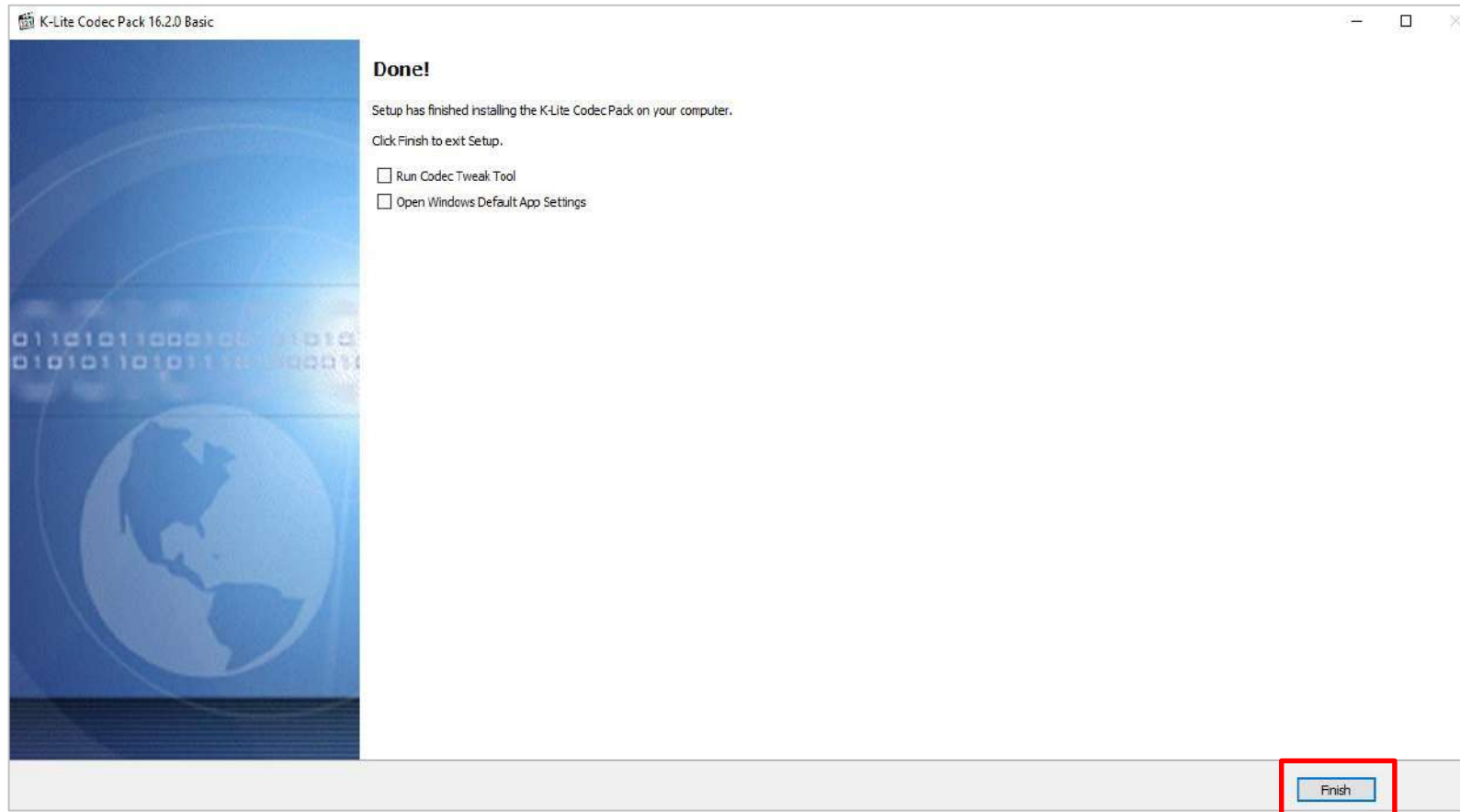
## 2. Tiến trình cài đặt App



**13**  
 Chọn “Install”  
 để cài đặt

## 2. Tiến trình cài đặt App

Màn hình chuẩn bị hoàn thành cài đặt file K-Lite\_Codec\_Pack

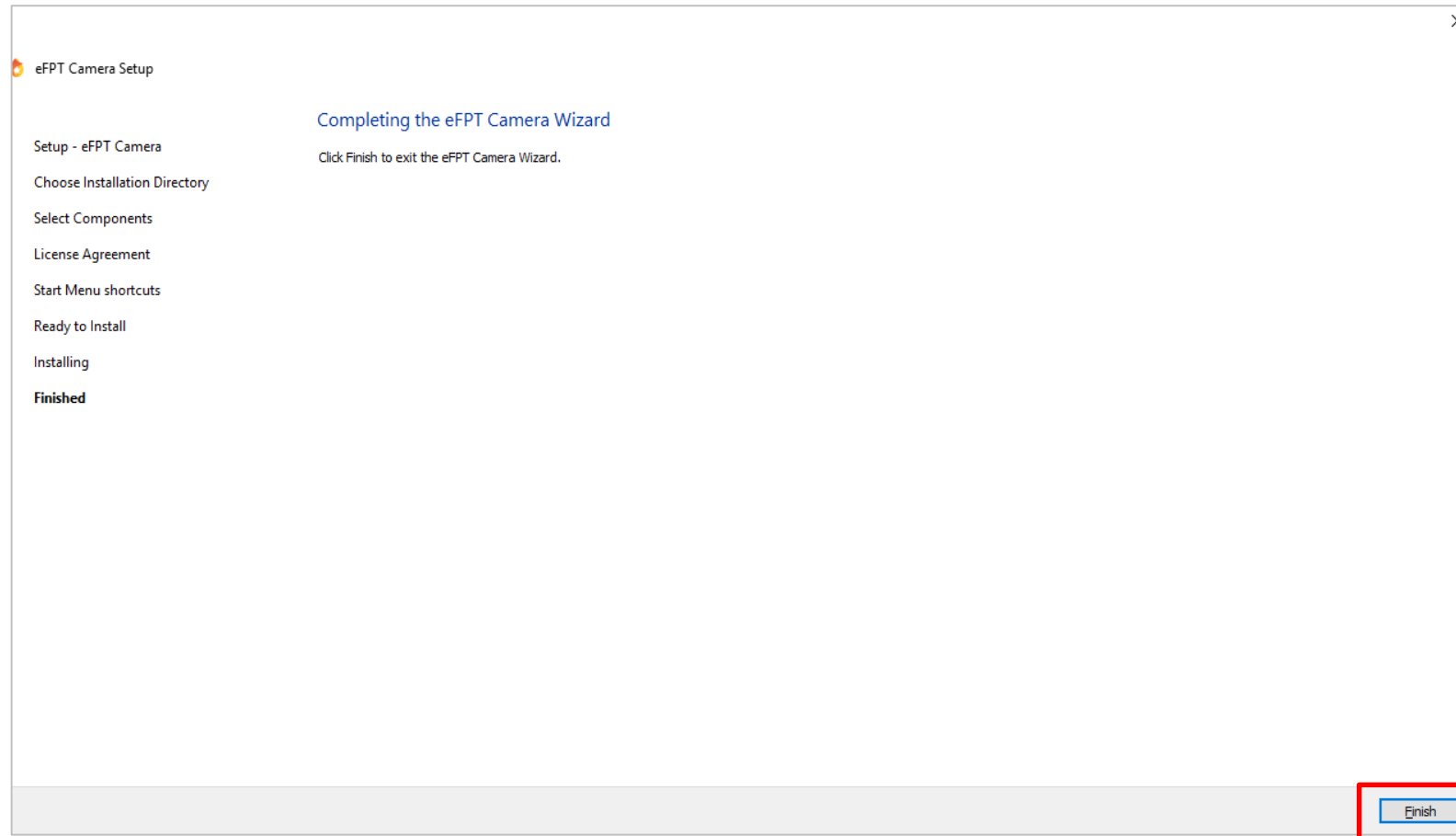


**14**  
 Chọn “**Finish**”  
 để kết thúc



## 2. Tiến trình cài đặt App

Màn hình chuẩn bị hoàn thành cài đặt App

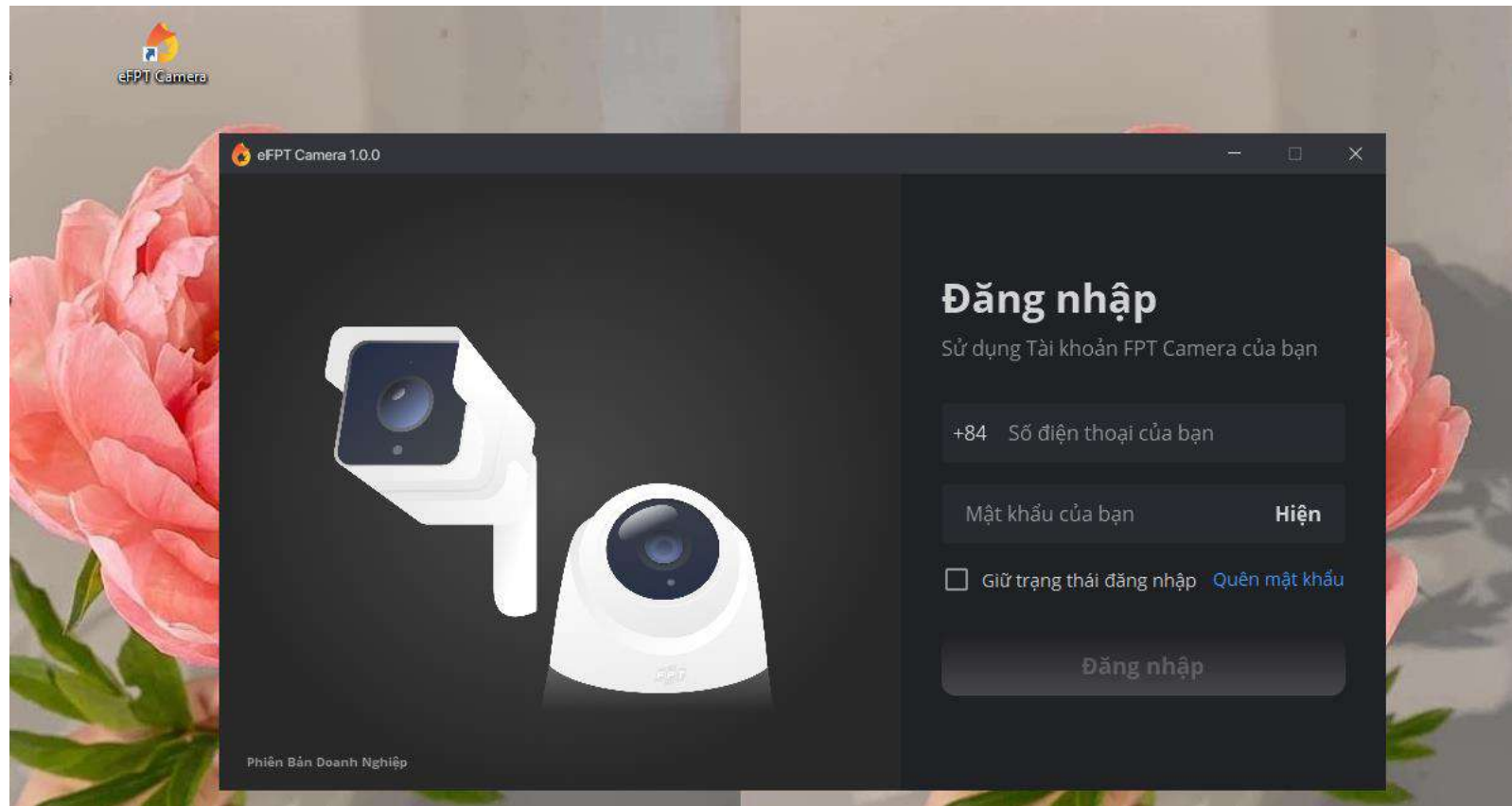


15

Chọn “**Finish**” để kết thúc tiến trình cài đặt App

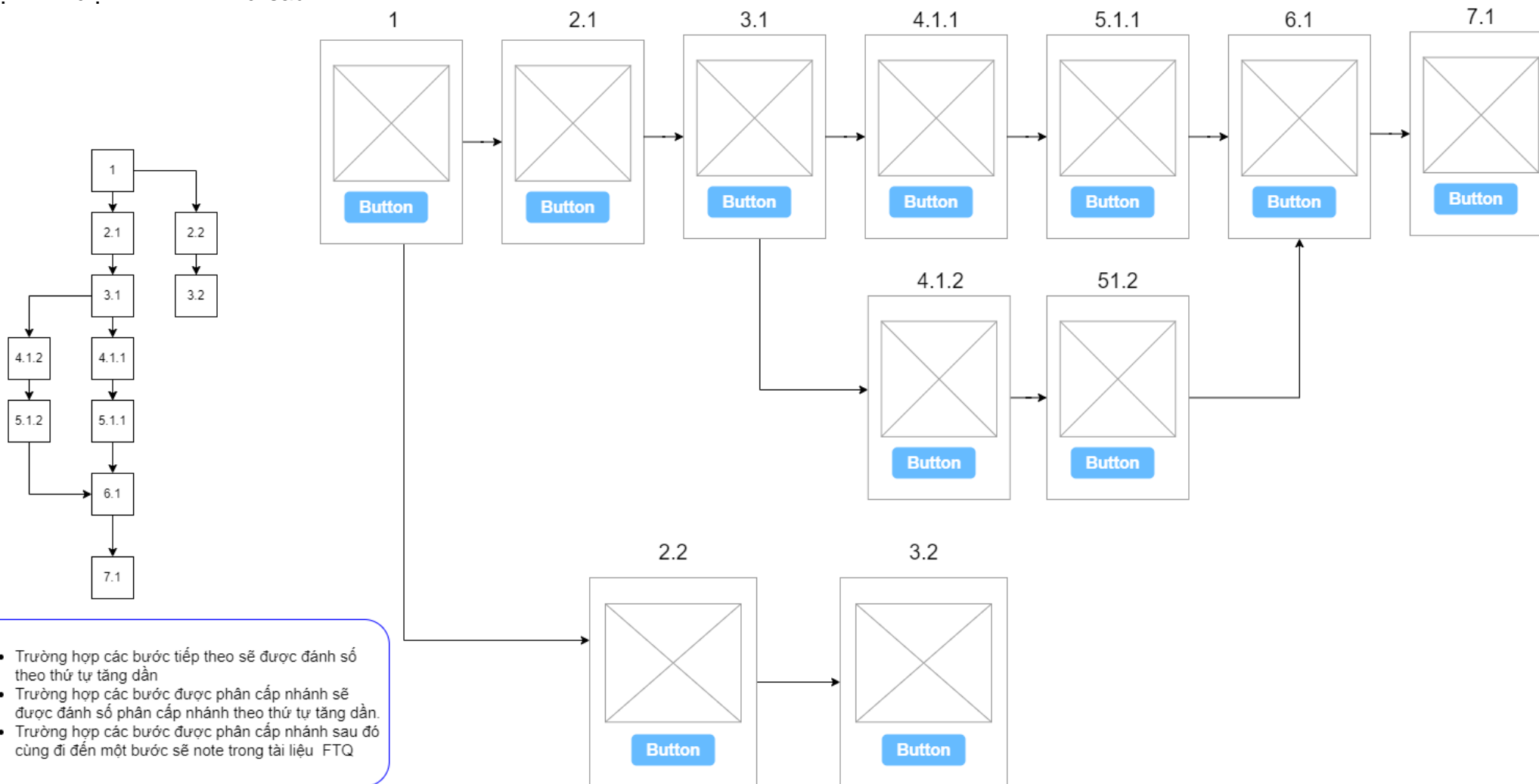
## 2. Tiến trình cài đặt App

Cài đặt App thành công



## 1. Cập nhật quy tắc đánh số bước trong tài liệu

Các mục sẽ được đánh số như sau:



## 2. Phụ lục

Phiên bản	Mục, trang, dòng liên quan	Trước khi thay đổi	Sau khi thay đổi
<b>MOBILE (ANDROID, IOS)</b>			
	Mục 3.1 từ trang 14 đến 37 (Phần I)	Hướng dẫn thêm mới và cài đặt camera	Hướng dẫn thêm mới và cài đặt camera (Update luồng setup Wi-Fi cho AP mode và Smart config cho camera có nút reset vật lý và không có nút reset vật lý.)
	Mục 6.2 từ trang 81 đến 83	Hướng dẫn xem camera	Hướng dẫn xem camera (Update xem full recording)
	Mục 22.2.6, trang 214,215	Khoảnh khắc	Khoảnh khắc (Trường hợp không phát được video.)
	Mục 26, từ trang 242 đến 255	Không có	Các chức năng Robotic.
	Mục 27, từ trang 256 đến 262	Không có	Xóa thiết bị.
	Mục 28, từ trang 263 đến 266	Không có	Quản lý thẻ nhớ.
	Mục 29, trang 267	Không có	Mở âm thanh khi phát video.
	Mục 4.1, trang 314 (Phần II) Mục 4.2, trang 315 Mục 4.3, trang 316	Hướng dẫn thêm mới và cài đặt camera	Hướng dẫn thêm mới và cài đặt camera (Update luồng setup Wi-Fi cho AP mode và Smart config cho camera có nút reset vật lý và không có nút reset vật lý)